

**Subject:** HOÀNG ĐẾ NỘI KINH LINH KHU - 黄帝内经灵枢

MỤC LỤC

- THIÊN 01: CỬU CHÂM THẬP NHỊ NGUYÊN
- THIÊN 02: BẢN DU
- THIÊN 03: TIÊU CHÂM GIẢI
- THIÊN 04: TÀ KHÍ TẠNG PHỦ BỆNH HÌNH
- THIÊN 05: CĂN KẾT
- THIÊN 06: THỌ YẾU CƯƠNG NHU
- THIÊN 07: QUAN CHÂM
- THIÊN 08: BẢN THẦN
- THIÊN 09: CHUNG THỈ
- THIÊN 10: KINH MẠCH
- THIÊN 11: KINH BIỆT
- THIÊN 12: KINH THỦY
- THIÊN 13: KINH CÂN
- THIÊN 14: CỐT ĐỘ
- THIÊN 15: NGŨ THẬP DOANH
- THIÊN 16: DOANH KHÍ
- THIÊN 17: MẠCH ĐỘ
- THIÊN 18: DOANH VỆ SINH HỘI
- THIÊN 19: TỨ THỜI KHÍ
- THIÊN 20: NGŨ TÀ
- THIÊN 21: HÀN NHIỆT BỆNH
- THIÊN 22: ĐIÊN CUÔNG
- THIÊN 23: NHIỆT BỆNH
- THIÊN 24: QUYẾT BỆNH
- THIÊN 25: BỆNH BẢN
- THIÊN 26: TẠP BỆNH
- THIÊN 27: CHU TÝ
- THIÊN 28: KHẨU VẤN
- THIÊN 29: SƯ TRUYỀN
- THIÊN 30: QUYẾT KHÍ
- THIÊN 31: TRƯỜNG VỊ
- THIÊN 32: BÌNH NHÂN TUYỆT CỐC
- THIÊN 33: HẢI LUẬN
- THIÊN 34: NGŨ LOẠN
- THIÊN 35: TRƯỚNG LUẬN
- THIÊN 36: NGŨ LUNG TÂN DỊCH BIỆT LUẬN
- THIÊN 37: NGŨ DUYỆT NGŨ SỨ
- THIÊN 39: HUYẾT LẠC LUẬN
- THIÊN 40: ÂM DƯƠNG THANH TRỌC LUẬN
- THIÊN 41: ÂM DƯƠNG HỆ NHẬT NGUYỆT LUẬN
- THIÊN 42: BỆNH TRUYỀN
- THIÊN 43: DÂM TÀ PHÁT MỘNG
- THIÊN 44: THUẬN KHÍ NHẤT NHẬT PHÂN VI TỨ THỜI
- THIÊN 45: NGOẠI SỬY
- THIÊN 46: NGŨ BIẾN
- THIÊN 47: BẢN TẠNG
- THIÊN 48: CẨM PHỤC
- THIÊN 49: NGŨ SẮC
- THIÊN 50: LUẬN DỪNG
- THIÊN 51: BỒI DU

THIÊN 52: VỆ KHÍ  
THIÊN 53: LUẬN THỐNG  
THIÊN 54: THIÊN NIÊN  
THIÊN 55: NGHỊCH THUẬN  
THIÊN 56: NGŨ VỊ  
THIÊN 57: THỦY TRUỐNG  
THIÊN 58: TẶC PHONG  
THIÊN 59: VỆ KHÍ THẮT THƯỜNG  
THIÊN 60: NGỌC BẢN  
THIÊN 61: NGŨ CẨM  
THIÊN 62: ĐỘNG DU  
THIÊN 63: NGŨ VỊ LUẬN  
THIÊN 64: ÂM DƯƠNG NHỊ THẬP NGŨ NHÂN  
THIÊN 65: NGŨ ÂM NGŨ VỊ  
THIÊN 66: BÁCH BỆNH THỈ SINH  
THIÊN 67: HÀNH CHÂM  
THIÊN 68: THƯỢNG CÁCH  
THIÊN 69: ƯU KHUẾ VÔ NGÔN  
THIÊN 70: HÀN NHIỆT  
THIÊN 71: TÀ KHÁCH  
THIÊN 72: THÔNG THIÊN  
THIÊN 73: QUAN NĂNG  
THIÊN 74: LUẬN TẬT CHÂN XÍCH  
THIÊN 75: THÍCH TIẾT CHÂN TÀ  
THIÊN 76: VỆ KHÍ HÀNH  
THIÊN 77: CỬU CUNG BÁT PHONG  
THIÊN 78: CỬU CHÂM LUẬN  
THIÊN 79: TUẾ LỘ LUẬN  
THIÊN 80: ĐẠI HOẶC LUẬN  
THIÊN 81: UNG THU

## 目录

九鍼十二原第一

本輸第二

小鍼解第三

邪氣藏府病形第四

根結第五

壽夭剛柔第六

官鍼第七

本神第八

終始第九

經脈第十

經別第十一

經水第十二

經筋第十三

骨度第十四

五十營第十五

營氣第十六

脈度第十七

營衛生會第十八

四時氣第十九

五邪第二十

寒熱病第二十一

癩狂病第二十二

熱病第二十三

厥病第二十四  
病本第二十五  
雜病第二十六  
周痺第二十七  
口問第二十八  
師傅第二十九  
決氣第三十  
腸胃第三十一  
平人絕穀第三十二  
海論第三十三  
五亂第三十四  
脹論第三十五  
五癰津液別第三十六  
五閱五使第三十七  
逆順肥瘦第三十八  
血絡論第三十九  
陰陽清濁第四十  
陰陽繫日月第四十一  
病傳第四十二  
淫邪發夢第四十三  
順氣一日分為四時第四十四  
外揣第四十五  
五變第四十六  
本藏第四十七  
禁服第四十八  
五色第四十九  
論勇第五十  
背腧第五十一  
衛氣第五十二  
論痛第五十三  
天年第五十四  
逆順第五十五  
五味第五十六  
水脹第五十七  
賊風第五十八  
衛氣失常第五十九  
玉版第六十  
五禁第六十一  
動輸第六十二  
五味論第六十三  
陰陽二十五人第六十四  
五音五味第六十五  
百病始生第六十六  
行鍼第六十七  
上膈第六十八  
憂恚無言第六十九  
寒熱第七十  
邪客第七十一  
通天第七十二  
官能第七十三  
論疾診尺第七十四  
刺節真邪第七十五

衛氣行第七十六  
九宮八風第七十七  
九鍼論第七十八  
歲露論第七十九  
大惑論第八十  
癰疽第八十一

THIÊN 1: CỬU CHÂM THẬP NHỊ NGUYÊN

Hoàng đế hỏi Kỳ Bá: "Ta xem vạn dân như con, ta nuôi dưỡng trăm họ, thu tô thuế của họ. Ta chỉ buồn là nuôi họ không đủ để rồi họ bị bệnh tật. Ta không muốn để cho họ bị uống phải độc dược, cũng không muốn dùng đá để biếm. Ta muốn dùng loại kim vi châm để thông kinh mạch cho họ, điều hòa khí huyết cho họ, làm thế nào để cho khí huyết vận hành theo nghịch hay thuận đều có chỗ hội nhau. (Những ước muốn trên) phải có cách nào có thể truyền lại cho hậu thế. Muốn truyền được ắt phải có những phương pháp rõ ràng, ắt phải đạt được kết quả cuối cùng mà không bị hủy diệt, tuy dùng lâu đời mà vẫn không bị tuyệt, dễ làm, khó quên, đáng làm khuôn mẫu có cương kỷ, tách riêng bằng những phạm vi, chương trình, phân biệt biểu và lý, có thì có chung. Biết được một cách cụ thể bệnh nào châm kim nào. Vậy trước hết phải viết ra quyển sách CHÂM KINH. Ta mong được nghe thầy trình bày rõ ràng hơn".

Kỳ Bá đáp: "Thần xin được theo thứ tự mà trình bày rộng ra, làm sao cho vấn đề có cương, có kỷ, bắt đầu ở Nhất và chấm dứt ở Cửu. Trước hết, Thần xin nói về (Châm) Đạo. Việc quan trọng trong khi sử dụng tiểu châm là dễ trình bày nhưng rất khó thực hành. Phương pháp vụng về là chỉ lo giữ về mặt hình thái (của bệnh), phương pháp khéo léo là phải lo lưu ý đến thần khí. Thần u! Thần và khách đều gặp nhau ở cửa của các kinh. Chưa thấy được bệnh ở đâu, làm sao biết được nguyên gốc của bệnh?. Sự vi diệu của phép châm là ở chỗ nhanh hay chậm. Phương pháp vụng về là chỉ lo giữ lấy tứ chi, phương pháp khéo léo là lo giữ cơ. Khi nói đến cái động của cơ là ý nói người châm không được rời sự chú ý của mình đối với huyết khí.

Cơ của huyết khí vận hành một cách thanh tĩnh, cho nên chúng ta phải chú ý một cách tinh vi. Không nên đón gặp khi nó đến, không nên rượt theo khi nó ra đi. Người biết được con đường vận hành của cơ thì không dễ sai sót dù là việc nhỏ bằng một sợi tóc. Người không biết con đường vận hành của cơ thì dù có đánh vào nó, nó cũng không phát ra vậy. Biết được con đường vắng lai của khí thì sẽ biết được lúc nào có thể thủ huyết để châm. Thực là tối tăm thay không những kẻ không biết được (sự vi diệu của cơ)!. Thực là khéo léo thay người nào hiểu rõ châm ý đó. Khí vắng gọi là nghịch, khí lai gọi là thuận. Biết được sự thuận hay nghịch thì sẽ thực hành việc châm bằng con đường chính đạo, không còn thắc mắc gì nữa!.

Khí nghịch mà chúng ta dùng phép đoạt, làm sao tránh khỏi sẽ gây cho khí bị hu thêm?. (Khí khí đã ra đi) mà ta rượt theo để thêm cho nó, làm sao tránh khỏi gây cho khí bị thực thêm?. Phép châm theo đúng "nghênh, tùy", lấy ý để điều hòa nó. Được vậy thì đạo của phép châm mới tròn vẹn vậy". Phạm khi dụng châm: hu thì áp dụng phép châm thực, mãn thì áp dụng phép châm tiết. Khi tà khí bị tích tàng lâu ngày thì phải trừ đi, khi tà khí thắng thì phải áp dụng phép châm hu. Thiên "Đại Yếu" nói rằng: Châm theo phép "chậm rồi nhanh" gọi là châm thực. Châm theo phép "nhanh rồi chậm" gọi là châm hu. Khi nói đến "thực và hu" là muốn nói đến một cái gì như "có", như "không có". Khi nói đến "xét sau và trước" là muốn nói đến một cái gì như "còn" như "mất". Khi nói đến "hu và thực" là muốn nói đến một cái gì như "được", như "mất". Việc trị hu và thực rất quan trọng, dùng phép 'Cửu châm' là hay nhất, nhưng phải đợi đúng thời thích hợp cho việc bổ hoặc tả để mà châm.

Khi dùng phép tả, tức là dùng phép "nghênh chi", "nghênh chi" có nghĩa là bắt buộc kim phải được nắm cho chắc, và bên trong phải thật bén nhọn. Đợi lúc khí đến thì phải rút kim thật nhanh và ấn phải thật chậm, nhờ đó có thể mở được con đường dương đạo giúp cho tà khí tiết ra ngoài. Khi rút kim ra (trong phép tả) mà ấn huyết, như vậy sẽ làm cho tà khí bị đẩy trở vào và chắt chứa bên trong, huyết sẽ không tán được, khí sẽ không xuất được.

Khi dùng phép bổ, tức là dùng phép "tùy chi". "Tùy chi" có nghĩa là phải làm sao cho người bệnh ít bị kích thích, giống như không có chuyện gì xảy ra, giống như đang châm, đang dùng (tiến hành thật chậm), giống như con muỗi đang đậu lên, giống như

đang giữ lại, đang lấy về. Khi rút kim ra phải thật nhanh như dây đàn bị đứt, vừa làm công việc bên tả, lại lo việc bên hữu, như vậy khí sẽ bị dừng lại, cửa ngoài bị đã bị bế thì khí bên trong mới thực. Điều quan trọng là không làm cho huyết bị lưu giữ (bên trong). Nếu huyết bị lưu giữ, phải châm xuất cho thật nhanh.

Đạo giữ kim phải giữ cho vững mới thật quý, ngay thẳng như ngón tay châm thẳng xuống, không nên nghiêng tả hoặc nghiêng hữu. (Phép giữ) thần khí (phải tinh vi) chính xác như sợi lông mùa thu, phải theo dõi kỹ lưỡng tình trạng bệnh của bệnh nhân. Xét kỹ, xem kỹ huyết mạch, khi châm vào sẽ không còn lo lắng. Trong lúc vừa châm xong, việc theo dõi thần khí là quan trọng nhất, sau đó là để ý đến vệ khí (tại biểu) và tỳ khí (tại tạng phủ). Nếu thần khí còn, chưa mất thì mới có thể đoán được bệnh sống hay chết. Huyết mạch liên lạc chiều ngang với các kinh du, phải nhìn rõ một cách sáng suốt, phải trừ bỏ nó một cách vững vàng.

Tên gọi của 9 loại kim châm, mỗi loại đều có hình dáng khác nhau. Một gọi là Sàm châm, dài 1 thốn 6 phân; Hai gọi là Viên châm, dài 1 thốn 6 phân; Ba gọi là Đề châm, dài 3 thốn rưỡi; Bốn gọi là Phong châm, dài 1 thốn 6 phân; Năm gọi là Phi châm, dài 4 thốn, rộng 2 phân rưỡi; Sáu gọi là Viên lợi châm, dài 1 thốn 6 phân; Bảy gọi là Hào châm, dài 3 thốn 6 phân; Tám gọi là Trường châm, dài 7 thốn; Chín gọi là Đại châm, dài 4 thốn.

Sàm châm đầu to mũi nhọn, dùng làm tiết tả dương khí. Viên châm mũi hình như quả trứng, dùng như để xoa chùi trong khoảng phận nhục, không để cho thương tổn phần cơ nhục, dùng để châm cho khí ở giữa khoảng phận nhục tiết ra. Đề châm nhọn như mũi nhọn của hạt lúa thừ, chủ về việc ấn lên mạch không cho bị hãm vào, nhằm làm cho kim tiếp xúc được với khí. Phong châm là loại kim 3 mặt có cạnh sắc, dùng để phát tiết tả khí, trừ cổ tật. Phi châm là loại kim thân và mũi nhọn như lưỡi kiếm, dùng để châm lấy mù. Viên lợi châm to như sợi lông dài, vừa tròn vừa nhọn, giữa thân hơi to ra, dùng để châm lấy bạo khí. Hào châm mũi nhọn như mũi con muỗi, khi châm thì khí sẽ đến một cách yên tĩnh, chậm chạp và nhẹ nhàng cho nên có thể lưu kim thật lâu nhằm dưỡng chính khí và trừ được tả khí đã gây nên chứng thống tý. Trường châm mũi nhọn mà thân mỏng, có thể dùng để lấy khí tý ở xa. Đại châm hình như cây côn mũi nhọn, phần mũi nhỏ, tròn, dùng để tả thủy ở các nơi quan tiết. Cừu châm đến đây là hết".

Ôi ! khí ở tại mạch: tả khí trúng thì ở trên, trọc khí trúng thì ở giữa, thanh khí trúng thì ở dưới. Cho nên châm vào hãm mạch thì tả khí bị xuất rất, châm vào trung mạch thì trọc khí xuất ra, châm vào quá sâu thì tả khí ngược lại, trầm xuống, bệnh càng nặng hơn. Cho nên nói rằng: Bì, phu, cân, mạch, mỗi bộ phận đều có chỗ "xú: ở" của nó, còn các bệnh đều có chỗ "tạm trú" của nó. Tất cả đều biểu hiện không giống nhau và đều có vai trò riêng của nó, không thể quy định đâu là thực đâu là hư. Nếu ta bớt đi cái "bất túc" để thêm vào cho cái:hữu dư" thì đó gọi là làm cho bệnh nặng hơn [67]. Bệnh càng nặng, nếu châm vào các du huyết của ngũ tạng thì sẽ chết, nếu châm vào mạch của tam dương thì sẽ làm cho tình trạng suy kiệt hơn. Châm "đoạt âm" thì phải chết, châm "đoạt dương" thì sẽ cuồng. Sự hại của việc châm trị như vậy là rất đầy đủ rồi vậy.

Khi châm mà khí chưa đến thì không thể kể đến bao lâu. Khi châm mà khí đã đến thì thôi, không nên châm tiếp trở lại. Phép châm có những nguyên tắc thích hợp, có những cách châm không giống nhau, có những phép châm tùy theo bệnh, đó là những điểm quan trọng của phép châm. Khi nào khí đến đó là châm có kết quả tốt. Dấu hiệu của kết quả tốt ví như gió thổi tan đám mây che, sẽ sáng tỏ như thấy được trời xanh. Đạo của việc châm như vậy là đầy đủ rồi vậy.

Hoàng Đế nói: "Ta mong nghe được trình bày về nơi xuất ra của ngũ tạng, lục phủ". Kỳ Bá đáp : "Ngũ tạng có ngũ du, ngũ ngũ là nhị thập ngũ du. Lục phủ có lục du, lục lục là tam thập lục du. Kinh mạch có thập nhị, lạc mạch có thập ngũ, tất cả là nhị thập thất khí, nhằm để (làm đường) đi lên và đi xuống.

Chỗ xuất ra gọi là huyết Tinh. Chỗ lưu gọi là Vinh. Chỗ chú gọi là Du. Chỗ hành gọi là Kinh. Chỗ nhập gọi là Hợp. Con đường vận hành của nhị thập thất khí đều ở ngũ du huyết vậy.

Chỗ giao nhau của tiết có tam bách lục thập ngũ (365) hội. Nếu biết được chỗ quan yếu của nó thì có thể dùng một lời nói mà hiểu được tất cả. Nếu không biết chỗ quan yếu của nó thì sẽ hiểu một cách lưu tán vô cùng. Cái gọi là tiết, chính là nơi du hành, xuất nhập của thần khí, nó không phải là cái thuộc bì, nhục, cân, cốt vậy".

Quan cái sắc, sát đôi mắt, sẽ biết được bệnh đã hết hay còn trở lại. (Người thầy thuốc) phải chuyên chú vào tâm của mình, vào bệnh hình của bệnh nhân, phải theo dõi sát tình huống động hay tĩnh của bệnh, phải luận đúng về tà phong hay chính phong. Tay mặt đẩy kim vào, tay trái nắm vững kim để giữ gìn cẩn thận, khi nào khí đến thì rút kim ra.

Phàm trong phép dụng châm, trước hết nên chẩn mạch, phải xét thần khí xem tình trạng nguy kịch hay đang bình thường rồi mới trị.

Khí khí của ngũ tạng bị tuyệt bên ngoài, nếu ta dùng phép châm ngược lại, sẽ làm cho bên trong thêm thực, đó gọi là nghịch quyết. Bị nghịch quyết thì phải chết, khi chết thì ở tình trạng sao động, đó là vì người dùng phép châm trị đã châm theo lỗi tứ mặt.

Cái hại của việc châm, đó là châm trúng khí mà chưa chịu rút kim ra, như vậy sẽ làm cho tinh khí bị tiết ra ngoài, hoặc châm chưa trúng khí mà đã rút kim ra, sẽ làm cho khí huyết bị tích trệ. Tinh khí bị tiết thì bệnh sẽ nặng và suy tàn. Khí huyết bị tích trệ sẽ gây thành bệnh ung và nhọt.

Ngũ tạng có lục phủ, lục phủ có thập nhị Nguyên. Thập nhị Nguyên đều xuất ra ở tứ quan. Tứ quan chủ trị ngũ tạng. Ngũ tạng có bệnh nên thủ huyết của thập nhị Nguyên. Thập nhị Nguyên là nơi mà ngũ tạng bám thụ "khí vị" của 365 tiết. Ngũ tạng có bệnh phải xuất ra ở thập nhị Nguyên. Thập nhị Nguyên đều có chỗ xuất của nó. Nếu chúng ta biết rõ các Nguyên huyết, và chúng ta thấy được những biến ứng của nó thì chúng ta sẽ biết được tình trạng bị hại (bệnh) của ngũ tạng vậy.

Phế thuộc Thiếu âm trong Dương, huyết Nguyên của nó xuất ra ở huyết Thái uyên, có 2 huyết. Tâm thuộc Thái dương trong dương, Nguyên của nó xuất ra ở huyết Đại Lăng, Đại Lăng có 2 huyết. Can thuộc Thiếu dương trong Âm, huyết Nguyên của nó xuất ra ở huyết Thái Xung, Thái Xung có 2 huyết. Tỳ thuộc Chí âm trong Âm, huyết Nguyên của nó xuất ra ở huyết Thái Bạch, Thái Bạch có 2 huyết. Thận thuộc Thái âm trong Âm, huyết Nguyên của nó xuất ra ở huyết Thái Khê, Thái Khê có 2 huyết. Huyết Nguyên của Cao xuất ra ở huyết Cưu Vĩ, Cưu Vĩ có 1 huyết. Huyết Nguyên của Hoang xuất ra ở huyết Bột Ương, Bột Ương có 1 huyết. Phàm tất cả thập nhị Nguyên chủ trị về bệnh của ngũ tạng và lục phủ vậy.

Bệnh trưởng thì thủ huyết của các kinh tam Dương, bệnh tiêu chảy thì thủ các huyết của các kinh tam Âm.

Nay ngũ tạng có bệnh, thí dụ như đang có 1 cái gì cầm dính vào, như đang có 1 cái gì dơ bẩn, như đang có 1 cái gì kết tụ lại, như đang có 1 cái gì bế tắc.

Cái gì "cầm dính vào" ấy, tuy dính lâu, vẫn có thể nhỏ lên được, cái gì "dơ bẩn" ấy, tuy dơ lâu, vẫn có thể rửa sạch được, cái gì "kết tụ" ấy, tuy kết lâu, vẫn có thể cởi mở được, cái gì "bế tắc" ấy, tuy bế lâu, vẫn có thể khai ngòi cho thoát được.

Nay nếu có người cho rằng bệnh lâu, không thể thủ huyết để chữa trị, lời nói ấy sai.

Ôi! Người khéo dụng châm, khi thủ huyết để trị bệnh, phải giống như một người đang làm công tác "nhỏ một vật đang cầm dính vào", đang "rửa sạch một vật đang dơ bẩn", đang "cởi mở một vật đang kết tụ", đang "khai ngòi một vật đang bế tắc". Bệnh tuy đã lâu, nhưng vẫn có thể trị được. Người nào bảo rằng không trị được, đó là vì họ chưa nắm được (châm) thuật mà thôi.

Khi châm về nhiệt, phải như người đang thọc tay vào nước canh nóng. Khi châm về hàn, phải như có người đang bịn rịn không muốn ra đi. Nếu ở âm phận mà có bệnh thuộc về dương, phải thủ huyết hạ lăng tam lý. Phải chăm chú một cách đúng đắn, không được luôi biếng, cho đến khi tà khí thoát hết mới thôi. Nếu chưa thoát hết phải châm trở lại. Bệnh ở phần trên xâm nhập vào thì phải thủ huyết Âm lăng tuyền. Bệnh ở phần trên, xuất ra ngoài thì nên thủ huyết Dương lăng tuyền.

## 九针十二原第一法天

黄帝问于岐伯曰：余子万民，养百姓，而收其租税。余哀其不给，而属有疾病。余歌勿使被毒药，无用随石，欲以微针通其经脉，调其血气，营其逆顺出入之会。令可传于后世，必明为之法，令终而不灭，久而不绝，易用难忘，为之经纪。异其章，别其表里，为之终始，令各有形，先立针经，愿闻其情。岐伯答曰：臣请推而次之，令有纲纪，始于一，终于九焉，请言其道。小②针之要，易陈而难入，粗守形，上守神，神乎神，客在门，未睹其疾，恶知其原。刺之微，在速迟，粗守关，上守机，机之动，不离其空，空中之机，清静而微，其来不可送，其往不可追。知机之道者，不可挂以发，不知机道，叩之不发，知其往来，要与之期，粗之暗乎，妙哉工独有之。往者为逆，来者为顺，明知

逆顺，正行无问。逆而夺之，恶得无虚，退而济之，恶得无实，迎之随之，以意和之，针道毕矣。凡用针者，虚则实之，满则泄之，宛陈则除之，邪胜则虚之。位要油：徐而疾则实，疾而徐则虚。言实与虚，若有若无，察后与先，若存若亡，为虚与实，若得若失。虚实之要，九外最妙，补泻之时，以针为之。泻曰：必持内之，放而出之，排阳得针，邪气得泄。按而引针，是谓内温，血不得散，气不得出也。补曰随之，随之意若妄之，若行若按，如蚊虻止，如留如还，去如弦绝，令左属右，其气故止，外门已闭，中气乃实，必无留血，急取诛之。持针之道，坚者为宝，正指直刺，无针左右，神在秋毫，属意病者，审视血脉者，刺之无殆。方刺之时，必在是阳，及与两卫，神属勿去，知病存亡。血脉者，在脑横居，现之独澄，切之独坚。九针之名，各不同形：一日錡针，长一寸六分；二日员针，长一寸六分；三日胆针，长三寸半；四日锋针，长一寸六分；五日被针，长四寸，广二分半；六日员利针，长一寸六分；七日毫针，长三②寸六分；八日长针，长七寸；九日大针，长四寸。镜针者，头大本锐，去泻阳气。员针者，针④如卵形，指摩分间，不得伤肌肉，以泻分气。①卷之一：原作“黄帝素问灵枢经卷之一”。下同。②小：《甲乙经排“夫”》。③三：拥已经译“一”。④针：《太累·九针所生》杨注悵“锋”0116很针者，锋如黍粟之锐，主按脉勿陷，以致其气。锋针者，刃三隅，以发病疾。彼外考，未如剑锋，以取大脓。员利针者，大如是，且员且锐，中身微大，以取暴气。毫针者，尖如蚊虻呼，静以徐往，微以久留之而养，以取痛痹。长针者，锋利身薄，可以取远痹。大外者，尖如检，其锋微员，以泻机关之水也。九针毕矣。夫气之在脉也，邪气在上，浊气在中，清气在下。故针陷脉则邪气出，针中脉则浊气出，针太深则邪气反沉，病益。故曰：皮肉筋脉各有所处，病各有所直，各不同形，各以任其所直。无实无虚，损不足而益有余，是谓重①病，病益甚。取五脉者死，取三脉者偃；夺阴者死，夺阳者狂，针害毕矣。刺之而气不至，无问其数；刺之而气至，乃去之，勿复针。针各有所直，各不同形，各任其所为。刺之要，气至而有效，效之信，若风之吹云，明乎若见苍天，刺之道毕矣。黄帝曰：愿闻五藏六府所出之处。岐伯曰：五藏五脑，五五二十五航；六府六份，六六三十六偷。经脉十二，络脉十五，凡二十七气以上下，所出为井，所渴为荣，所注为辅，所行为经，所入②为合，二十七气所行，皆在五胞也。节之交，三百六十五会，知其要者，一言而终，不知其要，流散无穷，所言节者，神气之所游行出入也，非皮肉筋骨也。睹其色，察其目，知其散复；一其形，听其动静，知其邪正。右主推之，左持而御之，气至而去之。凡将用针，必先诊脉，视气之剧易，乃可以治也。五藏之气已绝于内，而用外者反实其外，是谓重竭，重竭必死，其死也静，治之者辄反其气，取腋与膺；五藏之气已绝于外，而用针者反实其内，是谓逆厥，逆厥则必死，其死也躁，治之者，反取四末。刺之害，中而不去，则精泄；害中而去，则致气。精泄则病益甚而偃，致气则生为痈疡。五藏有六府，六府有十二原，十二原出于四关，四关主治五藏。五藏有疾，当取之十二原，十二原者，五藏之所以禀三百六十五节气味也。五藏有疾也，应出十二原，而③原各有所出，明知其原，睹其应，而知五藏之害矣。阳中之少阴，肺也，其原出于太渊，太渊二。阳中之太阳，心也，其原出于大陵，大陵二。明中之少阴，肝也，其原出于太冲，太冲二。阴中之至阴，脾也，其原出于太白，太白二。阴中之大阴，肾也，其原出于太溪，太溪二。膏之原，出于鸠尾，鸡尾一。盲之原，出于腓肌腓取一。凡此十二原者，主治五藏六府之有疾者也。胀取三阳，准地取三明。今夫五藏之有疾也，譬犹刺也，犹污也，犹结也，犹团也。刺虽久，犹可拔也；污虽久，犹可雪也；结虽久，犹可解也；团虽久，犹可决也。或言久疾之不可取者，非其说也。夫善用针者，取其疾也，犹拔刺也，犹雪行也，犹①重：原作“甚”，据拥乙经》改。②人：原作“以”，据牌乙经)刚素问·咳论征注5；根树文改。③而：原作“二”，揭牌已经》改。117解结也，犹决团也。疾虽久，犹可毕也。言不可治者，未得其术也。刺话热者，如以手探汤；刺寒清者，如人不欲行。阴有阳疾者；取之下陵三里，正往无殆，气下乃止，不下复始也。疾高而内者，取之阴之陵泉；疾病而外者，取之阳之陵泉也。

## THIÊN 2: BẢN DU

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Phạm Đạo của việc châm (thích), ắt phải thông chỗ chung thì của “thập nhị kinh lạc”, chỗ ở riêng biệt của lạc mạch, vị trí của ngũ du huyết, chỗ “hợp” của lục phủ, chỗ “xuất nhập” của tứ thời, chỗ “trôi chảy” của ngũ tạng, mức độ rộng hẹp, tình trạng sâu cạn, con đường mà mạch khí đi từ trên cao xuống thấp. Ta mong được nghe lời giảng giải về vấn đề đó” [1].

Phế (khí) xuất ra ở huyết Thiếu Thương, Huyết Thiếu Thương nằm ở mép ngoài đầu ngón tay cái, thuộc Tĩnh Mộc [2]. Nó “luu” vào huyết Ngự Tế, Huyết Ngự Tế nằm ở chỗ giống hình con cá trên lòng bàn tay, thuộc huyết Huỳnh [3]. Nó “chú” vào huyết Đại (Thái) Uyên; Huyết Đại Uyên nằm ở sau huyết Ngự Tế 1 thốn, ở giữa chỗ lõm vào, thuộc huyết Du [4]. Nó “hành” vào huyết Kinh Cù, Huyết Kinh Cù nằm ở giữa Thốn khẩu, động mà không ngừng lại, thuộc huyết Kinh [5]. Nó “nhập” vào huyết Xích Trạch, Huyết Xích Trạch nằm ở động mạch giữakhuyết tay, thuộc huyết Hợp [6]. (Tất cả) đều chạy trên Thủ Thái âm kinh [7].

Tâm (khí) xuất ra ở huyết Trung Xung, huyết Trung Xung nằm ở đầu ngón tay giữa, thuộc Tĩnh mộc [8]. Nó “luu” vào huyết Lao Cung, huyết Lao Cung nằm ở khoảng giữa ngay gốc khớp (bản tiết) của ngón giữa ở giữa lòng bàn tay, thuộc huyết Huỳnh [9]. Nó “chú”

vào huyết Đại Lăng nằm ở chỗ thấp xuống giữa hai đầu xương sau bàn tay, thuộc huyết Du [10]. Nó "hành" ở huyết Gian Sứ, đường đi của Gian Sứ nằm ở ngay nơi cách (cổ tay) 3 thốn, giữa hai đường gân - Khi nào có bệnh thì mạch nó đến, khi nào không bệnh thì ngưng, thuộc huyết Kinh [11]. Nó "nhập" vào huyết Khúc Trạch, huyết Khúc Trạch nằm ở chỗ lõm vào của mép trong cánh chỏ, co tay lại để thủ huyết, thuộc huyết Hợp [12]. (Tất cả) đều chạy trên đường Thủ Thiếu âm [13].

Can (khí) xuất ra ở huyết Đại Đôn, huyết Đại Đôn nằm ở ngay đầu ngón chân và nơi chùm 3 sợi lông (tam mao), thuộc huyết Tinh Mộc [14]. Nó "luu" vào huyết Hành Gian, huyết Hành Gian nằm ở khe ngón chân cái, thuộc huyết Huỳnh [15]. Nó "chú" vào huyết Đại (Thái) Xung, huyết Đại Xung nằm ở chỗ lõm vào cách huyết Hành Gian 2 thốn, thuộc huyết Du [16]. Nó "hành" vào huyết Trung Phong, huyết Trung Phong nằm ở chỗ lõm vào trước mắt cá trong 1 thốn rưỡi - Nếu châm nghịch thì bị uất, nếu châm hòa thì được thông. Nên co duỗi bàn chân để thủ được huyết, huyết này thuộc huyết Kinh [17]. Nó "nhập" vào huyết Khúc Tuyên nằm ở trên gân lớn, dưới lồi cầu trong xương đùi - Nên co gối để thủ huyết, thuộc huyết Hợp [18]. (Tất cả) chạy trên đường Túc Quyết âm kinh [19].

Tỳ (khí) xuất ra ở huyết Ân Bạch, huyết Ân Bạch nằm ở mép trong đầu ngón chân cái, thuộc huyết Tinh Mộc [20]. Nó "luu" vào huyết Đại Đô, huyết Đại Đô nằm ở chỗ lõm vào và chỗ sau bàn tiết, thuộc huyết Huỳnh [21]. Nó "chú" vào huyết Thái Bạch, huyết Thái Bạch nằm ở dưới xương mé trong bàn chân, thuộc huyết Du [22]. Nó "hành" vào huyết Thương Khâu, huyết Thương Khâu nằm ở chỗ lõm vào, nhích về phía dưới mắt cá trong, thuộc Kinh [23]. Nó "nhập" vào huyết Lăng Tuyên thuộc Âm, huyết Lăng Tuyên thuộc Âm nằm ở chỗ lõm vào của phía dưới xương ống chân (phụ cốt) - duỗi chân ra để thủ huyết, thuộc huyết Hợp [24]. (Tất cả) đều chạy trên đường Túc Thái âm kinh [25].

Thận (khí) xuất ra ở huyết Dũng Tuyên, huyết Dũng Tuyên nằm ở giữa lòng bàn chân, thuộc huyết Tinh Mộc [26]. Nó "luu" vào huyết Nhiên Cốc, huyết Nhiên Cốc nằm dưới xương nhiên cốt, thuộc huyết Huỳnh [27]. Nó "chú" vào huyết Thái Khê, huyết Thái Khê nằm ở chỗ lõm vào của trên xương gót và sau mắt cá trong, thuộc huyết Du [28]. Nó "hành" vào huyết Phục Lưu, huyết Phục Lưu nằm ở trên mắt cá trong 2 thốn - động mà không ngừng nghỉ, thuộc huyết Kinh [29]. Nó "nhập" vào huyết Âm Cốc, huyết Âm Cốc nằm sau xương phụ cốt, dưới gân lớn, trên gân nhỏ, ấn tay vào thấy mạch ứng với tay - Co gối lại để thủ huyết - thuộc huyết Hợp [30]. (tất cả) nằm trên đường Túc Thiếu âm kinh [31].

Bàng quang (khí) xuất ra ở huyết Chí Âm, huyết Chí Âm nằm ở đầu ngón chân út, thuộc huyết Tinh kim [32]. Nó "luu" vào huyết Thông Cốc, huyết Thông Cốc nằm ở mép ngoài của xương bàn tiết, thuộc huyết Huỳnh [33]. Nó "chú" vào huyết Thúc Cốt, huyết Thúc Cốt nằm ở chỗ lõm ngoài sau xương bàn tiết, thuộc huyết Du [34]. Nó "quá" nơi huyết Kinh Cốt, huyết Kinh Cốt nằm ở dưới xương to phía ngoài của chân, thuộc huyết Nguyên [35]. Nó "hành" vào huyết Côn Lôn, huyết Côn Lôn nằm ở sau mắt cá ngoài, trên xương gót, thuộc huyết Kinh [36]. Nó "nhập" vào huyết Ủy Trung, huyết Ủy Trung nằm ở giữa khoeo chân (quắc trung ương), thuộc huyết Hợp - co chân lại để thủ huyết [37]. (Tất cả) nằm trên Túc Thái dương kinh [38].

Đờm (khí) xuất ra ở huyết Khiếu Âm, huyết Khiếu Âm nằm ở đầu ngón áp út phía ngón út, thuộc huyết Tinh kim [39]. Nó "luu" vào huyết Hiệp Khê, huyết Hiệp Khê nằm ở khe chân của ngón út và áp út, thuộc huyết Huỳnh [40]. Nó "chú" vào huyết Lâm Khấp, huyết Lâm Khấp nằm ở chỗ lõm, cách trên (huyết Hiệp Khê) 1 thốn rưỡi, thuộc huyết Du [41]. Nó "quá" nơi huyết Khâu Khu, huyết Khâu Khu nằm ở chỗ lõm, trước dưới mắt cá ngoài, thuộc huyết Nguyên [42]. Nó "hành" vào huyết Dương Phụ, huyết Dương Phụ nằm trên mắt cá ngoài, nằm trước xương phụ cốt và ở đầu xương tủy cốt, thuộc huyết Kinh [43]. Nó "nhập" vào huyết Lăng tuyên thuộc Dương, huyết Lăng tuyên thuộc Dương nằm ở chỗ lõm, phía ngoài đầu gối, thuộc huyết Hợp - duỗi chân ra để thủ huyết [44]. (Tất cả) đều nằm trên đường Túc Thiếu dương kinh [45].

Vị (khí) xuất ra ở huyết Lệ Đồi, huyết Lệ Đồi nằm ở đầu ngón chân trở gần ngón chân cái, thuộc huyết Tinh kim [46]. Nó "luu" vào huyết Nội Đỉnh, huyết Nội Đỉnh nằm ở khe của phía ngoài ngón chân trở, thuộc huyết Huỳnh [47]. Nó "chú" vào huyết Hãm Cốc, huyết Hãm Cốc nằm ở khe trên ngón giữa, chỗ lõm phía trên (huyết Nội đỉnh) 2 thốn, thuộc huyết Du [48]. Nó "quá" nơi huyết Xung Dương, huyết Xung Dương nằm ở chỗ lõm, từ nơi bàn chân (ngón chân) lên trên 5 thốn, thuộc huyết Nguyên - Dao động (bàn) chân để thủ huyết [49]. Nó "hành" vào huyết Giải Khê, huyết Giải Khê nằm trên huyết Xung



Dương 1 thốn rưỡi, thuộc huyết Kinh [50]. Nó "nhập" vào huyết Hạ Lăng, huyết Hạ Lăng nằm dưới đầu gối 3 thốn, phía ngoài xương ống chân, đó là huyết Tam Lý, thuộc huyết Hợp [51]. Lại đi xuống dưới huyết Tam Lý 3 thốn là huyết Cự Hu Thượng Liêm [52]. Lại đi xuống dưới huyết Cự Hu Thượng Liêm 3 thốn nữa là huyết Cự Hu Hạ Liêm [53]. Đại trường thuộc thượng, Tiểu trường thuộc phía dưới (hạ), đều là mạch khí của túc Dương minh Vị [54]. Đại trường và Tiểu trường đều thuộc vào Vị nên đều (có ảnh hưởng với) Túc Dương minh vậy [55].

Tam tiêu (khí) lên trên hợp với Thủ Thiếu dương, và xuất ra ở huyết Quan Xung, huyết Quan Xung nằm ở đầu ngón tay áp út, về phía ngón út, thuộc huyết Tinh Kim [56]. Nó "luu" vào huyết Dịch Môn, huyết Dịch Môn nằm ở trong khe giữa ngón áp út, thuộc huyết Huỳnh [57]. Nó "chú" vào huyết Trung Chử, huyết Trung Chử nằm ở chỗ lõm ngoài sau xương bản tiết, thuộc huyết Du [58]. Nó "quá" nơi huyết Dương Trì, huyết Dương Trì nằm ở chỗ lõm của cổ tay, thuộc huyết Nguyên [59]. Nó "hành" vào huyết Chi Câu, huyết Chi Câu nằm ở chỗ lõm vào giữa hai xương, cách cổ tay ba thốn, thuộc huyết Kinh [60]. Nó "nhập" vào huyết Thiên Tinh, huyết Thiên Tinh nằm ở chỗ lõm ngay trên đầu xương mép ngoài khủy tay, thuộc huyết Hợp - co cánh chỏ lại để thủ huyết [61].

Huyết hạ du của Tam tiêu nằm ở trước ngón chân cái và sau kinh Thiếu dương, xuất ra ở kheo chân ở mép ngoài, gọi là huyết Ủy dương, đó là huyết lạc của kinh Thái dương [62]. (Tất cả) các huyết trên đều nằm trên Thủ Thiếu dương kinh [63].

Kinh Tam tiêu đặt dưới sự lãnh đạo của Túc Thiếu dương và Thái âm, là biệt mạch của kinh Thái dương, nó lên khỏi mắt cá năm thốn rồi biệt nhập xuyên qua "bắp chuối" chân, ra ở huyết Ủy Dương, tức là cùng với chi biệt (chính) của kinh Bàng quang nhập vào chỗ nếp nhăn để lạc với kinh Bàng quang [64].

Hạ tiêu bị thực thì bị chứng lung bế (bí tiểu), hư thì bệnh đái dầm [65]. Bị bệnh đái dầm thì nên châm bổ, bị bệnh lung bế thì nên châm tả [66].

Kinh Thủ Thái dương Tiểu trường (khí) lên trên hợp với với kinh Thiếu dương, xuất ra ở huyết Thiếu Trạch, huyết Thiếu Trạch nằm ở đầu ngón tay út, thuộc huyết Tinh Kim [67]. Nó "luu" vào huyết Tiên Cốc, huyết Tiên Cốc nằm ở mép ngoài bàn tay, ngay xương bản tiết, thuộc huyết Huỳnh [68]. Nó "chú" vào huyết Hậu Khê, huyết Hậu Khê nằm ở sau bản tiết, mép ngoài bàn tay, thuộc huyết Du [69]. Nó "quá" nơi huyết Uyển Cốt, huyết Uyển Cốt ở trước xương cổ tay, mép ngoài bàn tay, thuộc huyết Nguyên [70]. Nó "hành" vào huyết Dương Cốc, huyết Dương Cốc ở chỗ lõm phía dưới của xương nhô lên (nhuệ cốt) thuộc huyết Kinh [71]. Nó "nhập" vào huyết Tiểu Hải, huyết Tiểu Hải ở chỗ lõm ngoài xương to, phía trong khủy tay, cách đầu khủy tay nửa thốn [72]. (Tất cả) đều nằm trên Thủ Thái dương kinh [73].

Đại trường (khí) lên trên hợp với Thủ Dương minh, xuất ra ở huyết Thương Dương, huyết Thương Dương nằm ở đầu ngón tay trỏ, phía ngón tay cái, thuộc huyết Tinh Kim [74]. Nó "luu" vào trước xương bản tiết, đó là huyết Nhị Gian, thuộc huyết Huỳnh [75]. Nó "chú" vào sau xương bản tiết, đó là huyết Tam Gian, thuộc huyết Du [76]. Nó "quá" nơi huyết Hợp Cốc, huyết Hợp Cốc nằm ở trong khoảng giữa của xương kỳ cốt, thuộc huyết Nguyên [77]. Nó "hành" vào huyết Dương Khê, huyết Dương Khê nằm ở chỗ lõm vào của xương phụ cốt, phía ngoài khủy tay - co tay lại để thủ huyết, thuộc huyết Hợp [78]. (Tất cả) đều nằm trên Thủ Dương minh kinh [79].

Trên đây gọi là các huyết du của ngũ tạng, lục phủ [80]. Ngũ ngũ là nhị thập ngũ huyết du, lục lục là tam thập lục huyết du vậy [81].

Lục phủ đều xuất ra ở tam Dương của Túc và lên trên hợp với Thủ [82]. Huyết nằm giữa Khuyết bồn thuộc Nhậm mạch, gọi tên là huyết Thiên Đột, đó là hàng mạch thứ nhất [83]. Động mạch nằm ở bên cạnh Nhậm mạch thuộc kinh Túc Dương minh, gọi tên là huyết Nhân Nghênh, đó là hàng mạch thứ hai [84]. Huyết thuộc kinh Thủ Dương minh, gọi tên là huyết Phù Đột, đó là hàng mạch thứ ba [85]. Huyết thuộc kinh Thủ Thái dương, gọi tên là huyết Thiên Song, đó là hàng mạch thứ tư [86]. Huyết thuộc kinh Túc Thiếu dương, gọi tên là huyết Thiên Dung, đó là hàng mạch thứ năm [87]. Huyết thuộc kinh Thủ Thiếu dương, gọi tên là huyết Thiên Dũ, đó là hàng mạch thứ sáu [88]. Huyết thuộc kinh Túc Thái dương, gọi tên là huyết Thiên Trụ, đó là hàng mạch thứ bảy [89]. Mạch nằm ở ngay chính giữa cổ thuộc Đốc mạch, huyết này gọi là huyết Phong Phủ [90]. Huyết nằm ở động mạch phía trong nách thuộc kinh thủ Thái âm, gọi tên là huyết Thiên Phủ [91]. Huyết nằm ở dưới nách 3 thốn, thuộc kinh Thủ Tâm chủ, gọi tên là huyết Thiên Trì [92].

Khi châm huyết Thương Quan, nên há miệng không nên chúm miệng [93]. Khi châm huyết Hạ Quan, nên chúm miệng không nên há miệng [94]. Khi châm huyết Đốc Tỵ nên co chân

không nên duỗi chân [95]. Khi châm 2 huyệt Nội Quan và Ngoại Quan nên duỗi tay không nên co tay [96].

Huyệt Du thuộc động mạch của kinh Túc Dương minh áp tựa vào cổ họng đi xuống dọc 2 bên ngực (ung) [97]. Kinh thủ Dương minh nằm ngoài các du huyệt của (kinh Túc Dương Minh) không đến (cách khoảng) dưới quai hàm 1 thốn [98]. Kinh Thủ Thái dương (tức huyệt Thiên song) nằm ngang quai hàm [99]. Huyệt của kinh Túc Thiếu dương ở sau quai hàm và dưới tai (Thiên Dung) [100]. Huyệt của kinh Thủ Thiếu dương xuất ra ở sau tai, lên trên ở trên xương hoàn cốt. (Huyệt Thiên Dũ) [101]. Huyệt của kinh Túc Thái dương nằm ở mí tóc giữa đường gân lớn áp tựa vào cổ gáy [102]. Huyệt Ngũ Lý nằm ở động mạch trên huyệt Xích Trạch có quan hệ với Âm khí, đây là huyệt cấm trong ngũ du [103]. Phế Hợp với Đại trường [104]. Đại trường là phủ "truyền đạo" [105]. Tâm hợp với Tiểu trường [106]. Tiểu trường là phủ "chứa đựng" [107]. Can hợp với Đờm [108]. Đờm là phủ "nhận cái tinh khiết" [109]. Tỳ hợp với Vị [110]. Vị là phủ của "ngũ cốc" [111]. Thận hợp với Bàng quang [112]. Bàng quang là phủ của "tân dịch" [113]. Kinh Thiếu dương thuộc Thận, Thận đi lên trên liên hệ với Phế, cho nên (1 mình nó) lãnh đạo (tuống) cả 2 tạng [114]. Tam tiêu là phủ "trung độc", thủy đạo xuất ra từ đây, thuộc vào Bàng quang, đó là 1 phủ "có: 1 mình" [115]. Trên đây là những nơi mà lục phủ thuộc vào [116].

Mùa xuân nên thủ huyệt ở lạc mạch, các huyệt Huỳnh, các huyệt trong khoảng phạm nhục và đại kinh [117]. Nếu bệnh nặng châm sâu, nếu bệnh trong khoảng phạm nhục nên châm cạn [118].

Mùa hạ nên thủ huyệt ở các huyệt Du, tôn lạc hoặc trên bì phu, cơ nhục [119].

Mùa thu nên thủ huyệt ở các huyệt Hợp và còn lại là theo như phép châm của mùa xuân [120].

Mùa đông nên thủ các huyệt Tĩnh, các huyệt Du, đó là vì muốn lưu kim lâu hơn để thủ khí ở sâu hơn [121].

Đây là ý nghĩa của thứ tự 4 mùa, của "chỗ ở" của khí, của "chỗ ở tạm" của bệnh, của sự thích nghi của mỗi tạng [122].

Bệnh về chuyển gân nên cho bệnh nhân đứng để thủ huyệt châm có thể làm cho dễ chịu và lành bệnh [123].

Bệnh về nuy quyết nên để người bệnh (nằm ngửa) giang tay chân ra để châm, làm cho bệnh nhân thấy dễ chịu ngay [124].

## 本输第二法地

黄帝问于岐伯曰：凡刺之道，必通十二经络之所终始，络脉之所别处，五输之所留，六府之所与合，四时之所出入，五藏之所溜处，阔数之度，浅深之状，高下所至。愿闻其解。岐伯曰：请言其次也。肺出于少商，少商者，手大指端内侧也，为井（木）；溜于鱼际，鱼际者，手鱼也，为荣；注于太渊，太渊，鱼后一寸陷者中也，为俞；行于经络，经渠，寸口中也，动而不居；为经；入于尺泽，尺泽，肘中之动脉也，为合，手太阴经也。心出于中冲，中冲，手中指之端也，为井（木）；溜于劳宫，劳宫，掌中中指本节之内间也；为荣；注于大陵，大陵，掌后两骨之间方下者也，为脑；行手间使，间使之道，两筋之间，三寸之中也，有过则至，无过则止，为经；入于曲泽，曲泽，肘内廉下陷者之中也，屈而得之，为合，手少阴也。肝出于大敦，大敦者，足大指之端及三毛之中也，为井（水）；溜于行间，行间，足大指间也，为荣；注于太冲，太冲，行间上二寸陷者之中也，为腧；行于中封，中封，内踝之前一寸半，陷者之中，使逆则宛，使和则通，摇足而得之，为经；入于曲泉，曲泉，辅骨之下，大筋之上也，屈膝而得之；为合，足厥阴也。脾出于隐白，隐白者，足大指之端内侧也，为井（木）；溜于大都，大都，本书之后，下陷者之中也，为荣；注于太白，太白，腕②骨之下也，为输；行于商丘，商丘，内踝之下，陷者之中也，为经；入于阴之陵泉，阴之陵泉，辅骨之下，陷者之中也，伸而得之，为合，足太明也。肾出于涌泉，涌泉者，足心也，为井（木）；溜于然谷，然谷；然骨之下者也，为荣；注于太溪，太溪，内踝之后，跟骨之上，陷中者也，为脑；行于复溜，复溜，上内踝二寸，动而不休，为经；入于阴谷，阴谷，辅骨之后，大筋之下，小筋之上也，按之应手，屈膝而得之，为合，足少阴经也。膀胱出于至阴，至阴者，足小指之端也，为井（金）；溜于通谷，通谷，本节之前外侧也，为荣；注于束骨，束骨，本节之后，陷者中也；为俞；过于京骨，京骨，足外侧大骨之下，为原；行于昆仑，昆仑，在外踝之后，跟骨之上，为经；入于委中，委中，胭中①每篇末均有宋以后人对该篇字词的盲释，因后人所加故删去。不同。

②腕：《甲乙经》、《付素》均作“核”。互18央，为合，委而取之，足太阳也。胆出于窍阴，窍阴者，足小指次指之端也，为井（金）；溜于侠溪，侠溪，足小指次指之间也，为荣；注于临泣，临泣，上行一寸半陷者中也，为输；过于丘墟，丘墟，外踝之前，下陷者中也，为原；行于阳辅，阳辅，外踝之上，辅骨之前，及绝骨之端也，为经；入于阳之陵泉，阳之陵泉，在膝外陷者中也，为合，伸而得之，足少阳也。胃出于厉兑，厉兑者，足大指内次指之端也，

为井（金）；溜于内庭，内庭，次指外间也，为荣；注于陷谷，陷谷者，上中指内间上行二寸随者中也，为跑；过于冲阳，冲阳，足科上五寸陷者中也，为原，摇足而得之；行于解溪，解溪，上冲阳一寸半陷者中也，为经；人于下陵，下陵，膝下王寸，聪骨外三里也，为合；复下三里三寸为巨虚上廉，复下上廉三寸为巨虚下廉也，大肠属上，小肠属下，足阳明胃脉也，大肠小肠，皆属于胃，是足阳明也。三焦者，上合手少阳，出于关冲，关冲者，手小指次指之端也，为井（金）；溜于液门，液门，小指次指之间也，为荣；注于中治中津，本节之后陷者中也，为偷；过于阳地，阳地，在腕上陷者之中也，为原；行于支沟，支沟，上腕三寸，两骨之间陷者中也，为经；人于天井，天井，在肘外大骨之上陷者中也，为合，屈肘乃得之；三焦下肺，在于足大指①之前，少阳之后，出于腠中外廉，名曰委阳，是太阳络也。手少阳经也。三焦者，足少阳太阴（本作。）之所将，太阳之别也，上踝五寸，别人贯胎肠，出于委阳，并太阳之正，人络膀胱，约下焦，实则闭瘤，虚则遗溺，遗溺则补之，闭瘤则泻息手太阳小肠者，上合手③太阳，出于少泽，少泽，小指之端也，为井（金）；溜于前谷，前谷，在手外廉本节前陷者中也，为荣；注于后溪，后溪者，在手外侧本节之后也，为辅；过于腕骨，腕骨，在手外侧腕骨之前，为原；行于阳谷，阳谷，在锐骨之下陷者中也，为经；人于小海，小海，在肘内大骨之外，去腕半寸陷者中也，伸臂而得之，为合，手太阳经也。大肠上合手阳明，出于商阳，商阳，大指次指之端也，为井（金）；溜于本节之前二间，为荣；注于本节之后三间，为脑；过于合谷，合谷，在大指岐骨之间，为原；行于阳溪，阳溪，在两筋间陷者中也，为经；人于曲他，在肘外辅骨陷者中，屈臂而得之，为合，手阳明也。是谓五藏六府之脑五五二十五肥六六三十六脑也。六府皆出足之三阳，上合于手者也。缺盆之中，任脉也，名曰天突。一次任脉侧之动脉，足阳明也，名曰人迎。二次脉手阳明也，名曰扶突。三次脉手太阳也，名曰天窗。四次脉足少阳也，名曰天客。五次脉手少阳也，名曰天隐。六次脉足太阳也，名曰天柱。七次脉颈中央之脉，督①大指：《甲乙经》、《素问》、《价台》均作“太阳”。②手：原作“于”，据《村素》改之。119脉也，名曰风府。腋内动脉，手太阴也，名曰天府。腋下三寸，手心主也，名曰天池。刺上关者，啥不能欠；制下关者，欠不能哈；刺犊鼻者，屈不能伸；刺两①关者，神不能屈。足阳明挟喉之动脉也，其脑在膺中。手阳明次在其脱外，不至曲颊~寸。手太阳当曲额。足少阳在耳下曲额之后。手少阳出耳后，上加完骨之上。足太阳挟项大筋之中发际。阴尺动脉在五里，五胞之禁也。肺合大肠，大肠者，传道之府。心合小肠，小肠者，受盛之府。肝合胆，明者，中精之府。脾合胃，胃者，五谷之府。肾合腿肌，膀胱者，津液之府也。少阻③属肾，肾上连肺，敢将两藏。三焦者，中读之府也，水道出焉，属膀胱是孤之府也。是六府之所与合者。春取络脉诸荣大经分肉之间，甚者探取之，间者浅取之。夏取诸脑孙络肌肉皮肤之上。秋取诸合，余如春法。各取诸井诸份之分，欲深而留之。此四时之序，气之所处，病之所舍，藏之所宜。转筋者，立而取之，可令遂已。晨厥者，张而刺之，可分立决也。

### THIÊN 3: TIÊU CHÂM GIẢI

Khi nói rằng: Dễ trình bày (dị trần) có nghĩa là dễ nói [1]. Khó vào (nan nhập) có nghĩa là khó làm cho người khác sáng tỏ vấn đề [2]. Sự vụng về (thô thủ hình) là lo giữ về mặt hình thái của bệnh, có nghĩa là (người châm) chỉ lo giữ lấy phép châm [3]. Sự khéo léo (thượng thủ thân) là phải lưu ý đến thần khí, có nghĩa là (người châm) phải chú ý đến huyết khí của người bệnh đang hữu dư hay bất túc để mà bổ tả [4]. 'Thần' tức là chỉ vào chính khí [5]. 'Khách' tức là chỉ vào tà khí [6]. Tại cửa, ý nói tà khí tuần hành theo chính khí để ra vào (thân thể) [7]. Chưa thấy được bệnh ở đâu? có nghĩa là đặt vấn đề biết trước tà khí hay chính khí đang ở kinh nào đang bệnh [8]. Làm sao biết được nguyên gốc của bệnh? có nghĩa là (người châm) biết được trước kinh bị bệnh, và nên thủ huyết chỗ nào [9]. Sự vi diệu của phép châm là ở chỗ nhanh hay chậm, đó là nói về vấn đề chậm hay nhanh [10]. Phương pháp vụng về (thô thủ quan) là chỉ lo giữ lấy phép châm, ý nói người châm chỉ biết lo giữ lấy tứ chi mà không biết tới sự vãng lai của huyết khí, của chính khí hay tà khí [11]. Phương pháp khéo léo (thượng thủ cơ) là lo giữ cơ (ý nói người châm biết giữ lấy khí) [12]. Động của cơ là người châm không được rời sự chú ý của mình đối với huyết khí, ý nói người châm biết được sự hư thực của khí để dụng châm nhanh hay chậm [13]. Cơ của huyết khí vận hành một cách thanh tịnh, cho nên phải chú ý 1 cách tinh vi, ý nói khi châm phải đợi cho đặc khí, ngầm ý nói rằng phải giữ lấy khí đừng để cho mất [14]. Không nên đón gặp khi nó đến, ý nói rằng khi khí thịnh thì không nên châm bổ [15]. Không nên rượt theo khi nó ra đi, ý nói rằng khi khí hư thực thì không nên châm tả [16]. Không để sai sót dù là việc nhỏ bằng 1 sợi tóc, là có ý nói rằng khí dễ bị mất [17]. Đánh vào nó, nó cũng không phát, ý nói (người châm) không biết vấn đề bổ hay tả, như vậy dù cho có làm cho huyết khí bị kiệt tận đi nữa thì bệnh khí cũng không ứng [18]. Biết được con đường tới lui của khí, có nghĩa là biết được sự nghịch thuận hay thịnh suy của khí [19]. Biết được lúc nào thủ huyết để châm, có nghĩa là biết cái "thời" thủ huyết để đặc khí [20]. Sự tối tăm khi chỉ biết có cái thô, ý nói (người châm) bị mờ

tối không biết sự vi diệu và kín đáo của khí [21]. Khéo léo thay cho người nào biết rõ châm ý, có nghĩa là sự hiểu biết tường tận về châm ý [22].

Khí tới (vãng) gọi là nghịch, ý nói khi khí bị hư thì mạch bị tiểu, chữ "tiểu" có nghĩa là nghịch [23]. Khí lui (lai) gọi là thuận, ý nói sự "bình" của hình và khí, chữ "bình" có nghĩa là thuận [24]. Biết được sự nghịch hay thuận thì sẽ thực hành việc châm bằng con đường chính đạo, không còn thắc mắc gì nữa, ý nói (người châm) biết được nơi nào phải thủ huyết nào [25]. Khí nghịch mà châm đoạt, ý nói là châm tả [26]. Rượt theo để cứu thêm, ý nói là châm bổ [27].

Khi nói rằng: Hư thì châm theo thực, ý nói mạch khí khấu hư nên châm bổ [28]. Mãn thì châm theo tiết (tả), ý nói mạch khí khấu thịnh nên châm tả [29]. Tả khí bị tích lâu ngày thì phải trừ đi, ý nói phải châm xuất huyết ở mạch [30]. Tả khí thắng thì dùng phép châm hư, ý nói rằng nếu ở các kinh có thịnh khí, nên châm tả khí đi [31]. Châm rồi nhanh gọi là châm thực, ý nói lúc châm vào phải thật chậm, khi rút kim ra phải nhanh [32]. Nhanh rồi châm gọi là châm hư, ý nói lúc châm vào phải nhanh, rút kim ra thật chậm [33]. Khi nói 'thực và hư' là muốn nói đến một cái gì như có, như không có, là có ý nói rằng thực tức là hữu khí, còn hư tức là vô khí [34]. Xét sau và trước như còn như mất, ý nói về sự hư thực của khí và vấn đề bổ tả trước và sau, xét khi nào khí đã trở lại như bình thường [35].

Khi nói đến hư và thực là muốn nói đến một cái gì như có như không có, ý nói rằng khi châm bổ, ta sẽ phải cảm thấy như (nơi dưới mũi kim) đang có một cái gì tràn ngập, khi châm tả, ta sẽ thấy như đang bị đánh mất một cái gì một cách không rõ ràng [36]. Ôi ! Khí ở tại mạch : tả khí trúng thì ở trên, ý nói rằng khí tả khí trúng vào người thì ở trên, cho nên mới nói 'tả khí tại thượng' vậy [37]. Trọc khí (trúng) thì ở giữa, ý nói thủy cốc đều nhập vào Vị, tinh khí của nó lên trên 'rót' vào Phế, trọc khí của nó lưu chảy (giữ lại) nơi Trường Vị, nếu sống không thích ứng được với sự ẩm lạnh, và nếu ăn uống không điều độ thì bệnh sẽ xảy ra nơi Trường Vị, đó là ý nghĩa của câu 'Trọc khí tại trung' vậy [38]. Thanh khí trúng thì ở dưới, ý nói địa khí thanh và thấp, khi trúng vào người, ắt sẽ bắt đầu từ chân, đó là ý nghĩa của câu 'Thanh khí tại hạ' vậy [39]. Châm vào hãm mạch thì tả khí bị xuất ra, có nghĩa là đuổi dương tả đang ở trên [40]. Châm trung mạch thì tả (trọc) khí xuất ra, đây nói là phải thủ huyết Hợp của kinh Túc Dương minh [41]. Châm vào quá sâu thì, ngược lại, tả khí trầm xuống, ý nói rằng những bệnh cận và nổi (bên ngoài) không nên châm quá sâu, bởi vì nếu châm sâu thì tả khí sẽ nhân theo để nhập vào cơ thể, đó là ý nghĩa của chữ 'phản trầm' [42]. Bì nhục cân mạch, mỗi bộ phận đều có chỗ ở của nó, ý nói kinh hay lạc đều có chỗ làm chủ của nó [43]. Nếu châm vào các du huyết của ngũ tạng thì sẽ chết, là có ý nói rằng bệnh đang ở giữa, khí đang bắt túc, nhưng chỉ dụng châm để đại tả đến tận các mạch khí của các kinh Âm [44]. Châm vào mạch của tam Dương, ý nói có một điều là tả đến tận khí của tam Dương, làm cho bệnh nhân bị suy tàn mà không thể phục hồi được [45]. Châm đoạt Âm thì chết, ý nói thủ huyết 'Xích chi ngũ lý', đó là theo lối "ngũ vãng" vậy [46]. Châm đoạt Dương thì sẽ cuồng, ý nói cũng như ở trên (châm tam Dương) [47]. Quan cái sắc, sát đôi mắt, sẽ biết được bệnh đã hết hay còn trở lại, chuyên chú vào bệnh hình của bệnh nhân, theo dõi sự động tĩnh của của bệnh, ý nói (người) thầy thuốc giỏi phải biết rõ sự biểu hiện của ngũ sắc nơi mắt (người bệnh), lại phải biết sự điều hòa của các dạng mạch Xích, Thôn, Tiểu, Đại, Hoãn, Cấp, Hoạt, Sắc để kết luận về nguồn gốc của bệnh [48]. Biết được điều tả và chính, có nghĩa là biết luận được thể nào là hư tả phong và chính tả phong [49]. Tay mặt đẩy kim vào, tay trái nắm vững kim, ý nói về sự nắm vững kim để châm vào hay rút ra [50]. Khi nào khí đến thì rút kim ra, ý nói áp dụng phép bổ tả khi nào khí được điều hòa thì rút kim ra, sự điều hòa khí nằm ở chỗ biết được sự chung thì của (sự vận hành) của nó [51]. 'Nhất' ở đây có nghĩa là sự chuyên tâm của người thầy thuốc [52]. Chỗ giao nhau của tiết có 365 hội, là có ý nói đến vai trò của lạc mạch trong việc tưới thấm các "tiết" vậy [53]. Điều gọi là khí của ngũ tạng đã tuyệt bên trong, là ý muốn nói rằng nhờ ở mạch khấu mà biết được khí đã bị tuyệt bên trong, không đến nữa, trong lúc đó thì chỉ lo đến cái biểu hiện bề ngoài của bệnh và thủ các huyết Hợp của kinh Dương, lưu kim để chờ cho được Dương khí, khi Dương khí đến thì bên trong sẽ bị 'trùng kiệt' [54]. Bị 'trùng kiệt' thì phải chết [55]. Khi chết vì vô khí để động cho nên cái chết trong tình trạng 'tĩnh' [56]. Điều gọi là khí của ngũ tạng đã bị tuyệt bên ngoài, là muốn nói rằng nhờ ở mạch khấu mà biết được khí đã bị tuyệt bên ngoài, không đến nữa, trong lúc đó thì ngược lại, chỉ lo thủ các huyết du ở tứ chi, lưu kim để chờ Âm khí

đến, khi Âm khí đến thì Dương khí bị phản nhập [57]. Dương khí nhập thì sẽ bị nghịch, nghịch thì phải chết [58]. Khi chết trong tình trạng Âm khí hữu dư, cho nên bị xao động [59]. Sở dĩ đặt vấn đề 'sát đôi mắt' là vì khí của ngũ tạng sẽ có thể làm cho ngũ sắc của đôi mắt bị sáng chói, mắt bị sáng chói thì kéo theo âm thanh bị gắt to lên [60]. Khi âm thanh bị gắt to lên, lúc bấy giờ lời nói và âm thanh sẽ khác với lúc bình thường vậy [61].

### 小针解第三法人

所谓易陈者, 易言也。难入者, 难著于人也。粗守形者, 守刺法也。上守神者, 守人之血气有余不足, 可补泻也。神客者, 正邪共会也。神者, 正气也。客者, 邪气也。在门考。邪循正气之所出入也。未睹其疾者, 先知邪正何经之疾也。恶知其原者, 先知何经之病, 所取之处也。刺之做在数迟者, 徐疾之意也。粗守矣者, 守四肢而不知血气正邪之往来也。上守机者, 知守气也。机之动不离其空中者, 知气之虚实, 用外之徐疾也。空中之机, 清静以微者, 针以得气, 密意守气勿失也。其来不可逢春, 气盛不可补也。其往不可追者, 气虚不可泻也。不可控以发者, 言气易失也。扣之不发者, 言②不知补泻之意也, 血气已尽而气不下也。知其往来者, 知气之逆顺盛虚也。要与之期者, 知气之可取之时也。粗之暗者, 冥冥不知气之微密也。妙哉! 工独有之者, 尽知针意也。往者为逆者, 言气之虚而小, 小者逆也。来者为顺着, 言形气之平, 平者顺也。明知逆顺, 正行无问者, 言知所取之处也。迎而夺之者, 泻也。退而济之者, 补也。所谓虚则实之者, 气口虚而当补之也。满则泄之者, 气口盛而当泻之也。宛陈①两: (甲乙经)、(太素)均作"内"。②阴: 原作"阳", 据《甲乙经》、《太素》改。③者, 言: 原作"言者", 据"九针十二原"篇改。120则除之者, 去血脉也。邪胜则虚之者, 言请经有盛者, 皆泻其邪也。徐而疾则实者, 言徐内而疾出也。疾而徐则虚者, 言疾内而徐出也。言实与虚, 若有若无者, 言实者有气, 虚者无气也。察后与先, 若亡若存者, 言气之虚实, 补泻之先后也, 察其气之已下与常存也。为虚与实, 若得若失者, 言补者作然若有得也, 泻则优然若有失也。夫气之在脉也; 邪气在上者, 言邪气之中人也高, 故邪气在上也。浊气在中者, 言水谷皆入于胃, 其精气上注于肺, 浊溜于肠胃, 言寒温不适, 饮食不节, 而病生于肠胃, 故命曰浊气在中也。清气在下者, 言清湿地气之中人也, 必从足始, 故曰清气在下也。针陷脉则邪气出者, 取之上。针中脉则浊气出者, 取之阳明会也。针太深则邪气反沉者, 言浅浮之病, 不欲深刺也, 深则邪气从之入, 故曰反沉也。皮肉筋脉各有所处者, 言经络各有所主也。取五脉者死, 言病在中, 气不足, 但用针尽大泻其诸阴之脉也。取三阳之脉者, 唯言尽泻三阳之气, 令病人愜然不复也。夺阴者死, 言取尺之五里五往者也。夺阳者狂, 正言也。睹其色, 察其目, 知其散复, 一其形, 听其动静者, 言上工知根五色于目, 有知调尺寸小大缓急滑涩, 以言所病也。知其邪正者, 知论虚邪与正邪之风也。右主推之, 左持而御之者, 言持外而出入也。气至而去之者, 言补泻气调而去之也。调气在于终始一者, 持心也。节之交三百六十五会者, 络脉之渗灌诸节者也。所谓五藏之气已绝于内者, 脉口气内绝不至, 反取其外之病处与阳经之合, 有留针以致阳气, 阳气至则内重竭, 重竭则死矣, 其死也无气以动, 故静。所谓五藏之气已绝于外者, 脉口气外绝不至, 反取其四米之输, 有留针以致其附气, 阴气至则阳气反入, 人则逆, 逆则死矣, 其死也明气有余, 故躁。所以察其目者, 五藏使五色循明, 循明则声章, 声章者, 则言声与平生异也。

### THIÊN 4: TÀ KHÍ TẠNG PHỦ BỆNH HÌNH

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Tà khí trúng vào người thì thể nào?" [1].

Kỳ Bá đáp: "Tà khí trúng vào người thì trúng vào chỗ cao" [2].

Hoàng Đế hỏi: "Cao hay thấp, có phân độ gì không?" [3].

Kỳ Bá đáp: "Từ nửa thân mình trở lên do tà khí trúng vào, từ nửa thân hình trở xuống do thấp khí trúng vào [4]. Cho nên mới nói rằng tà khí khi trúng vào người thì không ở vào 1 nơi nhất định, trúng vào Âm thì lưu chảy vào phủ, trúng vào Dương thì lưu chảy vào kinh [4].

Hoàng đế hỏi: "Âm và Dương, tuy có tên gọi khác nhau, nhưng cùng đồng loại với nhau, trên dưới cùng tương hội, kinh và lạc quán thông nhau như chiếc vòng ngọc không đầu mỗi [5]. Nay tà khí trúng vào người, có khi trúng vào Âm, có khi trúng vào Dương, trên dưới, trái phải, không ở hẳn vào 1 nơi 'hằng thường' nào cả [6]. Lý do nào đã khiến như thế?" [7]

Kỳ Bá đáp: "Chỗ hội của các kinh Dương đều ở nơi mặt [8]. Tà khí trúng vào người vào lúc mà (nguyên khí) bị hư, (tà khí) 'thừa' lúc đó (để vào), hoặc lúc mới dùng quá sức, hoặc ăn uống mồ hôi ra, tẩu lý mờ, do vậy mà tà khí mới trúng vào [9]. Khi tà khí trúng vào mặt thì nó theo xuống dưới bằng đường kinh Dương minh [10]. Khi tà khí trúng vào cổ gáy, thì nó theo xuống dưới bằng đường kinh Thái dương [11]. Khi tà khí trúng vào má thì nó theo xuống dưới bằng đường kinh Thiếu dương [12]. Khi tà khí trúng vào ngực và lưng, hai bên sườn thì cũng giống như là trúng vào các kinh (Dương) vậy" [13].

Hoàng Đế hỏi: "Tà khí trúng vào kinh Âm thì thể nào ?" [14].

Kỳ Bá đáp : "Tà khí trúng vào kinh Âm thường theo vùng cánh tay và cẳng chân mà bắt đầu [15]. Ôi ! Cánh tay và cẳng chân có phần da mép trong (Âm bì) mỏng, thịt nhuận mà mềm, cho nên cùng thọ phong tà mà chỉ độc thương ở Âm mà thôi" [15].

Hoàng Đế hỏi: "Nguyên nhân trúng tà này có làm thương đến tạng không ?" [16].

Kỳ Bá đáp : "Thân thể con người khi trúng phong, không nhất định là phải làm thương đến tạng [17]. Bởi vì khi tà khí nhập vào theo con đường kinh Âm, bấy giờ tạng khí còn thực, tà khí vào, nhưng không thể 'ở khách', vì thế nó phải quay trở lại phủ [18]. Cho nên mới nói rằng: "Tà khí trúng vào Dương thì lưu chảy vào kinh, trúng vào Âm thì lưu chảy vào phủ" [19].

Hoàng Đế hỏi: "Tà khí khi trúng vào tạng của con người thì thể nào ?" [20].

Kỳ Bá đáp : "Buồn sâu, ưu tư, sợ hãi làm tổn thương đến Tâm, thân hình đang bị lạnh, lại uống thức uống lạnh vào thì sẽ làm tổn thương đến Phế, nếu để cho 2 cái hàn (trong và ngoài) cùng cảm thì trong và ngoài đều bị thương, cho nên khi bị nghịch mà thượng hành. có khi bị té xuống, ác huyết giữ vào bên trong, hoặc có khi có việc phải giận dữ, khí lên mà không xuống được, để rồi tích ở dưới sườn, sẽ làm thương đến Can [21]. Có khi bị đánh, té, hoặc uống rượu say rồi làm chuyện trai gái, hoặc mồ hôi mà đứng trước gió, tất cả sẽ làm thương đến Ty [22]ø. Có khi dùng quá sức, gánh vác vật nặng, hoặc làm chuyện trai gái quá độ, mồ hôi ra tẩm thì sẽ làm thương đến Thận" [23].

Hoàng Đế hỏi: "Ngũ tạng bị trúng phong như thế nào ?" [24].

Kỳ Bá đáp : "Chỉ khi nào Âm lẫn Dương đều bị cảm thì tà khí mới có cơ hội 'tấn công' vào" [25].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy thay !" [26].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá rằng: "Đầu mặt và thân hình, thuộc vào nhau do cốt (xương), liền vào nhau bởi gân (gân), đồng huyết, hợp khí [27]. Mỗi khi trời lạnh, có thể làm nứt đất, đóng băng, khi con lạnh đến vôi sẽ làm cho tay chân bị bủn rủn, trong lúc đó thì gương mặt của người không cần che lại tại sao thế ?" [28].

Kỳ Bá đáp : "12 kinh mạch, 365 lạc, huyết khí (của chúng) đều lên mặt và thoát ra bằng những không khiếu [29]. Khí 'tinh Dương' thì chạy lên trên vào mắt thành ra tinh khí, khí 'biệt' chạy lên trên thoát ra mũi thành ra xú khí, khí 'trọc' xuất ra ở Vị chạy lên trên môi và lưỡi thành vị khí [30]. Tân dịch của các khí đều lên trên hơn âm gương mặt, hơn nữa ø da mặt lại dày, bấp thịt cứng hơn [31]. Cho nên, dù thiên khí có lạnh đến đâu cũng không 'thắng' được (sức chịu lạnh của mặt) vậy" [32].

Hoàng Đế hỏi: "Khi tà khí trúng vào người thì bệnh hình như thế nào?" [33].

Kỳ Bá đáp : "Hu tà khí trúng vào thân thì thân hình sẽ như có lúc dao động và rợn người. Chính tà khí trúng vào thân thì sẽ nhẹ hơn. Trước hết nó hiện ra ở sắc mặt, không cảm thấy gì ở thân, như có không, như hết như còn, khó mà nắm được đầy đủ sự bộc lộ ra ngoài" [34].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy thay !" [35].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá rằng: "Ta nghe nói: Thấy được sắc diện mà biết được bệnh, gọi là 'minh', ấn mạch mà biết được bệnh, gọi là 'thần', hỏi bệnh mà biết được nơi bệnh, gọi là 'công' [36]. Ta mong được nghe rằng làm thế nào để có thể thấy được sắc diện mà biết bệnh, ấn mạch mà biết bệnh, hỏi bệnh mà biết được đến nơi ?" [37].

Kỳ Bá đáp : "Ôi ! Sắc mặt tương ứng với nơi bì phủ của bộ xích, giống như sự tương ứng với tiếng dùi trống đánh trống, không thể để cho "thất diệu" với nhau [38]. Đây cũng là những chứng hậu xuất ra có gốc, có ngọn, có rễ, có lá [39]. Cho nên nếu cái gốc chết thì cái lá sẽ khô vậy [40]. Sắc mặt và hình nhục không thể cùng thất diệu với nhau [41]. Cho nên, biết một gọi là 'công', biết hai gọi là 'thần', biết ba gọi là 'thần và minh' vậy" [42].

Hoàng đế nói: "Ta mong được nghe cho hết" [43].

Kỳ Bá đáp : "Sắc mặt xanh thì mạch phải Huyền, sắc mặt đỏ thì mạch phải Câu, sắc mặt vàng thì mạch phải Đại, sắc mặt trắng thì mạch phải Mao, sắc mặt đen thì mạch phải Thạch. Thấy được sắc diện mà không đắc được mạch tương ứng, ngược lại chỉ đắc được mạch tương ứng, như vậy là chế [44]. Khi nào đắc mạch tương sinh thì bệnh xem như là đã giảm rồi" [45].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá rằng: Bệnh hình của sự biến hóa sinh ra từ ngũ tạng như thế nào? [46]

Kỳ Bá đáp : Trước hết phải định sự tương ứng giữa ngũ sắc và ngũ mạch sau đó mới định được bệnh chứng [47].

Hoàng Đế hỏi: Sắc mặt đã định xong rồi phải phân biệt như thế nào nữa ? [48]

Kỳ Bá đáp : Phải "sát" được sự hoãn, cấp, tiểu, đại, hoạt, sắc của mạch, được vậy thì mới định được sự biến của bệnh [49].

Hoàng Đế hỏi: "Sát" như thế nào ? [50]

Kỳ Bá đáp : Mạch cấp thì nơi bì phu của bộ xích cũng cấp, mạch hoãn thì nơi bì phu của bộ xích cũng hoãn, mạch tiểu thì nơi bì phu của bộ xích cũng gây yếu và thiếu khí, mạch đại thì nơi bì phu của bộ xích cũng phồng lên, mạch hoạt thì nơi bì phu của bộ xích cũng hoạt, mạch sắc thì nơi bì phu của bộ xích cũng sắc [51]. Phạm tất cả sự biến này, có vi, có thậm [52]. Cho nên, người nào khéo "sát" được bộ xích thì không cần đến bộ thốn, người nào khéo "sát" được mạch thì không cần đợi ở sắc diện, người nào có thể "tham hợp" tất cả để ứng hành thì đáng gọi là "thượng công", thượng công thì mười trường hợp có thể thành công đến chín, người nào có thể ứng hành được hai thì được gọi là "trung công", trung công thì mười trường hợp có thể thành công đến bảy, người nào chỉ ứng hành được một thì gọi là "hạ công", hạ công thì mười trường hợp chỉ thành công có sáu [53].

Hoàng đế nói: "Ta xin được hỏi về bệnh hình của các mạch hoãn, cấp, tiểu, đại, hoạt, sắc, như thế nào ?" [54].

Kỳ Bá đáp : "Thần xin nói về bệnh biến thuộc ngũ tạng" [55].

Tâm mạch, khi cấp thậm gây thành chứng khiết tủng, khi vi cấp gây thành chứng Tâm thông, dẫn ra đến sau lưng, ăn không xuống [56].

Tâm mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng cùi như điên, khi vi hoãn gây thành chứng Phục lương, ở dưới Tâm, chạy lên chạy xuống, thường hay bị thổ huyết [57].

Tâm mạch, khi đại thậm gây thành chứng như có vật gì cứng chặn ngang trong cổ họng, khi vi đại gây thành chứng Tâm tý, dẫn ra đến sau lưng, dễ chảy nước mắt [58].

Tâm mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng dễ ói, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [59].

Tâm mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng Tâm sán, dẫn xuống đến rún, vùng tiểu phúc kêu [60].

Tâm mạch, khi sắc thậm gây thành chứng cảm, khi vi sắc gây thành chứng huyết tràn, chứng duy quyết, tai kêu và điên tật [61].

Phế mạch, khi cấp gây thành chứng điên tật, khi vi cấp gây thành chứng Phế hàn nhiệt, lười biếng, uể oải, ho, ói ra máu, dẫn đến vùng thất lung, lung và ngực, trong mũi có mọc cục thịt làm cho mũi không thông [62].

Phế mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng ra nhiều mồ hôi, khi vi hoãn gây thành chứng nuy lữ, thiên phong, từ đầu trở xuống mồ hôi ra không dứt [63].

Phế mạch, khi đại thậm gây thành chứng sung thủng từ gót chân đến gối, khi vi đại gây thành chứng Phế tý dẫn đến vùng ngực và lưng, khi thức dậy sợ mặt trời [64].

Phế mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng tiêu chảy, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [65].

Phế mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng tức bôn, thương khí, khi vi hoạt gây thành chứng ra máu mũi miệng ở trên và ra máu ở tiểu và đại tiện [66].

Phế mạch, khi sắc thậm gây thành chứng ói ra máu, khi vi sắc gây thành chứng thừ lữ ở khoảng cổ và dưới nách, đó là vì hạ khí không thắng được thượng khí, đưa đến kết quả là chân và gối bị mềm yếu vậy [67].

Can mạch, khi cấp thậm gây thành chứng nói xàm bậy bạ, khi vi cấp gây thành chứng phi khí, ở dưới sườn như cái ly úp xuống [68].

Can mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng dễ ói, khi vi hoãn gây thành chứng thủy hà và tý [69].

Can mạch, khi đại thậm gây thành chứng nội ung, dễ ói, chảy máu mũi, tai; khi vi đại gây thành chứng Can tý, chứng teo bộ sinh dục, khi ho sẽ đau dẫn đến tiểu phúc [70].

Can mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng uống nhiều, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [71].

Can mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng đôi sán, khi vi hoạt gây thành chứng đái dầm [72].

Can mạch, khi sắc thậm gây thành chứng uống nhiều, khi vi sắc gây thành chứng khiết luyến, cân tý [73].

Tỳ mạch, khi cấp thậm gây thành chứng khiết tủng, khi vi cấp gây thành chứng cách trung, ăn uống vào bị ói trở ra, hậu môn tiêu ra phân có bọt [74].

Tỳ mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng nuy quyết, khi vi hoãn gây thành chứng phong nuy, tứ chi yếu, không co duỗi được, trong lúc đó Tâm lại bình thường như không có bệnh [75].

Tỳ mạch, khi đại thậm gây thành chứng bệnh như bị đánh sấp té xuống, khi vi đại gây thành chứng sán khí, bụng như ôm một cái gì to lớn, đó là mù và máu ở bên ngoài Trường và Vị [76].

Tỳ mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng hàn nhiệt, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [77].

Tỳ mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng đôi lung, khi vi hoạt gây thành chứng có trùng độc, loại hồi hạt, bụng bị nóng [78].

Tỳ mạch, khi sắc thậm gây thành chứng Trường đôi, khi vi sắc gây thành chứng nội đôi, đi tiểu ra nhiều mù máu [79].

Thận mạch, khi cấp thậm gây thành chứng cốt diên tật, khi vi cấp gây thành chứng trầm quyết, chứng bồn độn, chân không co duỗi được, không tiểu tiện và đại tiện được [80].

Thận mạch, khi hoãn thậm gây thành chứng đau muốn gãy lưng, khi vi hoãn gây thành chứng động, chứng động làm cho ăn không tiêu hóa, ăn xuống liền bị ói trở ra [81].

Thận mạch, khi đại thậm gây thành chứng âm nuy, khi vi đại gây thành chứng thạch thủy, khởi lên từ rún xuống đến tiểu phúc, có vẻ nặng nề, bên trên lên đến Vị hoãn, chết, không trị được [82].

Thận mạch, khi tiểu thậm gây thành chứng động tiết, khi vi tiểu gây thành chứng tiêu đơn [83].

Thận mạch, khi hoạt thậm gây thành chứng lung đôi, khi vi hoạt gây thành chứng cốt nuy, ngồi xuống không đứng lên được, đứng lên thì mắt sẽ không thấy gì cả [84].

Thận mạch, khi sắc thậm gây thành chứng đại ung, khi vi sắc gây thành chứng không có kinh nguyệt và chứng nội trĩ trầm trọng [85].

Hoàng đế hỏi: "Lục biến của bệnh, phải châm như thế nào?" [86].

Kỳ Bá đáp: "Các mạch cấp thì nhiều hàn, các mạch hoãn thì nhiều nhiệt, các mạch đại thì nhiều khí, ít huyết, các mạch tiểu thì huyết và khí đều ít, các mạch hoạt thì Dương khí thịnh, hơi có nhiệt, các mạch sắc thì nhiều huyết, ít khí, hơi có hàn [87]. Cho nên, khi châm các mạch cấp phải châm sâu vào trong và lưu kim thật lâu [88]. Khi châm các mạch hoãn, phải châm cạn vào trong và rút kim ra thật nhanh, nhằm giải bớt nhiệt [89]. Khi châm các mạch đại phải châm tả khí thật nhẹ, đừng cho xuất huyết [90]. Khi châm các mạch hoạt phải châm bằng cách rút kim ra thật nhanh mà châm vào thì phải cạn, nhằm tả bớt Dương khí, giải bớt nhiệt khí [91]. Khi châm các mạch Sắc, phải châm cho đúng với mạch, phải tùy theo lẽ 'nghịch và thuận' mà lưu kim lâu [92]. Trước hết phải án huyết, xoa, khi đã rút kim ra thì phải mau mau án ngay vào vết châm, nhằm mục đích làm cho huyết không xuất ra được, và cũng để làm cho mạch được hòa [93]. Khi gặp các mạch tiểu, đó là trường hợp mà Âm Dương, hình khí đều bất túc, đừng chọn huyết để châm mà chỉ nên điều hòa khí huyết bằng cam dược" [94].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe khí của ngũ tạng, lục phủ, chỗ nhập của huyết Huỳnh và huyết Du gọi là huyết Hợp, vậy nó nhập theo con đường nào?, nhập vào như thế nào để có sự liên hệ tương thông với nhau?, Ta mong được nghe nguyên nhân đó" [95].

Kỳ Bá đáp: "Đây là trường hợp Dương mạch biệt nhập vào bên trong thuộc về phủ" [96].

Hoàng đế hỏi: "Huyết Huỳnh, huyết Du và huyết Hợp, mỗi huyết có định danh hay không?" [97].

Kỳ Bá đáp: "Huyết Vinh và huyết Du trị ngoại kinh, huyết Hợp trị nội phủ" [98].

Hoàng đế hỏi: "Trị nội phủ phải như thế nào?" [99].

Kỳ Bá đáp: "Phải thủ huyết Hợp" [100].

Hoàng đế hỏi: "Huyết Hợp của Vị nhập vào huyết Tam lý, huyết Hợp của Đại trường nhập vào huyết Cự hu Thượng liên, huyết Hợp của Tiểu trường nhập vào huyết Cự hu hạ liên, huyết Hợp của Tam tiêu nhập vào huyết Ủy Dương, huyết Hợp của Bàng quang nhập vào huyết Ủy trung ương, huyết Hợp của Đôm nhập vào huyết Dương Lãng tuyền" Phải thủ huyết như thế nào?" [101].

Kỳ Bá đáp: "Thủ huyết Tam lý phải buông thấp bàn chân xuống, thủ huyết Cự hu phải đưa chân lên, thủ huyết Ủy dương phải co và duỗi chân, thủ huyết Ủy trung phải co (gối) lại, thủ huyết Dương lãng tuyền phải ngồi ngay thẳng, co gối, buông thẳng chân,



kéo xuống bên mép ngoài huyết Ủy dương. Thủ các huyết ngoại kinh, phải duỗi ra, đưa tay chân ra một cách thoải mái để thủ huyết rồi theo đó mà trị liệu” [102].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe về bệnh của lục phủ” [103].

Kỳ Bá đáp: “Guồng mặt nhiệt, đó là bệnh của kinh Túc Dương minh [104]. Chúng sung huyết nơi ngư lạc, đó là bệnh của kinh Thủ Dương minh [105]. Trên mu của 2 bàn chân mạch kiên mà hãm, đó là bệnh của kinh Túc Dương minh [106]. Đây là những chứng thuộc Vị mạch vậy [107].

Bệnh của Đại trường làm cho trong ruột đau quặn thắt và đồng thời sôi lên ồ ồ [108]. Nếu gặp mùa đông, bị trúng cảm bởi hàn khí thì sẽ bị chứng tiêu chảy, đau ngay ở phần rún, không thể đứng lâu được, cùng 1 chứng hậu với Vị, nên thủ huyết Cự Hu Thượng Liêm để chữa trị [109].

Bệnh của Vị làm cho bụng trướng to lên, Vị hoãn sẽ đau thấu tới Tâm, chói lên trên vào 2 hông sườn, từ cách lên đến yết hầu không thông, ăn uống không xuống, nên thủ huyết Tam lý để chữa trị [110].

Bệnh của Tiểu trường làm cho tiểu phúc đau, cột sống ở thắt lưng không chế đến 2 hòn đá cũng bị đau nhức, lăm khi đau đến nổi phải nghiêng ra phía sau mới chịu nổi, có khi trước tai bị nhiệt, có khi như thể là lạnh nhiều, hoặc như thể là mí mắt trên bị nhiệt nhiều, cho đến trong khoảng giữa ngón út và ngón áp út cũng bị nhiệt, như thể là mạch bị hãm, đó là những chứng bệnh hậu (của tiểu trường) vậy [111]. Bệnh của kinh Thủ Thái dương nên thủ huyết Cự Hu Hạ Liêm [112].

Bệnh của Tam tiêu làm cho phúc khí bị đầy, tiểu phúc cứng hơn, không tiểu tiện được khiến cho người bệnh bị quần bách, khi nước nhiều quá, sẽ lưu giữ lại một chỗ làm thành chứng trướng [113].

Chứng hậu ở đại lạc bên ngoài kinh Túc Thái dương, đại lạc ở khoảng giữa kinh Thái dương và Thiếu dương, cũng hiện ra ở mạch, nên thủ huyết Ủy Dương để trị [114].

Bệnh của Bàng quang là làm cho tiểu phúc bị sung thũng mà đau, dùng tay để ấn lên tức thì làm cho bệnh nhân muốn đi tiểu mà không tiểu được, trên mí mắt bị nhiệt, như thể là mạch bị hãm, cho đến ngoài ngón chân út lên đến sau mắt cá và cẳng chân đều bị nhiệt. Nếu mạch bị hãm nên thủ huyết Ủy Trung Ương để trị [115].

Bệnh của Đờm làm cho (bệnh nhân) dễ bị thở mạnh, miệng đắng, ói ra chất nhờn, dưới Tâm đập mạnh, hay lo sợ là có người sắp bắt lấy mình, trong cổ họng như có vật gì chặn ngang và thường hay khạc nhổ (nước bọt) [116]. Ở huyết gốc và ngọn của kinh Túc Thiếu dương, cũng có thấy được mạch bị hãm xuống, (trường hợp này) thích hợp với phép cứu [117]. Khi nào bị hàn nhiệt thì thủ huyết Dương Lăng Tuyền” [118].

Hoàng Đế hỏi: “Phép châm này có phải theo một đường lối nào không?” [119].

Kỳ Bá đáp: “Châm theo phép này ắt phải châm đúng khí huyết, dùng châm trúng nhục tiết [120]. Nếu châm trúng khí huyết thì mũi kim sẽ như đang đi chơi nơi con đường hẻm rộng, còn nếu châm trúng nhục tiết sẽ làm cho phần bì phủ bị đau [121]. Phép bỏ tả mà áp dụng nghịch nhau thì bệnh sẽ càng nặng [122]. Nếu châm trúng gân (gân) sẽ làm cho gân bị hoãn (loại lỏng), tà khí không xuất ra được, do đó nó sẽ đánh nhau với chân khí tạo thành cuộc hỗn loạn và không chịu ra đi, quay ngược vào trong để rồi lớn dần ra [123]. Người dụng châm nếu không thăm sát cho kỹ, đó là họ đã biến thuận thành nghịch rồi vậy” [124].

#### 邪气藏府病形第四法时

黄帝问于岐伯曰：邪气之中人也奈何？岐伯答曰：邪气之中人高也。黄帝曰：高下有度乎？岐伯曰：县半已上者，邪中之也；身半已下者，湿中之也。放曰：邪之中人也，无有常，中于阴则溜于府，中于阳则溜于经。黄帝曰：阴之与阳也，异名同类，上下相会，经络之相贯，如环无端。邪之中人，或中于阴，或中于阳，上下左右，无有恒常，其故何也？岐伯曰：诸阳之会，皆在于面。中人也，方乘虚时及新用力，若饮食汗出股理开，而中于耶。中于面则下阳明，中于项则下太阳，中于颊则下少阳，其中于膺背两肋亦中其经。黄帝曰：其中于阴奈何？岐伯答曰：中于阴者，常从臂俯拾。夫臂与防，其阴皮薄，其肉淖泽，故具受于风，独伤其阴。121黄帝曰：此放伤其藏乎？岐伯答曰：身之中于风也，不必动藏。故邪入于阴经，则其藏气实，邪气入而不能客，故还之于府。故中阳则溜于经，中阴则溜于府。黄帝曰：邪之中人藏奈何？岐伯曰：愁忧恐惧则伤心。形寒寒饮则伤脑，以其两宰相感，中外皆伤，故气逆而上行。有所堕坠，恶血留内，若有所大怒，气上而不下，积于胁下，则伤肝。有所击仆，若醉人房，汗出当风，则伤脾。有所用力举重，若人房过度，汗出浴水，则伤肾。黄帝曰：五藏之中风奈何？岐伯曰：阴阳俱感，邪乃得往。黄帝曰：善哉。黄帝问于岐伯曰：首面与身形也，属骨连筋，同血合于气耳。天寒则裂地凌冰，其卒寒或手足懈惰，然而其面不衣何也？岐伯答曰：十二经脉，三百六十五络，其血气上干面而走空奔，其精阳气上走于目而为暗，其别

气走于耳而为听，其宗气上出于鼻而为臭，其浊气出于胃，走唇舌而为味。其气之津液皆上熏于面，而皮又厚，其肉坚，故天气甚寒，不能胜之也。黄帝曰：二邪之中人，其病形何如？岐伯曰：虚邪之中身也，洒淅动形。正邪之中人也，先见于色，不知于身，若有若无，若亡若存，有形无形，莫知其情。黄帝曰：善哉。黄帝问于岐伯曰：余闻之，见其色，知其病，命曰明；按其脉，知其病，命曰神；问其病，知其处，命曰工。余愿闻见而知之，按而得之，问而极之，为之奈何？岐伯答曰：夫色脉与尺之相应也，如杯鼓影响之相应也，不得相失也，此亦本末根叶之出候也，故报死则叶枯矣。包脉形肉不得相失也，故知一则为工，知二则为神，知三则神且明矣。黄帝曰：愿卒闻之。岐伯答曰：色青者，其脉弦也；赤者，其脉钩也；黄者，其脉代也；白者，其脉毛；黑者，其脉石。见其色而不得其脉，反得其相胜之脉，则死矣；得其相生之脉，则病已矣。黄帝问于岐伯曰：五藏之所生，变化之病形何如？岐伯答曰：先定其五色五脉之应，其病乃可别也。黄帝曰：色脉已定，别之奈何？岐伯曰：调其脉之缓、急、小、大、滑、涩，而病变定矣。黄帝曰：调之奈何？岐伯答曰：脉急者，尺之皮肤亦急；脉缓者，尺之皮肤亦缓，脉小者，尺之皮肤亦减而少气；脉大者，尺之皮肤亦贲而起；脉滑者，尺之皮肤亦滑；脉涩者，尺之皮肤亦涩。凡此变者，有微有甚。故善调尺者，不待于寸，善调脉者，不待于色。能参合而行之者，可以为上工，上工十全九；行二者，为中工，中工十全七；行一者，为下工，下工十全六。黄帝曰：请问脉之缓、急、小、大、滑、涩之病形何如？岐伯曰：臣请言五藏之病变也。心脉急甚者为宿抓；微急为心痛引背，食不下。缓甚为狂笑；微缓为伏梁，在心下，上下行，时唾血。太甚为唯对；微大为心痹引背，善泪出。小甚为善哕；微小为消津。滑甚为善渴；微滑为心迹引脐，小腹鸣。波甚为哈；微涩为血溢，维厥，耳鸣，颠疾。肺脉急甚为癫疾；微急为肺寒热，怠惰，咳唾血，引腰背胸，若鼻息肉不通。缓甚为多汗；微缓为控疾，偏风，头以下汗出不可止。太甚为胚肿；微大为肺痹，引胸背，起恶日光。小甚为泄；微小为消萍。滑甚为息贲上气；微滑为上下出血。涩甚为呕血；微涩为鼠志在颈支腋之间，下不胜其上，其应善瘦矣。肝脉急甚者为恶言；微急为肥气，在肋下若覆杯。缓甚为善呕；微缓为水痕痹也。太甚为内痛，善呕阶；微大为肝痹，阴缩，咳引小腹。小甚为多饮；微小为消津。滑甚为痰迹；微滑为遗溺。涩甚为溢饮；微涩为痕挛筋疲。脾脉急甚为德班；微急为噎中，食饮入而还出，后沃沫。缓甚为衰厥；微缓为风控，四肢不用，心慧然若无病。太甚为击仆；微大为沈气，腹里大脓血，在肠胃之外。小甚为寒热；微小为消疼。滑甚为痛瘤；微滑为虫毒蛇蝎腹热。涩甚为肠疾；微涩为内瘕，多下脓血。肾脉急甚为骨癫疾；微急为沉厥奔豚，足不收，不得前后。缓甚为抗脊；微缓为洞，洞者，食不化，下隘还出。太甚为阴疾；微大为石水，起脐已下至小腹睡睡然，上至胃院，死不治。小甚为洞泄；微小为消萍。滑甚为痛症；微滑为骨痠，坐不能起，起则目无所见。涩甚为大痛；微涩为不月沉痔。黄帝曰：病之六变者，刺之奈何？岐伯答曰：诸急者多寒；缓者多热；大者多气少血；小者血气皆少；滑者阳气盛，微有热；涩者多血少气，微有寒。是故刺急者，深内而久留之。刺缓者，浅内而疾发针，以去其热。刺大者，微泻其气无出其血。刺滑者，疾发针而浅内之，以泻其阳气而去其热。刺涩者，必中其脉，随其逆顺而久留之，必先按而循之，已发打，疾按其瘳，无令其血出，以和其脉。诸小者，阴阳形气俱不足，勿取以针，而调以甘药也。黄帝曰：余闻五藏六府之气，荣输所入为合，今何道从人，入安连过，愿闻其故。岐伯答曰：此阳脉之别人于内，属于府者也。黄帝曰：荣输与合，各有名乎？岐伯答曰：荣输治外经，合治内府。黄帝曰：治内府奈何？岐伯曰：取之于合。黄帝曰：合各有名乎？岐伯答曰：胃合人①于三里，大肠合人于巨虚上廉，小肠合人于巨虚下廉，三焦会人于委阳，膀胱合人于委中央，胆合人于阳陵泉。黄帝曰：取之奈何？岐伯答曰：取之三里者，低附；取之巨虚者，举足；取之委阳者，屈伸而索之；委中者，屈而取之；阳陵泉者，正竖膝子之齐，下至委阳之阳取之；取诸外经者，榆申而从之。黄帝曰：愿闻六府之病。岐伯答曰：面热者足阳明病，鱼络血者手阳明病，两跑①人：原无，据（甲乙测、（太累）补。123之上脉竖陷者足阳明病，此胃脉也。大肠病者，肠中切痛而鸣濯濯，冬日重感于寒即泄，当脐而痛，不能久立，与胃同候，取巨虚上廉。胃病者，腹腹胀，胃院当心而痛，上肢两肋，隔咽不通，食饮不下，取之三里也。小肠病者，小腹痛，腰脊控脊而痛，时窘之后，当耳前热，若寒甚，若独肩上热甚，及手小指次指之间热，若脉随者，此其峰也，手太阳病也，取之巨虚下廉。三焦病者，腹气满，小腹尤坚，不得小便，窘急，溢则水，留即为胀，候在足太阳之外大络，大络在太阳少阳之间，亦见于脉，取委阳。膀胱病者，小腹偏肿而痛，以手按之，即欲小便而不得，肩上热，若脉陷，及足小指外廉及胜踝后皆热，若脉陷，取委中央。明病者，善太息，口苦，呕宿汁，心下据馆，恐人将捕之，隘中叶价然，数唾，在足少阳之本末，亦视其脉之陷下者灸之，其寒热者，取阳陵泉。黄帝曰：刺之有道乎？岐伯答曰：刺此者，必中气穴，无中肉节，中气穴则针染（一作路）于巷，中肉节即皮肤痛。补泻反则病益笃。中筋则筋缓，邪气不出，与其真相搏，乱而不去，反还内著，用针不审，以顺为逆也。

#### THIÊN 5: CẦN KẾT

Kỳ Bá nói: "Thiên địa cùng cảm nhau, khí lạnh âm cũng thay đổi nhau [1]. Đạo (vận hành) của Âm Dương lúc nào ít, lúc nào nhiều? [2]. Đạo của Âm thuộc số "chẵn", đạo của Dương thuộc số "lẻ" [3]. Khí mở đóng vào mùa xuân, hạ thì Âm khí "ít" và Dương khí "nhiều" [4]. Khí Âm Dương (trong việc mở đóng) không "điều hòa", vậy nên bổ như thế nào? Tà như thế nào? [5]

Khi mở đóng vào mùa thu đông thì Dương khí "ít" và Âm khí "nhiều", Âm khí thịnh và Dương khí suy, cho nên thân cây, lá bị khô héo, thì vũ "mưa" khí và thấp khí quay xuống dưới, (như vậy) Âm Dương có chỗ thay đổi nhau, chúng ta nên tả như thế nào? Và bổ như thế nào? [6]

Tà khí bất chính thường cảm ở kinh này rồi chuyển sang chỗ khác, không biết bao nhiêu cách [7]. Nếu chúng ta không biết (những huyết) căn và kết thì khi những cánh cửa và những chốt cửa của ngũ tạng, lục phủ bị gãy, bị sụp, do đó sự mở đóng không còn (chính xác) khiến cho (chân khí) bị thoát, khí Âm Dương bị mất lớn, không thể nào lấy lại (đầy đủ) được nữa. [8] Sự "huyền (diệu)" của cừu châm quan trọng ở "Chung thí", cho nên, nếu chúng ta biết được lẽ "Chung thí" thì chỉ cần một lời nói là diễn tả đầy đủ, còn nếu chúng ta không biết lẽ "Chung thí" thì "châm đạo" bị tuyệt hẳn [9].

Kinh (Túc) Thái dương lấy căn ở huyết Chí Âm và lấy kết ở huyết Mệnh Môn [10]. Huyết Mệnh Môn ở đây chính là đôi mắt vậy [11].

Kinh (Túc) dương minh lấy căn ở huyết Lệ Đồi, và lấy kết ở huyết Tàng Đại [12].

Huyết Tàng Đại nằm ở chỗ kiềm thúc bởi vành tai [13].

Kinh (túc) Thiếu dương lấy căn ở huyết Khiếu Âm, lấy kết ở huyết Song Lung [14].

Huyết Song lung nằm ở giữa tai [15].

Kinh (Túc) Thái dương đóng vai trò "khai: mở cửa", kinh (Túc) Dương minh đóng vai trò "hạp: đóng cửa", kinh (Túc) Thiếu dương đóng vai trò "khu: chốt cửa" [16]. Cho nên,

khi nào "cửa bị gãy" thì bên trong cơ nhục bị nhiễu loạn và bạo bệnh sẽ dậy lên [17].

Cho nên khi bạo bệnh nên thủ huyết ở kinh (Túc) Thái dương, và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [18]. Chữ "độc" có nghĩa là phần da thịt bị teo mềm và yếu ớt

[19]. Khi nào "cửa đóng bị gãy" thì khí không còn chỗ để ngừng nghỉ và chúng nuy tật

khởi lên [20]. Vì thế, khi nào bị chúng nuy tật lên nên thủ huyết ở kinh (Túc) Dương

minh, và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [21]. Câu "không còn có chỗ để

ngừng nghỉ" có nghĩa là chân khí bị ngăn lại nhường chỗ cho tà khí ở [22]. Khi nào

"chốt cửa bị gãy" tức phần cốt bị dao động, không đứng vững trên mặt đất [23]. Cho

nên nếu bị chúng "cốt dao" nên thủ huyết ở kinh (Túc) Thiếu dương và nên dựa vào tình

trạng hữu dư hay bất túc [24]. Chữ "cốt dao" có nghĩa là cốt tiết bị giãn ra mà không

co (thu) lại được [25]. Cốt dao nói về sự dao động [26]. (Việc chữa trị này) nên xem

xét một cách nghiêm túc cái "gốc" của nó (thuộc khai, thuộc hạp hoặc thuộc khu) [27].

Kinh (Túc) Thái âm lấy căn ở huyết Ấn Bạch và lấy kết ở huyết Đại (Thái) Thương [28].

Kinh Thiếu âm lấy căn ở huyết Dũng Tuyền và lấy kết ở huyết Liêm Tuyền [29]. Kinh

(Túc) Quyết âm lấy căn ở huyết Đại Đôn và lấy kết ở huyết Ngọc Anh và lạc ở Chiên

Trung [30]. Kinh (Túc) Thái âm đóng vai trò "khai: mở cửa", kinh "Túc" Quyết âm đóng

vai trò "hạp: đóng cửa", kinh (Túc) Thiếu âm đóng vai trò "khu: chốt cửa" [31]. Vì

thế, khi "cánh cửa mở" bị gãy thì kho lúa không biết vận chuyển theo con đường nào,

gây thành bệnh "cách động" [32]. Khi nào bị bệnh "cách động" nên thủ huyết ở kinh

(Túc) Thái âm và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [33]. Vì thế khi "cánh cửa

mở" bị gãy thì khí sẽ bất túc mà sinh ra bệnh vậy [34]. Khi "cánh cửa đóng" bị gãy

thì tức là khí bị tuyệt mà hay buồn [35]. Nếu hay buồn nên thủ huyết ở kinh (Túc)

Quyết âm và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [36]. Khi "chốt cửa" bị gãy thì

mạch có chỗ bị kết và bất thông [37]. Nếu mạch bất thông nên thủ huyết ở kinh (Túc)

Thiếu âm và nên dựa vào tình trạng hữu dư hay bất túc [38]. Mạch có chỗ bị kết đều do

ở tình trạng bất túc [39].

Kinh Túc Thái dương lấy căn ở huyết Chí Âm, nó "lưu" vào huyết Kinh Cốt, "chú" vào

huyết Côn lôn, "nhập" vào huyết Thiên trụ và huyết Phi Dương [40].

Kinh Túc Thiếu dương lấy căn ở huyết Khiếu Âm, "lưu" vào huyết Khâu Hư, "chú" vào

huyết Dương Phụ, "nhập" vào huyết Thiên Dung và huyết Quang Minh [41].

Kinh Túc Dương minh lấy căn ở huyết Lệ Đồi, "lưu" vào huyết Xung Dương, "chú" vào

huyết Hạ Lăng, "nhập" vào huyết Nhân Nghênh và huyết Phong Long [42].

Kinh Thủ Thái dương lấy căn ở huyết Thiếu Trạch, "lưu" vào huyết Dương Cốc, "chú" vào

huyết Thiếu (Tiểu) Hải, "nhập" vào huyết Thiên Song và huyết Chí Chính [43].

Kinh Thủ Thiếu dương lấy căn ở huyết Quan Xung, "lưu" vào huyết Dương Trì, "chú" vào

huyết Chi Câu, "nhập" vào huyết Đại (Thiên) Dũ và huyết Ngoại Quan [44].

Kinh Thủ Dương minh lấy căn ở huyết Thương Dương, "lưu" vào huyết Hợp Cốc, "chú" vào

huyết Dương Khê, "nhập" vào huyết Phù Đột và huyết Thiên lịch [45].

Đây gọi là những huyết nên "thủ: chọn" để chữa khí 12 kinh có "thịnh lạc" [46].

Một ngày một đêm (mạch đi) 50 vòng (Doanh) nhằm cung ứng (doanh) tinh khí của ngũ tạng [47]. Nếu có tình trạng (sự cung ứng này) không ứng đúng với con số thì gọi là "cuồng sinh" [48].

Khi nói rằng 'mạch hành 50 doanh' tức là nói rằng ngũ tạng đều được 'thọ khí' [49]. Chúng ta chỉ cần nắm được mạch khẩu để đếm 'số chỉ', mạch đến 50 động mà không có một lần 'đại', đó là ngũ tạng đều được 'thọ khí' [50]. Mạch đến 40 động thì có một lần 'đại', đó là có một tạng 'không được thọ khí' [51]. Mạch đến 30 động có một lần 'đại', đó là có 2 tạng 'không được thọ khí' [52]. Mạch đến 20 động có một lần 'đại', đó là 3 tạng 'không được thọ khí' [53]. Mạch đến 10 động thì có một lần 'đại', đó là 4 tạng 'không được thọ khí' [54]. Chưa đầy 10 động thì đã có một 'đại', đó là cả 5 tạng 'không được thọ khí', như vậy là sắp tới thời kỳ chết rồi [55]. Ý nghĩa trọng yếu của vấn đề này nằm ở thiên "Chung thi" [56].

Khi ta nói rằng mạch đến 50 động mà không có một lần 'đại' ta xem đó là 'thường' [57]. Chúng ta sở dĩ biết được ngũ tạng đang 'sống' hay gần tới chỗ chết, là nhờ vào mạch động khí đến một cách "thường" hay đến một cách 'biến' (thất thường) [58].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề châm nghịch và thuận đối với 5 loại người có hình thể (ngũ thể) khác nhau, là có ý nói đến con số của kinh lạc, sự ít nhiều của huyết, sự dài ngắn của mạch, sự hoạt sắc của khí, sự thanh trọc của huyết, sự dày mỏng của làn da, sự cứng mềm của bắp thịt, sự lớn nhỏ của cốt tiết nơi con người [59]. Tất cả những cái đó ta đều đã biết [60]. Tất cả đây thuộc về những người áo vải, thất phu [61]. Ôi ! Những bậc vương, công, đại nhân, những người này ăn (những thứ thức ăn) có máu, thân thể họ yếu đuối, cơ nhục mềm yếu, huyết khí họ mạnh và hung, hoạt và lợi [62]. Vậy trong việc châm chậm hay nhanh, cạn hay sâu, nhiều hay ít, cả hai đằng có giống nhau không ? [63]"

Kỳ Bá đáp: "Món ăn cao lương và món ăn đậu rau, 'vị' của nó làm sao giống nhau được ? [64] Khi nào gặp khí hoạt thì phải rút kim ra nhanh, khi nào gặp khí sắc thì phải rút kim ra chậm, khi nào gặp khí hãn thì dùng kim nhỏ mà châm vào cạn, khi nào gặp khí sắc thì dùng kim to mà châm vào sâu [65]. Châm sâu là có ý muốn giữ lại (lâu) [66]. Châm cạn là có ý muốn rút ra nhanh [67]. Do đó mà xét, khi nào châm những người áo vải thì nên châm vào sâu và giữ kim lại lâu, khi nào châm bậc đại nhân thì nên châm kim nhỏ và châm chậm (nhanh) [68]. Đó là vì chúng ta gặp phải thứ khí mạnh và hung, hoạt và lợi [69].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề nghịch thuận của hình khí phải làm thế nào ?" [70].

Kỳ Bá đáp: "Hình khí bất túc, bệnh lý hữu dư, nên châm tả ngay [71]. Hình khí hữu dư, bệnh khí bất túc, nên châm bổ ngay [72]. Hình khí bất túc, bệnh khí bất túc, đó là khi cả Âm lẫn Dương đều bất túc, không nên châm [73]. Nếu châm sẽ gây thành 'trùng bất túc: 2 lần bất túc' [74]. 'Trùng bất túc' thì làm cho Âm và Dương đều bị kiệt, huyết và khí đều bị tận, ngũ tạng bị không hư, cân, cốt, tủy đều khô, làm cho người già bị tuyệt diệt, người trẻ không thể phục hồi được [75].

Hình khí hữu dư, bệnh khí hữu dư, đó là khi cả Âm lẫn Dương đều hữu dư, nên châm tả ngay tả khí nhằm điều hòa hư thực [76]. Đó là ý nghĩa của câu: "Hữu dư thì châm tả", "Bất túc thì châm bổ" [77].

Cho nên nói rằng: Trong phép châm mà không biết lẽ thuận nghịch thì chân khí và tả khí sẽ đánh nhau, khi mãn (thực) mà châm bổ thì khí Âm Dương sẽ tràn ngập ra tứ chi, Trường và Vị khí sẽ sung ra da, Can và Phế sẽ trướng bên trong, Âm khí và Dương khí lẫn vào nhau [78]. Khí hư mà châm tả sẽ làm cho kinh mạch bị không hư, huyết khí bị khô, Trường và Vị khí bị tích tụ, bì phu bị mỏng manh, lông và tẩu lý bị héo nhão, gần đến chỗ chết rồi vậy [79].

Cho nên khi nói rằng, điều quan yếu trong việc dụng châm là ở chỗ điều hòa Âm khí và Dương khí [80]. Điều hòa được Âm khí và Dương khí thì tinh khí mới sáng tỏ, nó sẽ làm hòa hợp được hình và khí, khiến cho thần khí giữ vững bên trong [81].

Cho nên nói rằng: Bậc thượng công có thể làm bình được khí, trung công có thể làm cho loạn mạch, hạ công có thể làm cho tuyệt khí, nguy hiểm đến tính mạng [82]. Cho nên nói rằng ở trình độ hạ công, chúng ta không thể không cẩn thận [83]. Chúng ta bắt buộc phải thẩm đoán cho được cái bệnh do sự biến hóa của ngũ tạng, sự ứng với ngũ mạch, sự thực hư của kinh lạc, sự nhu thô của bì phu [84]. Có như vậy, sau đó chúng ta mới thủ huyết để châm trị được vậy [85].

岐伯曰：天地相感，寒暖相移，阴阳之道，孰少孰多？阴道偶，阳道奇，发于春夏，阴气少，阳气多，阴阳不调，何补何泻？发于秋冬，阳气少，阴气多，阴气盛而阳气衰，故茎叶枯槁，湿雨下归，阴阳相移，何泻何补？奇邪离经，不可胜数，不知根结，五藏六府，折矣败枢，开阖而走，阴阳大失，不可复取。九针之直，要在终始，故能知终始，一言而毕，不知终始，针道成绝。太阳根于至明，结于命门，命门者目也。阳明根于厉兑，结于颌大，颌大者钳耳也。少阳根于宪明，结于窗笼，窗笼者耳中也。太阳为开，阳明为阖，少阳为枢。故开折则肉节读而暴病起矣，故暴病者取之太阳，视有余不足，读者皮肉宛瞧而弱也。阖折则气无所止息而按疾起矣，故康疾者，取之阳明，现有余不足，无所止息者，真气稍留，邪气居之也。枢折即骨想而不安于地，故骨路者取之少阳，现有余不足，骨路者，节缓而不收也，所谓骨路者摇故也，当穷其本也。太阳根于隐白，结于太仓。少阴根于涌泉，结于廉泉。厥阴根于大敦，结于玉①未有"黄帝素问灵枢经卷之一（终广11字，今删去C下同，但无小字'锳'。124英，终于膻中。太阴为开，厥阴为闭，少阴为枢。放开抗则包靡无所输隔洞，隔洞者取之太明，视有余不足，故开折者气不足而生病也。阖折即气绝①而喜悲，悲者取之厥阻，视有余不足。枢折则脉有所结而不通，不通者取之少阴，视有余不足，有结者皆取之不足。足太阳根于至阴，溜于京骨，注于昆仑，人于天柱、飞扬也。足少阳根于奔阴，溜于庄墟，注于阳辅，人于天客、光明也。足阳明根于厉兑，溜于冲阳，注于下陵，人于人迎、丰隆也。手太阳根于少泽，溜于阳谷，注于少海，人于天窗、支正也。手少阳根于关冲，溜于阳池，注于支沟，入于天隔、外关也。手阳明根于商阳，溜于合谷，注于阳溪，人于扶突、编历也。此所谓十二经者，盛络皆当取之。一日一夜五十营，以营五藏之精，不应数者，名曰狂生。所谓五十营者，五藏皆受气。持其脉口，数其至世，五十动而不一代考，五藏皆受气；四十动一代者，一藏元气；三十动一代者，二藏无气；二十动一代者，三藏无气；十动一代者，四藏无气；不满十动一代者，五藏无气。手之短期，要在终始。所谓五十动而不一代者，以为常也，以知五藏之期。手之短期者，乍数乍疏也。黄帝曰：逆顺五体者，言人骨节之小大，肉之坚脆，皮之厚薄，血之清浊，气之滑涩，脉之长短，血之多少，经络之数，余已知之矣，此皆布衣匹夫之士也。夫王公大人，血食之君，身体柔脆，肌肉软弱，血气源悍滑利，其刺之徐疾浅深多少，可得同之乎？岐伯答曰：膏粱获蓄之味，何可同世。气滑即出疾，其气涩则出迟，气悍则针小而入浅，气涩则针大而入深，深则欲留，浅则欲疾。以此观之，刺布衣者深以留之，利大人者微以徐之，此皆因气嫫悍得利也。黄帝曰：形气之逆顺奈何？岐伯曰：形气不足，病气有余，是邪胜也，急泻之。形气有余，病气不足，急补之。形气不足，清气不足，此阴阳气俱不足也，不可刺之，刺之则重不足，重不足则阴阳俱竭，血气皆尽，五藏空虚，筋骨髓枯，老者绝灭，壮者不复矣。形气有余，病气有余，此谓阴阳俱有余也，急泻其邪，调其虚实。故曰有余者泻之，不足者补之，此之谓也。放日刺不知逆顺，真邪相搏。满而补之，则阴阳四溢，肠胃充郭，肝肺内腹，阴阳相错。虚而泻之，则经脉空虚，血气竭枯，肠胃悞辟，皮肤薄著，毛股夭礁，予②之死期。放日用针之要，在于知调阴与阳，调阴与阳，精气乃光，合形与气，使神内藏。故日上工平气，中工乱脉，下工绝气危生。故日下工不可不慎也。必审五藏变化之病，五脉之应，经络之实虚，皮之柔粗，而后取之也。①绝：（甲乙经）、（太素）均作"弛"。②予：原作"子"，据日抄本、刻本及《太素·刺法》、（甲乙经）改。

#### THIÊN 6: THỌ YẾU CƯƠNG NHU

Hoàng Đế hỏi Thiếu sư: "Ta nghe nói sự sống của con người (biểu hiện) bằng những nét có cương có nhu, có nhược có cường, có đoản có trường, có Âm có Dương, Ta mong được nghe về phương cách xử lý (các trường hợp đã nói trên)" [1].

Thiếu sư đáp: "Trong Âm có Âm, trong Dương có Dương [2]. Chúng ta phải thâm đoán về Âm Dương để biết cách xử trí về việc châm, phải nắm được cái gốc bệnh bắt nguồn ở đâu để cho việc châm trị thuận được cái lý của nó, phải cân trọng đo lường được cái đầu mối của bệnh xem nó đang tương ứng với "thời" nào, bên trong nó hợp với ngũ tạng lục phủ, bên ngoài nó hợp với cân cốt bì phu [3]. Do đó, ta biết được rằng bên trong có Âm Dương thì bên ngoài cũng có Âm Dương [4]. Nếu nhìn bên trong thì ngũ tạng thuộc Âm, lục phủ thuộc Dương, nếu nhìn bên ngoài thì cân cốt thuộc Âm, bì phu thuộc Dương [5].

Cho nên mới nói rằng nếu Âm bệnh ở tại Âm phận thì châm huyết Huỳnh và huyết Du thuộc Âm, nếu Dương bệnh ở tại Dương phận thì châm huyết Hợp thuộc Dương, nếu Dương bệnh ở tại Âm phận thì châm huyết Kinh thuộc Âm, nếu Âm bệnh ở tại Dương phận thì châm huyết ở lạc mạch [6].

Cho nên nói rằng: Bệnh ở tại kinh Dương được gọi tên là "phong", bệnh ở tại kinh Âm được gọi tên là "tý"; Cả Âm lẫn Dương đều bị bệnh được gọi là "phong tý" [7].

Bệnh hữu hình mà không "thống: đau", đó là loại của Dương, bệnh vô hình mà đau, đó là loại của Âm [8].

Bệnh vô hình mà "thống", đó là Dương kinh ở tình trạng mạnh còn Âm kinh đang bị "thương", vậy nên trị gấp Âm kinh mà không nên "công: đánh vào" Dương kinh [9].

Bệnh hữu hình mà "bất thống", đó là Âm kinh ở tình trạng mạnh còn Dương kinh đang bị "thương", vậy nên trị gấp Dương kinh mà không nên "công: đánh vào" Âm kinh [10]. Nếu cả Âm lẫn Dương kinh đều bị "động", có lúc như "hữu hình", có lúc như "vô hình", thêm vào đó nó làm cho Tâm bị phiền, được gọi là Âm thắng Dương, trường hợp này được gọi là "không biểu, không lý"; sự biểu hiện của hình trạng bệnh không kéo dài lâu [11].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Vấn đề tiên và hậu trong cái bệnh về hình khí được ứng ở ngoại và nội như thế nào?" [12].

Bá Cao đáp: "Phong khí và hàn khí làm thương đến "hình", ưu, khủng, phần nộ làm thương đến "khí" [13]. Khi mà khí làm thương tổn đến tạng thì sẽ làm cho tạng bệnh, hàn làm thương đến hình thì sẽ ứng ra hình, phong làm thương đến cân mạch thì cân mạch mới ứng ra, đó là những sự tương ứng giữa hình khí và ngoại nội vậy" [14].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm như thế nào?" [15].

Bá Cao đáp: "Bệnh được 9 ngày thì châm 3 lần là hết bệnh, bệnh 1 tháng châm 10 lần thì hết bệnh, nhiều hay ít, xa hay gần đều dựa vào đó để qui định mức độ [16]. Nếu có trường hợp bệnh "tý" lâu ngày mà không rời khỏi thân thể (bệnh không hết), chúng ta nên tìm những nơi có huyết lạc để mà châm xuất huyết cho hết mới thôi" [17].

Hoàng Đế hỏi: "Bệnh ngoại và nội, việc châm trị dễ hay khó, phải hiểu như thế nào?" [18].

Bá Cao đáp: "Khi nào hình bệnh trước mà chưa nhập vào tạng thì chỉ nên cần châm chùng phần nửa thời gian châm cần thiết mà thôi [19]. Khi nào tạng bệnh trước rồi sau đó hình mới ứng theo ra, thời gian châm phải tăng lên gấp bội [20]. Đó là vấn đề châm tùy theo sự tương ứng giữa ngoại và nội mà có sự dễ và khó" [21].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Ta nghe hình thể con người có hoãn có cấp, khí có thịnh có suy, cốt có đại có tiểu, nhục có cứng có mềm, bì (da) có dày có mỏng, Ta phải dựa lên đó như thế nào để định được vấn đề "thọ" hay "yếu"?" [22].

Bá Cao đáp: "Hình với khí tương xứng thì thọ, bất tương xứng thì yếu [23]. Bì với nhục cùng "bao bọc" lấy nhau thì thọ, không "bao bọc" lấy nhau thì yếu [24]. Huyết khí và kinh lạc thăng hình thì thọ, không thăng hình thì yếu" [25].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào là sự hoãn cấp của hình?" [26].

Bá Cao đáp: "Hình thể sung nhưng bì phủ "hoãn: thu thả" thì thọ, hình thể sung nhưng bì phủ "cấp: căng thẳng" thì yếu [27]. Hình sung nhưng mạch kiên đại thì thuận, hình thể sung nhưng mạch tiểu đến nhược, đó là khí suy, khí suy thì nguy [28]. Nếu như hình thể sung nhưng quyền (xương má) không nhô lên thì đó là cốt (người ấy) tiểu, cốt tiểu thì yếu [29]. Hình thể sung nhưng khối thịt to ở mông rắn chắc nổi bật rõ rệt, đó là nhục kiên (rắn), nhục kiên thì thọ [30]. Hình thể sung nhưng khối thịt ở mông không nổi bật, đó rõ ràng là mông không rắn chắc, tức là nhục bị mềm lỏng, nhục bị mềm lỏng thì yếu [31]. Trên đây là nói về cái sinh mệnh của Trời sinh, dựa vào đó là lập nên cái hình thể, định nên cái khí (chất) [32]. Muốn xem biết được thọ hay yếu, chúng ta bắt buộc phải rõ điều này [33]. Có lập được cái hình đó, định được cái khí đó sau đó mới dựa vào nó khi nó sinh ra bệnh mà quyết việc tử sinh [34].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề thọ yếu không biết lấy gì để quy định được phải không?" [35].

Bá Cao đáp: "Bốn bên của gương mặt thấp xuống, cao không bằng những nơi như (Mình đường, khuyết, đình... ) những người này chưa đầy 30 tuổi sẽ chết. Nếu có những nhân tố làm bệnh tật gì thêm thì không đầy 20 tuổi sẽ chết" [36].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề dựa vào sự tương xứng của hình và khí để định sự "thọ" và "yếu" như thế nào?" [37].

Bá Cao đáp: "Ở người bình thường, nếu khí thắng hình thì thọ, giả sử họ bị bệnh đến nỗi phần hình nhục bị thoát, khí thắng hình, phải chết [38]. Những người mà hình (sung) nhưng khí lại suy, hình thắng khí cũng nguy" [39].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe phép châm có "tam biến", thế nào gọi là "tam biến"? [40].

Bá Cao đáp: "Có phép châm "doanh khí", có phép châm "vệ khí", có phép châm "lưu kinh của hàn khí" [41].

Hoàng Đế hỏi: "Châm tam biến phải thế nào?" [42].

Bá Cao đáp: "Châm "doanh khí" phải xuất huyết, châm "vệ khí" phải xuất khí, châm "hàn tý" phải cho nội nhiệt" [43].

Hoàng Đế hỏi: "Sự gây bệnh của "doanh khí", của "vệ khí", của "hàn tý" như thế nào?" [44].

Bá Cao đáp: "Doanh khí" khi gây bệnh sẽ làm cho bị hàn nhiệt, thiếu khí huyết chạy lên xuống [45]. "Vệ khí" gây bệnh sẽ làm cho khí thông, khi đến khi đi, làm cho uất nộ, thờ mạnh, ruột sôi mạnh, phong hàn ở khách tại Trường Vị [46]. "Hàn tý" khi gây bệnh sẽ ở lại tại một chỗ, không dời đi nơi khác, gây đau nhúc từng lúc, da không còn cảm giác đau (bất nhân) [47].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm hàn tý và thực hiện nội nhiệt như thế nào?" [48].

Bá Cao đáp: "Khi nào châm trị cho lớp người áo vải thì dùng lửa (sau khi châm) để hơ đốt thêm [49]. Khi châm trị cho những bậc đại nhân thì phải dùng thuốc để đắp hơ lên (chỗ châm)" [50].

Hoàng Đế hỏi: "Phép dùng thuốc để đắp hơ như thế nào?" [51].

Bá Cao đáp: "Dùng 20 cân rượu ngon, Thực tiêu 1 thăng, Can khương 1 cân, Quế 1 cân. Tất cả 4 thứ thuốc này được cắt nhỏ ra ngâm vào trong rượu, Dùng bông gòn 1 cân, vải trắng mịn 4 trượng, tất cả bọc lại cho vào trong rượu, để bình rượu lên cái lò có đốt phân ngựa phơi khô; Bình rượu phải được đậy nắp, trét kín lại không cho ra hơi; Ngâm như vậy trong 5 ngày 5 đêm, xong mới lấy bọc vải có bông đem ra phơi nắng cho khô. Sau đó lại tiếp tục ngâm cho đến khi nào nó ra hết nước cốt (tráp). Bây giờ cứ mỗi lần ngâm là phải tròn 1 ngày và khi lấy ra nó đã khô. Chúng ta lấy cái xác khô ấy đã trộn lẫn với bông gói kín lại trong chiếc khăn dài chừng 6, 7 xích. Chúng ta sẽ có chừng 6, 7 gói như vậy. Trong mỗi khăn đều có chứa sẵn một loại tro than của cây dâu tằm được đốt cháy. Chúng ta dùng khăn này để hơ đắp, cứ lên trên chỗ đã được châm về hàn tý. Làm như vậy, chúng ta sẽ khiến cho cái nhiệt nhập vào tận nơi bị bệnh hàn. Chúng ta làm như vậy khoảng 30 lần mới thôi. Nếu mồ hôi ra, chúng ta dùng khăn để lau khô, lau cũng phải đến 30 lần. Sau đó bảo người bệnh đứng lên đi bộ chậm vào trong nhà (buồng) kín gió. Mỗi lần châm đều phải hơ đắp như thế thì bệnh sẽ khỏi. Đây là phép "nội nhiệt" [52].

#### 寿天刚柔第六法律

黄帝问于少师曰：余闻人之生也，有刚有柔，有弱有强，有短有长，有明有阳，愿闻其方。少师答曰：明中有阴，阳中有限，审知阴阳，刺之有方，得病所始，刺之有理，谨度病端，与时相应，内合于五藏六府，外合于筋骨皮肤。是故内有阴阳，外亦有阴阳。在内者，五藏为阴，六府为阳；在外者，筋骨为阴，皮肤为阳。故曰病在阴之阴者，刺明之弟输；病在阳之阳者，刺阳之合；病在阳之阴者，刺阴之经；病在明之阳者，刺络脉。故曰病在阳者命曰风，病在阴者命曰痹，阴①阳俱病命曰回痹。病有形而不痛者，阳之类也；无形而痛者，阴之类也。无形而痛者，其限完而阴伤之也，急治其阴，无攻其阳；有形而不痛者，其明完而阳伤之也，急治其阳，无攻其阴。阴阳俱动，乍有形，乍无形，加以烦心，命曰阴胜其阳，此谓不表不里，其形不久。黄帝问于伯高曰：余闻形气病之先后，外内之应奈何？伯高答曰：风寒伤形，忧恐忿怒伤气。气伤藏，乃病藏；寒伤形，乃应形；风伤筋脉，筋脉乃应。此形气外内之相应也。黄帝曰：刺之奈何？伯高答曰：病九日者，三刺而已。病一月者，十刺而已。多少远近，以此衰之。久痹不去身者，视其血络，尽出其血。黄帝曰：外内之病，难易之治奈何？伯高答曰：形先病而未入藏者，刺之半其目；藏先病而形乃应者，刺之借其目。此外②内难易之应也。黄帝问于伯商曰：余闻形有缓急，气有盛衰，骨有大小，肉有坚脆，皮有厚薄，其以立寿夭奈何？伯高答曰：形与气相任则寿，不相任则夭。皮与肉相果③则寿，不相果则夭。血气经络胜形则寿，不胜形则夭。黄帝曰：何谓形之缓急？伯高答曰：形充而皮肤缓者则寿，形充而皮肤急者则夭。形充而脉坚大者顺也，形充而脉小以弱者气衰，衰则危矣。若形充而颡不起者骨小，骨小则夭矣。形充而大肉肠坚而有分者肉坚，肉坚则寿矣；形充而大肉无分理不坚者肉脆，肉脆则夭矣。此天之生命，所以立形定气而祝寿夭者。必明乎此立形定气，而后以临病人，决死生。黄帝曰：余闻寿夭，无以度之。伯高答曰：墙基卑，高不及其地者，不满王十而死；其有因加疾者，不及二十而死也。黄帝曰：形气之相胜，以立寿夭奈何？伯高答曰：平人而气股形者寿；病而形肉脱，气股形者死，形胜气者危矣。黄帝曰：余闻刺有三变，何谓三变？伯高答曰：有刺营者，有刺卫者，有刺寒痹④阴：此前原有"病"字，据马注本，黄校本周甲乙经测。②外：原作"月"，据胡本、统本、藏本、日抄本及拥己经》改。③果；《甲乙经》作"裹"，下同。126之留经者。黄帝曰：刺三变者奈体伯高答曰：刺营者出血，刺卫者出气，刺寒疾者内热。黄帝曰：营卫寒痹之为病奈何？伯高答曰：营之生病也，寒热少气，血上下行。卫之生病也，气痛时来时去，佛代贲响，风寒客于肠胃之中。寒痹之为病也，留而不去，时痛而皮不仁。黄帝曰：刺寒痹内热奈何？伯高答曰：利布衣者，以火焯之。刺大人者，以药熨之。黄帝曰：药熨奈何？伯高答曰：用淳酒二十升，蜀椒一升，予姜一斤。挂心一斤，凡四种，皆叹阻，渍酒中。用绵絮一斤，细白布四丈，并内酒中。置酒马矢贯中，盖封涂，勿使泄。五日五夜，出市锦絮，曝干之，干复渍，以尽其汁，每渍必陈其日，乃出干。干，并用律与绵絮布为复巾，长六七尺，为六七巾。则用之生桑炭炙巾，以熨寒痹所刺之处，令热人至于病所，寒复炙巾以熨之，三十遍而止。汗出以巾试身，亦三十遍而止。起步内中，无见风。每利必熨，如此病已矣，此所谓内热也。

## THIÊN 7: QUAN CHÂM

Vấn đề quan yếu của châm thích hay nhất phải kể đến "Quan châm" [1]. Sự thích nghi của 9 loại kim đều có cách châm riêng của nó, mỗi cây kim dài ngắn, to nhỏ đều có tác dụng của nó [2]. Nếu chúng ta ứng dụng không đúng phép thì bệnh không thể hết [3]. Bệnh ở cạn mà châm vào sâu thì bên trong sẽ làm thương đến phần cơ nhục đang lành và nơi bì phu sẽ bị "ung" [4]. Bệnh ở sâu mà châm cạn thì bệnh khí sẽ không được tả và ngược lại, nó sẽ gây thành nhiều mù [5]. Bệnh chỉ đáng châm kim nhỏ mà lại châm kim to, khí sẽ bị tả quá nhiều, bệnh sẽ hại thêm [6]. Bệnh đáng châm kim to mà lại châm kim nhỏ, khí chẳng những không tả mà lại còn trở lại làm tệ hại hơn [7].

Nếu chúng ta làm sai đi sự thích hợp trong phép châm, ví dụ như bệnh (đáng châm kim nhỏ) mà lại châm kim to sẽ tả (đến chân khí), và nếu (đáng châm kim to) mà lại châm kim nhỏ thì bệnh sẽ không thay đổi (hết) được [8]. Điều này chúng ta đã nói về sự tai hại của nó rồi, nay xin được nói về phương pháp thi hành (đúng cách) [9].

Bệnh ở vùng bì phu, không nằm ở chỗ nào nhất định, nên dùng kim Sàm châm, châm vào chỗ đang bệnh [10]. Nhưng nếu gặp chỗ làn da trắng (không dấu vết) thì không nên châm [11]. Bệnh ở tại khoảng phận nhục, nên dùng kim Viên châm, châm vào chỗ đang bệnh [12]. Bệnh ở tại kinh lạc với chúng Cốt tủy, nên dùng kim Phong châm [13]. Bệnh ở tại mạch, khí bị thiếu cần phải được châm bổ, trường hợp này nên dùng kim Đề châm, châm vào các huyết Tĩnh Huỳnh thuộc các đường kinh [14]. Bệnh gây thành những vùng nhiều mù, nên dùng kim Phi châm [15]. Bệnh Tý khí bạo phát, nên dùng kim Viêm lợi châm [16]. Bệnh Tý khí gây thành chứng đau nhức không hết, nên dùng kim Hào châm [16]. Bệnh ở chỗ xa (sâu), nên dùng kim Trường châm [17]. Bệnh Thủy thũng làm cho các vùng Quan tiết không thông được, nên dùng kim Đại châm [18]. Bệnh ở tại ngũ tạng bền lâu, nên dùng kim Phong châm [20].

Nếu cần châm tả ở các huyết Tĩnh Huỳnh thuộc các đường kinh thì nên dựa vào sự thay đổi của bốn mùa [21].

Phàm các phép gồm có 9 để ứng với cửu biến: [22]

- Thứ nhất: gọi là "Du thích", Du thích là phép châm các huyết Huỳnh Du của các kinh và các huyết (bối) du thuộc tạng phủ [23].

- Thứ hai: gọi là "Viễn đạo thích", Viễn đạo thích ý nói phép châm các huyết ở dưới mà bệnh ở trên, đó là châm theo lối 'phù du' [24].

- Thứ ba: gọi là "Kinh thích", Kinh thích là châm vào vùng kết lạc của các đại kinh, thuộc vùng (phận) của đại kinh [25].

- Thứ tư: gọi là "Lạc thích", Lạc thích là phép châm vào vùng huyết mạch của tiểu lạc [26].

- Thứ năm: gọi là "Phận thích", Phận thích là phép châm vào trong khoảng phận nhục [27].

- Thứ sáu: gọi là "Đại tả thích", Đại tả thích là phép dùng kim Phi châm để châm vào nơi có nhiều mù [28].

- Thứ bảy: gọi là "Mao thích", Mao thích là phép châm các chứng "tý" nổi cạn lên ở vùng bì phu [29].

- Thứ tám: gọi là "Cự thích", Cự thích là phép châm, nếu bệnh ở tả thì châm ở huyết bên hữu, bệnh bên hữu thì châm huyết bên tả [30].

- Thứ chín: gọi là "Thôi thích", Thôi thích là phép châm bằng cách đốt nóng nhờ vậy mà thủ được các chứng tý [31].

Phàm các phép châm có 12 tiết để ứng với 12 kinh: [32]

- Thứ nhất: gọi là "Ngẫu thích", Là phép châm dùng tay ấn ngay chỗ tâm ở trước cũng như ở sau lưng chỗ đang đau nhức, châm phía trước 1 kim, phía sau 1 kim, nhằm trị chứng "Tâm tý", Châm theo phương pháp này phải châm kim nghiêng (bàng) [33].

- Thứ hai: gọi là "Báo thích", Là châm vào những nơi đau nhức không nhất định, chạy lên chạy xuống, châm thẳng vào trong không rút kim ra, dùng tay trái ấn lên chỗ đau rồi mới rút kim, Châm như vậy nhiều lần [34].

- Thứ ba: gọi là "Khôi khích", Là châm vào bên cạnh, nâng mũi kim lên phía sau hoặc phía trước nhằm khơi lên đường gân đang bị cấp để trị chứng cân tý [35].

- Thứ tư: gọi là "Tề thích", là phép châm 1 kim thẳng 2 kim nghiêng (xiên) nhằm trị chứng hàn khí đang còn chưa đi sâu vào trong, còn có tên là Tam thích, Tam thích nhằm trị tý khí đang còn chưa đi sâu vào trong [36].



- Thứ năm: gọi là "Du thích", là phép châm ở ngay giữa 1 kim, ở 4 bên 4 kim, châm cạn nhằm trị hàn khí đang còn ở cạn mà rộng [37].
  - Thứ sáu: gọi là "Trục châm thích", là phép châm (dùng tay) kéo da lên rồi mới châm nhằm trị hàn khí đang còn ở cạn [38].
  - Thứ bảy: gọi là "Du thích", là phép châm thẳng vào rút thẳng ra, phát kim để châm thật lâu và lưu kim thật sâu, nhằm trị tà khí đang thịnh và nhiệt [39].
  - Thứ tám: gọi là "Đoản thích", là phép châm vào đến tận 'cốt tủy', mũi kim hơi dao động và đi sâu vào đến chỗ 'cốt' mà mũi kim phải tới như thế là chúng ta đang có tác động lên xuống nhằm bức thiết tà khí đang ở sâu vào 'cốt' (phải đi ra) vậy [40].
  - Thứ chín: gọi là "Phù thích", là phép châm các mũi kim vây quanh (vùng đau) và nên châm cạn nhằm trị chứng cơ bị cấp mà hàn [41].
  - Thứ mười: gọi là "Âm thích", là phép châm cả hai bên phải bên trái nhằm trị chứng 'hàn quyết', châm trúng chứng hàn quyết nằm ở kinh Thiếu âm ngoài sau mắt cá [42].
  - Thứ mười một: gọi là "Bàng châm thích", là phép châm 1 mũi kim châm ngay, 1 mũi kim châm xiên bên cạnh, mỗi bên 1 mũi nhằm trị chứng lưu tý ở lâu trong cơ thể [43].
  - Thứ mười hai: gọi là "Tán thích", là phép châm thẳng vào và rút thẳng ra, châm nhiều cây mà châm cạn xuất huyết trị ung thũng [44].
- Khi nào mạch còn ở trong sâu chưa hiện ra thì châm nhẹ vào trong và lưu kim lâu, nhằm tới nơi của khí của ngũ tạng [45]. Khi nào mạch ở chỗ cạn không nên châm ngay, án thế nào cho mạch khí tuyệt vào trong rồi mới châm, nhằm không để cho tinh khí bị xuất mà chỉ có mỗi một mình tà khí xuất mà thôi [46]. Cái gọi là 'tam thích' là phép châm làm cho cốc khí đến [47]. Trước hết châm vào phần dưới da nhằm làm cho tà khí vùng Dương phạm xuất ra, sau đó châm tiếp tục làm cho Âm tà xuất ra ít, sâu hơn vào dưới da cho đến phần cơ nhục nhưng chưa đến khoảng phạm nhục, khi nào đến phần trong khoảng phạm nhục thì cốc khí sẽ đến [48]. Cho nên phép châm nói: trước hết châm cạn nhằm trục tà khí và để cho huyết khí đến, sau đó châm sâu vào cho đến vùng tà của Âm khí, sau cùng châm thật sâu vào nhằm làm cho cốc khí hiện ra [49]. Đó là ý nghĩa của (tam thích) [50]. Cho nên người dụng châm nếu không biết "sự gia của niên", "sự thịnh suy của khí", "sự bắt đầu của hư thực" thì không thể gọi là "công: khéo" vậy [51].
- Phàm các phép châm có "ngũ" để ứng với "ngũ tạng" : [52]
- Thứ nhất: gọi là "Bán thích", có nghĩa là châm vào cạn, nhưng phát châm nhanh, dùng châm làm thương đến "nhục" mà phải như động tác nhỏ 1 sợi lông, nhằm thủ lấy khí ở nơi bì (da). Đây là phép châm ứng với Phế [53].
  - Thứ hai: gọi là "Bảo văn thích", là phép châm trái phải, trước sau, châm cho trúng mạch là chính, nhằm thủ huyết ở kinh lạc. Đây là phép châm ứng với Tâm [54].
  - Thứ ba: gọi là "Quan thích", là châm thẳng vào hai bên phải trái (tứ chi), tận vào những nơi có cân nối quan tiết, nhằm thủ khí "cân tủy"; Nên cẩn thận không nên châm xuất huyết. Đây là phép châm ứng với Can, còn gọi là "Uyên thích", "Khởi thích" [55].
  - Thứ tư: gọi là "Hợp cốc thích", là phép châm hai bên phải và trái giống như cái "kê túc - cẳng gà". Châm vào vùng phạm nhục, nhằm thủ khí "cơ tủy". Đây là phép châm ứng với Ty [56]ø.
  - Thứ năm: gọi là "Du thích", là phép châm thẳng vào và rút thẳng ra, châm sâu vào trong đến tận "cốt", nhằm thủ khí "cốt tủy". Đây là phép châm ứng với Thận [57].

## 官针第七法星

**凡利之要, 官针最妙。九针之宜, 各有所为, 长短大小, 各有所施也, 不得其用, 病弗能移。疾浅针深, 内伤良肉, 皮肤为痈; 病深针浅, 病气不泻, 支为大脓。病小针大, 气泻太甚, 疾必为害; 病大针小, 气不泄泻, 亦复为败。失针之直, 大者泻, 小者不移, 已言其过, 请言其所施。病在皮肤无常处者, 取以操针于病所, 肤白勿取; 病在分肉间, 取以员针于病所; 病在经络病痹者, 取以锋针; 病在脉, 气少当补之者, 取以提针于井荣分输; 病为大脓者, 取以镇针; 病痹气暴发者, 取以员利针; 病痹气痛而不去者, 取以毫针; 病在中者, 取以长针; 病水肿不能通关节者, 取以大针; 病在五藏固居者, 取以锋针, 泻于井荣分输, 取以四时。凡利有九, 以应九变。~回输刺, 输刺者, 刺请经费输也。二日远道刺, 远道刺者, 病在上, 取之下, 刺府脑也。三曰经刺, 经刺者, 刺大经之络经分也。四曰络刺, 络刺者, 刺小络之血脉也。五曰分刺, 分刺者, 刺分肉之间也。六曰大泻刺, 大泻刺者, 刺大脓以软针也。七日毛制, 毛刺者, 科浮痲皮肤也。八曰巨刺, 巨刺者, 左取右, 右取左。九曰辞刺, 辞刺者, 刺插针则取痹也。凡刺有十二节, 以应十二经。一日偶刺, 偶刺者, 以手直心若背, 直痛所, 一刺前, 一刺后, 以治心痹, 刺此者傍针之也。二日报刺, 报刺者, 刺痛无常处也, 上下行者, 直内无拔针, 以左手防病所按之, 乃出针复刺之也。三日恢刺, 恢刺者, 直刺傍之, 举之前后, 恢筋急, 以治筋痹也。四曰齐刺, 齐刺者, 直入一, 傍入二, 以治寒气小深者。或**

曰三刺，三刺者，治痹气小深者也。五日扬刺，扬刺者，正内一，傍内四，而浮之，以治寒气之博大者也。六日直针刺，直针刺者，引皮乃利之，以治寒气之浅者也。七日输刺，输刺者，直入直出，稀发针而深之，以治气盛而热者也。八日短刺，短刺者，刺骨痹，稍摇而深之，致针骨所，以上下摩骨也。九日浮刺，浮刺者，傍入而浮之，以治肌急而寒者也。十日阴刺，阴刺者，左右率刺之，以治寒厥，中寒厥，足踝后少明也。十一日傍针刺，傍针刺者，直刺傍刺各一，以治留痹久居者也。十二日赞刺，赞刺者，直入直出，数发针而浅之出血，是调治痈肿也。脉之所居深不见者，刻之微内针而久留之；以致其空脉气也。脉浅者勿刺，按绝其脉乃刺之，无令精出，独出其邪气耳。所谓三刺则谷气出者，先浅利绝皮，以出阳邪；再刺则阴邪出者，少益深，绝皮致肌肉，未入分肉间也；已入分肉之间，则谷气出。故嫩法附：始刺浅之，以逐邪气而来血气；后刺深之，以致阴气之邪；最后刺极探之，以下谷气。此之谓也。敢用针者，不知年之所加，气之盛衰，虚实之所起，不可以为工也。凡刺有五，以应五藏。一日半刺，半刺者，浅内而疾发针，无针伤肉，如拔毛状，以取皮气，此肺之应也。二曰豹文刺，豹文刺者，左右前后，针之中脉为故，以取经络之血者，此心之应也。三日关刺，关刺者，直刺左右，尽筋上，以取筋痹，镇无出血，此肝之应也，或曰渊刺，一日岂豨；四日合谷刺，合谷刺者，左右鸡足，针于分肉之间，以取肌痹，此脾之应也。五日输刺，输刺者，直入直出，深内之至骨，以取骨痹，此肾之应也。

#### THIÊN 8: BẢN THẦN

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá rằng: Phàm các phép châm, trước hết ắt phải dựa vào cái "gốc", đó là 'thần' [1]. Huyết mạch doanh khí tinh thần, tất cả đều do ngũ tạng 'tàng chứa' [2]. Nếu sự sống đến mức đậm đặc làm cho tạng khí bị phân ly sẽ đưa đến tình trạng tinh khí bị thất, hôn phách bay xa, chí ý bị hoảng loạn, trí lự rời khỏi thân, nguyên nhân nào đã gây nên như thế? Trời đất bắt tội u? Lỗi ở con người u? [3] Thế nào gọi là đức khí sinh ra tinh, thần, hôn, phách, tâm, ý, chí, tu, trí, lự? Xin được hỏi nguyên nhân của vấn đề" [4].

Kỳ Bá đáp: "Cái của Trời 'ở nơi' ta, gọi là 'đức', cái của Đất 'ở nơi' ta gọi là 'khí' [5]. Cái 'thiên đức' lưu hành xuống dưới, cái 'địa khí' giao lên trên mà tạo thành sự 'sinh (hóa)' vậy[6]. Cho nên cái mà, khi sự sống bắt đầu có thì nó đã có, gọi là 'tinh' [7]. Hai 'tinh' đánh nhau gọi là 'thần' [8]. Tùy theo 'thần' vãng lai gọi là 'hôn' [9]. Cùng với tinh khí 'xuất nhập' gọi là 'phách' [10]. Đóng vai trò xử trí tròn vẹn với sự vật gọi là 'Tâm' [11]. Cái 'tâm' 'chứa, nhớ' gọi là 'ý' [12]. Nơi 'gìn giữ' cái 'ý' gọi là 'chí' [13]. Nhân có cái 'chí' mà có thể 'gìn giữ' hoặc 'biến hóa' gọi là 'tu' [14]. Nhân có cái 'tu' mà chúng ta có thể 'vuon cái tinh' của chúng ta để 'thích nghi' với sự vật gọi là 'trí' [15]. Cho nên, bậc 'trí' khi 'duỡng sinh', ắt phải thuận với tứ thời và thích ứng được với hàn thử, phải hòa được sự hi nộ để ở yên, phải "tiết (chế)" được với Âm Dương để điều hòa được với cương nhu [16]. Được vậy thì tà khí không đến (để tấn công), chúng ta sẽ sống 1 cuộc sống trường sinh" [17].

Cho nên, người hay kinh sợ, tu lự thì sẽ làm thương 'thần' [18]. Thần bị tổn 'thương' sẽ bị khủng và cụ, lưu dâm không ngừng [19]. Người hay bi ai thì bên trong sẽ bị 'động', khí bị kiệt, bị tuyệt mà mất dần sức sống [20]. Người thường hi lạc thì thần bị sợ hãi và tán đi chứ không giữ lại được [21]. Người hay ưu sầu sẽ làm cho khí bị bế tắc không vận hành được [22]. Người hay thịnh nộ thì sẽ bị mê hoặc và bất trị (loạn) [23]. Người hay khủng cụ thì thần bị sợ hãi mà phóng túng không thu về được [24]. Khi nào Tâm hay kinh sợ, tu lự thì sẽ làm thương thần [25]. Thần bị 'thương' sẽ bị khủng và cụ rồi tự mất, làm cho các bắp thịt bị teo (phá), gầy thoát, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa đông [26].

Khi nào Tỳ bị sầu ưu mà không giải được thì sẽ làm thương tổn đến 'ý', 'ý' bị 'thương' sẽ làm cho (nơi lồng ngực) bị phiền loạn, tứ chi không cử động được, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa đông [27].

Khi nào Can bị bi ai mà bên trong bị 'động' thì sẽ làm thương tổn đến hôn, hôn bị 'thương' sẽ bị cuồng, bị vong (quên) không còn 'tinh', không còn 'tinh' thì tà khí vọng hành bất chính, (người này) sẽ bị chứng âm súc (teo bộ phận sinh dục) và gân co quắp, xương sườn hai bên hông sẽ không nổi lên, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa thu [28].

Khi nào Phê bị hi lạc đến vô vực thì sẽ làm thương tổn đến phách, phách bị 'thương' sẽ bị cuồng, khi bị cuồng thì 'ý' sẽ làm cho (người bệnh) thấy cảnh mình không có ai khác, bì cách bị nhăn nheo, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa hạ [29].

Khi nào Thận bị thịnh nộ không ngừng thì sẽ làm thương đến 'chí', 'chí' bị thương sẽ làm người ta hay quên những gì mình đã nói, cột sống thắt lưng làm cho không thể cúi ngựa, co duỗi được, lông bị héo, sắc bị yếu, chết vào mùa quý hạ [30].

Khi nào bị khủng và cụ đến không giải được thì sẽ làm thương tổn đến 'tinh', tinh bị thương thì cốt bị ê ẩm, nuy quyết, tinh thường bị xuất ra[31].

Cho nên, ngũ tạng chủ về tàng tinh, chúng ta không thể làm thương đến nó, nếu làm thương thì (ngũ tạng) sẽ bị thất thủ (không còn được bảo vệ) đưa đến âm khí bị hu [32]. Âm khí bị hu thì không còn khí, không còn khí thì sẽ chết [33]. Cho nên, người dụng châm phải quan sát bệnh thái của người bệnh, nhằm để biết sự còn mất của 'tinh, thần, hồn, phách', nắm cho thành cái ý đặc thất [34]. Nếu ngũ tạng khí đã bị thương, thì việc châm trị sẽ không thành công được [35].

Can tàng huyết, huyết xá ( chứa) hồn, khi Can khí hu thì hay khủng, thực thì hay nộ [36].

Tỳ tàng doanh, doanh chứa ý, khi Tỳ hu thì làm cho tứ chi không làm việc được nữa, ngũ tạng sẽ bất an, thực thì bụng bị trướng, đường tiêu bị bất lợi [37].

Tâm tàng mạch, mạch chứa thần, khi Tâm khí hu thì hay bi, thực thì hay cười không thôi[38].

Phế tàng khí, khí chứa phách, khi Phế hu thì mũi bị nghẹt, bất lợi (không thông), ngán hơi, thực thì hơi thở gấp mà âm thanh to, ngực bị đầy, phải ngược lên để thở [39].

Thận tàng tinh, tinh chứa chí, khi Thận khí hu thì bệnh quyết, thực thì bị bệnh trướng [40].

Khi ngũ tạng bất an, ắt phải thăm sát bệnh hình của ngũ tạng để biết được sự hu thực của khí, điều hòa 1 cách cẩn trọng [41]

## 本神第八法民

黄帝问于岐伯曰：凡利之法，先必本于神。血、脉、营、气、精神，此五藏之所藏也，至其建铁，离藏则精失、魂魄飞扬、志意恍乱、智虑去身者，何因而然乎？天之罪与？人之过乎？何谓德、气、生、精、神、魂、魄、心、意、志、思、智、虑？请问其故。岐伯答曰：天之在我者德也，地之在我者气也，德流气薄而生者也。故生之来谓之精，两精相搏谓之神，随神往来者谓之魂，并精而出入者谓之魄，所以任物者谓之心，心有所忆谓之意，意之所存谓之志，因志而存变谓之思，因思而远慕谓之虑，因虑而处物谓之智。故智者之养生也，必顺四时而适寒暑，和喜怒而安居处，节阴阳而调刚柔，如是则僻邪不至，长生久视。是故忧惕思虑者则伤神，神伤则恐惧流淫而不止。因悲哀动中者，竭绝而失生。喜乐者，神惮散而不藏。愁忧者，气闭塞而不行。盛怒者，迷惑而不治。恐惧者，神荡惮而不收；**心忧惕思虑**则伤神，神伤则恐惧自失，破腠脱肉，毛怀色夭，死于冬。脾愁忧而不解则伤意，意伤则说乱，四肢不举，毛怀色夭，死于春。肝悲哀动中则伤魂，魂伤则狂妄不精，不精则不正当人，明缩而挛筋，两胁骨不举，毛怀色夭，死于秋。128**肺喜乐**无极则伤魄，魄伤则狂，狂者意不存人，皮革焦，毛怀色夭，死于夏。肾盛怒而不止则伤志，志伤则喜忘其前言，腰脊不可以俯仰屈伸，毛悴色夭，死于季夏。恐惧而不解则伤精，精伤则骨酸控厥，精时自下。是故五藏主藏精者也，不可伤，伤则失守而阴虚，阴虚则无气，无气则死矣。是敢用针者，察观病人之态，以知精神魂魄之存亡得失之意，五者已伤，针不可以治之也。肝藏血，血舍魂，肝气虚则恐，实则怒。脾藏营，营舍意，脾气虚则四肢不用，五藏不安；实则腹胀，经按不利。心藏脉，脉舍神，心气虚则悲；实则笑不休。肺藏气，气舍魄，肺气虚则鼻塞不利少气；实则喘喝，胸盈仰息。肾藏精，精舍志，肾气虚则厥；实则胀，五藏不安。必审五藏之病形，以知其**气之虚实**，谨而调之也。

## THIÊN 9: CHUNG THỈ

Phạm đạo của việc châm (thích) được trọn vẹn ở thiên 'Chung thỉ' [1]. Nếu chúng ta biết rõ 'Chung thỉ' thì chúng ta sẽ thấy ngũ tạng đóng vai trò 'kỷ' làm cho âm dương được định vậy[2]. Âm chủ về tạng, dương chủ về phủ [3]. Dương thọ khí ở tứ mật, Âm thọ khí ở ngũ tạng, cho nên khi châm tả, chúng ta phải theo phép nghênh khí, khi châm bổ, chúng ta phải theo phép tùy chi[4]. Biết rõ nghênh, tùy, thì có thể làm cho khí được hòa[5]. Con đường đi tới cái hòa của khí là phải thông hiểu âm dương[6]. Ngũ tạng thuộc âm, lục phủ thuộc dương[7]. Vấn đề này khi truyền lại cho đời sau, mỗi khi cần thể nguyên (minh) thường người ta lấy huyết làm lời minh, có nghĩa là ai kính trọng lời minh thì tốt, ai khinh mạn thì sẽ chết[8]. Hành động không đúng với đạo sẽ bị tai ương bởi Trời, chúng ta phải phụng thiên đạo 1 cách cẩn trọng[9].

Bây giờ chúng ta nói đến chung thỉ [10]. Nội dung của chung thỉ là lấy kinh mạch làm kỷ, nắm vững tình trạng của khí ở mạch khẩu và nhân nghênh để có thể biết được sự hữu

du hay bất túc của âm dương, biết được sự bình thường hay bất bình thường của âm dương, đó là chúng ta hành động được tròn vẹn với thiên đạo rồi vậy[11]. Gọi là bình nhân túc là nói đến 1 người không bị bệnh [12]. Người không bị bệnh là người mà mạch khẩu và nhân nghênh ứng với tứ thời bốn mùa, là người mà trên dưới tương ứng với nhau và có đầy đủ sự vắng lai, lục kinh không bị kết động, sự hàn ôn ở bản mặt cùng giữ nhau để điều hành nhau, là người hình nhục, huyết khí ắt phải tương xứng nhau, ta gọi đó là bình nhân [13].

Người thiếu khí là người mà mạch khẩu và nhân nghênh đều thiếu không xứng với xích thốn, như vậy là âm dương đều bất túc[14]. Nếu bổ âm thì dương bị kiệt, nếu tả âm thì dương thoát [15]. Trong trường hợp này nên dùng loại thuốc có vị ngọt (cam dược), không thể cho uống loại chi tễ, trường hợp này cũng không nên cứu và nếu không hết bệnh mà ta lại tả cũng sẽ làm cho khí của ngũ tạng bị hoại[16].

Mạch nhân nghênh nhất thịnh, bệnh ở tại kinh túc Thiếu dương, nhất thịnh mà thêm tảo thì bệnh ở tại kinh thủ Thiếu dương[17]. Mạch nhân nghênh nhị thịnh, bệnh ở tại túc Thái dương, nhị thịnh mà thêm tảo thì bệnh ở tại thủ Thái dương[18]. Mạch nhân nghênh tam thịnh, bệnh ở tại túc Dương minh, tam thịnh mà thêm tảo thì bệnh ở tại thủ Dương minh[19]. Mạch Dương minh tứ thịnh, vừa đại, vừa sắc, gọi tên là dật dương, dật dương gọi là ngoại cách [20].

Mạch mạch khẩu nhất thịnh, bệnh ở tại túc Quyết âm, nhất thịnh mà thêm tảo thì bệnh ở tại thủ Tâm chủ [21]. Mạch mạch khẩu nhị thịnh, bệnh ở tại túc Thiếu âm, nhị thịnh mà thêm tảo thì bệnh ở tại thủ Thiếu âm[22]. Mạch mạch khẩu tam thịnh, bệnh ở tại túc Thái âm, tam thịnh mà thêm tảo thì bệnh ở tại thủ Thái âm[23]. Mạch mạch khẩu tứ thịnh, vừa đại, vừa sắc, gọi tên là dật âm, dật âm gọi là nội quan, Nội quan là tình trạng bất thông, chết chứ không trị được[24]. Mạch nhân nghênh và mạch khẩu ở kinh Thái âm nếu đều thịnh lên đến trên 4 bội (lần) thì gọi là Quan cách [25]. Bị Quan cách thì đã gần đến ngày chết rồi vậy[26].

Mạch Nhân nghênh nhất thịnh thì châm tả kinh túc Thiếu dương và châm bổ kinh túc Quyết âm, châm 2 lần tả và 1 lần bổ, mỗi ngày thủ huyết 2 lần để châm[27]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[28]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung, không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi[29].

Mạch Nhân nghênh nhị thịnh thì châm tả kinh túc Thái dương và châm bổ kinh túc Thiếu âm, châm 2 lần tả và 1 lần bổ, mỗi ngày thủ huyết 1 lần để châm[30]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui hay chưa[31]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi [32].

Mạch Nhân nghênh tam thịnh thì châm tả kinh túc Dương minh và châm bổ kinh túc Thái âm, châm 2 lần tả 1 lần bổ, mỗi ngày thủ huyết 2 lần để châm[33]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[34]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi [35].

Mạch Khẩu nhất thịnh thì châm tả kinh túc Quyết âm và châm bổ kinh túc Thiếu dương, Châm 2 lần bổ và 1 lần tả, mỗi ngày thủ huyết 1 lần để châm[36]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[37]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi[39].

Mạch Khẩu nhị thịnh thì châm tả kinh túc Thiếu âm và châm bổ kinh túc Thái dương, châm 2 lần bổ và 1 lần tả, mỗi ngày thủ huyết 1 lần để châm[40]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[41]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi[42].

Mạch Khẩu tam thịnh thì châm tả kinh túc Thái âm và châm bổ kinh túc Dương minh, châm 2 lần bổ và 1 lần tả, mỗi ngày thủ huyết 1 lần để châm[43]. Nên bắt mạch để nghiệm xem bệnh đã lui chưa[44]. Nên có thái độ làm việc 1 cách thung dung không nên gấp rút, cho đến khi nào cốc khí đến 1 cách điều hòa mới thôi [45].

Kinh Dương minh chủ về Vị, rất dồi dào về cốc khí, cho nên chúng ta có thể mỗi ngày chọn huyết 2 lần để châm[46]. Mạch Nhân nghênh và mạch Khẩu đều thịnh lớn hơn 3 lần, được gọi tên là âm dương đều dật[47]. Trong trường hợp này, nếu không châm cho khai thông thì huyết mạch bị bế tắc[48]. Khí không có đường để vận hành, nó sẽ lưu lại và tràn đầy ở trong, làm cho ngũ tạng bị nội thương[49]. Trong trường hợp này, chúng ta lại theo đó mà cứu, ắt sẽ làm thay đổi gây thành bệnh khác nữa[50].

Phạm trong cách châm, khi nào thấy khí đã điều hòa thì dừng châm[51]. Nên châm bổ âm và tả dương, như vậy sẽ làm cho âm thanh càng to, rõ, tai, mắt được thông minh, nếu ngược lại thì khí huyết sẽ không vận hành được[52]. Gọi là khí đến và đã có hiệu quả

tốt, đó là nếu dùng phép tả, là càng làm hư bớt cái thực[53]. Khi đã châm theo phép hư rồi thì mạch sẽ đại như cũ chứ không kiên (thực)[54]. Nếu kiên như cũ, thì dù có nói rằng bệnh đã hết, nghĩa là đã trở lại trạng thái mạnh khỏe như xưa, nhưng thực sự bệnh vẫn chưa khỏi[55].

Nếu dùng phép bổ, đó là càng làm thực thêm cái hư [56]. Khi đã châm theo phép thực rồi thì mạch sẽ đại như cũ chứ không làm tăng thêm cái kiên (thực)[57]. Nếu đại như cũ chứ không kiên hơn, thì dù có nói rằng bệnh đã trở lại trạng thái khoái (sung sướng, dễ chịu) như xưa, nhưng thực sự bệnh vẫn chưa khỏi[58].

Cho nên, phép châm bổ làm cho thực thêm cái hư, phép châm tả là làm hư bớt cái thực[59]. Dù cái đau đón không theo mũi kim mà ra đi hẳn ngay, nhưng cơn bệnh chắc chắn phải giảm bớt vậy[60]. Muốn đạt được kết quả bổ tả, bắt buộc phải thông nguyên nhân sinh ra bệnh ở nơi 12 kinh mạch, được vậy, sau đó mới có thể truyền lại trong chung thì vậy [61]. Cho nên muốn cho âm dương không cùng làm sai lệch nhau, hư thực không làm thương lẫn nhau, lúc chúng ta chữa bệnh, chỉ cần chọn chính kinh là được[62].

Phạm phép châm, thuộc lần thứ 3, đó là phải châm cho đến lúc có cốc khí [63]. Khi tà khí hợp nhau 1 cách cấu thả nơi khí phạm, làm cho khí âm dương bị thay đổi chỗ nhau, khí nghịch thuận cùng tương phản nhau, khí âm dương không còn hợp với sự phù trầm của kinh mạch, không còn hợp với sự thăng giáng của 4 mùa, nó sẽ vì thế mà lưu giữ 1 cách tràn đầy trong vùng khí phạm của âm dương, như vậy, nên dùng phép để đuổi nó đi[64]. Cho nên, châm 1 lần thì làm cho dương tà xuất ra, châm lần nữa sẽ làm cho âm tà xuất ra, châm lần 3 làm cho cốc khí đến thì thôi châm[65]. Khi nói rằng cốc khí đến có nghĩa là sau khi châm bổ xong thì khí sẽ thực, châm tả xong thì khí sẽ hư [66]. Nhờ vậy mà ta biết được khi nào cốc khí đến, tức là tà khí ra đi 1 mình vậy[67]. Dù âm dương chưa được điều hòa nhưng ta biết là bệnh đã khỏi rồi[68]. Vì thế mới có câu bổ tức là làm cho thực thêm cái hư, tả tức là làm cho hư bớt cái thực[69]. Dù sự đau đón không theo mũi kim mà ra đi hẳn ngay, nhưng cơn bệnh chắc chắn phải giảm bớt vậy[70]. Khi nào âm thịnh mà dương hư thì nên châm bổ dương khí trước, sau đó châm tả âm khí để âm dương được điều hòa[71]. Khi nào âm hư mà dương thịnh thì nên châm bổ âm khí trước, sau đó châm tả dương khí để âm dương được điều hòa[72].

Tam mạch động ở khoảng trong của ngón chân cái, nên thăm định rõ sự thực hư, nếu hư mà ta châm tả đó gọi là trùng hư, bị trùng hư thì bệnh càng nặng[73]. Phạm khi châm nơi đây, nên dùng ngón tay ấn vào, nếu thấy mạch động mà thực và nhanh, nên châm tả cho nhanh; nếu thấy mạch hư mà chậm, nên châm bổ, nếu làm ngược lại như trên thì bệnh càng nặng[74]. Khi động thì Dương minh ở trên, Quyết âm ở giữa, Thiếu âm ở dưới [75]. Vùng ngực có các huyết Du, nên châm trúng vào các huyết Du trên vùng ngực, vùng lưng có các huyết du, nên châm trúng vào những huyết du trên lưng và vai[76]. Nếu thấy hư nên chọn châm ở trên[77]. Bị bệnh ở trùng thiệt (nơi trùng của lưỡi), nên châm vào nơi thiệt trụ, châm kim Phi châm[78]. Khi nào cánh tay chỉ co lại mà không duỗi ra được, thì đó là bệnh ở gân[79]. Khi nào cánh tay chỉ duỗi ra mà không co vào được, thì đó là bệnh ở cốt [80]. Bệnh tại cốt nên chú trọng chữa ở cốt, bệnh tại gân nên chú trọng chữa ở gân[81].

Phép châm (bổ), thứ nhất đợi khí vừa mới thực nên châm sâu vào, ấn thật nhẹ vào vết châm, nhằm để cho tà khí xuất ra hết, một nữa là đợi lúc khí vừa mới hư, châm cạn, nhằm dưỡng mạch khí, châm xong nên ấn thật nhanh vào chỗ vết châm nhằm không cho tà khí xâm nhập vào[82]. Tà khí đến, nên châm khẩn, nhanh[83]. Khi cốc khí đến, nên châm chậm và hòa hoãn[84]. Mạch khí thực, nên châm sâu vào nhằm tiết tà khí ra; mạch khí hư, nên châm cạn nhằm làm cho tinh khí không thoát ra được, nhằm dưỡng được mạch khí, chỉ cho mỗi mình tà khí xuất ra mà thôi[85].

Châm các chứng thống, mạch của nó đều thực[86]. Cho nên nói rằng: từ thất lung trở lên, do kinh thủ Thái âm và Dương minh làm chủ, từ thất lung trở xuống, do kinh túc Thái âm và Dương minh làm chủ [87]. Bệnh ở phần trên, thủ huyết trị ở dưới [88]. Bệnh ở phần dưới, thủ huyết trị trên cao[89]. Bệnh ở đầu, thủ huyết trị ở dưới chân[90]. Bệnh tại thất lung, thủ huyết trị ở kheo chân (quắc)[91]. Bệnh sinh ra ở đầu thì đầu bị nặng, bệnh sinh ra ở cánh tay thì cánh tay nặng, bệnh sinh ra ở chân thì chân nặng, khi trị bệnh, nên châm vào những nơi đã sinh ra bệnh[92].

Mùa xuân, khí ở tại mao, mùa hạ khí ở tại bì phu, mùa thu khí ở tại phạm nhục, mùa đông khí ở tại gân cốt, châm những bệnh này, nên thích ứng đúng vào thời mùa[93]. Cho nên, châm những người mập, nên châm như thể châm vào lúc mùa thu và đông, châm người

gây, nên châm nhu thể châm vào lúc mùa xuân và hạ[94]. Bệnh thuộc về thống là thuộc về âm, thống mà dùng tay ấn lên cũng không thấy được vì nó thuộc về âm, nên châm sâu vào[95]. Bệnh ở phần trên thuộc về dương, bệnh ở phần dưới thuộc về âm[96]. Bệnh ngứa thuộc dương châm cạn[97]. Nếu bệnh khởi lên trước ở phần âm thì nên trị phần âm trước rồi sau mới trị phần dương[98]. Nếu bệnh khởi lên trước ở phần dương thì nên trị phần dương trước rồi sau mới trị phần âm[99].

Châm chứng "nhiệt quyết", nếu lưu kim lâu quá sẽ thành ngược lại thành hàn[100]. Châm chứng bệnh hàn quyết, nếu lưu kim lâu quá sẽ ngược lại thành nhiệt[101]. Châm nhiệt quyết thì 2 âm và 1 dương[102]. Châm hàn quyết thì 2 dương 1 âm[103]. Cái gọi là 2 âm, tức là châm âm 2 lần, gọi là 1 dương tức là châm dương 1 lần[104]. Bệnh lâu ngày, tà khí nhập vào sâu, châm trị bệnh này, nên châm sâu vào và lưu kim thật lâu, cứ cách ngày lại châm trở lại[105]. Phải để ý vấn đề điều hòa cách châm phải trái, nhằm đuổi nó ra khỏi huyết mạch trong thân thể [106]. Phép châm (đạo châm) như thế là đầy đủ [107].

Phàm trong phép châm, chúng ta phải xem xét phần hình khí, hình và nhục chưa thoát nhau, thiếu khí mà mạch lại táo cấp[108]. Bệnh táo lại quyết nghịch, nên châm theo phép Mậu thích[109]. Tinh khí có bị tán có thể thu lại, tà khí có tụ thì có thể tán ra[110].

Người thầy thuốc phải ở 1 nơi sâu nào đó cho yên tĩnh, thấy rõ được sự vắng lai của thần khí, đóng kín cửa lại, cốt làm sao cho hỗn phách không bị tán[111]. Phải chuyên chú ý của mình vào với thần làm một, giữ được tinh khí của mình đúng chỗ của nó, không nghe đến tiếng nói người khác, nhằm thu giữ cái tinh khí[112]. Tất cả phải đưa vào với thân làm một, khiến cho chí của người châm theo vào mũi kim[113]. Hoặc châm cạn mà lưu kim, hoặc châm thật nhẹ mà giữ bề ngoài, điều hành cái thần của người bệnh, khi nào chân khí đến mới thôi châm[114]. Nam nội nữ ngoại, kiên quyết giữ cái chính khí của người bệnh, quyết không để cho nó xuất ra[115]. Ngoài ra, phải giữ gìn cẩn thận không để cho tà khí nhập vào, Ta gọi đó là đắc khí [116].

Phàm những việc cấm châm gồm: vừa mới nhập phòng (giao hợp) xong đừng châm, đã châm rồi thì đừng nhập phòng; đã say rồi đừng châm, đã châm rồi đừng say; mới vừa nổi giận đừng châm, đã châm rồi đừng nổi giận; vừa làm việc mệt nhọc xong đừng châm, đã châm rồi đừng làm việc mệt nhọc; đã ăn no đừng châm, đã châm rồi đừng ăn no; đã đói đừng châm, đã châm rồi thì đừng để đói; đã khát rồi đừng châm, đã châm rồi đừng để khát; khi mà có việc gì quá kinh khủng, nên có thời để định lại khí rồi hãy châm; mới vừa đi xe đến nên nằm nghỉ trong thời gian bữa cơm rồi mới châm; đi bộ vừa đến nên ngồi nghỉ bằng thời gian đi 10 dặm rồi mới châm[117].

Sở dĩ có 12 phép cấm châm trên, là vì lúc bấy giờ mạch đang loạn, khí đang tán, khí vinh (doanh) vệ bị nghịch, kinh khí không còn vận hành theo thú tự [118]. Nếu trong trường hợp như vậy mà ta châm vào thì sẽ làm cho dương bệnh nhập vào âm, Âm bệnh xuất ra ở dương, tạo cơ hội cho tà khí sinh trở lại[119]. Người thầy châm vụng về, không xét kỹ các lý lẽ trên, đó là họ đã chặt đứt (giết chết) thân thể con người, làm cho hình thể con người không vận hóa bình thường, tiêu hao não tủy, tân dịch không còn hóa, làm cho ngũ vị không còn làm tròn vai trò tạo ra thần khí, Ta gọi đó là thất khí vậy[120].

Khi mạch Thái dương bị chung tuyệt, mắt bị trợn, thân hình bị vặn uốn, bị "khiết tủng", màu sắc trắng bệch, da bị héo rời đưa tới việc mồ hôi bị tuyệt, khi mồ hôi bị tuyệt thì chết [121].

Khi mạch Thiếu dương bị chung tuyệt, tai sẽ bị điếc, trăm đốt xương đều buông lỏng, phần mục hệ (vùng mắt) bị tuyệt khí, mục hệ bị tuyệt chỉ 1 ngày rưỡi là chết, Khi chết thì sắc mặt đổi từ xanh qua trắng rồi mới chết[122].

Mạch Dương minh bị chung tuyệt, miệng và mắt đều không động giựt, hay lo sợ, nói sàm bậy, sắc mặt vàng, kinh mạch ở trên hay dưới đều thịnh và không vận hành được, như vậy là phải chết[123].

Mạch Thiếu âm bị chung tuyệt, sắc mặt sẽ đen, răng lộ dài ra như có nhiều chất bản, bụng trướng vì bị bế tắc, trên và dưới không còn thông nhau, và sẽ chết[124].

Mạch Quyết âm bị chung tuyệt, bên trong nhiệt, cổ họng bị khô, hay đi tiểu, Tâm bị phiền, nếu nặng hơn thì lưỡi bị cuộn lại, trứng dái bị rút lên và teo lại, chết[125].

Mạch Thái âm bị chung tuyệt, bụng bị trướng bễ, không thở được, hay ợ và hay ói, mỗi lần ói là khí bị nghịch, khi bị nghịch thì mặt đỏ lên; nếu khí không nghịch nữa thì

lại xảy ra tình trạng trên dưới bất thông, khi thượng hạ bất thông thì mặt sẽ đen, lông và da bị khô héo, chết[126].

## 终站第九法野

**凡刺之道**，毕于终站，明知终始，五藏为纪，阴阳定矣。阴者主藏，阳者主府，阳受气于四末，阴受气于五藏。故泻者迎之，补者随之，知迎知随，气可令和。和气之方，必通阴阳，五藏为阴，六府为阳，传之后世，以血为盟，敬之者昌，慢之者亡，无道行私，必得天殃。谨奉天道，请言终始，终始者，经脉为纪，持其脉曰**人迎**，以知**阴阳有余不足，平与不平，天道**毕矣。所谓平人者不病，不病者，脉口人迎应四时也，上下相应而俱往来也，六经之脉不结动也，本末之寒温之相守司也，形肉血气必相称也，是谓平地少气者，脉口人迎俱少而不称尺寸也。如是者，则阴阳恨不足，补阳则阴竭，泻阴则阳脱。如是老，可将以百药，不可饮以至剂。如此者弗灸，不已者因而泻之，则五藏气环矣。人迎一盛，病在足少阳，一盛而躁，病在手少阳。人迎二盛，病在足太阳，二盛而躁，病在手太阳。人迎三盛，病在足阳明，三盛而躁，病在手阳明。人迎四盛，且**大且数**，名曰**溢阳**，溢阳为外相。脉口一盛，病在足厥阴，厥阴一盛而躁，在手心主。脉口二盛，病在足少阴，二盛而躁，在手少阴。脉口三盛，病在足太阴，三盛而躁，在手太阳。脉口四盛，且大且数者，名曰**溢阴**，溢阴为内关，内关不通死不治。人迎与太阴脉日俱盛四倍以上，命名**关格**，关格者，**与之短期**。人迎一盛，泻足少阳而补足厥阴，二泻一补，日一取之，必切而验之，疏取之上，气和乃止。人迎二盛，泻足太阳，补足少阴，二泻一补，二日一取之，必切而验之，疏取之上，气和乃止。人迎三盛，泻足阳明而补足太阴，二泻一补，日二取之，必切而验之，疏取之上，气和乃止。脉口一盛，泻足厥阴而补足少阳，二补一泻，日一取之，必切而验之，疏而取上，气和乃止。脉口二盛，泻足少阴而补足太阳，二补一泻，二日一取之，必切而验之，疏取之上，气和乃止。脉口三盛，泻足太阴而补足阳明，二泻一补，日二取之，必切而验之，疏而取之上，气和乃止。所以日二取之者，**大阴①主胃，大富于谷气，故可日二取之也**。人迎与脉口俱盛五倍以上，命曰**阴阳俱溢**，如是者**不开**，则血脉闭塞，气无所行，流建于中，五藏内伤。如此者，因而灸之，则变易而为他病矣。凡刺之道，气调而止，补阴泻阳，音气益彰，耳目聪明，反此者血气不行。所谓气至而有效者，泻则益虚，虚者脉大如其故而不坚也，坚如其故者，适虽言故，病未去也。补则益实，实者脉大如其故而益坚也，夫如其故而不坚者，适虽言快，病未去也。故补则实，泻则虚，痛虽不随针，病必衰去，必先通十二经脉之所生病，而后可得传于终始矣。故阴阳不相移，虚实**不相倾**，取之其经。凡刺之属，三刺至谷气，邪僻妄合，阴阳易居，逆顺相反，沉浮异处，四时不得，稽留淫法，须针而去。故一刺则阳邪出，再刺则阴邪出，三刺则谷气至，谷气至而止。所谓谷气至者，已补而实，已泻而虚，故以知谷气至也。邪气独去者，明与阳未能调，而病知愈也。故日补则实，泻则虚，痛虽不随针，病必衰去矣。阴盛而阳虚，先补其阳，后泻其明而和之。阴虚而阳盛，先补其附，后泻其阳而和之。三脉动于足大指之间，必审其实虚。虚而泻之，是谓重虚，重虚病益甚。凡刺此者，以指按之，脉动而实且疾者疾泻之，虚而徐者则补之，反此者病益甚。其动也，阳明在上，厥阴在中，少阴在下。膺胸中膺，背偷中背。肩膊虚者，取之上。重舌，刺舌柱以软针也。手屈而不伸者，其病在筋，伸而不屈者，其病在骨，在骨守骨，在筋守筋。补须一方实，探取之，稀按其疼，以极出其邪气；一方虚，浅利之，以养其脉，疾按其精，无使邪气得入。邪气来也紧而疾，谷**②气来也徐而和**。脉实者，深刺之，以泄其气；脉虚者，浅刺之，使精气无得出，以养其脉，独有其邪气。刺诸痛者，其脉皆实。故曰：从腰以上者，手太阴阳明皆主之；从腰以下者，足太阴阳明皆主之。病在上者下取之，病在下者高取之，病在头者取之足，病在足者取之**胭**。病生于头者头重，生于手者臂重，生于足者足重，治病者光刺其病所从生者也。春气在毛，夏气在皮肤，秋气在分肉，冬气在筋骨，刺此病者各以其时为齐。故刺肥人者，以**③秋冬之齐**；刺瘦人者，以春夏之齐。病痛者明也，痛而以手按之不得者阴也，深刺之。病在上者阳也，病在下者阴也。痒者阳也，钱制之。病先起明者，先治其阴而后治其阳；病先起阳者，先治其阳而后治其附。刺热**①阴**：原作“阳”，据《甲乙经》、《付京》改。○谷：原作“邪”，据《甲乙经》、《什素·三赖政》。③以：原脱，据《甲乙经·村靠·三刺》补。130厥者，留针反为寒；刺寒厥者，留针反为热。刺热厥者，二阴一阳；刺寒厥者，二阳一阴。所谓二阴者，二刺明也；一阳者，一利阳也。久病者邪气入深，刺此病者，深内而久留之，间日而复刺之，必先调其左右，去其血脉，刺道毕矣。凡刺之法，必察其形气，形肉未脱，少气而脉又跗，躁厥者，必为纓刺之，散气可收，聚气可布。深居静处，占神往来，闭户塞精，魂魄不散，专意一神；精气之分，毋闻人声，以收其精，必一其神，令志在针，浅而留之，微而浮之，以移其神，气至乃休。男内女外，坚拒勿出，谨守勿内，是谓得气。凡利之禁：新内勿刺，新刺勿内。已醉勿刺，已刺勿醉。新怒勿刺，已刺勿怒。新劳勿利，已刺勿劳。已饱勿刺，已刺勿饱。已饥勿利，已刺勿饥。已渴勿刺，已制勿渴。大惊大怒，必定其气，乃刺之。乘车来者，卧而体之，如食顷乃刺之。出行来者，坐而休之，如行十里顷乃刺之。凡此十二禁者，其脉乱气散，逆其营卫，经气不次，因而刺之，则阳病人于阴，阴病出为阳，则邪气复生，粗工勿察，是谓代身；形体建铁，乃消脑髓，津液不化，脱其五味，是谓失气也。太阳之脉，其终也，戴眼，反折，德规，其色白，绝皮乃绝汗，绝汗刚终矣。少阳终者，耳聋，百节尽纵，目系绝，目系绝一日半则死矣，其死也，色青白乃死。阳明终者，口自动作，喜惊妄言，色黄，其上下之经盛而不行则组矣。少阴终者，面黑，齿长而垢，腹胀闭塞，上下不通而终矣。厥

阻终者，中热隘干，喜溺心烦，甚则舌卷，卵上缩而终矣。太阴终者，腹胀闭不得息，气晴，善呕，呕则逆，逆则面赤，不逆则上下不通，上下不通则面黑皮毛焦而终矣。

#### THIÊN 10: KINH MẠCH

Lôi Công hỏi Hoàng Đế: “Thiên ‘Cầm phục’ có nói, phạm cái lý của việc châm là phải lấy kinh mạch làm đầu, nó có nhiệm vụ doanh cho sự vận hành của khí, nó ‘ché’ để cho khí trở thành ‘độ lượng’; bên trong, nó làm cho khí của ngũ tạng vận hành thành thứ tự, bên ngoài, nó làm cho lục phủ phân biệt nhau. Thần mong được nghe về cái đạo vận hành ấy”[1].

Hoàng Đế đáp: “Con người khi bắt đầu sinh ra là ‘tinh’ thành trước nhất[2]. Tinh thành rồi mới đến não tùy sinh ra[3]. Cốt đóng vai trò cân, mạch đóng vai trò doanh, cân đóng vai trò cương, nhục đóng vai trò tường, bì phu rắn chắc để lông và tóc được dài ra[4]. Cốc khí nhập vào Vị, mạch đạo sẽ nhờ đó được thông, huyết khí khắc vận hành”[5].

Lôi công nói : “Thần mong được nghe về vấn đề bắt đầu sinh ra của kinh mạch”[6].

Hoàng Đế đáp: Kinh mạch là những con đường, dựa vào đó để ta quyết được việc sống hay chết, là nơi sắp xếp trăm bệnh, là nơi điều hòa việc hư thực mà người thầy thuốc không thể không thông[7].

Phế mạch của thủ Thiếu âm khởi lên ở trung tiêu, đi xuống dưới, lạc với Đại trường, quay trở lên tuần hoàn theo Vị khẩu, lên trên đến hoành cách, thuộc vào phế; từ Phế hệ, rẽ ngang, xuất ra dưới hố nách, lại đi xuống tuần hành theo bên trong cánh tay, đi theo phía trước kinh Thiếu âm và Tâm chủ, đi xuống đến giữa khuỷu tay, tuần hành theo mép dưới, trên xương quay của cẳng tay, rồi nó nhập vào mạch thốn khẩu, lên đến phần ngư của tay, tuần hành đến huyết Ngụ Tế, xuất ra ở đầu ngón tay cái[8]. Chi mạch của nó đi từ sau cổ tay đi thẳng ra đến đầu ngón tay trở ở mép trong[9].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ sẽ làm cho phế bị trướng mãn, ngực căng ú lên thành suyễn, ho, giữa khuyết bồn bị đau, nếu đau nặng thì hai tay phải bắt chéo nhau mà cảm thấy phiền loạn, ta gọi đây là chúng tỵ quyết[10].

Nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ của Phế sẽ gây thành bệnh ho, thượng khí, suyễn, hơi thở thô, tâm phiền, ngực bị đầy, thông quyết ở mép trước phía trong từ cánh tay đến cẳng tay, trong lòng bàn tay bị nhiệt[11]. Khí thịnh hữu dư thì vai và lưng bị thông, bị phong hàn, mồ hôi ra, trúng phong, đi tiểu nhiều lần mà ít [12]. Khí hư thì vai và lưng bị thông hàn, thiếu khí đến không đủ để thở, màu nước tiểu bị biến[13]. Khi nào những chứng bệnh trên xảy ra, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên cứu; không thịnh, không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[14]. Nếu khí thịnh thì mạch Thốn khẩu lớn 3 lần hơn mạch Nhân nghênh, nếu khí hư thì mạch Thốn khẩu, ngược lại, nhỏ hơn mạch Nhân nghênh [15].

Đại trường, mạch của thủ Dương minh khởi lên ở đầu ngón tay trở phía ngón tay cái, đi dọc theo mép trên của ngón tay xuất ra ở huyết Hợp cốc, nằm giữa 2 xương, lên phía trên nhập vào giữa 2 gân, đi dọc theo mép trên của cẳng tay, nhập vào mép ngoài khuỷu tay, lên trên dọc mép trước ngoài cánh tay, lên trên đến vai xuất ra ở mép trước xương ngung cốt, lên trên xuất ra ở trên chỗ hội nhau của trụ cốt, nó lại quay xuống để nhập vào Khuyết bồn, lạc với Phế, xuống dưới hoành cách và thuộc vào Đại trường [16].

Chi mạch của nó đi từ Khuyết bồn lên cổ xuyên lên đến mặt, nhập vào giữa hàm răng dưới, vòng ra quanh miệng rồi giao nhau ở Nhân trung, đường bên trái giao qua phải, đường bên phải giao qua trái, xong nó lên trên để nép vào lỗ của mũi[17].

Nếu là bệnh thuộc ‘thị động’ sẽ làm cho răng đau, cổ sung thủng[18]. Vì là chủ tân dịch cho nên nếu là bệnh thuộc ‘sở sinh’ sẽ làm cho mắt vàng, miệng khô, chảy máu mũi, cổ họng bị tỵ, cánh tay trước vai bị đau nhức, ngón cái và ngón trở bị đau nhức, không làm việc được[19]. Khi nào khí hữu dư thì những nơi mà mạch đi qua sẽ bị nhiệt và sung thủng, khi nào khí hư sẽ làm cho bị lạnh run lên không ấm trở lại được[20].

Nếu bị các chứng bệnh nêu trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu; mạch bị hãm hạ thì nên cứu, không thịnh không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[21]. Nếu khí thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn 3 lần hơn mạch Thốn khẩu, nếu khí hư thì mạch Nhân nghênh, ngược lại, nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[22].



Vị, mạch của túc Dương minh khởi lên ở mũi, lên giao nhau ở sống mũi, ngang ra vai để giao với mạch của Thái dương, đi xuống tuần hành theo đường sống mũi, nhập vào giữa hàm răng trên, quay ra để áp vào miệng, vòng quanh môi, đi xuống giao với huyết Thừa Tương, lại đi dọc theo mép dưới của khoeo hàm dưới, xuất ra ở huyết Đại Nghênh, đi dọc theo huyết Giáp Xa, lên trên trước tai, đi qua huyết Khách Chủ Nhân, đi dọc theo bờ trước tóc mai, đến bờ góc trán và vùng trán[23].

Chi mạch của nó đi dọc theo trước huyết Đại Nghênh, xuống dưới đến huyết Nhân Nghênh, đi dọc theo hầu lung (thanh quản), nhập vào Khuyết bồn, nó đi xuống dưới hoành cách để thuộc vào Vị và lạc với Tỳ[24].

Chi mạch của nó đi thẳng, từ Khuyết bồn xuống dưới đi qua mép trong vú, xuống dưới áp vào vùng rốn, nhập vào huyết Khí Nhai[25].

Chi mạch của nó khởi lên ở Vị khẩu, xuống dưới đi dọc theo trong bụng (phúc lý), xuống dưới đến ngay giữa huyết Khí Nhai để hợp với huyết này, sau đó, đi xuống đến huyết Bê Quan, áp theo huyết Phục Thò, xuống dưới đến giữa xương đầu gối, nó lại xuống dọc theo mép ngoài của xương ống chân, xuống đến mu bàn chân, nhập vào trong khoảng ngón chân giữa[26].

Chi mạch của nó xuống khỏi đầu gối 3 thốn rồi tách biệt ra, xuống dưới nhập vào ngoài khoảng ngón giữa[27].

Chi mạch của nó tách biệt từ giữa mu bàn chân, nhập vào trong khoảng ngón chân cái, xuất ra ở đầu ngón[28].

Nếu là bệnh thuộc 'thị động' thì sẽ bị chân hàn 1 cách ngấm ngấm, hay than thở, ngáp nhiều lần, sắc mặt đen; hi bệnh đến thì ghét gặp người và lửa, mỗi lần nghe tiếng động của gỗ sẽ bị kinh sợ, tim muốn đập mạnh, muốn đóng kín cửa lớn, cửa sổ lại để ở 1 mình; khi nào bệnh nặng thì bệnh nhân muốn leo lên cao để ca hát, muốn trút bỏ quần áo để chạy rong, Trường Vị bị kêu sôi lên, bụng bị trướng lên, ta gọi đây là chứng cân quyết[29].

Vị là chủ huyết cho nên nếu là bệnh thuộc 'sở sinh' sẽ bị chứng cuồng ngược, ôn khí quá nhiều sẽ làm mồ hôi ra, chảy máu mũi, miệng méo, môi lở, cổ sung thủng, cuồng hống bị tý, phần bụng trên bị thủy thủng, đầu gối bị sung thủng, đau nhức suốt đường từ ngực, vú, xuống dưới huyết Khí nhai, đùi, huyết Phục Thò, dọc mép ngoài xương chày đến trên mu bàn chân đều đau nhức, ngón chân giữa không cảm giác[30]. Nếu khí thịnh thì phía trước thân đều bị nhiệt[31]. Khi khí hữu dư ở Vị thì làm tiêu cốc khí, dễ bị đói, nước tiểu màu vàng[32]. Nếu khí bất túc thì phía sau thân đều lạnh[33]. Nếu trong Vị bị hàn thì sẽ bị trướng mãn[34].

Nếu bị các chứng bệnh như trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên cứu, không thịnh không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[35]. Nếu khí thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn 3 lần hơn mạch Thốn khẩu, nếu khí hư thì mạch Nhân nghênh, ngược lại, nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[36].

Tỳ, mạch của túc Thái âm khởi lên ở đầu ngón chân cái, đi dọc theo mép trong nơi biên củathịt trắng, qua sau bạch cốt, lên trên đến mép trước của mắt cá trong, lên trên phía trong bắp chuối chân, đi dọc theo mép trong xương chày, giao chéo trước kinh Quyết âm, lên trên mép trước của gối và đùi trong, nhập vào bụng và thuộc vào Tỳ, lạc với Vị, lên trên xuyên qua hoành cách, nép vào thực quản, nối liền với cuống lưỡi, tản ra dưới lưỡi[37].

Chi mạch của nó tách biệt lại đi từ Vị xuyên qua hoành cách rồi rót vào giữa (dưới) Tâm[38].

Nếu là bệnh thuộc 'thị động' thì sẽ gây thành chứng cuống lưỡi cứng, ăn vào thì ói ra, Vị hoãn đau, bụng bị trướng, hay ợ, mỗi lần đại tiện thì cũng chuyển cả khí ra theo phân, sau đó thân người tiến tới suy kiệt rất nhanh chóng, thân thể đều nặng nề[39]. Nếu là bệnh thuộc 'sở sinh' của Tỳ sẽ làm cho cuống lưỡi bị đau, thân thể không lay động được, ăn không xuống, tâm phiền, vùng dưới Tâm đau cấp, tiêu chảy, thủy bễ, hoàng đản, không nằm được, rắng đứng lâu thì bị nội thũng và quyết ở đùi về, ngón chân cái không còn cảm giác[40].

Nếu là bị các bệnh chứng như trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên cứu, không thịnh không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[41]. Nếu khí thịnh thì mạch Thốn khẩu lớn 3 lần hơn mạch Nhân nghênh. Nếu khí hư thì mạch Thốn khẩu, ngược lại, nhỏ hơn mạch Nhân nghênh[42].

Tâm, mạch của thủ Thiếu âm, khởi lên từ trong Tâm, xuất ra để thuộc vào tâm hệ, đi xuống dưới hoành cách, lạc với Tiểu trường[43].

Chi mạch của nó đi từ Tâm hệ lên trên áp tựa vào yết, buộc vào mục hệ [44].

Chi mạch đi thẳng của nó lại từ Tâm hệ đi trở lên Phế, xuất ra dưới nách, đi dọc theo mép sau cánh tay trong đi theo phía sau kinh thủ Thái âm và Tâm chu, rồi đi xuống phía trong khuỷu tay, đi dọc theo mép sau phía trong cẳng tay, đến đầu nhuệ cốt (xương nhọn) sau gang tay, nhập vào mép sau trong gan bàn tay, đi dọc theo bên trong ngón tay út, rồi xuất ra đầu ngón tay[45].

Nếu là bệnh thuộc 'thị động' thì sẽ làm cho cổ họng bị khô, tâm thống, khát muốn uống nước, gọi đây là chứng Tý quyết [46].

Nếu là bệnh 'sở sinh' do Tâm làm chủ sẽ làm cho mắt vàng, hồng sườn thống, mép sau của phía trong cánh tay và cẳng tay bị đau, quyết. Giữa gan bàn tay bị nhiệt, đau [47].

Tất cả các bệnh trên đây, nếu thịnh thì nên châm tả, nếu hư thì nên châm bổ, nếu nhiệt thì nên châm nhanh, nếu hàn thì nên lưu kim lâu, nếu mạch bị hãm hạ thì nên cứu, không thịnh không hư thì tùy theo kinh mà thủ huyết để châm[48]. Nếu mạch thịnh thì mạch Thốn khẩu sẽ 2 bội lần lớn hơn mạch Nhân nghênh, nếu mạch hư thì ngược lại mạch Thốn khẩu nhỏ hơn mạch Nhân nghênh[49].

Tiểu trường, mạch của Thủ thái dương khởi lên ở đầu ngón tay út, dọc theo cạnh ngoài bàn tay, lên trên đến cổ tay, rồi xuất ra ở giữa xương lồi mắt cá (khóa trung), đi thẳng lên dọc theo mép dưới xương cánh tay, xuất ra ở cạnh trong khuỷu tay, giữa 2 đường gân, lên trên dọc theo mép sau của phía ngoài cánh tay, xuất ra ở khớp vai, đi ngoằn ngoèo ở bả vai, giao nhau ở trên vai, nhập vào Khuyết bồn, lạc với Tâm, đi dọc theo yết xuống dưới hoành cách, đến Vị thuộc vào Tiểu trường[50].

Chi mạch của nó đi từ Khuyết bồn dọc theo cổ, lên trên mặt, đến khoe mắt ngoài, rồi nhập vào trong tai[51].

Chi mạch của nó tách biệt ở mặt lên đến xương mặt, đến mũi, đến khoe mắt trong, đi lệch ra để liên lạc với gò má[52].

Nếu là bệnh thuộc 'thị động' thì sẽ gây thành chứng đau cổ, hàm sung thũng, không quay cổ được, vai đau như nhỏ rời, cánh tay đau như gãy ra[53].

Nếu là bệnh thuộc 'sở sinh', vì chủ về dịch nên sẽ làm cho tai bị điếc, mắt vàng, má sung, cổ, hàm, vai, cánh tay, khuỷu tay, mép sau phía ngoài cẳng tay, tất cả đều đau[54].

Khi gặp các bệnh chứng như trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên dựa vào đường kinh để thủ huyết châm[55]. Nếu mạch thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn gấp 2 lần hơn mạch Thốn khẩu. Nếu mạch hư thì mạch Nhân nghênh lại nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[56].

Bàng quang, mạch của túc Thái dương khởi lên ở khoe mắt trong, lên trán, giao nhau với (mạch Đốc) ở đỉnh đầu[57].

Chi mạch của nó đi từ đỉnh đầu ra đến bên góc của tai[58].

Đường đi thẳng của nó đi từ đỉnh đầu nhập vào để lạc với não, rồi lại quay ra tách biệt đi xuống gáy, đi dọc theo xương bả vai, vào bên trong kẹp theo cột sống đến vùng thắt lưng, nhập vào dọc theo 2 bên cột sống để lạc với Thận thuộc vào bàng quang[59].

Chi mạch của nó đi từ giữa thắt lưng xuống dưới, kẹp theo cột sống xuyên qua vùng mông để nhập vào giữa kheo chân[60].

Chi mạch của nó đi từ 2 bên phải trái của xương bả vai, tách biệt đi xuống, kẹp theo 2 bên cột sống, đi qua mấu chuyễn lớn, dọc theo ngoài mấu chuyễn lớn, rồi từ mép sau nó để đi xuống hợp với giữa kheo chân, từ đó, nó đi xuống xuyên qua bên trong bắp chân, rồi xuất ra ở sau mắt cá ngoài, đi dọc theo huyết Kinh Cốt cho đến cạnh ngoài của ngón chân út[61].

Nếu là bệnh thuộc 'thị động' thì sẽ gây thành chứng "Xung đầu thống", mắt đau như muốn thoát ra ngoài, cổ gáy như bị gãy rời ra, cột sống bị đau, thắt lưng như gãy, mấu chuyễn lớn không thể co lại được, kheo chân như kết lại, bắp chuối như nút ra. Ta gọi đây là chứng 'khóa quyết' [61].

Đây là chứng 'sở sinh bệnh' chủ về cân, trĩ, sốt rét, cuồng điên, giữa đỉnh đầu bị đau nhức, mắt vàng, chảy nước mắt, chảy máu cam, tất cả từ cổ xuống gáy, lưng thắt lưng, xương cùng, kheo chân, chân, đều đau nhức, ngón chân út không còn cảm giác[62].

Bị các bệnh chứng như trên, nếu thịnh thì nên châm tả, hư thì nên châm bổ, nhiệt thì châm nhanh, hàn nên lưu kim lâu, mạch bị hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh, không

hu thì tùy theo đường kinh để thủ huyết châm[63]. Nếu thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn gấp 2 lần hơn mạch Thốn khẩu, nếu hu thì mạch Nhân nghênh, ngược lại, nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[64].

Thận, mạch của Túc Thiếu âm, khởi lên ở giữa ngón chân út, đi lệch hướng về giữa lòng bàn chân, xuất ra ở dưới huyết Nhiên Cốc, đi dọc theo phía sau mắt cá trong, tách biệt ra để nhập vào giữa gót chân, đi lên đến bên trong bắp chuối, xuất ra từ trong mép trong của kheo chân, đi lên đến mép sau của đùi trong, xuyên qua cột sống để thuộc vào Thận và lạc với Bàng quang[65].

Đường đi thẳng của nó đi từ Thận lên trên xuyên qua Can, cách (mô), nhập vào giữa Phế, đi dọc theo cuống họng rồi vào cuống lưỡi[66].

Chi mạch của nó đi từ Phế ra để lạc với Tâm, rót ra ở giữa ngực[67].

Nếu là bệnh thuộc 'Thị động' sẽ gây thành chứng đói mà không muốn ăn, mặt đen như dầu đen, lúc ho nhỏ nước bọt thấy có máu, suyễn nghe khò khè, ngồi xuống lại muốn đứng lên, mắt lơ mơ như không thấy gì, Tâm như bị treo lên, lúc nào cũng như đang bị đói; Khi nào khi bắt túc thì sẽ dễ bị sợ sệt, Tâm như hồi hộp, như sợ có người đang đến để bắt mình, đây là chứng 'cốt quyết'[68].

Nếu bị bệnh "sở sinh" chủ về Thận thì sẽ làm cho miệng bị nhiệt, lưỡi bị khô, yết bị sưng thũng, bị thương khí, cổ họng bị khô và đau nhức, Tâm phiền, Tâm bị thống, hoàng đản, trường phích, mép sau của vế trong và cột sống bị đau, chứng nuy quyết, thích nằm, dưới chân bị nhiệt và đau[69].

Bị những chứng trên, nếu thịnh thì nên châm tả, nếu hu nên châm bổ, nếu nhiệt thì châm nhanh, nếu hàn nên lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hu thì nên dựa vào đường kinh để thủ huyết châm[70].

Nếu cứu thì cố gắng ăn thịt tươi, nói dây thắt lưng, xoa tóc, nên có những bước đi vững chậm với chiếc gậy to[71].

Nếu thịnh thì mạch Thốn khẩu lớn 2 bội hơn mạch Nhân nghênh, nếu hu thì mạch Thốn khẩu ngược lại, nhỏ hơn mạch Nhân nghênh[72].

Tâm chủ, mạch của thủ quyết âm Tâm bào lạc khởi lên ở trong ngực, xuất ra để thuộc vào tâm bào lạc, xuống dưới hoành cách, trải qua để lạc với Tam tiêu [73].

Chi mạch của nó đi dọc theo ngực xuất ra khỏi hông sườn, xuống dưới nách 3 thốn, rồi lên lại đến nách, đi dọc theo bên trong cánh tay, vận hành trong khoảng của kinh Thái âm và Thiếu âm để nhập vào khuỷu tay, xong nó đi xuống dưới cẳng tay, đi giữa 2 đường gân, nhập vào giữa gang tay, đi dọc theo ngón giữa để xuất ra ở đầu ngón[74].

Chi mạch của nó tách biệt giữa gan bàn tay đi dọc theo ngón tay áp út phía ngón út để xuất ra ở đầu ngón[75].

Nếu là bệnh thuộc 'Thị động' sẽ làm cho lòng bàn tay bị nhiệt, cẳng tay và khuỷu tay co quắp, nách bị sưng, nếu bệnh nặng sẽ làm cho ngực và hông sườn bị tức đầy, đánh trống ngực, mặt đỏ, mắt vàng, mừng vui cười không thôi[76].

Nếu là bệnh thuộc 'sở sinh' chủ về mạch sẽ làm cho Tâm phiền, Tâm thống, giữa gan bàn tay bị nhiệt[77].

Bị các chứng bệnh kể trên, nếu thịnh nên châm tả, nếu hu nên châm bổ, nếu nhiệt nên châm nhanh, nếu hàn nên châm lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hu thì nên dựa vào đường kinh để chọn huyết châm[78].

Nếu thịnh thì mạch Thốn khẩu lớn 1 bội hơn mạch Nhân nghênh, nếu hu thì mạch Thốn khẩu ngược lại, sẽ nhỏ hơn mạch Nhân nghênh[79].

Tam tiêu, mạch của thủ Thiếu dương khởi lên ở đầu ngón tay út, phía ngón út, lên trên xuất ra ở dọc theo khe của 2 ngón, dọc theo mặt ngoài của cổ tay, xuất ra ngoài cẳng tay theo đường giữa 2 xương lên trên để xuyên qua khuỷu tay, dọc theo bờ ngoài cánh tay, lên đến vai để giao xuất ra phía sau kinh túc Thiếu dương, nhập vào Khuyết bồn, tán ra ở Chiên Trung, tán ra để lạc với Tâm bào, xuống dưới hoành cách, đi dọc để thuộc vào Tam tiêu[80].

Chi mạch của nó đi từ Chiên Trung lên trên, xuất ra ở Khuyết bồn, lên đến cổ gáy, buộc vào sau tai, lên thẳng, xuất ra ở góc trên tai, sau đó vòng cong xuống dưới mặt rồi trở lên đến dưới hồ mắt[81].

Chi mạch của nó đi từ sau tai, nhập vào trong tai, xuất ra tới trước tai, qua trước huyết Khách Chủ Nhân, giao với mắt, rồi lại đến với khoeo mắt ra ngoài[82].

Nếu là bệnh thuộc 'thị động' thì sẽ làm cho tai điếc 1 cách ù ù, cổ họng sưng, thanh quản sung[83].

Nếu là bệnh thuộc 'sở sinh' chủ về khí sẽ làm cho bệnh đở mồ hôi, khoé mắt ngoài đau, má bị đau, phía sau tai, vai, cánh tay, khuỷu tay, mặt ngoài cánh tay đều đau nhức, ngón tay áp út phía ngón út không cảm giác[84].

Các bệnh trên xảy ra, nếu thịnh nên châm tả, nếu hư nên châm bổ, nếu nhiệt nên châm nhanh, nếu hàn nên châm lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hư nên dựa vào đường kinh để thủ huyết châm[85].

Nếu thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn 1 bội hơn mạch Thốn khẩu, nếu hư, ngược lại, sẽ nhỏ hơn mạch Thốn khẩu[86].

Đờm, mạch của Túc thái dương, khởi lên ở khoé mắt ngoài, lên đến góc trán, xuống theo sau tai, dọc theo cổ, đi xuống trước kinh thủ Thiếu dương, đến vai, lên trên, rồi lại giao ra sau kinh thủ Thiếu dương, nhập vào Khuyết bồn[87].

Chi mạch của nó đi từ sau tai nhập vào trong tai, xuất ra chạy ra trước tai, đến sau khoé mắt ngoài[88].

Chi mạch của nó, tách biệt khoé mắt ngoài đi xuống huyết Đại Nghênh, hợp nhau với kinh Thủ thiếu dương và chạy đến dưới hồ mắt, rồi lại chạy xuống nhập với huyết Giáp Xa, đi xuống theo cổ hợp với Khuyết bồn, xuống giữa ngực, xuyên qua hoành cách, lạc với Can và thuộc vào Đờm, dọc theo hông sườn, xuất ra ở huyết Khí nhai, quay quanh lông mu, tiến ngang vào giữa mấu chuyễn lớn[89].

Mạch đi thẳng của nó đi từ Khuyết bồn xuống nách, dọc theo ngực, qua xương sườn cụt, xuống dưới để hợp với mấu chuyễn lớn, rồi lại xuất ra ở mặt về ngoài, xuất ra mép ngoài của gối, xuống dưới trước ngoài phụ cốt, đi thẳng xuống đến ở đầu xương tuyệt cốt, xuống dưới nữa để xuất ra phía trước mắt cá ngoài, đi dọc theo trên mu bàn chân nhập vào ngón chân áp út phía ngón út[90].

Chi mạch của nó tách biệt trên mu bàn chân, nhập vào trong khoảng ngón cái, dọc theo xương kỳ cốt của phía trong ngón chân cái, xuất ra đầu ngón, quay xuyên qua móng chân, xuất ra ở chòm lông 'tam mao'[91].

Nếu là bệnh thuộc 'thị động' thì sẽ làm cho miệng đắng, thường hay thở mạnh, Tâm và hông sườn đau, khó xoay trở, nếu bệnh nặng hơn thì mặt như đóng lớp bụi mỏng, thân thể không nhuận trơn, phía ngoài bàn chân lại nóng, đây gọi là chứng Dương quyết[92].

Nếu là bệnh thuộc 'sở sinh' chủ về cốt sẽ làm cho đầu nhức, hàm nhức, khoé mắt ngoài nhức, vùng Khuyết bồn bị sưng thủng và đau nhức, dưới nách bị sưng thủng, chứng ung thư mã hiệp anh, mồ hôi ra, sốt rét run, ngực hông sườn, mấu chuyễn lớn, phía ngoài đầu gối cho đến cho đến cẳng chân, phía ngoài xương tuyệt cốt, mắt cá ngoài và các đốt xương, tất cả đều bị đau nhức, ngón chân áp út không còn cảm giác[93].

Các chứng bệnh trên xảy ra, nếu thịnh nên châm tả, nếu hư nên châm bổ, nếu nhiệt nên châm nhanh, nếu hàn nên châm lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hư nên theo với đường kinh để chọn huyết châm[94].

Nếu thịnh thì mạch Nhân nghênh lớn 1 bội hơn mạch Thốn khẩu, ngược lại, nếu hư, mạch Nhân nghênh nhỏ hơn mạch Thốn khẩu [95].

Can, mạch của Túc quyết âm khởi lên ở chòm lông góc ngoài móng ngón chân cái, đi lên dọc theo mép trên của mu bàn chân cách mắt cá trong 1 thốn, lên trên khỏi mắt cá 8 thốn giao chéo xuất ra phía sau kinh Thái âm, lên mép trong kheo chân, dọc theo mặt trong đùi, nhập vào lông mu, vòng quanh bộ sinh dục, lên đến thiếu phúc, đi theo với kinh Vị để thuộc vào Can và lạc với Đờm, lên trên xuyên qua hoành cách, bố tán ở cạnh hông sườn, dọc theo phía sau cổ họng, lên trên nhập vào vùng vòm họng, liên hệ với mục hệ rồi lên trên đến trán, xuất lên nữa, hội với Đốc mạch ở đỉnh đầu[96].

Chi mạch của nó đi từ mục hệ, xuống phía trong má, vòng quanh môi trong[97].

Chi mạch của nó lại đi từ Can, tách biệt xuyên qua hoành cách lên trên chú vào Phế [98].

Nếu là bệnh thuộc 'thị động' sẽ làm cho lưng đau không thể cúi ngửa được; ở đàn ông sẽ có chứng đờm sán, ở đàn bà sẽ có chứng thiếu phúc bị sưng thủng; nếu bệnh nặng sẽ làm cho cổ họng bị khô, mặt như đóng lớp bụi và thất sắc[99].

Nếu là bệnh thuộc 'sở sinh' thuộc Can, sẽ làm cho ngực bị đầy, ói nghịch, xôn tiết, hồ sán, đái dầm, bí đái[100].

Những chứng này xảy ra, nếu thịnh thì nên châm tả, nếu hư nên châm bổ, nếu nhiệt nên châm nhanh, nếu hàn nên châm lưu kim lâu, nếu mạch hãm hạ thì nên cứu, nếu không thịnh không hư nên tùy theo đường kinh mà thủ huyết để châm[101].

Nếu thịnh thì mạch Thốn khẩu sẽ lớn hơn bội đối với mạch Nhân nghênh, nếu hư, ngược lại, mạch Thốn khẩu sẽ nhỏ hơn mạch Nhân nghênh[102].

Khí của thủ Thái âm bị tuyệt sẽ làm cho bì mao khô [103]. Kinh Thái âm có nhiệm vụ hành khí để làm ấm cho bì mao, vì thế nên nếu khí không còn vinh thì bì mao bị khô, bì mao bị khô thì tân dịch sẽ tách rời khỏi bì và cốt tiết, khi tân dịch rời đi khỏi bì và cốt tiết thì móng bị khô mao bị rụng, mao bị rụng thì đó là mao chết trước[104]. Ngày Bính bệnh nặng, ngày Đinh chết, đó là hỏa thắng kim vậy[105].

Kinh của thủ Thiếu âm bị tuyệt sẽ làm cho mạch khí không thông, mạch khí không thông thì huyết không lưu hành, huyết không lưu hành thì mao sắc không mượt, cho nên sắc diện sẽ đen như cỏ đen, đó là huyết chết trước[106]. Ngày Nhâm bệnh nặng, ngày Quý chết, đó là Thủy thắng hỏa vậy[107].

Khí của Túc thái âm bị tuyệt thì mạch không còn vinh cho cơ nhục, môi lưỡi là phần gốc của cơ nhục, nếu mạch không còn vinh thì cơ nhục bị mềm, nếu cơ nhục bị mềm thì lưỡi bị co rút, nhân trung bị đầy, nhân trung bị đầy thì môi bị kéo ngược lên, môi bị kéo ngược lên tức là nhục đã bị chết trước[108]. Ngày Giáp bệnh nặng, ngày Ất chết, đó là Mộc thắng Thổ vậy[109].

Khí của túc Thái âm bị tuyệt thì cốt bị khô, Thiếu âm là mạch của mùa đông, nó vận hành chìm núp bên trong để làm nhu cho cốt tủy, vì thế khi cốt không còn trơn mềm thì nhục không thể tươi, khi cốt và nhục không còn cùng gắn gũi nhau sẽ làm cho nhục bị teo, nhục bị mềm teo cho nên răng bị dài ra và tóc không bóng mượt, đó là cốt đã chết trước[110]. Ngày Mậu bệnh nặng, ngày Kỷ chết, đó là Thổ đã thắng Thủy vậy[111].

Khí của Túc quyết âm bị tuyệt thì cân khí bị tuyệt, kinh Quyết âm là mạch của Can, Can là chỗ hợp của cân, Cân có đường tụ ở âm khí (bộ sinh dục) và mạch của nó lạc với cuống lưỡi, cho nên, khi mà mạch không còn tươi tốt thì cân bị cấp, cân bị cấp sẽ dẫn ảnh hưởng đến lưỡi và buồng trứng, cho nên, khi môi bị xanh, lưỡi bị cuốn, buồng trứng bị co lại, đó là cân bị chết trước[112]. Ngày Canh bệnh nặng, ngày Tân chết; đó là Kim thắng mộc vậy[113].

Khí của năm đường kinh âm bị tuyệt thì mục hệ bị chuyển, bị chuyển thì bị vận, Mắt bị chuyển vận đó là chí bị chết trước, Chí bị chết trước thì khoảng 1 ngày rưỡi là chết[114].

Khí của sáu đường kinh Dương bị tuyệt thì sẽ làm cho âm và dương tách biệt nhau, khi tách rời nhau thì tấu lý bị phát tiết, tuyệt hạn chảy ra, Sáng xem thấy bệnh là chiều chết, chiều xem thấy bệnh là sáng chết[115].

Thập nhị kinh mạch đi theo lối chìm núp trong khoảng phận nhục, sâu, cho nên không thể hiện những chỗ nó thường hiện, như kinh Túc thái âm đi qua phần trên của mắt cá ngoài, không có chỗ nào ẩn mình được[116]. Các mạch nổi lên mà chúng ta thấy đều thuộc về lạc mạch[117]. Lục kinh lạc với các đại mạch của kinh thủ Dương minh và Thiếu dương được khởi lên ở trong khoảng của 5 ngón tay, lên trên để hợp vào khuỷu tay[117].

Khi chúng ta uống rượu, vệ khí vận hành ra bì phu trước, sung vào lạc mạch trước, do đó lạc mạch thịnh trước, vệ khí đã được bình, doanh khí mới đầy để cho kinh mạch đại thịnh[118]. Khi mạch bị động một cách thịnh linh, đó là do tà khí vào ở, rồi lưu lại ở phần bản mặt, nếu nó bất động thì bị nhiệt, không cứng, thì bị hãm xuống như bị rỗng, không giống với nơi khác, do đó mà ta biết được mạch nào đang động[119].

Lôi Công hỏi: "Lấy gì để biết sự khác nhau giữa kinh mạch và lạc mạch"[120].

Hoàng Đế đáp: "Kinh mạch thì thường không thể thấy được, sự hư thực của nó chỉ biết qua mạch Khí khẩu, hững mạch hiện ra đều thuộc lạc mạch"[121].

Lôi Công hỏi: "Kẻ bầy tôi này không biết lấy gì để rõ những lẽ ấy"[122].

Hoàng Đế nói: Các lạc mạch đều không thể đi qua các đại tiết mà phải đi theo con đường tuyệt đạo để mà xuất nhập, rồi lại hợp nhau ở trong bì (da); Sự hội nhau của nó đều hiện rõ ra bên ngoài; Cho nên các cách châm lạc mạch, phải châm vào nơi kết thượng[123]. Khi thấy nơi nào có tụ huyết nhiều, tuy rằng chưa có chỗ kết, cũng nên châm ngay nhằm tả hết tả khí, tức là châm xuất huyết[124]. Nếu lưu lại, nó sẽ phát sinh thành bệnh tý[125]. Phàm phương pháp xem lạc mạch, nếu thấy mạch sắc màu xanh, thì đó là do hàn tà gây hàn và đau, nếu mạch sắc màu đỏ thì đó là nhiệt tà gây nhiệt[126]. Nếu trong Vị có hàn tà thì nơi ngư của bàn tay, lạc của nó màu xanh nhiều, nếu trong Vị có nhiệt tà thì lạc mạch nơi huyết Ngư tế sẽ đỏ[127]. Nếu lạc mạch nơi đó có màu đen kịt mà để lâu thì sẽ thành chứng tý[127]. Nếu nơi đó lạc mạch vừa đỏ, vừa đen, vừa xanh, thì đó là khí vừa hàn vừa nhiệt[128]. Nếu nơi đó lạc mạch xanh mà đoán, đó là do thiếu khí[129]. Phàm phép châm trường hợp hàn và nhiệt đều rất nhiều huyết lạc, như vậy nên cách ngày châm 1 lần, bao giờ huyết hết mới thôi, đó là

ta đã điều được sự hư thực[130]. Khi nào gặp lạc mạch nhỏ (thanh) mà ngắn, đó là do thiếu khí[131]. Trường hợp thiếu khí quá nặng mà ta châm tả sẽ làm cho người bệnh bị bút rút, bút rút nhiều quá sẽ té xuống và sẽ không nói được nữa, ta nên mau mau đỡ người bệnh lên ngay[132].

Biệt của thủ Thái âm tên gọi Liệt Khuyết, khởi lên ở phía trên cổ tay trong khoảng phạm nhục, cùng đi ngay ở kinh Thái âm, nhập thẳng vào giữa gan tay, tán ra để nhập vào vùng huyết Ngụ Tế [133]. Bệnh thực sẽ làm cho đầu nhọn, cổ tay và gan tay bị nhiệt, bệnh hư sẽ ngáp và vắn mình, đái đón và đái nhiều lần[134]. Nên thủ huyết ở nơi cách cổ tay nửa thốn, nơi đây tách biệt ra để đi theo kinh Dương minh[135].

Biệt của thủ Thiếu âm tên gọi là Thông Lý, khởi lên ở chỗ cách cổ tay 1 thốn rưỡi, tách biệt ra để đi lên, dọc theo kinh chính đi lên nhập vào giữa Tâm, buộc vào cuống lưỡi, thuộc vào mục hệ [136]. Bệnh thực sẽ làm cho màn hoành cách như bị chửi vào, bệnh hư sẽ làm cho không nói chuyện được[137]. Nên thủ huyết ở nơi sau gan tay 1 thốn và là nơi nó tách biệt ra để đi theo kinh Thái dương[138].

Biệt của thủ Tâm chủ tên gọi là Nội Quan, nằm ở chỗ cách cổ tay 2 thốn, xuất ra ở khoảng giữa 2 đường gân, dọc theo kinh chính để đi lên, buộc vào Tâm bào lạc, vào Tâm hệ[139]. Bệnh thực sẽ làm cho Tâm thông, bệnh hư sẽ làm cho đầu (gáy) bị cứng[140]. Nên thủ huyết ở giữa 2 đường gân[141].

Biệt của thủ Thái dương tên gọi là Chi Chính, lên khỏi cổ tay 5 thốn, bên trong chú vào Thiếu âm[142]. Chi biệt của nó lên trên đi vào khuỷu tay, lạc với huyết Kiên Ngung[143]. Bệnh thực sẽ làm cho các khớp xương buồng lũng, khuỷu tay không cử động được, bệnh hư sẽ làm cho mọc nhiều mụn cơm nhỏ ở khe tay[144]. Nên thủ huyết lạc để châm[145].

Biệt của thủ Dương minh tên gọi là Thiên Lịch, lên khỏi cổ tay 3 thốn, tách biệt nhập vào kinh Thái âm[146]. Chi biệt của nó lên trên đi dọc theo cánh tay, cưỡi lên huyết Kiên Ngung, lên trên góc hàm và chân răng[147]. Chi biệt của nó nhập vào tai hợp với tông mạch[148]. Bệnh thực sẽ làm cho răng sâu và tai điếc, bệnh hư làm cho răng lạnh, hoành cách bị tý [149]. Nên thủ huyết lạc để châm[150].

Biệt của thủ Thiếu dương tên gọi là Ngoại Quan, nằm ở khỏi cổ tay 2 thốn, vòng ra ngoài cánh tay, rót vào giữa ngực ở hợp với Tâm chủ[151]. Bệnh thực sẽ làm cho khuỷu tay bị co quắp, bệnh hư sẽ làm cho cổ tay không co lại được[152]. Nên thủ huyết lạc để châm[153].

Biệt của túc Thái dương tên gọi là Phi Dương, nằm ở cách trên mắt cá 7 thốn, tách biệt ra để đi đến kinh Thiếu âm[154]. Bệnh thực sẽ làm cho nghẹt mũi, đầu và lưng đau nhức, bệnh hư sẽ làm cho chảy máu cam[155]. Nên thủ huyết lạc để châm[156].

Biệt của kinh túc Thiếu Dương tên gọi là Quang Minh, nằm ở trên mắt cá 5 thốn, tách biệt đi về với Quyết âm, xuống dưới lạc với mu bàn chân[157]. Bệnh thực thì quyết, bệnh hư thì bị chùngliệt, què, ngồi xuống không đứng lên được[158]. Nên thủ huyết lạc để châm[159].

Biệt của túc Dương minh tên gọi là Phong Long, nằm ở cách trên mắt cá 8 thốn, tách biệt ra để đi với kinh Thái âm[160]. Chi biệt của nó đi dọc theo mép ngoài xương chày, lên trên lạc với đầu và cổ gáy, hợp với khí của các kinh, xuống dưới để lạc với cổ họng[161]. Nếu bệnh mà khí nghịch lên thì sẽ làm cho cổ họng bị tý, cảm tiếng nói đột ngột[162]. Bệnh thực sẽ làm cho điên cuồng, bệnh hư thì chân sẽ không co lại được, xương chày bị khô[163]. Nên thủ huyết lạc để châm[164].

Biệt của túc Thái âm tên gọi là Công Tôn, nằm ở cách sau xương bản tiết 1 thốn, tách biệt đi với Dương minh[165]. Chi biệt của nó nhập vào để lạc với trường và Vị[166]. Khi quyết khí thượng nghịch sẽ làm thành chứng thổ tả[167]. Bệnh thực thì trong ruột bị đau nhức, bệnh hư bị cổ trướng[168]. Nên thủ huyết lạc để châm[169].

Biệt của túc Quyết âm tên gọi là Lãi Câu, nằm ở trên mắt cá chân trong 5 thốn[170]. Chi biệt của nó đi qua xương chày lên trên đến hòn dái rồi kết lại ở dương vật[171]. Nếu bị bệnh khí nghịch sẽ làm cho trứng dái bị sưng thũng, bị chứng sán đột ngột[172]. Bệnh thực thì dương vật cương và dài ra, bệnh hư sẽ bị ngứa dữ dội (ở bên ngoài bộ sinh dục) [173]. Nên thủ huyết lạc để châm[174].

Biệt của Nhâm mạch tên gọi là Vị Ế, xuống dưới tán ra ở bụng[175]. Bệnh thực thì da bụng bị đau, bệnh hư thì da bụng bị ngứa[176]. Nên thủ huyết lạc để châm[177].

Biệt của Đốc mạch tên gọi là Trường Cường, áp theo thịt lữ lên trên đến cổ, tán ra ở trên đầu, xuống dưới ngay ở 2 bên tả hữu xương bả vai, tách biệt ra đi theo kinh Thái dương nhập vào xuyên qua thịt lữ [178]. Bệnh thực thì làm cho cột sống cứng, bệnh hư

sẽ làm chúng đầu nặng, đầu choáng váng[179]. Nếu dọc theo cột sống có tà khí ở khách, nên thủ huyết lạc để châm[180].

Đại lạc của Tý tên gọi là Đại Bao, xuất ra ở dưới huyết Uyên Dịch 3 thôn, phân bố dưới ngực và sườn[181]. Bệnh thực thì sẽ làm cho toàn thân bị đau nhức, bệnh hư sẽ làm cho trăm khớp xương trong toàn thân đều bị buông lỏng[182]. Nếu mạch có những huyết lạc giăng khắp nơi, nên thủ huyết lạc Đại Bao để châm[183].

Phạm 15 lạc trên, nếu thực thì sẽ hiện rõ ra, nếu hư thì mạch bị hãm hạ, nhìn không thấy được, nên tìm các huyết trên dưới để (xác định)[184]. Kinh mạch của con người không đồng nhau vì thể lạc mạch cũng có chỗ khác nhau[185].

## 经脉第十

**雷公**问于**黄帝**曰：禁脉之言，凡刺之理，经脉为始，营其所行，制其度量，内次五藏，外别六府，愿尽闻其道。**黄帝**曰：人始生，先成精，精成而脑髓生，骨为干，脉为营，筋为纲①，肉为墙，皮肤坚而毛发长，谷入于胃，脉道以通，血气乃行。**雷公**曰：愿卒闻经脉之始生。**黄帝**曰：经脉者，所以能决死生，处百病，调虚实，不可不通。肺手太阳之脉，起于中焦，下络大肠，还循胃口，上隔属肺，从肺系横出腋下，下循腋内，行少阴心主之前，下肘中，循臂内上骨下廉，八寸口，上鱼，循鱼际，出大指之端；其支者，从腕后直出次指内廉，出其端。是动则病肺胀满，膨膨而端咳，缺盆中痛，甚则交两手而苦，此为臂厥。是主肺所生病者，咳，上气喘渴，烦心胸满，德臂①纲：原作"刚"，音同而误，据文义改。131内前廉痛厥，掌中热。气盛有余，则肩背痛，风寒，汗出中风，小便数而欠。气虚则肩背痛寒，少气不足以息，溺色变。为此猪病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者寸口大三倍于人迎，虚者则寸口反小于人迎也。大肠手阳明之脉，起于大指次指之端，循指上廉，出台谷两骨之间，上入两筋之中，循臂上廉，入肘外廉，上腋外前廉，上肩，出筋骨之前廉，上出于柱骨之会上，下人缺盆，络肺，下隔，属大肠；其支者，从缺盆上颈，贯颞，入下齿中，还出挟口，交人中，左之右，右之左，上挟鼻孔。是动则病齿痛颈肿。是主津液所生病者，目黄口干，既见喉痹，肩前德痛，大指次指痛不用。气有余则当脉所过者热肿，虚则寒栗不复。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者人迎大王倍于寸口，虚者人迎反小于寸口也。胃足阳明之脉，起于鼻之交额中，旁纳（一本作纳率）太阳之脉，下循鼻外，入上齿中，还出挟环唇，下交承浆，却循颐后下廉，出大迎，循颊车，上耳前，过客主人，循发际，至额颅；其支者，从大迎前下人迎，循喉咙，入缺盆，下隔，属胃，络脾；其直者，从缺盆下乳内廉，下挟脐，入气街中；其支者，起于胃口，下循腹里，下至气街中而合，以下牌关，抵伏兔，下膝腹中，下循脏外廉，下足附，入中指内间；其支者，下廉三寸而别，下入中指外间；其支者，别跳上，入大指间，出其端。是动则病洒洒振寒，善呻数欠，颜黑，病至则恶人与火，闻木声则惕然而惊，心欲动，独闭户塞漏而处，甚则欲上高而歌，弃衣而走，贲响腹胀，是为骷厥。是主血所生病者，狂淫汗出，就脱口烟唇版颈肿喉痹，大腹水肿，膝腹肿痛，循膺、乳、气街、股、伏兔、讲外廉、尼附上皆痛，中指不用。气盛则身以前皆热，其有余于胃，则消谷善饥，溺色黄。气不足则身以前皆寒栗，胃中寒则胀满。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，随下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者人迎大三倍于寸口，虚者人迎反小于寸口也。脾足太阴之脉，起于大指之端，循指内侧白肉际，过核骨后，上内踝前廉，上端①内，循胫骨后，交出厥阴之前，上膝股内前廉，入腹属脾络胃，上隔，挟咽，连舌本，散舌下；其支者，复从胃，别上隔，注心中。是动则病舌本强，食则呕，胃院痛，腹胀善隐，得后与气，则快然如衰，身体皆重。是主脾所生病者，舌本痛，体不能动摇，食不下，烦心，心下急痛，糖、瘤、泄、水闭、黄疸，不能卧，强立之股膝内肿厥，足大指不用。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚之，以经取之。盛者寸口大三倍于人迎，虚者寸口反小于人迎也②。①阳肝hu山）；原作"端"卜hua11旧又读出h），与文义不合，因形近而误。故据《呬己经》、《脉经》、《村勃、忤金》改，不同。②也：原脱，据《甲乙经》补。互32心手少明之脉，起于心中，出属心系，下隔络小肠；其支者，从心系上换咽，系目系；其直者，夏从心系却上肺，下出腋下，下循腋内后廉，行太阴心主之后，下肘内，循臂内后廉，抵掌后锐骨之端，入掌内后廉；循小指之内，出其端。是动则病隘干心痛，渴而欲饮，是为臂厥。是主心所生病者，目黄肋痛，儒臂内后廉痛厥，掌中热痛。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者寸口大再倍于人迎，虚者寸口反小于人迎也。小肠手太阳之脉，起于小指之端，循手外侧上腕，出踝中，直上循臂骨下廉，出时内侧两筋之间，上循腋外后廉，出肩解，绕肩肿，交肩上，入缺盆，络心，循咽下隔，抵胃属小肠；其支者，从缺盆循颈上颊，至目锐助，却入耳中；其支者，别颊上额抵鼻，至目内毗，斜络于颞。是动则病嗑痛颌肿，不可以顾，肩似拔，儒似折。是主液所生病者，耳聋目黄须肿，颈颌肩儒肘臂外后廉痛。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者人迎大再倍于寸口，虚者人迎反小于寸口也。膀胱足太阳之脉，起于目内毗，上额交巅；其支者，从巅至耳上角①；其直者，从巅入络脑，还出别下项，循肩胛内，挟脊抵腰中，入循青，终紧属膀胱；其支者，从腰中下扶脊，贯臀；入胭中；其支者，从腓内左右，别下贯踵，挟脊内，过群枢，循腓外从后廉下合腓中，以下贯端内，出外踝之后，循京骨，至小指外侧。是动则病冲头痛，目似脱，项如拔，脊痛，腰似折，鸡不可

以曲，咽如结，湖如裂，是为踝厥。是主筋所生病者，痔疔，狂癡疾，头项痛，目黄泪出，颌风项背腰反咽喘脚皆痛，小指不用。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者人迎大再倍于寸口，虚者人迎反小于寸口也。肾足少阴之脉，起于小指之下，邪走足心，出于然谷之下，循内踝之后，别人跟中，以上取内，出腠内廉，上股内后廉，贯脊，属肾，络膀胱；其直者，从肾上贯肝膈，入肺中，循喉咙，挟舌本；其支者，从肺出络心，注胸中。是动则病饥不欲食，面如漆柴，咳唾则有血，喝喝而喘，坐而歌起，目阮阮如无所见，心如是若饥状，气不足则善恐，心惕恍如人将捕之，是为骨厥。是主紧所生病者，口热舌干，咽肿止气，隘干及痛，烦心心痛，黄疸，肠然脊股内后廉痛，凄厥嗜卧，足下热而痛。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。负则强食生肉，级带技发，大杖重履而步。盛者寸口大再倍于人迎，虚者寸日反小于人迎也。心主手厥阴心包络之脉，起于胸中，出属心包络，不隔，历络三焦；其立者，循胸出肋，下腋三寸，上抵腋，下循德内，行太阳少阴之间，入肘中，下臂，行两筋之间，入掌中，循中指出其端；其支者，别掌中，循小指次指出其端。是动则病手心热，臂肘挛急，腋肿，甚则胸胁支满，心中伯增大动，面赤目黄，喜笑不休。是主脉所生病者，①角；原作“循”，据《甲乙经》、《机经》、《素问·首篇》、《惊问·脉解》等篇王冰注改。133烦心心痛，掌中热。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者寸口大一倍于人迎，虚者寸日反小于人迎也。三焦手少阳之脉，起于小指次指之端，上出两指之间，循手表腕，出臂外两骨之间，上贯肘，循儒外上肩，而交出足少阳之后，入缺盆，布膻中，散落心包，下膈，循膻中三焦供支者，从膻中上出缺盆，上项，系耳后直上，出耳上角，以屈下颊至顺；其支者，从耳后入耳中，出走耳前，过客主人前，交颊，至目锐眦。是动则病耳聾浑浑淳淳，隘肿喉痹。是主气所生病者，汗出，目锐眦痛，额痛，耳后肩德肘臂外皆痛，小指次指不用。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者人迎大一倍于寸口，虚者人迎反小于寸口也。胆足少阳之脉，起于目锐眦，上抵头角，下耳后循颈行手少阳之前，至肩上，却突出手少阳之后，入缺盆；其支者，从耳后入耳中，出走耳前，至目锐眦后；其支者，别锐眦，下大迎，合于手少阳，抵于顺，下加顿车，下颈合缺盆以下胸中，贯膈络肝属胆，循肋里，出气街，绕毛际，横人脚胛中；其直者，从缺盆下眼，循胸过季肋，下合脾厌中，以下循鸡阳，出膝外廉，下外辅骨之前，直下抵绝骨之端，下出外踝之前，循足附上，入小指次指之间；其支者，别跑上，入大指之间，循大指歧骨内出其端，还贯爪甲，出三毛。是动则病口苦，善太息，心胁痛不能转侧，甚则面微有尘，体无膏泽，足外反热，是为阳厥。是主骨所生病者，头痛，颜痛，目锐眦痛，缺盆中肿痛，腋下肿，马刀侠应，汗出振寒，疔，胸肋脾膝外至胜绝骨外踝前及诸节皆痛，小指次指不用。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者人迎大一倍于寸口，虚者人迎反小于寸口也。肝足厥阴之脉，起于大指丛毛之际，上循足附上廉；去内踝一寸，上踝八寸，交出太明之后，上咽内廉，循段明，入毛中，过阴器，抵小腹，挟胃属肝络胆，上贯膈，布肋助，循喉咙之后，上人顽氛连目系，上出额，与督脉会于巅；其支者，从目系下颊里，环唇内；其支者，复从肝别贯膈，上注肺。是动则病腰痛不可以俯仰，丈夫痕迹，妇人少腹肿，甚则嗑干，面尘脱色。是主①肝生病者，胸满呕逆飧泄，狐迹遗溺闭瘤。为此诸病，盛则泻之，虚则补之，热则疾之，寒则留之，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之。盛者寸口大一倍于人迎，虚者寸日反小于人迎也。手太阳气绝则皮毛焦，太阴者行气温于皮毛者也，故气不荣则皮毛焦，皮毛焦则津液去皮节；津液去皮节者，则爪枯毛折，毛折者则毛先死，丙笃丁死，火股金也。手少阴气绝则脉不通，脉不通则血不流；血不流则鬢色不泽，故其面黑如漆柴者，血先死，壬笃癸死，水胜火也。足太阳气绝者，则脉不荣肌肉，唇舌者肌肉之本也，脉不荣则肌肉软；肌肉软则舌萎人中满；人中满则唇反，唇反者肉先死，甲笃己死，木胜土也①主：原脱，据《脉经》、《太素入《千金》补。134足少阴气绝则骨枯，少阴者冬脉也，伏行而濡骨髓者也，故骨不德则肉不能著也，骨肉不相亲则肉软都肉软却放齿长而垢，发无泽；发无泽者骨先死，戊笃己死，上胜水也。足厥阴气绝则筋绝，厥阴者肝脉也，肝者筋之合也，筋者聚于阴气，而脉络于舌本也，故脉弗荣则筋急；筋急则引舌与卵，故唇舌卷舌卵缩则筋先死，庚笃辛死，金胜木也。五阴气俱绝，则目系转，转则目运，目运者为志先死，志先死则远一日半死矣。六阳气绝，则阴与阳相离，离则膜理发泄，绝汗乃出，故旦占夕死，夕占旦死。经脉十二者，伏行分肉之间，深而不见；其常见者，足太阳过于外踝之上，无所隐故也。诸脉之浮而常见者，皆络脉也。六经络丰阳明少阳之大络，起于五措间，上合肘中。饮酒者，卫气先行皮肤，先充络脉，络脉先盛，放卫气已平，营气乃满，而经脉大盛。脉之卒然动者，皆邪气居之，留于本末；不动则热，不坚则陷且空，不与众同，是以知其何脉之前也。雷公曰：何以知经脉之与络脉异也？黄带回：经脉者常不可见也，其虚实也以气口知之，脉之见者皆络脉也。雷公曰：细于无以明其然也。黄帝曰：诸络脉皆不能经大节之间，必行绝道而出，人复合于皮中，其会皆见于外。政清刺络脉者，必刺其结上，甚血者虽无结，急取之以泻其邪而出其血，留之发为痹也。凡诊络脉，脉色青则寒且痛，赤则有热。胃中寒，手鱼之络多青矣；胃中有热，鱼际络赤；其暴黑老，留久痹也；其有赤有黑有青者，寒热气也；其青短者，少气也。凡刺寒热者皆多血络，必间日而一取之，血尽而止，及调其虚实，其小而短者少气，甚者泻之则闷，闷甚则仆，不得言，闷则急坐之也。手太阳之别，名曰列缺，起于腕上分间，并太阴之经直入掌中，散入于鱼际。其病实则手锐掌热，虚则欠税小便遗数，取之去脱半寸，别走阳明也。手少阴之别，名曰通里，去脱一寸半，别而上行，循经入于心中，系舌本，属自系。其实则支隔，虚则不能言，取之掌后一寸，别走太阳也。手心主之别，名曰内关，去腕二寸，出于两筋之间，循经以



上系于心，包络心系。实则心痛，虚则为头强，取之两筋间也。手太阳之别，名曰支正，上腕五寸，内注少阴；其别者，上走肘，络肩髃。实则节弛肘废；虚则生肌，小者如指痲疥，取之所别也。手阳明之别，名曰偏历，去腕三寸，别入太阴；其别者，上循臂，乘肩服上曲须偏齿；其别者，入耳，合于宗脉。实则龋聋，虚则齿寒痹隔，取之所别也。手少阳之别，名曰外关，去腕二寸，外绕臂，注胸中，合心主。病实则肘挛，虚则不收，取之所别也。足太阳之别，名曰飞扬，去踝七寸，别走少阴。实则就窞头背痛，虚则就虬取之所别也。135足少阳之别，名曰光明，去踝五寸，别走厥阴，下络足附。实则厥，虚则滚墨，坐不能起，取之所别也。足阳明之别，名曰丰隆，去踝八寸，别走大阴；其别者，循胫骨外廉，上络头项，合猪经之气，下络喉隘。其病气逆则喉痹瘖暗，实则狂巅，虚则足不收，腔枯，取之所别也。足太阴之别，名曰公孙，去本节之后一寸，别走阳明；其别者，入络肠胃。厥气上逆则霍乱，实则肠中切痛，虚则鼓胀，取之所别也。足少阴之别，名曰大钟，当踝后绕跟，别走太阳；其别者，并经上走于心包，下外贯腰脊。其病气逆则烦闷，实则闭癃，虚则腰痛，取之所别者也。足厥阴之别，名曰合沟，去内踝五寸，别走少阳；其别者，径胫上臑，结于茎。其病气逆则星肿卒仰，实则挺长，虚则暴痒，取之所别也。任脉之别，名曰尾翳，下鸠尾，散于腹。实则腹皮痛，虚则痒搔，取之所别也。督脉之别，名曰长强，挟脊上项，散头上，下当肩髃左右，别走太阳，入贯脊。实则脊强，虚则头重，高摇之，挟脊之有过者，取之所别也。脾之大络，名曰大包，出渊腋下三寸，布胸胁，实则身尽痛，虚则百节尽皆纵，此脉若罗络之血者，皆取之脾之大络脉也。凡此十五络者，实则必见，虚则必下，视之不见，求之上下，人经不同，络脉异所别也。

#### THIÊN 11: KINH BIỆT

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta nghe con người hợp với Thiên Đạo, bên trong có ngũ tạng để hợp với ngũ âm, ngũ sắc, ngũ thời, ngũ vị[1]. Ngũ vị: bên ngoài có lục phủ để ứng với lục luật, lục luật để "kiến" nên các kinh thuộc Âm Dương nhằm hợp với thập nhị huyết, thập nhị thần, thập nhị tiết, thập nhị kinh thủy, thập nhị thời, thập nhị kinh mạch[2]. Đây là sự "ứng" của ngũ tạng lục phủ với Thiên Đạo[3]. Ôi ! Thập nhị kinh mạch là nơi con người dựa vào để sống, nơi mà bệnh dựa vào để thành, nơi mà con người dựa vào để trị, nơi mà bệnh dựa vào để khởi lên; cái học (về y) bắt đầu từ đây, sự khéo léo (của người thầy thuốc) phải đạt đến (sự hiểu biết về nó)[4]. Người thầy vụng về thường hay đổi sự hiểu biết của mình về nó, người thầy thuốc khéo léo xem nó là vấn đề khó khăn (cần đạt đến)[5]. Ta xin hỏi thầy về sự "xuất nhập ly hợp của nó" như thế nào?"[6].

Kỳ Bá cúi rạp đầu xuống lạy 2 lạy, nói: "Sáng suốt thay câu hỏi của bệ hạ ! Đây chính là vấn đề mà người thầy thuốc vụng về thường lơ là và người thầy thuốc khéo léo rất chú trọng, lưu tâm đến. Nay thần xin nói rõ ngay như sau"[7].

Kinh 'Túc Thái dương chi chính', tách biệt nhập vào trong kheo chân, một đường đi của nó đi xuống dưới xương cùng cột 5 thôn, tách biệt nhập vào gang môn, thuộc vào Bàn quang, tán ra ở Thận, dọc theo thịt "lũ", đến ngay Tâm, nhập vào (Tâm) và tán ra[8]. Đường đi thẳng của nó, đi từ đường thịt "lũ" lên trên, xuất ra ở cổ gáy, rồi lại thuộc vào kinh Thái dương, đây là (đường đi) của 1 kinh[9].

Kinh "Túc Thiếu âm chi chính", khi đến giữa kheo chân thì tách biệt ra để đi theo kinh Thái dương và hợp với kinh này, khi nó lên đến Thận thì ngay ở đốt cột sống thứ 14, nó xuất ra để thuộc vào huyết Đới mạch[10]. Đường đi thẳng của nó đi lên để ràng buộc vào cuống lưỡi, rồi lại xuất ra ở cổ gáy để hợp với kinh Thái dương, ta gọi đây là 'Nhất hợp' [11]. (Sự tương hợp này) tạo thành (mối quan hệ), đó là các đường kinh "chính" của Dương đều thành các đường kinh "biệt" của Âm[12].

Kinh "Túc Thiếu âm chi chính", quay quanh vùng máu chuyển lớn, nhập vào ven chòm lông mu, hợp với đường đi của kinh Quyết âm[13]. Đường 'biệt' của nó nhập vào trong khoảng bờ sườn cột, tuần hành theo trong ngực, thuộc vào Đờm rồi tán ra ở đây, nó lại lên trên đến Can, xuyên qua Tâm để lên trên, áp vào yết (thực quản), xuất ra ở hàm dưới mép, tán ra ở mặt, ràng buộc vào mục hệ, hợp với kinh Thiếu dương, rồi cùng đường "biệt" của Thiếu dương cùng đi lên, đây là "Nhị hợp"[14].

Kinh "Túc Dương minh chi chính", lên đến máu chuyển lớn nhập vào trong bụng, thuộc vào Vị rồi tán ra ở Tỳ, lên trên thông với Tâm, lên trên nữa dọc theo yết (thực quản), xuất ra ở miệng, lên đến chỗ lõm của sống mũi giữa mắt, ràng buộc với mục hệ rồi hợp với Dương minh[15].

Kinh "Túc Thái âm chi chính", lên trên đến vùng máu chuyển lớn, hợp với kinh Dương minh, rồi cùng đường "biệt" của Dương minh cùng đi lên, lên trên để kết với yết (thanh quản), xuyên qua lưỡi, đây là 'Tam hợp' [16].

Kinh "Thái dương chi chính", chỉ xuống Địa, tách biệt ra từ 2 vùng khớp vai, nhập vào nách, chạy lên Tâm ràng buộc với Tiểu trường[17].

Kinh "Thủ Thiếu âm chi chính", tách biệt nhập vào ở huyết Uyên Dịch, giữa 2 đường gân, thuộc vào Tâm, lên trên chạy vào yết hầu, xuất ra ở mặt, hợp với khoeé mắt trong, đây là 'Tứ hợp' [18].

Kinh "Thủ Thiếu dương chi chính", chi lên Thiên, tách biệt ra ở đỉnh đầu nhập vào Khuyết bồn, đi xuống chạy vào Tam tiêu rồi tán ra ở giữa ngực [19].

Kinh "Thủ Tâm chủ chi chính", tách biệt đi xuống dưới huyết Uyên Dịch 3 thôn, nhập vào giữa ngực, tách biệt thuộc về Tam tiêu, xuất ra đi dọc theo hầu lung (thanh quản), xuất ra sau tai, hợp với phía dưới huyết Hoàn Cốt thuộc kinh Thiếu dương, đây là Ngũ hợp [20].

Kinh "Thủ Dương minh chi chính", đi từ tay, dọc theo 2 bên ngực và vú, tách biệt ra từ huyết Kiên Ngung, nhập vào dưới trụ cốt (Đại Chùy), xuống dưới chạy vào Đại trường, thuộc vào Phế, lên trên, dọc theo hầu lung (thanh quản), xuất ra ở Khuyết bồn, hợp với kinh Dương minh [21].

Kinh "Thủ Thái âm chi chính", tách biệt nhập vào Uyên Dịch trước kinh Thiếu âm, nhập vào đi đến Phế rồi tán ra ở Thái Dương, lên trên xuất ra ở Khuyết bồn, đi dọc theo hầu lung (thanh quản) rồi lại hợp với kinh Dương minh, đây là Lục hợp [22].

### 经别第十一

黄帝问于岐伯曰：余闻人之合于天道也。内有五藏，以应五音五色五时五味五位也；外有六府，以应六律，六律建阴阳诸经而合之十二月、十二辰、十二节、十二经水、十二时、十二经脉者，此五藏六府之所以应天道。夫十二经脉者，人之所以生，病之所以成，人之所以治，病之所以起，学之所始，工之所止也，粗之所易，上之所难也。请问其离合出人奈何？妨伯稽首再拜曰：明乎哉问也！此粗之所过，上之所息也，请卒言之。足太阳之正，别人于腓中，其一道下屈五寸，别人于肛，属于膀胱，散之肾，循管当心人散；直者，从管上出于项，复属于太阳，此为一经也。足少阳之正，至腓中，别走太阳而合，上至肾，当十四椎，出属带脉；直者，系舌本，复出于项，合于太阳。此为一合。成以诸阴之别，皆为正也。足少阳之正，绕髀入毛际，合于厥明；别者，入季肋之间，循胸里属胆，散之上肝贯心，以上挟咽，出颐颌中，散于面，系目系，合少阳于外毗也。足厥阴之正，别跑上，上至毛际，合于少阳，与别俱行。此为二合也。足阳明之正，上至脾，入于腹里，属胃，散之脾，上通于心，上循咽出于口，上颠136颞，还系目系，合于阳明也。足太阳之正，上至滚，合于阳明，与别仅行，上结于咽，贯舌中。此为三合也。手太阳之正；指地，别于肩解，入腋走心，系小肠也。手少阴之正，别人于渊腋两筋之间，属于心，上走喉咙，出于面，合自内附。此为四合也。手少阳之正，指天，别于巅，入缺盆，下走王焦，散于胸中也。手心主之正，别下渊腋三寸；入胸中，别属三焦，出循喉咙，出耳后，合少阳完骨之下。此为五合也。手阳明之正，从手循膺乳，别于肩肌入柱骨下，走大肠，属于肺，上循喉咙，出缺盆，合于阳明也。手太阴之正，别人渊腋少阻之前，入走肺，散之太阳，上出缺盆，循喉咙，复合阳明。此六合也。

### THIÊN 12: KINH THỦY

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Kinh mạch gồm có 12 đường, bên ngoài nó hợp với 12 kinh thủy, bên trong nó thuộc vào ngũ tạng, lục phủ [1]. Ôi ! 12 kinh thủy, trong số đó có lớn nhỏ, có sâu cạn, có rộng hẹp, có xa gần, tất cả đều không đồng nhau [2]. Ngũ tạng lục phủ có những cao thấp, nhỏ lớn, thọ nhận cốc khí nhiều ít cũng không bằng nhau. vậy sự tương ứng giữa chúng với nhau như thế nào? [3] Ôi ! kinh Thủy nhờ thọ được thủy để vận hành, ngũ tạng nhờ hợp được với thần khí hỗn phách để tàng giữ, lục phủ nhờ thọ được 'cốc khí' để vận hành, thọ được 'khí' để mà mở rộng ra, kinh mạch nhờ thọ được 'huyết' để mà 'doanh' ra [4]. Nay muốn hợp lại nhau để 'trị bệnh' phải làm sao? [5] Ta có thể nghe trình bày về sự thâm sâu hay cạn, cứu bằng tráng số nhiều hay ít không?" [6].

Kỳ Bá đáp rằng: "Câu hỏi khéo thay ! Thiên rất cao không thể đo, Địa rất rộng không lường, đó là ý nghĩa của vấn đề được đặt ra [7]. Và lại, con người sinh ra trong khoảng Thiên Địa, bên trong lục hợp [8]. Đây là Trời cao, Đất rộng, không phải là cái mà con người có thể đo lường mà đạt được vậy [9]. Đến như những kẻ mình cao 8 thước, da thịt hiện rõ nơi đây, bên ngoài, ta có thể đo lường, rò mó để biết được, khi chết, ta có thể 'giải phẫu' để nhìn xem sự cứng mềm của tạng, sự lớn nhỏ của phủ, sự nhiều ít của cốc khí, sự dài ngắn của mạch, sự thanh trọc của huyết, sự nhiều ít của khí [10]. Trong 12 kinh, kinh nào huyết nhiều khí ít, kinh nào huyết ít, khí nhiều, kinh nào cả huyết khí đều nhiều, kinh nào cả huyết lẫn khí đều thiếu, tất cả đều có 'số lớn' của nó [11]. Khi trị, dùng châm cứu nhằm điều hòa khí của đường kinh, mỗi trường hợp đều có chỗ thích hợp của nó" [12].

Hoàng Đế nói: "Ta nghe Thầy nói, tai ta rất thích, nhưng Tâm ta chưa được thỏa mãn. Ta mong được nghe cho hết".[13]

Kỳ Bá đáp : "Đây chính là những gì con người 'tham' được với Thiên Địa, ứng được với Âm Dương, không thể không xét cho rõ"[14].

Kinh túc Thái dương, bên ngoài nó hợp với sông Thanh thủy, bên trong nó thuộc vào Bàng quang có nhiệm vụ làm thông thủy đạo[15].

Kinh túc Thiếu dương, bên ngoài nó hợp với sông Vị thủy, bên trong nó thuộc vào Đờm[16].

Kinh túc Dương minh, bên ngoài nó hợp với Hải thủy, bên trong nó thuộc vào Vị[17].

Kinh túc Thái âm, bên ngoài nó hợp với sông Nhữ thủy, bên trong nó thuộc vào Thận[18].

Kinh túc Quyết âm, bên ngoài nó hợp với sông Thăng thủy, bên trong nó thuộc vào Can[19].

Kinh thủ Thái dương, bên ngoài nó hợp với sông Hoài thủy, bên trong nó thuộc vào Tiểu trường, thủy đạo xuất ra từ đây[20].

Kinh thủ Thiếu dương, bên ngoài nó hợp với sông Tháp thủy, bên trong nó thuộc vào Tam tiêu[21].

Kinh thủ Dương minh, bên ngoài nó hợp với sông Giang thủy, bên trong nó thuộc vào Đại trường[22].

Kinh thủ Thái âm, bên ngoài nó hợp với sông Hà thủy, bên trong nó thuộc vào Phế [23].

Kinh thủ Thiếu âm, bên ngoài nó hợp với sông Tế thủy, bên trong nó thuộc vào Tâm[24].

Kinh thủ Tâm chủ, bên ngoài nó hợp với sông Chương thủy, bên trong nó thuộc vào Tâm bào[25].

Phàm tất cả ngũ tạng, lục phủ, thập nhị kinh thủy, bên ngoài nó có nguồn, bên trong nó có chỗ bấp thu, tất cả xuyên suốt nhau như chiếc vòng ngọc không đầu mỗi[26]. 'Kinh' của con người giống như vậy[27]. Cho nên, Thiên thuộc Dương, Địa thuộc Âm, từ thất lung trở lên thuộc Thiên, từ thất lung trở xuống thuộc Địa[28]. Cho nên, từ "hải" về phía bắc thuộc Âm, từ "hồ" về phía bắc thuộc Âm trong Âm, từ sông Chương về phía nam thuộc Dương, từ sông Hà thủy về phía bắc không đến sông Chương thuộc Âm trong Dương, từ sông Tháp thủy về nam đến sông Giang thủy thuộc Thái dương trong Dương[29]. Đây chỉ là 1 vùng đất (tượng trưng) sự tương hợp của Âm Dương mà thôi, nhằm chứng minh con người cùng 'tham' với Thiên Địa[30].

Hoàng Đế hỏi: Ôi ! Sự tương hợp giữa kinh thủy và kinh mạch có những chỗ xa gần, cạn sâu, thủy và huyết có sụnhiều ít, đều có những bất đồng nhưng hợp nhau, dùng nó vào việc châm như thế nào ?"[31].

Kỳ Bá đáp : "Kinh túc Dương minh là 'biển' của ngũ tạng, lục phủ, mạch của nó đại, huyết của nó nhiều, khí của nó thịnh, nhiệt của nó tráng; Châm đường kinh này, nếu không sâu thì không làm tán được khí, không lưu kim thì không tả được khí[32]. Châm kinh túc Dương minh sâu 6 phân, lưu 10 hô[33]. Châm kinh túc Thái dương sâu 5 phân, lưu 7 hô [34]. Châm kinh túc Thiếu dương sâu 4 phân, lưu 5 hô [35]. Châm kinh túc Thái âm sâu 3 phân, lưu 4 hô [36]. Châm kinh túc Thiếu âm sâu 2 phân, lưu 3 hô[37]. Châm kinh túc Quyết âm sâu 1 phân, lưu 2 hô[38].

Âm dương của Thủ có con đường thọ khí gần, khí đến lại nhanh, độ châm sâu không thể quá 2 phân, lưu kim đều không quá 1 hô[39]. Đối với những người còn trẻ hoặc lớn tuổi, đối với người có vóc to hay bé nhỏ, đối với người mập hay gầy, tất cả những trường hợp đó phải được người thầy thuốc dùng Tâm để thẩm định, đây là ta đã phỏng theo cái lẽ thường của Thiên[40].

Việc dùng phép "cứu" cũng thế, nếu cứu mà quá mức thì người bệnh sẽ bị 'ác hóa', xương bị khô, mạch bị sắc, nếu châm mà quá mức thì sẽ làm cho thoát khí[41].

Hoàng Đế hỏi: "Ôi ! vấn đề nhỏ lớn của kinh mạch, nhiều ít của huyết, dày mỏng của làn da, cứng mềm của bắp thịt cho đến vấn đề lớn nhỏ của "khuẩn: kết tụ giữa cân và nhục", tất cả có thể đo lường được hay không ?"[42].

Kỳ Bá đáp : "Nhắm vào những trường hợp của những người có thể 'đo lường' được rồi chọn người 'trung đạt', đó là những người chưa 'thoát nhục' thái quá mà huyết khí cũng chưa suy[43]. Nếu gặp những người không đo lường được, tức là những người gầy yếu, hình nhục đều thoát, như vậy làm sao có thể chỉ dựa vào sự đo lường để mà châm được! Vậy nên thẩm xét lại phương pháp 'thiết tuần môn án', nên nhìn vào sự hàn ôn, thịnh suy (của khí huyết) để mà điều hòa (khí huyết), đó mới gọi là nhân theo chỗ thích ứng đáng gọi là con đường đúng đắn nhất vậy[44].

## 经水第十二

黄帝问于岐伯曰：经脉十二者，外合于十二经水，而内属于五藏六府。夫十二经水者，其有大小、深浅、广狭、远近各不同，五藏六府之高下、大小、受谷之多少亦不等，相应奈何？夫经水者，受水而行之；五藏者，合神气魂魄而藏之；六府者，受谷而行之，受气而扬之；经脉者，受血而营之。合而以治奈何？刺之深浅，灸之壮数，可得闻乎？岐伯答曰：善哉问也！天至高，不可度，地至广，不可量，此之谓也。且夫人生于天地之间，六合之内，此天之高、地之广也，非人力之所能度量而至也。若夫八尺之士，皮肉在此，外可度量切循而得之，其死可解剖而视之，其藏之坚脆，府之大小，谷之多少，脉之长短，血之清浊，气之多劣，十二经之多血少气，与其少血多气，与其皆多血气，与其皆少血气，皆有大数。其治以针艾，各调其经气，固其常有合乎？黄帝曰：余闻之，快于耳，不解于心，愿卒闻之。岐伯答曰：此人之所以参天地而应阴阳也，不可不察。足太阳外合清水，内属膀胱，而通水道焉。足少阳外合于渭水，内属于胆。足阳明外合于海水，内属于胃。足太阳外合于湖水，内属于脾。足少阴外合于汝水，内属于肾。足厥阴外合于漏水，内属于肝。手太阳外合推水，内属小肠，而水道出焉。手少阳外合于溪水，内属于三焦。手阳明外合于江水，内属于大肠。手太阳外合于河水，内属于肺。手少阴外合于济水，内属于心。手心主外合于漳水，内属于心包。凡此五藏六府十二经水者，外有源泉而内有所禀，此皆内外相贯，如环无端，人经亦然。故天为阳，地为阴，腰以上为天，腰以下为地。故海以北者为阴，湖以北者为阴中之阴，漳以南者为阳，河以北至漳者为阳中之阴，漂以南至江者为阳中之太阳，此一隅之阴阳也，所以人与天地相参也。137黄帝曰：夫经水之应经脉也，其远近浅深，水血之多少各不同，合而以刺之奈何？岐伯答曰：足阳明，五藏六府之海也，其脉大血多，气盛热壮，刺此者不深弗散，不留不泻也。足阳明刺深六分，留十呼。足太阳深五分，留七呼。足少阳深四分，留五呼。足大阴深三分，留四呼。足少阴深二分，留三呼。足厥阴深一分，留二呼。手之阴阳，其受气之道近，其气之来疾，其刺深者皆无过二分，其留皆无过一呼。其少长大小肥瘦，以心①撩之，命曰法天之常。灸之亦然。灸而过此者很恶火，则骨枯脉涩；刺而过此者，则脱气。黄帝曰：夫经脉之小大，血之多少，肤之厚薄，肉之坚脆，及腧之大小，可为量度乎？岐伯答曰：其可为度量者，取其中度也，不甚脱肉而血气不衰也。若失②度之人，癌瘦而形肉脱者，恶可以度量制乎？审切循们按，视其寒温盛衰而调之，是谓因适而为之真也。

### THIÊN 13: KINH CÂN

Cân của kinh túc Thiếu dương khởi lên ở đầu ngón chân út, lên trên kết ở mắt cá ngoài, đi chéo lên để kết ở gõng, đi xuống dọc theo mặt ngoài chân, kết ở gót chân, lên để kết ở gót chân phía sau, rồi kết ở kheo chân[1].  
Chỉ biệt của nó kết ở phía ngoài bắp chuối, lên đến mép trong giữa kheo chân rồi cùng đoạn giữa kheo chân lên trên kết ở mông, lên trên, đi cạnh cột sống lên đến cổ gáy[2].  
Một nhánh biệt nhập vào và kết ở cuống lưỡi[3].  
Đường đi thẳng của nó kết ở xương chẩm cột rồi lên đầu, xuống mặt (trán) rồi kết ở mũi[4].  
Một nhánh tạo thành màng lưới trên mắt, xuống dưới kết ở gò má dưới mắt[5].  
Một nhánh từ sau mép sau nách kết ở huyết Kiên Ngung[6].  
Một nhánh nhập vào dưới nách, lên trên xuất ra ở Khuyết bồn, lên trên kết ở huyết Hoàn Cốt[7].  
Một nhánh xuất ra từ Khuyết bồn đi chéo lên xuất ra ở gò má dưới mắt[8].  
Bệnh của nó sẽ làm cho ngón chân út và ngón chân sung thủng và đau, kheo chân bị chuột rút, lưng bị uốn như muốn gãy, gân gáy bị co rút, vai không đưa cao lên được, đau từ nách lên đến Khuyết bồn như bó vắn lại, không lắc lu được từ phải hay trái gì cả[9].  
Phép trị nên châm bằng phép 'phần châm' để đuổi hàn tà cho nhanh, không kể số lần châm, châm cho đến khi hết thì thôi; khi châm nên tìm chỗ nào đau (thống điểm) thì xem đó là du huyết để châm, ta gọi là chúng 'tý của thảng trọng xuân' vậy[10].  
• Cân của túc Thiếu dương khởi lên ở ngón chân áp út, phía ngón út, lên trên kết ở mắt cá ngoài, lên trên dọc theo mép ngoài của xương chày, kết ở mép ngoài gõng[11].  
Một nhánh tách biệt khởi lên ở bên ngoài xương phụ cốt lên cho đến máu chuyền lớn, phía trước nó kết ở huyết Phục Thổ, phía sau nó kết ở vùng xương cùng[12].  
Đường đi thẳng của nó lên trên cưỡi lên vùng mềm của bờ sườn cụt, lên trên đi theo mép trước của sườn, ràng buộc vào vùng ngực, vú, kết ở Khuyết bồn[13].  
Đường đi thẳng của nó lên trên xuất ra từ nách xuyên qua Khuyết bồn xuất ra ở trước kinh Thái dương, đi theo sau tai, lên trên đến góc trán, giao hội ở đỉnh đầu, đi xuống hàm, rồi lên kết ở xương má dưới mắt[14].

Một chi nhánh kết ở đuôi mắt đóng vai trò gìn giữ (duy trì) bên ngoài[15]. Khi bệnh, nó sẽ làm chuyển cân ở ngón áp út phía ngón út, dẫn lên đến gối và chuyển cân ở mép ngoài gối, làm cho gối không co duỗi được, kheo chân bị co rút, mặt trước co giập lên đến háng (máu chuyển lớn), phía sau làm cho giập đến vùng xương cụt, nó làm đau lan tràn đến bờ dưới sườn cụt, lên trên nó dẫn đến vùng ngực, vú và Khuyết bồn cũng đau, gân cổ bị co rút từ trái sang phải, mắt phải không mở ra được, lên trên quá góc mặt để cùng vận hành với Kiểu mạch, bên trái lạc với bên phải, cho nên nếu bị thương ở góc trái thì chân phải không cử động được, ta gọi tên là 'duy cân tương giao'[16]. Phép trị là phải châm bằng phép 'phần châm' để đuổi hàn tà cho nhanh, không kể số lần châm, châm cho đến khi hết bệnh thì thôi; khi châm nên tìm chỗ nào đau (thống điểm) xem đó là du huyết để châm; ta gọi là chúng 'tý của thảng mạnh xuân' vậy[17].

- Cân của túc Dương minh khởi lên ở giữa 3 ngón chân, kết ở trên mu bàn chân, đi chệch ra ngoài, lên trên gia thêm cho phụ cốt, lên để kết ở mép ngoài gối[18]. Đường lên thẳng của nó kết ở máu chuyển lớn, lên dọc theo hông sườn rồi thuộc vào cột sống[19].

Đường đi thẳng của nó lên trên dọc theo xương chày rồi kết ở gối[20].

Một nhánh kết ở ngoài phụ cốt, hợp với kinh Thiếu dương[21].

Đường đi thẳng của nó lên trên đi dọc theo huyết Phục Thổ, lên trên kết ở háng, tụ lại ở âm khí (bộ sinh dục), lên đến bụng, bỏ tán ra đến Khuyết bồn rồi kết lại, lên cổ, lên áp vào miệng, hợp với xương gò má, xuống dưới kết ở mũi, lại lên trên hợp với kinh Thái dương, (kinh Thái dương tạo thành màng lưới ở trên mắt), kinh Dương minh tạo thành màng lưới ở dưới mắt[22].

Một nhánh đi từ má lên kết ở trước tai[23].

Khi gây bệnh, nó sẽ làm cho chuyển cân từ ngón chân giữa lên đến ống chân, bàn chân bị giập nhảy lên và cứng, vùng huyết Phục Thổ bị chuyển cân, vùng háng bị sung thũng, bị chúng đổi sán, cân ở bụng bị co giập, dẫn lên đến Khuyết bồn và má, miệng bị méo sệch, nếu bệnh cấp thì mắt không nhắm lại được, nếu nhiệt thì cân bị mềm lỏng mắt không mở được, nếu cân ở má bị nhiệt thì nó sẽ làm cho cân bị buông lỏng không co lại được, miệng bị sệ xuống[24].

Phép trị là phải dùng "mỡ ngựa", thoa lên chỗ đang bị co giập, dùng rượu ngâm Quế để bôi vào chỗ bị mềm lỏng, dùng cành Dâu có móc để móc cho miệng được ngay lại (không còn méo nữa), tức là dùng tro lửa của cành dâu sống đặt vào chỗ lõm sâu dưới đất, làm thế nào để cho người bệnh ngồi 1 cách thoải mái, đủ ấm, sau đó dùng mỡ ngựa bôi vào nơi má bị co giập, đồng thời cho bệnh nhân uống ít rượu ngon, ăn thịt nướng thơm ngon; người nào không biết uống rượu cũng phải tự mình cố gắng uống cho kỳ được, thoa bóp chỗ đau khoảng 3 lần thì hết bệnh[25].

Phép trị nên châm bằng phép 'phần châm' để đuổi hàn tà cho nhanh, không kể số lần châm, châm cho đến khi hết thì thôi, Ta gọi là chúng 'tý của thảng quý xuân'[26].

- Cân của túc Thái âm khởi lên ở bên cạnh trong của đầu ngón chân cái, lên trên kết ở mắt cá trong[27].

Đường thẳng của nó lạc với xương phụ cốt trong gối, lên trên đi dọc theo mặt trong đùi, kết ở háng, tụ ở bộ sinh dục, lên trên bụng, kết ở rốn, đi bên trong bụng, kết ở cạnh sườn, tán ra ở giữa ngực[28].

Nhánh ở trong bám vào cột sống, khi gây bệnh, nó sẽ làm cho từ đầu ngón chân cái đến mắt cá trong đều đau, đau như chuột rút, xương phụ cốt bên trong gối bị đau, từ mặt trong về lên đến háng bị đau, vùng bộ sinh dục bị đau xoắn, xuống dưới dẫn đến (lên trên dẫn đến) rốn và hai bên hông sườn đau, dẫn đến ngực và trong cột sống đau[29].

Phép trị nên châm bằng phép 'phần châm', không kể số lần châm, châm cho đến khi hết bệnh thì thôi, khi châm nên tìm chỗ nào đau thì xem đó là du huyết để châm, ta gọi là 'tý bệnh của mạnh thu' vậy[30].

- Cân của Túc Thiếu âm khởi lên từ mặt dưới ngón chân út, cùng với cân của Túc Thái âm đi chệch về phía dưới của mắt cá trong, kết ở gót chân, hợp với cân của Thái dương, đi lên kết ở dưới và phía trong xương phụ cốt, cùng với cân của Thái âm lên trên đi dọc theo cột sống trong rồi dọc theo 2 bên thịt lữ để lên đến cổ gáy, kết ở xương chẩm cốt, hợp với cân của kinh túc Thái dương[31].

Khi bệnh, nó sẽ làm cho gan bàn chân bị chuyển cân, cho nên các nơi mà đường kinh kết vào đều đau và đều chuyển cân, vì bệnh được biểu hiện ở các nơi này, cho nên sẽ gây thành động kinh, co quắp, và cứng mình; nếu bệnh ở ngoài thì sẽ không cúi xuống được,

nếu bệnh ở trong thì không ngừa lên được, cho nên nếu bệnh ở Dương thì thất lung bị gãy ngược ra sau không cúi xuống được, nếu bệnh ở Âm thì không ngừa lên được[32]. Phép trị nên châm bằng phép 'phần châm' để đuổi hàn tà cho nhanh, không kể số lần châm, châm cho đến khi hết thì thôi, khi châm nên tìm chỗ nào đau thì xem đó là du huyết để châm, ta gọi đó là chứng 'tý của trọng thu' vậy[33].

- Cân của túc Quyết âm khởi lên ở mặt trên ngón chân cái, lên trên kết ở trước mắt cá trong, lên trên đi dọc theo xương chày, lên trên kết ở phía dưới của bên trong xương phụ cốt, lên trên đi dọc theo mặt trong của vế, kết ở bộ sinh dục, lạc với các cân khác[34].

Khi gây bệnh, nó sẽ làm cho từ ngón chân cái đến trước mắt cá trong đau, trong xương phụ cốt đau, phía trong vế đau, chuyển cân, bộ sinh dục bất dụng, liệt không dùng được nữa; nếu bị thương bên trong nó sẽ không cứng lên được, nếu bị thương bởi hàn tà thì nó bị teo thụt vào trong, nếu bị thương bởi nhiệt thì nó cứng lên không nhỏ lại được[35]. Phép trị là dùng phép 'hành thủy' để thanh Âm khí, còn nếu bệnh bị chuyển cân nên dùng phép 'phần châm', 'kiếp thích', không kể số lần châm, dò thấy nơi nào có điểm đau thì xem đó là du huyết để châm, ta gọi đây là chứng 'tý của quý thu' vậy[36].

- Cân của Thủ Thái dương khởi lên ở trên ngón út, kết ở cổ tay trên, tuần hành dọc theo mép trong cẳng tay, kết ở phía sau chỗ xương lồi nhọn phía trong khuỷu tay, ấn mạnh vào đó thấy cảm giác đến trên ngón tay út, nhập vào để kết ở dưới nách[37].

Một nhánh đi ra phía sau nách, lên trên vòng theo bả vai, dọc theo cổ, xuất ra đi theo phía trước kinh Thái dương, kết ở huyết Hoàn Cốt sau tai[38].

Một nhánh nhập vào trong tai[39].

Đường đi thẳng của nó xuất ra ở trên và dưới tai, kết ở hàm, lên trên thuộc vào khoeé mắt ngoài[40].

Khi gây bệnh, nó sẽ làm cho ngón tay út lan ra đến mép sau xương lồi nhọn phía trong khuỷu tay đều bị đau, đau dẫn lên phía trong cẳng tay nhập vào dưới nách, dưới nách cũng đau, mép sau nách đau, vòng theo sau bả vai dẫn lên đến cổ đau, ứng theo đó là trong tai bị kêu và đau, đau dẫn đến hàm, mắt có khi bị mờ hồi lâu rồi mới thấy trở lại; khi gân cổ bị co rút thì sẽ làm cho gân bị yếu và cổ bị sưng, đó là hàn nhiệt đang ở tại cổ [41].

Phép trị nên dùng phép 'phần châm', 'kiếp thích', không kể số lần châm, dò thấy nơi nào bị đau thì đó là du huyết để châm, hi nào nó vẫn còn sưng thũng, thì tiếp tục dùng kim nhọn (sâm châm) để châm[42].

Đường đi của nhánh gốc lên đến vùng răng, dọc theo trước tai, thuộc vào khoeé mắt ngoài, lên đến hàm (trán), kết ở góc trán[43]. Bệnh này làm chuyển cân ở các đường nó đi qua[44]. Phép trị nên dùng phép 'phần châm', 'kiếp thích', không kể số lần châm, dò thấy nơi nào đau thì đó là du huyết để châm, gọi là chứng 'tý của trọng hạ' vậy[45].

- Cân của Thủ Thiếu dương khởi lên ở đầu ngón tay thứ tư phía ngón út, kết ở cổ tay, lên trên đi dọc theo cẳng tay kết ở khuỷu tay, lên trên vòng quanh theo mép ngoài cánh tay, lên trên vai, đi lên cổ, hợp với kinh Thủ Thái dương[46]

Một nhánh từ dưới góc hàm nhập vào răng buộc với cuống lưỡi[47].

Một nhánh lên khỏi răng đi dọc ra trước tai, thuộc vào khoeé mắt ngoài, lên đến trán kết ở góc trán[48].

Khi gây bệnh thì suốt con đường mà kinh đi qua đều chuyển cân, lưỡi bị cuốn lại[49]. Phép trị là dùng phép 'phần châm', 'kiếp thích', không kể số lần châm cho đến khi hết bệnh thì thôi, chỗ nào có điểm đau chỗ đó là du huyết để châm, gọi là chứng 'tý của quý hạ' [50].

- Cân của thủ Dương minh khởi lên ở đầu ngón tay trở về phía ngón cái, kết ở cổ tay, lên trên đi dọc theo cẳng tay lên trên kết ở ngoài khuỷu tay và lên trên đến cánh tay, kết ở huyết Kiên Ngung[51].

Một nhánh vòng theo bả vai áp vào 2 bên cột sống[52].

Đường đi thẳng của nó đi từ huyết Kiên Ngung lên đến cổ [53].

Một nhánh lên má, kết ở trong xương gò má[54].

Đường đi thẳng của nó lên trên xuất ra ở trước kinh thủ Thái dương, lên trên đến góc trái của trán để lạc với đầu, đi xuống hàm bên phải[55].

Khi bệnh, nó sẽ gây cho suốt trên đường mà nó đi qua đều bị đau và vị chuyển cân, vai không đưa lên cao được, cổ không ngo qua bên trái và phải được[56].

Phép trị nên dùng phép 'phần châm', 'kiếp thích', không kể số lần châm, châm cho hết bệnh thì thôi, nơi nào có điểm đau thì nơi đó có huyết để châm, gọi là chúng 'tý của mạnh hạ' [57].

- Cân của thủ Thái âm khởi lên ở phía trên đầu ngón tay cái, đi dọc theo ngón tay cái lên trên kết ở sau huyết Ngự Tế vận hành theo phía ngoài Thốn khẩu, lên trên dọc theo cẳng tay kết ở giữa khuỷu tay, lên trên đến mép trong cánh tay, nhập vào nách, xuống dưới xuất ra ở Khuyết bồn, kết ở trước huyết Kiên Ngung, lên trên kết ở Khuyết bồn, xuống dưới kết ở trong ngực, tán ra xuyên qua vùng thượng Vị, rồi hợp ở vùng cuối hông sườn[58].

Khi bệnh, nó sẽ làm cho suốt con đường mà nó đi qua đều bị chuyển cân, đau, nếu nặng hơn sẽ thành chúng 'túc bồn', hông sườn bị vắn, thổ huyết [59].

Phép trị nên dùng phép 'phần châm', 'kiếp thích', không kể số lần châm, cho đến khi hết bệnh thì thôi, dò thấy chỗ nào có điểm đau thì đó là du huyết để châm, gọi là chúng 'tý của trọng đông' [60].

- Cân của thủ Tâm chủ khởi lên ở đầu ngón tay giữa, cùng đi với cân của Thái âm, kết ở mép trong khuỷu tay, đi lên theo phía trong cánh tay, kết ở dưới nách, đi xuống tán ra phía trước để sau, áp vào hông sườn[61].

Một nhánh nhập vào nách, tán ra ở giữa ngực, kết ở cánh tay hoặc vùng thượng Vị[62].

Bệnh của nó xảy ra sẽ làm cho suốt con đường mà nó đi qua đều bị chuyển cân cho đến vùng ngực bị đau, chúng 'túc bồn' [63]. Phép trị nên dùng phép 'phần châm', 'kiếp thích', không kể số lần châm, cho đến khi nào hết bệnh thì thôi, chọn chỗ nào có điểm đau thì chỗ đó là du huyết để châm, gọi là chúng 'tý của mạnh đông' [63].

- Cân của thủ Thiếu âm khởi lên ở mặt trong ngón út, kết ở xương nhọn (cổ tay), lên trên kết ở mép trong khuỷu tay, lên trên nhập vào nách, giao với kinh Thái âm, đi sát vào trong vú, kết ở giữa ngực, tuần hành theo cánh tay (vùng bồn, ngực), xuống dưới ràng buộc vào rốn[64].

Nếu gây bệnh nó sẽ làm cân bên trong co rút, chúng 'Phục lương', xuống dưới làm cho khuỷu tay như bị một màn lưới co kéo[65].

Nếu gây bệnh thì nó sẽ làm suốt con đường mà nó đi qua sẽ bị chuyển gân, gân bị đau[66]. Phép trị nên dùng phép 'phần châm', 'kiếp thích', không kể số lần châm, khi nào hết bệnh thì thôi[67].

Khi nó đã thành Phục lương thì bệnh nhân sẽ ói ra máu và mù, sẽ chết, không trị được[68]. Bệnh thuộc kinh cân, nếu hàn thì làm cho bệnh nhân bị gãy gấp ra sau, gân bị co rút, nếu nhiệt thì gân bị buông lỏng không co lại được, bị chúng Âm nuy không còn dùng đến (tông cân) được nữa[69]. Khi Dương bị cấp thì bị gãy gấp ra sau, Âm bị cấp thì bị cúi xuống không duỗi người ra được[70]. Khi chúng ta áp dụng phương pháp 'thối thích' tức là châm đối với hàn chúng, hàn cấp[71]. Trong trường hợp nếu là nhiệt chúng thì gân bị buông lỏng không co lại được, không nên áp dụng phương pháp 'phần châm', gọi là chúng 'tý của quý đông' vậy[72]. Kinh Dương minh ở Túc, kinh Thái dương ở Thủ, khi cân bị co rút thì miệng và mắt bị méo lệch, và đều bị co rút không thể nhìn thấy thẳng, phép trị như phương pháp đã nói[73].

### 经筋第十三

**足太阳之筋，起于足小指，上给予踝，邪上结于膝，其下循足外踝，结于庭，上循跟，结于咽；其别者，结于端外，上咽中内廉，与咽中共上结于臀，上捧脊上项；其支者，别人结于舌本；其直者，结于枕骨，上头下颞，结于鼻；其支者，为目上网，下结于颞；其支者，从腋后外廉，结于肩规兵支者，入腋下，上出缺盆，上结于完骨；其支者，出缺盆，邪上出于颞。其病小指支，跟肿痛，咽挛，脊反折，项筋急，肩不举，腋支，缺盆中纽痛，不可左右摇。治在插针劫制，以知为数，以痛为输，名曰仲春痹也。足少阳之筋，起于小指次指，上给外踝，上循脏外廉，结于膝外廉；其支者，别起外辅骨，上走群，前者结于伏兔之上，后者结于尻；其直者，上乘胜季肋，上走腋前廉，系于膺乳，结于缺盆；直者，上出腋，贯缺盆，出太阳之前，循耳后，上额角，交巅上，下走颞，上结于颞；支者，结于目眦为外维。其病小指次指支转筋，引膝外转筋，膝不可屈伸，因筋急，前引群，后引凤，即上乘妙季肋痛，上引缺盆膺乳颈，维筋急，从左之右，右目不开，上过右角，并脚脉而行，左络于右，故伤左角，右足不用，命曰维筋相交。治在活针劫刺，以知为数，以痛为输，名曰孟春痹也。足阳明之筋，起于中三指，结于跗上，邪外上加于捕骨，上结于膝外廉，在上给干群枢，上循肋，属脊；其直者，上循所，结于膝；其支者，结于外辅骨，合少阳；其直①心：原书篇末注：“一本作意”②失：原作“夫”，据呬乙经）、什素）九138者，上循伏兔，上结于外聚于阴器，上胶而布，至缺盆而结，上颈，上挟口，合于颞，下结于鼻，上合于太阳，太阳为目上网，阳明为目下网；其支者，从颊结于**

耳前。其病足中指支，胜转筋，脚跳坚，伏兔转筋，碑前肿，癌店；腹筋急，引缺盆及颊，卒口僻，急者目不合，热则筋纵，目不开。颊筋有寒，则急引颊移口；有热则筋弛纵缓，不胜收故僻。治之以马膏，膏其急者，以白酒和桂，以徐其援者，以桑钩钩之，即以生桑灰置之炊中，高下以坐等，以膏熨急额，且饮美酒，啖美炙肉，不饮酒者，自强也，为之三税而已。治在插针劫刺，以知为数，以痛为输，名曰季春痹也。粹足太阳之筋，起于大指之端内侧，上结于内踝；其直者，络于豚内辅骨，上循阴股，结于髌，聚于阴器，上腹，结于脐，循腹里，结于肋，散于胸中；其内者，著于脊。其病足大指支，内踝痛，转筋痛，膝内辅骨痛，阴股引群而痛，阴器纽痛，下引脐两肋痛，引膺中脊内病。治在插针劫别，以知为数，以痛为输，命曰益秋痹也。足少阴之筋，起于小指之下，并足太阴之筋，邪走内踝之下，结于度，与太阳之筋合，而上结于内辅之下，并太阳之筋而上循阴股，结于阴器，循脊内挟脊，上至项，结于枕骨，与足太阳之筋合。其病足下转筋，及所过而结者皆痛及转筋。病在此者，主痛瘤及痉，在外者不能偏，在内者不能仰。故阳病者腰反折不能俯，阴病者不能抑。治在活舒劫刺，以知为数，以痛为输，在**内者熨引**饮药。此筋折纽，纽发数甚者，死不治，名曰仲秋痹也。足厥阴之筋，起于大指之上，上结于内踝之前，上循脏，上给内辅之下，上循阴股，结于阴器，络诸筋。其病足大指支，内踝之前痛，内辅痛，阴股痛转筋，阴器不用，伤于内则不起，伤于寒则阴缩入，伤于热则纵挺不收。治在行水清明气。其病转筋者，治在活针劫刺，以知为数，以痛为输，命曰季秋痹也。手太阳之筋，起于小指之上，结于腕，上循臂内廉，结于肘内锐骨之后，弹之应小指之上，入结于腋下；其支者，后走腋后廉，上绕肩呷，循颈出走太阳之前，结于耳后完骨；其支者，入耳中植者，出耳上，**下**结于颌，上属目外毗。其病小指支，肘内锐骨后廉痛，循臂阴入腋下，腋下痛，腋后廉痛，绕肩肿引颈而痛，应耳中鸣痛，引领目瞑，良久乃得视，颈筋急则为筋疾颈肿。寒热在颈者，治在活针劫刺之，以知为数，以痛为输，其为肿者，复而锐之。本支者，上曲牙，循耳前，属自外毗，上颌，结于角。其痛当所过老支转筋。治在插针劫刺，以知为数，以痛为输，名曰仲夏痹也。手少阳之筋，起于小指次指之端，结手腕，上**①循臂**结于肘，上绕德外廉，上肩走颈，合手太阳淇支者，当曲颊人系舌本；其支者，上曲牙，循耳前，属目外毗，上乘颌，结于角。其病当所过者即支转筋，**舌卷**。治在活针劫刺，以知为数，以痛为输，名曰季夏痹也。手阳明之筋，起于大指次指之端，结于腕，上循臂，上结于肘外，上编绘于辅；其**①上：原作"中"，据胡本、拥乙经**（别太素·经筋）改。139**支者**，绕肩呷，挟脊；直者，从肩骹上颈；其支者，上颊，结于顺；直者，上出手太阳之前，上左角，络头，下右颌。其病当所过者支痛及转筋，肩不举，颈不可左右视。治在插针劫刺，以知为数，以痛为输，名曰益夏痹也。手太阳之筋，起于大指之上，循指上行，结于鱼后，行寸口外侧，上循臂，结肘中，上腋内廉，入腋下，出缺盆，结肩前够，上结缺盆，下结**胸里**，散贯贯，合腋下，抵季肋。其病当所过者支转筋痛，甚成急贫，肋急吐血。治在播针劫刺，以知为数，以痛为输，名曰仲冬痹也。手心主之筋，起于中指，与太阴之筋并行，结于肘内廉，上臂阴，结腋下，下散前后挟肋；其支者，入腋，散胸中，结于臂。其病当所过者支转筋，前及胞癌患责。治在活针劫刺，以知为数，以痛为输，名曰益冬痹也。手少明之筋，起于小指之内侧，结于桡骨，上结肘内廉，上人腋，交太阳，挟乳里，结于胸中，循臂，下系于脐。其病内急，心承伏梁，下为肘网**其病当所过者支转筋**，筋痛。治在活针劫刺，以知为数，以痛为输。其成伏梁唾血脓者，死不治。经筋之病，寒则反折筋急，热则筋弛纵不收，明展不用。阳急则反折，阴急则饰不伸。焮刺者，刺寒急也，热则筋弛纵不收，无用播针。名曰季冬痹也。足之阳明，手之太阳，筋急则口目为倾，毗急不能卒视，治皆如右方也。

#### THIÊN 14: CỐT ĐỘ

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Thiên 'Mạch Độ' có nói về sự dài và ngắn của kinh mạch, vậy chúng ta dựa vào đâu để lập nên (sự quy định) đó?" [1].

Bá Cao đáp: "Trước hết, chúng ta nên đo đạc sự dài ngắn, rộng hẹp, lớn nhỏ của cốt tiết, được vậy thì mạch độ sẽ định vậy" [2].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về mức độ trung bình của của người trung bình (chúng nhân) [3]. Con người trung bình đo dài được 7 xích 5 thốn, vậy sự dài ngắn, lớn nhỏ của cốt tiết của họ phải tính như thế nào (kỳ hà) ? [4].

Bá Cao nói: "Chu vi của đại cốt của đầu dài 2 xích 6 thốn, chu vi của ngực dài 4 xích 5 thốn, chu vi của thắt lưng dài 4 xích 2 thốn, vùng có tóc che phủ, tức là mí tóc trước trán đến mí tóc cổ gáy sau dài 1 xích 2 thốn, từ mí tóc trước xuống đến cằm dài 1 xích, người quân tử nên dùng phép chiết trung (để tính)" [5].

Từ kết hầu trở xuống đến giữa Khuyết bồn dài 4 thốn [6]. Từ Khuyết bồn trở xuống đến xương Cưu Vĩ dài 9 thốn [7]. Nếu quá (dài hoặc rộng hơn) thì Phế to ra, nếu không đủ (bất mãn) thì Phế nhỏ lại [8]. Từ xương kiếm (chân thủy) xuống cho đến Thiên Xu dài 8 thốn [9]. Nếu quá thì Vị to ra, nếu bất cập thì Vị nhỏ lại [10]. Từ Thiên Xu xuống đến Hoàn Cốt dài 6 thốn rưỡi [11]. Nếu quá thì hồi trường rộng và dài, nếu không đủ thì hẹp và ngắn [12]. Xương hoành cốt dài 6 thốn rưỡi [13]. Từ mép trên của Hoàn Cốt trở xuống cho đến mép trên của phía trong xương phụ cốt dài 1 xích 8 thốn [14]. Từ mép trên của phía trong xương phụ cốt trở xuống đến mép dưới dài 3 thốn rưỡi [15]. Từ mép dưới của xương phụ cốt trong xuống dưới đến mắt cá trong dài 1 xích 3 thốn [16]. Từ



mắt cá xuống dưới mặt đất dài 3 thốn[17]. Từ kheo chân ngay đầu gối xuống dưới đến mu bàn chân dài 1 xích 3 thốn[18]. Từ mu bàn chân xuống tới mặt đất dài 3 thốn[19]. Cho nên, phần chu vi của cốt lớn thì gọi là thái quá, nhỏ thì gọi là bất cập[20]. Từ góc trán đến xương trụ cốt dài 1 xích[21]. Phần vận hành trong nách không hiện rõ ra dài 4 thốn[22]. Từ nách xuống dưới xương sườn cùng (quý hiệp) dài 1 xích 2 thốn[23]. Từ xương sườn cùng xuống đến mấu chuyển lớn (bể khu) dài 6 thốn[24]. Từ mấu chuyển lớn xuống khe đầu gối dài 1 xích 9 thốn[25]. Từ đầu gối xuống đến mắt cá chân ngoài dài 1 xích 6 thốn[26]. Từ mắt cá ngoài xuống đến huyết Kinh Cốt dài 3 thốn[27]. Từ huyết Kinh cốt xuống đến mặt đất dài 1 thốn[28]. Phía sau tai, ngay nơi huyết Hoàn Cốt đo ngang rộng 9 thốn[29]. Trước tai, ngang nơi cửa tai (Thính Cung) đo ngang rộng 1 xích 3 thốn[30]. Trong khoảng lưỡng quyền (2 má), 2 bên cách nhau 7 thốn[31]. Khoảng cách giữa 2 vú rộng 9 thốn rưỡi[32]. Khoảng cách giữa 2 mấu chuyển lớn rộng 6 thốn rưỡi[33]. Chân dài 1 xích 2 thốn, rộng 4 thốn rưỡi[34]. Từ vai đến khuỷu tay dài 1 xích 7 thốn[35]. Từ khuỷu tay đến cổ tay dài 1 xích 2 thốn rưỡi[36]. Từ cổ tay đến xương bản tiết của ngón giữa dài 4 thốn[37]. Từ xương bản tiết đến cuối (ngón tay) dài 4 thốn rưỡi[38]. Từ mí tóc gáy xuống dưới đến xương sống lưng dài 2 thốn rưỡi[39]. Từ lữ cốt trở xuống đến xương cùng gồm 21 đốt, dài 3 xích[40]. Các đốt nằm trên mỗi đốt đều dài 1 thốn 4 phân 1 ly, phần còn dư lẻ lại đều được tính ở phần các đốt dưới, cho nên, 7 đốt trên cho đến lữ cốt dài 9 thốn 8 phân 7 ly[41]. Đây là những độ của cốt của chúng nhân: đa số người, từ đó (cổ nhân) lập nên sự dài ngắn của kinh mạch[42]. Nhờ đó, ta có thể nhìn kinh mạch được ở thân thể, khi nó hiện ra phù mà kiên, hiện ra rõ ràng mà lớn, đó là huyết nhiều; nhỏ mà trầm, đó khí nhiều[43].

#### 骨度第十四

黄帝问于伯高曰：脉度言经脉之长短，何以立之？伯高曰：先度其骨节之大小广狭长短，而脉度定矣。黄帝曰：愿闻众人之度，人长七尺五寸者，其骨节之大小长短各几何？伯高曰：头之大骨围二尺六寸，胸围四尺五寸，腰围四尺二寸。发所复者，颠至项尺二寸；发以下至颐长一尺，君子终折。结喉以下至缺盆中长四寸，缺盆以下至髀髁长九寸，过则肺大，不满则肺水踢髁以下至天枢长八寸，过则胃大，不及则胃小。天枢以下至横骨长六寸半，过则回肠广长，不满则狭短。横骨长六寸半，横骨上廉以下至内辅之上廉长一尺八寸，内辅之上廉以下至下廉长三寸半，内辅下廉下至内踝长一尺三寸，内踝以下至地长三寸，膝团以下至附属长一尺六寸，附属以下至地长三寸，故骨围大则太过，小则不及。角以下至柱骨长一尺，行腋中不见者长四寸，腋以下至季肋长一尺二寸，季肋以下至辟枢长六寸，群枢以下至膝中长一尺九寸，膝以下至外踝长一尺六寸，外踝以下至京骨长三寸，京骨以下至地长一寸。耳后当完骨者广九寸，耳前当耳门者广一尺三寸，两颧之间相去七寸，两乳之间广九寸半，两脾之间广六寸半。140足长一尺二寸，广四寸半。肩至肘长一尺七寸，肘至腕长一尺二寸半，腕至中指本节长四寸，本节至其本长四寸半。项发以下至背①骨长二寸半，臂骨以下至尾船二十一书长三尺，上节长一寸四分分之一，奇分在下，故上七节至于育骨九寸八分分之七，此众人骨之度也，所以立经脉之长短也。是故视其经脉之在于身也，其见浮而坚，其见明而大者，多血；细而沉者，多气也。

#### THIÊN 15: NGŨ THẬP DOANH

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe thể nào là ngũ thập doanh"[1]. Kỳ Bá đáp: "Thiên xoay hết 1 chu thì hết nhị thập bát tú, mỗi tú vận hành 36 phân, khí của con người vận hành 1 chu[2]. Trong 1008 phân, nhật hành nhị thập bát tú, kinh mạch của con người vận hành trên dưới, trái phải, trước sau, thể là 28 mạch vận hành chu thân dài 16 trượng 2 xích nhằm ứng với nhị thập bát tú, lậu thủy chảy xuống trăm khắc nhằm phân ra ngày và đêm[3]. Cho nên con người 1 lần hô thì mạch tái động, khí vận hành 3 thốn[4]. Hô hấp định 1 tức, khí vận hành 6 thốn[5]. Khí vận hành trong 10 tức được 6 xích, nhật hành nhị phân, 270 tức khí hành 16 trượng 2 xích, khí vận hành giao thông với bên trong 1 chu toàn thân, nước chảy xuống 2 khắc, nhật hành 25 phân, 540 tức khí hành 1 lần nửa chu toàn thân, nước chảy xuống 4 khắc, nhật hành 40 phân, 2700 tức khí vận hành 10 chu toàn thân, nước chảy xuống 20 khắc, nhật hành 5 tú 20 phân, 13.500 tức khí vận hành 50 doanh ở toàn thân nước chảy xuống 100 khắc, nhật hành nhị thập bát tú, nước chảy xuống đã hết, mạch cũng dứt vậy[6]. Cái gọi là giao thông ý nói cùng vận hành với nhau theo đúng với con số. Vì thế con số 50 doanh đã đáp ứng đầy đủ tuổi thọ của Thiên Địa... nghĩa là sự vận hành được 810 trượng vậy[7].

## 五十营第十五

**黄帝曰：余愿闻五十营奈何？岐伯答曰：天周二十八宿，宿三十六分，人气行一周，千八分。日行二十八宿，人经脉上下、左右、前后二十八脉，周身十六丈二尺，以应二十八宿。漏水下百刻，以分昼夜，故人一呼，脉再动，气行三寸，一吸，脉亦再动，气行三寸，呼吸定息，气行六寸。十息，气行六尺，日行二分。二百七十息，气行十六丈二尺，气行交通于中，一周于身，下水二刻，日行二十五分。五百四十息，气行再周于身，下水四刻，日行四十分。二千七百息，气行十周于身，下水二十刻，日行五宿二十分。一万三千五百息，气行五十营于身，水下百刻，日行二十八宿，漏水皆尽，脉终矣。所谓交通者，并行一数也，故五十营备，得尽天地之寿矣，凡行八百一十丈也。**

### THIÊN 16: DOANH KHÍ

Hoàng Đế nói: "Con đường của doanh khí quý nhất là ở chỗ nạp cốc khí nhập vào Vị, sau đó mới truyền lên cho Phế, tràn ngập ở trong và bố tán ra ngoài, phần tinh chuyên vận hành trong kinh toại, nó doanh hành 1 cách thường không bao giờ ngừng lại, chung rồi lại thi, đây chính là kỳ của Thiên Địa[1]. Cho nên, khí bắt đầu xuất ra từ Thái âm rồi chú rót vào kinh thủ Dương minh, vận hành lên trên rót vào kinh túc Dương minh, xuống dưới vận hành cho đến mu bàn chân rồi rót vào trong khoảng ngón cái để hợp với kinh Thái âm, đi lên trên áp vào Tỳ, từ Tỳ rót vào giữa Tâm, lại tuần hành theo kinh Thủ Thiếu âm, xuất ra khỏi nách, xuống dưới theo cẳng tay để rót vào ngón tay út, hợp với kinh Thủ Thái dương, lại vận hành lên trên, cuỡi lên nách, xuất ra ở xương má (dưới mắt) rót vào khoé mắt trong, lên đỉnh đầu, xuống đến cổ gáy để hợp với kinh túc Thái dương, tuần hành theo cột sống xuống dưới xương cùng, rồi lại đi xuống để rót vào đầu ngón út, tuần hành theo giữa lòng bàn chân để rót vào kinh túc Thiếu âm, tuần hành lên trên rót vào Thận, từ Thận lại rót vào ngoài Tâm để rồi tán ra ở giữa lồng ngực, tuần hành theo mạch của kinh Tâm chủ, xuất ra dưới nách, đi xuống cẳng tay, xuất ra ở giữa 2 đường gân, nhập vào lòng bàn tay, xuất ra ở đầu ngón giữa, trở lại rót vào đầu ngón áp út phía ngón út hợp với kinh Thủ Thiếu dương, đi lên trên rót vào Chiên Trung, tán ra ở Tam tiêu, từ Tam tiêu rót vào Đờm, xuất ra ở hông sườn, rót vào kinh túc Thiếu dương, lại đi xuống mu bàn chân, rồi lại từ mu bàn chân rót vào trong chỗ khoảng ngón chân cái để hợp với kinh Túc Quyết âm, vận hành lên trên đến Can, từ Can lên trên rót vào Phế, lên trên đến cổ họng, nhập vào khiếu trong mũi (kháng tâng) dứt ở khiếu cổ họng (súc môn)[2].

Chi biệt của nó lên trên trán, tuần hành ở đỉnh đầu, xuống dưới cổ gáy, tuần hành theo cột sống nhập vào xương cùng, đó là nơi của Đốc mạch để lạc với Âm khí (bộ sinh dục), lên trên đi qua giữa chòm lông mu, nhập vào giữa rốn, lên trên tuần hành theo bên trong bụng, nhập vào Khuyết bồn, xuống dưới rót vào giữa Phế, rồi lại xuất ra ở kinh Thái âm[3]. Đây chính là con đường vận hành của doanh khí, tạo thành lẽ thường của sự nghịch thuận vậy[4].

## 营气第十六

**黄帝曰：营气之道，内谷为宝，谷入于胃，乃传之肺，流溢于中，布散于外，精专者行于经隧，常营无已，终而复始，是谓天地之纪。故气从太阳出，注手阳明，上行注足阳明，下行至路上，注大指间，与太阳合，上行抵碑，从脾注心中；循手少阴，出腋下臂，注小指，合手太阳，上行乘腋出颞内，注目内毗，上巅下项，合足太阳，循脊下届，下行注小指之端，循足心注足少阴，上行注肾，从肾注心，外散于胸中；循心主脉出腋下臂，出两筋之间，入掌中，出中指之端，还注小指次指之端，合手少阳，上行注臆中，散于三焦，从三焦注胆，出肋注足少阳，下行至跑上，复从附注大指间，会足厥阴，上行至肝，从肝上注肺，上循喉咙，八项领之窍，究于畜门；其支别者，上额循巅下项中，循脊人脱是督脉也，络阴器，上过毛中，入脐中，上循腹里，入缺盆，下注肺中，复出太阴。此营气之所行也，逆顺之常也。**

### THIÊN 17: MẠCH ĐỘ

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về vấn đề mạch độ"[1].

Kỳ Bá đáp: "Lục dương kinh của Thủ đi từ tay đến đầu, dài 5 xích, 5 lần 6 là 3 trượng[2].

Lục âm kinh của Thủ đi từ tay đến giữa ngực dài 3 xích 5 thốn. 3 lần 6 là 1 trượng 8 xích, 5 lần 6 là 3 xích, hợp lại là 2 trượng 1 xích[3].

Lục dương kinh của Túc đi từ chân lên trên đến đầu dài 8 xích, 6 lần 8 là 4 trượng 8 xích[4].

Lục Âm kinh của Túc đi từ chân lên đến giữa ngực dài 6 xích 5 thốn, 6 lần 6 là 3 trượng 6 xích, 5 lần 6 là 3 xích, hợp lại là 3 trượng 9 xích[5].  
 Kiểu mạch đi từ chân lên đến mắt dài 7 xích 5 thốn, 2 lần 7 là 1 trượng 4 xích, 2 lần 5 là 1 xích, hợp lại là 1 trượng 5 xích[6].  
 Đốc mạch, Nhâm mạch mỗi mạch dài 4 xích 5 thốn, 2 lần 4 là 8 xích, 2 lần 5 là 1 xích, hợp lại là 9 xích, hợp lại là 9 xích, tất cả hợp lại là 16 trượng 2 xích[7].  
 Đây là đại kinh toại của khí[8].  
 Kinh mạch thuộc về lý, phần nhánh và lạc ngang là thuộc về lạc[9]. Biệt của lạc là tôn (lạc, tôn lạc) nếu thịnh thì thành huyết, nên mau mau châm trừ bỏ nó đi[10]. Nếu khí thịnh thì dùng phép châm tả, nếu khí hư thì nên cho uống thuốc để bổ nó[11]. Ngũ tạng thường thông với thất khiếu ở trên[12]. Cho nên Phế khí thông với mũi, nếu Phế lợi thì mũi có thể biết được mùi thối hoặc thơm[13]. Tâm khí thông với lưỡi, nếu Tâm hòa thì lưỡi có thể biết được ngũ vị[14]. Can khí thông với mắt, nếu Can hòa thì mắt có thể phân biệt được ngũ sắc[15]. Tỳ khí thông với miệng, nếu Tỳ hòa thì miệng có thể biết được ngũ cốc[16]. Thận khí thông với tai, nếu thận hòa thì tai có thể nghe được ngũ âm[17]. Ngũ tạng bất hòa thì thất khiếu bất thông, lục phủ bất hòa thì khí sẽ bị giữ lại và thành chứng ung[18].  
 Cho nên, nếu tà khí ở tại phủ thì Dương mạch bất hòa, Dương mạch bất hòa thì khí bị giữ lại, khí bị giữ lại thì Dương khí bị thịnh[19]. Nếu Dương khí quá thịnh thì âm bị bất lợi, Âm mạch bất lợi thì huyết bị giữ lại, huyết bị giữ lại thì Âm khí bị thịnh[20]. Nếu Âm khí quá thịnh thì Dương khí không thể tươi, gọi là quan[21]. Nếu Dương khí quá thịnh thì Âm khí không thể tươi, gọi là cách[22]. Nếu cả Âm Dương đều thịnh không cùng làm vinh cho nhau, gọi là Quan Cách[23]. Khí bị Quan Cách thì sẽ không sống được trọn đời mình mà đã chết rồi vậy[24].  
 Hoàng Đế hỏi: "Kiểu mạch khởi lên như thế nào và chấm dứt như thế nào? Khí nào đã làm vinh nhau?"[25].

Kỳ Bá đáp: "Kiểu mạch là 1 biệt mạch của kinh Thiếu Âm, khởi lên ở sau xương Nhiêm cốt, lên trên khỏi mắt cá trong lên thẳng tuần hành theo phía trong đùi, nhập vào Âm khí, lên trên tuần hành theo trong ngực, nhập vào Khuyết bồn, lên trên, xuất ra ở trước huyết Nhân Nghênh, nhập vào phía dưới mắt rồi thuộc vào khoé mắt trong, hợp với kinh Thái dương và mạch Dương kiểu rồi lên trên nữa; (Âm kiểu và Dương kiểu) cùng giao khí với nhau thì sẽ làm tron ướt cho mắt; Nếu khí này không làm thông (tươi) cho nhau thì mắt sẽ không nhắm lại được"[26].

Hoàng Đế hỏi: "Khí chỉ độc hành ở ngũ tạng mà không làm vinh ở lục phủ, tại sao thế?"[27].

Kỳ Bá đáp: "Khí không thể không vận hành, nó ví như nước phải chảy, nhật nguyệt phải vận hành không ngừng[28]. Cho nên Âm mạch làm vinh cho tạng, Dương mạch làm vinh cho phủ, như chiếc vòng ngọc không đầu mối, không biết cái kỹ ở chỗ nào, chung rồi lại thi[29]. Khí tràn ngập của nó, bên trong nó tưới ướt tạng phủ, bên ngoài nó làm tron ướt tấu lý"[30].

Hoàng Đế hỏi: "Kiểu mạch có Âm, có Dương, vậy mạch nào tính theo con số nào?"[31].

Kỳ Bá đáp: "Người con trai phải tính vào số Dương, người con gái phải tính vào số Âm, tính tới con số nào thì đó là kinh, con số không tính gọi là lạc"[32].

## 脉度第十七

**黄帝曰：愿闻脉度。**岐伯答曰：手之六阳，从手至头，长五尺，五六三丈。手之六阴，从手至胸中，三尺五寸，三六一丈八尺，五六三尺，合二立一尺。足之六阳，从足上至头，八尺，六八四丈八尺。足之六阴，从足至胸中，六尺五寸，六六三丈六尺，五六三尺，合三丈九尺。跌脉从足至目，七尺五寸，二七一丈四尺，二五一尺，合一立五尺。督脉任脉各四尺五寸，二四八尺，二五一尺，合九尺。凡都合一十六丈。尺，此气之大经隧也。经脉为里，支而横者为络，络之别者为孙，盛而血者疾诛之，盛者泻之，虚者饮药以补之。五藏常内阅于上七窍也，故肺气通于鼻，肺和则易能知臭香矣；心气通于舌，心和则舌能知五味矣；肝气通于目，肝和则目能辨五色矣；脾气通于口，脾和则口能知五谷矣；肾气通于耳，肾和则耳能闻五音矣。五藏不利则七窍不通，六府不和则留为痈。故邪在府则阳脉不和，阳脉不和则气留之，气留之则阳气盛矣。阳气太盛则阴不利，明脉不利则血留之，血留之则阴气盛矣。阴气太盛，则阳气不能荣也，故曰关。阳气太盛，则明气弗能荣也，故曰格。阴阳俱盛，不得相荣，放曰关格。关格者，不得尽期而死也。黄帝曰：颞脉安起安止？何气荣水？岐伯答曰：缺脉者，少明之别，起于然骨之后，上内踝之上，直上循阴股入阴，上循胸里入缺盆，上出人迎之前，入颞，属目内附，合于太阳、阳跃而上行，气并相还则为孺目，气不荣则目不合。·黄帝曰：气独行五藏，不荣六府，何也？岐伯答曰：气之不得无行也，如水之流，如日月之行不休，故阴

脉荣其藏，阳脉荣其府，如环之无端，莫知其纪，终而复始。其流溢之气，内溉藏府，外德胜理。黄帝曰：颜脉有阴阳，何脉当其数？岐伯答曰：男子数其阳，女子数其阴，当数者为经，其不当数者为络也。

#### THIÊN 18: DOANH VỆ SINH HỘI

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: “Con người thọ khí từ đâu ? Âm Dương hội nhau ở đâu ? Khí gì gọi là Doanh ? Khí gì gọi là Vệ ? Doanh khí sinh ra từ đâu ? Vệ khí hội nhau ở đâu ? Khí của người già và người trai tráng không đồng nhau, Âm Dương ở những chỗ khác nhau, Ta mong được nghe về chỗ hội của chúng”[1].

Kỳ Bá đáp : “Con người thọ khí ở cốc khí, cốc khí nhập vào Vị để rồi truyền lên đến Phế, ngũ tạng lục phủ đều nhờ vậy mà thọ được khí ấy[2]. Phần thanh của khí ấy thành doanh, phần trọc của nó thành vệ[2]. Doanh ở trong mạch, vệ ở ngoài mạch, doanh hành thành những vòng không ngừng nghỉ, vận hành đủ 50 chu rồi trở lại hợp đại hội với nhau[3]. Âm dương cùng quán thông nhau như chiếc vòng ngọc không đầu mối[4]. Vệ khí vận hành ở Âm 25 độ, vận hành ở Dương 25 độ, phân làm ngày và đêm, cho nên khí vận hành đến Dương phân thì thức, vận hành đến Âm thì ngủ[5].

Cho nên mới nói: lúc mặt trời giữa trưa là lúc Dương nở rộng ra gọi là trùng Dương, lúc nửa đêm là lúc Âm nở rộng ra, gọi là trùng âm[6]. Cho nên Thái âm chủ bên trong, Thái dương chủ bên ngoài, mỗi bên vận hành 25 độ, phân làm ngày và đêm[7].

Giữa đêm là lúc âm nở rộng rất, sau giữa đêm là lúc Âm bị suy, sáng sớm (bình旦) là lúc Âm tận và cũng là lúc Dương thọ (nhận lấy) khí[8].

Giữa trưa là lúc Dương nở rộng ra, lúc mặt trời về hướng tây là lúc Dương bị suy, mặt trời lặn là lúc Dương tận và cũng là lúc mà Âm nhận lấy khí[9].

Lúc giữa đêm (khí) hợp đại hội, lúc đó vận dân đều nằm (ngủ) gọi là lúc hợp âm[10]. Lúc sáng mai Âm tận và Dương nhận lấy khí[11]. Cứ như thế không bao giờ ngừng, cùng đồng với (cương) kỷ của Thiên Địa vậy[12].

Hoàng Đế hỏi: “Người già thì ban đêm không nhắm mắt (để ngủ), khí gì đã khiến nên như thế ? Những người thiếu niên, tráng niên thì ban ngày không nhắm mắt (để ngủ), khí gì đã khiến nên như thế ?”[13].

Kỳ Bá đáp : “Khí huyết của người tráng thịnh, cơ nhục của họ hoạt, đường khí đạo thông, sự vận hành của khí doanh vệ chưa mất đi lẽ thường của nó, cho nên ban ngày khí được sáng khoái và ban đêm thì mắt nhắm lại được[14]. Người lão thì khí huyết suy, cơ nhục của họ bị khô, đường khí đạo không còn trơn tru, khí của ngũ tạng đánh nhau, doanh khí của họ bị suy thiếu còn vệ khí thì cũng đánh nhau bên trong, cho nên khí của họ ban ngày không sáng khoái còn ban đêm thì mắt không nhắm lại (để ngủ) được”[15].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe con đường vận hành của khí doanh vệ, nó từ con đường nào đến ?”[16].

Kỳ Bá đáp : “Doanh khí xuất ra từ trung tiêu, vệ khí xuất ra từ hạ tiêu”[17].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe chỗ xuất ra của Tam tiêu”[18].

Kỳ Bá đáp : “Thượng tiêu xuất ra ở Thượng khẩu của Vị, cùng đi dọc theo yết để đi lên, xuyên qua hoành cách để bỏ tán ở giữa ngực, đi qua nách, tuần hành theo vùng của kinh để đi, quay trở lại đến kinh Dương minh, lên trên đến lưỡi, xuống đến kinh túc Dương minh, thường cùng doanh khí đồng hành ở 25 độ dương, ở 25 độ âm, gọi là 1 chu, cho nên, sau 50 độ, chúng trở lại hợp đại hội ở kinh thủ thái âm”[19].

Hoàng Đế hỏi: “Có người ăn hoặc uống những thức nóng, vừa xuống đến Vị, khí hãy còn chưa định thì mồ hôi đã ra, hoặc ra ở mặt, hoặc ra ở lưng, hoặc ra ở phần nửa thân người, nó không đi theo con đường của vệ khí để đi ra, tại sao thế ?”[20].

Kỳ Bá đáp : “Đó là vì (người này) bên ngoài bị thương bởi phong, bên trong làm cho tấu lý khai, lông bị chung, tấu lý bị tiết (mồ hôi), vệ khí theo đó mà chạy ra, cho nên nó không đi theo con đường của mình[21]. Khí này rất hung hãn, nhanh nhẹn, khi thấy có chỗ khai thì chạy theo ra, do đó mà nó không còn đi đúng theo con đường của mình nữa, vì thế nên mới gọi đây là lậu tiết”[22].

Hoàng Đế nói: “Ta mong được nghe chỗ xuất ra của Trung tiêu”[23].

Kỳ Bá đáp : “Trung tiêu cũng cùng đi từ vùng Trung hoãn của Vị, xuất ra ở dưới Thượng tiêu[24]. Đây là nơi thọ nhận cốc khí, nó thải ra chất cặn bã, chung cất tân dịch, hóa cái tinh vi, lên trên rót vào Phế mạch để rồi hóa thành huyết nhằm phục vụ cho sự sống thân thể, thật không có gì quý hơn nơi đây[25]. Cho nên chỉ có nó là có thể vận hành trong kinh toại, mệnh danh là doanh khí”[26].

Hoàng Đế hỏi: "Ôi ! Huyết và khí, tuy tên khác nhau, nhưng cùng loại với nhau, nói thế có nghĩa là gì ?" [26].

Kỳ Bá đáp : "Doanh vệ là tinh khí, Huyết là thần khí, cho nên huyết và khí tuy tên gọi khác nhau, nhưng cùng loại nhau[27]. Cho nên, nếu đoạt huyết thì không nên đoạt hoạt, nếu đoạt hoạt thì không nên đoạt huyết[28]. Cho nên khi con người bị (đoạt) cả hai thì chết, nếu không bị đoạt cả hai (còn có hy vọng) sống"[29].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về nơi xuất ra của hạ tiêu" [30].

Kỳ Bá đáp : "Hạ tiêu, sau khi biệt hồi trường, rót vào bàng quang bằng cách thấm dần vào, cho nên thủy cốc thường cùng ở trong Vị, khi thành chất bã thì đều xuống ở Đại trường và thành Hạ tiêu, nó thấm dần xuống, phân biệt thanh trọc, tuần hành theo Hạ tiêu để thấm vào Bàng quang"[31].

Hoàng Đế hỏi: "Con người khi uống rượu vào, rượu cũng nhập vào Vị, cốc của nó chưa kịp nát ra thì tiểu tiện đã riêng chảy xuống dưới rồi, tại sao thế ?" [32]. Kỳ Bá đáp: "Rượu là chất dịch của thực cốc, khí của nó hưng hãn mà nhanh nhẹ, cho nên mặc dù nó vào sau thủy cốc mà nó lại thành chất dịch để ra trước thủy cốc"[33].

## 营卫生会第十八

黄帝问于岐伯曰：人焉受气？阴阳焉会？何气为营？何气为卫？营安从生？卫于焉会？老壮不同气，阴阳异位，愿闻其会。岐伯答曰：人受气于谷，谷入于胃，以传与脑，五成六府，皆以受气，其清者为营，浊者为卫，营在脉中，卫在脉外，营周不休，五十而复大会，阴阳相贯，如环无端。卫气行于明二十五度，行于阴二十五度，分为昼夜，放气至阳而起，至阴而止。放日：日中而阳陇为重阳，夜半而阻陇为重阴。故太阳主内，太阳主外，各行二十五度，分为昼夜。夜半为阴陇，夜半后而为阴衰，平旦阴尽而阳受气矣。日中为阳陇，日西而阳衰，日入阳尽而阴受气矣。夜142半而大会，万民皆卧，命回合阻，平旦阴尽而阳受气，如是无已，与天地同纪。黄帝曰：老人之不夜瞑者，何气使然？少壮之人不昼瞑①者，何气使然？岐伯答曰：壮者之气血盛，其肌肉滑，气道通，荣卫之行，不失其常，故昼精而夜瞑。老者之气血衰，其肌肉枯，气道渡，五藏之气相搏，其营气衰少而卫气内代，故昼不精，夜不瞑。黄帝曰：愿闻营卫之所行，皆何道从来？妨伯答曰：营出于中焦，卫出于下焦。黄帝曰：愿闻三焦之所出。岐伯答曰：上焦出于胃上口，并咽以上贵囗而布胸中，走腋，循太阴之分而行，还至阳明，上至舌，不足阳明，常与营俱行于阳二十五度，行于\_\_阴亦二十五度一周也，故五十度而复大会于手太阳矣。黄帝曰：人有热，饮食了胃，其气未定，汗则出，或出于面，或出于背，或出于身半，其不循卫气之道而出何也？岐伯曰：此外伤于风，内开腠理，毛蒸理泄，卫气走之，固不得循其道，此气除悍滑疾，见开而出，故不得从其道，故命回漏泄。。黄帝曰：愿闻中焦之所出。岐伯答曰：中焦亦并胃中，出上焦之后，此所受气者，泌糟粕，蒸津液，化其精微，上注于肺脉，乃化而为血，以奉生身，英贵于此，故独得行于经隧，命曰营气。黄帝曰：夫血之与气，异名同类，何谓也？岐伯答曰：营卫者精气也，血者神气也，故血之与气，异名同类焉。故夺血者无汗，夺汗者无血，故人生有两死而无两生。黄帝曰：愿闻下焦之所出。妨伯答曰：下焦者，别回肠，注于膀胱而渗入焉。放水谷者，常并居于胃中，成糟粕，而俱下于大肠，而成下焦，渗而俱下，济泌别对，循下焦而渗入膀胱焉。黄帝曰：人饮酒，酒办入胃，谷未熟而小便独先下何也？岐伯答曰：酒者熟谷之液也，其气悍以清，故后谷而入，先谷而液出焉。黄帝曰：善。余闻上焦如雾，中焦如沤，下焦如读，此之谓也。

## THIÊN 19: TỨ THỜI KHÍ

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ôi ! Khí của tứ thời (bốn mùa), mỗi mùa đều có sự biểu hiện khác nhau, sự khởi lên của trăm bệnh đều có sự sinh ra của nó, phép cứu châm lấy gì làm chỗ định ?" [1].

Kỳ Bá đáp : "Khí của bốn mùa đều có nơi ảnh hưởng (trong thân thể chúng ta), phép cứu châm phải đắc được khí huyết là chỗ định[2]. Cho nên mùa xuân thủ ở kinh túc là nơi phận nhục của huyết mạch, nếu nặng thì châm sâu, nếu nhẹ thì châm cạn[3]. Mùa hạ thủ ở thịnh kinh và tôn lạc, thủ ở phận gian, tuyệt nó ngay ở bì phu[4]. Mùa thu thủ huyết Kinh và Du, khí tà ở tại phủ thì thủ huyết Hợp[5]. Mùa đông thủ huyết Tĩnh, Vinh, và tất phải châm sâu mà lưu kim lâu"[6].

Bệnh ôn ngược, mồ hôi không ra, thuộc về nhóm 59 vết châm[7].

Bệnh Phong thủy bì phu bị trướng, thuộc nhóm 57 vết châm, châm lấy huyết ở bì phu cho đến hết[8].

Bệnh xông tiết châm bổ Tam âm chi thượng (tức Tam âm), châm bổ huyết Âm Lăng Tuyền, tất cả đều lưu kim lâu, khi nào nhiệt khí vận hành mới thôi[9].

Bệnh chuyển gân (cân) ở Dương thì trị Dương, chuyển gân ở Âm thì trị Âm, tất cả nên dùng phép thiếu châm[10].

Bệnh đồ thủy, trước hết thủ huyết dưới Hoàn Cốc 3 thôn, dùng phi châm để châm, khi đã châm rồi lại dùng thêm phép đồng châm để châm đi châm lại nhiều lần, nhằm châm cho hết thủy, được vậy thì cơ nhục mới rắn chắc[11]. Khi thủy đến chậm thì lòng phiền muộn, khi thủy đến nhanh thì an tĩnh, cách ngày châm cho đến khi thủy ra hết mới thôi[12]. Nên uống loại thuốc làm thông cái bế [13]. Trong lúc châm thì chỉ nên uống[14]. Trong lúc uống thì không được ăn, trong lúc ăn thì không được uống, không được ăn cái gì khác (ngoài thủy cốc) trong thời gian 135 ngày (mới bình phục)[15]. Bệnh Trước Tý làm cho sự hành động khó khăn, hàn khí lâu ngày không hết, mau mau thủ huyết Tam Lý[16].

Cốt cứng rắn như thân cây cứng, (Đại và tiểu) trường đều bất tiện, thủ huyết Tam Lý, nếu khí thịnh thì châm tả, khí hư thì châm bổ [17].

Bệnh Lệ phong, tìm châm trên chỗ sung thũng, dùng kim nhọn châm nơi ấy, dùng tay đè cho ác khí xuất ra, cho đến khi nào sự sung thũng hết mới thôi, nên ăn những thức ăn đúng phép, không ăn những gì ngoài ra, để có thể phát độc[18].

Bệnh trong bụng thường kêu (sôi), đó là khí xung lên trên đến ngực, làm cho suyễn không đứng lâu được, đó là tà khí đang ở tại Đại trường, châm huyết Nguyên của hoang, châm huyết Cự Hu Thượng Liêm và Tam Lý[19].

Bệnh tiểu phúc (Trường) đau dẫn xuống hòn dái, dẫn đến cột sống, thắt lưng, xung lên đến Tâm, tà ở tại Tiểu trường làm liên hệ đến hòn dái cho đến cột sống, xuyên qua Can, Phế, lạc với Tâm hệ, khi nào khí bị thịnh thì thành chứng Quyết nghịch, xung lên đến trường Vị, hơ nóng Can, tán ra ở hoang, kết lại ở vùng rốn, vì vậy, nên thủ huyết Nguyên của hoang để làm tán tà khí, châm kinh Thái âm để đoạt tà khí, châm kinh Quyết âm để hạ tà khí, châm huyết Cự Hu Hạ Liêm để trừ tà khí, đó là xét theo các đường kinh mà tà khí đi qua để điều khí[20].

Bệnh thường hay nôn, mỗi lần nôn ra nước đắng, hay thở dài ra, thở mạnh ra, trong lòng thấy trống rỗng, sợ có người sắp đến bắt mình; đó là tà khí ở tại Đờm, nghịch lên đến Vị, chất dịch của Đờm tiết ra làm cho miệng bị đắng, Vị khí bị nghịch thì ói ra chất đắng, cho nên gọi là chứng ầu Đờm, thủ huyết Tam Lý nhằm làm cho Vị khí hạ xuống[21]. Khi Vị khí bị nghịch nên châm phần huyết lạc của kinh túc Thiếu dương nhằm làm cho khí đờm nghịch được dùng lại, nhằm điều hòa sự hư thực, đuổi được tà khí[22]. Bệnh ăn nuốt không xuống, hoành cách bị bế tắc không thông, đó là tà khí ở tại Vị hoãn[23]. Nếu tà khí ở tại thượng hoãn thì nên châm để làm cho thượng hoãn đưa khí đi xuống, nếu tà khí ở tại hạ hoãn thì nên châm để làm cho hạ hoãn tán khí (tả)[24].

Bệnh tiểu phúc, đau và sung lên, không tiểu tiện được, đó là tà khí ở tại Tam tiêu, nên thủ huyết Đại lạc của kinh túc Thái dương bàng quang, có thể luôn cả tiểu lạc và tôn lạc, khi nào trông thấy những tiểu lạc của (Thái dương) và Quyết âm kết thành huyết lạc, (trong khoảng mu bàn chân cho đến kheo chân), nên châm tả, nếu nó sung lên đến vị hoãn thì thủ huyết Tam Lý[25]. Nhìn cái sắc, xét cái bệnh do đâu mà ra, biết được bệnh đã tán (hết) hay còn quay trở lại, xem màu sắc của mắt để biết được bệnh còn hay hết, nên giữ bình tĩnh để giữ được sự hài hòa giữa hình và thần, lắng nghe sự động tĩnh, nắm giữ mạch Khí khẩu và Nhân nghênh, dựa vào mạch đang cứng và thịnh hoạt, đó là bệnh ngày càng tiến thêm, mạch nhuyễn (mềm) đó là bệnh đang giảm[26]. Nếu các kinh đang thực thì biết đó là trong khoảng 3 ngày bệnh sẽ hết[27]. Mạch Khí khẩu biểu hiện được Âm khí, mạch Nhân nghênh không biểu hiện được dương khí [28].

#### 四时气第十九

黄帝问于岐伯曰：夫四时之气，各不同形，百病之起，皆有所生，灸刺之道，何者为定（一一本作。），岐伯答曰：四时之气，各有所在，灸刺②之道，得气穴为定。故春取经血脉分肉之间，甚者深刺之，间者浅刺之；夏取盛经孙络，取分门绝皮肤；秋取经输，邪在府，取之合；冬取并荣，必深以留之。温疟汗不出，为五十九情。风济肤胀，为五十七清，取皮肤之血者，尽取之。飧泄，补三阴之上，补阴陵泉，皆久留之，热行乃止。转筋于阳治其阳，转筋于阴治其阴，皆卒刺之。①景暝：你乙经排"夜席"。②刺：原作"刺"，据统本、金陵本、藏本、日抄本改，与呬乙》、《众素》合。143徒疾，先取环谷下三寸，以软针针之，已刺而将之，而内之，入而复之，以尽其森，必坚束之①，来缓则烦悦，来急则安静，间日一刺之，森尽乃止。饮闭药，方刺之时徒饮之，方饮无食，方食无饮，无食他食百三十五日。著痹不去，久寒不已，卒取其三里骨为干。肠中不便，取三里，盛泻之，虚补之。清风者，素刺其肿上，已刺，以锐针针其处，按出其恶气，肿尽乃止，常食方食。无食他食。腹中常鸣，气上冲胸，喘不能久立，邪在大肠，刺盲②之原、巨虚上廉、三里。小腹控辜，引腰脊，上冲心，邪在小肠者，连举系，属于脊，贯肝肺，络心系。气盛则厥逆，上冲肠胃，熏肝，散于盲③，结于脐。故取之言③原以散之，刺太阳以予之，取厥阴以下之，取巨虚

下廉以去之，按其所过之经以调之。善呕，呕有苦，长太息，心中倡倡，恐人将捕之，邪在明，逆在胃，胆液泄则日苦，胃气逆则呕苦，故日呕胆。取三里以下胃气逆，则刺少阳血络以闭胆逆，却调其虚实以去其邪。饮食不下，隔塞不通，邪在胃院，在上院则刺抑而下之，在下院则散而去之。小腹痛肿，不得小便，邪在三焦约，取之太阳大络，视其络脉与厥明小络结而血者，肿上及胃院，取三里。睹其色，察其以③，知其散复者，视其目色，以知病之存亡也。一其形，听其动静者，持气口人迎以视其脉，坚且盛且清者病日进，脉软者病将下，诸经实者病三日已。气口候阴，人迎候阳也。

#### THIÊN 20 : NGŨ TÀ

Tà khí ở tại Phế sẽ làm cho bệnh bì phu bị đau, hàn nhiệt, khí lên trên làm cho suyễn, mồ hôi ra, ho động đến vùng vai và lưng[1]. Thủ huyết du nằm ở phía ngoài của vùng giữa ngực và huyết nằm ở cạnh của ngũ tạng du ở tiết xương thứ 3, dùng tay đè lên chỗ nào thấy dễ chịu (đó là chân huyết), nên châm chỗ đó, thủ huyết giữa Khuyết bốn để xua đuổi (Phế tà)[2].

Tà khí ở tại Can sẽ làm cho trong khoảng hông sườn bị đau, bị hàn ở trong giữa thân, ác huyết ở trong, khi đi đứng thường hay bị co rút, thường là sung thũng ở chân[3]. Nên thủ huyết Hành Gian nhằm dẫn thông khí dưới hông sườn, bổ huyết Tam lý nhằm làm ôn (ấm) trong Vị, thủ ác huyết ở huyết mạch nhằm làm tán ác huyết, thủ những nơi có mạch màu xanh nằm trong vùng tai nhằm xua đuổi chứng co rút[4].

Tà khí ở Tỷ Vị sẽ làm cho bệnh cơ nhục thông, khi Dương khí hữu dư, Âm khí bất túc thì sẽ thành chứng nhiệt trung, dễ đói; khi Dương khí bất túc, Âm khí hữu dư thì sẽ thành chứng hàn trung, ruột kêu (sôi) bụng đau, đó là Âm Dương đều hữu dư, nếu âm dương đều bất túc thì hữu hàn, hữu nhiệt; tất cả đều điều hòa bằng huyết Tam Lý [5].

Tà khí ở tại Thận sẽ làm cho bệnh cốt thông, Âm tý - bệnh Âm tý là chứng mà ta dùng tay đè lên không biết được, bụng trướng, thắt lưng đau, đại tiện khó khăn, đau từ vai, lưng, cổ và gáy, thường hay bị choáng váng, nên thủ huyết Dũng Tuyền và Côn Lôn, khi thấy có huyết ú nên châm xuất huyết cho hết[6].

Tà khí ở tại Tâm sẽ làm cho bệnh Tâm thông, thường hay lo buồn, choáng váng té xuống, nên xem hữu dư hoặc bất túc để điều hòa các du huyết[7].

#### 五邪第二十

邪在肺, 则病皮肤痛, 寒热, 上气喘, 汗出, 咳动肩背。取之膺中外偷, 背三节五藏 (一本作。谁又。节) 之傍, 以手疾按之, 快然, 乃刺之, 取之缺盆中以越之。邪在肝, 则两肋中痛, 寒中, 恶血在内, 行善掣, 节时脚肿。取之行间以引助下, 补三里以温胃中, 取血脉以散恶血, 取耳间青脉, 以去其掣。邪在脾胃, 则病肌肉痛。阳气有余, 阴气不足, 则热中善饥; 阳气不足, 阴气有余, 则寒中肠鸣腹痛; 阴阳仅有余, 若俱不足, 则有寒有热。皆调于三里。①束之: 原脱, 据《太素杂刺》、《素问》九③盲; 原作"盲", 据《脉经》、(千余)改。③以。(太素)作'目'。144邪在肾, 则病骨痛阴痹。阴痹者, 按之而不得, 腹胀腰痛, 大便难, 肩背颈项痛, 时眩。取之涌泉、昆仑, 视有血者尽取之。邪在心, 则病心痛喜悲, 时眩仆, 视有余不足而调之其输也。

#### THIÊN 21: HÀN NHIỆT BỆNH

Da bị hàn nhiệt không thể nằm xuống chiếu được, lông tóc khô, mũi khô hết nhòe, không ra mồ hôi, thủ huyết lạc của kinh Tam dương (tức Thái dương) nhằm bổ thủ Thái âm[1]. Cơ (nhục) bị hàn nhiệt làm cho phần cơ bị đau, lông tóc bị khô, môi cũng khô mất trơn nhuận, không có mồ hôi, nên thủ huyết lạc của Tam dương (Thái dương) nhằm đuổi huyết lạc, châm bổ kinh túc Thái âm nhằm làm cho ra mồ hôi[2].

Cốt bị hàn nhiệt, làm cho người bệnh không lúc nào yên, mồ hôi chảy rớt ra không thôi[3]. Nếu răng chưa bị khô thì nên thủ huyết lạc nơi phía trong đùi kinh Thiếu âm[4]. Nếu răng đã khô thì chết, bất trị[5]. Chứng cốt quyết cũng thế [6].

Bệnh Cốt tý làm cho toàn thể khớp xương bị bất dụng mà đau nhức, mồ hôi chảy rớt ra, Tâm bị phiền, nên thủ huyết ở kinh Tam dương để bổ[7].

Thân mình nếu có chỗ bị thương, máu ra nhiều, đến nổi trúng phải Phong Hàn khí, nếu như có khi bị té xuống đất, tứ chi bị buông lỏng không co lại được, gọi là chứng Thể nọa, nên thủ huyết nơi Tam kết giao dưới rún - Tam kết giao thuộc kinh Dương minh và Thái âm, huyết nằm dưới rốn 3 thốn, tức là huyết Quan Nguyên[8].

Chứng Quyết tý là chứng mà khí quyết nghịch (của tam dương) lên trên cho đến bụng (mà thôi), nên thủ huyết lạc của (tức Thái) âm và (tức Dương minh), tuy nhiên người thầy thuốc nên xem chủ bệnh thuộc kinh nào để mà, nếu thuộc kinh dương minh thì tả, nếu kinh thái âm thì bổ[9]. Động mạch bên cạnh của cổ là huyết Nhân Nghênh, huyết Nhân

Nghên thuộc kinh Túc Dương minh[10]. Huyệt nằm trước gân cổ và sau gân cổ, thuộc kinh Túc Dương minh, có tên là Phù Đột[11]. Huyệt nằm ở mạch kế bên ngoài thuộc kinh túc Dương minh, có tên là Thiên Dũ[12]. Huyệt nằm ở mạch kết bên ngoài nữa thuộc kinh túc Thái dương có tên là Thiên Trụ[13]. Huyệt nằm dưới nách thuộc kinh thủ Thái âm, gọi tên là Thiên Phù[14].

Dương tà nghịch ở Dương kinh làm cho đầu đau, ngực bị đầy không thở nổi, thủ huyệt Nhân Nghên[15].

Bị cảm 1 cách nhanh chóng, mạnh bạo, khí nghịch (làm cho cổ họng và lưỡi) bị cứng, thủ huyệt Phù Đột và châm xuất huyết cuống lưỡi[16].

Bị điếc 1 cách nhanh chóng, mạnh bạo, khí bị che lấp xuống dưới làm tai và mắt mất sáng, thủ huyệt Thiên Dũ[17].

Bị co quắp, động kinh 1 cách nhanh chóng và mạnh bạo, choáng váng làm cho chân không còn tuân theo thân mình nữa, thủ huyệt Thiên Trụ[18].

Bị chứng đần 1 cách nhanh chóng và mạnh bạo, bên trong bị nghịch, Can và Phế cùng đánh nhau, huyết tràn lên đến mũi và miệng, thủ huyệt Thiên Phù [19].

Trên đây là 5 cánh cửa lớn (Thiên) gọi là Thiên Dũ Ngũ Bộ[20].

Kinh thủ Dương minh có đi vào vùng xương má và mũi lan tỏa vùng răng, gọi đây là Đại Nghên[21]. Khi răng dưới bị đau nhức thì thủ huyệt của Tý (Thủ) Dương minh, nếu sợ (uống) lạnh thì châm bổ, nếu không sợ (uống) lạnh thì châm tả[22].

Kinh túc Thái dương có đi vào vùng xương má và mũi lan tỏa vùng răng (mạch mà nó hợp để đi vào) đó là huyệt Giác Tôn[23]. Khi răng trên bị đau nhức nên thủ các huyệt ở vùng trước xương mũi và má, nếu là lúc đang bệnh thì mạch thịnh, thịnh thì nên châm tả, nếu hư thì châm bổ, còn 1 cách nữa đó là thủ các huyệt nằm ở ngoài mũi[24].

Kinh túc Dương minh có đường đi áp theo mũi nhập vào mặt, gọi nơi đó là huyệt Huyền Lô, (đường đi xuống) thuộc vào miệng, (đường đi lên) đổi lại với miệng để nhập vào mục bản, (dù ở miệng hay là ở mắt) nếu thấy có đi qua (bệnh) thì thủ huyệt châm, châm theo lối tử huyệt dư: tả bớt cái hữu dư và ích bất túc, bổ thêm cho cái bất túc, nếu châm ngược lại thì bệnh càng nặng[25].

Kinh túc Thái dương có đường thông với cổ gáy nhập vào não, đây chính là thuộc vào gốc của mắt, gọi là Nhân hệ[26]. Khi đầu hay mắt bị đau, thủ huyệt nằm ở giữa 2 đường gân giữa cổ nhập vào não, đây là nơi tương biệt với mạch Âm kiều và Dương kiều, là nơi giao hội giữa các đường kinh Âm Dương, là nơi mà mạch Dương (Kiều) nhập vào Âm, và mạch Âm (Kiều) xuất ra ở Dương để rồi giao nhau ở khoé mắt ngoài (trong), khi nào Dương khí thịnh thì mắt mờ trùng, khi nào Âm khí thịnh thì mắt nhắm lại[27].

Chúng Nhiệt quyết nên thủ huyệt ở kinh túc Thái âm và Thiếu dương, tất cả đều nên lưu kim lâu[28]. Chúng Hàn quyết nên thủ huyệt ở kinh túc Dương minh và túc Thiếu âm, tất cả đều nên lưu kim lâu[29].

Lưỡi bị chảy nước dãi xuống, lòng phiền muộn, thủ huyệt ở kinh túc Thiếu âm[30].

Người bị lạnh run, hai hàm đánh nhau, không ra mồ hôi, bụng bị trướng, lòng phiền muộn, thủ huyệt ở kinh thủ (Thái) âm[31].

Châm bệnh hư, nên châm lúc nó ra đi, châm bệnh thực nên châm lúc nó đến[32].

Mùa xuân thủ huyệt ở lạc mạch, mùa hạ thủ ở phạm nhục và tấu lý, mùa thu thủ huyệt ở Khí Khẩu, mùa đông thủ huyệt kinh du[33]. Phạm trong tứ thời, mỗi thời phải lấy thống nhất (tề) làm chính: Lạc mạch trị bì phu, phạm nhục và tấu lý trị cơ nhục, khí khẩu trị cân mạch, kinh du trị cốt tủy[34].

Ngũ tạng khí biểu lộ ra thân gồm 5 bộ (vị): vùng huyệt Phục Thổ là một, vùng bắp chuối chân là hai, vùng phi túc là bắp chuối chân vậy, vùng lưng là ba, vùng các du huyệt của ngũ tạng là bốn, vùng cổ gáy là năm[35]. Trong 5 bộ trên đây, bộ nào bị ung thư thì chết[36].

Bệnh bắt đầu ở cánh tay, trước hết nên thủ huyệt ở kinh thủ Dương minh và thủ Thái âm làm cho mồ hôi ra[37]. Bệnh bắt đầu ở trên đầu nên thủ huyệt ở cổ gáy thuộc kinh túc Thái dương làm cho mồ hôi ra[38]. Bệnh bắt đầu ở vùng ống chân (hĩnh), trước hết nên thủ huyệt của kinh túc Dương minh, làm cho mồ hôi ra[39].

Châm kinh thủ Thái âm có thể làm cho mồ hôi ra, châm kinh túc Dương minh có thể làm cho mồ hôi ra, cho nên khi châm kinh âm mà mồ hôi ra quá nhiều có thể châm dứt mồ hôi bằng kinh Dương, châm kinh Dương mà mồ hôi ra quá nhiều có thể châm kinh Âm để dứt mồ hôi[40]. Cái hại của việc châm, đó là châm trúng khí mà chưa chịu rút kim ra, như vậy sẽ làm cho tinh khí bị tiết ra ngoài, hoặc châm chưa trúng khí mà đã rút kim ra sẽ



làm cho khí huyết bị tích trệ[41]. Tinh khí bị tiết thì bệnh sẽ nặng mà suy tàn, khí huyết tích trệ sẽ gây thành bệnh ung và thu [42].

### 寒热病第二十一

**皮寒热者**,不可附席,毛发焦,鼻槁腊,不得汗。取三阳之络,以补手太阴。肌寒热者,肌痛,毛发焦而后槁腊,不得汗。取三阳干下以去其血者,补足太阳以出其汗。骨寒热者,病无所安,汗注不休,齿木槁,取其少阴于阴股之络;齿已槁,死不治。骨厥亦然。骨痹,举节不用而痛,汗注烦心。取三阴(一本作。阳)之经补之身有所伤血出多,及中风寒,若有所堕坠,四支懈传不收,名曰体惰。取其小腹脐下三结交。三结交者,阳明、太阴也,脐下三寸关元也。厥痹者,厥气上及腹。取阴阳之络,视主病也,泻阳补阴经也。颈测之动脉人迎。人迎,足阳明也,在婴筋之前。婴筋之后,手阳明也,名曰扶突。次脉,足少阳脉也,名曰天精。次脉,足太阳也,名曰天柱。腋下动脉,臂太阴也,名曰天府。阳迎头痛,胸满不得息,取之人迎。暴暗气较,取扶突与舌本出血。暴聋气蒙,耳目不明,取天睛。暴挛痛眩,足不任身,取天柱。暴疼内逆,肝肺相搏,血溢鼻口,取天府。此为天隔五部。臂阳明有人颞遍齿者,名曰大迎,下齿蹈取之。臂恶寒补之,不恶寒泻之。足太阳有人顶遍齿者,名曰角孙,上齿齶取之,在鼻与项前。方病之时其脉盛,盛则泻之,虚则补之。一日取之出鼻外。足阳明有秧鼻人于面者,名曰悬颌,属口,对人系目本,视有过着取之,损有余,益不足,反者益甚队足太阳有通项人于脑者,正属自本,名曰眼系,头目苦痛取之,在项中两筋间,人脑乃别。阴跌、阳额,阴阳相交,阳入阴,阴出阳,交于目锐毗,阳气盛则暖目,阴气盛则瞑目。热厥取足太阴\少阳,皆留之;寒厥取足阳明、少阴于足,皆留之。舌纵涎下,顿说取足少阴。振寒洒洒,鼓颌,不得汗出,腹胀烦悦,取手太阴。刺虚者,刺其去也;刺实者,刺其来也。春取络脉,夏取分胜,秋取气口,冬取经输,凡此四时,各以时为齐。络脉治皮肤,分睦治肌肉,气口治筋脉,经输治骨髓、五藏。①甚:原作"其",据捆乙经八件素·寒热杂说》改。145身有五部:伏兔一;排二,胖者股也;背王;五藏之偷四;项五。此五部有痛疽者死。病始手臂者,先取手阳明、大阴而汗出;病始头首者,先取项太阳而汗出;病站足胜者,先取足阳明而汗出。臂太阳可汗出,足阳明可汗出。故取阴而汗出甚者,止之于阳;取阳而汗出甚者,止之于阴。凡利之害,中而不去则精泄,不中而去则致气;精泄则病甚而诬,致气则生为痛疽也。

### THIÊN 22: ĐIÊN CUÔNG

Khoé mắt ngoài rạch ở mặt gọi là khoẻ mắt nhọn, khoẻ mắt nằm trong gần mũi gọi là nội tý: khoẻ mắt trong[1]. Mí mắt trên thuộc ngoài tý, mí mắt dưới thuộc nội tý[2].

Chúng Điên tật lúc mới bắt đầu sinh ra, trước hết làm cho bệnh nhân không vui, đầu bị nặng và đau nhức, nhìn thấy đỏ, nếu bệnh phát lên đến cực rồi giảm (dứt), sau đó bị phiền Tâm, bệnh bộc lộ ở Thiên đình[3]. Nên thủ các huyết ở kinh thủ Thái dương, thủ Dương minh, thủ Thái âm, châm xuất huyết cho đến khi nào màu của huyết biến (đỏ) mới thôi[4].

Bệnh Điên tật khi mới bắt đầu phát, làm cho miệng méo phải rên la, hơi thở suyễn, lo sợ, biểu hiện ở 2 kinh thủ Dương minh và thủ Thái dương[5]. Nếu bên trái bị đau cứng thì công vào bên phải, nếu bên phải bị đau cứng thì công vào bên trái, khi nào màu của huyết biến (đỏ) thì mới thôi[6].

Bệnh Điên tật khi mới bắt đầu phát, trước hết người bệnh bị vặn ngược cứng đờ, nhân đó bị cứng cột sống, bệnh biểu hiện ở các kinh túc Thái dương, túc Dương minh, túc Thái âm, thủ Thái âm[7]. Châm xuất huyết cho đến khi nào huyết biến đỏ mới thôi[8]. Phép trị bệnh điên tật, (người thầy thuốc) phải thường ở bên cạnh (người bệnh) để quan sát những nơi cần thủ huyết để chữa[9]. Nếu bệnh đến, ta nhìn kỹ chỗ có bệnh để châm tả, ta chứa huyết này vào 1 cái bầu, đợi khi nào bệnh phát thì huyết sẽ động 1 mình[10]. Nếu không động thì cứu cùng cốt 20 trảng, Cùng cốt chính là để cốt: đốt xương sống cùng[11].

Bệnh Cốt điên tật làm cho bệnh nhân mặt vàng, răng (vùng từ Thái dương đến răng), tất cả phận nhục đó đều bị trướng mãn, tách rời với xương, mồ hôi ra, phiền muốn ói ra nhiều nước có bọt, khí đi xuống dưới và tiết ra ngoài thì không trị được [12].

Bệnh Cân điên tật làm cho bệnh nhân thân mình bị cuồng lại, co giật (mạch đại)[13]. Nên châm huyết Đại Trữ của đường kinh lớn ở cổ gáy[14]. Nếu ói ra nhiều nước có bọt, khí đi xuống và tiết ra ngoài thì không trị được [15].

Bệnh Mạch điên tật làm cho bệnh nhân hay té nhào dữ dội, các mạch ở tứ chi đều trướng lên và buông lỏng, mạch bị mãn[16]. Nên châm xuất huyết cho kỳ hết[17]. Nếu mạch không mãn thì cứu các huyết ở dọc theo cổ gáy của kinh Thái dương, cứu huyết Đới mạch ở thất lung, nằm cách thất lung khoảng hơn 3 thốn, các huyết thuộc bản du của tay chân và trong khoảng phận nhục[18]. Nếu ói ra nhiều nước có bọt, khí đi xuống dưới và tiết ra ngoài thì không trị được [19].

Bệnh điên tật mà phát ra nhanh như bệnh cuồng thì phải chết, không trị được[20]. Khi bệnh cuồng bắt đầu sinh ra, trước hết bệnh nhân thấy buồn, thường hay quên, giận dữ, lo sợ, tất cả đều do lo lắng và đói[21]. Phép trị nên thủ các huyết của các kinh Tử Thái âm, Dương minh, chờ khi nào màu của huyết biến đỏ thì mới thôi, tiếp theo thủ các huyết ở túc Thái âm và Dương minh[22].

Bệnh cuồng bắt đầu phát ra thì bệnh nhân ít nằm, không đói, tự cho mình là người hiền ở trên cao, tự coi mình là người trí, tự cho mình là tôn quý, thường hay mạ lị người khác ngày đêm không nghỉ[23]. Phép trị nên thủ các huyết ở kinh thủ Dương minh, Thái dương, Thái âm, huyết dưới lưỡi, kinh Thiếu âm[24]. Nếu thấy nơi nào thịnh thì thủ huyết chỗ, nếu không thấy thịnh thì không châm[25].

Bệnh mà cuồng ngôn, kinh sợ, hay cười, thích ca hát, thường hay đi lang thang, đó là do quá khùng khiếp, quá sợ[25]. Phép trị nên thủ các huyết ở kinh thủ Dương minh, Thái dương, Thái âm[26].

Bệnh cuồng làm cho bệnh nhân mắt thấy bậy bạ, tai nghe bậy bạ, hay la to, đó là do thiếu khí mà ra[27]. Phép trị nên thủ các huyết ở kinh thủ Thái dương, Thái âm, Dương minh, túc Thái âm, đầu và 2 bên má, hàm[28].

Người bị cuồng thường hay ăn nhiều và thường hay thấy quý thân, hay cười mà không phát lộ ra bề ngoài, đó là do quá vui mừng[29]. Phép trị là nên thủ các huyết ở các kinh túc Thái âm, Thái dương, Dương minh, tiếp theo sau là thủ các huyết ở các kinh thủ Thái âm, Thái dương, và Dương minh[29].

Nếu bệnh cuồng mà mới phát lên chưa ứng ra những bệnh chứng như đã nói trên, trước hết nên thủ huyết Khúc Tuyền ở hai bên động mạch bên trái và phải[30]. Nếu thấy thịnh thì nên châm xuất huyết, bệnh sẽ khỏi trong giây lát, nếu không hết nên dùng phép châm như trên và phép cứu huyết ở xương cùng 20 trắng[31].

Bị chứng Phong nghịch, tứ chi bị bạo thũng, thân mình thấy lạnh cầm cập, có lúc lạnh đến cầm khẩu, lúc đói thì lòng phiền, lúc no thì hay biến động không yên[32]. Nên thủ các huyết ở các kinh thủ Thái âm, cả biểu lẫn lý, và kinh túc Thiếu âm, Dương minh[33]. Nơi nào nhục khí bị lạnh thì thủ huyết Huỳnh, nơi nào cốt bị lạnh thì thủ huyết Tinh và Kinh[34].

Chứng Quyết nghịch gây bệnh làm cho chân bị lạnh ghê gớm, lồng ngực như muốn vỡ tung ra, trường (ruột) như đang bị dao cắt, lòng bút rút nên không được an, mạch đại tiểu đều sắc[35]. Nếu thân còn ấm thì thủ huyết ở kinh túc Thiếu âm, nếu thân bị lạnh thì thủ huyết ở kinh túc Dương minh. (Nói tóm lại), nếu lạnh thì châm bổ, nếu ấm thì châm tả[36].

Chứng Quyết nghịch làm cho bụng bị trướng, ruột sôi, ngực bị đầy làm cho không thở được[37]. Nên thủ huyết nằm ở sườn thứ hai bên dưới ngực, nơi mà bệnh nhân ho sẽ động đến đầu ngón tay, đồng thời dùng tay ấn lên huyết ở bồi du thì bệnh sẽ khỏi ngay[38]. Nếu bệnh nội bế sẽ làm cho bệnh nhân không đi tiểu được, nên châm huyết của kinh túc Thiếu âm và Thái Dương cùng với huyết ở xương cùng, dùng kim Trường châm[39].

Bị bệnh khí nghịch, nên thủ các huyết ở kinh Thái âm, Dương minh, Quyết âm, nếu nặng thì thủ các kinh Thiếu âm, Dương minh, nên quan sát kinh nào có bệnh để châm[40].

Nếu bị bệnh khí ngẫn, thân mình lạnh cầm cập, tiếng nói kéo dài ra, xương bị đau buốt, thân mình nặng nề, lưỡi biếng không muốn động, châm bổ túc Thiếu âm[41].

Người bị bệnh khí ngẫn, hơi thở ngẫn không liên tục, nếu có làm động tác gì thì khí càng bị tiêu, nên châm bổ kinh túc Thiếu âm, châm xuất huyết các nơi huyết lạc[42].

## 病狂第二十二

**目眇外决于面者**, 为锐眇; 在内近鼻者为内眇; 上为外眇, 下为内眇也。癡疾始生, 先不乐, 头重痛, 观举目赤, 甚作极已, 而烦心, 候之于颜, 取手太阳。阳明, 太阳, 血变而止。癡疾始作而引口啼咳喘悸者, 候之手阳明、太阳, 在强者攻其右, 右强者攻其在, 血变而止。癡疾始作, 先反僵, 因而脊痛, 候之足太阳、阳明、太阴、手太阳, 血变而止。治癡疾者, 常与之后, 察其所当取之处。病至, 视之有过者泻之, 置其血于部壶之中, 至其发时, 血独动矣。不动, 灸穷骨二十壮。穷骨者, 能骨也。骨癡疾者, 颠齿诸脑分肉皆满, 而骨居, 汗出烦挽。呕多沃沫, 气下地, 不治。筋癡疾者, 身倦挛急脉大, 刺项大经之大行。呕多沃沫, 气下泄, 不治。脉癡疾者, 暴仆, 四肢之脉皆胀而纵。脉满, 尽制之出血; 不满, 灸之挟项太阳, 灸带脉于腰相去三寸, 请分肉本输。呕多沃沫, 气下泄, 不治。C癡疾者, 疾发如狂者, 死不治。狂始生, 先自悲也, 喜忘、苦怒、善恐者, 得之忧饥, 治之取手太阴、阳明, 血变而止, 及取定太阳、阴明。狂始发, 少卧不饥, 自高贤也咱辩智也, 自尊贵也, 善骂詈, 日夜不休, 治之取手阳明、太阳、太阴、舌下少阴, 视之盛者, 智取之, 不盛, 释之也。狂言、惊、善笑、好歌乐、妄行不休者, 得之大恐, 治

之取手阳明\太阳、太阴。狂，目妄见、耳妄闻、善呼者，少气之所生也，治之取手太阳、太阴、阳明、足太阳、头。两额。狂者多食，善见鬼神，善笑而不发于外者，得之有所大喜，清之取足太阴、太阳、阳明，后取手太阴、太阳、阳明。狂而新发，未应如此者，先取曲泉左右动脉，及盛者见血，有顷已，不已，以法取之，灸骨骶二十壮。①'泪毗外下为内毗"：此二十六字与本篇文义不符，前人疑为错简。村素》将此段移了'热病第二十二'篇"目中赤痛，从内目眇始，取之明研之后。②沃；《甲乙经》、《千金》作"涎"。③脉：原在'大杯'之后，据《甲乙经》、《千金》移此。146风逆暴四肢肿，身攘攘，啼然时寒，饥则烦，饱则善变，取手太阴表里，足少阴、阳明之经，肉清取荣，骨清取并、经也。厥逆为病也，足暴清，胸若将裂，肠若将以刀切之，烦而不能食，脉大小皆涩，暖取足少阴，清取足阳明，清则补之，温则泻之。厥逆腹胀满，肠鸣，胸满不得息，取之下脚二肋咳而动手者，与背输以手按之立快者是也。内闭不得按，刺足少阴、太阳与班上以长针，气逆则取其太阴、阳明、厥阴，甚取少阴、阳明动者之经也。少气，身攘攘也，言吸吸也，骨瘦体重，懈情不能动，补足少阴。短气，息短不属，动作气索，补足少阴，去血络也。

#### THIÊN 23: NHIỆT BỆNH

Chúng bệnh Thiên khô làm cho 1 bên mình không còn hoạt động được và bị đau, lời nói chưa thay đổi, chí chưa loạn, đó là bệnh còn ở nơi phạm nhục và tẩu lý[1]. Nên dùng kim cụt châm để châm[2]. Đó là ích cho (chính khí) đang bất túc, tổn bớt tà khí đang hữu dư, được vậy thì (chính khí) mới có thể hồi phục được[3].

Phì khí gây nên bệnh làm cho thân thể không đau đớn, tứ chi không còn co duỗi theo ý nữa, trí vẫn chưa loạn nặng lắm, tiếng nói nhỏ, ta biết bằng bệnh đó còn trị được[4]. Nếu bệnh nặng thì không nói được, bệnh này không chữa được[5]. Nếu bệnh trước hết khởi lên ở Dương, về sau lại nhập vào âm, như vậy, trước hết ta phải trị ở phần dương, rồi sau mới trị đến phần âm, làm sao cho ngoại tà theo phần phù biểu ra ngoài[5].

Nhiệt bệnh trong 3 ngày, nhưng mạch khí khẩu còn tĩnh, còn mạch Nhân nghênh thì táo, nên thủ huyết ở các đường kinh Dương theo lối 'ngũ thập cửu', nhằm tả đi cái nhiệt tà, làm cho xuất mồ hôi, làm thực cho âm, tức là bỏ cho âm đang bất túc[6]. Nếu thân mình bị nhiệt nặng, mạch âm dương đều tĩnh, trường hợp này không nên châm[7]. Còn như xét thấy có thể châm được thì nên châm ngay, dù cho không có ra mồ hôi, nhưng tà khí vẫn có thể tiết ra ngoài[8]. Khi nói rằng không nên châm có nghĩa là mạch đang có triệu chứng chết[9].

Nhiệt bệnh trong 7 ngày, 8 ngày, mạch Mạch khẩu đóng, suyễn và hơi thở ngắn, nên châm ngay, tức thì mồ hôi sẽ tự ra, châm cận huyết nằm ở trong khoảng ngón tay cái[10].

Nhiệt bệnh trong 7 ngày, 8 ngày, mạch vi tiểu, người bệnh tiểu ra máu, trong miệng khô, chết trong 1 ngày ruồi, nếu mạch đại thì 1 ngày chết[11].

Nhiệt bệnh có khi đã ra mồ hôi mà mạch vẫn còn táo, suyễn, có khi bị nhiệt trở lại, không nên châm ở phủ biểu, nếu như bị suyễn nặng hơn, nhất định phải chết[12].

Nhiệt bệnh trong 7 ngày, 8 ngày, mạch không táo, hoặc dù táo mà không tán, và lại còn thêm sắc, chờ trong 3 ngày sẽ có mồ hôi ra; nếu như trong 3 ngày mà không có mồ hôi thì ngày thứ 4 sẽ chết[13]. Và lại, nếu chưa từng ra mồ hôi thì ta cũng châm phần (phụ) tẩu[14].

Nhiệt bệnh, trước hết là đau ở phần bì phu, mũi bị nghẹt sưng lên đến mắt, nên thủ huyết châm ở ở bì, dùng kim số 1 theo phương pháp 'ngũ thập cửu'[15]. Nếu mũi bị tình trạng hà chần tỵ thì ta nên tìm quan hệ giữa bì và Phế, nếu không kết quả, ta tìm ở Hòa, Hòa tức là Tâm vậy[16].

Nhiệt bệnh, trước hết thân mình trì trệ, nóng, phiền muộn, môi miệng cổ họng đều khô, thủ huyết ở bì, dùng kim số 1 theo phương pháp 'ngũ thập cửu'[17]. Nếu bì phu trướng, miệng khô, ra mồ hôi lạnh, nên tìm quan hệ giữa mạch và Tâm, nếu vẫn không kết quả, nên tìm ở thủy, thủy tức là ở Thận vậy[18].

Nhiệt bệnh, cổ khô, uống nhiều nước, thường hay kinh sợ, nằm xuống không ngồi dậy nổi, thủ huyết chữa vùng phủ nhục, dùng kim số 6 theo phép 'ngũ thập cửu'[19]. Nếu như thấy khoé mắt xanh nên tìm quan hệ giữa nhục và Tỳ, nếu vẫn không kết quả, nên tìm ở Mộc, Mộc tức là Can vậy[19].

Nhiệt bệnh, mặt xanh, não đau, tay chân bồng chồn không yên, thủ huyết ở vùng cân cốt, dùng kim số 4 theo phép chữa 'tứ nghịch'[20]. Nếu bị vận gân không đi được hoặc bị chảy nước mắt đầm đìa, nên tìm quan hệ giữa cân và Can, nếu không kết quả, nên tìm ở Kim, Kim tức Phế vậy[21].

Nhiệt bệnh, nhiều lần kinh sợ, cân bị khiết tủng và cuồng, thủ huyết chữa vùng mạch, dùng kim số 4, châm tả phần huyết hữu dư[22]. Nếu bị chúng mạch điên tật làm cho lông

và tóc bị rụng, nên tìm quan hệ giữa huyết và Tâm, nếu không kết quả, nên tìm ở thủy, thủy tức là Thận vậy[23].

Nhiệt bệnh, thân thể nặng nề, xương bị đau, tai điếc, thích ngủ, thủ huyết chữa vùng cốt, dùng kim số 4 theo phép' ngũ thập cửu' để châm cốt[24]. Nếu bị bệnh mà không ăn được, cắn răng lại, tai màu xanh, nên tìm quan hệ ở cốt và Thận, nếu không kết quả, tìm ở Thổ, Thổ tức là Tỳ vậy[25].

Nhiệt bệnh, không biết đau nhức chỗ nào, tai điếc, (tay chân) không hoạt động co duỗi được, miệng khô, Dương nhiệt nặng, có khi Âm khí làm cho hàn, đó là nhiệt ở tại tủy, sẽ chết, không trị được [26].

Nhiệt bệnh, đầu đau, tủy huyết Não Không xuống đến mắt miệng như đang bị đấng, còn mạch hệ bị đau, thường hay chảy máu mũi, đó là Quyết nhiệt bệnh, dùng kim số 3, nên quan sát sự hữu dư và bất túc để trị, nó gây thành chứng hàn nhiệt tri [27].

Nhiệt bệnh tay chân nặng nề, đó là trường bị nhiệt, dùng kim số 4 châm các du huyết và các huyết ở các ngón chân dưới, tìm quan hệ khí ở các lạc của vị (là) nơi đặc khí vậy[28].

Nhiệt bệnh, vùng rốn đau rất kịch liệt, ngực và hông sườn đau, thủ huyết Dũng tuyền và Âm Lăng tuyền, dùng kim số 4, châm huyết trong cổ họng[29].

Nhiệt bệnh, mồ hôi vẫn ra mà lại mạch thuận, có thể châm cho ra mồ hôi, nên thủ huyết Ngự Tế, Thái Uyên, Đại Đò, Thái Bạch, châm tả các huyết này sẽ làm cho nhiệt giảm bớt, châm bổ thì mồ hôi ra[30]. Nếu mồ hôi ra quá nặng, nên thủ huyết nằm ở mạch giao ngang ở trên mắt cá trong để dứt mồ hôi[31].

Nhiệt bệnh, đã có mồ hôi, nhưng mạch còn táo thịnh, đó là Âm mạch đang cực, sẽ chết[32]. Khi có mồ hôi mà mạch còn tĩnh, thì sống[33]. Nhiệt bệnh, mạch vẫn táo mà không có mồ hôi, đó là Dương mạch đang cực, sẽ chết[34]. Mạch thịnh táo, có mồ hôi, tĩnh, sẽ sống[35].

Nhiệt bệnh không thể châm gồm có 9 trường hợp [36] :

- Một là: Mồ hôi không ra, 2 gò má ửng đỏ, ói, chết[37].
- Hai là: Tiêu chảy mà bụng bị đầy nặng, chết[38].
- Ba là: Mắt không còn sáng, nhiệt không giảm, chết[39].
- Bốn là: Người già, trẻ con khi bị nhiệt mà bụng đầy, chết[40].
- Năm là: Mồ hôi không ra, ói, tiêu ra huyết, chết[41].
- Sáu là: Cuống lưỡi bị nhiệt đến như nát lưỡi không dứt, chết[42].
- Bảy là: Ho mà ra máu mũi, mồ hôi không ra, mồ hôi ra mà không đến chân, chết[43].
- Tám là: Tủy bị nhiệt, chết[44].
- Chín là: nhiệt là giạt cong người, chết, thất lung gãy, khiết tủng, răng cắn chặt[45].

Phạm 9 trường hợp nói trên, không thể châm[46].

Điều gọi là 'Ngũ Thập Cửu thích' gồm có [47]:

- Hai bên mép ngoài và trong của 2 tay, mỗi bên gồm 3 huyết, tất cả có 12 huyết[48].
- Trong khoảng 5 ngón tay, mỗi nơi 1 huyết, gồm có 8 huyết, ở chân cũng giống như thế [49].
- Ở trên đầu, phần sâu vào trong mí tóc 1 thốn, bên cạnh 3 phân, mỗi nơi 3 huyết, tất cả có 6 huyết[50]. Đi sâu vô trong mí tóc 3 thốn, mỗi bên 5 huyết, gồm 10 huyết[51].
- Ở trước và sau tai, dưới miệng, mỗi nơi 1 huyết, giữa cổ gáy 1 huyết, gồm tất cả 6 huyết[52].
- Đỉnh đầu 1 huyết, Tín Hội 1, mí tóc 1, Liêm Tuyền 1, Phong Trì 2, Thiên Trụ 2 [53].

Khi nào khí bị đầy, giữa ngực phát suyễn, thủ huyết nằm ở đầu ngón chân cái cách móng chân như lá hẹ, thuộc kinh túc Thái âm, nếu hàn thì lưu kim lâu, nhiệt thì châm nhanh, khi nào khí đi xuống mới thôi[54].

Bệnh Tâm sán đau dữ dội, thủ các huyết thuộc kinh túc Thái âm, Quyết âm, châm cho xuất hết huyết lạc[55].

Bệnh cổ họng bị tấy, lưỡi bị cuốn, trong miệng khô, Tâm phiền, Tâm thống, mép trong cánh tay đau, tay không đưa được lên đến đầu, nên thủ huyết ở ngón tay áp út phía ngón út, cách móng tay như lá hẹ[56].

Giữa mắt bị đau, đỏ, bắt đầu đau từ khoé mắt trong, nên thủ huyết Âm kiều [57].

Bị chứng Phong kinh làm cho thân mình bị vắn gầy ra sau, trước hết nên thủ huyết của kinh túc Thái dương ở giữa kheo chân, châm xuất huyết ở huyết lạc[58]. Nếu trung khí có hàn khí, nên thủ huyết Tam Lý [59]. nếu bị bí tiểu, nên thủ huyết Âm kiều và thủ huyết nằm ở chòm lông Tam mao, xuất huyết lạc[60]. Con trai bị bệnh cổ độc, con gái như bị tử, thân thể, thất lung, cột sống như bị rã rời, không muốn ăn uống, trước hết nên thủ huyết Dũng Tuyền, châm cho ra máu, nên xem kỹ vùng trên bàn chân, nếu bị thịnh, nên châm cho xuất huyết cho hết mới thôi[61].

### 灵枢一热病第二十三

**偏枯，身偏不用而痛，言不变，志不乱，病在分睡之间，巨针取之，益其不足，损其有余，乃可复也。**痒之为病也，身无痛者，四肢不收，智乱不甚，其言微知，可治；甚则不能言，不可治也。病先起于阳，后入于阴者，先取其阳，后取其阴，浮而取之。一热病三日，而气口静、人迎躁者，取之诸阳，五十九刺，以泻其热而出其汗，实其阴以补其不足者。身热甚，阴阳皆静者，勿刺也；其可刺者，急取之，不汗出则泄。所谓勿刺者，有死征也。热病七日八日，脉口动端而短（一本作弦）者，急刺之，汗且自出，浅刺手大指间。热病七日八日，脉微小，病者波血，口中干，一日半而死，脉代者，一日死。热病已得汗出，而脉尚躁，喘且复热，勿刺肤，喘甚者死。热病七日八日，脉不躁，躁不散数，后三日中有汗；三日不汗，四日死。未曾汗者，勿腹刺之。热病无朕痛，窒鼻充面，取之皮，以第一针，五十九，苛转鼻，索皮于肺，不得索之火，火者心也。热病先身涩，倚而热，烦说，干唇口监，取之皮，以第一针，五十九，肤胀口干，寒汗出，索脉于心，不得索之水，水者肾也。热病隘千多饮，善惊，卧不能起，取之肌肉，以第六针，五十九，自助青，索肉于脾，不得索之木，木者肝也。热病面青脑痛，手足躁，取之筋间，以第四针，于四逆，筋蹇目浸，索筋于肝，不得索之金，金者脑也。热病数惊，浪啦而狂，取之脉，以第四针，急泻有余者，癩疾毛发去，索血于心，不得索之水，水者肾也。热病身重骨痛，耳聋而好瞑，取之骨，以第四针，五十九刺，骨病不食，啃齿耳青，索骨于肾，不得索之土，土者脾也。147热病不知所痛，耳聋不能自收，口干，阳热甚，阴颇有寒者，热在髓，死不可治。热病头痛须额，目糖脉痛，善啊，厥热病也，取之以第三针，现有余不足，寒热痔。热病体重，肠中热，取之以第四针，于其脑及下诸指间，索气于胃脘，得气也。热病挟脐急痛，胸肋满，取之涌泉与阴陵泉，取以第四针，针嗑里。热病而汗且出，及脉顺可汗者，取之鱼际、太渊、大都、太白，泻之则热去，补之则汗出，汗出太甚，取内踝上横脉以止之。热病已得汗而脉尚躁盛，此明脉之权也，死；其得汗而脉静者，生。热病者脉尚盛躁而不得汗者，此阳脉之极也，死；脉盛躁得汗静者，生。热病不可刺者有九：一日，汗不出，大颧发赤吵者死；二日，泄而腹满甚者死；三日，目不明，热不已者死；四日，老人婴儿，热而腹满着死；五日，汗不出，呕下血者死广口，舌本烂，热不已者死；七日，咳而衄，汗不出，出不至足者死；八日，髓热者死八日，热而痉者死。腰折，羸抓，齿嚙龄也。凡此九者，不可刺七所谓五十九刺者，两手外内侧各三，凡十二清；五指间各一，凡八精，足亦如是；头入发一寸傍三分各三，凡六瘖；更入发三寸边五，凡十疼；耳前后口下者各一，项中一，凡六涛；巅上一，由会一，发际一，廉泉一，风池二，天柱二。气满胸中喘息，取足太防大措之端，去爪甲如蔬叶，寒则留之，热则疾之，气下乃止。心店暴痛，取足太阴、颜阴，尽刺去其血络。喉痹舌卷，口中干，烦心D痛，臂内廉痛，不可及头，取手小指次指爪甲下，去端如韭叶。目中赤痛，从内时站，取之阴跌。风痉身反折，先取足太阳及胜中及血络出血；中有寒，取三里。瘤，取之阴额及三毛上及血络出血。男子如蛊，女子如粗，身体腰脊如解，不欲饮食，先取涌泉见血，视跗上盛者，尽见血也。

### THIÊN 24: QUYẾT BỆNH

Chúng Quyết đầu thông làm cho mặt như bị sung lên, khởi lên Tâm phiền, thủ huyết ở kinh túc Dương minh và Thái âm[1].

Chúng Quyết đầu thông làm cho mạch ở đầu bị đau, tâm bi, thường hay khóc, nên xem cái động mạch ở đầu, nếu ngược lại bị thịnh, phải châm xuất huyết cho hết, sau đó mới điều bổ kinh túc Quyết âm[2].

Chúng Quyết đầu thông xảy ra 1 cách vũng chắc, đầu nặng mà đau, nên châm tả 5 hàng mạch trên đầu, mỗi hàng 5 huyết, trước hết thủ huyết ở kinh thủ Thiếu âm, sau đó thủ ở kinh túc Thiếu âm[3].

Chúng Quyết đầu thông làm cho ý hay quên, dùng tay sờ lên không thấy nơi nào đau, nên châm vào nơi động mạch ở 2 bên phải và trái của đầu và mặt, sau đó mới thủ huyết ở kinh túc Thiếu âm[4].

Chúng Quyết đầu thông trước hết làm cho cổ gáy bị đau, ứng với thất lung và cột sống, trước hết thủ huyết Thiên Trụ, sau đó thủ huyết ở kinh túc Thái dương[5].

Chúng Quyết đầu thông làm cho đầu bị đau nặng, mạch ở trước và sau tai như dâng vọt lên, phát nhiệt, châm tả, xuất huyết, sau đó thủ huyết ở kinh túc Thiếu dương[6].

Chúng Chân đầu thông làm cho đầu bị đau nặng, não bị đau suốt, tay chân bị hàn đến tận các đốt (tiết), trường hợp này chết, không trị được[7].

Chúng đầu thông (mà) không thủ các huyết du để chữa, đó là vì người bệnh bị té, bị đánh, ác huyết lưu lại bên trong, phần cơ nhục bị thương, bị đau chưa khỏi, nếu thấy châm được nơi đau thì châm, nếu không được thì không thể thủ du huyết ở xa[8]. Chúng đầu thông (mà) không thể châm được, đó là chúng đại tý gây thành ác hoạn (bệnh tật khó khăn), gặp ngày Phong đều xảy ra, chúng ta chỉ có thể làm giảm bớt thôi, không thể hết được[9].

Chúng đầu thông, hàn 1 bên, trước hết thủ huyết ở kinh thủ Thiếu dương, Dương minh, sau đó thủ ở kinh túc Thiếu Dương, Dương minh[10].

Chúng Quyết tâm thông, đau ra đến vùng lưng, hay bị khiết tủng, như có cái gì từ ngoài sau đến chạm vào Tâm, làm cho người bệnh bị gù lưng, đó gọi là Thận tâm thông; trước hết thủ huyết Kinh Cốt, Côn Lôn, nếu như đã phát châm rồi mà bệnh vẫn không khỏi, thủ thêm huyết Nhiên Cốc[11].

Chúng Quyết tâm thông làm cho bụng bị trướng, ngực bị đầy, Tâm càng bị đau nhiều hơn, gọi là chúng 'Vị Tâm thông', thủ huyết Đại Đò, Thái Bạch[12].

Chúng Quyết tâm thông làm cho bệnh nhân đau như như dùng cây chùy đâm vào Tâm, Tâm bị đau nhiều, gọi là chúng 'Tỳ Tâm thông', thủ huyết Nhiên Cốc, Đại Khê [13].

Chúng Quyết tâm thông làm cho sắc mặt bị xanh, xanh như màu của người chết, suốt ngày không thở được 1 hơi dài, gọi là chúng 'Can Tâm thông', thủ huyết Hành Gian, Đại Xung[14].

Chúng Quyết tâm thông, nếu nằm hoặc nằm rồi thì Tâm thông được giãn, bớt, khi nào hoạt động thì đau nhiều hơn, không biến sắc mặt, gọi là chúng 'Phế Tâm thông', thủ huyết Ngụ Tế, Đại Uyên[15].

Chúng Chân Tâm thông làm cho tay chân bị xanh cho đến các đốt ngón, Tâm bị đau nhiều, sáng phát chiều chết, chiều phát sáng chết[16].

Chúng Tâm thông không châm được:

- Ở trung bộ có cái gì thịnh tụ lại, không thể thủ các du huyết để châm[17].
- Trong ruột có trùng hà, và có giun, tất cả đều không thể châm bằng tiểu châm[18]. Chúng Tâm trường thông làm cho bệnh nhân áo não mà đau đốn, (Những con giun này) tụ lại làm vùng (ngực và bụng) sưng lên, nó đi lên xuống, đau có lúc ngưng nghỉ[19]. Bụng bị nhiệt và hay khát nước, nước dãi chảy ra, đây là bởi con giun gây ra[20]. Dùng tay đè chúng lại, nên kiên trì đừng để đi sai chỗ, dùng kim lớn để châm, nên giữ thật lâu cho đến khi con giun bị bất động rồi mới rút kim ra[21]. Bụng đầy, đau 1 cách áo não (đó là chúng hà tụ) thành hình, từ giữa để đi lên trên[22]. Tai bị điếc không nghe được gì, nên thủ huyết ở trong tai[23]. Nếu tai bị kêu, thủ huyết ở động mạch trước tai[24]. Tai đau không châm được, đó là trong tai có mũ như là đang có rái tai khô, tai không nghe được[25]. Tai điếc, thủ huyết ở ngón tay áp út ở phía ngón tay út, nằm ở chỗ giao nhục với móng tay[26]. Trước hết chọn huyết ở tay, sau đó chọn huyết ở chân[27]. Tai kêu, thủ huyết nằm ở chỗ gần móng tay của ngón tay giữa, đau bên trái chọn huyết ở bên phải, đau bên phải chọn huyết ở bên trái, trước hết chọn huyết ở tay, sau đến huyết ở chân[28]. Xương đùi không đưa lên được, nên nằm nghiêng một bên để thủ huyết, huyết nằm ở chỗ máu chuyên, châm sâu bằng kim viêm lợi châm, không nên dùng kim đại châm[29]. Bệnh tiêu ra máu, thủ huyết Khúc Tuyền[30]. Chúng phong tý ngày càng tràn ngập tà khí, bệnh không thể khỏi được, chân như đang đạp trên băng tuyết, có lúc như đi vào nước nóng[31]. Từ đùi đến ống chân đều bị tràn ngập tà khí, Tâm phiền, đầu đau, có khi nôn, có khi bút rút, sau khi choáng váng thì mồ hôi ra, để lâu ngày thì mắt hoa, buồn mà hay lo sợ, đoản khí, như vậy sống không quá 3 năm thì phải chết[32].

## 灵枢—厥病第二十四

厥头痛，面若肿起而烦心，取之足阳明、大阴、厥头痛，头脉痛，心悲善泣，视头动脉反盛者，刺尽去血，后调足厥阴。厥头痛，贞贞头重而痛，泻头上五行，行五，先取手少阴，后取足少阴。厥头痛，意善忘，按之不得，取头面左右动脉，后取足太阴。厥头痛，项先痛，腰脊为应，先取天柱，后取足太阳。厥头痛，头痛甚，耳前后脉涌有热（一本。有动脉），泻出其血，后取足少阳。真头痛，头痛甚，脑尽痛，手足寒至节，死不治。头痛不可取于跑者，有所击墮，恶血在于内，若肉伤，痛未已，可则刺，不可远取世。头痛不可刺者，大痹为恶，日作者，可令少愈，不可已。头半寒痛，先取手少阳、阳明，后取足少阳、阳明。厥心痛，与背相控，善瘤，如从后触其心，伛楼者，肾心痛也，先取京骨、昆仑，发148狂不已，取然谷；厥心痛，腹胀胸满，心尤痛甚，胃心痛也，取之大都、太白；厥心痛痛如以推针刺其心，心痛甚者，脾心痛也，取之然谷、太溪；厥心痛，色苍苍如死状，终日不得太息，肝心痛也，

取之行间、太冲；厥心痛，卧若徒居，心痛间，动作痛益甚，色不变，肺心痛也，取之鱼际、太渊。真心痛，手足请①至节，心痛甚，县发夕死，夕发旦死。心痛不可刺者，中有盛聚，不可取于航。肠中有虫瘤及蚊故，皆不可取以小针。心腹②痛，懊做发作痛③，肿聚，往来上下行，痛有休止，腹热，喜渴涎出者，是故蛇也，以手聚按而坚持之，无分得移，以大针刺之，久持之，虫不动，乃出针也。意腹铁痛，形中上者。耳聋无闻，取耳中；耳鸣，取耳前动脉；耳痛不可刺者，耳中有脓，若有干阿狩，耳无闻也。耳聋，取手足④小指次指爪甲上与肉交者，先取手，后取足；耳鸣，取手足④中指爪甲上，左取右，右取在，先取手，后取足。足群不可举，侧而取之，在枢合中，以员利针，大针不可刺。病注下血，取曲泉。风痹淫烁，病不可已者，足如履冰，对如入场中，股胜淫际，烦心头痛，时呕时说，眩已汗出，久则目眩，悲以喜恐，短气不乐，不出三年死也。

#### THIÊN 25: BỆNH BẢN

Trước bệnh mà sau nghịch, trị bản[1]. Trước nghịch mà sau bệnh, trị bản[2]. Trước hàn mà sau sinh bệnh, trị hàn[3]. Trước bệnh mà sau sinh hàn, trị bản[4]. Trước nhiệt mà sau sinh bệnh trị bản[5]. Trước bị tiêu chảy mà sau sinh ra các bệnh khác, trị bản[6]. Ất phải điều hòa (Tỳ vị) rồi sau mới trị các bệnh khác[7]. Trước bệnh mà sau bị mãn ở trung (Tỳ vị), trị tiêu[8]. Trước bệnh mà sau tiêu chảy, trị bản[9]. Trước bị mãn ở trung rồi sau đó mới bị Tâmphiên, trị bản[10].

Có khi do khách khí, có khi do đồng khí[11]. Đại tiểu tiện bất lợi, trị tiêu[12]. Đại tiểu tiện lợi, trị bản[13].

Bệnh phát ra (tà khí) hữu dư, đó là bản đến tiêu, trước hết trị bản, sau đến trị tiêu[14]. Bệnh phát ra chính khí bất túc, đó là tiêu đến bản, trước hết trị tiêu, sau đến trị bản[15]. Nên quan sát 1 cách tường tận vấn đề gián và thậm rồi dùng ý để điều hòa, nếu gặp gián thì cùng trị 1 lúc, nếu gặp thậm thì chỉ nên trị riêng[16]. Ví dụ, trước hết đại tiểu tiện bất lợi, rồi sau đó mới sinh ra các chứng bệnh khác, nên trị bản[17].

#### 灵枢一病本第二十五

先病而后逆者，治其本；先逆而后病者，治其本。先寒而后生病者，治其本；先病而后生寒者，治其本。先热而后生病者，治其本；先清而后生热者，治其本。先泄而后生他病者，治其本。必且调之，乃治其他病。先病而后中满者，治其标；先病后泄者，治其本；先中满而后烦心者，治其本。有客气，有同气。大小便不利，治其标；大小便利，治其本。病发而有余，本而标之，先治其本，后治其标；病发而不足，标而本之，先治其标，后治其本。谨详察间甚，以意调之，间者并行，甚者⑤独行。先小大便不利而后生他病者，治其本也。①宿：明刊在押乙经排"青"。②腹：原作"肠"，据《太素》、《甲乙经》、《病源》改。③便快发作痛：原作"波作痛"，据《甲乙经》、柳经故。④足；原无此字。据《太素》补。⑤先病而后生热者，治其本：原无此十字，据呬乙经补，与前文对应。

#### THIÊN 26: TẬP BỆNH

Bệnh quyết nghịch đi áp theo cột sống làm đau lên đến đỉnh đầu, đầu bị trầm trầm, mắt bị hoa hoa, cột sống ở thắt lưng bị cứng, thủ huyết ở huyết lạc tại kheo chân thuộc kinh túc Thái Dương[1].

Bệnh quyết nghịch làm cho lồng ngực bị đầy, mắt bị sưng, môi run cầm cập, bật ra tiếng nói rất khó, nếu nặng hơn, sẽ không nói chuyện được, thủ huyết ở kinh túc Dương Minh[2].

Bệnh quyết nghịch làm cho khí đi lên đến cổ họng, không nói chuyện được, tay chân lạnh, đại tiện bất lợi, thủ huyết ở túc Thiếu Âm[3].

Bệnh quyết nghịch làm cho bụng kêu ồ ồ, khi hàn khí nhiều làm cho trong bụng kêu róc rách, tiêu và tiểu rất khó khăn, thủ kinh túc Thái Âm[4].

Cổ họng khô (ách), trong miệng nóng như có keo, thủ kinh túc Thiếu Âm[5].

Trong gối bị đau, thủ huyết Độc Ty, dùng kim viên lợi châm, châm xong rồi chờ cách khoảng thời gian để châm tiếp, dùng kim to như sợi lông đuôi trâu, châm gối đau như thể không còn nghĩ ngờ gì nữa[6].

Cổ họng (hầu) bị tý không nói chuyện được, châm kinh túc Dương Minh, nếu còn nói được, châm kinh thủ Dương Minh[7].

Bệnh ngược (sốt rét) không khát nước, cách ngày phát tác 1 lần, thủ kinh túc Dương Minh, nếu có khát nước và mỗi ngày phát tác, thủ kinh thủ Dương minh[8].

Răng đau không sợ uống nước lạnh, thủ kinh túc Dương minh, nếu sợ uống nước lạnh, thủ kinh thủ Dương minh[9].

Bệnh điếc mà không đau nhức, thủ kinh túc Dương minh; điếc mà đau nhức, thủ kinh thủ Dương minh[10].

Chúng chảy máu mũi không ngừng, có máu bầm chảy ra, thủ kinh túc Thái dương, nếu máu bầm không chảy nữa, thủ kinh Thủ Thái dương; nếu không hết, châm huyết nằm dưới xương uyển cốt, nếu vẫn không hết châm xuất huyết lạc ở kheo chân[11].

Chúng lưng đau, trên chỗ đau bị lạnh, thủ kinh túc Thái dương, Dương minh, còn nếu trên chỗ đau bị nóng, thủ kinh túc Quyết âm; nếu không cúi ngửa được, thủ kinh túc Thiếu dương[12].

Trong ngực bị nhiệt, muốn nôn, thủ huyết lạc ở kheo chân, thuộc kinh úc Thiếu Âm[13].

Vì vui mừng và giận dữ mà không muốn ăn, tiếng nói ngày càng nhỏ, thủ kinh túc Thái âm[14].

Vì giận mà nói nhiều, châm kinh túc Thiếu dương[15].

Hàm bị đau nhức, châm kinh thủ Dương minh, châm xuất huyết chỗ có thịnh mạch ở vùng má và lên đến Thái dương[16].

Cổ gáy bị đau làm cho không thể cúi ngửa được, châm kinh túc Thái Dương, nếu làm cho không thể ngó ngoái lại phía sau thì châm kinh thủ Thái dương[17].

Thiếu phúc bị đầy, to, lên trên chạy đến vùng Vị, đến Tâm, thân mình hơi bị dao động, có lúc bị hàn nhiệt, tiểu tiện bất lợi, thủ kinh túc Quyết âm[18].

Bụng đầy, đại tiện bất lợi, bụng to, khí cũng chạy lên đến ngực và cổ họng, thờ suyễn mạnh, cổ khan, thủ kinh túc Thiếu âm[19].

Bụng đầy, ăn không tiêu, bungsôi, không đi tiểu được, thủ kinh túc Thái âm[20].

Chúng Tâm thống đau dẫn đến cột sống thắt lưng, muốn nôn, thủ kinh túc Thiếu âm[21].

Chúng Tâm thống làm cho bụng bị trướng như có cái gì bị sợ lạnh, đại tiện bất lợi, thủ kinh túc Thái âm[22].

Chúng Tâm thống đau dẫn đến lưng làm cho không thờ được, châm kinh túc Thiếu âm, nếu không hết, châm kinh thủ Thiếu dương[23].

Chúng Tâm thống kéo theo làm cho bụng dưới đầy, dưới trên không nơi nhất định, đại tiện khó khăn, châm kinh túc Quyết âm[24].

Chúng Tâm thống chỉ có khí ngẩn không đủ để thờ mà thôi, châm kinh thủ Thái âm[25].

Chúng Tâm thống nên chọn huyết ngay ở (quanh) đốt xương thứ 9 để châm, trước hết dùng tay ấn lên chỗ phải châm, khi rút kim ra lại dùng tay ấn, ấn xong là hết ngay; nếu không hết, nên tìm các huyết ở trên và ở dưới (huyết) đã châm, khi nào đặc khí thì khỏi bệnh ngay[26].

Hàm (má) bị đau, châm kinh túc Dương minh, ngay chỗ xương gầy quay hàm, nơi có động mạch quay quanh, châm xuất huyết xong là khỏi ngay; nếu không khỏi, nên ấn lên huyết Nhân Nghênh của bản kinh (châm cận), khỏi ngay[27].

Chúng khí nghịch lên trên, châm nơi hãm huyết ở vùng ngực, rồi lại châm huyết có động mạch ở dưới ngực[28].

Bệnh Nuy quyết, nên trói tay chân người bệnh lại để làm cho họ bị bực bội, bấy giờ mới mở trói ra, Mỗi ngày 2 lần; Nếu có bị bắt nhân là không còn cảm giác, nên chữa như vậy trong 10 ngày sẽ kết quả, đừng ngưng lại, đợi khi nào bệnh khỏi mới thôi[29].

Bệnh Uýt nấc, nên dùng cọng cỏ châm nhẹ vào mũi để cho bị ách xì, xong sẽ khỏi bệnh, hoặc là làm sao để cho ngộp thờ, xong ngược mặt lên dẫn khí ra ngoài sẽ khỏi, hoặc làm cho người bệnh bị sợ dữ dội cũng có thể khỏi bệnh[30].

## 灵枢一杂病第二十六

**厥，挟脊而痛者，至顶，头沉沉然，日破既然，腰脊强，取足太阳腠中血络；厥，胸满面肿，唇漂漂然，暴言难，甚则不能言，取足阳明；厥气走喉而不能言，手足清，大便不利，取足少阴；厥而腹向向然，多寒气，腹中我我。便按难，取足太阳。隘于二日中热如胶，取足少阴。膝中痛，取腠界，以员利针，发而间之。针大如贺，刺膝无疑。喉痹不能言，取足阳明；能言，取手阳明。症不渴，间日而作，取足阳明；渴而日作，取手阳明。齿痛，不恶清饮，取足阳明；恶清饮，取手阳明。聋而不痛者，取足少阳；聋而痛者，取手阳明。砌而不止，好血流，取足太阳；好血，取手太阳。不已，刺宛骨下呼已，刺咽中出血。腰痛，痛上寒，取足太阳、阳明；痛下热，取足厥阴；不可以俯仰，取足少阴；中热而喘，取足少阴、眼中血络。喜怒而不欲食，言益小，刺足太阳；怒而多言，刺足少阴。颇痛，刺手阳明与额之盛脉出血。项痛不可俯仰，刺足太阳；不可以顾，刺手太阳也。小腹满大，上走胃，至心，渐渐身时寒热，小便不利，取足厥阴。腹满，大便不利，腹大，亦上走胸隘，喘息喝喝然，取足少阴。腹满，食不化，腹向向然，不能大便，取足太明。心痛引腰脊，欲呕，取足少阴；心痛，腹胀，嗝嗝然，大便不利，取足太阴；心痛引背，不得息，刺足少阴；不已，取手少阳如痛引小腹满，上下无常处，便按难，刺足厥阴；心痛，但短气不足以息，刺手**



太阴；心痛，当九节刻之，按，已刺按之，立已；不已，上下求之，得之立已。颇痛，刺足阳明曲周动脉见血，立已；不已，按人迎于经，立已。气逆上，刺膺中陷者与下胸动脉。腹痛，刺脐左右动脉，已刻按之，立已；不已，刺气街，已刺按之，立已。疲厥为四米束挽，乃疾解之，日二，不仁者十日而知，无休，病已止。吵，以草刺鼻，嚏，嚏而已；无息而疾迎引之，立已；大惊之，亦可已。

#### THIÊN 27: CHU TÝ

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Chúng Chu tý ở tại thân thể chúng ta, nó lên xuống di chuyển theo mạch khí, Khi nó ở trên dưới và tả hữu đều có sự tương ứng, không bao giờ có lúc có nơi không (rỗng), Ta mong được nghe sự thông này trong huyết mạch ư? Hay là ở trong khoảng phạm nhục? Tại sao lại đến nỗi như vậy?[1] (Có khi) sự thông di chuyển nhanh đến chưa kịp xuống kim, có khí động rồi mà thông thì lại không kịp định xem nó ở đâu để trị, mà thông đã dứt rồi, Con đường vận hành nào đã khiến như thế? Ta mong được nghe về nguyên nhân của những vấn đề ấy"[2].

Kỳ Bá đáp: "Đó gọi là Chúng tý, không phải là Chu tý"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về Chúng tý"[4].

Kỳ Bá đáp: "Đây nên xem lại mỗi loại có chỗ riêng của nó, Nó vừa phát đó thì đã ngưng lại đó, vừa ở yên đó thì đã nổi lên đó, bên phải ứng với bên trái, bên trái ứng với bên phải, nó không thể vận hành xoay vòng được, bởi vì nó vừa phát là vừa dứt"[5].

Hoàng Đế nói: "Đúng! Phép châm phải thế nào?"[6].

Kỳ Bá đáp: "Châm bệnh này, tuy sự thông đã dứt, nhưng ta vẫn châm vào nơi có bệnh, nhằm làm cho nó không thể đau trở lại"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng! Mong được nghe về Chu tý như thế nào?"[8].

Kỳ Bá đáp: "Chu tý là (một chúng mà tý) ở tại trong huyết mạch, theo với mạch khí mà lên trên, xuống dưới, chú nó không thể đi từ phải sang trái, trái sang phải được, (vì vấn đề đề phải trái này) có nơi có chỗ của nó"[9].

Hoàng Đế hỏi: "Nếu sự thông đi từ dưới lên trên, trước hết nên châm bên trên nhằm để cho nó quá sang, sau đó châm bên dưới nhằm để cho nó thoát"[10].

Hoàng Đế nói: "Đúng! Chúng thông này sinh ra như thế nào? Nguyên nhân nào đã gây thành những danh xưng đó?"[11].

Kỳ Bá đáp: "Khí của Phong-Hàn-Thấp ở khách tại trong khoảng ngoài phạm nhục, bức thiết (tân dịch) thành những bọt nước, bọt nước này gặp Hàn sẽ tụ lại, khi tụ lại nó sẽ làm hại phạm nhục để tách rời ra, khi tách rời ra sẽ gây thành đau, khi đau sẽ làm cho thần khí quy về đáy, thần khí quy vào sẽ gây nhiệt, nhiệt thì sẽ làm cho đau bị giải, đau bị giải thì bị quyết, khi bị quyết thì chúng tý khác sẽ phát ra; nguyên nhân phát ra chúng tý là như thế đấy"[12].

Hoàng Đế nói: "Đúng! Ta đã đắc được cái ý rồi, Đây là trường hợp tà khí bên trong không ở tại tạng, bên ngoài chưa phát ra ở bì phu, nó chỉ ở một mình trong khoảng của phạm nhục, nó làm cho chân khí không chu hành được, ta gọi đó là Chu tý[13]. Vì thế, phép châm bệnh tý trước hết phải theo dõi lục kinh ở Túc, xem lại sự hư thực và huyết ở đại lạc, huyết kết không thông, hoặc mạch bị hư mà hãm xuống, dựa vào tất cả những điều trên để điều hòa nó, cứu (hơ nóng) để thông khí, khi nào bị co vận (chuyển cân) cứng, nên châm để chuyển vận cho khí được vận hành"[14].

Hoàng Đế nói: "Ta đã đắc được cái ý rồi, và cũng nắm được sự việc: Phép cừ châm đã có đầy đủ cái lý (chữa trị), nó là phép trị đầy đủ về những bệnh thuộc 12 kinh mạch, Âm Dương vậy"[15]

#### 灵枢一周痹第二十七

黄帝问于岐伯曰：周痹之在身也，上下移徙随脉，其上下左右相应，间不容空，150愿闻此痛，在血脉之中邪？将在分肉之间乎？何以致是？其痛之移也，间不及下针，其精痛之时，不及定治，而痛已止矣，何道使然？愿闻其故。岐伯答曰：此众痹也，非周痹也。黄帝曰：愿闻众痹。岐伯对曰：此各在其处，更发更止，更后更起，以右应在，以左应右，非能周也，更发更休也。黄帝曰：善。刺之奈何？岐伯对曰：刺此者，痛虽已止，必刺其处，勿令复起。帝曰：善。愿闻周痹何如？岐伯对曰：周痹者，在于血脉之中，随脉以上，随脉以下，不能左右，各当其所。黄帝曰：刺之奈何？岐伯对曰：痛从上下者，先刺其下以过（一作遏，下同）之，后刺其上以脱之；痛从下上者，先刺其上以遏之，后刺其下以脱之。黄帝曰：善。此痛安生？何因而有名？岐伯对曰：风寒湿气，客于外分肉之间，迫切而为殊，沫得寒则聚，聚则排分肉而分裂也，分裂则痛，痛则神归之，神归之则热，热则痛解，痛解则厥，厥则他痹发，发则如是。帝曰：善。余已得其意矣。此内不在藏，而外未发于皮，独居分肉之间，真气不能周，故命曰周痹。故刺

痹者，必先切循其下之六经，视其虚实，及大络之班结而不通，及虚而卧陷空着而调之，熨而通之，其糖坚，转目而行之。黄帝曰：善。余已得其意矣，亦得其事也。九者，经失之理，十二经脉阴阳之病也。

#### THIÊN 28: KHẨU VẤN

Hoàng Đế trong lúc nhàn rãi, đuổi kẻ tả hữu để hỏi Kỳ Bá: "Ta đã được nghe một cách chính thức về cửu châm, nghe luận về sự nghịch thuận của Âm Dương, nghe tất cả về lục kinh, nay ta mong được biết về vấn đề khẩu vấn"[1].

Kỳ Bá từ chỗ ngồi né sang một bên, lạy hai lạy đáp: "Thật là một câu hỏi rất hay! Đây là một vấn đề do các bậc tiên sư đã truyền miệng lại"[2].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về vấn đề khẩu truyền"[3].

Kỳ Bá đáp: "Ôi! Trăm bệnh bắt đầu sinh ra do sự lạnh nóng của gió mùa, do sự vui mừng, giận dữ của Âm Dương, do ăn uống, cư xử với nhau, do những nỗi kinh sợ lớn lao và bất ngờ, vì tất cả những nguyên nhân trên làm cho khí huyết phân ly, Âm Dương hư bại, kinh lạc bị quyết tuyệt, mạch đạo bị bất thông, Âm Dương nghịch nhau, vệ khí bị ngưng đọng, kinh mạch bị hư không, huyết khí vận hành không còn thú tự nữa, đó là ta đã mất đi lẽ thường, trường hợp này sự luận về bệnh không còn ở kinh, thần xin nói về những bệnh xảy ra ở nơi nào đó"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Con người bị chúng ngáp, khí nào đã gây nên như vậy?"[5].

Kỳ Bá đáp: "Vệ khí ban ngày vận hành ở vùng Dương, nửa đêm vận hành ở Âm, Âm chủ về đêm, đêm thì người nằm ngủ, Dương khí chủ đi lên, Âm chủ đi xuống, cho nên khi Âm khí còn tích bên dưới, Dương khí lại chưa tận (hết), Dương khí sẽ dẫn Âm đi lên, Âm lại dẫn đi xuống, thế là Âm Dương cùng dẫn nhau, cho nên người ta bị ngáp nhiều lần[6]. Dương khí tận, Âm khí thịnh thì mắt nhắm lại ngủ, Âm khí tận mà Dương khí thịnh thì thức dậy, nên châm tả kinh túc Thiếu âm bổ túc Thái dương"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Con người bị chúng Uyết (nấc) do khí gì gây nên?"[8].

Kỳ Bá đáp: "Cốc nhập vào Vị, Vị khí rót lên trên đến Phế, nay có Hàn khí và tán cốc khí, tất cả đều quay về nhập vào Vị; Khí cũ và mới cùng làm loạn nhau, chân khí và tả khí cùng đánh nhau, khí chung vào nhau mà làm nghịch nhau, thế rồi quay trở ra khỏi Vị, gây thành chúng Uyết, Nên châm bổ kinh thủ Thái âm, châm tả túc Thiếu âm"[9].

Hoàng Đế hỏi: "Con người khi khóc hay bị nghẹn ngào, khí gì đã gây nên như thế?"[10].

Kỳ Bá đáp: "Đây là Âm khí thịnh mà Dương khí hư, Âm khí nhanh mà Dương khí chậm, Âm khí thịnh mà Dương khí tuyệt, cho nên thành chúng khóc nghẹn, Châm bổ kinh túc Thái dương, châm tả túc Thiếu âm"[11].

Hoàng Đế hỏi: "Con người bị bệnh Chấn hàn (lạnh run), khí gì đã gây nên như thế?"[12].

Kỳ Bá đáp: "Hàn khí ở khách nơi bì phu, Âm khí thịnh, Dương khí hư, vì thế gây nên chúng lạnh run, Châm bổ các kinh Dương"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Con người bị chúng ái (ợ), khí gì đã gây nên thế?"[14].

Kỳ Bá đáp: "Hàn khí ở khách tại Vị, khí quyết nghịch từ dưới lên trên tán vào trong Vị rồi lại xuất ra từ Vị, vì thế gây thành chúng ợ, Châm bổ kinh túc Thái âm, Dương minh, có người nói châm bổ huyết Mi Bản (Toàn Trúc)"[15].

Hoàng Đế hỏi: "Con người bị chúng cả thân mình buông xuôi, khí gì đã gây nên như thế?"[16].

Kỳ Bá đáp: "Vị không thực làm cho các mạch bị hư, các mạch bị hư ắt cân mạch bị nhũn, cân mạch bị nhũn mà ta lại cố sức giao hợp, thế là khí không thể phục hồi trở lại, gây thành chúng buông xuôi, Nên theo đúng lúc xảy ra bệnh để bổ vùng phận nhục"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Con người bị hắt hơi, khí gì gây nên thế?"[18].

Kỳ Bá đáp: "Dương khí hòa lợi, đẩy lên đến Tâm, xuất ra ở mũi, gây thành hắt hơi, Bỏ huyết Vinh của túc Thái dương ở huyết Mi Bản, cũng có thuyết cho là mi thượng"[19].

Hoàng Đế hỏi: "Con người mỗi khi buồn sâu là nước mắt, nước mũi chảy ra, khí gì đã gây nên thế?"[20].

Kỳ Bá đáp: "Tâm là chủ (chúa) của ngũ tạng lục phủ, mắt là nơi tụ của tông mạch, là con đường vận hành của thượng dịch, miệng mũi là môn hộ của khí, vì thế, khi ta buồn sâu, đau đớn, ưu tư thì sẽ làm động đến Tâm, khi Tâm bị động thì ngũ tạng lục phủ sẽ bị dao động, dao động sẽ làm cho tông mạch bị cảm, tông mạch bị cảm thì con đường của chất dịch sẽ mở ra, con đường của chất dịch mở ra thì nước mắt, nước mũi sẽ chảy ra[21]. Chất dịch nhằm để tưới thấm cho tinh khí, làm nhuận trơn cho các không khiếu,

vì thế, nếu con đường của thượng dịch mở ra thì sẽ khóc, khóc không ngừng thì chất dịch bị cạn (kiệt), dịch bị kiệt thì tinh khí sẽ không còn được tưới thấm, tinh khí không còn được tưới thấm thì mắt sẽ không thể thấy được gì cả, cho nên gọi là đoạt tinh, Châm bổ huyết Thiên Trụ, kinh của nó nằm ở dưới cổ"[22].

Hoàng Đế hỏi: "Con người hay thở dài (lớn), khí gì đã gây nên như thế ?"[23].

Kỳ Bá đáp : "Khi ưu tư thì Tâm hệ bị cấp, Tâm hệ bị cấp thì khí đạo bị buộc ràng, khí bị buộc ràng thì sẽ không thông lợi, vì thế người bệnh phải thở dài (lớn) để đuổi khí ra, Châm bổ kinh thủ Thiếu âm, Tâm chủ, túc Thiếu dương, lưu kim"[24].

Hoàng Đế hỏi: "Con người bị chảy nước dãi, khí gì đã gây thế ?"[25].

Kỳ Bá đáp : "Con người ăn uống đều nhập vào Vị, nếu trong Vị bị nhiệt thì trùng bị động, trùng động thì Vị bị hoãn, Vị bị hoãn thì huyết Liêm Tuyên khai, vì thế nước dãi bị chảy ra, Châm bổ kinh túc Thiếu âm"[26].

Hoàng Đế hỏi: "Con người bị ù bên trong tai, khí gì đã gây nên như thế ?"[27].

Kỳ Bá đáp : "Tai là nơi tụ khí của tông mạch, vì thế nếu trong Vị bị rỗng ắt là tông mạch bị hư, tông mạch bị hư thì Dương khí bị đi xuống, mạch sẽ bị kiệt, cho nên tai bị ù, Châm bổ huyết Khách Chủ Nhân và huyết nơi gần móng tay cái, chỗ giao nhau giữa móng và thịt"[28].

Hoàng Đế hỏi: "Con người tự cắn vào lưỡi mình, khí gì đã gây nên như thế ?"[29].

Kỳ Bá đáp : "Đây là do khí quyết nghịch lên trên, mạch cũng cùng đi theo, Khí Thiếu âm đến thì làm cho cắn lưỡi, khí Thiếu dương đến sẽ làm cho cắn vào má, khí Dương minh đến sẽ làm cho cắn vào môi, nên tìm xem bệnh xảy ra ở nơi nào để châm bổ cho nơi đó"[30].

Phạm tất cả 12 tà này đều do kỳ tà chạy đến các không khiếu mà ra cả, vì thế tà khí ở nơi nào, ta biết nơi đó là bất túc[31]. Cho nên, thượng khí bất túc thì làm cho não không đầy, tai bị ù nặng, đầu nhức đến không chịu nổi, mắt bị hoa lên[32]. Nếu trung khí bất túc, việc tiểu tiện, đại tiện bị biến, ruột sôi(kêu)[33]. Nếu hạ khí bất túc thì làm cho bị nuy, quyết, Tâm phiền muộn, Bỏ bên mắt cá ngoài, lưu kim"[34].

Hoàng Đế hỏi: "Phép trị phải thế nào ?"[35].

Kỳ Bá đáp : "Thận làm chủ các chứng ngáp, thủ huyết ở kinh túc Thiếu âm[36]. Phế làm chủ gây thành chứng nấc, thủ huyết ở kinh thủ Thái âm, túc Thiếu âm[37]. Chứng khốc nghẹn là do ở Âm Dương bị tuyệt, nên châm bổ túc Thái dương và tả túc Thiếu âm[38]. Chứng lạnh run, châm bổ các kinh Dương[39]. Chứng ợ, châm bổ túc Thái âm và Dương minh[40]. Chứng hắt hơi, châm bổ huyết Mi Bản của túc Thái dương[41]. Chứng cả thân mình buông xuôi nên theo đúng lúc xảy ra bệnh để bỏ vùng phạm nhục[42]. Chứng nước mắt mũi chảy ra, châm bổ huyết Thiên Trụ, kinh của nó nằm dưới cổ, vùng dưới cổ túc là vùng gần đầu[43]. Chứng thở dài, bổ kinh thủ Thiếu âm, Tâm chủ, túc Thiếu dương, lưu kim[44]. Chứng chảy nước dãi, bổ túc Thiếu âm[45]. Chứng tai ù, bổ huyết Khách Chủ Nhân, huyết nằm ở đầu ngón tay cái giáp thịt gần móng tay[46]. Chứng tự cắn lưỡi, nên xem bệnh nằm ở đâu để châm bổ[47]. Mắt hoa, đầu nhức không chịu nổi, châm bổ dưới mắt cá chân ngoài, lưu kim[48]. Chứng nuy quyết, Tâm bút rút, châm huyết nằm trên đầu ngón chân cái 2 thốn, lưu kim, một nữa là nơi dưới mắt cá ngoài, lưu kim"[49].

## 灵枢—口问第二十八

黄帝闲居，辟左右而问于岐伯曰：余已闻九针之经，论阴阳逆顺，六经已毕，愿得口问。岐伯避席再拜曰：善乎哉问也，此先师之所口传也。黄帝曰：愿闻目传。吹伯答曰：夫百病之始生也，皆生于风雨寒暑，阴阳喜怒，饮食居处，大惊卒恐。则血气分离，阴阳破败，经络厥绝，脉道不通，阴阳相逆，卫气稽留，经脉虚空，血气不次，乃夫其常。论不在经者，请道其方。黄帝曰：人之欠者，何气使然？岐伯答曰：卫气昼日行于阳，夜半则行于阴。阴者主夜，夜者卧；阳者土上，阴者主下。故阴气积于下，阳气未尽，阳引而上，阴引而下，阴阳相引，故数欠。阳气尽，阴气盛，则目瞑；阴气尽而阳气盛，则席矣。泻足少阴，补足太阳。黄帝曰：人之嗜者，何气使然？岐伯曰：谷入于胃，胃气上注于肺。今有故寒气与新谷气，惧还入于胃，新故相乱，真邪相攻，气并相逆，复出于胃，故为吵。补手太阴，泻足少阴。黄帝曰：人之佛者，何气使然？岐伯曰：此明气盛而阳气虚，阴气疾而阳气徐，附气盛而阳气绝，故为呼。补足太阳，泻足少阴。黄帝曰：人之振寒者，何气使然？岐伯曰：寒气客于皮肤，明气盛，阳气虚，故为151振寒寒栗，补诸阳。黄帝曰：人之嗜者，何气使然？岐伯曰：寒气客于胃。厥逆从下上散，复出于胃，故为嗜。补足太阳、阳明。一日补眉本也。黄帝曰：人之嚏者，何气使然？岐伯曰：阳气和利，满于心，出于鼻，故为嚏。补足太阳菜人眉本（一日援上也）。黄帝曰：人之额者，何气使然？岐伯曰：胃不实则诸脉虚，诸脉虚则筋脉懈惰，筋脉懈惰则行阴用力，气不能复，故为或。因其所在，补分向间。黄帝曰：人之哀而泣涕出者，何气使然？岐伯曰：心者，五藏六府之主也；目者，宗脉之所聚也，上液之道也；口鼻者，气之门户也。故悲哀愁忧则心动，心动则五藏六府皆

摇，摇则家脉感，宗脉感则液道开，液道开故泣涕出焉。液者，所以灌精儒空窍者也，故上液之道开则泣，泣不止则液竭，液竭则精不灌，精不灌则目无所见氤故命曰夺精。补天柱经侠颈。黄帝曰：人之太息者，何气使然？岐伯曰：忧思则心系急，心系急则气道约，约则不利，故太息以伸出之。补手少阴、心主、足少阳留之也。黄帝曰：人之涎下者，何气使然？岐伯曰：饮食者皆入于胃，胃中有热则虫动，虫动则胃缓，胃缓则廉泉开，故涎下。补足少阴。黄帝曰：人之耳中鸣者，何气使然？岐伯曰：耳者，宗脉之所聚也，故胃中空则宗脉虚，虚则下，溜脉有所渴者，故耳鸣。补客主人，手大指爪甲上与肉交者也。黄帝曰：人之自啮舌者，何气使然？岐伯曰：此厥逆走上，脉气羸至也。少阴气至则啮舌，少阳气至则啮颊，阳明气至则啮唇矣。视主病者则补之。凡此十二邪者，皆奇邪之走空窍者也。故邪之所在，皆为不足，故上气不足，脑为之不满，耳为之苦鸣，头为之苦倾，目为之眩；中气不足，溲便为之变，肠为之苦鸣；下气不足，则乃为衰厥心忪。补足外踝下留之。黄帝曰：治之奈何？岐伯曰：肾主为欠，取足少阴；肺主为哕，取手太阴、足少阴；呼者，阴与阳绝，故补足太阳，泻足少阴；振寒者，补诸阳；德者，补足大阴、阳明；嚏者，补足太阳、眉本；斡，因其所在，补分肉间；泣出，补天柱经侠颈，侠颈者，头中分也；太总，补手少阴、心主、足少阳留之；延下，补足少阴；耳鸣，补客主人、手大指爪甲上与肉交者；自啮舌，视主病者则补之；目眩头倾，补足外踝下留之；衰厥心忪，刺足大指间上二寸留之，一日足外踝下留之。

#### THIÊN 29: SU TRUYỀN

Hoàng Đế nói: "Ta nghe nói các bậc tiên sư có những điều chỉ giữ trong Tâm mà không sáng tác ra bằng sách vở, ta mong được nghe để gìn giữ, rồi bắt chước để thực hiện nó; Trên ta dùng nó để trị dân, dưới dùng để trị bản thân mình, làm sao cho trăm họ không bị bệnh, trên dưới được hòa thuận thân mến nhau, đức trạch trôi chảy xuống dưới con cháu không còn lo âu, truyền đến đời sau không có lúc nào dứt, Ta có thể nghe những điều ấy không?" [1].

Kỳ Bá đáp: "Thật là câu hỏi sâu xa lắm vậy, Ôi ! Phép trị dân hay tự trị cho mình, phép trị chỗ khác hay chỗ này, phép trị việc nhỏ, hoặc việc lớn, phép trị quốc hay trị gia, chưa bao giờ trị theo phép nghịch mà có thể trị được vậy[2]. Ôi ! Duy chỉ có phép trị theo phép thuận mà thôi vậy, thuận ở đây không phải chỉ nói đến mạch Âm Dương để rồi luận về thuận nghịch của khí mà thôi đâu mà ta phải suy ra rằng trăm họ nhân dân đều mong muốn làm thuận được cái chí của mình nữa"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Vậy phải hiểu thuận như thế nào?"[3].

Kỳ Bá đáp: "Khi vào nước người ta thì phải hỏi (cho biết được) phong tục của người ta, khi vào nhà người ta thì phải hỏi (cho biết được) những điều kiêng kỵ của người ta, khi lên đến chỗ đường thì phải hỏi (cho biết được) cái lễ của người ta, khi đến với bệnh nhân thì phải hỏi (cho biết được) những điều thay đổi nghịch thuận của người ta"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Phải thay đổi như thế nào để thích nghi với bệnh nhân?"[5].

Kỳ Bá đáp: "Ôi ! Nếu nhiệt ở trung (giữa) là bệnh tiêu đơn, vậy phải thích nghi bằng hàn, nếu bệnh thuộc hàn ở giữa, vậy nên thích nghi bằng nhiệt[6]. Nếu trong Vị bị nhiệt thì tiêu cốc khí, khiến cho người bệnh Tâm không an, thường hay đói[7]. Nếu vùng da phía trên rốn bị nhiệt thì trong ruột (trường) cũng nhiệt, tiêu ra phân vàng mà nát ra[8]. Nếu vùng da dưới rốn bị hàn thì trong Vị cũng hàn, như vậy sẽ bị phúc trướng[9]. Trong ruột bị hàn thì ruột sôi và tiêu chảy (xôn tiết)[10]. Trong Vị bị hàn, trong ruột bị nhiệt thì bị chướng mà thêm tiêu chảy[11]. Trong Vị bị nhiệt trong ruột bị hàn thì mau bị đói, vùng thiếu phúc đau và trướng"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Nếu Vị muốn uống lạnh mà Trường muốn uống nóng, cả hai nghịch nhau, việc thích nghi phải thế nào?"[13]. Và lại, các bậc vương công, đại nhân, các bậc quân u (những thức ăn thịt) có máu, tất cả họ đều sống rất là kiêu sa, phóng túng, ham muốn khinh người, nhưng không thể nào cấm được, nếu cấm thì nghịch lại cái chí của họ, còn nếu thuận theo họ thì càng làm cho bệnh của họ nặng thêm, và nên thích nghi như thế nào? Phép trị phải làm gì trước?"[14]

Kỳ Bá đáp: "Tình của con người, không ai không ham sống và sợ chết, vậy ta nên báo cho họ biết bằng những hư bại của họ, nói cho họ biết những điều tốt của họ, dẫn dắt họ bằng những con đường thích nghi, mở ra cho họ thấy những điều khổ của họ, .nNhư vậy, cho dù họ là những người không biết cái Đạo (duỡng sinh) là gì, họ lại dám không nghe theo hay sao?"[15].

Hoàng Đế hỏi: "Phép trị phải thế nào?"[16].

Kỳ Bá đáp: "Mùa xuân hạ, trước hết phải trị phần tiêu, sau đó mới trị phần bản; mùa thu đông, trước hết phải trị phần bản, sau đó mới trị phần tiêu"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Thích nghi trường hợp nghịch lại, phải làm sao?"[18].

Kỳ Bá đáp : "Thích nghi trường hợp này, phải: việc ăn uống, mặc quần áo cũng phải thích nghi với độ nóng lạnh, nếu lạnh thì dùng để lạnh cầm cầm, nếu nóng dùng để ra mồ hôi, trong lúc ăn uống, nóng dùng nóng phùng phùng, lạnh dùng lạnh buốt buốt, việc nóng lạnh cốt ở giữ được mức trung hòa, nhờ đó mà duy trì được nguyên khí, không để cho tà khí tấn công"[19].

Hoàng Đế hỏi: "Thiên 'Bản Tạng' dựa vào thân hình, chi và tiết, sự cứng mềm của cơ nhục để biết được sự lớn nhỏ của ngũ tạng và lục phủ, nay đối với các bậc vương công, đại nhân, bậc vua chúa lâm triều tước vị, mà ta đặt vấn đề này, ai có thể sờ mó, day ấn để rồi sau đó trả lời cho được ?"[20].

Kỳ Bá đáp : "Thân hình, tay chân và các đốt xương bàn tay chân là những nơi che đậy tạng phủ, nó không dễ nhận thấy được như khi ta quan sát gương mặt"[21].

Hoàng Đế hỏi: "Khí của ngũ tạng có thể nhìn thấy được ở gương mặt, điều đó ta đã biết rồi, nhưng qua tay chân và các đốt xương bàn tay chân để có thể biết và nhận thấy thì như thế nào ?"[22].

Kỳ Bá đáp : "Trong ngũ tạng và lục phủ thì Phế đóng vai trò cái nắp đậy, cứ nhìn nơi vai to hoặc độ lõm vào của vùng yết hầu để biết được hình trạng của Phế biểu lộ ra ngoài"[23].

Hoàng Đế nói: "Đúng thay ! "[24].

Kỳ Bá đáp : "Trong lục phủ ngũ tạng, Tâm đóng vai quân chủ, Khuyết bồn đóng vai đường đi, xương đầu của xương lồng ngực du ra để biểu lộ nơi xương Cưu vĩ"[25].

Hoàng Đế nói: "Đúng thay ! "[26].

Kỳ Bá đáp : "Can đóng vai tướng quân, xông pha ra ngoài, muốn biết mức kiên cố của nó, nên xem mắt lớn hay nhỏ"[27].

Hoàng Đế nói: "Đúng thay ! "[28].

Kỳ Bá đáp : "Tỳ đóng vai chủ về bảo vệ, nó đón nhận thức ăn, cứ nhìn sự yêu ghét (tốt xấu) của môi lưỡi để biết được việc lành dữ "[29].

Hoàng Đế nói: "Đúng thay ! "[30].

Kỳ Bá đáp : "Thận đóng vai nghe việc bên ngoài, nó nghe được chuyện ở xa, cứ nhìn sự yêu ghét của tai để biết được tính của nó"[31].

Hoàng Đế nói: "Đúng thay ! Ta mong được nghe về sự biểu hiện của lục phủ"[32].

Kỳ Bá đáp : "Trong lục phủ, Vị đóng vai biển cả, xương mình rộng, cổ to, ngực rộng, người nhu vậy sẽ ăn được nhiều ngũ cốc[33]. Mũi hít sâu mà dài, nó biểu hiện được tình trạng của Đại trường[34]. Môi dày, Nhân trung dài, biểu hiện được tình trạng của Tiểu trường[35]. Vùng mí dưới mắt no đầy và to thì Đờm mới có sự cứng rắn[36]. Hai lỗ của mũi nằm bên ngoài, nhờ nó mà Bàn quang được thông tiết ra ngoài[37]. Khi hít khí vào là đi từ giữa sống mũi, nhờ vậy mà vai trò của Tam tiêu được kín đáo[38]. Trên đây là những trường hợp biểu hiện được vai trò của lục phủ, Khi nào ba vùng trên dưới được bình đẳng thì ngũ tạng được an và vận hành được tốt"[39].

## 灵枢一师传第二十九

黄帝曰：余闻先师，有所心藏，弗著于方。余愿闻而藏之，则而行之，上以治民，下以治身，使百姓无病，上下和亲，德泽下流，子孙无忧，传于后世，无有终时，可得闻乎？岐伯曰：远乎哉问也。夫治民与自治，治彼与治此，治小与治大，治国与治家，未有逆而能治之也，夫惟顺而已矣。顺者，非独阴阳脉论气之逆顺也，百姓人民皆欲顺其志也。黄帝曰：顺之奈何？岐伯曰：入国问俗，人家问讳，上堂门礼，临病人间所便。黄帝曰：便病人奈何？岐伯曰：夫中热消疼则便寒，寒中之属则便热。胃中热则消谷，令人县①心善饥，脐以上皮热；肠中热则出黄知糜，脐以下皮寒。胃中寒，则腹胀；肠中寒，则肠鸣飧泄。胃中寒、肠中热则胀而且泄；胃中热、肠中寒则疾饥，小腹痛胀。黄帝曰：胃欲寒饮，肠欲热饮，两者相逆，便之奈何？且夫王公大人、血食之君，骄恣从欲，轻人，而无能禁之，禁之则逆其志，顺之则加其病，便之奈何？治之何先？岐伯曰：人之情，莫不恶死而乐生，告之以其败，语之以其善，导之以其所便，开之以其所苦，虽有无道之人，恶有不听者乎？黄帝曰：治之奈何？岐伯曰：春夏先治其标，后治其本；秋冬先治其本，后治其标。黄帝曰：便其相逆者奈何？岐伯曰：便此者，食饮衣服，亦欲适寒温，寒无凄怆，暑无出汗。食饮者，热无灼灼，寒无沧沧，寒温中适，故气将持。乃不致邪僻也。黄帝曰：作藏》以身形支节跟肉，候五藏六府之小大焉。今夫王公大人、临朝即位之君而问焉，谁可们循之而后答乎？岐伯曰：身形支节者，藏府之盖也，非面部之阅也。黄帝曰：五藏之气，阅于面者，余已知之矣，以肢节知而阅之奈何？岐伯曰：五藏六府着，肺为之盖，巨肩陷咽，候见其外。黄帝曰：善。岐伯曰：五藏六府，心为之主，缺盆为之道，骷②骨有余，以候够股。黄帝曰：善。岐伯曰：肝者主为将，使之候外，欲知坚固，视目小大。黄帝曰：善。岐伯曰：脾者主为卫，使之迎粮，视唇舌好恶，以知吉凶。黄帝曰：善。岐伯曰：肾者主为外，使之远听，视耳好恶，以知其性。黄帝曰：善。愿闻六府之

候。岐伯曰：六府者，胃为之海，广骸、大颈、张胸，五谷乃容；具隧以长，以候大肠；唇厚、人中长，以候小肠；目下果大，其胆乃横；鼻孔在外，膀胱漏泄；鼻柱中央起，王焦乃约。此所以候六府者也。上下三等，藏安且良。

### THIÊN 30: QUYẾT KHÍ

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe con người có tinh, có khí, có tân, có dịch, có huyết, có mạch, ý của ta cho là tất cả những khí ấy chỉ là một mà thôi, nay nó lại được phân biệt ra thành 6 tên khác nhau, Ta không hiểu vì lý do nào lại như vậy?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Hai thần cùng đánh nhau rồi hợp lại để thành hình, thường sinh ra trước thân thể của chúng ta, gọi đó như tinh"[2].

"Thể nào là khí?"[3].

Kỳ Bá đáp: "Khí ở Thượng tiêu khai phát ra nhằm tuyên tán khí của ngũ cốc và Vị, làm ẩm bì phu, làm sung mãn cho thân thể, làm trơn nhuận cho lông mao, nó ví như là những làn khí của mù và móc đã tươi thắm khắp nơi, đó gọi là khí"[4].

"Thể nào gọi là tân?"[5].

Kỳ Bá đáp: "Khi nào tấu lý phát tiết ra, làm mồ hôi chảy ra ướt đầm, gọi đó là tân"[6].

"Thể nào là dịch?"[7].

Kỳ Bá đáp: "Khí ngũ cốc nhập vào (Vị) thì (hậu thiên khí) sẽ tràn đầy, chất trấp sẽ làm nhuận trơn và rót vào cốc, cốt thuộc vai trò co duỗi, tiết ra và làm nhuận trơn, bổ ích não tủy, bì phu được nhuận trơn, đó gọi là dịch"[8].

"Thể nào là huyết?"[9].

Kỳ Bá đáp: "Trung tiêu nhận lấy khí, lấy chất trấp, biến hóa để thành màu đỏ, đó là huyết"[10].

"Thể nào là mạch?"[11].

Kỳ Bá đáp: "Cái để phòng cho doanh khí, khiến cho nó không chạy tránh ra nơi khác, gọi là mạch"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào để biết được sự hữu dư hoặc bất túc của lục khí, biết được sự nhiều ít của khí, biết được sự hư thực của não tủy, sự thanh trọc của huyết mạch?"[13].

Kỳ Bá đáp: "Tinh bị thoát thì tai điếc[14]. Khí bị thoát thì mắt không còn sáng[15]. Tân bị thoát thì tấu lý khai, mồ hôi ra quá nhiều[16]. tinh dịch bị thoát thì cốt sẽ khó khăn trong việc co duỗi, sắc bị yếu[17]. Não tủy bị tiêu hao, cẳng chân bị đau buốt, tai bị ù[18]. Huyết bị thoát thì sắc diện sẽ trắng sẽ không còn nhuận trạch, mạch bị không hư [19]. Tất cả là những bộc lộ của các điều kể trên"[20].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề quý và tiện trong lục khí như thế nào?"[21].

Kỳ Bá đáp: "Lục khí đều có những bộ vị làm chủ, sự quý tiện, thiện ác phải đúng thời của nó, tuy nhiên, ngũ cốc vẫn hóa khí trong Vị và Vị đóng vai biển lớn"[22].

### 灵枢—决气第三十

黄帝曰：余闻人有精、气、津、液、血、脉，余意以为一气耳，今乃辨为六名，余不知其所以然。岐伯曰：两神相搏，合而成形，常先身生，是谓精。何谓气？岐伯曰：上焦开发，宣五谷味，熏肤充身泽毛，若雾露之溉，是谓气。何谓津？岐伯曰：滕理发泄，汗出漉漉，是谓津。何谓液？岐伯曰：谷人气满，淖泽注于骨，骨属屈伸，澳泽，补益脑髓，皮肤润泽，是谓液。何谓血？岐伯曰：中焦受气取汁，变化而赤，是谓血。何谓脉？岐伯曰：塞遏营气，令无所避，是谓脉。黄帝曰：六气者，有余不足，气之多少，脑髓之虚实，血脉之清浊，何以知之？岐伯曰：精脱者，耳聋；气盼着，目不明；津脱者，腹理开，汗大泄；液脱者，骨属屈伸不利，色夭，脑髓消，脏疾，耳数鸣；血脱者，色白，夭然不泽，其脉空虚，此其候也。黄帝曰：六气者，贵贱何如？岐伯曰：六气者，各有部主也，其贵贱善恶，可为常主，然五谷与胃为大海也。

### THIÊN 31: TRƯỜNG VỊ

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Ta mong được nghe về vai trò của lục phủ truyền đi thủy cốc, về sự lớn nhỏ, dài ngắn của Trường Vị, về sự thu nhận thủy cốc nhiều hay ít như thế nào?" [1].

Bá Cao đáp: "Thần xin đáp căn kể về độ dài ngắn, xa gần, sâu cạn của con đường mà thủy cốc nhập vào, đưa ra[2]. Từ môi đến răng dài 9 phân, miệng rộng 2 thốn rưỡi, từ răng lui ra sau đến hội yếm sâu 3 thốn rưỡi, chứa đựng được 5 hớp, lưỡi nặng 10 lượng, dài 7 thốn, rộng 2 thốn rưỡi, của cuống họng nặng 10 lượng, rộng 2 thốn rưỡi, kéo dài đến Vị dài 1 xích 6 thốn[3]. Vị có hình dáng uốn khúc co duỗi dài 2 xích 6

thôn to 1 xích 5 thôn, đường kính 5 thôn, chứa đựng được 3 đấu 5 thăng[4]. Tiểu trường phía sau dựa vào cột sống, quay vòng sang tả uồn khúc xếp lên nhau, chứa những gì sẽ rót vào Hồi trường, bên ngoài nó dựa vào phía trên rún khoanh vòng thành 16 khúc, to 2 thôn rưỡi, đường kính 8 phân 1/3, dài 3 trượng 3 xích[5]. Hồi trường nằm ngay vùng rốn để quay về bên trái, phía ngoài xếp bằng những nếp khum như lá xếp, chứa để xuống dưới, xếp thành 16 khúc, to 4 thôn, đường kính 1 thôn 1/3, dài 2 trượng 1 xích[6], Quảng trường bám dọc theo cột sống và nhận lấy những gì do Hồi trường đưa sang, quay quanh bởi những lá mỡ giăng theo cột sống khắp trên dưới rộng đến 8 thôn, đường kính 2 thôn 2/3, dài 2 xích 8 thôn[7]. Trường và Vị tính từ chỗ vào cho đến chỗ ra dài 6 trượng 4 thôn 4 phân, quanh co uốn khúc thành 32 khúc"[8].

### 灵枢一肠胃第三十一

黄帝问于伯高曰：余愿闻六府传谷者，肠胃之小大长短，受谷之多少奈何？伯高曰：情尽言之，谷所从出入浅深远近长短之度：唇至齿长九分，口广二寸半，齿以后至会厌，深三寸半，大容五合。舌重十两，长七寸，广二寸半。咽门重十两，广一①寸半，至胃长一尺六寸。胃纤曲屈，伸之，长二尺六寸，大一尺五寸，径五寸，大容三斗五升。小肠后附脊，左环圆周迭积，其注于回肠者，外附于脐上，回运环反②十六曲，大二寸半，径八分之少半，长王文二尺。回肠当脐，左环回周叶积而下，回运环反十六曲，大四寸，径一寸寸之少半，长二丈一尺。广肠傅脊，以受回肠，左环叶积③，上下辟，大八寸，径二寸寸之大半，长二尺八寸。肠胃所入至所出，长六丈四寸四分，回曲环反，三十二曲也。

### THIÊN 32: BÌNH NHÂN TUYỆT CỐC

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về con người không ăn trong 7 ngày thì chết, tại sao thế?"[1].

Bá Cao đáp: "Thần xin nói nguyên do: Vị to 1 xích 5 thôn, đường kính 5 thôn, dài 2 xích 6 thôn, co ngang lại, nhận thủy cốc 3 đấu 5 thăng, trong ấy cốc thường lưu lại 2 đấu, thủy 1 cốc 5 thăng thì đầy[2]. Thượng tiêu làm tiết ra khí, xuất ra khí tinh vi, nhẹ nhàng, trơn nhanh[3]. Hạ tiêu đi xuống dưới tưới thấm (Đại và Tiểu) trường[4]. Tiểu trường to 2 thôn rưỡi, đường kính 8 phân 1/3, dài 3 trượng 2 xích, nhận cốc 2 đấu 4 thăng, nhận thủy 6 thăng 3 hợp 2/3[5]. Hồi trường to 4 thôn, đường kính 1 thôn 1/3, dài 2 trượng 1 xích, nhận cốc 1 đấu, thủy 7 thăng rưỡi[6]. Quảng trường to 8 thôn, đường kính 2 thôn 2/3, trường 2 xích 8 thôn, nhận cốc 8 thăng 3 hợp 8 phân 1/8[7]. Độ dài của Trường Vị được 5 trượng 8 xích 4 thôn, nhận thủy cốc 9 đấu 2 thăng 1 hợp 2/3[8]. Đây là con số mà Trường Vị nhận được thủy cốc"[9].

Người bình nhân thì không thế, khi Vị đầy thì Trường rỗng, khi Trường đầy thì Vị rỗng, nhờ sự đầy rỗng thay nhau đó mà khí được lên xuống, ngũ tạng được an định, huyết khí được hòa lợi, tinh thần mới ở yên[10]. Cho nên thần chính là tinh khí của thủy cốc vậy[11]. Vì thế mà trong Trường Vị lúc nào cũng phải lưu giữ cốc 2 đấu, thủy 1 đấu 5 thăng[12]. Người bình nhân cứ mỗi ngày đi đại tiện 2 lần, mỗi lần thoát đi 2 thăng rưỡi, mỗi ngày sẽ là 5 thăng, 7 ngày, 5 lần 7 là 3 đấu 5 thăng, thế là lượng thủy cốc được giữ lại bên trong sẽ cạn[13]. Vì thế nên người bình nhân không ăn uống trong 7 ngày sẽ chết, đó là vì thủy cốc, tinh khí, tân dịch đều cạn rồi vậy"[14].

### 灵枢一平人绝谷第三十二

黄帝曰：愿闻人之不食，七日而死何也？伯高曰：臣访言其故。胃大一尺五寸，①一：元刻本、《甲乙经》、《太素》均作"二"②反；原无此字，据村素》、押乙经）补。③积。原作"脊"，据村素》、拥乙经》改。154径五寸，长二尺六寸，横屈受水谷三斗五升。其中之谷常留二斗，水一斗五升而满，上焦泄气，出其精微，课悍滑疾，下焦下溉诸肠。小肠大二寸半，径八分之少半，长三丈二尺，受谷二斗四升，水六升三合会之大半。回肠大四寸，径一寸寸之少半，长二丈一尺，受谷~斗，水七升半。广肠大八寸，径二寸寸之大半，长二尺八寸，受谷九升三合八分合之一。肠胃之长，凡五丈八尺四寸，受水谷九斗二升一合合之大半，此肠胃所受水谷之数也。平人则不然，胃满则肠虚，肠满则胃虚，更虚更满，故气得上下，五藏安定，血脉和利，精神乃居，故神者，水谷之精气也。故肠胃之中，当留谷二斗，水一斗五升。故平人口再后，后二升半，一日中五升，七日五七三斗五升，而留水谷尽矣。故平人不食饮七日而死者，水谷精气津液皆尽故也。

### THIÊN 33 : HẢI LUẬN

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta đã nghe về phép thích: châm ở phu tử. Điều mà phu tử nói không không tách rời với doanh vệ, huyết khí[1]. Ôi ! Thập nhị kinh mạch, bên trong

thuộc vào tạng phủ, bên ngoài lạc với tứ chi và cốt tiết, phu tử có hợp chúng vào với tứ hải (4 biển) không ?"[2].

Kỳ Bá đáp : "Con người cũng có tứ hải và thập nhị kinh thủy[3]. Các kinh thủy đều chảy rót vào hải, hải có đông tây nam bắc, gọi chung là tứ hải"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Khi ứng với con người thì thế nào ?"[5].

Kỳ Bá đáp : "Con người có Tỳ hải, có Huyết hải, có Khí hải, có Thủy cốc chi hải; Phàm tất cả tứ hải này nhằm ứng với tứ hải (bên ngoài)"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Thật là to rộng thay khi phu tử hợp hóa tứ hải của Nhân Thiên Địa, Ta mong được nghe sự tương ứng đó như thế nào ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Trước hết phải rõ được nơi chốn của Âm Dương, biểu lý, huyết Huỳnh, huyết Du, được vậy thì tứ hải sẽ định"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Định như thế nào ?"[9].

Kỳ Bá đáp : "Vị là biển của Thủy cốc, du huyết của nó lên trên tại huyết Khí Nhai, xuống dưới cho đến huyết Tam Lý[10]. Xung mạch là biển của 12 kinh, du huyết của nó lên trên đến huyết Đại Trữ, xuống dưới đến huyết Cự Hu Thượng và Hạ Liêm[11]. Chiên Trung là biển của khí, du huyết của nó lên trên đến trên dưới huyết Trụ Cốt, phía trước ở tại huyết Nhân Nghênh[12]. Não là biển của tỳ, du huyết của nó lên trên đến huyết ở đỉnh đầu, xuống dưới đến huyết Phong Phủ"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Chúng ta nói đến tứ hải, nhưng có lợi gì, có hại gì, có sinh gì, có bại gì ?"[14].

Kỳ Bá đáp : "Khi nào chúng được thuận thì sinh, bị nghịch thì bại, ta biết cách điều hòa thì lợi, không biết cách điều hòa thì bại"[15].

Hoàng Đế hỏi: "Sự nghịch thuận của tứ hải sẽ thế nào ?"[16].

Kỳ Bá đáp : "Nếu Khí hải hữu dư thì trong lồng ngực khí bị đầy, hơi thở bị phiền loạn, mặt đỏ; nếu Khí hải bất túc thì khí bị thiếu không đủ để nói ra lời[17]. Huyết hải hữu dư làm cho người ta thường tưởng thân mình nhỏ lại, teo hẹp lại, không biết bệnh nơi nào (như thế nào)[18]. Thủy cốc chi hải hữu dư làm cho bụng bị đầy, Thủy cốc chi hải bất túc thì đói nhưng Vị không nhận thức ăn[19]. Tỳ hải hữu dư thì con người nhanh nhẹn, rần rỏi, nhiều sức, tự mình mạnh hơn bình thường, Tỳ hải bất túc thì não bị chuyển, tai ù, cẳng chân bị đau buốt, choáng váng, mắt không trông thấy gì, lười biếng, thích nằm yên"[20].

Hoàng Đế hỏi: "Thế là ta đã nghe được sự thuận nghịch, còn việc điều hòa thì sao ?"[21].

Kỳ Bá đáp : "Nên thâm sát các du huyết (của các đường kinh nói trên) để điều hòa hư thực, đừng phạm đến điều hại[22]. Nếu theo được lẽ thuận thì sức khỏe được phục hồi, nếu nghịch lại thì tất bị thất bại"[23].

Hoàng Đế nói: "Đúng thay ! "[24].

### 灵枢—海论第三十三

黄帝问于岐伯曰：余闻刺法于夫子，夫子之所言，不离于营卫血气。夫十二经脉者，内属于藏府，外络于胶节，夫子乃合之于四海乎？岐伯答曰：人亦有四海、十二经水。经水者，皆注于海，海有东西南北，命曰四海。黄帝曰：以人应之奈何？岐伯曰：人有髓海，有血海，有气海，有水谷之海，凡此四者，以应四海也。黄帝曰：远乎哉，夫子之合人天地四海也，愿闻应之奈何？岐伯答曰：必先明知阴阳表里荣输所在，四海定矣。黄帝曰：定之奈何？岐伯曰：冒者，水谷之海，其输上在气街，下至三里。冲脉者，为十二经之海，其输上在于大抒，不出于巨虚之上下廉；腹中者，为气之海，其输上在于柱骨之上下，前在于人迎；脑为髓之海，其输上在于其盖，下在风府。黄帝曰：凡此四海者，何利何害？何生何败？岐伯曰：很顺着生，得逆者败；知调者利，不知调者害。黄帝曰：四海之逆顺奈何？岐伯曰：气海有余者，气满胸中，说息面赤；气海不足，则气少不足以言。血海有余，则常想其身大，怫然不知其所病；血海不足，亦常想其身小，狹然不知其所病。水谷之海有余，则腹满；水谷之海不足，则饥不受谷食。髓海有余，则轻劲多力，自过其度；髓海不足，则脑转耳鸣，胜癌眩冒，目无所见，懈怠安卧。黄帝曰：余已闻逆顺，调之奈何？岐伯曰：审守其输而调其虚实，无犯其害，顺者得复，逆者必败。黄帝曰：善。

### THIÊN 34: NGŨ LOẠN

Hoàng Đế hỏi: "Kinh mạch có 12, phân biệt bằng ngũ hành, phân chia thành tứ thời, vậy nó bị thất như thế nào để thành loạn ? Nó đặc như thế nào để được trị ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Ngũ hành biến theo thứ tự của nó, bốn mùa thay đổi theo sự phân biệt rõ ràng, khi nào con người sống thuận với ngũ hành và tứ thời thì trị, sống nghịch là loạn"[2].



Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là sống tương thuận ?"[3].

Kỳ Bá đáp : "Con người có 12 kinh mạch là để ứng với 12 nguyệt, 12 nguyệt phân làm tứ thời, tứ thời gồm xuân thu, đông hạ[4]. Khí của chúng khác nhau, khí doanh vệ lại sống nương theo với tứ thời, nếu Âm Dương được hòa, khí thanh và trọc không can phạm vào nhau, như vậy ắt sẽ thuận mà thành trị"[5].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là nghịch và loạn ?"[6].

Kỳ Bá đáp : "Khi mà thanh khí ở tại Âm, còn trọc khí ở tại Dương, doanh khí thuận với mạch còn vệ khí lại nghịch hành, khí thanh và trọc cùng can phạm vào nhau, loạn sẽ xảy ra ở giữa ngực, đó gọi là đại muộn (bút rút lớn)[7]. Cho nên nếu khí loạn ở Tâm thì Tâm sẽ bị phiền, thích yên lặng, cúi đầu núp tránh nơi yên tĩnh[8]. Nếu khí loạn ở Phế sẽ bị hơi suyễn đến cúi ngửa, phải dùng tay ấn lên để thờ[9]. Nếu loạn ở Trường Vị sẽ thành chứng hoắc loạn[10]. Nếu loạn ở cẳng tay và cẳng chân thì sẽ bị chứng tứ chi quyết lãnh[11]. Nếu loạn ở đầu thì sẽ thành chứng quyết nghịch, đầu nặng, mắt hoa, té xuống"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Đối với chứng ngũ loạn, ta có phép châm không ?"[13].

Kỳ Bá đáp : "Nó có con đường đến mà cũng có con đường ra đi, nếu ta biết thâm sát được con đường đi và đến ấy để châm, đó đáng được gọi là phép báu để giữ thân"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng thay ! Ta mong được nghe về cái đạo (con đường ấy)"[15].

Kỳ Bá đáp : "Nếu khí ở tại Tâm, ta thủ huyết Du của kinh thủ Thiếu âm và thủ Tâm chủ[16]. Nếu khí ở tại Phế, ta thủ huyết Huỳnh của kinh thủ Thái âm, huyết Du kinh túc Thiếu âm[16]. Nếu khí ở tại Trường Vị, ta thủ huyết ở kinh túc Thái âm, Dương minh; nếu châm mà tà khí vẫn không xuống, ta thủ huyết Tam Lý[17]. Nếu khí ở tại đầu, ta thủ huyết Thiên Trụ và Đại Trử; nếu không ứng, ta lại thủ huyết Huỳnh và Du của kinh túc Thái dương[18]. Nếu khí ở tại tay và chân thì trước hết nên châm xuất huyết ở các huyết lạc, sau đó thủ huyết Huỳnh và Du của kinh (thủ túc) Dương minh và Thiếu dương"[19].

Hoàng Đế hỏi: "Việc bỏ tả phải thế nào ?"[20].

Kỳ Bá đáp : "Châm vào chậm, rút ra chậm, gọi là dẫn dắt khí, việc bỏ tả vốn vô hình cho nên tất cả đều nhằm bảo vệ cho được cái tinh khí, chứ không phải các trường hợp châm trị đối với hữu du và bất túc khác, mà chỉ cần dẫn dắt khí đang nghịch nhau (trở lại hòa hoãn nhau) mà thôi"[21].

Hoàng Đế nói: "Xứng đáng thay cho cái Đạo (y) ! Rõ ràng thay cho những lời lập luận (của y), Ta mong nội dung trên được ghi vào Ngọc bản gọi tên là Trị Loạn"[22].

#### 灵枢—五乱第三十四

**黄帝曰：**经脉十二者，别为五行，分为四时，何失而乱？何得而治？岐伯曰：五<sup>155</sup>行有序，四时有分，相顺则治，相逆则乱。黄帝曰：何谓相顺？岐伯曰：经脉十二者，以应十二月。十二月者，分为四时。四时者，春夏秋冬夏，其气各异，营卫相随，阴阳已和，清浊不相干，如是则顺之而治。黄帝曰：何谓逆而科岐伯曰：清气在阴，浊气在阳，营气顺脉，卫气逆行，清浊相干，乱于胸中，是谓大优。故气乱于心，则烦心密嘿，俯首静伏；乱于肺，则俯仰喘喝，接手以呼；乱于肠胃，则为霍乱；乱手臂胜，则为四厥；乱于头，则为厥逆，头重眩仆。黄帝曰：五乱者，刺之有道乎？岐伯曰：有道以来，有道以去，审知其道，是调身宝。黄帝曰：善。愿闻其道。岐伯曰：**气在于心者，取之手少阴、心主之输。**气在于肺者，取之手大阴荣、足少阴输。气在于肠胃者，取之足太阴、阳明；不下者，取之三里。气在于头者，取之天柱、大椎；不知，取足太阳荣输。气在手臂足，取之先去血脉，后取其阳明、少阳之荣输。黄帝曰：补泻奈何？岐伯曰：徐入徐出，谓之导气，补泻无形，谓之同精，是非有余不足也，乱气之相逆也。黄帝曰：允乎能道，明乎哉论，请著之五版，命曰治乱也。

#### THIÊN 35: TRƯỜNG LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Mạch ứng với Thốn khẩu, như thế nào mới là mạch của bệnh trường ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Mạch của Thốn khẩu đại kiên đến sắc, đó là thuộc mạch của bệnh trường"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào biết được chứng trường của tạng hay phủ ?"[3].

Kỳ Bá đáp : "Âm thuộc tạng, Dương thuộc phủ"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Ôi ! Khí làm cho con người bị trường, nó ở trong huyết mạch ư ? Ở bên trong tạng phủ ư ?"[5].

Kỳ Bá đáp : "Cả 3 đều có, tuy nhiên chúng vẫn không phải là nơi ở của bệnh trường"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về chỗ ở của bệnh trưởng"[7].

Kỳ Bá đáp : "Ôi ! Bệnh trưởng nằm ở bên ngoài của tạng phủ, dọc theo tạng phủ nhưng lại nở rộng ở vùng ngực và hông sườn, làm trưởng ở bì phu, cho nên gọi tên là trưởng"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Tạng phủ nằm bên trong lồng ngực, hông sườn, trong bụng, ví như những chiếc hộp tầng giữ những vật quý báu vậy, chúng đều có chỗ ở theo thứ lớp, khác tên nhau, nhưng lại cùng ở một nơi, một vùng, khí của mỗi tạng phủ đều phát ra những chứng trạng khác nhau, ta mong được giải thích về vấn đề trên"[9].

Hoàng Đế nói: "Ta chưa hiểu được ý của phu tử, xin hỏi tiếp"[10].

Kỳ Bá đáp : "Ôi ! Ngực và bụng là cái quách bên ngoài của tạng phủ[11]. Chiên Trung là cung thành của Tâm chủ[12]. Vị là cái kho lớn[13]. Yết hầu và Tiểu trường có nhiệm vụ truyền đưa[14]. Ngũ khiếu của Vị đóng vai cổng, hèm, cửa lớn, cửa nhỏ[15]. Huyết Liêm Tuyên và Ngọc Anh là con đường đi của tân dịch[16]. Cho nên ngũ tạng và lục phủ đều có các bờ bên (giới hạn) của nó và do đó bệnh của nó cũng có những hình trạng riêng mình[17]. Doanh khí tuần hành theo mạch, vệ khí nghịch gây thành chứng mạch trưởng[18]. Vệ khí nhập chung lại với mạch, tuần hành theo vùng phận nhục gây thành chứng phu trưởng[19]. Nên thủ huyết Tam Lý để tả, (tả khí) ở cận châm 1 lần, ở xa (sâu) châm 3 lần, không đặt vấn đề hư thực, cái khéo là mau mau châm tả"[20].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về hình trạng của bệnh trưởng"[21].

Kỳ Bá đáp : "Ôi ! Bệnh Tâm trưởng làm cho Tâm phiền, hơi thở ngắn, nằm không yên[22]. Bệnh Phế trưởng làm cho người hu mà đầy, suyễn ho[23]. Bệnh Can trưởng làm cho dưới hông sườn bị đầy mà đau, dẫn xuống đến vùng thiếu phúc[24]. Bệnh Tỳ trưởng làm cho hay bị ói, tay chân phiền muộn, nặng nề, không mặc được quần áo, nằm không yên[25]. Bệnh Thận trưởng làm cho bụng bị đầy lan ra vùng lưng, đau từ thắt lưng đến vùng xương đùi[26]. Lục phủ trưởng: chứng Vị trưởng làm cho bụng bị đầy, Vị hoãn đau, mũi nghe mùi khét, hơi thối, làm ảnh hưởng đến việc ăn uống, đại tiện khó khăn[27]. Chứng đại trường trưởng làm cho sôi ruột mà đau, tiếng kêu rồn rột, nếu mùa đông mà bị trúng cảm bởi hàn khí thì sẽ bị chứng xông tiết, ăn không tiêu hóa[28]. Chứng Tiểu trường trưởng làm cho vùng thiếu phúc bị sung trưởng, đau dẫn đến vùng thắt lưng[29]. Chứng Bàng quang trưởng làm cho vùng thiếu phúc bị đầy và khí làm cho tiểu tiện bị bí[30]. Chứng Tam tiêu trưởng làm cho khí bị đầy ở trong khoảng bì phu, đáng mềm mại mà không cứng[31]. Chứng Đờm trưởng làm cho dưới hông sườn bị trưởng, trong miệng bị đắng, dễ bị thờ mạnh[32].

Phàm tất cả các chứng trưởng trên, con đường đưa đến chỉ là một mà thôi, nếu ta rõ được những điều nghịch và thuận của nó thì việc châm thuật sẽ không bị thất thố [33]. Nếu ta tả hư, bỏ thực thì sẽ làm cho thần khí rời khỏi chỗ của mình, đó là ta đã giúp cho tả khí mà làm mất đi chính khí, chân khí sẽ không còn ổn định, thế là người thầy thuốc vụng về đã làm bại hoại khí huyết, gọi là làm cho yếu mệnh[34]. Nếu ta bỏ hư, tả thực, đó là ta điều hòa làm cho chính khí, chân khí trở lại tràn đầy nơi không huyết của vùng tấu lý, đây mới là người thầy giỏi"[35].

Hoàng Đế hỏi: "Chúng bệnh trưởng sinh ra như thế nào ?"[36].

Kỳ Bá đáp : "Trong thân thể, vệ khí thường theo với mạch, tuần hành theo vùng phận nhục, vận hành có nghịch thuận, Âm Dương cùng nương theo nhau, như thế mới đắc được thiên hòa, khí doanh vệ mới vận hành xuất nhập, thay đổi ngày đêm, ngũ tạng mới ứng với chiếc vòng ngọc chu nhi phục thi, bốn mùa vận hành theo thứ tự, ngũ cốc mới hóa được[37]. Thế nhưng, nếu quyết khí đi xuống dưới, khí doanh vệ không còn lưu hành và ngưng nghỉ không điều hòa, hàn khí nghịch lên trên, chân khí và tả khí cùng đánh nhau, hai khí tranh nhau, bấy giờ mới hợp nhau thành bệnh trưởng"[38].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy ! Nhưng dựa vào đâu để ta có thể biết được quá trình kết hợp thành bệnh trên ?"[39].

Kỳ Bá đáp : "Đó là sự kết hợp giữa tạng phủ và kinh mạch vào với chân khí, cả 3 hợp lại mà thành bệnh"[40].

Hoàng Đế hỏi: "Khi luận về bệnh trưởng, ta không cần hỏi đến hư thực, điều khéo nên làm là mau châm tả, bệnh gần (cận) châm 1 lần, bệnh xa (sâu) châm 3 lần[41]. Nay có trường hợp, ta đã châm đến 3 lần rồi mà bệnh vẫn không bớt, sai lầm ở chỗ nào ?"[42].

Kỳ Bá đáp : "Đây nói về phép châm, phải tấn công được vào vùng nhục hoang và phải trúng vào khí huyết, nếu không châm trúng vào khí huyết sẽ làm cho khí bị bế bên trong, châm không tấn công được vào vùng nhục hoang sẽ làm cho khí không vận hành, tức là châm phốt cận, châm trúng phận nhục, như vậy vệ khí sẽ làm loạn với doanh khí

và Âm Dương cũng rượt đuổi nhau (loạn) [43]. Đối với bệnh trướng, đáng lẽ phải tả lại không châm tả, do đó mà khí không thoát, châm 3 lần nhưng vẫn không thoát, vậy phải thay đổi huyết đạo, khi nào khí thoát mới thôi [44]. Khí không thoát thì châm trở lại, có thể vạn toàn, há có gì lo ngại đâu? [45] Đối với bệnh trướng, tất phải thẩm định cho rõ phép chẩn, nếu đáng phải tả thì châm tả, đáng phải bổ thì châm bổ, ví như tiếng trống ứng với dùi trống, làm sao có thể không bớt được?".

### 灵枢一胀论第三十五

**黄帝曰：脉之应于寸口，如何而胀？岐伯曰：其脉大坚以涩者，胀也。黄帝曰：何以知商府之胀也？岐伯曰：阴为藏，阳为府。黄帝曰：夫气之令人胀也，在于血脉之中耶，藏府之内乎？岐伯曰：王（一云\_字）者皆存焉，然而胀之舍也。黄帝曰：愿闻胀之舍。岐伯曰：夫胀者，皆在于藏府之外，排藏府而郭胸胁，胀皮肤，故命曰胀。黄帝曰：藏府之在胸肋腹里之内也，若匣匾之藏禁器也，各有次舍，异名而同处，一域之中，其气各异，愿闻其故。黄帝曰：未解其意，再问入岐伯曰：夫胸腹，藏府之郭也。膻中者，心主之宫城也。胃者，太仓也。咽喉小肠者，传送也。胃之五窍者，间里门户也。廉泉玉英者，津液之道也。故五藏六府者，各有畔界，其病各有形状。营气循脉，卫气逆为脉胀，卫气并脉，循分为肤胀。三里而泻，近者一下，远者三下，无间虚实，工在疾泻。黄帝曰：愿闻胀形。岐伯曰：夫心胀者，烦心短气，卧不安。肺胀者，虚满而喘咳。肝胀者，胁下满而痛引小腹。脾胀者，善哕，四肢烦说，体重不能胜衣，卧不安。肾胀者，腹满引背央央然，腰辟痛。六府胀：胃胀者，腹满，胃院痛，鼻闻焦臭，妨于食，大便难。大肠胀者，肠鸣而痛准圈，冬日重感于寒，则飧泄不化。小肠胀者，少腹腹胀，引腰而痛。膀胱胀者，少腹满而气在。三焦胀者，气满于皮肤中，轻轻然而①**黄帝曰：未解其意，再问：（太素）、（甲乙经）无此句，疑为行文。156不坚。胆胀者，胁下痛胀，口中苦，善太息。凡此诸胀者，其道在一，明知逆顺，针数不失。泻虚补实，神去其宝，致邪失正，真不可定，粗之所败，谓之夭命。补虚泻实，神归其室，久塞其空，谓之良工。黄帝曰：胀者焉生？何因而有？岐伯曰：卫气之在身也，常然并脉确分肉，行有逆顺，阴阳相随，乃得天和，五藏更始，四时循序，五谷乃化。然后厥气在下，营卫留止，寒气逆上，真邪相攻，两气相搏，乃合为胀也。黄帝曰：善。何以解惑？岐伯曰：合之于真，三合而得。帝曰：善。黄帝问于岐伯曰：胀论言无问虚实，工在疾泻，近者一下，远者王下。今有其三而不下者，其过焉在？岐伯对曰：此言陷于肉盲，而中气穴者也。不中气穴则气内团；针不陌盲，则气不行；上越中肉，则卫气相乱，阴阳相逐。其于胀也，当泻不泻，气故不下，三而不下，必更其道，气下乃止，不下复始，可以万全，乌有殆者乎？其于胀也，必审其队当泻则泻，当补则补，如鼓应样，恶有不下者乎？****

### THIÊN 36: NGŨ LUNG TÂN DỊCH BIỆT LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Thủy cốc nhập vào miệng, chuyên chờ đến Trường Vị, dịch của nó phân thành 5 loại [1]: Trời lạnh mặc áo mỏng sẽ thành nước tiểu và khí [2]. Trời nóng nực sẽ thành mồ hôi [3]. Lúc ta buồn sầu, khí sẽ nhập chung lại thành ra nước mắt [4]. Vùng Trung hoãn bị nhiệt thì Vị khí bị lợi, gây thành nước dãi [5]. Khi tà khí nghịch bên trong thì khí bị bế tắc không vận hành, khí không vận hành thì sẽ thành chứng thủy trướng [6]. Ta biết rất rõ tại sao như vậy, nhưng ta chưa biết từ đâu sinh ra, Ta mong được nghe con đường sinh ra đó" [7].

Kỳ Bá đáp: "Thủy cốc đều nhập vào miệng, Vị của nó gồm có 5 loại, mỗi loại đều chảy rót về biển của nó, tân dịch cũng chạy theo con đường của nó [8]. Cho nên Tam tiêu xuất ra khí nhằm làm ấm phần cơ nhục, sung mãn vùng bì phu, đó là tân, phần lưu lại mà không vận hành gọi là dịch [9].

Trời nóng nực mặc áo dày sẽ làm cho tấu lý khai, mồ hôi sẽ chảy ra, hàn khí sẽ lưu giữ lại trong khoảng phận nhục, tụ thành bọt, gây thành chứng đau nhức [10]. Trời lạnh lẽo thì tấu lý bị bế, khí bị sáp trệ không vận hành, thủy chảy xuống dưới đến Bàng quang thành nước tiểu và khí [11].

... Tân dịch của ngũ cốc, hòa hợp để thành ra chất cao (mỡ), bên trong nó thẩm nhập vào chỗ rỗng của cốt, bổ ích não tủy, sau đó nó chảy xuống [12].

Trong lục phủ ngũ tạng, Tâm đóng vai chủ (vua) [13], tai đóng vai nghe [14], mắt đóng vai nhìn [15], Phế đóng vai phò tá [16], Can đóng vai vị tướng quân [17], Tỳ đóng vai hộ vệ [18], Thận đóng vai chủ bên ngoài [19]. Cho nên, tân dịch của ngũ tạng lục phủ, lên hết bên trên để thẩm vào mắt [20]. Khi Tâm lo buồn thì khí sẽ quện vào nhau, sẽ làm cho Tâm hệ bị cấp, Tâm hệ bị cấp thì Phế nở lên, Phế nở lên thì dịch sẽ tràn ngập lên trên [21]. Ôi ! Tâm hệ và Phế không thể thường bị nở lên, vì nó sẽ chột lên chột xuống và sẽ bị ho rồi nước mắt chảy ra [22]. Vùng Trung (tiêu) nhiệt thì bên trong Vị sẽ tiêu cốc, tiêu cốc thì loại trùng sẽ khuấy động trên dưới, Trường Vị sẽ bị rộng đầy, cho nên Vị bị lợi, Vị bị lợi thì khí nghịch, do đó mà nước dãi chảy ra [23].

Tân dịch của ngũ cốc hòa hợp sẽ thành chất mỡ (cao), bên trong nó thấm vào chỗ rỗng của cốt, bổ ích não tủy, sau đó nó chảy xuống mép trong của đùi[24]. Nếu Âm Dương bất hòa, nó sẽ làm cho dịch tràn ngập để rồi chảy xuống nơi Âm khiếu, tủy và dịch đều giảm và chảy xuống, khi chảy xuống quá độ thì sẽ hư, vì hư cho nên sẽ làm cho thất lung bị đau và cẳng chân bị buốt[25]. Khí đạo của Âm Dương không thông, bốn biển đều bế tắc, Tam tiêu không tiết tả ra được, tân dịch không hóa được, thủy cốc cùng đi chung trong Trường Vị, rời khỏi hồi trường, lưu giữ lại ở Hạ tiêu, không thấm được vào Bàng quang, vì thế mà Hạ tiêu bị trướng, thủy bị tràn ngập sẽ thành chứng thủy trướng[26]. Đây là trường hợp nghịch thuận của 5 dạng tân dịch vậy"[27].

### 灵枢一五涛津液别第三十六

黄帝问于岐伯曰：水谷入于口，输于肠胃，其液别为五。天寒衣薄则为溺与气，天热衣厚则为汗，悲哀气并则为泣，中热胃缓则为唾。邪气内逆，则气为之闭塞而不行，不行则为水胀，余知其然也，不知其何由生，愿闻其道。岐伯曰：水谷皆入于口，其味有五，各注其海，津液各走其道。故三焦出气，以温肌肉，充皮肤，为其律；其流而不行者为液。天暑衣厚则腠理开，故汗出；寒留于分肉之间，聚沫则为痛。天寒由股理团，气湿不行，水本留于膀胱，则为溺与气。五藏六府，心为之主，耳为之听，目为之喉，肺为之相，肝为之将，脾为之卫，肾为之主外。故五藏六府之津液，尽上渗于目，心悲气并则心系急，心系急则肺举，肺举则液上溢。夫心系与肺，不能常举，乍上乍下，故咳而泣出矣。中热则胃中消谷，消谷则虫上下作，肠胃充郭故胃缓，胃缓则气逆，故唾出。五谷之津液，和合而为育者，内渗入于骨空，补益脑髓，而下流于阴股。阴阳不和，则使液溢而下流于阴，违液皆减而下，下过度则虚，虚政腰背痛而胶以阴阳气道不通，四海闭塞，三焦不泻，津液不化，水谷并行肠胃之中，别于回肠，留于下焦，不得渗膀胱，则下焦胀，水溢则为水胀，此津液五别之逆顺也。

### THIÊN 37: NGŨ DUYỆT NGŨ SỨ

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói phép châm phải xét cho được ngũ quan, ngũ duyệt nhằm thấy được ngũ khí[1]. Ngũ khí chính là sứ giả của ngũ tạng, là nơi phối hợp với ngũ thời, Ta mong được nghe về vai trò của ngũ sứ xuất hiện như thế nào?"[2].

Kỳ Bá đáp: "Ngũ quan là nơi biểu hiện bề ngoài của ngũ tạng"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe nó phải xuất hiện như thế nào để gọi được là thường?"[4].

Kỳ Bá đáp: "Mạch xuất hiện nơi Khí khẩu, sắc hiện ra ở Minh đường, ngũ sắc xuất hiện thay đổi nhằm ứng với ngũ thời đúng với mỗi vai trò thường của chúng[5]. Kinh khí nhập vào tạng, ta phải trị ở bên trong"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy! Phải chăng chỉ có ngũ sắc là quyết biểu hiện rõ được trên Minh đường?"[7].

Kỳ Bá đáp: "Ngũ quan đã làm phân biệt được ( gương mặt), phần Khuyết đình đã phân bày ra rõ ràng làm nổi bật được Minh đường (mũi)[8]. Minh đường to rộng, vùng phần tế hiện rõ ra ngoài, vành tai vuông dựng cao lên như bức tường có nền chắc chắn, tất cả đều thoáng, rộng[9]. Nếu ngũ sắc không loạn (bình), (thở cơ) bằng phẳng, rộng rãi, người ấy sẽ sống thọ đến trăm tuổi[10]. Gặp được người như vậy, châm rất là kết quả, bởi vì những người này huyết khí có dư, cơ nhục rắn và kín đáo, vì thế có thể khuyên họ nên châm (để chữa bệnh)[11].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về ngũ quan"[12].

Kỳ Bá đáp: "Mũi là quan của Phế, mắt là quan của Can, miệng và môi là quan của Tỳ, lưỡi là quan của Tâm, tai là quan của Thận"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Dựa vào những quan này biểu lộ được gì?"[14].

Kỳ Bá đáp: "Chúng biểu lộ được khí của ngũ tạng[15]. Cho nên, Phế bệnh thì suyễn tức mũi phồng lên[16], Can bệnh thì mí mắt xanh[17], Tỳ bệnh thì môi vàng[18], Tâm bệnh thì lưỡi bị cuốn ngắn lại, lưỡng quyền đỏ lên[19], Thận bệnh thì quyền và má bị đen"[20].

Hoàng Đế hỏi: "Ngũ mạch xuất hiện 1 cách an nhiên (không việc gì xảy ra), ngũ sắc xuất hiện 1 cách an nhiên, (có người) sắc vẫn bình thường mà vẫn nguy là tại sao?"[21].

Kỳ Bá đáp: "Ngũ quan không tỏ, khuyết và đình không rộng, vùng Minh đường nhỏ, phần phần tế không rõ, phần tường cơ thấp, dưới chân tường không có nền tảng, dải tai và vành tai vành ra ngoài, người như thế, tuy trong lúc sống bình thường mà cũng đã nguy rồi, hưởng gì thêm bị bệnh tật nữa!"[22].

Hoàng Đế hỏi: "Ngũ sắc hiện ra nơi Minh đường nhằm xét được khí của ngũ tạng, phần trái phải, cao thấp có bộc lộ được sự tương ứng về hình dạng không?"[23].  
Kỳ Bá đáp: "Phủ tạng nằm bên trong con người, mỗi tạng phủ đều nằm theo thứ lớp của mình, trái phải, cao thấp đều theo đúng với mức độ của mình"[24].

### 灵枢—五阅五使第三十七

黄帝问于岐伯曰：余闻刺有五阅五气，以观五气。五气者，五藏之使也，五时之副也。愿闻其五使当安出？岐伯曰：五官者，五藏之阅也。黄帝曰：愿闻其所出，令157可为常。岐伯曰：脉出于气口，色见于明堂，五色更出，以应五时，各如其常，经气入藏，必当治里。帝曰：善。五色独决于明堂乎？岐伯曰：五官已辨，闾庭必张，乃立明堂。明堂广大，善蔽见外，方壁高基。引垂居外，五色乃治，平搏广大，寿中百岁。见此者，刺之必已，如是之人者，血气有余，肌肉坚致，故可苦以外。黄帝曰：愿闻五官。岐伯曰：鼻者，肺之官也；目者，肝之官也；口唇者，脾之官也；舌者，心之官也；耳者，肾之富也。黄帝曰：以官何候？岐伯曰：以候五藏。政肺病者，喘息星张①；肝病者，眦青；脾病者，唇黄；心病者，舌卷短，颧赤；肾病者，颧与颜黑。黄帝曰：五脉安出，五色安见，其常色殆者如何？岐伯曰：五官不辨，闾庭不张，小其明堂，善蔽不见，又神其墙，墙下无基，垂角去外，如是者，虽平常殆，况加疾哉。黄帝曰：五色之见于明堂，以观五藏之气，左右高下，各有形乎？岐伯曰：府藏之在中也，各以次舍，左右上下，各如其度也。

### THIÊN 38: NGHỊCH THUẬN PHÌ SẦU

Hoàng Đế hỏi: "Ta được nghe thầy nói về phép châm, nghe rất nhiều và rất rõ ràng, Đạo của thầy dường như ứng với tùy lúc, tức là u ẩn xa xôi mà lại đáng tin, chứ không phải là một cái gì đó rất vững chãi, rõ ràng, đây là nhờ vào việc học và hỏi 1 cách thuần thực mới biết hay là nhờ vào thẩm sát vạn vật mà Tâm mình sinh ra biết được?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Thánh nhân thực hiện cái Đạo của mình, trên hợp với Thiên, dưới hợp với Địa, giữa hợp với nhân sự, tất cả đều phải có cái phép rõ ràng, nhằm dựng lên cái đồ sù, nhằm kiểm tra cái pháp thức, nhờ vậy sau mới có thể truyền lại cho đời sau[2]. Vì thế, người thợ không thể vất bỏ cái thước đo xích thốn để mà ước đoán vật ngắn dài, không thể bỏ sợi dây mực mà tính được mực nước, người làm công không thể để yên cây thước tròn mà vẽ nên vòng tròn, không thể rút cây thước vuông mà vẽ được góc vuông[3]. Nếu ta biết cách dùng những loại dụng cụ này sẽ xử lý 1 cách vững vàng vạn vật trong tự nhiên, nếu ta áp dụng cách truyền dạy dễ dàng, ta sẽ biết cái lẽ thường của việc nghịch thuận"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về vấn đề tự nhiên như thế nào?"[5].

Kỳ Bá đáp: "Xuống dưới chỗ sâu để khai nước, không cần phải dùng công lực mà nước dễ cạn, nước theo hang động để mà khai đường thì dễ thông với mạch nước, đây ý nói về sự hoạt sáp của khí, sự thanh trọc của huyết, sự thuận nghịch của đường vận hành vậy"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về màu da trắng đen, dáng mập gầy, nhỏ lớn, mỗi dạng người như vậy, phép châm có theo 1 độ số nào không?"[7].

Kỳ Bá đáp: "Những người ở vào lứa tuổi tráng đại (mạnh khỏe, to), huyết khí họ sung mãn, tràn đầy, da dẻ vững chắc, nhân lúc nào đó bị tà khí tấn công, châm những người này phải châm sâu và lưu kim sâu[8]. Đối với những loại người mập béo, vai nách rộng, phần nhục ở cổ gáy mỏng, da dẻ mà sẫm đen, môi dày lên, huyết sẫm đen mà trọc, khí sẫm mà trì, những người này có cuộc sống tham lam, thích lấy chiếm vật cho mình, châm những người này phải châm kim sâu và lưu kim lâu, châm nhiều lần"[9].

Hoàng Đế hỏi: "Châm người gầy phải thế nào?"[10].

Kỳ Bá đáp: "Người gầy thì da mỏng, sắc kém, cơ nhục gầy tong teo, môi mỏng tiếng nói nhỏ, huyết họ thanh, khí họ hoạt, dễ thoát khí, dễ tổn huyết, Châm những người này phải châm cạn mà nhanh"[11].

Hoàng Đế hỏi: "Châm người bình thường như thế nào?"[12].

Kỳ Bá đáp: "Nên xem xét màu sắc trắng hay đen để mà áp dụng châm cho mỗi trường hợp[13]. Riêng người đoan chính, đôn hậu, huyết khí của họ hòa điệu, châm những người này phải theo lẽ thường số"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Châm cho những bậc tráng sĩ, cốt khí của họ chân, cơ nhục họ rắn chắc, bàn tay chân họ thu thả, dáng người đông đặc, những loại người này, nếu thuộc về dạng trầm nặng thì khí sẫm và huyết trọc, châm phải sâu và lưu kim lâu, tăng thêm mức độ

châm; nếu thuộc về dạng nhẹ nhàng thì khí hoạt, huyết thanh, châm phải cạy rút kim nhanh"[15].

Hoàng Đế hỏi: "Châm trẻ nhỏ như thế nào?"[16].

Kỳ Bá đáp: "Trẻ nhỏ thì cơ nhục mềm, huyết ít, khí nhược, châm cho chúng phải dùng hào châm, châm cạy mà nhanh, mỗi ngày châm 2 lần cũng được"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Châm theo cách gọi là 'lâm thâm quyết thủy' phải thế nào?"[18].

Kỳ Bá đáp: "Người mà huyết thanh khí trọc, nếu châm tả nhanh sẽ làm cho khí bị kiệt"[19].

Hoàng Đế hỏi: "Châm theo cách gọi là 'tuần quật quyết xung' phải thế nào?"[20].

Kỳ Bá đáp: "Người mà huyết trọc khí sắc, nếu châm tả nhanh thì kinh có thể thông"[21].

Hoàng Đế hỏi: "Mạch vận hành theo nghịch thuận như thế nào?"[22].

Kỳ Bá đáp: "Tam Âm của Thủ đi từ tạng ra đến tay, Tam Dương của Thủ đi từ Thủ lên đến đầu, Tam Dương của Túc đi từ đầu xuống chân, Tam Âm của Túc đi từ Túc lên bụng"[23].

Hoàng Đế hỏi: "Chỉ riêng mạch túc Thiếu âm có đoạn đi xuống, tại sao thế?"[24].

Kỳ Bá đáp: "Không phải vậy! Ôi! Xung mạch là biển của ngũ tạng lục phủ, ngũ tạng lục phủ đều bầm thụ khí nơi mạch này[25]. Khi đi lên trên, nó xuất ra ở kháng táng, làm ướt các kinh Dương, tưới thấm các kinh tinh (âm)[26]. Khi đi xuống, nó rót vào huyết Đại lạc của kinh Thiếu âm, rồi xuất ra ở huyết Khí nhai, tuần hành theo mép trong của đùi trên, nhập vào kheo chân, nó lại đi chìm vào trong xương đùi đến sau mắt cá trong, thuộc vào đây[27]. Một chi biệt đi xuống cùng với kinh Thiếu âm, tưới thấm các kinh của tam Âm[28]. Ở phía trước, một đường đi chìm vào trong bàn chân, dọc theo bàn chân, nhập vào khoảng giữa ngón cái, nhằm tưới thấm các lạc mạch và làm ẩm cơ nhục[29]. Cho nên khi biệt lạc này bị kết thì mạch ở bàn chân bất động, bất động thì bị quyết, bị hàn"[30].

Hoàng Đế hỏi: "Ta lấy gì để phân biệt?"[31].

Kỳ Bá đáp: "Ta dùng ngũ quan để dẫn dắt, ta thiết (mạch) để nghiệm lại, nếu không phải là (biệt lạc về bị kết) thì (mạch) tất sẽ động, nhờ vậy mà ta biết được rõ về lẽ nghịch thuận"[32].

Hoàng Đế nói: "Thật khó khăn thay cho bậc Thánh nhân trong khi hành đạo, nó sáng tỏ như vàng nhật nguyệt, nó tế vi từng hào, từng ly, nếu không phải là người như phu tử, ai có thể hiểu biết và trình bày như vậy được!"[33].

### 灵枢—逆顺肥瘦第三十八

黄问于岐伯曰：余闻针道于夫子，众多毕悉矣，夫子之道，应若失而据，未有坚然者也。夫子之间学熟乎，将审察于物而心生之乎？岐伯曰：圣人之为道者，上合于天，下合于地，中合于人事，必有明法，以起度数，法式检押，乃后可传焉。故匠人不能释尺寸而意短长，废绳墨而起平木也，工人不能置规而为圆，去矩而为方。知用此者，固自然之物，易用之教逆顺之常也。黄帝曰：愿闻自然奈侧岐伯曰：临深决水，不用功力，而水可竭也，循掘决冲，而经可通也。此言气之清涩，血之清浊，行之逆顺也。黄帝曰：愿闻人之白黑肥瘦小长，各有数乎？岐伯曰：年质壮大，血气充盈，肤革坚固，因加以邪，刺此者，深而留之，此肥人也。广肩脑项，肉薄厚度而黑色，唇临临然，其血黑以浊，其气涩以迟，其为人也，贪于取与，刺此者，深而留之，多益其数也。黄帝曰：刺瘦人奈何？岐伯曰：瘦人者，皮薄色少，肉廉廉然，薄唇轻言，其血清气滑，易脱于气，易损于血，刺此看，浅而疾之。黄帝曰：刺常人奈何？妨伯曰：视其白黑，各为调之，其端正敦厚者，其血气和调，刺此者，无失常数也。黄帝曰：刺壮士真骨者奈何？岐伯曰：刺壮士真骨，坚肉缓节监监然，此人重则气温血浊，利此者，深而留之，多益共数；劲则气滑血清，刺此者，浅而疾之。①张；原悵'胀"，据胡本、熊本、周本、统本、金陵本、藏本、日抄本、日刻本周甲乙经)改。158黄帝曰：刺婴儿奈何？岐伯曰：婴儿者，其肉脆，血少气弱，刺此考，以毫①针②，浅刺而疾发计，日再可也。黄帝曰：临深决水奈何？岐伯曰：血清气浊，疾泻之，则气竭焉。黄帝曰：循掘决冲奈何？岐伯曰：血浊气涩，疾泻之，则经可通也。黄帝曰：脉行之逆顺奈何？岐伯曰：手之三阴，从藏走手；手之三阳，从手走头。足之三阳，从头走足；足之三阴，从足走腹。黄帝曰：少阴之脉独下行何做岐伯曰：不然。夫冲脉者，五藏六府之海也，五藏六府皆禀焉。其上者，出于顽领，渗诸阳，灌诸精；其下者，注少阻之大络，出于气街，循阴股内廉，入脑中，伏行髀骨内，下至内踝之后属而别；其下者，并于少阴之经，渗三阴；其前者，伏行出附属，下循跗人大指间，渗诸络而温肌肉。故别络结则附上不动，不动则厥，厥则寒矣。黄帝曰：何以明之？岐伯曰：以言导之，切而验之，其非必动，然后乃可明逆顺之行也。

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về kỳ tà (tức bệnh) không ở tại kinh, thể nghĩa là gì?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Đó chính là do huyết lạc vậy"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Có khi châm các huyết lạc mà người bệnh bị té nhào, tại sao vậy?"[2]  
Châm xong huyết xuất ra có giọt bắn ra, tại sao vậy?"[3]. Châm mà huyết ra ít nhưng đen mà dơ (trọc bẩn), tại sao vậy?"[4]. Châm mà huyết ra trong, hơn phân nửa lại như chất trấp, tại sao vậy?"[5]. Vừa mới châm là nơi châm bị sưng thũng lên, tại sao vậy?"[6]. Châm mà huyết xuất ra lúc nhiều lúc ít, trong lúc đó sắc mặt lạnh xanh ngắt lên, tại sao vậy?"[7]. Châm xong, sắc mặt không thay đổi nhưng trong lòng bị bứt rứt, tại sao vậy?"[8]. Châm vào ra máu nhiều nhưng người bệnh không bị lão đảo, tại sao vậy?, Ta mong được nghe về tất cả những nguyên nhân ấy"[9].

Kỳ Bá đáp: "Người nào mạch khí mạnh mà huyết hư, khi châm họ sẽ bị thoát khí, bị thoát khí thì sẽ té nhào[10]. Khi nào huyết và khí đều thịnh nhưng Âm khí nhiều hơn thì huyết trơn hoạt hơn, nếu châm vào thì máu sẽ phun ra[11]. Khi nào Dương khí súc tích lâu ngày, nó lưu lại mà không được tả ra, huyết sẽ đen và dơ, do đó mà không thể phụt ra[12]. Nếu vừa uống nước vào, chất dịch sẽ thấm vào đến các lạc mạch nhưng chưa hòa hợp được với huyết, cho nên huyết ra sẽ phân biệt giữa nước và trấp, nếu như không phải do mới uống nước mà do trong người có sẵn nước, lâu ngày sẽ thành chứng thũng[13]. Khi nào Âm khí tích ở trong Dương khí, khí này sẽ đi vào các lạc mạch, cho nên khi châm vào, huyết chưa ra thì khí đã ra trước sẽ gây thành chứng sưng thũng lên[14]. Khi nào khí Âm Dương vừa mới đến với nhau nhưng chưa kịp hòa hợp nhau, lúc bấy giờ nếu chúng ta châm tả sẽ làm cho cả Âm Dương đều thoát, biểu lý cùng rời nhau, do đó mà thoát sắc và sắc mặt sẽ xanh ngắt lên[15]. Khi nào châm vào huyết ra nhiều, sắc mặt không biến đổi nhưng lòng phiền muộn, đó là do ta châm vào lạc mạch mà làm hu đến kinh mạch, khi mà kinh bị hu thuộc về Âm, Âm sẽ thoát và ta bị bứt rứt"[16]. Âm Dương tương đắc với nhau rồi hợp lại thành chứng Tý, đây là trường hợp bên trong thì tràn vào kinh, bên ngoài rót vào lạc, như vậy, Âm Dương đều hữu dư, cho nên dù có xuất huyết nhiều, cũng không làm cho khí hư được"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Phải nhìn dấu vết như thế nào?"[18].

Kỳ Bá đáp: "Huyết ở mạch thịnh và cứng lên nằm ngang dọc, màu đỏ trên dưới không nhất định nơi nào, vết nào nhỏ thì như cây kim, vết nào lớn thì như sợi gân, nếu được châm tả đi thì thật là vạn toàn[19]. Cho nên, không nên châm sai với độ số (con đường xuất nhập của huyết mạch), tức là sai đi cái độ số, tức là làm nghịch với phép châm, vậy chỉ nên châm tương ứng với độ số của đường xuất nhập của kinh mạch"[20].

Hoàng Đế hỏi: "Khi châm kim vào thì cơ nhục như bị cứng làm cho kim khó xoay trở, tại sao vậy?"[21].

Kỳ Bá đáp: "Nhiệt khí bám vào kim làm cho kim cũng bị nhiệt, nhiệt thì sẽ làm cho cơ nhục bị rít vào kim, cứng lại"[22].

### 灵枢—血结论第三十九

**黄帝曰：愿闻其苛邪而不在经者。岐伯曰：血络是也。黄帝曰：刺血络而仆者，何也？血出而射者，何也？血少黑而浊者，何也？血出清而半为汁者，何也？发针而肿者，何也？血出若多若少而面色苍苍者，何也？发针而面色不变而烦悦者，何也？多出血而不动摇者，何也？愿闻其故。岐伯曰：脉气盛而血虚者，刺之则脱气，脱气则仆。血气俱盛而阴气多者，其血滑，刺之则射；阳气畜积，久富而下泻者，其血黑以浊，故不能射。新饮而液渗于络；而未合和于血也，故血出而汁别焉；其不新饮者，身中有水，久则为肿。阴气积于阳，其气因于络，故刺之，血未出而气先行，故肿。阴阳之气，其新相得而未和合，因而泻之，由阴阳俱脱，表里相离，故脱色而苍苍然。刺之血出多，色不变而烦税者，刺络而虚经，虚经之属于明者，阴脱，故烦悦。阴阳相得而合为痹者，此为内溢于经，外注于络，如是者，阴阳俱有余，虽多出血而弗能虚也。黄帝曰：相之奈何？岐伯曰：血脉者，盛坚横以赤，上下无常处，小者如针。大者如筋，则而泻之万全也，故无失数矣；失数而反，各如其度。黄帝曰：针入而肉著者，何也？岐伯曰：热气因于针则针热，热则肉著于针，故坚焉。**

### THIÊN 40: ÂM DƯƠNG THANH TRỌC LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe con người có 12 kinh mạch nhằm ứng với 12 kinh thủy, biểu hiện của ngũ sắc đều khác nhau, khí thanh trọc không giống nhau, nếu như huyết và khí được hiểu là một thì sự ứng nhau sẽ thế nào?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Huyết khí của con người, nếu có thể hợp nhất làm một thì thiên hạ sẽ cùng hợp nhất, làm gì có loạn xảy ra?"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về một con người thôi, chứ ta không hỏi mọi người trong thiên hạ"[3].

Kỳ Bá đáp: "Ôi! Một con người nào đó cũng có loạn khí, mọi người trong thiên hạ cũng có loạn nhân, cái lý giữa loạn khí và loạn nhân có thể hợp làm một"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về khí thanh trọc của con người"[5].

Kỳ Bá đáp: "Khí của con người thụ nhận ở cốc khí, đó là trọc, thụ nhận ở Thiên khí, đó là thanh[6]. Khí thanh rót vào Âm, khí trọc rót vào Dương[7]. Khí trọc theo với thanh để lên trên, xuất ra nơi cổ họng (yết), khí thanh theo với trọc sẽ đi xuống phía dưới[8]. Thanh và trọc can dự vào nhau, gọi là loạn khí"[9].

Hoàng Đế hỏi: "Ôi! Âm thì thanh, Dương thì trọc, trong trọc có thanh, trong thanh có trọc, làm thế nào để phân biệt được đâu là thanh trọc?"[10].

Kỳ Bá đáp: "Sự phân biệt đại khái của khí, đó là thanh khí lên trên rót vào Phế, trọc khí chạy xuống đến Vị[11]. Thanh khí của Vị lên trên xuất ra ở miệng, trọc khí của Phế xuống dưới rót vào kinh, bên trong nó tích vào biển"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Các kinh Dương đều trọc, nhưng kinh nào là trọc nhất?"[13].

Kỳ Bá đáp: "Kinh thủ Thái dương một mình thụ nhận trọc khí của Dương, kinh thủ Thái âm một mình thụ nhận thanh khí của Âm[14]. Thanh khí lên trên chạy ra không thiếu, trọc khí đi xuống dưới đến các kinh[15]. Các kinh Âm đều thanh, duy kinh túc Thái âm một mình nhận lấy trọc khí"[16].

Hoàng Đế hỏi: "Phép trị phải thế nào?"[17].

Kỳ Bá đáp: "Khí của thanh khí thì hoạt (trơn), khí của trọc khí thì sắc rít, đó lẽ thường của khí, cho nên, nếu châm Âm khí thì châm sâu mà lưu kim lâu, nếu châm Dương khí thì châm cạn mà rút kim ra nhanh[18]. Khi nào khí thanh và trọc cùng can dự vào nhau thì tính theo đường số (tùy thuộc vào sự xuất nhập của khí huyết) mà điều hòa"[19].

#### 灵枢—阴阳清浊第四十

黄帝曰：余闻十二经脉，以应十二经水者，其五色各异，清浊不同，人之血气若一，应之奈何？唯伯曰：人之血气，苟能若一，则天下为一矣，恶有乱者乎？黄帝曰：余间一人，非问天下之众。岐伯曰：夫一人者，亦有乱气，天下之众，亦有乱人，其合为一耳。黄帝曰：愿闻人气之清浊。岐伯曰：受谷者浊，受气者清。清者注阴，浊者注阳。浊而清者，上出于咽；清而法者，则下行。清浊相干，命曰乱气。黄帝曰：夫阴清而阳浊，浊者有清，清者有浊，清浊别之奈何？岐伯曰：气之大别，清者上注于肺，浊者下走于胃。胃之清气，上出于口；肺之浊气，下注于经，内积于海。黄帝曰：诸阳皆浊，何阳浊①甚乎？妨伯曰：手太阳独受阳之浊，手太阴独受阴之清，其清者上走空窍，其浊者下行话经。诸阴皆清，足太阳独受其浊。黄帝曰：治之奈何？妨伯曰：清者其气溶，浊者其气涩，此气之常也。故刺阴者，深而留之；刺阳者，钱而疾之；清浊相干②者，以数调之也。

#### THIÊN 41: ÂM DƯƠNG HỆ NHẬT NGUYỆT LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói Thiên thuộc Dương, Địa thuộc Âm, Nhật thuộc Dương, Nguyệt thuộc Âm, những điều nói trên hợp với con người như thế nào?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Từ thất lung trở lên thuộc Thiên, từ thất lung trở xuống thuộc Địa, cho nên Thiên thuộc Dương, Địa thuộc Âm, cho nên 12 kinh mạch của Túc nhằm ứng với 12 nguyệt[2]. Nguyệt sinh ra từ thủy, cho nên bên dưới thuộc Âm, 10 ngón tay thuộc Thủ nhằm ứng với 10 nhật, nhật chủ về Hỏa, cho nên bên trên thuộc Dương"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Khi nó hợp với kinh mạch của Thủ Túc thì thế nào?"[4].

Kỳ Bá đáp: "Tháng Dần là tháng sinh Dương của chính nguyệt (tháng giêng), chủ về Thiếu Dương của tả túc, tháng Vị (mùi) là tháng 6 chủ Thiếu dương của hữu túc, tháng Mão là tháng 2 chủ Thái dương của tả túc, tháng Ngọ là tháng 5 chủ Thái dương của hữu túc, tháng Thìn là tháng 3 chủ Dương minh của tả túc, tháng Tỵ là tháng 4 chủ Dương minh của hữu túc; đây là lúc lưỡng Dương hợp nhau ở phía trước, vì thế gọi là Dương minh[5].

Tháng Thân là tháng 7 chủ Thiếu âm của hữu túc, đây là tháng sinh Âm, tháng Sửu là tháng 12 chủ Thiếu âm của tả túc, tháng Dậu là tháng 8 chủ Thái âm của hữu túc, tháng Tý là tháng 11 chủ Thái âm của tả túc, tháng Tuất là tháng 9 chủ Quyết âm của hữu túc, tháng Hợi là tháng 10 chủ Quyết âm của tả túc; đây là lưỡng Âm giao ở tận, cho nên gọi là Quyết âm[6].

Giáp chủ Thiếu Dương của tả thủ, Kỷ chủ Thiếu Dương của hữu thủ, Ất chủ Thái dương của tả thủ, Mậu chủ Thái dương của hữu thủ, Bính chủ Dương minh của tả thủ, Đinh chủ



Dương minh của hữu thủ, đây là giai đoạn của lưỡng Hòa cùng hợp chung nhau, cho nên gọi là Dương minh[7].

Canh chủ Thiếu âm của hữu thủ, Quý chủ Thiếu âm của tả thủ, Tân chủ Thái âm của hữu thủ, Nhâm chủ Thái âm của tả thủ [8].

Cho nên Dương của Túc thuộc về Thiếu dương trong Âm, Âm của Túc thuộc về Thái âm trong Âm, Dương của Thủ thuộc Thái dương trong Dương, Âm của Thủ thuộc về Thiếu âm trong Dương[9]. Từ thất lung trở lên thuộc Dương, từ thất lung trở xuống thuộc Âm[10].

... Đối với ngũ tạng, Tâm thuộc Thái Dương trong Dương, Phế thuộc Thiếu âm trong Dương, Can thuộc Thiếu dương trong Âm, Tỳ thuộc Chí âm trong âm, Thận thuộc Thái âm trong Âm"[11].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm trị phải thế nào?"[12].

Kỳ Bá đáp: "Tháng giêng, tháng 2 và tháng 3, nhân khí tại tả, không nên châm vào Dương khí ở tả túc, tháng 4, tháng 5 và tháng 6, nhân khí ở tại hữu, không nên châm vào Dương khí ở hữu túc, tháng 7, tháng 8, tháng 9, nhân khí ở tại hữu, không nên châm vào Âm khí ở hữu túc, tháng 10, tháng 11, tháng 12, nhân khí ở tại tả, không nên châm vào Âm khí ở tả túc"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Trong ngũ hành, đông phương thuộc Giáp Ất Mộc, nó chủ mùa xuân (nó làm cho xuân được vượng), mùa xuân thuộc màu xanh, chủ về Can, Can thuộc Túc Quyết âm[14]. Nay phụ tử lại cho rằng Giáp thuộc Thiếu dương của tả thủ, không hợp với độ số (mà chúng ta đã nói), tại sao vậy?"[15].

Kỳ Bá đáp: "Đây là Âm Dương của Thiên Địa, nó không phải là sự vận hành của ngũ hành trong tứ thời, vả lại Âm Dương là cái gì hữu danh mà vô hình, cho nên nếu đếm ra thì con số có đến mười, nếu suy ra có đến trăm, tán rộng ra có đến ngàn, suy ra có đến vạn... Đó là ý nghĩa về Âm Dương mà chúng ta vừa bàn đến vậy"[16].

#### 灵枢—阴阳系日月第四十一

黄帝曰：余闻天为阳，地为阴，日为阳，月为阴，其合之于人奈何？岐伯曰：腰以上为天，腰以下为地，故无为阳，地为阴。故足之十二经脉，以应十二月，月生于水，故在下者为阴；手之十指，以应十日，日主火，故在上者为阳。黄帝曰：合之于脉奈何？岐伯曰：寅者，正月之生阳也，主左足之少阳；卯者二月，主左足之太阳；辰者三月，主右足之少阳；巳者四月，主右足之太阳；午者五月，主左足之阳明；未者六月，主右足之阳明；申者七月之生阴也，主左足之少阴；酉者八月，主右足之少阴；戌者九月，主左足之太阳；亥者十月，主右足之太阳；子者十一月，主左足之少阴；丑者十二月，主右足之少阴。此两阴交尽，故曰厥阴。甲主左手之少阴，乙主右手之少阴。丙主左手之太阳，丁主右手之太阳。戊主左手之少阴，己主右手之少阴。庚主左手之少阴，辛主右手之少阴。壬主左手之太阳，癸主右手之太阳。故足之阳者，阴中之少阳也；足之阴者，阴中之少阴也。手之阳者，阳中之太阳也；手之阴者，阳中之少阴也。腰以上者为阳，腰以下者为阴。其于五藏也，心为阳中之太阳，肺为阴中之少阴，肝为阴中之少阳，脾为阴中之至阴，肾为阴中之太阴。黄帝曰：以治之奈何？岐伯曰：正月、二月、三月，人气在左，无刺左足之阳；四月、五月、六月，人气在右，无刺右足之阳；七月、八月、九月，人气在右，无刺右足之阴；十月、十一月、十二月，人气在左，无刺左足之阴。黄帝曰：五行以东方为甲乙木王春，春者苍色，主肝。肝者，足厥阴也。今乃以甲为左手之少阴，不合于数何也？岐伯曰：此天地之阴阳也，非四时五行之以次行也。且夫阴阳者，有名而无形，政数之可十，离之可百，散之可千，推之可万，此之谓也。

#### THIÊN 42: BỆNH TRUYỀN

Hoàng Đế hỏi: "Ta đã nhận được ý nghĩa của cứu châm nơi phụ tử, nhưng ta có xem riêng các phương trị bệnh, ta thấy có khi phải dẫn dắt để được hành khí, hoặc dùng phép án ma, phép cứu chuộc, phép châm biếm, uống thuốc, có thể chọn một trong những phép trên, hay là áp dụng tất cả (cho một người bệnh)?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Khi nói chu phương (các phương) là có ý nói đến phương nào đó dùng cho một số người nào đó, không thể dùng tất cho một người"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Đây chính là ý nghĩa mà chúng ta thường nói: hãy giữ lấy cái nhất, đừng để mất đi lẽ biến trong vạn vật, nhờ vậy ta sẽ biết được cái Đạo của vạn vật[3].

Nay ta được nghe về chỗ yếu diệu của Âm Dương, về cái lý hư thực, về những bệnh làm nghiêng ngả con người, về tình trạng bệnh còn ở cạn có thể trị được... Ta mong được nghe thêm về sự biến hóa của bệnh, về dâm tà truyền vào làm tuyệt bại thân thể đến nỗi không còn trị được nữa, Ta có thể nghe những điều ấy được không?"[4].

Kỳ Bá đáp : "Ôi ! Câu hỏi về Đạo (y) mới yếu diệu làm sao ! Nó sáng tỏ như tinh giắc ban ngày, nó khó khăn như nhắm mắt ban đêm, nó như cái gì mà ta có thể mang lên người, mặc vào người, thần khí nhờ đó mà sinh ra, biểu hiện thành, làm thế nào để đạt được lẽ dưỡng sinh là phải gắn liền với Đạo y để thần khí tự giữ được, cái lý sinh ra thần khí, phải được viết ra ghi vào sách vở chứ không thể chỉ truyền lại riêng cho con cháu mình mà thôi"[5].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là tinh giắc ban ngày ?"[6]

Kỳ Bá đáp : "Đây chỉ vào ai rõ được lẽ biến hóa của Âm Dương, như giải được mỗi nghi hoặc, như vừa tinh giắc say rượu"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là nhắm mắt ban đêm ?"[8].

Kỳ Bá đáp : "Đây chỉ vào người nào như đang câm lặng không nói được gì, mờ mịt như không thấy bóng hình, đưa đến tình trạng làm cho bì mao bị thất diệu, làm cho tấu lý khai, làm cho chính khí bị nghiêng ngả, dâm tà như nước vỡ bờ, huyết mạch bị tà khí tràn ngập và truyền vào, đại khí nhập vào tạng, phúc đau lan xuống dưới, khiến cho đến chỗ chết, không thể sống được"[9].

Hoàng Đế hỏi: "Đại khí (tà khí) nhập vào tạng thì diễn biến như thế nào ?"[10].

Kỳ Bá đáp : "Nếu bệnh phát ra ở trước Tâm, sau 1 ngày sẽ truyền đến Phế, sau 3 ngày sẽ truyền đến Can, sau 5 ngày sẽ truyền đến Tỳ, nếu thêm 3 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết; Nếu bệnh vào mùa đông thì sẽ chết vào giữa đêm, còn nếu bệnh vào mùa hạ thì sẽ chết vào giữa trưa[11].

Nếu bệnh phát ra trước ở Phế, sau 3 ngày sẽ truyền đến Can, sau 1 ngày nữa sẽ truyền đến Tỳ, sau 5 ngày nữa sẽ truyền đến Vị, nếu thêm 10 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì chết; Nếu bệnh vào mùa đông thì sẽ chết vào lúc mặt trời lặn, nếu bệnh vào mùa hạ thì chết lúc mặt trời mọc[12].

Nếu bệnh phát ra trước ở Can, sau 3 ngày nữa sẽ truyền đến Tỳ, sau 5 ngày nữa sẽ truyền đến Vị, sau thêm 3 ngày nữa sẽ truyền đến Thận, nếu thêm 3 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết; Nếu bệnh vào mùa đông thì chết lúc mặt trời lặn, nếu bệnh vào mùa hạ thì chết vào lúc ăn sáng[13].

Nếu bệnh phát ra trước ở Tỳ, sau 1 ngày sẽ truyền đến Vị, sau 2 ngày sẽ truyền đến Thận, sau 3 ngày sẽ truyền đến vùng thịt lữ thuộc Bàng quang kinh, nếu thêm 10 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết; Nếu bệnh ở mùa đông sẽ chết vào giờ mà nhân khí ổn định nhất, nếu bệnh vào mùa hạ thì sẽ chết vào lúc ăn trưa[14].

Nếu bệnh phát ra trước ở Vị, sau 5 ngày sẽ truyền đến Thận, thêm 3 ngày nữa sẽ truyền đến vùng thần thịt 2 bên cột sống, thuộc Bàng quang kinh, thêm 5 ngày nữa sẽ truyền đến Tâm, nếu thêm 2 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết. Nếu bệnh ở mùa đông, sẽ chết vào nửa đêm, nếu bệnh vào mùa hạ, sẽ chết vào xế chiều[15].

Nếu bệnh phát ra trước ở Thận, sau 3 ngày nữa sẽ truyền đến vùng thần thịt 2 bên cột sống, thuộc Bàng quang kinh, thêm 3 ngày nữa sẽ truyền lên đến Tâm, thêm 3 ngày nữa sẽ truyền đến Tiểu trường, nếu thêm 3 ngày nữa mà không khỏi bệnh thì sẽ chết; Nếu bệnh vào mùa đông thì sẽ chết vào lúc vừa sáng, nếu bệnh vào mùa hạ thì sẽ chết vào quá trưa[16].

Nếu bệnh phát ra trước ở Bàng quang, sau 5 ngày sẽ truyền đến Thận, thêm 1 ngày nữa sẽ truyền đến Tiểu trường, thêm 1 ngày nữa sẽ truyền đến Tâm, nếu thêm 2 ngày nữa mà bệnh không khỏi thì sẽ chết; Nếu bệnh vào mùa đông thì sẽ chết vào lúc gà gáy, bệnh vào mùa hạ thì sẽ chết vào lúc quá trưa[17].

Các bệnh cứ theo thứ tự để truyền cho nhau như thế, tất cả đều theo đúng với tứ kỳ (thời) để chết, không thể chậm trễ trị được[18]. Nếu bệnh mà truyền theo con đường gián 1 tạng hoặc gián 2, 3, 4 tạng thì có thể chậm trễ trị được"[19].

## 灵枢一病传第四十二

黄帝曰：余受九针于夫子，而私览于诸方，或有导引行气，乔摩、灸、熨、刺、焫。饮药之一者，可独守耶，将尽行之乎？岐伯曰：诸方者，众人之方也，非一人之所尽行也。黄帝曰：此乃所谓守一勿失万物华者也。今余已闻阴阳之要，虚实之理，倾移之过，可治之属，愿闻病之变化，淫传绝败而不可治者，可得闻乎？岐伯曰：要乎哉问。道，昭乎其如日醒，窘乎其如夜瞑，能被而服之，神与俱成，毕将服之，神自得之，生神之理，可著于竹帛，不可传于子儿。黄帝曰：何谓日醒？岐伯曰：明于阴阳，如惑之解，如醉之醒。黄帝曰：何谓夜瞑？岐伯曰：暗乎其无声，漠乎其无形，折毛发理，正气横倾，淫邪伴衍，血脉传溜，大气入藏，腹痛下淫，可以致死，不可以致生。黄帝曰：大气入藏奈何？岐伯曰：病先发于心，一日而之肺，三日而之肝，五日而之脾，三日不已，死，冬夜半，夏日中。病先发于肺，王日而之肝，~日而之脾，五日而之胃，十日不已，死，冬日入，夏日出。病先发于肝，三日而之脾，五日而

之胃，三日而之肾，三日不已，死，冬日人，夏早食。病先发于脾，一日而之胃，二日而之肾，三日而之臂膀跳，十日不已，死，冬人定，夏晏食。病先发于胃，五日而立肾，三日而之臂膀脱，五日而上之心，二日不已，死，冬夜 161半，夏日照。病先发于肾，三日而之苦膀优，三日而上之心，三日而之小肠，三日不已，死，冬大晨；夏早哺。病先发于膀涨五日而之肾，一日而之小肠，一日而之心，二日不已，死，冬鸡鸣，夏下哺。诸病以次相传，如是者，皆有死期，不可刺也；间一藏及二三四藏者，乃可刺也。

THIÊN 43:

. DÂM TÀ PHÁT MỘNG

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về tà khí tràn ngập, mở rộng"[1].

Kỳ Bá đáp: "Chính tà đi từ ngoài để tấn công vào trong, nhưng chưa có nơi ổn định, ngược lại nó sẽ tràn ngập vào trong tạng và cũng không thể có chỗ ở yên định, nó cùng đi theo với khí doanh vệ rồi lại bay bổng theo với hồn và phách, nó sẽ làm cho con người nằm không yên và thường hay nằm mộng[2]. Nếu khí tràn ngập vào phủ thì bên ngoài sẽ hữu dư, bên trong lại bất túc[3]. Nếu khí tràn ngập vào tạng thì bên trong sẽ hữu dư bên ngoài lại bất túc"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề khí hữu dư và bất túc có biểu hiện ra hình dạng gì không?"[5].

Kỳ Bá đáp: "Khi nào Âm khí thịnh thì ta thấy mộng đang lội qua sông lớn, và hay sợ sệt[6]. Khi nào Dương khí thịnh thì mộng thấy lửa cháy lớn, như đang bị đốt nướng[7]. Khi nào Âm và Dương đều thịnh thì sẽ mộng thấy cùng chém giết nhau[8]. Khi nào bên trên bị thịnh thì sẽ mộng thấy bay lên, khi nào bên dưới bị thịnh thì sẽ mộng thấy té rơi xuống[9]. Khi nào đói nhiều thì sẽ mộng thấy hay chiêm lấy, khi nào no quá sẽ mộng thấy hay ban cho[10]. Can khí thịnh thì sẽ mộng thấy hay giận[11]. Phế khí thịnh thì sẽ mộng thấy sợ sệt, hay khóc, bay bổng lên[12]. Tâm khí thịnh thì sẽ mộng thấy hay cười, sợ sệt[13]. Tỳ khí thịnh thì sẽ mộng thấy mình ca hát, thân thể nặng nề không cử động được[14]. Thận khí thịnh thì sẽ mộng thấy thắt lưng và cột sống bị tách đôi ra không dính vào nhau nữa[15]. Phàm tất cả 12 trường hợp khí thịnh như nói trên, khi nó đến, nên châm tả, sẽ hết bệnh ngay"[16]. Quyết khí ở khách nơi Tâm sẽ mộng thấy gò núi, khói lửa[17]; ở khách tại Phế sẽ mộng thấy bay bổng lên, thấy những vật kỳ lạ về đồ kim khí, sắt thép[18]; ở khách tại Can sẽ mộng thấy núi rừng, cây cỏ[19]; ở khách tại Tỳ sẽ mộng thấy gò đồi, ao lớn, mưa gió, nhà cửa hư sập[20]; ở khách tại Thận sẽ mộng thấy đi xuống vực sâu, bị chìm đắm trong dòng nước[21]; ở khách tại Bàng quang sẽ bị chúng mộng du (hành)[22]; ở khách tại Vị sẽ mộng thấy ăn uống[23]; ở khách tại Đại trường sẽ mộng thấy đi trên những cánh đồng hoang[24]; ở khách tại Tiểu trường sẽ mộng thấy ở chung trong những nơi ấp thôn, và đi trên những con đường rộng thông nhau[25]; ở khách tại Đờm sẽ mộng thấy đánh nhau, kiện tụng, tự mổ bụng[26]; ở khách tại bộ phận sinh dục sẽ mộng thấy giao hợp[27]; ở khách ở cổ gáy sẽ mộng thấy bị chặt đầu[28]; ở khách tại cẳng chân sẽ mộng thấy bước đi mà không tiến tới trước được và đang ở trong hang sâu trong lòng đất[29]; ở khách tại đùi về sẽ mộng thấy quỳ lạy làm lễ tiết[30]; ở khách tại bọng đái và Đại trường sẽ mộng thấy đi tiểu và đi tiêu[31]. Phàm 15 vùng bất túc, nếu giấc mộng đến, nên dùng phép bổ để châm thì sẽ khỏi bệnh ngay"[32].

### 灵枢—淫邪发梦第四十三

黄帝曰：愿闻淫邪件衍奈何？岐伯曰：正邪从外袭内，而未有定舍，反淫于藏，不得定处，与营卫俱行，而与魂魄飞扬，使人卧不得安而青梦。气淫于府，则有余于外，不足于内；气淫于藏，则有余于内，不足于外。黄帝曰：有余不足有形乎？岐伯曰：阴气盛则梦涉大水而恐惧，阳气盛则梦大火而潘们，阴阳俱盛则梦相杀。上盛则梦飞，下盛则梦堕，甚饥则梦取，甚饱则梦予。肝气盛则梦怒，肺气盛则梦恐惧、哭泣、飞扬，心气盛则梦善笑恐畏，脾气盛则梦歌乐、身体重不举，肾气盛则梦腰脊两解不属。凡此十二盛者，至而泻之，立已。颜气客于心，则梦见丘山烟火。客于肺，则梦飞扬，见金铁之奇物。客于肝，则梦山林树木。客于脾，则梦见丘陵大泽，坏屋风雨。客于肾，则梦临渊，没居于水中。客于膀优，则梦游行。客于胃，则梦饮食。客于大肠，则梦田野。客于小肠，则梦聚邑冲密。客于明，则梦斗讼自到。客于阴器，则梦接内。客于项，则梦斩首。客于胜，则梦行走而不能前，及居深地淹苑中。客于股防，则梦礼节拜起。客于胞脑则梦泛使。凡此十五不足者，至而补之立已也。

THIÊN 44:

THUẬN KHÍ NHẤT NHẬT PHÂN VI TỬ THỜI

Hoàng Đế hỏi: "Ôi ! Trăm bệnh bắt đầu sinh ra, đều khởi lên ở các khí Táo Thấp Hàn Thủ Phong Vũ, Âm Dương, vui mừng, giận dữ, ăn uống, cư xử, các khí hợp lại để biểu

hiện ra hình dáng, khi gây bệnh ở tạng nào đều có tên gọi[1]. Những điều nói trên, ta đều biết cả rồi, nhưng có một điều là trăm bệnh xảy ra đa số đều theo lẽ đán huệ (sớm) thì dễ chịu, trú an (sáng vẫn an lành), tịch gia (chiều đến thì tăng lên), dạ thậm (giữa đêm thì nặng hơn), Tại sao thế ?”[2]

Kỳ Bá đáp : “Đó là do khí của tứ thời (bốn mùa) đã khiến như vậy”[3].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về khí của tứ thời”[4].

Kỳ Bá đáp : “Mùa xuân Sinh, mùa hạ Trường, mùa thu Thu, mùa đông Tàng, đó là lẽ thường của khí, (khí) của con người cũng ứng theo lẽ đó[5]. Vì mỗi ngày cũng phân làm tứ thời: buổi sáng thuộc mùa xuân, giữa trưa thuộc mùa hạ, mặt trời lặn thuộc mùa thu, dạ nửa đêm thuộc mùa đông[6]. Buổi sáng là lúc nhân khí (Dương khí) bắt đầu sinh, bệnh khí đang suy, cho nên gọi là huệ; buổi trưa là lúc nhân khí Trường, mà nhân khí đang Trường, nó sẽ thắng tà khí, cho nên gọi là an; buổi chiều tối là lúc nhân khí bắt đầu suy, tà khí bắt đầu sinh, cho nên gọi là gia; lúc nửa đêm, nhân khí nhập vào trong để tàng, chỉ còn tà khí ở một mình bên ngoài thân, cho nên gọi là thậm”[7].

Hoàng Đế hỏi: “Vấn đề ứng với thời kỳ này có khi nghịch lại, tại sao ?”[8].

Kỳ Bá đáp : “Đây là trường hợp không ứng với khí của tứ thời, mỗi tạng 1 mình chủ lấy bệnh của mình, vì thế xem tạng khí nào không thắng thời thì bệnh nặng, và xem tạng khí nào thắng thời thì khỏi”[9].

Hoàng Đế hỏi: “Phép trị phải thế nào ?”[10].

Kỳ Bá đáp : “Nếu thuận với thời của Thiên thì bệnh có thể trị đúng lúc, người thầy nào trị theo lẽ thuận được gọi là khéo, người nào trị theo lẽ nghịch gọi là vụng về”[11].

Hoàng Đế nói: “Đúng vậy ! ”[12].

Hoàng Đế hỏi: “Ta nghe nói phép châm có ngũ biến để chủ cho ngũ du huyết, Ta mong được nghe về con số ngũ biến ấy”[13].

Kỳ Bá đáp : “Con người có ngũ tạng, ngũ tạng có ngũ biến, ngũ biến có ngũ du, cho nên ngũ ngũ thành ngũ thập ngũ du, nhằm ứng với ngũ thời ! ”[14].

Hoàng Đế hỏi: “Ta mong được nghe về ngũ biến”[15].

Kỳ Bá đáp : “Can thuộc mẫu tạng (tạng đực), Dương, sắc của nó xanh, thời của nó là mùa xuân, âm của nó là giốc, vị của nó chua, nhật của nó là Giáp Ất[16]. Tâm thuộc mẫu tạng, sắc của nó đỏ, thời của nó là mùa hạ, nhật của nó là Bính Đinh, âm của nó là chủy, vị của nó đắng[17]. Tỳ thuộc tẫn tạng (tạng cái), Âm, sắc của nó vàng, thời của nó là trường hạ, nhật của nó là Mậu Kỷ, âm của nó là cung, vị của nó ngọt[18]. Phế thuộc tẫn tạng (tạng cái), sắc của nó trắng, âm của nó thương, thời của nó là mùa thu, nhật của nó là Canh Tân, vị của nó cay[19]. Thận thuộc tẫn tạng, sắc của nó đen, thời của nó là mùa đông, nhật của nó là Nhâm Quý, âm của nó là vũ, vị của nó mặn; ta gọi đây là ngũ biến”[20].

Hoàng Đế hỏi: “Vấn đề chủ ngũ du như thế nào ?”[21].

Kỳ Bá đáp : “Tạng chủ mùa đông, mùa đông châm huyết Tĩnh; sắc chủ mùa xuân, mùa xuân châm huyết Huỳnh; thời chủ mùa hạ, mùa hạ châm huyết Du; âm chủ mùa trường hạ, mùa trường hạ châm huyết Kinh; vị chủ mùa thu, mùa thu châm huyết Hợp; đây là ngũ biến làm chủ ngũ du huyết”[22].

Hoàng Đế hỏi: “Các huyết Nguyên hợp với huyết nào và nó ứng gì đến lục du ?”[23].

Kỳ Bá đáp : “Chỉ riêng có huyết Nguyên là không ứng với ngũ thời, nó hợp với huyết Kinh để ứng với con số lục du, Cho nên lục lục là tam thập huyết lục du ?”[24].

Hoàng Đế hỏi: “Thế nào gọi là tạng chủ mùa đông, thời chủ mùa hạ, âm chủ mùa trường hạ, vị chủ mùa thu, sắc chủ mùa xuân, Ta mong được nghe về nguyên nhân ấy”[25].

Kỳ Bá đáp : “Bệnh ở tại tạng: châm huyết Tĩnh; Bệnh biến ở sắc: châm huyết Huỳnh; Bệnh lúc ngưng lúc nặng: châm huyết Du; Bệnh có thay đổi ở âm thanh: châm huyết Kinh; Kinh mạch bị mãn vì huyết, đó là bệnh ở Vị, cùng với chúng bệnh do ăn uống không điều tiết: châm huyết Hợp[26]. Đó là lý do tại sao ta gọi vị chủ huyết Hợp, đây là ngũ biến vậy”.

#### 灵枢—顺气一日分为四时第四十四

黄帝曰：夫百病之所始生者，必起于燥湿、寒暑、风雨、阴阳、喜怒、饮食、居处，气合而有形，得藏而有名，余知其然也。夫百病者，多以旦慧昼安，夕加夜甚，何也？岐伯曰：四时之气使然。黄帝曰：愿闻四时之气。岐伯曰：春生夏长，秋收冬藏，是气之常也，人亦应之，以一日分为四时，朝则为春，日中为夏，日入为秋，夜半为冬。朝

则人气始生，病气衰，故旦慧；日中人气长，长则胜邪，故安；夕则人气始衰，邪气始生，故加；夜半人气入藏，邪气独居于身，故甚也。黄帝曰：其时有反者何也？岐伯曰：是不应四时之气，藏独主其病者，是必以藏气之所不胜时者甚，以其所胜时者起也。黄帝曰：治之奈何？岐伯曰：顺天之时，而病可与期。顺者为工，逆者为粗。162**黄帝曰：善。余闻刺有五变，以主五输，愿闻其数。岐伯曰：人有五藏，五藏有五变，五变有五输，故五五十二五输，以应五味**黄帝曰：愿闻五变。岐伯曰：肝为牡藏，其色青，其时春，其日甲乙①，其音角，其味酸。一心为牡藏，其色赤，其时夏，其日丙丁，其音激，其味苦。脾为和藏，其色黄，其时长夏，其日戊己，其音宫，其味甘。肺为和藏，其色白，其时秋，其日庚辛，其音都，其味辛。肾为收藏，其色黑，其时冬，其日壬癸，其音羽，其味咸。是为五变。黄帝曰：以主五输奈何？岐伯曰：藏主冬，各制并；色主春，春利荣；时主夏，夏刺输；音主长夏，长夏利经；味主秋，秋刺合。是谓五变，以主五输。黄帝曰：诸原安合，以致六输？岐伯曰：原独不应五时，以经合之，以应其数，故六六三十六输。黄帝曰：何谓藏主冬，时主夏，音主长夏，味主秋，色主春？愿闻其故。岐伯曰：病在藏者，取之井；病变于色者，取之荥；病时间时甚者，取之输；病变于音者，取之经，经满而血者；病在胃，及以饮食不节得病者，取之于合，故命回味主合。是谓五变也。

#### THIÊN 45: NGOẠI SỬ

Hoàng Đế hỏi: "Ta đã nghe nói về 9 thiên của Cửu âm, ta đã tự nắm được những pháp độ của nó, ta cũng đã nắm rất đầy đủ về ý nghĩa của nó, Ôi ! Cửu âm bắt đầu ở nhất mà chấm dứt ở cửu[1]. Tuy nhiên, ta vẫn chưa hiểu được cái đạo quan yếu của nó. Ôi ! Chín loại kim này, nếu nhỏ thì nó nhỏ cho đến nỗi không gì có thể nhỏ hơn bên trong nó, nếu to thì nó to cho đến nỗi không gì có thể to hơn bên ngoài nó, nếu sâu thì nó sâu cho đến nỗi không gì có thể sâu hơn bên dưới nó, nếu cao thì nó cao cho đến nỗi không gì có thể cao hơn trên đỉnh nó, nó biểu hiện được trạng thái hoang hốt vô cùng, nó hiện diện tràn ngập đến nơi không bờ bến[2]. Ta biết rằng nó hợp với sự biến hóa của Thiên Đạo, của nhân sự, của tứ thời, tuy nhiên, ta muốn gom nó lại, cột nó lại như những sợi lông mao để rồi nó sẽ thành 1 thể nhất được không?"[3].

Kỳ Bá đáp: "Thật là 1 câu hỏi hết sức sáng suốt, đây không phải chỉ là cái Đạo của những cây kim châm mà thôi[4]. Ôi ! Cái Đạo trị quốc cũng như thế"[5].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về cái Đạo của những cây kim chứ không phải về vấn đề quốc sự"[6].

Kỳ Bá đáp: "Ôi ! Vấn đề trị quốc cũng chỉ là cái Đạo mà thôi, nếu không dùng Đạo thì làm sao có thể tập hợp tất cả những gì nhỏ nhất, lớn nhất, sâu nhất và cạn nhất vào cái nhất được?"[7].

Hoàng Đế đáp: "Mặt trời và mặt trăng đầy ! Mặt nước và mặt gương đầy ! Ôi ! Ánh sáng của mặt trời và mặt trăng không làm mất cái ảnh của mình, sự quan sát trên mặt nước và mặt gương không làm mất cái hình của mình, sự ứng của cái trống và tiếng vang không làm sai lệch âm thanh mình; Khi có dao động là có ứng và có họa, luôn luôn bộc lộ được cái tình của nó"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Thật là hoàn chỉnh thay ! Đây là ánh sáng rực rỡ không thể che dấu được; cái không thể che dấu đó không mất đi lẽ Âm Dương tham hợp, lẽ (Âm Dương) để xét rõ hơn, từ lẽ thiết yếu của Âm Dương để nghiệm chúng, thấy được lẽ Âm Dương để biết được, như ta đang nhìn vào mặt nước trong, nhìn vào mặt gương sáng, không mất đi hình dáng của nó[9]. Ngũ âm không vang rõ, ngũ sắc không sáng rõ, ngũ tạng bị dao động (không an), như vậy tức là ngoại và nội không cùng nối tiếp nhau[10]. Nếu tiếng trống ứng với dùi trống, tiếng vang ứng với âm thanh phát ra, ảnh giống với hình, do đó, từ xa ta có thể nắm được bên ngoài để suy đoán bên trong, từ chỗ gần ta có thể nắm được bên trong để suy đoán bên ngoài, ta gọi đây là chỗ cực vi diệu của Âm Dương, là chỗ cao nhất của Thiên địa vậy[11]. Nay xin tàng giữ nơi phòng Linh Lan, không dám để lọt ra ngoài vậy"[12].

#### 灵枢—外瑞第四十五

**黄帝曰：余闻九针九篇，余亲授其调，颇得其意。夫九针者，始于一而终于九，然未得其要道也。夫九针者，小之则无内，大之则无外，深不可为下，高不可为盖，恍惚无穷，流溢无极，余知其合于天道人事四时之变也，然余愿杂之毫毛，浑束为一，可乎？**岐伯曰：明乎能问也，非独钟道焉，夫治国亦然。黄帝曰：余愿闻针道，非国事也。岐伯曰：夫治国者，夫惟道焉，非道，何可小大深浅，杂合而为一乎？黄帝曰：愿卒闻之。岐伯曰：日与月焉，水与镜焉，鼓与响焉。夫日月之明，不失其影，水镜之察，不失其形，鼓响之应，不后其声，动摇则应和，尽得其情。黄帝曰：窘乎哉！昭昭之明不可蔽。其不可蔽，不失阴阳也。合而察之，切而验之，见而得之，若清水明镜之不失其形也

。五音不彰，五色不明，五藏波荡，若是则内外相袭，若鼓之应杯，响之应声，影之似形。故远者司外揣内，近者司内揣外，是调阴阳之极，天地之盖，请藏之灵兰之室，弗敢使泄也。

#### THIÊN 46: NGŨ BIÊN

Hoàng Đế hỏi Thiệu Du: "Ta nghe rằng trăm bệnh xảy ra, ắt phải sinh ra từ khí Phong, Vu, Hàn, Thủ, chúng đi dọc theo lớp lông hào mao để nhập vào đến tấu lý rồi hoặc quay trở ra, hoặc lưu lại, hoặc thành chứng Phong thũng, mồ hôi xuất ra, hoặc thành chứng Tiêu đơn, hoặc thành chứng Hàn nhiệt, hoặc thành chứng Lưu tý, hoặc thành chứng Tích tụ, kỳ tà tràn ngập nhiều không kể xiết[1]. Ta mong được nghe về nguyên nhân nào đã khiến nên như thế ? [2]Ôi ! Cũng đồng thời bị bệnh, hoặc bệnh như thế này, hoặc bệnh như thế kia[3]. Có ý cho rằng chính Trời đã sinh ra Phong tà dành cho con người ư ? Vấn đề khác nhau thế nào ?"[4].

Thiệu Du đáp: "Ôi ! Phong khí của Trời không sinh ra riêng cho trăm họ[5]. Sự vận hành của nó rất công bình, chính trực[6]. Người nào phạm đến mới bị bệnh ( còn ) người nào khéo tránh thì không bị hại gì[7]. Nó không cần gì ở người, chỉ có con người tự phạm phải nó mà thôi"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Trong 1 lúc nào đó bị ngộ độc bởi Phong tà, đồng thời bị bệnh, nhưng bệnh lại xảy ra 1 cách khác nhau, Ta mong được nghe về nguyên nhân đó"[9].

Thiệu Du đáp: "Câu hỏi đúng vậy thay ! Thần xin lý luận với sự so sánh với công việc của người thợ[10]. Người thợ mài búa rìu, mài dao, gọt đẽo cây gỗ, càn thân da thịt của gỗ cây còn có sự khác nhau về cứng và mềm[11]. Phần cứng thì khó chạm vào, phần mềm thì da nó nhũn, khi đến phần giao nhau giữa nhánh và thân, nó sẽ làm khuyết mẻ cái búa cái rìu[12]. Trong mỗi thân cây thì phần cứng và phần mềm cũng khác nhau, phần cứng thì rắn chắc, phần mềm thì dễ bị chạm vào, huống chi sự khác nhau trong thân cây, khác nhau giữa sự dày mỏng của da, khác nhau giữa chất trấp ít hay nhiều, tất cả đều khác nhau[13]. Ôi ! Có những loại cây ra hoa sớm, mọc lá sớm, có khi gặp phải sương của mùa xuân, gió ác liệt thì hoa cũng sẽ rụng, lá cũng bị héo[14]. Nếu bị phơi nắng lâu, bị đại hạn thì các loại cây mềm, da mỏng sẽ bị héo cành, bót nhựa và héo lá[15]. Nếu bị mưa lâu, trời âm u, các loại cây da mỏng, nhiều nhựa, sẽ bị mềm da và kiệt dần[16]. Nếu gặp gió to thổi mạnh thỉnh linh thì các loại cây thân cứng cáp cành lá sẽ bị gãy, bị tổn hại nhanh chóng[17]. Nếu gặp sương mùa thu hoặc gió thổi nhanh thì các thân cây cứng cáp sẽ bị lung lay rã và rụng lá[18]. Phạm trong 5 trường hợp nói trên, mỗi loại cây đều có cách bị hủy thương khác nhau, huống chi là con người ! "[19].

Hoàng Đế hỏi: "Người ứng với cây như thế nào ?"[20].

Thiệu Du đáp: "Cây gỗ khi bị thương, đều bị thương ở cành lá, sự cứng mềm của cành (dễ bị thương), còn phần rắn chắc của cây chưa bị thương[21]. Con người thường bị bệnh đều do ở sự kiên thiếu cốt của xương khớp (cốt tiết), của bì phu, của tấu lý, do đó mà tà khí đến tạm trú, cho nên thường gây nên bệnh"[22].

Hoàng Đế hỏi: "Có người thường bị bệnh Phong quyết, mồ hôi chảy đầm đìa, chứng bệnh này được biểu hiện như thế nào ?"[23].

Thiệu Du đáp: "Cơ nhục không rắn chắc, tấu lý hở thì sẽ dễ bị bệnh Phong"[24].

Hoàng Đế hỏi: "Dựa vào sự biểu hiện nào để biết cơ nhục không rắn chắc ?"[25].

Thiệu Du đáp: "Khối cơ nhục ở kheo chân không rắn chắc và không có phận lý, lý có nghĩa là vùng da bị nhăn nheo, da bị nhăn nheo thì tấu lý bị thua hở, ta gọi đây là hình dáng phẳng trơn vậy"[26].

Hoàng Đế hỏi: "Có người bị chứng bệnh Tiêu đơn, bệnh này biểu hiện ra như thế nào ?"[27].

Thiệu Du đáp: "Khi ngũ tạng bị nhu nhược thì hay bị bệnh Tiêu đơn"[28].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào để biết được ngũ tạng là nhu nhược ?"[29].

Thiệu Du đáp: "Khi nói đến nhu nhược ắt phải có cương cường, cương cường thì hay giận (nộ) nhiều, nhu nhược thì dễ bị làm thương"[30].

Hoàng Đế hỏi: "Dựa vào sự biểu hiện nào để biết nhu nhược và cương cường ?"[31].

Thiệu Du đáp: "Những người này thường có làn da mỏng, nhưng vùng mắt cứng chắc mà sâu, khí của họ làm cho đôi mày thẳng, đôi mắt nhìn xa[32]. Tâm khí họ cứng rắn, mà cứng rắn thì hay giận dữ, giận lên thì khí sẽ nghịch lên trên làm cho lồng ngực bị súc tích, huyết khí bị nghịch và lưu lại tán rộng ra làn da, sung vào cơ nhục, huyết mạch không còn lưu hành, chuyển sang bị nhiệt, mà nhiệt sẽ làm tiêu hao cơ nhục và bì

phu, gây thành chứng Tiêu đơn[33]. Đây nói về những người nóng dữ, cứng rắn và cơ nhục nhược vậy"[34].

Hoàng Đế hỏi: "Người ta thường hay bị bệnh Hàn nhiệt, lấy gì để biểu hiện được chứng bệnh này?"[35].

Thiếu Du đáp: "Người nào mà xương nhỏ, thịt mềm thì thường hay bị bệnh Hàn nhiệt"[36].

Hoàng Đế hỏi: "Lấy gì để biểu hiện được sự lớn nhỏ của xương, được sự cứng mềm của thịt, được sự bất nhất của sắc (diện)?"[37].

Thiếu Du đáp: "Quyền cốt (xương gò má) là cái gốc của xương (trong người): khi mà quyền cốt to thì xương to, quyền cốt nhỏ thì xương nhỏ, bì phu mỏng mà khối thịt ở móng không có, bắp tay yếu mềm[38]. Sắc ở vùng Địa các rất xấu, không đồng sắc với vùng Thiên đình, nghĩa là màu sắc dị bản khác với Thiên đình, đó là những biểu hiện của bệnh này[39]. Sau đó nếu da ở bắp tay mỏng, đó là tủy không đầy, vì thế thường hay bị bệnh Hàn nhiệt"[40].

Hoàng Đế hỏi: "Lấy gì để biểu hiện được 1 người thường bị bệnh Tý?"[41].

Thiếu Du đáp: "Nếu người mà những nếp nhăn nheo không kín đáo và bắp thịt không cứng rắn thì thường hay bị bệnh Tý"[42].

Hoàng Đế hỏi: "Bộ vị của chứng Tý có định vùng cao thấp hay không?"[43].

Thiếu Du đáp: "Muốn biết được sự cao thấp, nên xem rõ bộ vị của nó"[44].

Hoàng Đế hỏi: "Có người thường hay bị bệnh Trường trung tích tụ, lấy gì để biểu hiện chứng bệnh này?"[45].

Thiếu Du đáp: "Bì phu mỏng mà không tươi nhuận, bắp thịt không rắn chắc và mềm nhão, nhu vậy là Trường Vị bị ngăn, bị ngăn thì tà khí bị lưu trệ, ngưng trệ thành tích tụ và làm thương đến Tỳ Vị[46]. Trong khoảng Tỳ Vị, nếu bị những khí âm lạnh không điều hòa thì tà khí sẽ đến để làm cho bị súc tích ngưng trệ, thế nào khí đại tụ sẽ khởi lên"[47].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói về bệnh hình, và ta cũng đã hiểu rồi, Ta mong được nghe về cái thời của nó"[48].

Thiếu Du đáp: "Trước hết phải lập ra vấn đề niên để biết được vấn đề thời[49]. Thời mà khí vượng cao thì khỏi bệnh, thời mà khí suy khắc thì bệnh sẽ nguy[50]. Tuy chưa bị hãm hạ, nhưng năm ấy vận khí có thông được ra ngoài, thì bệnh ắt khỏi, đây gọi là nhân vào hình mà sinh ra bệnh, đây là ý nghĩa của ngũ biến vậy" [51].

## 灵枢—五变第四十六

黄帝问于少俞曰：余闻百疾之始期也，必生于风雨寒暑，循毫毛而入腠理，或复还，或留止，或为风肿汗出，或为消瘴，或为寒热，或为留痹，或为积聚，**奇邪淫溢，不可胜数**，愿闻其故。夫同时得病，或病此，或病彼，意者天之为人风乎，何其异也？少俞曰：夫天之生风者，非以私百姓也，其行公平正直，犯者得之，避者得无殆，非求人而人自犯之。黄帝曰：一时遇风，同时得病，其病各异，愿闻其故。少俞曰：善乎能问！请论以比匠人。匠人磨斧斤斲顶刀，削斲材木。木之阴阳，尚有坚脆，坚者不入，脆者皮弛，至其交节，而缺斤斧焉。夫一木之中，坚脆不同，坚者则刚，脆者易伤，况其材木之不同，皮之厚薄，汁之多少，而各异耶。夫木之早花先生叶者，遇春霜烈风，则花落而叶萎；久曝大旱，则脆木薄皮者，**枝条汁少而叶萎**；久阴淫雨，则薄皮多汁者，皮溃而漉；卒风暴起，则刚脆之木，枝折机伤；秋霜疾风，则刚脆之木，根摇而叶落。凡此五者，各有所伤，况于人乎。黄帝曰：以人应木奈何？少俞答曰：木之所伤也，皆伤其枝，枝之刚脆而坚，未成伤也。人之有常病也，亦因其骨节皮肤股理之不坚固者，邪之所舍也，故常为病也。黄帝曰：人之善病风厥戏汗者，何以候之？少俞答曰：肉不坚，股理流，则善病风。黄帝曰：何以候肉之不坚也？少俞答曰：烟肉不坚而无分理，理者粗理，粗理而皮不致者，股理疏。此言其浑然者。黄帝曰：人之善病消瘴者，何以候之？少俞答曰：**五藏皆柔弱者，善病消津**。黄帝曰：**何以知五藏之柔弱也**？少俞答曰：夫柔弱，必有刚强，刚强多怒，柔者易伤也。黄帝曰：何以候柔弱之与刚强？少俞答曰：此人薄皮肤而目坚固以深者，长冲直扬，其心刚，刚则多怒，怒则气上逆，胸中喜积，血气逆留，脱皮充肌，血脉不行，转而为热，热则消肌肤，故为消津，此言其人暴刚而肌肉弱者。黄帝曰：人之善病寒热者，何以候之？少俞答曰：小骨弱肉者，善病寒热。黄帝曰：何以候骨之小大，肉之坚脆，色之不一也。少俞答曰：髌骨者，骨之本也。髌大则骨大，髌小则骨小。皮肤薄而其肉无胭，其臂儒儒然，其地色殆然，**不与其天同色**，污然独异，此其候也。然后臂薄者，其髓不满，故善病寒热也。黄帝曰：何以候人之善病痹者？少俞答曰：粗理而肉不坚者，善病痹。黄帝曰：痹之高下有处乎？少俞答曰：欲知其高下者，各视其部。黄帝曰：人之善病肠中积聚者，何以候之？少俞答曰：皮肤薄而不泽，肉不坚而淖泽，如此则肠胃恶，恶则邪气留止，积聚乃伤。脾胃之间，寒温不次，邪气稍至；精积留止，大聚乃起。164**黄帝曰：余闻**

病形，已知之矣，愿闻其时。少俞答曰：先立其年，以知其时，时高则起，时下则殆，虽不陷下，当年有冲通，其病必起，是谓因形而生病，五变之纪也。

#### THIÊN 47: BẢN TẠNG

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Huyết, khí, tinh, thần của con người là nhằm phục vụ cho sự sống và chu hành tròn vẹn cho tính và mệnh[1]. Kinh mạch là nhằm vận hành cho huyết khí, mở rộng cho Âm Dương, làm trơn nhuận cho cân cốt, làm thông lợi cho các khớp xương[2]. Vệ khí là nhằm làm ấm cho vùng phận nhục, làm sung cho vùng bì phu, làm đạt cho tấu lý, làm chủ cho sự đóng mở [3]. Chí ý là nhằm gìn giữ được tinh thần, thu được hồn phách, thích ứng được với âm lạnh, điều hòa được sự vui giận[4]. Cho nên khí huyết được hòa thì kinh mạch được lưu hành, mở rộng và gìn giữ được Âm Dương, cân cốt được rắn chắc, các quan tiết (khớp xương) được thanh lợi[5]. Khi vệ khí được hòa thì vùng phận nhục được giải và được thông lợi, bì phu được điều hòa và mềm mại, tấu lý được kín đáo[6]. Khi chí ý được hòa thì tinh thần được chuyên nhất và chính trực, hồn phách không bị tán, hối hận và nộ khí không bị xảy ra, do đó mà ngũ tạng không bị thọ tà[7]. Khi sự âm lạnh được hòa thì lục phủ hóa được cốc khí, chứng Phong tý không phát tác, kinh mạch được thông lợi, tay chân và các khớp xương được an lành vậy[8]. Đây là nói về trường hợp thường bình của con người[9].

Ngũ tạng có nhiệm vụ tàng giữ tinh thần, huyết khí, hồn phách[10]. Lục phủ có nhiệm vụ tiêu hóa thủy cốc, vận hành tân dịch[11]. Đây là nói về con người nhận được đầy đủ khí của Thiên, không phân biệt kẻ ngu, bậc trí, bậc hiền, kẻ bất tiểu[12]. Tuy nhiên, có những người riêng mình hưởng được tuổi thọ của Trời mà không bao giờ bị bệnh bởi tà khí bên ngoài, trăm tuổi cũng không suy yếu[13]. Tuy rằng họ có phạm phải khí Phong vũ, lạnh cảm, nóng bức, tất cả vẫn không làm hại được đến họ[14]. Cũng có những người, tuy chưa bao giờ rời khỏi sự che chở của màn che, sáo phủ, chưa bao giờ phải lo sợ bởi những điều lo lắng, suy nghĩ, vậy mà họ không tránh được bệnh, tại sao vậy? Ta mong được nghe về những nguyên nhân ấy"[15].

Kỳ Bá đáp: "Thật là 1 câu hỏi đầy hiểm hóc! Ngũ tạng có nhiệm vụ tham với Thiên Địa, phối với Âm Dương để mà thông với tứ thời, hóa với ngũ tiết, vì thế cho nên ngũ tạng có dạng Tiểu, Đại, Cao, Hạ, Kiên Thúc, Đoan Chính, Thiên Khuynh[16]. Lục phủ cũng có dạng Tiểu, Đại, Trường, Đoản, Hậu, Bạc, Kết, Trục, Hoãn, Cấp, tất cả 25 dạng trên, mỗi dạng đều không đồng nhau, có khi thiện, có khi ác, có khi cát, có khi hung[17]. Nay xin nói về phương hướng của nó: Tâm Tiểu thì được an, tà khí không làm cho thương được, nhưng dễ bị làm thương bởi ưu (lo lắng)[18]; Tâm Đại thì sự lo lắng không làm cho thương được, nhưng lại dễ bị thương bởi tà khí[19]; Tâm Cao thì dễ bị tràn đầy lên đến giữa Phế, hay bút rút và dễ quên, khó mở miệng để nói[20]; Tâm Kiên (rắn) thì tạng được an, gìn giữ vững chắc[21]; Tâm Thúc (mềm) thì dễ bị bệnh Tiêu đơn, nhiệt bên trong[21]; Tâm Đoan chính (ngay thẳng) thì được hòa lợi, khó bị thương[22]; Tâm Thiên khuynh (ngiên lệch) thì sự nắm giữ bất nhất, không có gì để gìn giữ và nắm giữ[23].

Phế Tiểu thì ít uống, không bị bệnh suyễn khò khè[24]; Phế Đại thì uống nhiều, dễ bị bệnh Hung tý và Hầu tý, nghịch khí[25]; Phế Cao thì khí bị xung lên, phải rút vai lại lấy hơi thở để ho[26]; Phế Hạ tức là Phế nằm thấp xuống vùng bí môn của Vị hoãn và vùng này luôn bức bách Phế, thường hay đau vùng dưới hông sườn[27]; Phế Kiên thì sẽ không bị bệnh ho mà khí xung lên[28]; Phế Thùy (mềm) thì sẽ bị bệnh Tiêu đơn dễ bị thương[29]; Phế Đoan chính thì hòa lợi, khó bị thương[30]; Phế nghiêng lệch thì vùng ngực bị đau nghiêng 1 bên[31].

Can Tiểu thì tạng được an, không bị bệnh ở vùng dưới hông sườn[32]; Can Đại nó sẽ bức đến Vị mà bên trên bức đến cổ họng, như vậy nó sẽ làm đau vùng trên cách mạc, đồng thời còn làm cho đau dưới hông sườn[33]; Can Cao sẽ chống vào vùng bí môn, và bức sát vào vùng hông sườn, bút rút, thở mạnh[34]; Can Hạ sẽ bức đến Vị, dưới hông sườn bị rộng, dưới hông sườn bị rộng thì dễ thọ lấy tà khí[35]; Can Kiên thì tạng được an, khó bị thương[36]; Can Thúc (mềm) thì sẽ dễ bị bệnh Tiêu đơn, dễ bị thương[37]; Can Đoan chính thì được hòa lợi, khó bị thương[36]; Can nghiêng lệch thì dưới hông sườn bị đau[37].

Tỳ Tiểu thì tạng được an, khó bị thương bởi tà khí[38]; Tỳ Đại thì sẽ bị đau ở vùng thịt mềm dưới hông sườn, không đi nhanh được[39]; Tỳ Cao sẽ bị đau từ vùng thịt mềm dẫn đến dưới bờ sườn cụt[40]; Tỳ Hạ sẽ đau vùng dưới dẫn đến Đại trường, đau vùng Đại trường thì tạng sẽ nặng vì thọ tà[41]; Tỳ Kiên thì tạng sẽ an, khó bị thương[42]; Tỳ



mềm ắt sẽ dễ bị bệnh Tiêu đơn dễ bị thương[43]; Tỳ Đao chính thì hòa lợi, khó bị thương[44]; Tỳ nghiêng lệch ắt dễ bị đầy, bị trướng[45]. Thận Tiêu thì tạng được an, khó bị thương[46]; Thận Đại thì dễ bệnh đau thắt lưng, không thể cúi ngửa, dễ bị thương bởi tà khí[47]; Thận Cao thì dễ bị đau vùng thịt 2 bên cột sống lưng, không cúi ngửa được[48]; Thận Hạ thì thắt lưng và xương cùng cột sống bị đau nhức, không cúi ngửa được, thành chứng Hồ sán[49]; Thận Kiên (rắn) thì bệnh thắt lưng và lưng bị đau nhức, Thận Mềm thì bị khổ vì bệnh tiêu đơn, bị thương[50]; Thận nghiêng lệch thì dễ bị đau vùng thắt lưng và xương cùng[51]. Phàm 25 loại biến này là những trường hợp mà con người thường bị khổ vì bệnh"[52].

Hoàng Đế hỏi: "Lấy gì để biết được những điều nói trên"[53].

Kỳ Bá đáp: "Người nào sắc diện đỏ, nếp của cơ nhục mịn chắc, đó là Tâm nhỏ[54]; nếp của cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Tâm lớn[55]; không thấy miếng xương che dưới ngực, đó là Tâm ở cao[56], xương che ngực nhỏ mà ngắn lồi lên, đó là Tâm ở thấp[56], xương che ngực dài, đó là dưới Tâm cứng[57], xương che ngực yếu mà nhỏ mỏng, đó là Tâm mềm[58], xương che ngực đi thẳng xuống không lồi lên, đó là Tâm đao chính[59], xương che ngực lồi lên 1 bên, đó là Tâm nghiêng lệch[60].

Người nào sắc diện trắng, nếp cơ nhục mịn chắc, đó là Phế nhỏ[61], nếp cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Phế lớn[62], vai to, ngực lồi, cổ họng lõm vào, đó là Phế cao[63], nách teo lại, hông sườn nở ra, đó là Phế ở thấp[64], vai rộng lưng dày, đó là Phế đao chính[65], xương sườn nghiêng lệch, thưa ra, đó là Phế nghiêng lệch[66].

Người nào sắc diện xanh, nếp cơ nhục mịn chắc, đó là Can nhỏ[67], nếp cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Can lớn[68], vùng ngực rộng, xương sườn cao mà trướng lên, đó là Can ở cao[69], xương sườn kín mà ẩn xuống, đó là Can ở thấp[70], ngực và hông sườn hợp tốt nhau, đó là Can xứng[71], xương sườn yếu, đó là Can mềm[72], ngực và bụng liền nhau, tương đắc nhau, đó là Can đao chính[73], xương sườn lệch và gồ lên, đó là Can nghiêng lệch[74].

Người nào sắc diện vàng, nếp của cơ nhục mịn chắc, đó là Tỳ nhỏ[75], nếp của cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Tỳ lớn[76], môi bị lệch lên, đó là Tỳ ở cao[77], môi trệ thấp xuống, buồng lợi, đó là Tỳ ở thấp[78], môi cứng, đó là Tỳ cứng[79], môi lớn mà không cứng, đó là Tỳ mềm[80], đôi môi lên xuống đều đặn, đó là Tỳ đao chính[81], môi lật lệch lên, đó là Tỳ nghiêng lệch[82].

Người nào sắc diện đen, nếp của cơ nhục mịn chắc, đó là Thận nhỏ[83], nếp của cơ nhục thô và lỏng lẻo, đó là Thận lớn[84], đôi tai cao lên, đó là Thận ở cao[85], đôi tai phía sau bị lõm vào, đó là Thận ở thấp[86], đôi tai cứng, đó là Thận cứng[87], đôi tai mỏng mà không cứng, đó là Thận mềm[88], đôi tai đẹp vành nằm trước quai hàm, đó là Thận đao chính[89], đôi tai đặc biệt cao nhô lên, đó là Thận nghiêng lệch[90]. Phàm các trường hợp biến đổi như đã nói trên, nếu chúng ta biết khéo léo trong việc gìn giữ (mỗi đặc thù của mỗi biến đổi) thì ta sẽ được bình an, nếu chúng ta bỏ đi, không chú ý thì sẽ bị bệnh vậy"[91].

Hoàng Đế hỏi: "Thầy nói rất hay! Thế nhưng tất cả những gì mà thầy trả lời cho ta trên đây đều không phải là nội dung mà ta muốn hỏi, ta mong được nghe tại sao có những người không bao giờ bị bệnh, sống trọn tuổi trời, mặc dù có khi họ lo lắng thái quá, sợ sệt thái quá, tất cả đều không thể làm cảm được đến họ; hoặc trời lạnh buốt, trời nóng bức cũng không làm thương được đến họ; Lại cũng có những không bao giờ rời khỏi cảnh màn che sáo phủ, lại cũng không bị cảnh sợ sệt gì, vậy mà họ vẫn không tránh khỏi bị bệnh, tại sao thế? Ta mong được nghe về những nguyên do đã khiến nên như thế?"[92].

Kỳ Bá đáp: "Ngũ tạng lục phủ là nơi trú ẩn của tà khí, nay thần xin nói về nguyên do[93]. Nếu ngũ tạng đều nhỏ thì sẽ ít bị bệnh hay bứt rứt ở Tâm và ít bị những ưu sầu to lớn[94], nếu ngũ tạng đều lớn thì đối với mọi việc đều thư thả, khó làm cho họ phải lo âu[95], nếu ngũ tạng đều cao, họ sẽ thích làm việc ở cao, nâng cao mọi việc lên[96], nếu ngũ tạng đều thấp, họ chỉ thích xuất hiện bên dưới người khác[97], nếu ngũ tạng đều cứng, họ sẽ không bị bệnh[98], nếu ngũ tạng đều mềm, họ không bao giờ tránh được bệnh[99], nếu ngũ tạng đao chính, họ bao giờ cũng đắc nhân tâm giữ được niềm hòa lợi[100], nếu ngũ tạng đều nghiêng lệch, những người này đều có tà tâm, hay trộm cướp, không thể nào sống như 1 người bình thường, lời nói của họ lật lọng thật khôn lường"[101].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về những chỗ ứng với lục phủ"[102].

Kỳ Bá đáp : "Phế hợp với Đại trường, Đại trường là nơi cùng ứng với bì[103]. Tâm hợp với Tiểu trường, Tiểu trường là nơi cùng ứng với mạch[104]. Can hợp với Đờm, Đờm là nơi cùng ứng với Cân[105]. Tỳ hợp với Vị, Vị là nơi cùng ứng với nhục[106]. Thận hợp với Tam tiêu và Bàng quang, Tam tiêu và Bàng quang là nơi cùng ứng với tấu lý và hào mao"[107].

Hoàng Đế hỏi: "Ứng với nhau như thế nào?"[108].

Kỳ Bá đáp : "Phế ứng với bì[109]. Bì hậu (dày) thì Đại trường cũng dày, bì bạc (mỏng) thì Đại trường cũng mỏng, bì hoãn (da nhão), trong bụng to thì Đại trường to và dài, bì cấp (da căng) thì Đại trường cũng căng mà ngắn, bì hoạt (da trơn) thì Đại trường ngay, bì nhục rần chắc thì Đại trường cũng kết thực[110].

Tâm ứng với mạch[111]. Bì dày thì mạch cũng dày, mạch dày thì Tiểu trường dày, bì mỏng thì mạch mỏng, mạch mỏng thì Tiểu trường cũng mỏng, bì nhão thì mạch cũng nhão, mạch nhão thì Tiểu trường to và dài, bì mỏng mà mạch hư tiểu thì Tiểu trường nhỏ mà ngắn, các kinh mạch mà phù thiếu hiện ra ngoài nhiều quanh co thì Tiểu trường cũng kết thực[112].

Tỳ ứng với nhục[113]. Nhục và vùng kết với cân được rần chắc và to, đó là Vị hậu (dày); nhục và vùng kết với cân mỏng manh, đó là Vị bạc (mỏng); nhục và vùng kết với cân mỏng manh đó là Vị không rần chắc; nhục và vùng kết với cân không xứng với thân hình, đó là Vị ở thấp, mà Vị ở thấp thì vùng ống bên dưới không dễ chịu, bất lợi; nhục và vùng kết với cân không rần chắc, đó là Vị bị rơi lỏng; nhục và vùng kết với cân không có bao bọc nhỏ, đó là Vị bị căng; nhục và vùng kết với cân ít nhiều có bao bọc, đó là Vị khí không thu sướng, Vị không thu sướng thì vùng ống bên trên không dễ chịu, bất lợi[114].

Can ứng với trào (móng)[115]. Móng dày màu vàng, đó là Đờm khí dày (đậm đặc); móng mỏng màu hồng, đó là Đờm khí căng; móng mềm màu đỏ, đó là Đờm khí rơi lỏng; móng thẳng màu trắng, không có vân, đó là Đờm khí thẳng (trục); móng xấu màu đen có nhiều nếp vân, đó là Đờm khí không thu sướng[116].

Thận ứng với cốt[117]. những nét văn lý kín đáo, bì (da) dày, đó là Tam tiêu và Bàng quang cũng dày; những nét văn lý thô, da mỏng, đó là Tam tiêu và Bàng quang cũng mỏng; tấu lý bị thưa thì Tam Tiêu và Bàng quang bị rơi lỏng; da bị căng và không có lông mao, đó là Tam tiêu và Bàng quang bị căng; lông mao đẹp mà thô, đó là Tam tiêu và Bàng quang thẳng; lông thưa thì Tam tiêu và Bàng quang không thu sướng"[118].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề dày mỏng, đẹp xấu đều biểu hiện bằng hình dáng, Ta mong được nghe về sự gây bệnh của nó"[119].

Kỳ Bá đáp : "Chỉ cần xem phần ngoại ứng của chúng để có thể biết được tình trạng ở nội tạng, từ đó ta sẽ biết được về sự gây bệnh của chúng"[120].

## 灵枢—本藏第四十七

黄帝问于岐伯曰：人之血气精神者，所以奉生而周于性命者也。经脉者，所以行血气而营阴阳，濡筋骨，利关节者也。卫气者，所以温分肉，充皮肤，肥腠理，司开合者也。志意者，所以御精神，收魂魄，适寒温，和喜怒者也。是放血和则经脉流行，营复阴阳，筋骨劲强，关节清利矣。卫气和则分肉解利，皮肤调柔，腹理致密毛志意和则精神专直，魂魄不散，悔怒不起，五藏不受邪矣。寒温和则六府化谷，风痹不作，经脉通利，胚节得安矣。此人之常平也。五藏者，所以藏精神血气魂魄者也。六府者，所以化水谷而行津液者也。此人之所以具受于天也，无愚智贤不肖，无以相倚也。然有其独尽天寿，而无邪僻之病，百年不衰，虽犯风雨卒寒大暑，犹有弗能害也；有其不离屏蔽室内，无怵惕之恐，然犹不免于病，可也？愿闻其故。岐伯对曰：窘乎哉问也！五藏者，所以参天地，副阴阳，而连四时，化五节者也。五藏者，固有小大高下坚脆端正偏倾者；六府亦有小大长短厚薄结直缓急。凡此二十五者，各不同，或善或恶，或台或凶，清责其方。心小则安，邪弗能伤，易伤以忧；心大则忧不能伤，易伤于邪。心高则满于肺中，挽而善忘，难开以言；心下则藏外，易伤于寒，易恐以言。心坚则藏安守固；心脆则善病消津热中。心端正则和利难伤；心偏倾则操持不一，无守司也。肺小则少饮，不病喘喝；肺大则多饮，善病胸痹喉痹逆气。肺高则上气肩息咳；肺下则居赏迫肺，善肋下痛。肺坚则不病咳上气；肺脆则苦病消瘵易伤。肺端正则和利难伤；肺偏倾则胸偏痛也。肝小则藏室，无肋下之病；肝大则通胃迫咽，迫咽则苦隔中，且肋下痛。肝局则上支贲，切肋说，为息贫；肝下则通胃，肋下空，肋下空则易受邪。肝坚则藏安难伤；肝脆则善病消瘵易伤。肝端正则和利难伤；肝偏倾则肋下痛也。脾小则藏安，难伤于邪也；脾大则若湊动而痛，不能疾行。脾高则做引季肋而痛；脾下则下加于大肠；下加于大肠则藏苦受邪。脾坚则藏安难伤；脾脆则善病消萍易伤。脾端正则和利难伤；脾偏倾则善满善胀也。肾小则藏安难伤；肾大则善病腰痛，不可以俯仰，易伤以邪。肾高则苦背管痛，不可以俯仰；肾下则腰沉痛，不可以俯仰，为孤庙。肾坚则不病腰背痛；肾脆则善病消萍易伤。肾端正则和利难伤；肾偏倾则苦腰尻痛也。凡此二十五变者，人之所苦常病。黄帝曰

：何以知其然也？岐伯曰：赤色小理者心小，粗理者心大。无够骷者心高，骼骷小短举者心下，**骼骷**长者心下坚，踢骷弱小以薄者心脆。骼骷直下不举者心**端正**，够骷倚一方者心偏倾也。白色小理者肺小，粗理者肺大。巨肩反膺陷喉者肺病，合腋张肋者肺下。好肩背厚者肺坚，肩背薄者肺脆。背膺厚者肺端正，肋偏疏者**肺偏倾**也。青色小理者肝小，粗理者肝大。广胸反船者肝高，合肋免骼者肝下。胸肋好者肝坚，肋骨弱者肝脆。膺腹好相得者肝端正，肋骨偏举者肝偏倾也。黄色小理者脾小，粗理者脾大。揭唇者脾高，唇下纵者脾下。唇坚者脾坚，唇大而不坚者脾脆。唇上下好者脾端正，唇偏举者脾偏倾也。黑色小理者肾小，粗理者肾大。高耳者肾高，耳后陷者肾下。耳坚者肾坚，耳薄不坚者肾脆。耳好前居牙车者肾端正，耳偏高者紧偏倾也。凡此诸变者，持则安，减则病也。帝曰：善。然非余之所问也。愿闻人之有不可病者，至尽天寿，虽有深忧大恐，忧惕之志，犹不能减也，甚寒大热，**不能**伤也；其有不离屏蔽室内，又无忧惕之恐，然不免于病者，何也？愿闻其故。岐伯曰：五藏六府，邪之舍也，请言其故。五藏皆小者，少病，苦焦心大愁忧；五藏皆大者，缓于事，难使以忧。五藏皆高者，好高举措；五藏皆下者，好出人下。五藏皆坚者，无病；五藏皆脆者，不离于病。五藏皆端正者，和利得人心；五藏皆偏倾者，邪心而善盗，不可以为人平，反复言语也。黄帝曰：愿闻六府之应。岐伯答曰：肺合大肠，大肠者，皮其应。心合小肠，小肠者，脉其应。肝合胆，明者，筋其应。脾合胃，胃者，肉其应。肾合三焦膀胱，三焦膀胱者，股理毫毛其应。黄帝曰：应之**奈何**？岐伯曰：**肺应皮**。皮厚者大肠厚，皮薄者大肠薄。皮缓腹里**①大者**大肠大而长，皮急者大肠急而短。皮滑者大肠直，皮肉不相离者大肠结。心应脉。皮厚老脉厚，脉厚者小肠厚；皮薄者脉薄，脉薄者小肠薄。皮援者脉缓，脉缓者小肠大而长；皮薄而脉冲小者，小肠小而短。诸阳经脉皆多纤屈者，小肠结。脾应肉。肉胭坚大者胃厚，肉胭么考胃薄。肉胭小而么者胃不坚；肉眼不称身者胃下，胃下者下管约不利。肉胭不坚者胃缓，肉胭无小里**②累者**胃急。**肉胭多少里②票者**胃结，胃结者上管约不利也肝应爪。爪厚色黄者胆厚，爪薄色红者胆薄。爪坚色青者胆急，爪儒色赤者胆缓。爪直色白无约者胆直，爪恶色黑多纹者胆结也。肾应骨。密理厚皮者三焦膀胱厚，粗理薄皮者三焦膀胱薄。疏股理者三焦膀胱缓，皮急而无毫毛者三焦膀胱优直，稀毫毛者王焦膀胱结也。黄帝曰：厚薄美恶皆有形，愿闻其所病。岐伯答曰：视其外应，以知其内藏。

#### THIÊN 48: CẨM PHỤC

Lôi Công hỏi Hoàng Đế: "Đệ tử đã từng thọ nghiệp (y học), thông được Đạo của Cửu âm 60 thiên, từ sáng đến chiều tối lúc nào cũng ân cần phục sự về nó, tìm tòi đọc những sách vở xưa nay như biên tuyết, giản cầu, tuy thế, đệ tử vẫn 1 lòng đọc lên, ngâm nga lên không rời quyển sách, vậy mà cũng chưa giải được cái ý của sách[1]. Thiên 'Ngoại Sứ' có nói: hợp lại thành 1 thể thống nhất, đệ tử vẫn chưa biết được câu này nói gì[2]. Ôi ! Câu nói đại tặc vô ngoại, tiểu tặc vô nội, đó là đại tiểu vô cực, cao hạ vô độ, hợp lại như thế nào ?[3] Xưa nay các bậc có tài lực, có người giỏi có người kém, nếu những người có trí, có lự nông cạn, chưa đạt đến rộng lớn, sâu sắc mà tự miễn cưỡng đề cầu học như đệ tử đây chẳng hạn, đệ tử sợ rằng nó sẽ tàn mạn vào hậu thế, hoặc sẽ bị tuyệt vào đời con cháu, dám xin hỏi bệ hạ (thầy) về điểm tính yếu của nó như thế nào ?"[4].

Hoàng Đế đáp: "Thật là 1 câu hỏi khéo thay ! Đây là vấn đề mà bậc tiên sư cảm truyền ra (phổ biến) 1 cách riêng tư, cần phải cắt tay uống máu ăn thề (mới truyền được), nay đệ tử muốn biết được, tại sao không lo đến việc trai ?"[5].

Lôi Công lạy 2 lạy rồi đứng lên tâu: "Xin được nghe về mệnh của bệ hạ về việc này"[6].

Nói xong, Lôi Công bèn trai và giới trong 3 ngày, rồi tâu với Hoàng Đế : "Dám xin với bệ hạ, hôm nay là ngày chính Dương, đệ tử mong nhận được sự thề nguyện"[7].

Hoàng Đế bèn cùng với Lôi Công đi vào trai thất, cắt tay uống máu ăn thề[8]. Hoàng Đế thân mật chúc Lôi Công, nói: "Ngày nay là ngày chính Dương, uống máu để truyền phương, nếu ai dám phản bội lời thề, sẽ bị tai ương"[9].

Lôi Công lạy 2 lạy nói: "Đệ tử xin thọ nhận"[10].

Hoàng Đế tay trái nắm lấy tay của Lôi Công, tay phải trao sách, nói: "Nên thận trọng ! Nên thận trọng ! Ta xin nói với thầy: phạm cái lý của việc châm thích phải bắt đầu từ kinh mạch, nó vận hành kinh doanh, mạch độ có được sự dài ngắn của nó[11]. Bên trong, việc châm thích để chữa bệnh ở ngũ tạng, bên ngoài chữa lục phủ, thăm xét để biết vệ khí là mẹ của trăm bệnh, điều hòa các hư thực để hư thực được khỏi, châm tả huyết lạc huyết (hư) ra hết mà không bị hiểm nguy vậy"[12].

Lôi Công nói : "Những điều bệ hạ nói, đệ tử đã được thông, nhưng chưa hiểu được những phép ràng buộc (gìn giữ)"[13].

Hoàng Đế nói: "Ôi ! Cái phương ràng buộc (gìn giữ) huyết khí với nhau cũng giống với ràng buộc 1 cái túi vậy[14]. Nếu cái túi đã đầy mà không ràng buộc lại thì nó sẽ tiết

thoát ra ngoài, còn cái phương pháp làm cho huyết khí hợp lại với nhau đã thành mà không ràng buộc lại thì thần khí và huyết khí không còn đầy đủ nữa"[15].

Lôi Công nói : "Thần chỉ mong làm kẻ hạ tài (tầm thường), tức là túi chưa đầy mà đã lo ràng buộc rồi"[16].

Hoàng Đế nói: "Nếu chưa đầy mà đã lo ràng buộc, người đó chỉ là người công: khéo mà thôi, chứ không thể là bậc sư trong thiên hạ"[17].

Lôi Công nói : "Thần mong được nghe về sự khéo léo"[18].

Hoàng Đế nói: "Mạch Thốn khẩu chủ bên trong, mạch Nhân nghênh chủ bên ngoài, cả hai cùng ứng nhau, cùng đến cùng đi như thể là 1 sợi dây thẳng, lớn nhỏ đều nhau[19]. Nếu người nào mà mùa xuân và hạ mạch Nhân nghênh vi đại, mùa thu và đông mạch Thốn khẩu vi đại, ta gọi người đó là bình nhân[20]. Nếu như mạch Nhân nghênh lớn hơn mạch Thốn khẩu 1 lần (bội), đó là bệnh ở tại kinh túc Thiếu dương[21]. Lớn 1 lần mà lại táo, đó là bệnh ở tại kinh thủ Thiếu dương[22]. Mạch Nhân nghênh lớn hơn mạch Thốn khẩu 2 lần, đó là bệnh ở tại túc Thái dương[23]. Lớn hơn 2 lần mà lại táo, đó là bệnh ở tại kinh thủ Thái dương[24]. Mạch Nhân nghênh lớn hơn 3 lần, đó là bệnh ở tại kinh túc Dương minh[25]. Lớn hơn 3 lần mà lại táo, đó là bệnh ở kinh thủ Dương minh[26]. Khí thịnh thành nhiệt[27], khí hư thành hàn[28]. Mạch khẩn thành chứng thống tý[29], mạch đại: đột nhiên nặng, đột nhiên đứt đoạn[30]. Nếu thịnh thì châm tả, nếu hư thì châm bổ, nếu mạch khẩn thống thì châm vùng phạm nhục, mạch đại thì châm lấy huyết lạc cùng với uống thuốc, nếu khí hãm xuống thì dùng phép cứu, nếu khí không thịnh, không hư, ta tùy kinh mà thủ huyết châm, gọi đây là kinh thích[31]. Nếu mạch Nhân nghênh lớn 4 lần, thêm đại, thêm sắc, gọi là Dật Dương, Dật Dương gọi là Ngoại cách, chết không trị được[32]. Người thầy thuốc phải thẩm xét có căn cứ trên cái lý gốc hoặc ngọn, phải xét được khí hàn nhiệt để nghiệm thấy cái bệnh của tạng phủ[33].

Nếu mạch Thốn khẩu lớn hơn mạch Nhân nghênh 1 lần, đó là bệnh ở tại túc Quyết âm[34]. Lớn 1 lần mà táo, đó là bệnh ở thủ Tâm chủ[35]. Mạch Thốn khẩu lớn 2 lần, đó là bệnh ở tại túc Thiếu âm[36]. Lớn 2 lần mà táo, đó là bệnh ở tại thủ Thiếu âm[37]. Mạch Thốn khẩu lớn 3 lần, đó là bệnh ở tại túc Thái âm[38]. Lớn 3 lần mà táo, đó là bệnh ở tại thủ Thái âm[39]. Khí thịnh thì bị chứng trướng mãn, hàn bên trong, ăn không tiêu[40]; khí hư thì nhiệt bên trong, tiêu ra phân nát, thiếu khí, nước tiểu biến màu[42]. Mạch khẩn thì bị chứng thống tý, mạch đại thì lúc đau nhức lúc ngưng[43]. Nếu khí thịnh thì châm tả[44], nếu khí hư thì châm bổ[45], mạch khẩn thì châm trước cứu sau[46], mạch đại thì châm lấy huyết lạc rồi sau đó mới điều khí[47], nếu khí hãm xuống thì chỉ dùng phép cứu (khi nói mạch hãm hạ có nghĩa là huyết kết bên trong, bên trong có nổi rõ đường huyết lạc)[48]. Huyết hàn thì nên cứu, nếu không thịnh không hư thì tùy kinh mà thủ huyết châm[49]. Mạch Thốn khẩu lớn 4 lần, gọi là Nội quan, bị Nội quan còn thêm đại và sắc thì chết, không trị được[50]. Người thầy thuốc phải thẩm xét những dấu hiệu hàn ôn 1 cách có gốc ngọn, để nghiệm cho được bệnh của tạng phủ, để thông được những doanh thấu, bấy giờ mới truyền được đến ý nghĩa, đến phép lớn (đại số)[51]. Ý nghĩa lớn, phép lớn có nói: Thịnh thì chỉ châm tả, hư thì chỉ châm bổ, mạch khẩn thì cứu, thích, thêm phần uống thuốc, nếu khí hãm xuống thì chỉ có cứu mà thôi, nếu không thịnh không hư thì chọn huyết theo kinh để châm, đây gọi là phép kinh trị[52]. Còn như phép uống thuốc, cũng như cứu hoặc châm có thể tùy theo tình hình thích hợp của kinh để thích nghi trong việc trị[53]. Trường hợp mạch cấp thì có thể dùng phép dẫn cứu hỗ trợ thêm[54], trường hợp mạch đại mà nhược thì để cho người bệnh yên tĩnh, dù có dùng sức để hỗ trợ cũng phải nhẹ nhàng thôi"[55].

## 灵枢—禁服第四十八

雷公问于黄帝曰：细子得受业，通于九针六十篇，旦暮勤服之，近者编绝，久者简垢，然尚讽诵弗置，未尽解于意矣。外瑞言泽束为一，未知所谓也。夫大则无外，小则无内，大小无极，高下无度，束之奈何？士之才力，或有厚薄，智虑编浅，不能博大深奥，自强于学若细子，细子恐其散于后世，绝于子孙，敢问约之奈何？黄帝曰：善乎哉问也！此先师之所禁坐私传之也，割臂献血之盟也，子若欲得之何不斋乎？雷公再拜起曰：请闻命于是也。乃斋宿三日而清回：敢问今日正阳，细子愿以受盟。黄帝乃与俱入斋室，割臂献血。黄帝亲祝曰：今日正阳，献血传方，有敢背此言者，反受其殃。雷公再拜曰：细子受之。黄帝乃左握其手，右授之书，曰：慎之慎之，吾为子言之。凡刺之理，经脉为始，营其所行，知其度量，内刺五藏，外刺六府，审察卫气，为百病母，调其虚实，虚实乃止，泻其血络，血尽不殆矣。雷公曰：此背细子之所以通，未知其所约也。黄帝曰：夫约方者，犹约囊也，囊满而弗约，则输泄，方成弗约，则神与弗俱。雷公曰：愿为下材者，勿满而约之。黄帝曰：未约而知约之以为工，不可以为天下师。雷公曰：

愿闻为工。黄帝曰：寸口主中，人迎主外，两者相应，俱往俱来，若引绳大小齐等。春夏人迎微大，秋冬寸口微大，如是者名曰千人。人迎大一倍于寸口，病在足少阳，一倍而躁，在手少阳。人迎二倍，病在足太阳，二倍而躁，病在手太阳。人迎三倍，病在足阳明，三倍而躁，病在手阳明。盛则为热，虚则为寒，紧则为痛痹，代则乍甚乍间。盛则泻之，虚则补之，紧痛则取之分肉，代则取血络且饮药，陷下则灸之，不盛不虚，以经取之，名曰经刺。人迎四倍者，且大且数，名曰溢阳，溢阳为外格，死不治。必审按其本末，察其寒热，以验其藏府之病。寸口大于人迎一倍，病在足厥阴，一倍而躁，在手心主。寸口二倍，病在足少阴，二倍而躁；在手少阴。寸口三倍，清在足太阴，三倍而躁，在手太阴。盛则忧满。寒中、食不化，虚则热中、出庭、少气、溺色变，紧则痛痹，代则乍痛乍止。盛则泻之，虚则补之，紧则光刺而后灸之，代则取血络而后调之，陷下则徒灸之，降下者，脉血结于中，中有著血，血寒，故宜灸之，不盛不虚，以经取之。寸口四倍者，名曰内关，内关者，且大且数，死不治。必审察其本末之寒温，以验其藏府之病，通其营输，乃可传于大数。大数曰：盛则徒泻之，虚则徒补之，紧则灸刺且饮药，陷下则徒灸之，太盛不虚，以经取之。所谓经治者，饮药，亦曰灸刺。脉急则引，脉大以弱，则欲安静，用力无劳也。

#### THIÊN 49 : NGŨ SẮC

Lôi Công hỏi Hoàng Đế: "Ngũ sắc riêng hiện rõ trên Minh đường u ? Tiểu tử này chưa hiểu ý nói gì"[1].

Hoàng Đế đáp: "Minh đường là vùng trên mũi. Khuyết là vùng giữa đôi mày, đình là nhan (trán và 2 bên), phồn là vùng 2 bên má, tế là vùng cửa vào lỗ tai[2]. Trong khoảng những vùng đó, nếu được biểu hiện nổi bật và rõ ràng, đứng cách nhau chừng 10 bộ, ta cũng thấy được nó hiện ra ngoài, người như thế là thọ (sống lâu), ắt đạt đến trăm tuổi"[3].

Lôi Công hỏi: "Ngũ quan được phân biệt như thế nào?"[4].

Hoàng Đế đáp: "Phần cốt cao của Minh đường thì nổi bật lên, phần bình của Minh đường thì thấp, đó là tượng của ngũ tạng theo đúng vị trí ở trung ương, lục phủ nương vào 2 bên, đầu và mặt lên ở vùng khuyết đình, vương cung ở vào vùng hạ cực, ngũ tạng được an ở vùng ngực, như vậy chân sắc của ngũ tạng sẽ đầy đủ và bệnh sắc sẽ không đến được, nhờ vậy mà vùng minh đường được nhuận trạch, sao nói rằng ngũ quan không phân biệt được?"[5]

Lôi Công hỏi: "Tiểu tử có thể nghe về trường hợp không thể phân biệt được hay không?"[6].

Hoàng Đế đáp: "Sự biểu hiện của ngũ sắc đều xuất hiện vào đúng nơi sắc bộ của nó: Khi nào cốt của vùng sắc bộ này mà hãm xuống thì người đó không thể tránh được bệnh, và khi nào các vùng sắc bộ thừa tập nhau thì dù cho có bệnh nặng cũng không chết được..."[7].

Lôi Công hỏi: "Xét ngũ quan biểu hiện ngũ sắc biết được gì?"[8].

Hoàng Đế đáp: "Màu xanh và đen thì đau, màu vàng và đỏ thì nhiệt, màu trắng thì hàn, đó gọi là ngũ quan"[9].

Lôi công hỏi: "Phân biệt thế nào giữa sự tăng thêm hoặc giảm dần của cơn bệnh?"[10].

Hoàng Đế đáp: "Ta phải xét cả trong ngoài (biểu lý)[11]. Xem mạch, nếu thấy mạch Mạch khẩu hoạt, tiểu, khẩn mà trầm, đó là bệnh đang nặng thêm ở bên trong[12]; nếu thấy mạch Nhân nghênh đại khẩn mà phù, đó là bệnh đang nặng thêm ở bên ngoài[13]; Mạch Mạch khẩu phù hoạt đó là bệnh đang tiến nặng thêm[14]; mạch Nhân nghênh trầm mà hoạt, đó là bệnh ngày càng giảm[15]; Mạch Mạch khẩu hoạt mà trầm, đó là bệnh ngày càng nặng thêm ở bên trong[16]; mạch Nhân nghênh hoạt thịnh mà phù, đó là bệnh càng nặng thêm ở bên ngoài[17]. Mạch phù trầm cùng tương đẳng với tiểu đại của Nhân nghênh và Khí khẩu, bệnh khó khỏi[18]. Nếu bệnh ở tại tạng, mạch trầm mà đại thì dễ khỏi, mạch tiểu thuộc về nghịch[19]. Nếu bệnh tại phủ, mạch phù mà đại thì bệnh dễ khỏi, mạch Nhân nghênh thịnh kiên sẽ bị thương bởi Hàn, mạch Khí khẩu thịnh kiên sẽ bị thương bởi ăn uống"[20].

Lôi Công hỏi: "Thế nào là phương pháp dựa vào sắc để đoán được bệnh nhẹ hoặc nặng?"[21].

Hoàng Đế đáp: "Sắc biến từ thô đến mịn (gọi là gián: nhẹ), từ trầm đến yếu gọi là nặng[22]. Sắc biến từ dưới lên trên, đó là bệnh nặng thêm, sắc biến từ trên xuống dưới, vắng mây tan trong trẻo, đó là bệnh đang khỏi dần[23]. Ngũ sắc đều có bộ vị của mỗi tạng, có bộ vị bên ngoài, có bộ vị bên trong[24]. Nếu sắc đi từ bộ vị bên ngoài để vào đến bộ vị bên trong, đó là bệnh đi từ ngoài vào trong, nếu sắc đi từ bộ vị trong để ra ngoài, đó là bệnh đi từ trong ra ngoài[25]. Nếu bệnh sinh từ bên trong thì trước trị âm, sau mới trị Dương, nếu trị nghịch lại sẽ làm cho bệnh nặng

thêm[26]. Nếu bệnh sinh ra ở Dương thì trước trị bên ngoài, sau đó mới trị bên trong, nếu trị nghịch lại sẽ làm cho bệnh nặng thêm[27].

Nếu mạch hoạt đại mà đại trường, đó là bệnh từ ngoài vào, mắt như thấy 1 cái gì, giống như ghét 1 cái gì, đây là do Dương khí nhập vào nhau vậy, nó có thể biến để khỏi bệnh"[28].

Lôi Công hỏi: "Tiểu tử nghe nói rằng: Phong là chỗ bắt đầu của trăm bệnh, quyết nghịch là chỗ khởi lên của Hàn Thấp, làm thế nào để phân biệt được ?"[29].

Hoàng Đế đáp: "Nên xem sự biểu hiện ở giữa vùng khuyết, nếu nơi này mầu nhạt mà nhuận ướt thì thuộc Phong, còn nếu mầu da sậm sâu thì thuộc Tỳ, nếu sắc hiện ra ở vùng Địa, vùng hạ bộ của mặt thì đó là thuộc chứng Quyết... Đó là cái lẽ thường của sự biểu hiện, tức là phương pháp dựa vào sắc để đoán ra chứng bệnh"[30].

Lôi Công hỏi: "Làm thế nào ta có thể biết được 1 người không có bệnh mà có thể chết đột ngột ?"[31].

Hoàng Đế đáp: "Khi tà khí mạnh nhập vào tạng phủ thì sẽ làm cho người đó không bệnh mà vẫn bị chết đột ngột"[32].

Lôi Công hỏi: "Có những khi bệnh đã giảm bớt phần nào rồi, nhưng cứ vẫn chết 1 cách đột ngột, làm thế nào để biết được điều đó ?"[33].

Hoàng Đế đáp: "Khi nào có mầu đỏ nổi lên ở 2 gò má to như ngón chân cái, dù bệnh có giảm đi nhưng vẫn chết đột ngột; khi nào có mầu đen xuất hiện nơi vùng trán to như ngón chân cái, dù không bệnh vẫn chết 1 cách đột ngột"[34].

Lôi Công lạy 2 lạy hỏi: "Đúng thay ! Cái chết đó có định vào 1 lúc nào không ?"[35].

Hoàng Đế đáp: "Xét cái sắc khí để nói được cái thời sẽ chết"[36].

Lôi Công hỏi: "Đúng thay ! Thần xin được nghe cho kỹ"[37].

Hoàng Đế đáp: "Đỉnh là biểu hiện cho đầu và mặt, khuyết là biểu hiện cho yết hầu, khuyết trung là biểu hiện cho Phế, hạ cực là biểu hiện cho Tâm, trục hạ là biểu hiện cho Can, bên tả của Can là Đờm, hạ là biểu hiện cho Tỳ, phương thượng là biểu hiện cho Vị, trung ương là biểu hiện cho Đại trường, nương theo Đại trường là Thận, ngay nơi Thận là rún, từ diện vương trở lên là biểu hiện cho Tiểu trường, từ diện vương trở xuống là biểu hiện cho Bàng quang và tử cung, gò má là biểu hiện cho 2 vai, bên sau gò má biểu hiện cho cánh tay, dưới cánh tay là biểu hiện của bàn tay, bên trên khoeo mắt trong biểu hiện cho vùng ngực và vú, từ bên ngoài 2 má trở lên biểu hiện cho vùng lưng, dọc theo hàm của răng xuống dưới biểu hiện cho đùi vế, vùng chính giữa của 2 hàm răng biểu hiện cho đầu gối, từ đầu gối trở xuống thuộc cẳng chân, ngay từ cẳng chân trở xuống là bàn chân, vùng nếp nhăn ở 2 bên miệng biểu hiện cho mép trong đùi vế, vùng xương quai cơ động biểu hiện cho vùng di động của từ môi đến huyết Địa thương[38]. Trên đây là những bộ vị của những chi và tiết của ngũ tạng lục phủ, mỗi sự biểu hiện đều có bộ phận của nó mà khi đã định được bộ phận thì có thể dùng Âm để hòa cho Dương, dùng Dương để hòa cho Âm[39]. Nếu rõ được bộ phận thì vận lần hành động vận lần đúng, và nếu phân biệt được con đường quay tả và quay hữu tức là đã biết được con đường lớn của Âm Dương vậy[40]. Sự biểu hiện sẽ có những bộ vị khác nhau về sắc khí ở nam hay nữ, cho nên gọi đó là con đường vận hành của Âm Dương, nếu thăm sát được sự nhuận trạch hoặc khô héo, đó gọi là người thầy khéo[41].

Sắc khí nếu nổi rõ ra ngoài mà dơ đục, tối tăm thuộc về nội (lý), nếu nổi rõ ra ngoài mà nhuận trạch sáng sủa thì thuộc về ngoại (biểu)[42]. Dựa vào sự biểu hiện, của sắc khí trên mặt ta có thể đoán được: nếu biểu hiện bằng mầu vàng, đỏ, đó là thuộc Phong[43], mầu xanh đen thuộc chứng đau[44], mầu trắng thuộc Hàn[45], mầu vàng mà nhuận trạch như mầu mỡ béo, đó là triệu chứng của ung và mù[46], mầu đỏ sậm là triệu chứng của huyết ú lại, đau nhức nặng đến vùng gân và cốt sẽ thành chứng co quắp, nếu lạnh nhiều sẽ làm cho da mất cảm giác[47]. Ngũ sắc đều biểu hiện nơi bộ vị của mình: nên xét rõ sự phù hay trầm để biết được nó ở cạn hay sâu[48], nên xét được sự nhuận trạch hoặc khô héo để nắm được sự thành bại[49], nên xét sự phân tán hay đoàn tụ của sắc khí để biết được bệnh mới hay cũ[50], nên xét xem sắc khí đang đi lên hay xuống để biết bệnh xảy ra nơi nào[51], nên giữ thần khí ở Tâm để biết được bệnh đã qua lâu rồi hay bệnh mới gần đây[52]. Vì thế, nếu ngắm khí sắc mà không tinh vi thì ta không thể biết được đúng hay sai, chỉ có khi nào ta để tâm và ý thuộc vào nhau tức là chuyên tâm lưu ý đừng để nó bị xao động ra ngoài thì ta mới có thể biết được bệnh cũ hay mới[53]. Nếu sắc khí không sáng tỏ lắm mà chỉ trầm trệ khô héo, đó là triệu chứng của bệnh nặng, còn nếu như tuy không nhuận trạch sáng sủa cho lắm, nhưng cũng không đến nỗi chìm sâu và khô héo thì bệnh sẽ không nặng lắm[54]. Sắc khí tán nhưng không

lưu lại, đó là bệnh chưa tụ lại, bệnh đang tán rộng, cho dù khí có đau nhức cũng chưa tụ lại thành nơi nào[55].

Khi mà Thận thừa lên Tâm thì Tâm bệnh trước nhưng Thận sắc lại ứng để hiện ra ngoài, sắc khí tụ lại và biểu hiện đều như thế[56]. Ở người con trai, nếu sắc khí hiện ra ở diện vương thì gây thành chứng tiểu phúc đau, biểu hiện ra ở dưới diện vương thì hòn dái bị đau[57]. Vùng của huyết Nhân trung thuộc dương vật bị đau, vùng nằm bên trên huyết Nhân trung thuộc thân của dương vật, vùng dưới Nhân trung thuộc đầu của dương vật, đây là trường hợp đau của chứng Hồ sán và Đồi âm[58]. Ở người con gái, nếu sắc khí hiện ra ở diện vương thì bệnh sẽ xảy ra ở Bàng quang và tử cung: nếu sắc khí tán ra thì sẽ đau, nếu sắc khí tụ lại thì bệnh cũng đang tụ lại, nếu đã tụ lại bên trong thì dù dạng vuông hay tròn, bên trái hoặc bên phải, đều giống như hình sắc hiện ra bên ngoài, khi nó đi theo để xuống đến bên dưới vùng diện vương thì chứng tỏ có bị chứng dâm trọc, nếu như nó biểu hiện ra như hình trạng của mỡ béo, đó là do ăn quá nhiều những thức ăn không được điều tiết, nếu sắc hiện ra ở bên trái thì bệnh ở trái, sắc hiện ở bên phải thì bệnh ở bên phải[59]. Sắc khí biểu hiện ra đều do tà khí, dù tụ hay tán cũng đều nghiêng lệch chứ không đoan chính, tất cả đều dựa vào những vùng chỉ rõ của sắc diện[60].

Sắc gồm xanh, đen, trắng, vàng, tất cả đều biểu hiện 1 cách đoan chính, đầy đủ, đều có những bộ phận riêng của nó, nay nếu nơi bộ phận nào đó màu đỏ, thì sắc của nó cũng đỏ và to như trái giáp, trái du lại hiện lên nơi vùng diện vương, như vậy họ sẽ chết không quá 1 ngày[61]. Khi nào khí sắc biểu hiện lên những vùng cao và nhọn, đó là khí ở đầu và mặt bị không hu cho nên tà khí mới hướng lên trên chỗ cao[62]. Khi nào sắc khí hiện ra nơi chỗ lõm nhọn xuống tức là tà khí cũng hướng xuống chỗ thấp[63]. Tà khí ở bên trái hoặc bên phải cũng luận theo lẽ như trên[64]. Khi dùng ngũ sắc để gọi các tạng thì: màu xanh thuộc về Can, màu đỏ thuộc về Tâm, màu trắng thuộc về Phế, màu vàng thuộc về Tỳ, màu đen thuộc về Thận[65]. Can hợp với gân, tâm hợp với mạch, Phế hợp với bì, Tỳ hợp với nhục, Thận hợp với cốt vậy"[66].

## 灵枢—五色第四十九

雷公问于黄帝曰：五色独决于明堂乎？小子未知其所谓也。黄帝曰：明堂者鼻也，阙者眉间也，庭者颜也，著者颊侧也，蔽者耳门也，其间欲方大，去之十步，皆见于外，如是者寿必中百岁。雷公曰：五官之辨条例黄帝曰：明堂骨高以起，平以直，五藏次于中央，六府挟其两侧，首面上于闲庭，王宫在于下极，五藏安于胸中，真色以致，病色不见，明堂润泽以清，五官恶得无辨乎？雷公曰：其不辨者，可得闻乎？黄帝曰：五色之见也，各出其色部。部骨陷者，必不免于病矣。其色部乘袭着，虽病甚，不死矣。雷公曰：它五色奈何？黄帝曰：青黑为痛，黄赤为热，白为寒，是谓五官。雷公曰：病之益甚，与其方衰如何？黄帝曰：外内皆在焉。切其脉口滑小紧以沉者，病益甚，在中；人迎气大紧以浮者，其病益甚，在外。其脉口浮滑者，病日进；人迎沉而滑者，病日损。其脉口滑以沉着，病日进，在内；其人迎脉滑盛以浮者，其病日进，在外。脉之浮沉及人迎与寸口气小大等者，病难已。病之在藏，沉而大者，易已，小为逆；病在府，浮而大者，其病易已。人迎盛坚者，伤于寒；气口盛坚者，伤于食。雷公曰：以色言病之间甚奈何？黄帝曰：其色粗以明，沉夭者为甚，其色上行者病益甚，其色下行如云彻散者病方已。五色各有藏部，有外部，有内部也。色从外部走内部考，其病从外走内；其色从内走外者，其病从内走外。病生于内者，先治其阴，后治其阳，反者益甚；其病生于阳春，先治其外，后治其内，反者益甚。其脉滑大以代而长者，病从外来，目有所见，志有所恶，此阳气之并也，可变而已。雷公曰：小子闻风者，百病之始也；厥逆者，寒湿之起也，别之奈何？黄帝曰：常候阙中，薄泽为风，冲浊为痹，在地为厥，此其常也，各以其色言其病。雷公曰：人不病卒死，何以知之？黄帝曰：大气入于藏府者，不病而卒死矣。雷公曰：病小愈而卒死者，何以知之？黄帝曰：赤色出两颧，大如母指者，病虽小愈，必卒死。黑色出于庭，大如母指，必不病而卒死。雷公再拜曰：善哉！其死有期乎？黄帝曰：察色以言其时。雷公曰：善乎【愿卒闻之。黄帝曰：庭者，首面也。闭者，咽喉也。阙中者，肺也。下极者，心也。直下者，肝也。肝左者，胆也。下者，脾也。方上者，胃也。中央者，大肠也。扶大肠者，肾也。当肾者，脐也。面王以上者，小肠也。面王以下者，膀胱于处也。颧者，肩也。顿后者，臂也。臂下者，手也。目内毗上者，膺乳也。扶绳而上者，背也。168循牙车以下者，股也。中央者，膝也。膝以下者，胜也。当胜以下者，足也。巨分者，股里也。巨屈者，膝腹也。此五藏六府肢节之部也，各有部分。有部分，用阴和阳，用阳和阴，当明部分，万举万当，能别左右，是谓大道，男女异位，故曰阴阳，审察泽夭，谓之良工。沉浊为内，浮泽为外，黄赤为风，青黑为痛，白为寒，黄而膏润为脓，赤甚者为血，痛甚为挛，寒甚为皮不仁。五色各见其部，察其浮沉，以知浅深，察其浑夭，以观成败，察其散传，以知远近，视色上下，以知病处，积神于心，以知往今。故相气不微，不知是非，属意勿去，乃知新政。色明不粗，沉夭为甚；不明不泽，其病不甚。其色散，驹驹然未有聚；其病散而气痛，聚未成也。肾乘心，心先病，肾为应，色皆如是。男子色在于面工，为小腹痛，下为卵痛，其囟直为茎痛，高为本，下为首，狐迹癌明之属也。女子在于面王

，为膀胱子处之病，散为痛，传为聚，方员左右，各如其色形。其随而下至服为建，有润如育状，为暴食不洁。左为左，右为右，其色有邪，聚散而不端，面色所指者也。色者，青黑赤日黄，皆端满有别乡。别乡赤者，其色亦大如榆荚，在面王为不回。其色上锐，首空上向，下锐下向，在左右如法。以五色命藏，青为肝，赤为心，白为肺，黄为脾，黑为肾。肝合筋，心合脉，肺合皮，脾合肉，肾合骨也。

#### THIÊN 50 : LUẬN DŨNG

Hoàng Đế hỏi Thiếu Du: "Nay có người ở đây, họ cùng đi với nhau, đứng 1 chỗ với nhau, trong số có nhiều lớp tuổi già, trẻ... họ mặc quần áo dày mỏng như nhau. vậy mà thỉnh linh gặp 1 cơn gió mạnh, mưa to, có người bị bệnh, có người không bị bệnh, hoặc đều bị bệnh, hoặc đều không bị bệnh, nguyên nhân nào khiến như vậy?"[1].

Thiếu Du đáp: "Bệ hạ muốn hỏi việc nào trước tiên?"[2].

Hoàng Đế đáp: "Ta mong được nghe tất cả"[3].

Thiếu Du đáp: "Mùa xuân thuộc Thanh Phong, mùa hạ thuộc Dương Phong, mùa thu thuộc Lương Phong, mùa đông thuộc Hàn Phong, đây là các loại Phong thuộc tứ thời, vì thế nó gây bệnh cũng không đồng hình trạng"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Phong thuộc tứ thời gây bệnh nơi con người như thế nào?"[5].

Thiếu Du đáp: "Người nào sắc khí vàng, da mỏng, thịt mềm, họ sẽ không thắng được hư Phong của mùa thu[6]. Người nào sắc khí đỏ, da mỏng, thịt mềm, họ sẽ không thắng được hư Phong của mùa đông"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Người có sắc khí đen mà da dày, thịt rắn chắc, họ sẽ không bị thương bởi Phong khí của tứ thời[8]. Khi nào da của họ mỏng, thịt không rắn chắc, sắc khí lại thay đổi bất nhất thì khi nào mùa trường hạ đến lại có hư Phong, họ sẽ bị bệnh[9]. Khi nào da họ dày, thịt rắn chắc thì mùa trường hạ đến lại có hư Phong, họ cũng không bị bệnh[10]. Khi nào da họ dày, thịt rắn chắc, nếu họ bị trúng cảm (cả Phong lẫn Hàn), ngoại nội đều như thế, bấy giờ họ mới bị bệnh"[11].

Hoàng đế nói: "Đúng!"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Ôi! Con người có thể nhẫn thống hoặc bất nhẫn thống, không phải là điều kiện dễ, phân biệt ai là kẻ gan dạ hoặc kẻ hèn nhát[13]. Ôi! Có khi có kẻ dũng sĩ nhẫn được thống, khi họ thấy việc gì khó khăn thì họ e sợ, nhưng khi gặp sự đau đớn thì họ không bị lay chuyển[14]. Ôi! Có khi có kẻ dũng sĩ nhẫn được thống, khi họ thấy việc gì khó khăn, họ không e sợ, khi họ gặp sự đau đớn, họ không bị lay chuyển[15]. Ôi! kẻ khiếp sĩ không nhẫn được thống, mặt họ lấm lét, sợ đến nỗi không nói được lên lời, họ kinh hoàng đến thất đi sắc khí ở mặt, nhan sắc ở mặt bị thay đổi, dờ chết, dờ sống[16]. Những điều nói trên ta đã thấy rõ rồi, nhưng ta chưa hiểu tại sao lại như vậy, ta mong được nghe về nguyên do khiến như vậy"[17].

Thiếu Du đáp: "Ôi! vấn đề nhẫn thống và bất nhẫn thống chỉ là dùng để phân biệt được sự dày mỏng của làn da, sự cứng mềm và căng lơi của bắp thịt mà thôi, chứ không dùng để bàn về dũng và khiếp của con người"[18].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về những gì đã tạo nên con người dũng và khiếp"[19].

Thiếu Du đáp: "Người dũng sĩ là người có đôi mắt sâu mà vững vàng, to rộng, nhìn thẳng và bộc lộ nét sáng suốt, Tam tiêu và tẩu lý giăng trên bắp thịt thông cả ngang và dọc, Tâm khí đoạn chính, ngay thẳng, Can khí rộng và cứng rắn, Đờm khí đầy đủ và tỏa rộng ra đến tứ chi, khi nổi giận lên thì khí thịnh ngực căng ra, Can khí nổi lên Đờm khí tỏa rộng ra, khoe mắt như muốn toét ra và đôi mắt tròng lên, lông mao dựng dậy, mặt xanh, Đó là những gì mà người dũng sĩ biểu lộ ra"[20].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về những sự bộc lộ của người khiếp sĩ"[21].

Thiếu Du đáp: "Người hèn nhát có đôi mắt to đến nỗi không khép kín lại được, khí sắc Âm Dương để mắt, Tam tiêu và tẩu lý không được ngang rộng ra, xương che ngực (kết vu) ngắn mà nhỏ, Can hệ lỏng lẻo, Đờm khí không đầy đủ và lỏng lẻo, Trường và Vị co khúc lại, dưới hông sườn rộng, tuy vừa mới nổi giận mà khí cũng vẫn không lên được đầy ngực. Can khí và Phế khí tuy đang bùng lên nhưng khí lại suy muốn quay trở xuống, vì thế họ không thể kéo dài cơn giận, Đó chính là nét bộc lộ của kẻ hèn nhát"[22].

Hoàng Đế hỏi: "Kẻ hèn nhát có rượu vào, cơn giận của họ sẽ không kém bậc dũng sĩ, tạng nào đã khiến thành như thế?"[23].

Thiếu Du đáp: "Rượu là tinh khí của thủy cốc, là chất dịch của thực cốc (cơm nấu chín), Khí của nó nhanh nhẹ, hung hãn, khi nó đi vào trong Vị sẽ làm cho Vị bị trướng, khí của nó sẽ nghịch lên trên làm đầy lồng ngực, làm cho Can khí phù và Đờm khí hoành, Ngay lúc bấy giờ (lúc say), họ vốn so mình với bậc dũng sĩ, nhưng khi khí



bị voi đi họ sẽ hối; Khi mà họ tự xem mình là đồng loại với dưng sĩ, không biết kiêng tránh điều gì, ta gọi đó là kẻ từ bội"[24].

### 灵枢—论勇第五十

黄帝问于少俞曰：有人于此，并行并立，其年之长少等也，衣之厚薄均也，卒然遇烈风暴雨，或病或不病，或皆病，或皆不病，其故何也？少俞曰：帝问柯急？黄帝曰：愿尽闻之。少俞曰：者青①风，夏阳风，秋凉风，各寒风。凡此四时之风者，其所病各不同形。黄帝曰：四时之风，病人如何？少俞曰：黄色薄皮弱肉者，不胜春之虚风；白色薄皮弱肉者，不胜夏之虚风；青色薄皮弱肉，不胜秋之虚风；赤色薄皮弱肉，不胜冬之虚风也。黄帝曰：黑色不病乎？少俞曰：黑色而皮厚肉坚，固不伤于四时之风，其皮薄而肉不坚，色不一者，长夏至而有虚风者，病矣。其皮厚而肌肉坚者，长夏至而有虚风，不病矣。其皮厚而肌肉坚者，必重感于寒，外内皆然，乃病。黄帝曰：善。黄帝曰：夫人之忍痛与不忍痛者，非勇怯之分也。夫勇士之不忍痛者，见难则前，见病则止；夫怯士之忍痛者，闻难则恐，遇痛不动。夫勇士之忍痛者，见难不恐，①青：（甲乙经）作“温”。\169遇痛不动。夫怯士之不忍痛者，见难与痛，目转面盼，恐不能言，失气惊，颜色变化，乍死乍生。余见其然也，不知其何由，愿闻其故。少俞曰：夫忍痛与不忍痛者，皮肤之薄厚，肌肉之坚脆缓急之分也，非勇怯之谓也。黄帝曰：愿闻勇怯之所由然。少俞曰：勇士考，目深以固，长衡直畅，三焦理横，"其心揣直，其肝大以坚，其胆满以榜，怒则气盛而胸张，肝举而胆横，毗裂而目扬，毛起而面苍，此勇士之由然者也。黄帝曰：愿闻怯士之所由然。少俞曰：怯士者，目大而不减，阴阳相失，其焦理纵，服骷短而小，肝系缓，其胆不满而纵，肠胃挺，胁下空，虽方大怒，气不能满其胸，肝肺员举，气衰复下，故不能久怒，此怯士之所由然者也。黄帝曰：怯士之得酒，怒不避勇士者，何藏依然？少俞曰：酒者，水谷之精，熟谷之液也，其气凛悍，其人于胃中，则胃胀，气上逆，满于胸中，肝浮胆横。当是之时，固比于勇士，气衰则悔。与勇士同类，不知避之，名曰酒停也。

### THIÊN 51: BỐI DU

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta mong được nghe các huyết du của ngũ tạng xuất ra ở vùng lưng"[1].

Kỳ Bá đáp: "Huyết du lớn ở ngực (lưng) nằm tại đầu của trũ cốt[2]. Phê Du nằm ở trong khoảng Tam tiêu[3], Tâm Du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thú năm[4], Cách du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thú bảy[5], Can du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thú chín[6], Tỳ du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thú mười một[7], Thận du nằm ở trong khoảng khe của đốt xương thú mười bốn[8], tất cả đều nương dọc theo cột sống, cách mạch Đốc của cột sống 3 thôn[9]. Nay muốn tìm được huyết, ta hãy ấn lên nơi có huyết khí, nó sẽ ứng với bên trong và sự đau nhức sẽ dễ chịu, đó chính là nơi của du huyết vậy[10]. Dùng phép cứu thì được, dùng phép châm thì không được[11]. Khi nào khí thịnh thì dùng phép tả, khi nào khí hư thì dùng phép bổ[12]. Khi nào dùng hỏa để bổ thì dùng có thổi vào đóm lửa (ngải cứu), nên để cho nó cháy đến khi tắt hẳn[13], khi nào dùng hỏa để tả thì dùng thổi nhanh đóm lửa, đó là muốn truyền qua đóm ngải, nên để cho lửa này cháy cho đến tắt hẳn"[14].

### 灵枢—背跑第五十一

黄帝问于岐伯曰：愿闻五藏之航，出于背者。岐伯曰：胸中大胸在押骨之端，肺份在三焦①之间，心脑在五焦之间，隔份在七焦之间，肝翁在九焦之间，脾份在十一焦之间，肾胞在十四焦之间。皆挟脊相去三寸所，则欲得而验之，按其处，应在中而痛解，乃其脑也。灸之则可，刺之则不可。气盛刚泻之，虚则补之。以火补考，毋吹其火，须自灭也；以火泻者，疾吹其火，传其艾。须具火灭也。

### THIÊN 52: VỆ KHÍ

Hoàng Đế hỏi: "Ngũ tạng là nơi tàng giữ tinh, thần, hồn, phách[1], Lục phủ là nơi thọ nhận thủy cốc để hóa, để thành thức ăn[2]. Khí của nó bên trong dưỡng ngũ tạng, bên ngoài liên lạc với các chi và các tiết[3]. Khí nào phủ mà không vận hành theo các kinh thuộc về vệ khí[4], khí tinh thì vận hành trong các kinh thuộc về doanh khí[5]. Thế là Âm Dương tùy vào nhau, trong và ngoài cùng quán xuyên nhau như chiếc vòng ngọc không có đầu mối, như dòng nước trôi chảy qua nhiều bên bờ nhưng rất êm xuôi, không làm gì cho cũng được[6]. Tuy nhiên sự phân biệt Âm Dương, tất cả đều phải theo tiêu bản, hư thực nơi nó tách rời nhau[7]. Nếu ta biết phân biệt 12 kinh của Âm Dương, ta sẽ biết được sinh ra nơi đâu[8]; Nếu ta có thể nắm được sự biểu hiện hư thực tại nơi nào, ta sẽ biết được bệnh xảy ra ở trên cao hay dưới thấp[9]; Nếu ta biết được những

con đường khí nhai của lục phủ, ta có thể giải được những kết tụ, biết được lẽ tương hợp và kế tiếp nhau nơi cánh cửa của sự sống[10]; Nếu ta biết được sự cứng mềm của hu thực, ta sẽ biết được phải bỏ tả nơi nào[11]; Nếu ta biết được tiêu bản của lục kinh, ta sẽ không còn bị mê hoặc bởi người trong thiên hạ"[12].

Kỳ Bá đáp : "Ôi ! To rộng thay lời luận bàn của bậc Thánh đế, Thần xin nói cho hết ý của mình[13]. Bản của kinh túc Thái dương nằm ở trên gót chân 5 thốn, tiêu của nó nằm ở vùng 2 lạc thuộc mệnh môn, mệnh môn đây là nơi đôi mắt[14]. Bản của kinh túc Thiếu dương nằm trong khoảng huyết Khiếu Âm, tiêu của nó nằm ở trước huyết Song Long, huyết Song Long ở vùng tai[15]. Bản của kinh túc Thiếu âm nằm ở phía dưới mắt cá trong lên trên 3 thốn, tiêu của nó nằm ở huyết bồi du và ở phía dưới lưỡi nơi có 2 mạch[16]. Bản của kinh túc Quyết âm nằm ở nơi huyết Hành Gian lên trên 5 thốn, tiêu của nó nằm ở huyết bồi du[17]. Bản của kinh túc Dương minh nằm ở huyết Lệ Đoài, tiêu của nó nằm ở huyết Nhân Nghênh, túc bên dưới má cạnh vùng kết hầu[18]. Bản của kinh túc Thái âm nằm ở trước huyết Trung Phong lên trên 4 thốn, tiêu của nó nằm ở huyết bồi du và cuống lưỡi[19]. Bản của kinh thủ Thái dương nằm ở phía sau mắt cá ngoài của tay, tiêu của nó nằm ở phía trên mệnh môn (mắt) 1 thốn[20]. Bản của kinh thủ Thiếu dương nằm ở trong khoảng của ngón út và ngón áp út lên trên 2 thốn, tiêu của nó nằm ở bên ngoài của góc trên phía sau tai, nơi phía mắt ngoài[21]. Bản của kinh thủ Dương minh nằm ở xương khủy tay, lên đến vùng biệt Dương, tiêu ở tại dưới góc trán, kẹp giữa 2 tai[22]. Bản của kinh thủ Thái âm nằm ở giữa huyết Thốn khẩu, tiêu ở tại động mạch trong nách[23]. Bản của kinh thủ Thiếu âm nằm ở đầu xương nhọn cổ tay, tiêu ở tại huyết bồi du[24]. Bản của kinh thủ Tâm chủ nằm ở trong khoảng giữa 2 đường gân phía sau bàn tay 2 thốn, tiêu ở tại dưới nách xuống 3 thốn[25]. Phàm tất cả được biểu hiện của những kinh trên, nếu phía dưới bị hư thì bị chứng choáng váng, phía trên bị thịnh thì bị nhiệt mà đau[26]. Nếu bị thực (thạch) (có thể dùng phép tả) để giải bớt cái kết ngưng được bệnh, nếu bị hư thì có thể dùng phép bổ để dẫn đạo cho chân khí phân chấn (không còn suy nữa)[27]. Thần xin nói thêm về khí "nhai", khí ở đầu có "nhai", khí ở cẳng chân có "nhai", cho nên khí ở đầu bị thực hay hư nên trị dứt ở não[28], nếu khí ở ngực bị thực hay hư nên trị dứt ở vùng bồi du và các vùng động mạch nằm 2 bên rốn[29], nếu khí ở cẳng chân bị thực hay hư nên trị dứt ở huyết Khí Nhai và huyết Thừa Sơn và vùng trên dưới mắt cá[30]. Khi thủ các huyết này, nên dùng hào châm, trước hết nên ấn vào nơi huyết rất lâu, chùng nào mạch khí ứng với tay mới châm vào[31]. Nó trị các chứng đầu đau, choáng váng, té nhào, bụng đau, vùng Trung tiêu bị đầy, trướng lên dữ dội, nếu như các chứng tích khí mới có, đau nhưng có dờn chỗ thì dễ khỏi, nếu tích khí mà không đau thì khó khỏi"[32].

## 灵枢—卫气第五十二

黄帝曰：五藏者，所以藏精神魂魄者也。六府者，所以受水谷而行化物者也。其气内干②五藏，而外络肢节。其浮气之不循经者，为卫气；其精气之行于经者，为营气。阴阳相随，外内相贯，如环之无端，亭亭淳淳乎，孰能穷之。然其分别阴阳，皆有标本应实所离之处。能别阴阳十二经者，知病之所生。候虚实之所在者，能得病之高下。知六府之气街者，能知解结契绍于门户。能知虚石③之坚款者，知补泻之所在。能知六经标本者，可以无惑于天下。妨伯曰：博都圣帝之论！臣请尽意悉言之。足太阳之本，在跟以上五寸中，标在两络命门。命门者，目也。足少阳之本，在宪明之间，标在窗镜之前。窗笼者，耳①焦：(太素)与(素问·血气形志篇)王冰注引(灵概及(中法排"椎"。下同。②干：(大秦)作"入于"。③石：(甲乙经)、(太累)作"实"。下同。170也。足少阴之本，在内踝下上三寸中，标在背脑与舌下两脉也。足厥阻之本，在行间上五寸所，标在背胞也。足阳明之本，在厉兑，标在人迎须技项颞也。足大阴之本，在中封前上四寸之中，标在背胞与舌本也。手太阳之本，在外踝之后，标在命门之上寸也。手少阳之本，在小指次指之间上二寸，标在耳后上角下外毗也。手阳明之本，在肘骨中，上至别阳，标在颜下台钳上也。手太阳之本，在寸口之中，标在腋内动也。手少阻之本，在锐骨之端，标在背份也。手心主之本，在掌后两筋之间二寸中，标在腋下三寸也。凡候此者，下虚则厥，下篮则热；上虚则眩，上篮则热痛。故石者绝而止之，虚者5而起之。请言气街：胸气有街，腹气有街，头气有街，胜气有街。放气在头者，止之于脑。气在胸者，止之膺与背肌气在腹者，止之背胞与冲脉于脐左右之动脉者。气在胶者，止之于气街与承山踝上以下。取此者用毫针，必先按而在久应于手，乃刺而予之。所治者，头痛眩仆，腹痛中满暴胀，及有新积。痛可移者，易已也；积不痛，难已也。

## THIÊN 53: LUẬN THÔNG

Hoàng Đế hỏi Thiếu Du: "Sự cường hay nhược của gân và cốt, sự cứng mềm của cơ nhục, sự dày mỏng của bì phu, sự kín đáo và thưa rỗng của tấu lý (trong thân thể của con

người), tất cả đều không đồng nhau, như vậy đối với sự cảm nhận và vấn đề đau nhức đối với việc châm bằng đá và mỗi ngải cứu sẽ thế nào ?[1] Sự dày và mỏng, cứng và mềm của Trường Vị cũng không đồng nhau, như vậy đối với sự chịu đựng về tác dụng của độc dược sẽ thế nào ? Ta mong được nghe về tất cả những thắc mắc nói trên"[2].

Thiếu Du đáp: "Có 1 số người, xương của họ cứng, gân của họ mềm, thịt của họ mềm mại, bì phu dày, họ có thể chịu được sự đau nhức, và do đó, họ cũng có thể chịu đựng được sự thống cảm do châm và cứu gây nên"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào có thể biết được số người nào đó chịu đựng được sự thống cảm do cứu đốt gây ra ?"[4].

Thiếu Du đáp: "Nếu có người thân thể cường tráng, thêm vào đó, họ có bì phu màu đen, xương cốt rắn đẹp, họ có thể chịu được sự thống cảm của sự cứu đốt"[5].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào có thể biết được số người nào đó không chịu đựng được sự thống cảm do châm thích gây ra ?"[6].

Thiếu Du đáp: "Người nào cơ nhục rắn chắc mà bì phu mỏng, đa số họ không chịu đựng được sự thống cảm của sự châm thích, do đó đối với sự thống cảm của việc cứu đốt, họ cũng không chịu được"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người đồng thời bị bệnh, nhưng có người thì dễ khỏi, có người lại khó khỏi, nguyên nhân nào khiến như thế ?"[8].

Thiếu Du đáp: "Nếu có những người đồng thời bị bệnh, người nào thân thể thường bị nhiệt thì chóng khỏi, còn người nào thân thể thường bị hàn thì khó (và lâu) khỏi"[9].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào có thể biết người nào chịu đựng được sự tấn công của độc dược ?"[10].

Thiếu Du đáp: "Khi nào Vị dày, làn da đen, xương to, thân hình mập béo, những người này có thể chịu đựng được sự tấn công của các dược vật có độc tính[11]. Do đó, ta cũng biết được rằng những người thân hình gầy ốm, Vị mỏng, họ đều không thể chịu đựng được sự tấn công của các dược vật có độc tính"[12].

### 灵枢—论痛第五十三

黄帝问于少俞曰：筋骨之强弱，肌肉之坚脆，皮肤之厚薄，股理之疏密，各不同，其于针石火炮之痛何如？肠胃之厚薄坚脆亦不等，其于毒药何如？愿尽闻之。少俞曰：人之骨强、筋弱、肉缓、皮肤厚者耐痛，其于针石之痛、火焰亦然。黄帝曰：其耐火焰者，何以知之？少俞答曰：加以黑色而美骨者，耐火焰。黄帝曰：其不耐针石之痛者，何以知之？少俞曰：坚肉薄皮者，不耐针石之痛，于火焰亦然。黄帝曰：人之病，或同时而伤，或易已，或难已，其故何如？少俞曰：同时而伤，其身多热者易已，多寒者难已。黄帝曰：人之胜毒，何以知之？少俞曰：胃厚、色黑、大骨及肥者，皆胜毒；故其瘦而薄胃者，皆不胜毒也。

### THIÊN 54: THIÊN NIÊN

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta mong được nghe con người khi bắt đầu sinh, khí gì đã dựng nên nền tảng ? Khí gì đã dựng lên vòng bảo vệ bên ngoài ? Người bị mất cái gì thì phải chết ? Người ta được cái gì để sống ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Con người khi bắt đầu tụ hình trong thai, được bẩm thụ khí huyết của mẹ làm nền tảng, bẩm thụ khí tinh dương của cha để làm khí bảo vệ bên ngoài, con người khi mất đi thần khí thì chết, khi đắc được (giữ được ) thần khí thì sống"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Cái gì gọi là thần ?"[3].

Kỳ Bá đáp : "Khi nào huyết khí đã hòa, khí vinh vệ đã thông, ngũ tạng đã thành, thần khí ở tại Tâm, hồn và phách đều có đầy đủ, bấy giờ gọi là đã thành người"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Con người khác nhau về việc sống lâu và chết non: Có người chết rất non, có người chết 1 cách nhanh chóng, có người bệnh rất lâu, Ta mong được nghe giải thích về những vấn đề đó"[5].

Kỳ Bá đáp : "Ngũ tạng được cứng rắn, vững chắc, huyết mạch được hòa điệu, cơ nhục được nhuận trơn, thông lợi, bì phu được kín đáo, sự vận hành của vinh vệ không mất đi lẽ thường của nó, sự hô hấp nhẹ nhàng, chậm đều, khí hô hấp vận hành theo đúng độ số của nó, lục phủ đóng vai tròn vẹn để hóa được thủy cốc, khí tân dịch được phân bổ ra khắp nơi đầy đủ. Tất cả đều theo đúng lẽ thường, và do đó mà họ có thể sống 1 cách lâu dài"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Có người sống lâu đến trăm tuổi mới chết, tại sao họ lại được như vậy ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Vì họ có lỗ mũi và rãnh nhân trung sâu và dài, họ thở hít được thông[8]. Cằm dưới và xung quanh bờ của mặt cao và dày, vuông vắn, sự vận hành của khí doanh vệ

được thông và điều hòa[9]. Ba vùng Tam bộ Tam lý (trán, minh đường, cằm) được vun cao, cốt cao, cơ nhục đầy đặn, người như vậy sẽ sống lâu đến trăm tuổi rồi mới chết"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề thịnh suy của khí của con người từ lúc còn nhỏ cho đến lúc chết, ta có thể nghe được không?"[11].

Kỳ Bá đáp: "Con người từ lúc sinh ra cho đến lúc 10 tuổi, lúc đó ngũ tạng mới bắt đầu định (kiện toàn), huyết khí cũng đã thông, khí đang còn ở bên dưới, cho nên thích chạy nhanh[12]; Lúc lên 20 tuổi huyết khí bắt đầu thịnh, cơ nhục đang lúc sinh trưởng, cho nên thích đi nhanh[13]; Lúc lên 30 tuổi, ngũ tạng đã hoàn toàn định, cơ nhục đã rắn chắc, huyết khí thịnh mãn, cho nên thích đi bộ[14]; Lúc lên 40 tuổi thì ngũ tạng lục phủ, thập nhị kinh mạch đều đại thịnh và đang lúc định lại không phát triển nữa, tấu lý cũng bắt đầu thưa ra, sắc diện tươi tắn bị giảm dần, tóc bắt đầu hoa râm, sự phát thịnh đã định dần không còn hướng đi lên nữa, cho nên họ thích ngồi[15]; Lúc 50 tuổi thì Can khí bắt đầu suy, Can diệp (lá gan) bắt đầu mỏng, Đờm trấp bắt đầu giảm, mắt bắt đầu kém sáng[16]; Năm 60 tuổi Tâm khí bắt đầu suy, trong lòng bắt đầu lo lắng, bi thương, huyết khí vận hành lợi chậm, vì thế họ thích nằm[17]; Tuổi 70 Tỳ khí hư, bì phu khô[18]; Tuổi 80, phế khí suy, hỗn phách ly tán, vì thế lời nói có nhiều nhầm lẫn[19]; Tuổi 90, Thận khí bị khô kiệt, kinh mạch của tứ tạng bị hư rỗng[20]; Tuổi 100, ngũ tạng đều hư, thần khí đều mất, chỉ còn tro bụi có hình hài (thân xác) để rồi chờ chết mà thôi"[21].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người không thể sống đúng với tuổi thọ của mình, tại sao vậy?"[22].

Kỳ Bá đáp: "Đó là vì ngũ tạng của họ không cứng chắc, rãnh Nhân trung không dài, hai lỗ mũi nở rộng ra ngoài, hơi thở mạnh và gấp, đồng thời vùng cơ (Địa giác) lại quá thấp, vùng tường (quanh bờ mắt) lại quá mỏng, trong mạch thiếu huyết, cơ nhục không kiên thực, và lại thường bị trúng bởi Phong Hàn làm cho huyết khí bị hư suy, con đường kinh mạch bắt thông, tà khí bên ngoài vào cùng đánh nhau với chân khí bên trong, gây nên sự rối loạn nhau trong thân thể, vì thế họ chỉ có thể sống đến nửa đời người mà thôi"[23].

#### 灵枢一天年第五十四

黄帝问于岐伯曰：愿闻人之始生，何气筑为基，何立而为婚，何失而死，何得而生？岐伯曰：以母为基，以父为根，失神者死，得神者生也。黄帝曰：何者为神？岐伯曰：血气已和，荣对已通，五藏已成，神气舍心，魂魄毕具，乃成为人。黄帝曰：人之寿夭各不同，或夭寿，或卒死，或病久，愿闻其道。岐伯曰：五藏坚固，血脉和调，肌肉解利，皮肤致密，营卫之行，不失其常，呼吸微徐，气以度行，六府化谷，津液布扬，各如其常，故能长久。171黄帝曰：人之寿百岁而死，何以致之？岐伯曰：使道隧以长，基墙高以方，通调营卫，三部三里起，骨高肉满，百岁乃得终。黄帝曰：其气之盛衰，以至其死，可得闻乎？岐伯曰：人生十岁，五藏始定，血气已通，其气在下，故好走。二十岁，血气始盛，肌肉方长，故好趋。三十岁，五藏大定，肌肉坚固，血脉盛满，故好步。四十岁，五藏六府十二经脉，皆大盛以平定，股理始流，荣华颓落，发颇斑白，平盛不摇，故好坐。五十岁，肝气始衰，肝叶始薄，胆汁始减①，目始不明。六十岁，心气始衰，苦化悲，血气懈情，故好卧。七十岁，脾气虚，皮肤枯。八十岁，肺气衰，魄离，故言善误。九十岁，肾气焦，四藏经脉空虚。百岁；五藏皆虚，神气皆去，形骸独居而终矣。黄帝曰：其不能终寿而死者，何则？岐伯曰：其五藏皆不坚，使道不长，空外以张，喘息暴疾，又卑基墙，薄脉少血，其肉不石，数中风寒，血气虚，脉不通，真邪相攻，乱而相引，故中寿而尽也。

#### THIÊN 55: NGHỊCH THUẬN

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta mong được nghe con người khi bắt đầu sinh, khí gì đã dựng nên nền tảng? Khí gì đã dựng lên vòng bảo vệ bên ngoài? Người bị mất cái gì thì phải chết? Người ta được cái gì để sống?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Con người khi bắt đầu tụ hình trong thai, được bẩm thụ khí huyết của mẹ làm nền tảng, bẩm thụ khí tinh dương của cha để làm khí bảo vệ bên ngoài, con người khi mất đi thần khí thì chết, khi đắc được (giữ được) thần khí thì sống"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Cái gì gọi là thần?"[3].

Kỳ Bá đáp: "Khi nào huyết khí đã hòa, khí vinh vệ đã thông, ngũ tạng đã thành, thần khí ở tại Tâm, hỗn và phách đều có đầy đủ, bấy giờ gọi là đã thành người"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Con người khác nhau về việc sống lâu và chết non: Có người chết rất non, có người chết 1 cách nhanh chóng, có người bệnh rất lâu, Ta mong được nghe giải thích về những vấn đề đó"[5].

Kỳ Bá đáp : "Ngũ tạng được cứng rắn, vững chắc, huyết mạch được hòa điệu, cơ nhục được nhuận trơn, thông lợi, bì phu được kín đáo, sự vận hành của vinh vệ không mất đi lẽ thường của nó, sự hô hấp nhẹ nhàng, chậm đều, khí hô hấp vận hành theo đúng độ số của nó, lục phủ đóng vai tròn vẹn để hóa được thủy cốc, khí tân dịch được phân bổ ra khắp nơi đầy đủ. Tất cả đều theo đúng lẽ thường, và do đó mà họ có thể sống 1 cách lâu dài"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Có người sống lâu đến trăm tuổi mới chết, tại sao họ lại được như vậy?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Vì họ có lỗ mũi và rãnh nhân trung sâu và dài, họ thở hít được thông[8]. Cằm dưới và xung quanh bờ của mặt cao và dày, vuông vắn, sự vận hành của khí doanh vệ được thông và điều hòa[9]. Ba vùng Tam bộ Tam lý (trán, minh đường, cằm) được vun cao, cốt cao, cơ nhục đầy đặn, người như vậy sẽ sống lâu đến trăm tuổi rồi mới chết"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề thịnh suy của khí của con người từ lúc còn nhỏ cho đến lúc chết, ta có thể nghe được không?"[11].

Kỳ Bá đáp : "Con người từ lúc sinh ra cho đến lúc 10 tuổi, lúc đó ngũ tạng mới bắt đầu định (kiện toàn), huyết khí cũng đã thông, khí đang còn ở bên dưới, cho nên thích chạy nhanh[12]; Lúc lên 20 tuổi huyết khí bắt đầu thịnh, cơ nhục đang lúc sinh trưởng, cho nên thích đi nhanh[13]; Lúc lên 30 tuổi, ngũ tạng đã hoàn toàn định, cơ nhục đã rắn chắc, huyết khí thịnh mãn, cho nên thích đi bộ[14]; Lúc lên 40 tuổi thì ngũ tạng lục phủ, thập nhị kinh mạch đều đại thịnh và đang lúc định lại không phát triển nữa, tấu lý cũng bắt đầu thưa ra, sắc diện tươi tắn bị giảm dần, tóc bắt đầu hoa râm, sự phát thịnh đã định dần không còn hướng đi lên nữa, cho nên họ thích ngồi[15]; Lúc 50 tuổi thì Can khí bắt đầu suy, Can diệp (lá gan) bắt đầu mỏng, Đờm trấp bắt đầu giảm, mắt bắt đầu kém sáng[16]; Năm 60 tuổi Tâm khí bắt đầu suy, trong lòng bắt đầu lo lắng, bì thương, huyết khí vận hành lợi chậm, vì thế họ thích nằm[17]; Tuổi 70 Tỳ khí hư, bì phu khô[18]; Tuổi 80, phế khí suy, hồn phách ly tán, vì thế lời nói có nhiều nhầm lẫn[19]; Tuổi 90, Thận khí bị khô kiệt, kinh mạch của tứ tạng bị hư rỗng[20]; Tuổi 100, ngũ tạng đều hư, thần khí đều mất, chỉ còn tro trụi có hình hài (thân xác) để rồi chờ chết mà thôi"[21].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người không thể sống đúng với tuổi thọ của mình, tại sao vậy?"[22].

Kỳ Bá đáp : "Đó là vì ngũ tạng của họ không cứng chắc, rãnh Nhân trung không dài, hai lỗ mũi nở rộng ra ngoài, hơi thở mạnh và gấp, đồng thời vùng cơ (Địa giác) lại quá thấp, vùng tường (quanh bờ mặt) lại quá mỏng, trong mạch thiếu huyết, cơ nhục không kiên thực, và lại thường bị trúng bởi Phong Hàn làm cho huyết khí bị hư suy, con đường kinh mạch bắt thông, tà khí bên ngoài vào cùng đánh nhau với chân khí bên trong, gây nên sự rối loạn nhau trong thân thể, vì thế họ chỉ có thể sống đến nửa đời người mà thôi"[23].

## 灵枢—逆顺第五十五

黄帝问于伯高曰：余闻气有逆顺，脉有盛衰，刺有大约，可得闻乎？伯高曰：气之逆顺者，所以应天地、阴阳、四时、五行也；脉之盛衰者，所以候血气之虚实有余不足。刺之大约者，必明知病之可刺，与其未可刺，与其已不可刺也。黄帝曰：候之奈何？伯高曰：（兵法）曰：无迎逢逢之气，无击堂堂之阵。（刺法）曰：无刺隐隐之热，无刺源戏之牙，无刺浑浑之脉，无制病与脉相逆者。黄帝曰：候其可刺来频伯高曰：上工，刺其未生者也，其次，刺其未盛者也，其次，刺其已衰者也；下工，刺其方衰者也，与其形之盛者也，与其病之与脉相逆者也。故曰：方其盛也，勿敢毁伤，刺其已衰，事必大昌。故曰：上工治未病，不治已病。此之谓也。

## THIÊN 56: NGŨ VỊ

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về vấn đề cốc khí gồm có ngũ vị để nhập ngũ tạng, sự phân biệt ấy như thế nào?"[1].

Bá Cao đáp : "Vị là biên của ngũ tạng lục phủ, thủy cốc đều nhập vào Vị[2]. Ngũ tạng lục phủ đều bẩm thụ khí ở Vị[3]. Ngũ vị đều chạy về nơi thích ứng của mình[4]. Loại cốc nào có vị chuathì trước hết chạy về Can[5], loại cốc nào có vị đắng thì trước hết chạy về Tâm[6], loại cốc nào có vị ngọt chạy về Tỳ[7], loại cốc nào vị cay chạy về Phế[8], loại cốc nào vị mặn chạy về Thận[9]. Khi nào cốc khí biến thành tân dịch đã được vận hành thì khí doanh vệ sẽ được thông 1 cách rộng rãi, sau đó phần còn lại biến thành chất cặn bã, theo thứ tự từ trên chạy xuống dưới ra ngoài"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Khí doanh vệ vận hành như thế nào?"[11].

Bá Cao đáp: "Thủy cốc khi bắt đầu vào Vị, khí tinh vi trước hết xuất ra từ Vị tức từ Trung tiêu, sau đó lên đến lưỡng tiêu (Thượng và Hạ tiêu) nhằm tưới thấm ngũ tạng, nó lại tách rời đi theo 2 con đường, đó là đường của doanh (doanh vận hành trong mạch), và của vệ (vệ vận hành ngoài mạch)[12]. Phần đại khí (tông khí) chỉ đoàn tụ lại mà không vận hành thì tích lại ở trong lồng ngực, mệnh danh là Khí hải[13]. Khí này xuất ra từ Phế, đi dọc theo cuống họng (gồm thực quản và khí quản), nhờ đó mà khí hô thì khí xuất ra, khí hấp thì khí nhập vào[14]. Đại số (số đại cương) của tinh khí của Thiên Địa thường là xuất ra 3 phần, nhập vào có 1 phần, vì thế nếu không có cốc khí nhập vào trong nửa ngày thì khí bị suy, trọn 1 ngày thì khí bị kém vậy"[15].

Hoàng Đế hỏi: "Ta có thể nghe giải thích về ngũ vị của cốc được không?"[16].

Bá Cao đáp: "Thần xin nói tường tận hơn: Ngũ cốc gồm: canh mễ vụn, chi ma vị chua, đại đậu vị mặn, lúa mạch vị đắng, hoàng tât vị cay[17]. Ngũ quả (trái cây) gồm: táo vị ngọt, lý vị chua, lật vị mặn, hạnh vị đắng, đào vị cay[18]. Ngũ súc (vật) gồm: trâu bò vị ngọt, chó vị chua, heo vị mặn, dê vị đắng, gà vị cay[19]. Ngũ thái (rau cải) gồm: rau qùy vị ngọt, rau hẹ vị chua, rau hoắc (lá đậu) vị mặn, rau kiệu vị đắng, hành vị cay[20]. Trong ngũ sắc, khi nào sắc vàng nên ăn vị ngọt, sắc xanh nên ăn vị chua, sắc đen nên ăn vị mặn, sắc đỏ nên ăn vị đắng, sắc trắng nên ăn vị cay[21]. Tất cả ngũ sắc này đều có những thức ăn thích hợp của nó[22]. Điều mà ta gọi là ngũ nghi: năm loại thích hợp, đó là ngũ sắc (kết hợp với ngũ vị): Tỳ bệnh thì nên ăn cơm canh mễ, thịt bò, trái táo, rau qùy[23]. Tâm bệnh nên ăn lúa mạch, thịt dê, trái hạnh, rau kiệu[24]. Thận bệnh nên ăn đại đậu hoàng quyền (giá đậu nành), thịt heo, trái lật, lá đậu[25]. Can bệnh nên ăn chi ma (mè), thịt chó, trái lý, rau hẹ[26]. Phế bệnh nên ăn lúa hoàng tât, thịt gà, trái đào, hành[27]. Ngũ cầm gồm: Can bệnh cầm ăn vị cay[28], Tâm bệnh cầm ăn vị mặn[29], Tỳ bệnh cầm ăn vị chua[30], Thận bệnh cầm ăn vị ngọt[31], Phế bệnh cầm ăn vị đắng[32]. Can hợp với sắc xanh, nên ăn vị ngọt như cơm canh mễ, thịt bò, trái táo, rau qùy, tất cả đều thuộc vị ngọt[33]. Tâm hợp với sắc đỏ, nên ăn vị chua như thịt chó, mè, trái lý, rau hẹ, tất cả đều thuộc vị chua[34]. Tỳ hợp với sắc vàng, nên ăn vị mặn như đại đậu, thịt heo, trái lật, lá đậu, tất cả đều thuộc vị mặn[35]. Phế hợp với sắc trắng nên ăn vị đắng như lúa mạch, thịt dê, trái hạnh, rau kiệu, tất cả đều thuộc vị đắng[36]. Thận hợp với sắc đen, nên ăn vị cay như lúa hoàng tât, thịt gà, trái đào, hành, tất cả đều thuộc vị cay"[37].

## 灵枢—五味第五十六

黄帝曰：愿闻谷气有五味；其入五藏，分别奈何？伯高曰：胃者，五藏六府之海也，水谷皆入于胃，五藏六府皆禀气于胃。五味各走其所喜，谷味酸，先走肝，谷味苦，先走心，谷味甘，先走脾，谷味辛，先走肺，谷味成，先走肾。谷气津液已行，营卫大通，乃化糟粕，以次传下。黄帝曰：营卫之行奈何？伯高曰：谷始入于胃，其精微者，先出于胃之两焦，以溉五藏，别出两行，营卫之道。其大气之传而不行者，积于胸中，命曰气海，出于肺，循附因，故呼则出，吸则入。天地之精气，其大数常出三入一，故谷不久，半日则气①减：原作"灭"，据周本、日刻本、(太累)、(甲乙经)改。172衰，一日则气少矣。黄帝曰：谷之五味，可得闻乎？伯高曰：请尽言之。五谷。杭米甘，麻酸，大豆咸，麦苦，黄黍辛。五果：枣甘，李酸，栗成，杏苦，桃辛。五畜：牛甘，犬酸，猪咸，羊苦，鸡辛。五菜：葵甘，韭酸，营成，续苦；葱辛。五色：黄色宜百，青色宜酸，黑色宜咸，赤色宜苦，白色宜辛。凡此五者，各有所直。五宜：所言五色者，肿病者，直食杭米饭牛肉枣葵；心病者，宜食麦羊肉杏盛；肾病者，宜食大豆黄卷猪肉栗菹；肝病者，宜食麻犬肉李韭；肺病者，宜食黄黍鸡肉桃葱。五禁：肝病禁辛，心病禁咸，脾病禁酸，肾病禁甘，肺病禁苦。肝色青，直食甘，杭米饭牛肉枣葵皆甘。心色赤，宜食酸，大肉麻李韭皆酸。脾色黄，直食咸，大豆须肉栗菹皆咸。肺色白，宜食苦，麦羊肉杏燕皆苦。肾色黑，宜食辛，黄黍鸡肉桃葱皆辛。

## THIÊN 57: THỦY TRƯỞNG

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Làm thế nào phân biệt được thủy trướng, phu trướng, cô trướng, trường đàm, thạch hà, thạch thủy?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Bệnh thủy (trướng ở bụng) khi phát lên thì mí mắt dưới hơi sưng lên, hình trạng như người vừa mới thức dậy, mạch cổ động lên, thường bị ho, mép trong đùi bị lạnh, cẳng chân bị sưng thũng lên[2]. Khi nào bụng to lên đó là lúc mà chứng thủy trướng đã thành[3]. Ta dùng tay đè lên bụng, (khi đỡ tay lên) nó sẽ theo với ngón tay để nổi lên, dường như là bên trong có bọc nước, đó là sự biểu hiện của chứng thủy trướng vậy"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Chúng phu trưởng biểu hiện như thế nào?"[5].

Kỳ Bá đáp: "Chúng phu trưởng do hàn khí ở khách tại trong khoảng bì phu, khi sờ ấn lên thấy không cứng nhưng bên trong có tiếng kêu lũng bũng, bụng to, toàn thân đều sưng thũng, da dầy lên, khi ta ấn lên da bụng, nó sẽ lõm xuống mà không nổi trở lên, màu sắc của bụng không thay đổi, đó là sự biểu hiện của chúng phu trưởng vậy"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Chúng cổ trưởng như thế nào?"[7].

Kỳ Bá đáp: "Bụng trưởng to lên, thân hình trở nên to hơn, to như là chúng phu trưởng vậy, sắc mầu xanh vàng, gân ở bụng nổi lên, đó là sự biểu hiện của cổ trưởng vậy"[8]. "Chúng Trường đàm như thế nào?"[9].

Kỳ Bá đáp: "Hàn khí ở khách bên ngoài trường (ruột), cùng đánh nhau với vệ khí, làm cho khí không còn vinh nữa, nhân vì sự vận hành có bị trì trệ do đó bị tích lại bên trong và hiện rõ ra, ác khí gây ra bệnh cũng theo đó mà dầy lên, thế là sinh ra khối "tứ nhục"[10]. Khi nó mới sinh ra, to bằng quả trứng gà, ngày càng to hơn lên, cho đến khi thành hình hẳn, nó như hình trạng của người mang thai[11]. Cách qua chừng vài năm sau ta dùng tay đè lên thấy cứng, đẩy nó, nó sẽ dời chỗ, nhưng đường kinh nguyệt vẫn chảy đến bình thường, đó là sự biểu hiện của chúng Trường đàm vậy"[12].

"Chúng thạch hà như thế nào?"[13].

Kỳ Bá đáp: "Thạch hà sinh ra trong bào cung[14]. Hàn khí ở khách tại cửa của tử cung làm cho cửa của tử cung bị bế tắc, khí không thông, ác huyết đáng lẽ phải tả ra lại không được tả, làm cho huyết bị ú lại bên trong, ngày càng to ra, hình trạng như mang thai, kinh nguyệt không chảy đến đúng kỳ[15]. Chúng này đều sinh ra ở người con gái[16]. Ta có thể áp dụng phương pháp trực ra để chảy xuống dưới"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Chúng phu trưởng và cổ trưởng có thể châm để trị được không?"[18].

Kỳ Bá đáp: "Trước hết dùng kim để tả những nơi có huyết lạc của ú huyết, sau đó mới tùy theo hư thực để điều hòa kinh mạch, dù sao vẫn dùng phương pháp châm xuất huyết ở các huyết lạc là chính"[19].

#### 灵枢—水胀第五十七

黄帝问于岐伯曰：水与联胀、鼓胀。肠覃、石浪、石水，何以别之？岐伯答曰：水始起也，目案上微肿，如新卧起之状，其颈脉动，时咳，阴股间寒，足腔懂，腹乃大，其水已成矣。以手按其腹，随手而起，如裹水之状，此其候也。黄帝曰：肤胀问以候之？岐伯曰：肤胀者，寒气客于皮肤之间，轰轰然不坚，腹大，身尽肿，皮厚，按其腹，富而不起，腹色不变，此其候也。鼓胀何如？岐伯曰：腹胀身皆大，大与肤胀等也，色苍黄，腹筋起，此其候也。肠覃何如？岐伯曰：寒气客于肠外，与卫气相搏，气不得荣，因有所系，碑而内著，恶气乃起，瘤肉乃生。其始生也，大如鸡卵，稍以益大，至其成如怀子之状，久者离岁，按之则坚，推之则移，月事以时下，此其候也。石浪何如？岐伯曰：石瘤生于脑中，寒气客于子门，子门闭塞，气不得通，恶血当泻不泻，师以留止，日以益大，状如怀子，月事不以时下，皆生于女子，可导而下。黄帝曰：肤胀鼓胀可刺邪？岐伯曰：先泻其胀之血络，后调其经，刺去其血络也。

#### THIÊN 58: TẶC PHONG

Hoàng Đế hỏi: "Thầy đã từng nói rằng tặc Phong, tà khí làm thương đến con người, làm cho con người bị bệnh, nay lại có những người chưa từng rời khỏi tấm bình phong và mái nhà của họ ở, chưa từng rời khỏi gian phòng kín như cái huyết, vậy mà đột nhiên họ lại bị bệnh, đâu có phải là họ không rời tránh được khí Phong tà? Lý do nào đã khiến như vậy?"[1]

Kỳ Bá đáp: "Đây là trường hợp những người từng bị Thấp khí làm thương[2]. Thấp tà tàng ẩn trong huyết mạch, trong khoảng phận nhục, lưu lại đây lâu ngày mà không đi được[3]. Thêm vào đó, có khi họ bị té nhào xuống, ác huyết giữ lại bên trong mà không đi được, hoặc có khi họ thỉnh linh có những tình cảm vui giận mà không kiềm chế được, có những cách ăn uống không thích ứng, bị lạnh ẩm không đúng lúc, tẩu lý bị bế nên không thông, hoặc có khi tẩu lý đang mở ra mà gặp phải Phong Hàn sẽ làm cho khí huyết bị ngưng kết, nó sẽ cùng tà khí cũ trong người đánh nhau, sẽ thành chứng Hàn tý, hoặc có khi do nhiệt mà mồ hôi ra, mồ hôi ra thì thọ Phong, tuy rằng họ không bị phải tặc phong tà khí, nhưng do vì tà khí phục tàng bên trong lại gia thêm phong khí mới cảm bên ngoài mà thành ra bệnh vậy"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Vừa rồi những lời lẽ mà thầy trình bày là những điều mà bệnh nhân có thể tự mình biết được, thế nhưng, có những trường hợp mà người bệnh không gặp phải tà

khí, cũng không bị lo lắng, ưu sầu gây mà thỉnh linh họ lại bị bệnh, nguyên nhân nào lại như vậy ? Ta chỉ có thể cho là do ở quỷ thần đã tác động đến người hay sao ?”[5].  
Kỳ Bá đáp : "Đây cũng là trường hợp mà người nào đó vốn có tà khí cũ đang ở trong thân hình giữ lại từ lâu nhưng chưa phát ra ngoài trong lúc đó chí của mình có cái ghét, có cái thương (ưa thích), huyết khí sẽ loạn bên trong, hai khí cùng đánh nhau, sự biến hóa của tinh chí bên trong và sự biểu hiện bệnh trạng bên ngoài xảy ra 1 cách chậm và nhẹ nhàng, ta nhìn không thấy, nghe không rõ, do đó mà ta cứ tưởng như là mọi việc do quỷ thần gây ra"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Ngày xưa có những người gọi là "chúc do" mà chữa bệnh cũng khỏi, nguyên nhân nào như vậy ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Trước đây, những người vu chúc chữa bệnh, nhân vì họ biết được phương pháp khắc chế bằng Tâm và Thần, trước hết biết được bệnh sinh ra từ đâu, để rồi họ áp dụng phương pháp của "chúc do" để chữa khỏi bệnh vậy"[8].

### 灵枢一贼风第五十八

**黄帝曰：夫子言贼风邪气之伤人也，令人病焉，今有其不离屏蔽，不出空①穴之中，卒然病者，非不离贼风邪气，其故何也？岐伯曰：此皆尝有所伤于湿气，藏于血脉之中，分肉之间，久留而不去；若有所堕坠，恶血在内而不去。卒然喜怒不节，饮食不节，寒温不时，腠理闭而不通。其开而遇风寒，则血气凝结，与故邪相袭，则为寒痹。其有热则汗出，汗出则受风，虽不遇贼风邪气，必有因加而发焉。黄帝曰：今夫子之所言者，皆病人之所自知也。其毋所遇邪气，又毋怵惕之所志，卒然而病者，其故何也？唯有因鬼神之事乎？岐伯曰：此亦有故邪留而未发，因而志有所恶，及有所慕，血气内乱，两气相搏。其所从来者微，视之不见，听而不闻，故似鬼神。黄帝曰：其祝②而已者，其故何也？岐伯曰：先巫者，因知百病之胜，先知其病之所从生者，可祝而已也。**

### THIÊN 59: VỆ KHÍ THẤT THUỜNG

Hoàng Đế hỏi: "Vệ khí vận hành thất thường bị lưu trệ ở trong bụng, súc tích không vận hành được, uất tụ lại nhưng không có nơi nhất định, làm cho trướng mãn ở chi thể, hông sườn và Vị hoãn, hơi thở suyễn, khí nghịch lên trên, dùng phương pháp gì để có thể trừ được chúng bệnh này ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Khi nào khí tích lại ở trong ngực, ta sẽ thủ các huyết ở vùng thượng bộ để trị[2], khi nào khí tích lại ở trong bụng, ta sẽ thủ các huyết ở vùng hạ bộ để trị[3], khi nào cả 2 vùng trên và dưới ngực và bụng đều trướng mãn, ta có thể thủ các huyết quanh vùng để trị"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Thủ những huyết nào ?"[5].

Kỳ Bá đáp : "Khí tích ở vùng ngực, nên châm tả huyết Đại Nghênh, Thiên Đột và Hầu trung (Liên Tuyền)[6], Khí tích ở vùng bụng nên châm tả huyết Tam Lý và Khí Nhai (Khí Xung)[7], Nếu cả vùng ngực và bụng đều trướng mãn, nên châm tả các huyết trên như Nhân Nghênh, Thiên Đột, Liên Tuyền, và các huyết dưới như Tam Lý, Khí Nhai, và huyết nằm bên dưới sườn cụt 1 thốn là huyết Chương Môn[8], Nếu bệnh tình nặng hơn, nên áp dụng phép châm theo kê túc ( vết chân gà)[9]. Trong lúc chẩn đoán, nếu thấy mạch của bệnh nhân đại mà huyền cấp và mạch tuyệt không đến, da vùng bụng căng lên dữ dội thì không nên châm"[10].

Hoàng Đế nói: "Đúng ! "[11].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Căn cứ vào đâu để biết bệnh thuộc về bì nhục, cân cốt, huyết khí ?"[12].

Bá Cao đáp : "Khi nào sắc của người bệnh hiện lên trong khoảng 2 chân mày mà mỏng và bóng láng, đó là triệu chứng của bì phu[13]; Môi hiện lên các màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, đó là triệu chứng của bệnh của cơ nhục, doanh khí hao tán ra ngoài làm cho da bị thấp ướt, đó là triệu chứng của bệnh ở huyết khí[14], Đôi mắt hiện lên các màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, đó là triệu chứng của bệnh ở cân[15], Vành tai khô héo không nhuận trạch, như có đầy chất bẩn, đó là triệu chứng của bệnh ở cốt"[16].

Hoàng Đế hỏi: "Hình trạng của bệnh biểu hiện ở nơi nào ? Thủ huyết châm trị như thế nào ?"[17].

Bá Cao đáp : "Ôi ! Sự biến hóa của các bệnh không thể kể hết được, tuy nhiên, bì bệnh có bộ của nó, nhục bệnh có bắp của nó, huyết khí bệnh có chỗ vận hành của nó, cốt bệnh có chỗ thuộc vào của nó"[18].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về những nguyên nhân ấy"[19].



Bá Cao đáp : "Bộ vị của bì bị bệnh, nên thủ huyết trị nơi cạn của tứ chi[20], Các bắp của cơ nhục bị bệnh, nên thủ huyết châm trị nơi trong khoảng phận nhục của bắp tay, bắp cẳng chân, tức nơi vận hành của các kinh Dương, và những nơi bắp thịt gỗ lên, con đường vận hành của kinh Túc Thiếu âm (Thận)[21], Huyết khí bị bệnh, nên thủ huyết châm trị nơi các lạc mạch có kinh khí đi qua, khi nào khí huyết bị ùng tắc lưu lại, nó sẽ làm cho nơi đó bị thịnh (gỗ lên)[22], Căn bị bệnh thì không cần có sự phân biệt Âm Dương, bên phải bên trái gì cả, chỉ căn cứ vào nơi bộ vị phát ra bệnh để châm trị[23], Bệnh ở tại cốt, nên thủ huyết nơi thuộc vào của nó (tức những nơi quan tiết), để châm trị, bởi vì những huyết cốt không chính là nơi tiếp nhận tùy dịch để làm sung thực cho não tủy"[24].

Hoàng Đế hỏi: "Phép thủ huyết phải thế nào ?"[25].

Bá Cao đáp : "Ôi ! Sự biến hóa của bệnh không giống nhau, bệnh có phù có trâm, phép châm có sâu có cạn, phép trị liệu thật vô cùng, ta phải căn cứ vào tình huống của bệnh nơi bì nhục cân cốt để mà đưa vào bộ vị của từng loại để thủ huyết châm: bệnh nhẹ nên dùng phép châm cạn, bệnh nặng nên dùng nhiều kim, tùy theo bệnh biến mà ta điều khí, cho nên gọi đây là bậc thượng công: thấy thuốc khéo"[26].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Hình thân của con người có béo gầy, có lớn nhỏ, có hàn ôn; về tuổi tác, có lão, có tráng, có thiếu, có tiểu, làm thế nào phân biệt được những khác biệt ấy ?"[27].

Bá Cao đáp : "Con người từ 50 tuổi trở lên gọi là lão, từ 20 tuổi trở lên gọi là tráng, từ 18 tuổi trở xuống gọi là thiếu, từ 6 tuổi trở xuống gọi là tiểu"[28].

Hoàng Đế hỏi: "Lấy gì để am hiểu vấn đề béo và gầy ?"[29].

Bá Cao đáp : "Con người béo chia làm phì, cao, nhục 3 loại"[30].

Hoàng Đế hỏi: "Phân biệt thế nào về 3 loại người này ?"[31].

Bá Cao đáp : "Các bắp thịt vùng vai, tay, gối, đùi... được rắn chắc, bì phu sung mãn, đó là loại hình của người phì [32], Các bắp thịt... không rắn chắc, bì phu mềm nhão, đó là loại hình của người cao[33], Bì phu và cơ nhục bám chắc vào nhau, đó là loại hình của người nhục"[34].

Hoàng Đế hỏi: "Phân biệt thế nào về sự hàn ôn của 1 người ?"[35].

Bá Cao đáp : "Người thuộc loại hình cao, bắp thịt của họ mềm mà nhuận, tấu (lý) thô, thân của họ hàn, tấu (lý) nhuyễn mà kín, thân của họ nhiệt[36]. Người thuộc loại hình chi, bắp thịt của họ rắn chắc, tấu lý của họ nhuyễn mà kín, thân của họ nhiệt, tấu (lý) thô, thân của họ hàn"[37].

Hoàng Đế hỏi: "Những người này biểu hiện ra thân hình béo gầy, to nhỏ như thế nào ?"[38].

Bá Cao đáp : "Loại hình của người cao, (Dương) khí nhiều (thịnh) bì phu của họ lơ lửng hơn, cho nên bụng của họ lơ lửng và phệ xuống[39]. Loại hình của người nhục, thân thể họ to lớn[40]. Loại hình của người chi (cơ nhục kín, chắc) cho nên thân thể của họ nhỏ hơn loại cao và nhục"[41].

Hoàng Đế hỏi: "Tất cả 3 loại hình của số người nói trên, về mặt khí huyết nhiều ít như thế nào ?"[42].

Bá Cao đáp : "Loại người cao thì khí của họ nhiều, khí thuộc Dương, mà khí nhiều thì nhiệt, người nhiệt thì dễ chịu được lạnh [43]. Loại người nhục thì huyết của họ nhiều, huyết nhiều thì làm cho hình nhân được sung thực, hình nhân được sung thực thì sẽ được bình hòa[44]. Loại người chi thì huyết của họ thanh, khí của họ hoạt tron mà ít, cho nên hình thân của họ không thể to lớn được[45]. Những loại người này khác với người bình thường (chúng nhân )" [46].

Hoàng Đế hỏi: "Chúng nhân là người như thế nào ?"[47].

Bá Cao đáp : "Chúng nhân là người mà từ da thịt, mỡ cao, mỡ chi (bình thường) không thể thêm vào cho mập lên được, huyết và khí cũng bình hòa không thể nhiều hơn về phía nào, vì thế hình thân của họ không nhỏ hơn mà cũng không to lớn hơn, tất cả từ bì nhục cân cốt đều tự cân xứng nhau với vóc dáng của mình, ta gọi những người đó là chúng nhân"[48].

Hoàng Đế nói: " Đúng thế ! Phép trị phải thế nào ?"[49].

Bá Cao đáp : "Trước hết nên phân biệt cho được 3 loại hình khác nhau như đã nói, phải nắm cho được sự nhiều ít của huyết, sự thanh trọc của khí, rồi sau đó mới áp dụng phép điều hòa khí huyết. lúc điều trị, đừng để mất đi cái lẽ thường của sự vận hành của kinh mạch[50]. Xin nhắc lại loại hình của người cao bụng của họ lơ lửng và phệ xuống,

loại hình của người nhục thì trên dưới đều to lớn, loại hình của người chi, cho dù họ có nhiều mỡ béo, họ cũng không thể to lớn như người cao và nhục được"[51].

### 灵枢—卫气失常第五十九

**黄帝曰：**卫气之留于腹中，菴积不行，苑蕴不得常所，使人支肋胃中满，喘呼逆息者，何以去之？**伯高曰：**其气积于胸中者，上取之；积于腹中者，下取之；上下皆满者，傍取之。**黄帝曰：**取之奈何？**伯高对曰：**积于上，泻人迎、大突、喉中；积于下者，泻王里与气街；上下皆满者，上下取之，与季肋之下一寸（一本。季肋之下深一寸）；重者，鸡足取之。诊视其脉大而弦急，及绝不至者，及腹皮急甚者，不可刺也。**黄帝曰：**善。**黄帝问于伯高曰：**何以知皮肉、气血、筋骨之病也？**伯高曰：**色起两眉薄泽者，病在皮。唇色青黄赤白黑者，病在肌肉。营气德然者，病在血气。目色青黄赤白黑者，病在筋。耳焦枯受尘垢，病在骨。**黄帝曰：**病形何如，取之奈何？**伯高曰：**夫百病变化，不可胜数，然皮有部，肉有往，血气有输，骨有属。**黄帝曰：**愿闻其故。**伯高曰：**皮之部，输于四末。肉之柱，在臂胜诸阳分肉之间，与足少阴分间。血气之输，输于诸络，气血留居，则盛而起。筋部无阴无阳，无左无右，候病所在。骨之属者，骨空之所以受益而益脑髓者也。**黄帝曰：**取之奈何？**伯高曰：**夫病变化，浮沉深浅，不可胜穷，各在其处。病间①空：元刊本拥乙经）、什素）作'室"。②祝：《甲乙经》此后有'由"字。174者浅之，甚者深之，间者小之，甚者众之，随变而调节，故日上工。**黄帝问于岐伯①曰：**人之肥瘦大小寒温，有老壮少小，别之奈何？**伯高对曰：**人年五十已上为老，二十已上为壮，十八已上为少，六岁已上为小。**黄帝曰：**何以度知其肥瘦？**伯高曰：**人有肥有膏有肉民**黄帝曰：**别此奈何？**伯高曰：**廂内③不坚（一本云胭内），皮满者，肥。胭内不坚，皮缓者，膏。皮内不相离者，肉。**黄帝曰：**身之寒温河则**伯高曰：**膏者其肉淖，而粗理者身寒，细理者身热。脂者其肉坚，细理者热，粗理者寒。**黄帝曰：**其肥瘦大小奈何？**伯高曰：**膏者，多气而皮纵缓，故能纵腹垂腴。肉者，身体容大。脂者，其身收小。**黄帝曰：**三者之气血多少何如？**伯高曰：**膏者多气，多气者热，热者耐寒。肉者多血则充形，充形则平。脂者，其血清，气溶少，故不能大。此别于众人者也。**黄帝曰：**众人奈何？**伯高曰：**众人皮肉脂膏不能相加也，血与气不能相多，故其形不小不大，各自称其身，命曰众人。**黄帝曰：**善。治之奈何？**伯高曰：**必先别其三形，血之多少，气之清浊，而后调之，治无失常经。是故膏人，纵腹垂腴；肉人者，上下容大；脂人者，虽胀不能大者。

### THIÊN 60: NGỌC BẢN

Hoàng Đế hỏi: "Ta cho rằng cây kim nhỏ chỉ là 1 vật nhỏ, thầy lại nói rằng tác dụng của cây kim trên hợp với Trời, dưới hợp với Đất, giữa hợp với con người, Ta cho rằng thầy đã khen tác dụng của cây kim 1 cách quá đáng chẳng ! Ta mong được nghe thầy giải thích về lý do nào như thế ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Có vật nào to hơn trời không ? Nay nếu muốn tìm vật nào to hơn cây kim, thì duy chỉ cần 5 loại binh khí là được[2]. Những loại binh khí này là dùng vào việc giết người, chứ không như những cây kim có thể cứu sống mạng người[3]. Và lại, con người được xem là quý trọng nhất trong Trời Đất, họ lại không thể tham vào Trời Đất hay sao ? Ôi ! Phép trị dân cũng giống như sử dụng cây kim chữa bệnh vậy[4]. Khi chúng ta so sánh giữa cây kim châm và năm loại binh khí, biết cái nào (kim và binh khí) nhỏ hơn cái nào ?"[5].

Hoàng Đế hỏi: "Có loại bệnh, bắt đầu bởi việc vui giận không lường, ăn uống không điều độ, Âm khí bất túc, Dương khí hữu dư, doanh khí không vận hành, phát ra thành chứng ung thư[6]. Âm Dương bất thông, hai loại nhiệt nội và ngoại cùng đánh nhau sẽ sinh ra mù, loại bệnh ung thư này có thể dùng tiêu châm để chữa trị được không ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Khi mà tà khí đi sâu vào để gây thành bệnh rồi, thì cho dù có bậc thánh nhân cũng không thể hóa trừ nó, tức là làm thế nào để cho tà khí không thể lưu lại được[8]. Ví như 2 đoàn quân sức mạnh ngang nhau, cờ sí phát phối trước mặt nhau, gương giáo lấp lánh bày ra ở giữa cánh đồng, đó không phải mưu lược trong 1 ngày mà có được[9]. Trong 1 nước, lệnh của vua nếu có thể khiến cho người dân thi hành lệnh vua cấm chỉ các binh sĩ dùng gương giáo gây ra nạn tai, đó không phải do sự giáo dục trong 1 ngày, trong 1 phút chốc mà được vậy[9]. Ôi ! Nay đến như cuộc sống cầu thả khiến cho thân hình bị phải bệnh ung thư bị máu mù tụ lại, đó không phải là do những người này sống tách xa với cái đạo dưỡng sinh hay sao ?[10] Ôi ! sự sinh ra của ung thư, sự thành hình của máu mù không từ trên Trời rơi xuống, cũng không từ dưới đất chui lên, mà do ở sự tích chứa dần dần để sinh ra vậy[11]. Vì thế bậc thánh nhân biết lo liệu khi ung thư và máu mù chưa thành hình, còn kẻ ngu thì sẽ chỉ thấy và biết được khi ung thư và máu mù đã thành hình vậy"[12].

Hoàng Đế hỏi: " Khi ung thư đã thành hình rồi thì nó không cho chúng ta biết được, khi mù đã tụ thành rồi thì nó không cho ta thấy được, vậy phải làm sao ?"[13].

Kỳ Bá đáp : "Khi mù đã thành, mười người sẽ chết hết chín, vì thế bậc thánh nhân không để cho nó thành, bằng cách nêu rõ các phương ngăn ngừa và chữa trị hay nhất, viết lại trên thẻ tre và lụa, giúp cho những người tài năng dựa vào đó để tiếp nối, để truyền lại cho hậu thế, không bao giờ thất truyền, giúp cho những người không thấy và không biết cái nguy của bệnh này"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Khi đã thành mù và máu thì mới biết là gặp việc tử vong chăng ? Không thể dùng tiểu châm để trị được ư ?"[15].

Kỳ Bá đáp : "Dùng tiểu châm để châm vào nơi vết nhỏ, công lao ít, dùng đại châm để châm vào nơi vết lớn, tai hại xảy ra nhiều hơn[16]. Cho nên nếu đã thành mù và máu, chỉ nên dùng biêm thạch và phi châm để châm lấy máu mù là tốt nhất"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Bệnh ung thư có những chuyển biến ác liệt, như vậy chúng ta hoàn toàn không có cách chữa trị hay sao ?"[18].

Kỳ Bá đáp : "Vấn đề này, phải dựa vào sự nghịch thuận của bệnh để quyết định"[19].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe về vấn đề thuận nghịch"[20].

Kỳ Bá đáp : "Vì tạng phủ bị nội thương, ung thư biểu hiện bằng 5 nghịch chứng: tròng trắng mắt hiện lên màu xanh, tròng đen mắt thu nhỏ lại, đó là nghịch chứng thứ nhất[21]. Uống thuốc vào ói trở ra, đó là nghịch chứng thứ hai[22]; Vùng bụng đau, khát nước dữ dội, đó là nghịch chứng thứ ba[23]; Vai và cổ gáy xoay trở bất tiện, đó là nghịch chứng thứ tư[24]; Tiếng nói bị tắt, sắc diện hiện lên màu thoát huyết, đó là nghịch chứng thứ năm[25]. Trừ 5 nghịch chứng trên, còn lại đều gọi là thuận"[26]. Hoàng Đế hỏi: "Các loại bệnh khác cũng đều có nghịch chứng và thuận chứng, ta có thể nghe thầy giải thích được không ?"[27].

Kỳ Bá đáp : "Bụng bị trướng, thân hình nhiệt, mạch đại, đó là nghịch chứng thứ nhất[27]; Bụng bị kêu sôi mà đầy, tứ chi bị lạnh và tiêu chảy, mạch đại, đó là nghịch chứng thứ hai[28]; Ra máu mũi không ngừng, mạch đại, đó là nghịch chứng thứ ba[29]; Ho mà tiểu ramáu, hình thể cơ nhục héo gầy, mạch tiểu mà hữu lực, đó là nghịch chứng thứ tư[30]; Ho mà hình thể cơ nhục héo gầy, thân hình phát nhiệt, mạch tiểu mà tạt (sác), đó là nghịch chứng thứ năm[31]. Những nghịch chứng như vậy sẽ phải chết trong vòng không quá 15 ngày[32].

Dưới đây là ngũ thịnh cấp chứng, chết gấp: bụng to mà phát trướng, tứ chi lạnh buốt, hình thể cơ nhục bị héo gầy, tiêu chảy không ngừng, đó là nghịch chứng thứ nhất[33]; Bụng bị trướng và tiêu ra máu, mạch đại, có lúc ngưng, đó là nghịch chứng thứ hai[34]; Ho và tiểu tiện ra máu, cơ nhục thoát gầy, mạch bác (chân tạng bị kiệt), đó là nghịch chứng thứ ba[35]; Nôn ra máu, ngực bị đầy và dẫn ra đến sau lưng, mạch tiểu và tạt (sác), đó là nghịch chứng thứ tư[36]; Ho và ói, bụng trướng, thêm chứng xông tiết, mạch tuyết, đó là nghịch chứng thứ năm[37]. Như vậy, chỉ trong khoảng 1 ngày là chết[38]. Người thầy khéo nếu không xét cho kỹ những trường hợp như trên để rồi châm 1 cách cầu thả, gọi là nghịch trị vậy"[39].

Hoàng Đế hỏi: "Thầy đã nói về tác dụng của cây kim thật tuyệt vời, nó có thể phối hợp với Thiên Địa, trên tình được Thiên văn, dưới đo được Địa kỹ, bên trong phân biệt được ngũ tạng, bên ngoài ứng với lục phủ, kinh mạch có 28 hội, tất cả đều có vận hành tuần hoàn của nó[40]. Có người cho rằng cây kim chỉ có thể giết người đang sống, mà không thể cứu được người sắp chết, Thầy có thể chống lại ý kiến đó không ?"[41].

Kỳ Bá đáp : "Nếu phép châm mà không đúng thì sẽ giết chết người đang sống, chứ không thể cứu được người sắp chết"[42].

Hoàng Đế nói: "Ta nghe như vậy, trong lòng bất nhân (bất nhẫn) quá, Tuy nhiên, ta mong được nghe giải thích về cái đạo của việc châm, khiến cho người thầy thực hiện cầu thả làm hại người khác"[43].

Kỳ Bá đáp : "Đây là 1 cái đạo rất rõ ràng, rất tất nhiên, người không khéo dụng châm sẽ ví như đao kiếm có thể giết người, như uống rượu thì sẽ say vậy, Ta không cần phải chẩn đoán, xét rõ mà cũng có thể biết được"[44].

Hoàng Đế nói: "Ta mong được nghe cho rõ ráo"[45].

Kỳ Bá đáp : "Tinh khí của con người bầm thụ từ cốc khí[46]. Nơi mà cốc khí rót vào là Vị[47]. Vị là biên của khí huyết[48]. Khí bốc lên từ biên sẽ thành mây, tỏa rộng đều trong thiên hạ[49]. Con đường mà khí huyết xuất ra từ Vị gọi là kinh toại[50]. Kinh toại chính là đại lạc của ngũ tạng, lục phủ[51]. Nay nếu ta áp dụng phương pháp nghênh để đoạt (đón) chân khí để tả sai lầm thì Vị khí sẽ bị tuyết"[52].

Hoàng Đế hỏi: "Thượng kinh (Thủ) và Hạ kinh (Túc) có con số về huyết cảm châm không ?"[53].

Kỳ Bá đáp : "Nếu ta dùng phép nghênh nhi đoạt chi (tà) để châm huyết Ngũ Lý thì tạng khí đi nửa đường đã tuyệt[54]. Châm năm lần đến thì khỏi bệnh, nếu 1 châm tà nhầm 5 lần thì 1 tạng khí sẽ bị kiệt tận[55]. Vì thế mỗi tạng 5 lần sẽ bị kiệt, 5 huyết nhân cho 5 lần gồm 25 lần thì làm kiệt cả các du huyết[56]. Ta gọi đây là châm tà nhầm lần đã đoạt mất đi Thiên khí, nếu không phải là tuyệt mệnh thì cũng làm giảm tuổi thọ vậy"[57].

Hoàng Đế nói: " Ta mong được nghe cho rất ráo"[58].

Kỳ Bá đáp : "Châm cạn như người dòm vào cửa (không vào sâu bên trong) thì người bệnh sẽ chết khi về đến nhà, châm sâu như người đi vào sâu trong nhà, người bệnh sẽ chết ngay giữa nhà thầy thuốc"[59].

Hoàng Đế nói: "Những phương mà thầy nói ra thật khéo ! Cái Đạo mà thầy nêu lên thật sáng sủa ! Tôi xin được ghi vào sách Ngọc bản, xem như những bảo vật quan trọng, truyền lại cho hậu thế, xem như tài liệu về thích cấm, khiến cho người dân đừng phạm phải"[60].

### 灵枢一玉版第六十

黄帝曰：余以小针为细物也，夫子乃言上合之于天，下合之于地，中合之于人，余以为过针之意矣，愿闻其故。岐伯曰：何物大于天乎？夫大于针者，惟五兵者焉。五兵者，死之备也，非生之具。且夫人者，天地之镇也，**其不可不参乎？夫治民者，亦惟针焉。**夫针之与五兵，其孰小乎？黄帝曰：病之生时，有喜怒不测，饮食不节，阴气不足，阳气有余，营气不行，乃发为痈疽。阴阳不通，两热相搏，乃化为脓，小针能取之乎？岐伯曰：圣人不能使化者，为之邪不可留也。放两军相当，旗帜相望，白刃陈于中野者，此非~日之谋也。能使其民，令行禁止，士卒无白刃之难者，非一日之教也，须臾之得也。夫至使身被痈疽之病，脓血之聚者，不亦离道远乎。夫痈疽之生，脓血之成也，不从天下，不从地出，积微之所生也。故圣人自治于未有形也，愚者遭其已成也。黄帝曰：其已成，不予造，脓已成，**不予见**，为之奈何？岐伯曰：脓已成，十死一生，故圣人弗使已成，而明为良方，著之竹帛，使能者题而传之后世，无有终时者，为①岐伯：疑误，据下文答者应为'伯高'。②肉：原作'内'，据《甲乙经》改。③内；《甲乙经》作'内'、下同。175**其不予遭也。**黄帝曰：其已有脓血而后遭乎，不导之以小针治乎？岐伯曰：以小治小者其功小，以大治大者多害，故其已成脓血者，其唯随石被锋之所取也。黄帝曰：多害者其不可全乎？岐伯曰：其在逆顺焉。黄帝曰：愿闻逆顺。岐伯曰：已为伤者，其白眼青黑，眼小，是一逆也；内药而呕者，是二逆也；腹痛渴甚，是三逆也；肩项中不便，是四逆也；音嘶色脱，是五逆也。除此五者为顺矣。黄帝曰：请病皆有逆顺，可得闻乎？岐伯曰：腹胀，身热，脉大，是一逆也；腹鸣而满，四肢清，泄，其脉大，是二逆也；闻而不止，脉大，是三逆也；咳且按血，脱形，其脉小劲，是四逆也；咳，脱形身热，脉小以疾，是谓五逆也。如是者，不过十五日而死矣。其腹大胀，四本清，脱形，泄甚，是一逆也；腹胀便血，其脉大，时绝，是二逆也；咳，波血，形肉脱，脉搏，是三逆也；呕血，胸满引背，脉小而疾，是四逆也；咳呕腹胀，且飧泄，其脉绝，是五逆也。如是者，不及一时而死矣。工不察此者而刺之，是谓逆治。黄帝曰：夫子之言针甚骏，以配天地，上数天文，下度地纪，内别五藏，外农六府，经脉二十八会，尽有周纪，能杀生人，不能起死者，子能反之乎？吹伯曰：能杀生人，不能起死者也。黄帝曰：余闻之则为不仁，然愿闻其道，弗行于人。岐伯曰：是明道也，其必然也，其如刀剑之可以杀人，如饮酒使人醉也，虽勿诊，犹可知矣。黄帝曰：愿卒闻之。岐伯曰：人之所受气者，谷也。谷之所注者，胃也。胃者，水谷气血之海也。海之所行云气者，天下也。胃之所出气血者，经隧也。经隧者，五藏六府之大络也，迎而夺之而已矣。黄帝曰：上下有数乎？岐伯曰：迎之五里，中道而止，五至而已，五往而藏之气尽矣，故五五二十五而竭其输矣，此所谓夺其天气者也，非能绝其命而倾其寿者也。黄帝曰：愿卒闻之。岐伯曰：《素问》而刺之者，死于家中；入门而刺之者，死于堂上。黄帝曰：善乎方，明能道，请著之五版，以为重宝，传之后世，以为刺禁，个民勿敢犯也。

### THIÊN 61: NGŨ CẤM

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta nói phép châm có ngũ cấm (5 điều cấm kỵ), Vậy ngũ cấm là gì?" [1].

Kỳ Bá đáp : "Đây là cấm 1 số huyết đạo trong trong ngày nào đó không được châm"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói trong phép cấm châm có ngũ đoạt"[3].

Kỳ Bá đáp : "Không nên châm tà những bệnh chúng không được châm tà"[4].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói trong phép cấm châm có ngũ quá"[5].

Kỳ Bá đáp : "Đó là nói trong phép bổ tà không nên đi quá độ"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói trong phép cấm châm có ngũ nghịch"[7].

Kỳ Bá đáp : "Bệnh chúng và mạch cùng nghịch nhau, gọi là ngũ nghịch"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói trong phép châm có cửu nghi"[9].

Kỳ Bá đáp : "Nếu biết rõ 9 điều luận về cửu châm, gọi là cửu nghi"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là ngũ cấm ? Ta mong được nghe về thời không được châm"[11].

Kỳ Bá đáp : "Ngày Giáp Ất trong Thiên Địa có chỗ ứng của nó: không nên châm ở vùng đầu, cũng không nên áp dụng phép châm Phát mông để châm vào trong tai[12]; Ngày Bính Đinh, không nên áp dụng phép châm chân ai để châm vào vùng vai, cổ họng và huyết Liêm Tuyền[13]; Ngày Mậu Kỷ có chỗ ứng của nó và những ngày thuộc tứ quý (thìn, tuất, sữu, mùi), không nên châm vùng bụng và cũng không nên áp dụng phép châm Khử trào để châm tả thủy[14]; Ngày Canh Tân có chỗ ứng của nó, không nên châm vào các vùng quan tiết, đùi và gối[15]; Ngày Nhâm Quý có chỗ ứng của nó, không nên châm vùng chân, cẳng chân[16]. Đó gọi là ngũ cấm"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là ngũ đoạt ?"[18].

Kỳ Bá đáp : "Người bệnh lâu mà hình thể, cơ nhục bị héo gầy, đó gọi là nhất đoạt[19]; Sau khi xuất huyết nhiều, đó gọi là nhị đoạt[20]; Sau khi ra mồ hôi nhiều, đó gọi là tam đoạt[21]; Sau khi tiêu chảy nhiều, đó gọi là tứ đoạt[22]; Sau khi sinh sản nhiều hoặc bị ra huyết nhiều, đó gọi là ngũ đoạt[23]. Những trường hợp này không nên châm tả"[24].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là ngũ nghịch ?"[25].

Kỳ Bá đáp : "Bệnh phát sốt mà mạch lại an tĩnh, sau khi hạn xuất mà mạch lại thịnh đại và táo, đó là nhất nghịch[26]; Bệnh tiêu chảy mạch lại hồng đại, đó là nhị nghịch[27]; Bệnh tê không còn cảm giác ở tay chân lâu ngày không khỏi, bấp thít ở bắp tay và bắp chân bị vỡ, thân hình phát nhiệt, mạch đều tuyệt, đó là tam nghịch[28]; Tả khí xâm chiếm tràn vào trong, hình thể héo gầy khác thường, thân hình bị nhiệt, sắc diện trắng bệch, trong lúc đại tiện, tiêu ra máu đông cục đen, loại máu cục đen này báo hiệu bệnh đã nặng, đó là tứ nghịch[29]; Bệnh hàn nhiệt lâu ngày làm cho hình thể héo gầy khác thường, mạch nhịp kiên mà hữu lực, đó là ngũ nghịch"[30].

#### 灵枢—五禁第六十一

黄帝问于岐伯曰：余闻刺有五禁，何谓五禁？岐伯曰：禁其不可利也。黄帝曰：余闻刺有五夺。岐伯曰：无泻其不可夺者也。黄帝曰：余闻刺有五过。岐伯曰：补泻无过其度。黄帝曰：余闻刺有五逆。岐伯曰：病与脉相逆，命曰五逆。黄帝曰：余闻刺有九宜。岐伯曰：明知九针之论，是谓九宜。黄帝曰：何谓五禁？愿闻其不可刺之晚峻伯曰：甲乙日自乘，无刺头，无发蒙于耳内。丙丁日自乘，无振埃于肩喉廉泉。戊己日自乘四季，无利腹去爪泻水。庚辛日自乘，无刺关节于股膝。壬癸日自乘，无刺足胫。是谓五禁。黄帝曰：何谓五夺？岐伯曰：形肉已夺，是一夺也；大夺血之后，是二夺也；大汗出之后，是三夺也；大泄之后，是四夺也；新产及大血之后，是五夺也。此皆不可泻。黄帝曰：何谓五逆？岐伯曰：热病脉静，汗已出，脉盛躁，是一逆也；病泄，脉洪大，是二逆也；著痹不移，跟肉破，身热，脉偏绝，是三逆也；淫而夺形，身热，色夭然白，及后下血好，血抓笃重，是谓四逆也；寒热夺形，脉坚搏，是谓五逆也。

#### THIÊN 62: ĐỘNG DU

Hoàng Đế hỏi: "Kinh mạch gồm có 12, trong số đó, các kinh Thủ Thái âm, Túc Thiếu âm, Túc Dương minh lại tự mình động không ngừng, tại sao vậy ?"[1].

Kỳ Bá đáp : "Đó là muốn làm sáng tỏ vai trò của Vị mạch vậy[2]. Vị đóng vai biển của ngũ tạng lục phủ, khí thanh của nó lên trên chú vào Phế, Phế khí bắt đầu vận hành ở kinh thủ Thái âm, sự vận hành của Phế cũng vãng lai với hơi thở (túc)[2]. Cho nên, con người thở 1 hô thì mạch tái động, sự hô hấp không bao giờ ngưng, do đó mà mạch cũng động không ngừng"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Khí đi qua Thôn khẩu, khí tiến rất mạnh, khí này từ đâu sinh ra? Khí thoát suy dần, khí này suy để ẩn núp nơi nào? Con đường nào đã dẫn dắt sự tiến thoái của khí? Ta không hiểu thực sự vấn đề xảy ra như thế nào ?"[4].

Kỳ Bá đáp : "Khi mà khí rời khỏi tạng để xuất ra, sẽ ào ạt như mũi tên bắn rời khỏi cung, như dòng nước cuộn cuộn chảy xuống khỏi bờ, khí lên đến vùng ngực sẽ suy dần, khí còn dư lại đó sẽ suy và tán ra để nghịch lên phía trên, từ đó thể của khí yếu dần"[5].

Hoàng Đế hỏi: "Kinh Dương minh ở Túc, do đâu mà động"[6].

Kỳ Bá đáp : "Vị khí lên trên rót vào Phế, khí nhanh nhẹn của nó xung lên đến trên đầu, đi dọc theo cổ họng, lên trên để ra đến các không khiêu, đi dọc theo nhân hệ, nhập vào để lạc với não, xuất ra đến vùng trán, xuống dưới đến huyết Khách chủ nhân, tuần hành theo huyết Giáp Xa hợp lại với kinh túc Dương minh, rồi cùng xuống đến

huyết Nhân Nghênh[7]. Đây là con đường vận hành đặc biệt của kinh túc Dương minh khiến cho mạch Nhân nghênh động không ngừng[8]. Vì thế mạch của Thái âm và Dương minh, huyết Thốn khẩu và Nhân nghênh, tuy ở hai mạch khác nhau nhưng sự vận hành để được động là một[9]. Vì thế Dương bệnh mà Dương mạch lại tiểu, đó là bệnh và mạch nghịch nhau[10]. Cho nên, nếu bệnh mà mạch Âm và Dương đều tĩnh hoặc đều động ví như kéo 2 sợi dây phải đều nhau, nay lại bị nghiêng lệch nhau, đó là bệnh"[11].

Hoàng Đế hỏi: "Kinh túc Thiếu âm do đâu mà động?"[12].

Kỳ Bá đáp: "Xung mạch là biển của 12 kinh, cùng với đại lạc của kinh túc Thiếu âm, khởi lên từ bên dưới Thận, xuất ra ở huyết Khí Nhai, tuần hành theo mép trong của đùi về, đi lệch vào bên trong của kheo chân, dọc theo mép trong của xương cẳng chân, rồi đi chung với kinh túc Thiếu âm, xuống dưới nhập vào phía sau của mắt cá trong[13]. Khi xuống dưới chân, nó có 1 chi đi lệch vào bên trong mắt cá, xuất ra trên mu bàn chân, nhập vào trong khoảng ngón chân cái, rót vào các lạc mạch, nhằm làm ấm cho chân và cẳng chân, đó là nguyên nhân khiến cho mạch Thái Khê của kinh túc Thiếu âm thường động không ngừng vậy"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Sự vận hành của doanh và vệ khí cùng quán thông nhau trên dưới như chiếc vòng ngọc không đầu mỗi, nay có khi đột nhiên gặp phải tà khí tặc phong, hoặc gặp mùa lạnh buốt làm cho tay chân bị bủn rủn bất lực, các mạch đạo trên đường vận hành của Âm Dương nội ngoại, hoặc các du huyết nơi mà khí huyết vận hành hội nhau, như vậy khí phải đi theo con đường nào để quay trở về được chỗ cũ tức là để cho sự vận hành không ngừng nghỉ như chiếc vòng ngọc?"[15].

Kỳ Bá đáp: "Ôi ! Tú chi của con người như nơi hội tiếp nhận và đưa đi của Âm kinh và Dương kinh, đây cũng là nơi đại lạc của mạch khí[16]. Từ nhai là con đường thẳng nối liền của khí doanh vệ, vì thế nếu lạc bị tuyệt thì tứ nhai thông, khi nào tứ chi được giải thì khí doanh vệ sẽ từ tứ nhai tiếp nối trở lại để hội nhau cùng vận hành như chiếc vòng ngọc"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng ! Đây chính là ý nghĩa mà ta gọi là như chiếc vòng ngọc không đầu mỗi, không thể biết từ lúc nào và bao nhiêu lần đứt rồi lại bắt đầu, đây chính là ý nghĩa mà ta muốn biết về vấn đề trên"[18].

## 灵枢—动输第六十二

**黄帝曰：经脉十二，而手太阳、足少阴、阳明独动不休，何也？岐伯曰：是①明胃脉也。胃为五藏六府之海，其清气上注于肺，肺气从太阳而行之，其行也，以息往来，故人一呼脉再动，一吸脉亦再动，呼吸不已，故动而不止。黄帝曰：气之过于寸口也，上十焉息？下八焉伏？何道从还？不知其极。岐伯曰：气之离藏也，卒然如弓营之发，如水之下岸，上千鱼以反衰，其余气衰散以逆上，故其行微。黄帝曰：足之阳明何因而动？岐伯曰：胃气上注于肺，其悍气上冲头者，循咽，上走空窍，循眼系，入络脑，出颞，下客主人，循牙车，合阳明，并下人迎，此胃气别走于阳明者也。故阴阳上下，其动也若一。故阳病而阳脉小者为逆，阴病而阴脉大者为逆。故阴阳俱静仅动，若5；绳相倾者病。黄帝曰：足少阴何因而动？岐伯曰：冲脉者，十二经之海也，与少阴之大络，起于肾下，出于气街，循阴股内廉，邪入腠中，循胫骨内廉，并少阴之经，下入内踝之后，入足下；其别考，邪入踝，出属跑上，人大指之间，注诸络，以温足胜，此脉之常动者也。黄帝曰：营卫之行也，上下相贯，如环之无端，今有其卒然遇邪气，及逢大寒，手足懈惰，其脉阴阳之道，相输之会，行相失也，气何由还？岐伯曰：夫四末阴阳之会者，此气之大络也。四街者，气之径路也。故络绝则经通，四本解则气从合，相输如环。黄帝曰：善。此所谓如环无端，莫知其纪，终而复始，此之谓也。**

## THIÊN 63: NGŨ VỊ LUẬN

Hoàng Đế hỏi Thiếu Du: "Ngũ vị khi ăn vào miệng, mỗi loại đều có nơi để nó quay về, mỗi loại đều có thể bệnh riêng[1]. Vị chua đi về cân khí, nếu ăn quá nhiều vị chua sẽ làm cho thành chúng tiểu bí (lưng)[2]; Vị mặn đi về huyết, nếu ăn quá nhiều vị mặn sẽ làm cho thành chúng khát nước[3]; Vị cay đi về khí, nếu ăn quá nhiều vị cay sẽ làm cho thành chúng động tâm[4]; Vị đắng đi về cốt, nếu ăn quá nhiều vị đắng sẽ làm cho thành chúng nôn[5]; Vị ngọt đi về nhục, nếu ăn quá nhiều vị ngọt sẽ làm cho thành chúng Tâm bút rút[6]. Ta biết những gì xảy ra về chúng, nhưng ta không biết do đâu mà thành như vậy?[7]. Ta mong được nghe giải thích về những nguyên nhân gây ra đó"[8].

Thiếu Du đáp: "Vị chua nhập vào đởm Vị, khí của nó rít lại có tác dụng thu liễm, lên trên đởm lưỡng tiêu (Trung và Thượng), không còn có thể xuất hoặc nhập được nữa, không xuất được, tức là sẽ lưu lại trong Vị, nếu trong Vị ôn hòa không tích lại được, nó sẽ xuống dưới rót vào Bàn quang, bọc của Bàn quang mỏng và mềm, khi có vị chua

sẽ co rút lại, ràng buộc không thông, thủy đạo không vận hành, do đó mà sẽ bị chứng tiểu bí (lưng)[9]. Âm khí tức bộ phận sinh dục là nơi tích tụ của cân khí, cho nên vị chua nhập vào sẽ đi đến (tông) cân vậy"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Vị mặn khi nhập vào đến Vị, khí của nó đi lên trên để đi vào Trung tiêu, rót vào các mạch để rồi huyết khí của mạch đưa đi, khi huyết và vị mặn cùng hợp vào nhau sẽ làm cho ngưng trệ, ngưng trệ thì nước trấp trong Vị phải rót vào để tư nhuận, và vì phải rót vào cho nên thủy dịch trong Vị bị kiệt, thì con đường của yết hầu phải khô, vì thế cuống lưỡi bị khô và hay khát nước[11]. Huyết mạch là con đường vận hành của Trung tiêu, vì thế nếu vị mặn nhập vào phải đi đến huyết vậy"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Vị cay đi về khí, nếu ăn nhiều vị cay sẽ làm thành chứng động Tâm, tại sao vậy?"[13].

Thiếu Du đáp: "Vị cay nhập vào Vị, khí của nó chạy lên đến Thượng tiêu, Thượng tiêu là nơi nhận lấy khí để mở rộng đi đến các vùng Dương của thân thể[14]. Gừng và rau hẹ, khí của nó chung cất lên trên, khiến cho khí doanh vệ luôn luôn nhận lấy sự (sự kích thích ấy), lưu lại lâu ngày ở dưới Tâm, khiến cho thành chứng động Tâm[15]. Vị cay và khí cùng đi chung nhau, vì thế vị cay vào sẽ cùng đi ra ngoài với mồ hôi vậy"[16].

Hoàng Đế hỏi: "Vị đắng đi về cốt, nếu ăn nhiều vị đắng sẽ làm cho người ta bị nôn, tại sao vậy?"[17].

Thiếu Du đáp: "Vị đắng nhập vào Vị, khí của ngũ cốc không thắng được vị đắng, vị đắng nhập vào vùng Hạ hoãn làm cho con đường vận hành của Tam tiêu bị bế tắc không thông, vì thế thành chứng nôn[18]. Răng là nơi chấm dứt của cốt, vì thế vị đắng vào sẽ đi theo cốt, vì thế vị đắng nhập vào rồi lại quay trở ra bằng miệng và răng, cho ta biết vị đắng là quay về cốt vậy"[19].

Hoàng Đế hỏi: "Vị ngọt đi về nhục, nếu ăn nhiều vị ngọt sẽ làm cho người ta bứt rứt ở Tâm, tại sao vậy?"[20].

Thiếu Du đáp: "Vị ngọt nhập vào Vị, khí của nó nhuộc và tiểu, không thể lên trên đến Thượng tiêu, nó sẽ cùng với cốc khí lưu lại ở trong Vị, sẽ làm cho trong Vị bị mềm và lơ lửng[21]. Khi mà Vị bị mềm (nhu) thì sẽ lơ lửng, lơ lửng thì trùng sẽ động lên, trùng động lên thì sẽ làm cho Tâm bị bứt rứt[22]. Khí của vị ngọt, bên ngoài không thông với nhục, vì thế mới nói vị ngọt đi theo với nhục"[23].

### 灵枢—五味论第六十三

黄帝问于少俞曰：五味入于口也，各有所走，各有所病。酸走筋，多食之，令人侯；咸走血，多食之，令人渴；走气，多食之，令人洞心；苦走骨，多食之，令人变呕；甘走肉，多食之，令人说心。余知其然也，不知其何由，愿闻其故。①是：押乙经）、位素）作"足阳"。177少俞答曰：酸入于胃，其气涩以收，上之两焦，弗能出入也，不出即留于胃中，胃中和温，则下往德优，膀胱之胞薄以懦，得酸则缩线，约而不通，水道不行，故握。明者，积筋之所终也，故酸入而走筋矣。黄帝曰：咸走血，多食之，令人渴，何也？少俞曰：咸入于胃，其气上走中焦，注于脉，则血气走之，血与成相得则凝，凝则胃中汁注之，控之则胃中踢，竭则咽路焦，故舌本平而善渴。血脉者，中焦之道也，故成人而走血矣。黄帝曰：辛走气，多食之，令人洞心，何也？少俞曰：辛入于胃，其气走于上焦，上焦者，受气而管诸阳者也，姜韭之气熏之，营卫之气不时受之，久留心下，故洞心。辛与气俱行，故辛入而与汗俱出。黄帝曰：苦走骨，多食之，令人变呕，何也？少俞曰：苦入于胃，五谷之气，皆不能胜苦，苦入下院，三焦之道皆闭而不通，故变呕。齿者，骨之所终也，故苦入而走骨，故人而复出，知其走骨也。黄帝曰：甘走肉，多食之，令人悦心，何也？少俞曰：甘入于胃，其气弱小，不能上至于上焦，而与谷留于胃中者，令人柔润者也，胃柔则缓，缓则虫动，虫动则令人悦心。其气外通于肉，故甘走肉。

### THIÊN 64: ÂM DƯƠNG NHỊ THẬP NGŨ NHÂN

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói vóc dáng con người gồm 2 loại Âm và Dương phân biệt như thế nào?"[1].

Bá Cao đáp: "Trong khoảng Trời Đất, trong khoảng 4 phương và trên dưới, không có cái gì tách rời được sự phân loại của ngũ hành, con người cũng ứng theo ngũ hành[2]. Trong ngũ hành lại chia mỗi hình làm 5 loại hình khác nhau, cho nên 5 lần 5 là 25 loại hình chuẩn trong số này chưa kể đến 2 loại hình Âm và Dương như thiên 'Thông Thiên' đã nói, hình thái của những người thuộc Âm Dương gồm có 5 loại, cũng khác với người thường[3]. Tất cả những điều đó, ta đều đã biết cả, Ta chỉ mong được nghe giải thích về vấn đề hình dáng của 25 người này, khí huyết sinh ra làm sao? Đặc trưng biểu hiện bên ngoài của mỗi người như thế nào? Làm sao có thể đi từ hình dáng bên

ngoài để suy ra biết được sự biến hóa của tạng phủ bên trong ? Tất cả phải hiểu như thế nào ?”[4].

Kỳ Bá đáp : "Thật là những câu hỏi rất đầy đủ, đây là những hiểu biết mà các bậc tiên sư phải giữ gìn kín đáo, dù là Bá Cao, cũng không thể rõ được nội dung"[5].

Hoàng Đế rời khỏi chỗ ngồi, lui lại vài bước, nói 1 cách cung kính: "Ta nghe rằng, ta biết được 1 người có tài năng mà không dạy cho họ những điều hay của tiên sư, đó là 1 tổn thất to tát, nhưng giả thiết nếu ai đó biết được những điều hay ấy mà lại phổ biến 1 cách bừa bãi, người có Thiên tính tốt rất ghét những việc phổ biến bừa bãi ấy, Ta chỉ mong được biết những điều hay của tiên sư để làm sáng tỏ nó rồi cất vào hộp Kim quỹ, không dám phổ biến rộng rãi bừa bãi"[6].

Kỳ Bá đáp : "Trước hết, chúng ta nên mô tả lại 5 loại hình dáng thuộc Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, tiếp đến là phân biệt được ngũ sắc, tìm ra những nét khác nhau trong 5 loại hình dáng ấy, như vậy, ta sẽ có đầy đủ 25 loại hình dáng của họ"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe thầy nói đầy đủ hơn nữa"[8].

Kỳ Bá đáp : "Thật là thận trọng ! Thật là thận trọng ! Thân xin trình bày như sau:"[9].

Người có hình dáng của Mộc, so được với âm Thượng giốc, giống với dáng người thương đế (đông phương); Những người này có làn da màu xanh, đầu nhỏ, khuôn mặt dài, hai vai to rộng, lưng thẳng, thân người nhỏ, tay chân nhanh nhẹn; Họ có là người có tài năng, làm việc lao tâm, sức lực kém, nhiều ưu tư, chịu khó đối với việc làm; Họ là người chịu đựng được thời lệnh của mùa xuân và mùa hạ, không chịu đựng được thời lệnh của mùa thu và mùa đông, vì vào mùa này, khi họ bị cảm bởi tà khí thì sẽ bị bệnh; Những người mẫu theo âm Thượng giốc này thuộc về Túc Quyết âm Can kinh, phần lớn dáng dấp của họ là ung dung tự tại[10].

Người thuộc Mộc hình còn chia ra làm 4 loại, người thuộc âm Đại giốc (phần trên của phía tả), so được với dạng người thuộc túc Thiếu dương Đờm kinh ở phía tả, giống với dạng người bên trên của túc Thiếu dương, thái độ làm người của họ là khiêm nhường, hòa nhã, không tranh hơn thua[11].

Người thuộc âm Tả giốc (phần dưới của bên hữu), so được với dạng người của túc Thiếu dương Đờm kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên dưới của túc Thiếu dương, thái độ làm người của họ là hay thuận tùng theo người khác[12].

Người thuộc âm Đệ giốc (phần trên của bên hữu), so được với dạng của người của túc Thiếu dương Đờm kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên trên của túc Thiếu dương, thái độ làm người của họ là cầu tiến, tiến về phía trước[13].

Người thuộc âm Phán giốc (phần dưới của bên tả), so được với dạng người của túc Thiếu dương Đờm kinh ở phía tả, giống với dạng người bên dưới của túc Thiếu dương, thái độ làm người của họ là ngay thẳng (phương chính)[14].

Người có hình dáng của Hỏa, so được với âm thượng chủ, giống với dáng người xích đế (nam phương); Những người này có làn da màu đỏ, thớ thịt ở cột sống lưng nảy nở rộng, gương mặt gầy nhọn, đầu nhỏ, các vùng vai, lưng, xương móng, bụng nảy nở đều, tay chân nhỏ, bước đi vững vàng, xử sự với mọi vật, mọi việc rất sáng suốt, khi bước đi hai vai lắc lu nhịp nhàng, bắp thịt ở lưng tròn đầy; Hành vi của những người này đầy khí phách, xem nhẹ tiền tài, kém tự tin, nhiều ưu tư, gặp việc giải quyết sáng suốt, thích sắc đẹp; Tâm nhanh, không sống lâu, thường bị chết 1 cách tức tưởi; Họ là người chịu đựng được thời lệnh của mùa xuân và mùa hạ, không chịu đựng được thời lệnh của mùa thu và mùa đông, vì vào mùa này, khi bị cảm bởi tà khí thì sẽ bị bệnh; Những người mẫu theo âm thượng chủ này thuộc về thủ Thiếu âm Tâm kinh, phần lớn dáng dấp của họ là trung thực[15].

Người thuộc Hỏa hình còn chia làm 4 loại, người thuộc âm chất chủ (phần trên của phía tả), so được với dạng người thuộc thủ Thái dương Tiểu trường kinh ở phía tả, giống với dạng người bên trên của thủ Thái dương, thái độ làm người của họ là nông cạn[16].



Người thuộc âm thiếu chủy (phần dưới của bên hữu), so được với dạng người của thủ Thái dương Tiểu trường kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên dưới của thủ Thái dương, thái độ làm người của họ là lạc quan và thường vui vẻ[17].

Người thuộc âm hữu chủy (phần trên của bên hữu), so được với dạng người của thủ Thái dương Tiểu trường kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên trên của thủ Thái dương, thái độ làm người của họ là không chịu nhường bước, đứng sau ai [18].

Người thuộc âm chất phán (phần dưới của bên tả), so được với dạng người của thủ Thái dương Tiểu trường kinh ở phía tả, giống với dạng người bên dưới của thủ Thái dương, thái độ làm người của họ là quẳng hết mọi ưu phiền, tung dung tự đắc[19].

Người có hình dáng của Thổ, so được với âm thượng cung, giống với dáng người hoàng đế thời thượng cổ (trung ương); Những người này có làn da màu vàng, mặt tròn, đầu to, vai và lưng nảy nở khỏe đẹp, bụng to, đùi và cẳng chân đều đẹp, tay chân thon nhỏ, bắp thịt đầy đặn, thân hình từ trên xuống dưới đều cân đối, bước đi vững vàng, bước chân không cao; Nội tâm của họ ổn định, thường hay làm lợi cho người khác, không thích có quyền thế, chỉ thích và khéo làm việc giúp đỡ người khác; Họ là người chịu đựng được thời lệnh của mùa thu và mùa đông, không chịu đựng được mùa xuân và mùa hạ, vì vào mùa xuân và hạ, khi bị cảm bởi tà khí thì sẽ bị bệnh; Những người mẫu theo âm thượng cung này Thuộc về túc thái âm Tỳ kinh, thái độ làm người của họ là đôn hậu, thành khẩn[20].

Người thuộc Thổ hình còn chia làm 4 loại, người thuộc âm Thái cung (phần trên của phía tả), so được với dạng người thuộc túc Dương minh Vị kinh ở phía tả, giống với dạng người bên trên của túc Dương minh, thái độ làm người của họ là thích hòa thuận[21].

Người thuộc âm gia cung (phần dưới của phía tả), so được với dạng người của túc Dương minh Vị kinh ở phía tả, giống với dạng người ở bên dưới túc Dương minh, thái độ làm người của họ là đoan trang, cẩn trọng[22].

Người thuộc âm thiếu cung (phần trên của bên hữu), so được với dạng người của túc Dương Minh Vị kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên trên của túc Dương minh, thái độ làm người của họ là uyển chuyển để được vẹn toàn[23].

Người thuộc âm tả cung (phần dưới của bên hữu), so được với dạng người của túc Dương minh Vị kinh ở phía bên hữu, giống với dạng người bên dưới của túc Dương minh, thái độ làm người của họ là siêng năng, cần cù, chuyên tâm làm việc không ngại gian lao[24].

Người có hình dáng của Kim, so được với âm thượng thương, giống với dáng người thuộc bạch đế; Những người này có làn da màu trắng, khuôn mặt vuông, đầu nhỏ, vai và lưng nhỏ, bụng nhỏ, tay chân thon nhỏ, xương gót chân như muốn gồ ra ngoài, các đốt xương toàn thân nhẹ; Họ thường gìn giữ thân hình sạch sẽ; Tâm cấp, có thể tĩnh đó có thể động, động lên 1 cách dữ dội, họ giỏi về cung cách làm quan (hành chính); Họ chịu đựng được mùa thu và mùa đông, không chịu đựng được mùa xuân và hạ, nếu bị cảm bởi tà khí thì bệnh sinh ra; Những người mẫu theo âm thượng thương này thuộc về thủ Thái âm Phế kinh, thái độ làm người của họ là cứng rắn, không chịu khuất phục[25].

Người thuộc Kim hình còn chia làm 4 loại, người thuộc âm Đại thương, (phần trên của phía tả), so được với dạng người thuộc thủ Dương minh Đại trường kinh ở phía tả, giống với dạng người ở bên trên thuộc thủ Dương minh, thái độ làm người của họ là luôn luôn giữ được thân mình trong sạch[26].

Người thuộc âm hữu thương (phần dưới của phía tả), so được với dạng người của thủ Dương minh Đại trường kinh ở phía tả, giống với dạng người ở bên dưới thủ Dương minh, thái độ làm người của họ là thu thả, dễ chịu, không bị câu nệ[27].

Người thuộc âm tả thương (phần trên của phía hữu), so được với dạng người của thủ Dương minh Đại trường kinh ở phía hữu, giống với dạng người ở bên trên của thủ Dương minh, thái độ làm người của họ là giỏi phân biệt điều phải trái[28].

Người thuộc âm Thiếu thương (phần dưới của bên hữu), so được với dạng người của thủ Dương minh Đại trường kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên dưới của thủ Dương minh, thái độ làm người của họ là trang nghiêm, chững chạc[29].

Người có hình dáng của Thủy, so được với âm thượng vũ, giống với dáng người thuộc hắc đế; Những người này có làn da màu đen, khuôn mặt lõm vào, đầu to, cằm nhọn, hai vai nhỏ, bụng to, tay chân hay động, khi đi hay lắc lư thân hình, phần dưới từ thắt lưng đến xương cùng dài, phần lưng cao dong dỏng; Bẩm tính của họ là không cung kính ai, cũng không sợ ai, giỏi tài lượng gạt người khác, đã giết người rồi thì giết đến chết;

Họ chịu đựng được mùa thu và mùa đông, không chịu đựng được mùa xuân và mùa hạ, trong mùa xuân và hạ nếu bị cảm bởi tà khí thì bệnh sinh ra; Những người mẫu theo âm thượng vũ này thuộc về túc Thiếu âm Thận kinh, thái độ làm người của họ là không gò bó, hạn chế bởi 1 giới hạn nào cả[30].

Người thuộc Thủy hình còn chia làm 4 loại, người thuộc âm Đại vũ (phần trên của phía hữu), so được với người túc Thái dương Bằng quang kinh ở phía hữu, giống với dạng người bên trên thuộc túc Thái dương, thái độ làm người của họ là biểu lộ ở trên mặt một sắc thái tự đắc[31].

Người thuộc âm Thiếu vũ (phần dưới của phía tả), so được với dạng người của túc Thái dương Bằng quang kinh ở phía tả, giống với dạng người bên dưới của túc Thái dương, thái độ làm người của họ là hay quanh co, không thẳng thắn[32].

Người thuộc âm Chủng vũ (phần dưới của phía hữu), so được với dạng người của túc Thái dương Bằng quang ở phía hữu, giống với dạng người bên dưới túc Thái dương, thái độ làm người của họ là thẳng thắn, trong sạch[33].

Người thuộc âm Chật vũ (phần trên của phía tả), so được với dạng người của túc Thái dương Bằng quang kinh ở phía tả, giống với dạng người bên trên của túc Thái dương, thái độ làm người của họ là có một tâm hồn vững vàng, đạo đức cao trọng[34].

Cho nên, hình dáng con người thuộc ngũ hành, phân chia ra làm 25 lần biến hóa, đây là những điều biến hóa khó hiểu mà đa số người bình thường không quan tâm, xem thường vậy[35].

Một người nào đó đặc được cái hình dáng thuộc 25 hình, nhưng sắc diện lại hiện ra không đúng với hình dáng ấy thì sao?"[36].

Kỳ Bá đáp: "Nếu ngũ hành của hình dáng khác ngũ hành của sắc diện, hoặc ngũ hành của sắc diện khác ngũ hành của hình dáng, ta nên chú ý đến trường hợp này, gặp phải năm niên kị, nếu bị cảm bởi tà khí thì dễ sinh bệnh, và nếu việc trị liệu bị sơ sót thì bệnh tình sẽ có nhiều điều lo âu[37]. Nếu như hình dáng và sắc diện tương đắc đó là sự biểu hiện dạng người phú quý, đại lạc vậy"[38].

Hoàng Đế hỏi: "Trường hợp hình dáng và sắc diện tương khắc, rồi gặp phải năm niên kị nữa, ta có thể biết sự tương quan này không?"[39].

Kỳ Bá đáp: "Thông thường khi nói đến niên kị, đối với các dạng hình dáng như nói trên, tùy theo dáng người thuộc thượng hạ của đường kinh, năm đại kị bắt đầu từ 7 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 16 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 25 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 34 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 43 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 52 tuổi, thêm 9 tuổi nữa là 61 tuổi; Đây là những năm đại kị của con người mà người ta không thể không biết đến để luyện tập nhiếp sinh nhằm giữ cho sức khỏe được an lành, bởi vì những năm này, nếu bị cảm bởi tà khí thì sẽ dễ sinh bệnh, và nếu vì trị liệu sơ suất thì bệnh tình sẽ có nhiều điều lo âu[40]. Nói rõ hơn trong những năm này, không nên làm những chuyện dâm tà, đó là những gì quan hệ đến năm kị"[41].

Hoàng Đế hỏi: "Thầy đã nói về những đặc điểm thượng và hạ của Thủ túc tam Dương kinh, đã nói đến sự biểu hiện của huyết khí nhiều ít, ta có thể dựa vào sự quan hệ đó để biết về sự quan hệ giữa hình và khí như thế nào không?"[42].

Kỳ Bá đáp: "Hình thể đặc trưng của kinh Túc Dương minh biểu hiện ở phần trên của con người, nếu huyết khí đều thịnh thì râu má đẹp mà dài, nếu huyết ít khí nhiều thì râu má ngắn, cho nên nếu khí ít huyết nhiều thì râu má ít, nếu huyết khí đều ít thì không có râu má, hai bên mép có nhiều nếp nhăn[43].

Túc Dương minh biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí đều thịnh thì lông mu đẹp mà dài, đến như ở ngực cũng có lông; nếu huyết nhiều khí ít thì lông mu đẹp mà ngắn, đến như ở rún cũng có lông, mỗi khi bước đi thường dõ chân lên cao, phần cơ nhục của các ngón chân đều ít, 2 chân thường cảm thấy lạnh; nếu huyết ít khí nhiều thì cơ nhục dưới hạ chi dễ bị sinh lạnh chân và nhọt, nếu huyết khí đều ít thì sẽ không có lông mu, dù có đi nữa thì cũng rất lợt thợt, khô héo, thường hay xảy ra tình trạng hai chân bị lạnh và mềm nhũn, hoặc bị tê dại"[44].

Hình thể đặc trưng của kinh túc Thiếu dương, biểu hiện ở phần trên của con người, nếu khí huyết đều thịnh thì toàn bộ râu quai hàm đẹp và dài, nếu huyết nhiều khí ít thì toàn bộ râu quai hàm đẹp mà ngắn, nếu huyết ít khí nhiều thì râu quai hàm sẽ ít, nếu huyết và khí đều ít thì không có râu cằm, nếu bị cảm bởi khí Hàn Thấp thì thường hay bị chứng tý, cốt thống, móng tay bị khô[45].

Túc Thiếu dương biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí thịnh thì lông ở cẳng chân đẹp và dài, mắt cá ngoài mập, nếu huyết nhiều khí ít thì lông ở cẳng chân

đẹp mà ngắn, mắt cá ngoài có da cứng mà dày, nếu huyết ít khí nhiều thì lông ở cẳng chân ít, da của mắt cá ngoài mỏng và mềm, nếu huyết và khí đều ít thì không có lông, mắt cá ngoài gầy và không có thịt"[46].

Hình thể đặc trưng của kinh túc Thiếu dương, biểu hiện ở phần trên của con người, nếu khí huyết đều thịnh thì đôi mày sẽ đẹp, lông mày dài, nếu huyết nhiều khí ít thì lông mày xấu, nét mặt có nhiều nếp nhăn nhỏ, nếu huyết ít khí nhiều thì gương mặt nhiều thịt, nếu huyết khí được hòa thì gương mặt xinh đẹp[47].

Túc Thái dương biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí thịnh, thịt ở gót chân đầy đặn, gót chân phần dưới tiếp đất cứng rắn, nếu khí ít huyết nhiều thì gót chân gầy và bấp thịt cũng không đầy đặn, nếu huyết khí đều ít thì dễ bị chuyển gân, gót chân chầm đất hay bị đau[48].

Hình thể đặc trưng của kinh thủ Dương minh, biểu hiện phần trên của con người, nếu huyết khí thịnh thì râu mép đẹp, nếu huyết ít khí nhiều thì râu mép xấu, nếu huyết khí đều ít thì không có râu mép[49].

Kinh thủ Dương minh, biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí thịnh thì lông dưới nách đẹp, vùng ngực của bàn tay đầy đặn thịt mà ấm, nếu khí và huyết đều ít thì cánh tay gầy mà lạnh[50].

Hình thể đặc trưng của kinh thủ Thiếu dương, biểu hiện ở phần trên của con người, nếu huyết khí thịnh thì lông mày đẹp mà dài, màu sắc của 2 tai đẹp, nếu huyết khí đều ít thì 2 tai khô và màu sắc xấu, không nhuận bóng[51].

Kinh thủ Thiếu dương, biểu hiện ở phần dưới của con người, nếu huyết khí thịnh thì phần cơ nhục ở 2 lung bàn tay đầy đặn mà ấm, nếu huyết khí đều ít thì 2 lung bàn tay sẽ gầy mà lạnh, nếu khí ít huyết nhiều 2 lung bàn tay sẽ gầy và nổi nhiều gân mạch lên[52].

Hình thể đặc trưng của kinh thủ Thái dương, vận hành bên trên của con người, nếu huyết khí thịnh thì râu cằm mọc nhiều, gương mặt đầy đặn, đồng đều từ trên xuống dưới, nếu huyết khí đều ít thì gương mặt gầy và sắc diện khô mà không tươi nhuận, sắc tối tăm[53].

Kinh thủ Thái dương, biểu hiện ở bên dưới của con người, nếu huyết khí thịnh thì bấp thịt ở lòng bàn tay đầy đặn, nếu huyết khí đều ít thì lòng bàn tay sẽ gầy mà lạnh"[54].

Hoàng Đế hỏi: "Hình dạng của nhị thập ngũ nhân có những ước định gì không ?"[55].

Kỳ Bá đáp : "Người có đôi lông mày đẹp, đó là khí huyết của kinh túc Thái dương nhiều, người nào có đôi lông mày xấu, đó là khí huyết túc Thái dương ít, người nào mặt mà da không nhuận trạch, đó là khí huyết đều bất túc[56]. Ta nên xét rõ sự hữu dư hay bất túc của hình và khí để châm bổ tả, nhằm điều hòa khí huyết, đó mới có thể gọi là người thầy châm cứu, thuốc, biết được lẽ nghịch thuận vậy"[57].

Hoàng Đế hỏi: "Châm những bệnh biến của các kinh Âm và Dương phải thế nào ?"[58].

Kỳ Bá đáp: "Ta nên dựa vào mạch Thốn khẩu và mạch Nhân nghênh để biết được sự thịnh suy của Âm Dương, rồi tùy theo đó mà điều hòa chúng[59]. Đồng thời, ta dùng tay ấn lần, dò theo những đường kinh lạc để xem có khí huyết ngưng trệ hay không, có không thông hay không, nếu có thì trên thân thể của bệnh nhân sẽ có trạng thái đau nhức và tấy, nặng hơn nữa, sẽ làm cho người bệnh không bước đi được, do đó mà khí huyết bị ngưng sắc (trệ)[60]. Trường hợp này, ta dùng phép châm bổ lưu kim, nhằm làm cho Dương khí đến để làm ấm nơi bị ngưng trệ, đợi khi nào, huyết mạch được điều hòa mới thôi[61]. Khi nào có chứng kết trong lạc mạch, đó là mạch bị kết sẽ làm cho huyết không hòa (thông sướng), ta phải dùng phép quyết: rạch đường máu (chích lể để tả huyết kết) thì huyết mới vận hành bình thường trở lại[62]. Cho nên mới nói rằng: nếu khí hữu dư ở trên, ta dùng phép dẫn dắt cho nó xuống, nếu khí bất túc ở trên, ta nên dùng phép xoa bóp cơ nhục, đồng thời dùng phép châm lưu kim để đợi khí đến[63]. Nếu lưu kim đã lâu mà khí vẫn chưa đến nghênh ( tới nơi) để rước (nghênh), dù sao, ta vẫn cần phải nắm được con đường của kinh toại thì mới thực hiện việc châm trị và chờ đợi thành công được[64]. Nếu có trường hợp giao tranh giữa hàn và nhiệt, ta nên dẫn dắt khí nào đang thịnh nhất nhằm giúp cho khí huyết được tuyên hành[65]. Nếu gặp lúc mạch khí uất kết lâu ngày nhưng huyết chưa bị kết, ta nên suy đoán theo tình thế để thực hiện việc châm trị[66]. Tất cả đều phải biết rằng phép châm tả là để điều hòa khí huyết là quan trọng nhất, như vậy trước hết, ta phải nắm cho được khí huyết bấp thụ nơi 25 dạng người từ tả hữu thượng hạ nhằm tham khảo trong quá trình chẩn đoán trên lâm sàng, được vậy, là ta đã nắm được các phép tắc của việc châm trị rồi vậy"[67]

## 灵枢—阴阳二十五入第六十四

黄帝曰：余闻阴阳之人何仪？伯高曰：天地之间，六合之内，不离于五，人亦应之。故五五二十五人之政，而阴阳之人不与焉。其态又不合于众者五，余已知之矣。愿闻二十五人之形，血气之所生，别而以候，从外知内何如？岐伯曰：悉乎哉问也，此先师之秘也，虽伯高犹不能明之也。黄帝避席遵循而却曰：余闻之，得其人弗教，是谓重失，得而泄之，天将厌之。余愿得而明之，金柜藏之，不敢扬之。岐伯曰：先立五形金水水火土，别其五色，异其五形之人，而二十五人具矣。黄帝曰：愿卒闻之。岐伯曰：慎之慎之，臣请言之。水形之人，比于上角，似于苍帝。其为人苍色，小头，长面，大肩背，直身，小手足，好有才，劳心，少力，多忧劳于事，能春夏不能秋冬，感而病生，足厥明伦伦然。太角之人，比于左足少阳，少阳之上遗遗然。五角（一一曰。角①）之人，比于右足少阳，少阳之下随随然。付角（一。右角）之人，比于右足少阳，少阳之上推推然。判角之人，比于左足少阳，少阳之下插插然。火形之人，比于上做，似于赤帝。其为人赤色，广用，锐面小头，好肩背脾腹，小手足，行安地，疾心，行摇，肩背肉满，有气轻财，少信多虑，见事明，好颜，急心，木寿暴死。能春夏不能秋冬，秋冬感而病生，手少阴核核然。质激之人（目质之八。大①一日少角：原在句末“随随然”之后，据文义移此。本篇小字注均同此体例。178微），比于左手太阳，太阳之上肌肌然。少微之人，比于右手太阳，太阳之下滔滔然。右微之人，比于右手太阳，太阳之上统统然（一。熊熊然）。质判（一。质创之人，比于左手太阳，太阳之下支支颧颧然。十形之人，比于上官，似于上古黄帝。其为人黄色，圆面，大头，美肩背，大腹，美股胜，小手足，多肉，上下相称，行安地，举足浮，安心，好利人，不喜权势，善附人也。能秋冬不能春夏；春夏感而病生，足太阴敦敦然。太宫之人，比于左足阳明，阳明之上婉婉然。加宫之人（一。众之人），比于立足阳明，阳明之下坎坎然。少宫之人，比于右足阳明，阳明之上枢枢然。左宫之人（一。众之八。一日。明之。），比于右足阳明，阳明之下兀兀然。金形之人，比于上商，似于白帝。其为人方面，白色，小头，小肩背，小腹，小手足，如骨发路外，骨轻，身清廉，急心，静悍，善为吏。能秋冬不能春夏，春夏感而病生，手太阴敦敦然。付商之人，比于左手阳明，阳明之上廉廉然。右商之人，比于左手阳明，阳明之下脱脱然。右商之人，比于右手阳明，阳明之上监监然。少商之八，比于右手阳明，阳明之下严严然。水形之人，比于上羽，似于黑帝。其为人黑色，面不平，大头，廉颧，小肩，大腹，动手足，发行摇身，下尽长，背延延然，不敬畏，善欺给人，戮死。能秋冬不能春夏，春夏感而病生，足少阴汗汗然。大羽之人，比于右足太阳，太阳之上颊颊然。少羽之人，比于左足太阳，太阳之下纤纤然。众之为（一。加之八），比于右足太阳，太阳之下洁洁然。任之为（一。加之八），比于左足太阳，太阳之上安安然。是故五形之人二十五变者，众之所以相欺者是也。黄帝曰：得其形，不得其色何如？妨伯曰：形胜色，色胜形者，至其股时年加，感则病行，失则忧矣。形色相得者，富贵大乐。黄帝曰：其形色相胜之时，年加可知乎？吹伯曰：凡年忌下上之人大忌，常加七岁，十六岁、二十五岁、三十四岁、四十三岁、五十二岁、六十一岁，皆人之大忌，不可不自安也，感则病行，失则忧矣。当此之时，无为好事，是谓年忌。黄帝曰：夫子之言，脉之上下，血气之候，以知形气奈何？岐伯曰：足阳明之上，血气盛则髻美长；血少气多则髻短；放气少血多则髻少；血气皆少则无髻，两吻多画。足阳明之下，血气盛则下毛美长至胸；血多气少则下毛美短至脐，行则善高举足，足指少肉，足善寒；血少气多则肉而善癩；血气皆少则无毛，有则稀枯停，善晨厥足痹。足少阳之上，气血盛则通髻美长；血多气少则通髻美短；血少气多则少髻；血气皆少则无须，感于寒湿则善痹，骨痛爪枯也。足少阳之下，血气盛则腔毛美长，外踝肥；血多气少则胜毛美短，外踝皮坚而厚；血少气多则储毛少，外踝皮薄而软；血气皆少则无毛，外踝瘦无肉。足太阳之上，血气盛则美眉，眉有毫毛；血多气少则恶眉，面多少理；血少气多179则面多向；血气和则美色。足太阳①之下，血气盛则跟肉满，遗坚；气少血多则瘦，跟空；血气皆少则喜转筋，睡下痛。手阳明之上，血气盛则播美；血少气多则播恶；血气皆少则无霜。手阳明之下，血气盛则腋下毛美，手鱼肉以温；血气皆少则手瘦以寒。手少阳之上，血气盛则眉美以长，耳色美；血气皆少则耳焦恶色。手少阳之下，血气盛则手卷多肉以温；血气皆少则寒以瘦；气少血多则瘦以多脉。手太阳之上，血气盛则有多项，面多肉以平；血气皆少则面瘦恶色。手太阳之下，血气盛则掌肉充满；血气皆少则掌瘦以寒。黄帝曰：二十五人者，刺之有约乎？岐伯曰：美眉者，足太阳之脉，气血多；恶眉者，血气少；其肥而泽者，血气有余；肥而不泽者，气有余，血不足；瘦而无泽者，气血俱不足。审察其形气有余不足而调之，可以知逆顺矣。黄帝曰：刺其诸阴阳奈何？岐伯曰：按其寸口人迎，以调阴阳，切循其经络之凝涩，结而不通者，此于身皆为痛痹，甚则不行，故凝涩。凝涩者，致气以温之，血和乃止。其结络者，脉结血不和，决之乃行。故曰：气有余于上者，导而下之；气不足于上者，推而休之；其稽留不至者，因而迎之；必明于经隧，乃能持之。寒与热争者，导而行之淇宛陈血不结者，则而予之。必先明知二十五人，则血气之所在，左右上下，刺约毕也。

### THIÊN 65: NGŨ ÂM NGŨ VỊ

Đối với loại hình của người thuộc Hữu chủ và Thiếu chủ, ta nên điều trị ở phần thượng bộ của phía hữu của thủ Thái dương Tiểu trường kinh[1].

Đối với loại hình của người thuộc Tả thương và Tả chủ, ta nên điều trị ở phần thượng bộ của phía tả của thủ Dương minh Đại trường kinh[2].

Đối với loại hình của người thuộc Thiếu chủ và Thái cung, ta nên điều trị ở phần thượng bộ của phía tả của thủ Dương minh Đại trường kinh[3].

Đối với loại hình của người thuộc Hữu giốc và Thái giốc, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Thiếu dương Đờm kinh[4].

Đối với loại hình của người thuộc Thái chủ và Thiếu chủ, ta nên điều trị ở phần thượng bộ của phía tả của thủ Thái dương Tiểu trường kinh[5].

Đối với loại hình của người thuộc Chúng vũ và Thiếu vũ, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Thái dương Bàng quang kinh[6].

Đối với loại hình của người thuộc Thiếu thương và Hữu thương, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu thủ Thái dương Tiểu trường kinh[7].

Đối với loại hình của người thuộc Chất vũ và Chúng vũ, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Thái dương Bàng quang kinh[8].

Đối với loại hình của người thuộc Thiếu cung và Thái cung, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Dương minh Vị kinh[9].

Đối với loại hình của người thuộc Phán giốc và Thiếu giốc, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Thiếu dương Đờm kinh[10].

Đối với loại hình của người thuộc Đệ thương và Thượng thương, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía hữu của túc Dương minh Vị kinh[11].

Đối với loại hình của người thuộc Đệ thương và Thượng giốc, ta nên điều trị ở phần hạ bộ của phía tả của túc Thái dương Bàng quang kinh[12].

Loại hình người thuộc âm Thượng chủ và Hữu chủ, hoặc những loại hình đồng thuộc Hỏa khí, hợp với ngũ cốc là lúa mạch, với ngũ súc là thịt dê, với ngũ quả là trái hạnh, với kinh mạch là thủ Thiếu âm, với ngũ tạng là Tâm, với ngũ sắc là màu đỏ, với ngũ vị là đắng, với thời lệnh là mùa hạ[13].

Loại hình người thuộc âm Thượng vũ và Thái vũ, hoặc những loại hình đồng thuộc Thủy khí, hợp với ngũ cốc là đại đậu, với ngũ súc là thịt heo, với ngũ quả là trái lựu, với kinh mạch là túc Thiếu âm, với ngũ tạng là Thận, với ngũ sắc là màu đen, với ngũ vị là mặn, với thời lệnh là mùa đông[14].

Loại hình người thuộc âm Thượng cung và Thái cung, hoặc những loại hình đồng thuộc Thổ khí, hợp với ngũ cốc là lúa tẻ, với ngũ súc là thịt bò, với ngũ quả là trái táo, với kinh mạch là Túc Thái âm, với ngũ tạng là Tỳ, với ngũ sắc là màu vàng, với ngũ vị là ngọt, với thời lệnh là mùa quý hạ[15].

Loại hình người thuộc âm Thượng thương và Hữu thương, hoặc những loại hình đồng thuộc Kim khí, hợp với ngũ cốc là lúa thừ, với ngũ súc là thịt gà, với ngũ quả là trái đào, với kinh mạch là thủ Thái âm, với ngũ tạng là Phế, với ngũ sắc là màu trắng, với ngũ vị là cay, với thời lệnh là mùa thu[16].

Loại hình người thuộc âm Thượng giốc và Thái giốc, hoặc những loại hình đồng thuộc Mộc khí, hợp với ngũ cốc là lúa ma, với ngũ súc là thịt chó, với ngũ quả là trái lý, với kinh mạch là túc Quyết âm, với ngũ tạng là Can, với ngũ sắc là màu xanh, với ngũ vị là chua, với thời lệnh là mùa xuân[17].

Người thuộc loại hình Thái cung và Thượng giốc, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía hữu của túc Dương minh Vị kinh[18].

Người thuộc loại hình Tả giốc và Thái giốc, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía tả của túc Dương minh Vị kinh[19].

Người thuộc loại hình Thiếu vũ và Thái vũ, đều có thể điều trị theo vùng hạ bộ phía hữu của túc Thái Dương Bàng quang kinh[20].

Người thuộc loại hình Tả thương và Hữu thương, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía tả của thủ Dương minh Đại trường kinh[21].

Người thuộc loại hình Gia cung và Thái cung, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía tả của túc Thiếu Dương Đờm kinh[22].

Người thuộc loại hình Chất phán và Thái cung, đều có thể điều trị theo vùng hạ bộ phía tả của thủ Thái Dương Tiểu trường kinh[23].

Người thuộc loại hình Phán giốc và Thái giốc, đều có thể điều trị theo vùng hạ bộ phía tả của túc Thiếu Dương Đờm kinh[24].

Người thuộc loại hình Thái vũ và Thái giốc, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía hữu của túc Thái Dương Bàng quang kinh[25].

Người thuộc loại hình Thái giốc và Thái cung, đều có thể điều trị theo vùng thượng bộ phía hữu của túc Thiếu Dương Đờm kinh[26].

Năm loại hình của người thuộc Hữu chùy, Thiếu chùy, Chắt chùy, Phán chùy, Thượng chùy, đều thuộc Hỏa[27].

Năm loại hình của người thuộc Hữu giốc, Đệ giốc, Thượng giốc, Thái giốc, Phán giốc, đều thuộc Mộc[28].

Năm loại hình của người thuộc Hữu thương, Thiếu thương, Chắt thương, Phán thương, Thượng thương, đều thuộc Kim[29].

Năm loại hình của người thuộc Thiếu cung, Thượng cung, Thái cung, Gia cung, Tả cung đều thuộc Thổ[30].

Năm loại hình của người thuộc Chúng vũ, Chắt vũ, Thượng vũ, Đại vũ, Thiếu vũ đều thuộc Thủy[31].

Hoàng Đế hỏi: "Người đàn bà không có râu, đó là do không có huyết khí chăng?"[32].

Kỳ Bá đáp: "Xung mạch và Nhậm mạch đều khởi lên ở bào trung, vận hành lên trên theo bên trong cột sống lưng, đóng vai biển của kinh lạc[33]. Phần nổi và ngoài của nó tuần hành theo bên hữu của bụng, lên trên để hội với yết hầu, 1 nhánh lại lên trên để hội với quanh môi[34]. Khi huyết khí thịnh thì nó sẽ làm sung cho bì phu, làm nhiệt cho cơ nhục; nếu chỉ có huyết thịnh 1 mình thì nó sẽ thâm ra đến bì phu để sinh ra lông[35]. Nay người đàn bà sinh vốn hữu dư ở khí mà bất túc ở huyết, đó là do ở họ thường hay bị thoát huyết[36]. Khi mạch Xung và mạch Nhậm không làm tươi cho miệng và môi, vì thế mà râu không có thể mọc ra vậy"[37].

Hoàng Đế hỏi: "Có số người tổn thương đến bộ phận sinh dục làm sao cho khí của sinh dục bị tuyệt, không còn cứng lên được nữa, không còn tác dụng giao hợp được nữa, thế nhưng râu của họ vẫn không rụng, nguyên do nào gây nên như thế?[38] Riêng những người hoạn (cắt đứt bộ phận sinh dục) thì râu lại rụng đi không mọc nữa, tại sao thế? Ta mong được nghe về những nguyên nhân đã gây nên như thế"[39].

Kỳ Bá đáp: "Hoạn có nghĩa là cắt đứt cái tông căn (bộ sinh dục), làm thương đến mạch Xung, huyết bị chảy ra mà không phục hồi trở lại được, kết lại bên bì phu, đến nỗi mạch Xung và mạch Nhậm không còn lên được đến miệng và môi để nuôi dưỡng nơi này nữa, do đó mà râu không mọc được"[40].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người gọi là Thiên hoạn, chưa từng bị cắt và bị thương nơi bộ sinh dục, cũng không giống như đàn bà, mỗi tháng bị thoát huyết, vậy mà họ vẫn không có mọc râu, nguyên do nào khiến như thế?"[41].

Kỳ Bá đáp: "Đây là trường hợp do tiên thiên khí bất túc; Nhậm mạch và Xung mạch không thịnh, bộ phận của tông căn không hình thành, hữu khí mà vô huyết ở Nhậm và Xung, nó sẽ không lên trên để nuôi dưỡng vùng miệng và môi, vì thế nên họ không có râu"[42].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy thay! Bậc thánh nhân thông hiểu về vạn vật, ví như mặt trời và mặt trăng soi vạn vật thành những hình ảnh trong sáng, như tiếng trống sẽ vang lên sau khi đánh vào trống, nghe được tiếng nói mà biết được hình trạng, nếu không phải là bậc cao minh như phụ tử, thì ai có thể biết được cái tinh khí ấy của vạn vật?[43] Do đó bậc thánh nhân chỉ nhìn nhan sắc vàng hay đỏ, mà biết được bên trong nhiệt khí nhiều; chỉ nhìn nhan sắc xanh hay trắng, mà biết được bên trong nhiệt khí ít; chỉ nhìn đôi mày đẹp mà biết được kinh Thái dương nhiều huyết; chỉ nhìn râu cằm và râu hàm lên đến tóc mai mà biết được kinh Thiếu dương nhiều huyết; chỉ nhìn bộ râu cằm đẹp mà biết được kinh Dương minh nhiều huyết. Đây là do thời mà như thế vậy"[44].

Ôi! Thường số con người, trong đó Thái dương thường huyết nhiều, khí ít, Thiếu dương thường khí nhiều, huyết ít, Dương minh thường huyết nhiều, khí nhiều, Quyết âm thường khí nhiều, huyết ít, Thiếu âm thường huyết nhiều, khí ít, Thái âm thường huyết nhiều, khí ít, đây là những hiện tượng chính thường của Trời vậy"[45].

#### 灵枢—五音五味第六十五

右微与少微，调右手太阳上。左商与左微，调左手阳明上。少徽与大官，调左手阳明上。右角与大角，调右足少阳下。大微与少微，调左手太阳上。众羽与少羽，调右足太阳下。少商与右商，调右手太阳下。任羽与众羽，调右足太阳下。少官与大官，调右足阳明下。判角与少角，调右足少阳下。付商与上商，调右足阳明下。村商与上角，调左

足太阳下。上激与右徽同，谷麦，畜羊，果杏，手少阻②，藏心，色赤，味苦，时夏。上羽与大羽同，谷大豆，畜菌，果栗，足少阴，藏肾，色黑，味咸，时冬。上它与大宫同，谷稷，畜牛，果枣，足太阳，藏脾，色黄，味甘，时季夏。①阳：原悵“阴”，据马注本、张注本、日刻本、黄校本及《永乐大典》所引改。③阴：原作“阳”，据文义改。180上商与右商同，谷黍，畜鸡，果桃，手太阴，藏肺，色白，味辛，时秋。上角与大角同，谷麻，畜犬，果李，足厥阴，藏肝，色青，味酸，时春。大宫与上角，同右足阳明上。左角与大角，同左足阳明上。少羽与大羽，同右足太阳下。友商与右商，同左手阳明上。加宫与大宫，同左足少阳上。质判与大宫，同左手太阳下。判角与大角，同左足少阳下。大羽与大角，同右足太阳上。大角与大宫，同右足少阳上。右徽、少做、质微、上微、判做；右角、付角、上角、大角、判角；右商、少商、村商、上商、左商；少官、上官、大宫、加宫、左角宫；众羽、桂羽、上羽、大羽、少羽。黄帝曰：妇人无须者，无血气乎？岐伯曰：冲脉、任脉，皆起于胞中，上循背里，为经络之海；其浮而外者，循腹右上行，会于咽喉，别而络唇口。血气盛则充肤热肉，血独盛则企渗皮肤，生毫毛。今妇人之生，有余于气，不足于血，以其数脱血也，冲任之脉，不荣口唇，故须不生焉。黄帝曰：土人有伤于阴，阴气绝而不起，阴不用，然其须不去，其故何也？宦者独去何也？愿闻其故。岐伯曰：宦者去其宗筋，伤其冲脉，血泻下复，皮肤内结，唇口不荣，故须不生。黄帝曰：其有天宦者，未尝被伤，不脱于血，然其须不生，其故何也？岐伯曰：此天之所不足也，其任冲不盛，宗筋不成，有气无血，唇口不荣，故须不生。黄帝曰：善乎能！圣人之通万物也，若日月之光影，音声鼓响，闻其声而知其形，其非夫子，孰能明万物之精。是故圣人视其颜色，黄赤者多热气，青白者少热气，黑色者多血少气。美眉者太阳多血，通髻极须着少阳多血，美颌者阳明多血，此其时然也。夫人之常数，太阳常多血少气，少阳常多气少血，阳明常多血多气，厥阴常多气少血，少阴常多血少气，太阴常多血少气，此天之常数也。

#### THIÊN 66: BÁCH BỆNH THỈ SINH

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ôi ! Trăm bệnh bắt đầu sinh ra, tất cả đều sinh ra từ phong vũ, hàn thử, thanh thấp, và hi nộ[1]. Khi mà việc hi nộ không điều tiết được (quá độ), nó sẽ làm tổn thương đến tạng[2]. Khi bị cảm bởi phong vũ thì bị thương đến phần trên[3]. Khi bị cảm bởi thanh thấp thì bị thương đến phần dưới[4]. Khí của bộ vị (trên, giữa và dưới của con người) khi bị thương đều khác loại nhau, ta mong được nghe về lý do chính của nó"[5].

Kỳ Bá đáp: "Khí của tam bộ (trên, giữa và dưới) đều không giống nhau: có khi nó khởi sắc lên ở Âm, có khi nó khởi lên ở Dương, xin cho thần được nói về những nguyên lý ấy[6]. Khi mà việc hi nộ của con người không điều tiết được thì nó sẽ làm thương đến tạng, tạng bị thương thì bệnh sẽ khởi lên ở Âm, khí thanh thấp thừa lúc thân thể bị hư để xâm tập vào thì bệnh sẽ khởi lên ở phía dưới, khí khí phong vũ thừa lúc thân thể bị hư để xâm tập vào thì bệnh sẽ khởi lên ở phía trên, đó là 3 bộ vị để tà tấn công vậy[7]. Đến như tà khí tấn công vào để rồi từ đó mà tràn ngập, biến hóa thành những chứng trạng khác nhau thì không biết bao nhiêu mà kể"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Ta vẫn chưa rõ ràng về vấn đề biến hóa đa dạng của các chứng bệnh, vì thế ta muốn hỏi thầy là người hiểu biết và mong được nghe rất ráo về đạo ấy"[9].

Kỳ Bá đáp: "Khí phong vũ, hàn nhiệt, nếu không phải là thân thể bị hư nhược, thì nó không thể tự mình làm thương đến con người được[10]. Nếu có người nào đó đột nhiên bị tắc phong, bạo vũ (gió táp, mưa sa) mà cũng không bị bệnh, đó là do thân thể người ấy không hư nhược, vì thế mà 1 mình tà khí không thể gây bệnh được[11]. Đây muốn nói rằng, phải do phong khí đóng vai hư tà rồi gặp thân người đang bị hư nhược, cả hai loại hư gặp gỡ nhau, bấy giờ hư tà của phong mới nhập vào thân thể để gây bệnh được[12]. Nếu con người thân thể tráng kiện và thời lệnh chính thường, đó gọi là cả hai loại thực gặp gỡ nhau, một số người có da thịt rắn chắc tà khí không gây bệnh được[13]. Phạm trường hợp gọi là trúng bởi hư tà, do bởi Thiên thời và hình thân, cả hai hợp nhau bởi hư tà của hình thân và thực tà của Thiên thời, bấy giờ mới sinh ra những chứng bệnh nặng[14]. Tà khí xâm nhập vào thân thể, nó có những bộ vị nhất định của nó, tùy theo nơi nó đến ở mà có tên gọi riêng, phân làm thượng hạ, trong ngoài, phân làm tam bộ[15].

Vì thế, khí hư tà trúng vào người, nó bắt đầu ở nơi bì phu, bì phu bị lợi lỏng thì tấu lý mở ra, tấu lý mở ra thì tà khí sẽ đi từ lông và tóc nhập vào, khi nhập vào, nó sẽ đi vào ngày càng sâu, vào càng sâu sẽ làm cho lông và tóc dựng lên, lông và tóc dựng lên thì ta sẽ cảm thấy ớn ớn lạnh, do đó mà bì phu bị đau buốt[16]. Nếu tà khí này mà không đi ra thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi lạc mạch, khi nó ở nơi lạc mạch, nó sẽ làm cho đau nhức nơi cơ nhục, nếu sự đau nhức lúc có lúc hết, đó là tà khí đi vào sâu hơn, kinh mạch sẽ thay cho lạc mạch để nhận lấy tà khí[17]. Nếu tà khí vẫn

không ra đi thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi kinh mạch, khi nó ở nơi kinh mạch, nó sẽ làm cho bị ớn lạnh và có lúc xảy ra kinh sợ[18].

Nếu tà khí vẫn không ra đi thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi các du huyết, khi nó ở nơi các du huyết, nó sẽ làm cho kinh khí của lục kinh không còn thông với tứ chi nữa, như vậy các quan tiết của tứ chi bị đau nhức, cột sống ở thắt lưng bị cứng[19].

Nếu tà khí vẫn không ra đi thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi mạch của Phục xung, khi nó ở nơi mạch của Phục Xung, nó sẽ làm cho tay chân bị nặng nề và thân mình bị đau nhức[20].

Nếu tà khí vẫn chưa ra đi thì nó sẽ truyền vào để đến ở nơi Trường Vị, khi nó ở nơi Trường Vị, nó sẽ làm cho bụng có nước, sôi lên và bụng trướng lên[20]. Nếu hàn nhiều thì sẽ thành chứng sôi ruột, xôn tiết (tiêu chảy), ăn không tiêu, còn nếu nhiệt nhiều sẽ làm cho tiêu ra phân lỏng mà nát (màu trắng kiêm đỏ)[21].

Nếu tà khí vẫn chưa ra đi thì nó sẽ truyền để đến ở nơi ngoài Trường rồi ở trong khoảng mộ và nguyên, lưu lại trong mạch[22]. Và nếu nó cứ mãi lưu lại mà không ra đi, nó sẽ ngưng nghỉ lại để thành tích khí[23]. Nói tóm lại, nếu tà khí xâm nhập vào cơ thể, thì hoặc là nó lưu lại và hiện rõ nơi tôn mạch, hoặc là nó lưu lại nơi mạch khí của các du huyết, hoặc nó lưu lại nơi mạch của Phục Xung, hoặc nó lưu lại nơi đường cân của hai bên thân thịt ở cột sống, hoặc nó lưu lại nơi các huyết mộ và huyết nguyên của Trường Vị, nó lên trên để nối với các đường cân khí ở nơi bụng...[24] Tà khí xâm nhập và tràn ngập trong thân thể ở nhiều nơi thật khó mà kể cho hết"[25].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe đầy đủ về những nguyên do ấy"[26].

Kỳ Bá đáp: "Khi tà khí lưu lại ở mạch khí của tôn lạc để thành tích khí, khối tích khí này sẽ chạy qua chạy lại, chạy lên chạy xuống, bởi vì nó thuộc vào vùng tôn lạc của 2 cánh tay, thường là cạm và buồng lơi nó không thể câu thúc khối tích khí này dừng lại, nó sẽ di chuyển và vận hành trong khoảng Trường Vị, nếu có nào thì nó sẽ tràn thấm vào bên trong, dường như có tiếng nào chảy róc rách, nếu có hàn khí thì sẽ làm trong bụng trướng mãn và sôi lên như sấm, đau lan rộng ra, thường đau quặn như dao cắt[27].

Khi tà khí lưu lại ở kinh Dương minh, tích khí sẽ đóng quanh vùng rốn, khi nào ăn no thì thấy nó phình to ra, khi bụng đói thì nó sẽ càng nhỏ lại[28].

Khi tà khí lưu lại ở vùng hoãn cân, nó giống với tích khí của kinh Dương minh, khi ăn no thì sẽ bị đau, khi nào đói thì sẽ dễ chịu hơn[29].

Khi tà khí lưu lại ở mạch khí của mộ và nguyên của Trường Vị, nó sẽ làm đau ra đến bên ngoài của vùng tông cân, khi nào ăn no thì dễ chịu hơn, khi nào đói bụng thì sẽ đau[30].

Khi tà khí lưu lại ở mạch khí của Phục Xung, nếu chúng ta dùng tay đè lên vùng bụng, ta cảm thấy như có động dưới tay, khi rời tay ra thì sẽ có luồng nhiệt khí đi xuống dưới 2 bên đùi, giống như luồng nước sôi nóng[31].

Nếu tà khí lưu lại ở mạch khí của cân khí 2 bên thân thịt kinh Bàng quang, và ở bên sau của Trường Vị, lúc đói sẽ thấy được tích khí hiện ra, lúc no thì tích khí không hiện ra, dùng tay đè lên cũng không thấy được[32].

Nếu tà khí lưu lại ở mạch khí của các du huyết thì sẽ làm cho mạch đạo bế tắc không thông, tân dịch sẽ không còn phân bố xuống, các không khiêu bị khô và ùng tắc[33]. Trên đây là những con đường mà tà khí đi từ ngoài nhập vào trong, đi từ trên xuống dưới"[34].

Hoàng Đế hỏi: "Quá trình bắt đầu sinh ra và đã thành của tích khí xảy ra như thế nào?"[35]

Kỳ Bá đáp: "Quá trình sinh ra tích khí là khi nào bị phải Hàn khí mới sinh ra, và bị quyết do hàn, khí quyết mới nghịch lên trên mới thành ra tích khí"[36].

Hoàng Đế hỏi: "Quá trình hình thành tích khí như thế nào?"[37].

Kỳ Bá đáp: "Hàn khí quyết nghịch ở dưới sinh ra chúng đau ở chân và vận động thất thường, từ đó sinh ra chúng căng chân bị lạnh, căng chân bị lạnh sẽ làm cho huyết mạch bị ngưng trệ, huyết mạch bị ngưng trệ thì Hàn khí sẽ từ dưới để lên trên để nhập vào vùng bụng làm cho bụng bị đầy trướng, vùng bụng bị đầy trướng sẽ làm cho chất bọt của trấp bị bức tụ lại mà không tán ra được, lâu ngày thành ra tích khí[38].

Hoặc có khi đột nhiên do ăn uống quá nhiều, quá bạo làm cho Trường Vị bị đầy hoặc do sự thúc ngù bất thường không tiết độ, hoặc do dùng sức quá nhiều, tất cả sẽ làm cho lạc mạch bị thương[39]. Nếu Dương lạc bị thương, thì huyết sẽ tràn ngập ra ngoài, huyết tràn ngập ra ngoài sẽ làm cho chảy máu cam máu mũi[40]; nếu Âm lạc bị thương,



thì huyết sẽ tràn ngập vào bên trong, tràn ngập vào bên trong thì sẽ bị tiêu ra máu[41]. Nếu lạc mạch của Trường Vị thương thì huyết sẽ tràn ngập ra khỏi Trường Vị, bên ngoài Trường Vị đang có hàn khí thì chất bột của trấp và huyết cùng đánh nhau, do đó chúng bị dính vào nhau, tụ lại mà không tán ra được để rồi trở thành tích khí[42]. Hoặc có khi đột nhiên bị tấn công bởi hàn khí bên ngoài, và nếu bên trong lại bị nội thương bởi lo buồn và tức giận, nó sẽ làm cho khí bị nghịch lên trên, khí bị nghịch lên trên sẽ làm cho con đường vận hành của mạch khí của lục kinh Thủ và Túc không thông, khí âm không vận hành, huyết bị ngưng tụ, ú kết lại ở bên trong, không thể tán ra được, tân dịch bị rít trệ và không thể thấm đến toàn thân, đọng lại lâu ngày không vận hành được, thế là tích khí hình thành vậy"[43].

Hoàng Đế hỏi: "Bệnh sinh ra ở vùng Âm thể nào?"[44].

Kỳ Bá đáp: "Ưu và tư thì làm thương đến Tâm[45]; Bị lạnh ngoài hình thể lại ăn thức ăn lạnh bên trong sẽ làm thương đến Phế[46]; Phẫn nộ làm thương đến Can[47]; Sau khi say rượu rồi làm chuyện trai gái, hoặc khi ra mồ hôi mà đứng trước gió sẽ làm thương đến Tỳ[48]; Dùng sức quá độ, hoặc sau khi làm chuyện trai gái, hoặc khi ra mồ hôi mà tắm sẽ làm thương đến Thận[49]. Đó là 3 vùng thân thể nội ngoại bị sinh ra bệnh vậy"[50].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy! Phép trị phải thế nào?"[51].

Kỳ Bá đáp: "Chỉ cần quan sát được nơi đau nhức, nhắm biết được huyết vị ứng lên thuộc bộ vị thuộc biểu lý như thế nào, biết được khí hữu dư hay bất túc, đáng bỏ thì châm bỏ, đáng tả thì châm tả, đừng để nghịch lại với Thiên thời, đó là phép điều trị thích đáng nhất"[52].

## 灵枢一百病始生第六十六

黄帝问于岐伯曰：夫百病之始生也，皆生于风雨寒暑，清湿喜怒。喜怒不节则伤藏，风雨则伤上，清湿则伤下。三部之气，所伤异类，愿闻其会。岐伯曰：三部之气各不同，或起于阴，或起于阳，请言其方。喜怒不节，则伤藏，藏伤则病起于阴也；清湿袭虚，则病起于下；风雨袭虚，则病起于上，是谓三部。至于其淫泆不可胜数。黄帝曰：余固不能数，故问先师，愿卒闻其道。岐伯曰：风雨寒热，不得虚，邪不能独伤人。卒然逢疾风暴雨而不病者，盖无虚，故邪不能独伤人，此必因虚邪之风，与其身形，两虚相得，乃客其形，两实相逢，众人肉坚。其中于虚邪也，因于天时，与其身形，参以虚实，大病乃成，气有定舍，因处为名，上下中外，分为三员。是故虚邪之中人也，始于皮肤，皮肤缓则腠理开，开则邪从毛发入，入则抵深，深则毛发立，毛发立则渐然，故皮肤痛。留而不去，则传舍于络脉，在络之时，痛于肌肉，其痛之时息，大经乃代。留而不去，传舍于经，在经之时，洒淅喜惊。留而不去，传舍于输，在输之时，六经不通四肢，则肢节痛，腰脊乃强。留而不去，传舍于伏冲之脉，在伏冲之时，体重身痛。留而不去，传舍于肠胃，在肠胃之时，贲响腹胀，多寒则肠鸣飧泄，食不化，多热则溏出麩。留而不去，传舍于肠胃之外，募原之间，留著于脉，稽留而不去，息而成积。或著孙脉，或著络脉，或著经脉，或著输脉，或著于伏冲之脉，或著于膂筋，或著于肠胃之膜原，上连于缓筋，邪气淫泆，不可胜论。黄帝曰：愿尽闻其所由然。岐伯曰：其著孙络之脉而成积者，其积往来上下，臂手孙络之居也，浮而缓，不能句积而止之，故往来移行肠胃之间，水凑渗注灌，濯濯有音，有寒则（月真月真）满雷引，故时切痛。其著于阳明之经，则挟脐而居，饱食则益大，饥则益小，其著于缓筋也，似阳明之积，饱食则痛，饥则安。其著于肠胃之募原也，痛而外连于缓筋，饱食则安，饥则痛。其著于伏冲之脉者，揣之应手而动，发手则热气下于两股，如汤沃之状。其著于臂筋在肠后者，饥则积见，饱则积不见，按之不得。其著于输之脉者，闭塞不通，津液不下，孔窍干壅。此邪气之从外入内，从上下也。黄帝曰：积之始生，至其已成奈何？岐伯曰：积之始生，得寒乃生，厥乃成积也。黄帝曰：其成积奈何？岐伯曰：厥气生足惋，惋生胫寒，胫寒则血脉凝涩，血脉凝涩则寒气上入于肠胃，入于肠胃则（月真）胀，（月真）胀则肠外之汁沫迫聚不得散，日以成积。卒然多食饮则肠满，起居不节，用力过度，则络脉伤，阳络伤则血外溢，血外溢则衄血；阴络伤则血内溢，血内溢则后血。肠胃之络伤，则血溢于肠外，肠外有寒汁沫与血相搏，则并合凝聚不得散而积成矣。卒然外中于寒，若内伤于忧怒，则气上逆，气上逆则六输不通，温气不行，凝血蕴裹而不散，津液涩渗，著而不去，而积皆成矣。黄帝曰：其生于阴者，奈何？岐伯曰：忧思伤心；重寒伤肺；忿怒伤肝；醉以入房，汗出当风，伤脾；用力过度，若入房汗出浴，则伤肾。此内外三部之所生病者也。黄帝曰：善。治之奈何？岐伯答曰：察其所痛，以知其应，有余不足，当补则补，当泻则泻，毋逆天时，是谓至治。

## THIÊN 67: HÀNH CHÂM

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: " Ta đã nghe thầy giảng về phép châm cứu châm, và ta đã áp dụng để chữa bệnh cho trăm họ, nhưng huyết khí của trăm họ không giống nhau về thịnh suy, cũng không giống nhau về thể chất: Có những người mà thân khí dễ bị kích động, vừa mới châm vào thì khí của người bệnh đã có phản ứng, có những người mà vừa châm vào

thì khí phản ứng xảy ra đồng thời, có những người mà khi rút kim ra xong rồi thì khí mới phản ứng 1 mình, có những người phải châm nhiều lần thì người bệnh mới biết phản ứng, có khi vừa phát châm thì khí phản ứng bằng cách nghịch lại, có người châm được nhiều lần thì bệnh càng nguy kịch thêm[1]. Tất cả 6 tình huống trên được biểu hiện với những phản ứng khác nhau, Ta mong được nghe về nguyên nhân nào đã gây ra những tình huống khác nhau ấy"[2].

Kỳ Bá đáp : "Những người thuộc dạng Trùng dương, thần khí của họ dễ bị kích động, khí của họ dễ bị phản ứng"[3].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào là người thuộc Trùng dương ?"[4].

Kỳ Bá đáp : "Người thuộc dạng Trùng dương tình cảm của họ phong phú như lửa cháy bùng bùng, tính khí của họ cao ngạo, lời nói thường rất nhanh, khi bước chân đi thường bước cao lên, khí của 2 tạng Tâm và Phế hữu dư[5]. Sự vận hành của Dương khí tron tru và sung thịnh và mở rộng ra bốn bề, do đó mà thân của họ dễ bị kích động, và khí lại phản ứng sớm hơn"[6].

Hoàng Đế hỏi: " Có những người thuộc dạng Trùng dương, nhưng thần khí lại không phản ứng nhanh trước, là tại sao ?"[7].

Kỳ Bá đáp : "Đó chính vì dạng người Trùng dương này mang nhiều Âm khí bên trong"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Lấy gì để biết được người này mang nhiều âm khí ?"[9].

Kỳ Bá đáp : "Bởi vì người thuộc dạng đa Dương, tính của họ là thường vui vẻ, còn người thuộc dạng đa âm dễ nổi giận, nhiều lần nổi giận nhưng họ lại cũng dễ bớt giận để bỏ qua đó là loại người thuộc trong Dương có Âm, vì thế mới gọi họ là có ít nhiều Âm trong Dương[10]. Sự vận hành, ly hợp giữa Âm và Dương trong người họ không chính thường, vì thế thần khí của họ không thể phản ứng nhanh, sớm được"[11].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người khi châm kim xuống thì khí của họ phản ứng ngay, đồng thời với nhau, tại sao thế ?"[12].

Kỳ Bá đáp : "Những người này khí Âm Dương của họ được hòa điệu, huyết khí của họ vận hành nhu nhuận, tron tru, vì thế sau khi châm kim xuống thì khí xuất ra phản ứng ngay, nhanh và đồng thời với nhau vậy"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người khi đã rút kim ra rồi, khí vẫn còn phản ứng 1 mình, khí nào đã khiến như thế ?"[14].

Kỳ Bá đáp : "Những người này, Âm khí nhiều mà Dương khí ít, Âm khí thuộc trầm, nhân vì Âm khí thịnh làm cho Dương khí vốn phù phải tàng ẩn vào trong, vì thế khi rút kim ra rồi, khí mới theo sau đó, để phản ứng 1 mình"[15].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người châm nhiều lần mới cảm thấy có phản ứng, khí nào đã khiến nên như thế ?"[16].

Kỳ Bá đáp : "Những người này Âm nhiều mà Dương ít, khí của họ trầm không nên nó khó xảy ra phản ứng, vì thế phải châm nhiều lần mới biết có phản ứng"[17].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người châm kim vào thì khí bị nghịch, khí nào khiến nên như thế ?"[18].

Kỳ Bá đáp : "Những trường hợp châm vào thì khí bị nghịch và càng châm nhiều lần thì bệnh càng nặng thêm, đó không phải là do ở khí Âm Dương của người bệnh, cũng không phải do cái thể phù trầm của khí, Đây chính là do lỗi của những người thầy thuốc vụng về làm nên, và cũng là do những sai lầm về kỹ thuật của những người thầy thuốc vụng về, không quan hệ gì đến hình chất và khí Âm Dương của người bệnh"[19].

## 灵枢一行针第六十七

黄帝问于岐伯曰：余闻九针于夫子，而行之于百姓，百姓之血气各不同形，或神动而气先针行，或气与针相逢，或针已出气独行，或数刺乃知，或发针而气逆，或数刺病益剧，凡此六者，各不同形，愿闻其方。岐伯曰：重阳之人，其神易动，其气易往也。黄帝曰：何谓重阳之人？岐伯曰：重阳之人，搞墙高高，言语善疾，举足善高，心肺之藏气有余，阳气滑盛而扬，故神动而气先行。黄帝曰：重阳之人而神不先行者，何也？岐伯曰：此人颇有阴者也。黄帝曰：何以知其颇有阴也？岐伯曰：多阳者多喜，多阴者多怒，数怒者易解，故曰颇有阴，其阴阳之离合难，故其神不能先行也。黄帝曰：其气与外相逢奈何？岐伯曰：阴阳和调而血气淖泽滑利，故针入而气出，疾而相逢也。黄帝曰：针已出而气独行者，何气使然？岐伯曰：其附气多而阳气少，阴气沉而阳气浮者内藏，故针已出，气乃随其后，故独行也。黄帝曰：数刺乃知，何气使然？岐伯曰：此人之多朋而少阳，其气沉而气往难，故数刺乃知也。黄帝曰：针入而气逆者，何气使然？岐伯曰：其气逆与其数刺病益甚者，非阴阳之气，浮沉之势也，此皆粗之所败，工①之所失，其形气无过焉。

THIÊN 68:

THƯỢNG CÁCH

Hoàng Đế hỏi: "Do khí bị uất mà thành chứng Thượng cách, khi ăn uống vào thì phải ói ra ngay, chứng bệnh này ta đã biết rồi[1]. Giun thì gây ra chứng Hạ cách - Chứng Hạ cách có nghĩa là khi ăn vào khoảng tròn 1 chu kỳ ngày và đêm mới ói ra[2]. Đối với chứng này, ta vẫn chưa hiểu như thế nào cả, ta mong được nghe thầy giải thích về việc này"[3].

Kỳ Bá đáp: "Những người mà cuộc sống về vui giận không thoả mái, việc ăn uống không điều độ, giữ ấm lạnh không đúng với thời, như vậy sẽ làm tổn thương đến Vị khí, và chất hàn trấp sẽ chảy xuống đến Đại và Tiểu trường[4]. Khi hàn trấp chảy xuống đến Đại và Tiểu trường sẽ làm cho giun bị lạnh, giun bị lạnh chúng sẽ tích tụ lại để cố thủ ở vùng Hạ hoãn, làm cho khí của Trường Vị bị đẩy, vệ khí vùng đó sẽ không còn vận hành mở rộng được nữa, tà khí sẽ chiếm chỗ để ở tại đó[5]. Mỗi lần người ta ăn uống vào thì giun sẽ theo lên để ăn, khi giun theo lên trên để ăn thì vùng Hạ hoãn sẽ bị hư, hạ hoãn bị hư thì tà khí sẽ thắng, lưu lại đó để thành tích tụ. nhân vì tích tụ bị lưu lại, nó sẽ gây thành chứng nội ung kết thành rồi thì vùng Hạ hoãn bị trở ngại, bất lợi[6]. Vết ung ở trong Hạ hoãn khiến cho sự đau đớn thấu suốt trong sâu, vết ung ở ngoài Hạ hoãn thì khí của nó phát tác bên ngoài làm cho sự đau đớn nổi ra phía ngoài, da vùng ung bị nhiệt"[7].

Hoàng Đế hỏi: "Phép trị phải như thế nào?"[8].

Kỳ Bá đáp: "Ấn nhẹ trên vết ung, xét được hướng đi của ung khí, trước hết châm nhẹ bên cạnh của bộ vị vết ung, dần dần xê vào trong thì châm sâu hơn, sau đó lại châm trở lại như lần trước, không được châm quá 3 lần, nên xét rõ tà khí trong tình trạng trầm hay phù để mà châm sâu hay cạn[9]. Mỗi lần châm xong, nên áp dụng phương pháp chườm hơi nóng lên vết châm nhằm mục đích làm cho hơi nóng nhập vào bên trong, nhờ đó mà tà khí ngày giảm dần, vết ung lớn sẽ ngày giảm và vỡ ra, lành lặn[10]. Phải phối hợp các phép trị liệu và điều dưỡng, phải tôn trọng những điều cấm kỵ, nhằm loại trừ được tà độc bên trong[11]. Cuộc sống phải điềm đạm, không làm điều trái với thiên nhiên, có vậy thì khí trong thân thể mới vận hành điều hòa, sau đó cho dùng các loại dược vị có vị mặn và đắng để làm tiêu tán vết ung, ung độc sẽ theo con đường tiêu hóa của cốc khí để đại tiện ra ngoài vậy"[12]

### 灵枢—上隔第六十八

黄帝曰：气为上膈者；食饮入而还出，余已知之矣。虫为下膈，下膈者，食晬时乃出，余未得其意，愿卒闻之。岐伯曰：喜怒不适，食饮不节，寒温不时，则寒汁流于肠中，流于肠中则虫寒，虫寒则积聚，守于下管，则肠胃充郭，卫气不营，邪气居之。人食则虫上食，虫上食则下管虚，下管虚则邪气胜之，积聚以留，留则痛成，痛成则下管约。其痛在管内者，即而痛深；其痛在外者，则痛外而痛浮，痛上皮热。黄帝曰：刺之奈何？岐伯曰：微按其痛，视气所行，先浅刺其傍，稍内益深，还而刺之，毋过三行，察其祝浮，以为深浅。已制必熨，令热入中，日使热内，邪气益衰，大痛乃溃。伍以参禁，以除其内，恬增无为，乃能行气，后以成若，化谷乃下矣。

THIÊN 69: ƯU KHUẾ VÔ NGÔN

Hoàng Đế hỏi Thiệu sư: "Con người mỗi khi có việc lo sợ và nổi giận 1 cách đột ngột, tiếng nói sẽ bị mất âm thanh, đó là do con đường khí đạo nào bị tắc nghẽn? Hay là khí nào bị ngưng vận hành? Khiến cho âm thanh không còn có thể phát ra được nữa? Ta mong được nghe giải thích về nguyên nhân đã gây nên như thế?"[1].

Thiệu sư đáp: "Yết hầu là con đường của thủy cốc, hầu lung là con đường lên xuống của khí, hội yểm là của âm thanh, môi và miệng là cánh cửa của âm thanh, lưỡi là bộ máy của âm thanh, lưỡi gà là quan ải của âm thanh, kháng tầng là ranh giới nơi để cho khí ra vào, xương cuống lưỡi là nơi để thần khí sai khiến làm cho lưỡi động và phát ra âm thanh[2]. Vì thế nếu người nào mà hốc mũi chảy nước mũi ra không ngừng, đó là do kháng tầng không mở ra, vùng ranh giới của khí phận bị trở ngại[3]. Nếu hội yểm nhỏ mà mỏng, nó sẽ phát ra khí được nhanh, sự mở đóng được thuận lợi, con đường xuất ra khí tạo ra âm thanh cũng dễ dàng[4]. Nếu hội yểm to mà dày thì sự mở đóng khó khăn, con đường xuất khí ra bị trì trệ, do đó mà sẽ nói cà lăm[5]. Trường hợp mà 1 người nào đó bị mất tiếng nói 1 cách đột ngột đó là do hàn khí ở khách tại hội yểm, làm cho âm thanh không thể từ hội yểm để phát ra âm thanh, cho dù có phát ra được âm thanh thì âm thanh đó cũng không thể thành ngôn ngữ 1 cách mạch lạc bình thường được, ngay

nơi cánh cửa của sự mở đóng, nó đã mất đi tác dụng, vì thế tiếng nói sẽ mất đi âm thanh"[6].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm trị bệnh này phải thế nào?"[7].

Kỳ Bá đáp: "Mạch khí của kinh túc Thiếu âm (Thận) đi từ chân lên trên để buộc vào cuống lưỡi, liên lạc với hoành cốt (xương cuống lưỡi) và chấm dứt ở hội yểm[8]. Phép châm trị là phải châm tả cả 2 kinh Thận, mạch Nhâm và huyết mạch, như vậy mới bài trừ được trọc khí (ngoại cảm, hàn tà)[9]. Mạch của hội yểm lên trên liên hệ với Nhâm mạch, vì thế ta thủ huyết Thiên Đột, sẽ khôi phục lại khí ở hội yểm để phát ra âm thanh trở lại"[10].

### 灵枢一忧患无言第六十九

黄帝问于少师曰：人之卒然忧害而言无音者，河道之塞，何气出行，使音不彰？愿闻其方。少师答曰：咽喉者，水谷之道也。喉咙者，气之所以上下者也。会厌者，音声之户也。口唇者，音声之扇也。舌者，音声之机也。悬雍垂者，音声之关也。顽颡者，分气之所泄也。横骨者，神气所使，主发舌者也。故人之鼻洞涕出不收者，顿颌不开，分气炎也。是故厌小而疾薄，则发气疾，其开阖利，其出气易；其厌大而厚，则开阖难，其气出迟，故重言也。人卒然无音者，寒气客于厌，则厌不能发，发不能下至，其开阖不致，故无音。①工：原作“上”，据《乙经》、《什素·量气蚰州类经》改。183黄帝曰：刺之奈何？岐伯曰：足之少阻，上系于舌，络于横骨，终于会厌。两泻其血脉，浊气乃辟。会厌之脉，上络任脉，取之天突，其厌乃发也。

### THIÊN 70: HÀN NHIỆT

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Chúng hàn nhiệt lõi (loa) lịch, thường sinh ra ở vùng cổ và nách, đây là do khí gì đã sinh ra?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Đây là do độc khí của chúng thủ lữ hàn nhiệt lưu lại trong mạch rồi không đi nữa, gây ra"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Cách trị như thế nào?"[3].

Kỳ Bá đáp: "Cái gốc của chúng bệnh này đều do ở nội tạng[4]. Ngọn của nó lên trên để xuất ra trong khoảng vùng cổ và nách, trường hợp nếu độc khí còn nổi lên ở kinh mạch mà vẫn chưa đi sâu vào vùng cơ nhục để hóa thành máu và mủ, trường hợp này dễ chữa"[5].

Hoàng Đế hỏi: "Phép trị liệu phải như thế nào?"[6].

Kỳ Bá đáp: "Xin đi từ gốc để dẫn lên đến ngọn, trên con đường này ta làm thế nào để cho tà độc giảm dần, dừng lại sự phát tác của hàn nhiệt, nên thăm xét con đường đi của tà độc trên kinh mạch nào, để từ đó chọn huyết châm trị[7]. Nên áp dụng phương pháp bổ tả bằng cách châm kim vào chậm, hoặc rút kim ra chậm nhằm xua đuổi tà độc đang uẩn súc bên trong nội tạng, nếu như những vết ấy nhỏ như hạt lúa mạch, ta châm 1 lần là có kết quả, châm 3 lần là khỏi bệnh"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Làm thế nào để đoán được sự sống chết nặng hay nhẹ của chúng bệnh?"[9].

Kỳ Bá đáp: "Ta lật mí mắt lên để nhìn xem bên trong, nếu bên trong mắt có những mạch máu đỏ từ trên xuống dưới xuyên qua đồng tử đó là tình huống nguy hiểm[10]. Nếu chỉ có 1 đường mạch máu thì 1 năm sau sẽ chết[11]; Nếu có 1 đường rươi mạch máu thì 1 năm rươi sau sẽ chết[12]; Nếu có 2 đường mạch máu thì 2 năm sau sẽ chết[13]; Nếu có 3 đường mạch máu thì 3 năm sau sẽ chết[14]; Còn như thấy có đường mạch máu mà không xuyên qua đồng tử thì có thể còn trị được"[15].

### 灵枢一寒热第七十

黄帝问于岐伯曰：寒热疫病在于预腋者，皆何气使生？岐伯曰：此皆鼠疫寒热之毒气也，留于脉而不去者也。黄帝曰：去之奈何？岐伯曰：鼠病之本，皆在于藏，其本上出于颈腋之间，其浮于脉中，而来内著于肌肉，而外为脓血者，易去也。黄帝曰：去之奈何？蚘a曰：请从其本5模末，可使衰去而绝其寒热。审按其道以予之，徐往徐来以去之，其小如麦者，一刺知，三刺而已。黄帝曰：决其生死奈例岐伯曰：反其目视之，其中有赤脉，上下贯瞳子，见一脉，一岁死；见一脉半，一岁半死；见二脉，二岁死；见二脉半，二岁半死；见三脉，三岁而死。见赤脉不下贯瞳于，可治也。

### THIÊN 71: TÀ KHÁCH

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Ôi ! Tà khí ở khách nơi con người, có khi làm cho mắt không nhắm lại được, không nhắm được chỉ muốn ra ngoài, khí gì đã gây nên như thế?"[1].

Bá Cao đáp : "Ngũ cốc nhập vào Vị, chất bã, tân dịch, và tông khí đều đi theo đúng 3 con đường của mình[2]. Do đó, ta biết tông khí tích lại trong ngực, xuất ra ở cổ họng nhằm quán thông Tâm mạch để rồi làm vận hành con đường hô hấp[3]. Doanh khí thì đưa tân dịch thấm chảy ra để rót vào mạch, hóa thành huyết, nhằm làm tươi thẩm cho tứ chi, bên trong nó rót vào lục phủ ngũ tạng, vận hành khắp chu thân, ứng được với con số lậu thủy bách khắc[4]. Vệ khí xuất ra từ khí nhanh lệ, hung hãn của thủy cốc, trước hết vận hành trong khoảng bì phu, phận nhục và tứ chi, vận hành 1 cách không ngừng nghỉ[5]. Ban ngày nó vận hành ở Dương phận, ban đêm vận hành ở Âm phận, thường đi từ vùng khí của Túc Thiếu âm Thận, sau đó vận hành đến ngũ tạng lục phủ[6]. Nay nếu tà khí quyết nghịch để ở khách tại ngũ tạng lục phủ, sẽ làm cho vệ khí chỉ có thể bảo vệ bên ngoài, và chỉ vận hành được ở Dương phận không nhập được vào Âm phận, nhân vì vệ khí chỉ vận hành được ở Dương, cho nên Dương khí bị thịnh, khi mà Dương khí bị thịnh sẽ làm cho mạch Dương Kiều bị sung mãn, mà không nhập vào được Âm phận, Âm bị hư, làm cho mắt không nhắm lại được"[7].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy ! Phép trị phải thế nào ?"[8].

Bá Cao đáp : "Phép trị phải bỏ phần Âm bất túc, phải tả phần Dương hữu dư, điều hòa khí hư và thực, làm thông sướng được mạch đạo, đuổi được tà khí[9]. Nên uống 1 tễ Bán Hạ Thang, khi nào Âm Dương được thông thì người ta sẽ ngủ được an giấc ngay"[10].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy ! Đây gọi là phương pháp khai thông ngòi nào đang bị ứng tắc, làm cho kinh mạch đại thông, làm cho Âm Dương điều hòa ổn định, Ta mong được nghe về vai trò của bài Bán Hạ Thang"[11].

Bá Cao đáp : "Phép dùng bài Bán Hạ Thang này là: phải lấy 8 thăng nước từ nguồn nước ngoài ngàn dặm, chứa trong 1 dụng cụ bằng sành, rồi quậy lên đến vận lần, lóng lấy nước trong 5 thăng, dùng củi bằng cây lau sấy để nấu nước, đợi sôi rồi cho vào 1 thăng gạo nếp, xong dùng 5 hợp Bán Hạ cho vào, sắc bằng lửa nhỏ, đến chừng nào còn khoảng 1 thăng rưỡi, bỏ bã, uống 1 ly nhỏ nước cốt, mỗi ngày uống 3 lần, hoặc dựa vào bệnh tình, nếu nặng hơn, nhắm chừng độ thích ứng để uống[12]. Vì thế, nếu bệnh mới phát, chỉ cần uống xong, úp ly vào chỗ cũ (vừa uống xong) thì người bệnh sẽ nằm xuống ngủ, hoặc mồ hôi vừa ra thì khỏi bệnh[13]. Nếu bệnh đã lâu, chỉ cần uống xong 3 tễ là khỏi bệnh"[14].

Hoàng Đế hỏi Bá Cao: "Ta mong được nghe về tứ chi, và bách tiết của con người ứng với Thiên Địa như thế nào ?"[15].

Bá Cao đáp : "Trời tròn, Đất vuông, ứng với đầu người tròn và chân người vuông[16]. Trời có mặt trăng, con người có đôi mắt[17]. Đất có cừ châu, con người có cừ khiểu[18]. Trời có mưa gió, con người có vui giận[19]. Trời có sấm điện, con người có âm thanh[20]. Trời có tứ thời, con người có tứ chi[21]. Trời có ngũ âm, con người có ngũ tạng[22]. Trời có lục luật, con người có lục phủ[23]. Trời có mùa đông hạ, con người có khí hàn nhiệt[24]. Trời có Thập nhật (can), con người có thập chỉ (ngón tay)[25]. Đất có 12 Địa chi, con người có 10 ngón chân, có Dương vật và dịch hoàn để ứng, con gái không có 2 vật (dương vật và hòn dái) nhưng có khả năng mang thai[26]. Trời có Âm Dương, con người có vợ chồng[27]. Trời có 365 ngày, con người có 360 (365) cốt tiết[28]. Đất có núi cao, con người có vai và gối[29]. Đất có hang sâu, con người có nách và kheo chân[30]. Đất có 12 kinh thủy, con người có 12 kinh mạch[31]. Đất có mạch suối dưới lòng đất, con người có vệ khí[32]. Đất có cỏ mọc khắp nơi, con người có lông hào và lông mao khắp thân mình[33]. Trời có ngày đêm, con người có ngủ thức[34]. Trời có các vị sao, con người có 2 hàm răng[35]. Đất có núi nhỏ, con người có cốt tiết nhỏ[36]. Đất có núi và đá, con người có xương gồ lên cao[37]. Đất có cây rừng, con người có cân mạch[38]. Đất có nơi để người ta tụ họp lại thành ấp, con người có những bắp thịt gồ lên[39]. Tuế (năm) có 12 nguyệt, con người có 12 tiết[40]. Đất có những nơi mà tứ thời không sinh ra cỏ, con người có những người không có con[41]. Đó là sự tương ứng giữa Trời Đất và con người"[42].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta mong được nghe giảng về những phép tắc về những thao tác trong khi châm, về nguyên lý trong việc châm kim vào thân người, về ý nghĩa việc bỏ tả, nghênh tùy, về thao tác căng da để làm khai tẩu lý, tất cả những vấn đề đó, phải hiểu như thế nào ?[43]. Đồng thời con đường khúc chiết, quanh co, xuất nhập của mạch khí, đến nơi nào thì xuất ra ? Đến nơi nào thì dừng lại ? Đến nơi nào thì chậm lại ? Đến nơi nào thì nhanh lên ? Đến nơi nào thì nhập vào ?[44]. Và ngay cả các du huyết thuộc lục phủ rót vào toàn thân, ta mong được nghe tường tận về những vấn đề trên"[45].

Kỳ Bá đáp : "Những vấn đề mà bệ hạ hỏi, đã bao gồm cả đạo của châm trị rồi !" [46].  
Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe cho rõ" [47].

Kỳ Bá đáp : "Mạch của thủ Thái âm, xuất ra từ đầu ngón tay cái, quay vào bên trong, đi dọc theo lần biên của thịt trắng, chạy đến phía sau xương bản tiết là huyết Thái Uyên, lưu lại tại đây làm động ra ngoài da, nó lại quay ra bên ngoài, lên đến phía dưới xương bản tiết, xong lại quay vào trong, hội với các mạch âm lạc tại vùng Ngụ tể, nơi đây vài mạch đạo hợp lại và cùng rút chảy đi, khí của chúng rất hoạt lợi, bắt đầu vận hành ngầm bên dưới xương của vùng Ngụ, nó lại quay ra ngoài, xuất ra ở bộ Thốn khẩu để theo đường kinh vận hành lên (Kinh Cù) đến mép trong cánh chỏ, nhập vào bên dưới đường gân lớn (Xích Trạch), lại quay trở vào trong, lên trên vận hành đến vùng Âm của cánh tay trên, nhập vào dưới nách, lại quay vào trong, chạy đến Phế; đây là con đường thuận hành của kinh thủ Thái âm Phế, từ Phế đến ngón tay và cũng là con đường nghịch hành khúc chiết của kinh này đi từ ngón tay đến Phế [48].

Mạch của thủ Tâm chủ, xuất ra từ đầu ngón tay giữa (Trung Xung) quay vào trong, đi dọc theo mép trong của ngón giữa rồi đi lên trên, lưu lại ở giữa lòng bàn tay (Lao Cung), lại đi ngầm giữa 2 xương, quay ra ngoài, xuất ra ở giữa 2 đường gân, nơi khoảng giao nhau giữa nhục và cốt (Đại Lãng), khí của nó hoạt lợi, lên trên 2 thốn, quay ra ngoài, xuất ra, vận hành ngay giữa 2 đường gân (Gián Sứ), lên trên đến mép trong của cánh chỏ, nhập vào phía dưới đường gân nhỏ, lưu lại nơi giao hội của 2 đầu xương (Khúc Trạch), sau đó lên trên nhập vào trong vùng ngực, bên trong liên lạc với mạch của Tâm" [49].

Hoàng Đế hỏi: "Mạch của thủ Thiếu âm riêng mình không có huyết Du, tại sao thế?" [50].

Kỳ Bá đáp : "Mạch Thiếu âm là mạch của Tâm [51]. Tâm là đại chúa của ngũ tạng lục phủ, là chỗ ở của tinh và thần [52]. Tạng của Tâm rất kiên cố, tà khí không thể đến ở được trong ấy, nếu tà khí có thể vào ở được nơi ấy thì Tâm bị thương, Tâm bị thương thì thần sẽ ra đi, thần ra đi thì chết [53]. Cho nên khi nói rằng tà khí ở tại Tâm, đó là tà khí ở tại bào lạc của Tâm [54]. Bào lạc là mạch của Tâm chủ, cho nên riêng Tâm 1 mình không có huyết Du" [55].

Hoàng Đế hỏi: "Nếu nói rằng mạch Thiếu âm riêng mình không có huyết Du, vậy nó không bị bệnh hay sao?" [56].

Kỳ Bá đáp : "Nếu có bệnh thì bệnh ở ngoại kinh, chứ tạng thì không bị bệnh, vì thế nếu có bệnh ở ngoại kinh thì riêng thủ huyết ở kinh của nó nằm ở đầu xương nhọn thuộc dưới của lòng bàn tay (huyết Thần Môn), phần mạch còn lại xuất nhập, khúc chiết, sự vận hành nhanh hay chậm, sẽ như sự vận hành của Thủ Thiếu âm Tâm chủ [57]. Vì thế huyết Thần Môn được xem như du huyết của kinh này [58]. Trong lúc có bệnh nên căn cứ vào sự hư thực của mạch khí, vào sự nhanh hay chậm của mạch khí để thủ huyết này trong việc điều trị, nói rõ hơn, nếu tà khí kháng thịnh thì dùng phép tả, nếu chính khí suy, ta dùng phép bổ [59]. Được vậy, tà khí sẽ bị trừ đi, chân khí sẽ được vững vàng hơn, đây gọi là ta đã dựa vào sự thuận tự của Trời (thể hiện qua kinh mạch) vậy" [60].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm có bỏ tả nghênh tùy, như thế nào?" [61].

Kỳ Bá đáp : "Trước hết, phải biết rõ về gốc và ngọn của 12 kinh mạch, biết rõ sự hàn nhiệt ở bì phu, rõ sự thịnh suy, hoạt sắc của mạch khí [62]. Nếu mạch hoạt mà thịnh, đó là bệnh ngày càng nặng thêm, nếu mạch hư mà tể, đó là chính khí ngày suy hơn, bệnh tuy kéo dài nhưng vẫn duy trì được sự sống [63]. Nếu mạch đại mà sắc, đó là bệnh thuộc thống, tý [64]. Nếu bệnh mà ngoài và trong, biểu và lý đều suy kiệt, đây là bệnh khó chữa khỏi, không nên dùng phép châm cứu [65]. Nếu vùng ngực bụng và tứ chi vẫn có nhiệt, đó là bệnh hỷ còn, nếu vùng này mà nhiệt đã thoái, đó là bệnh cũng khỏi [66]. Chúng ta còn phải xét cho rõ vùng da của xích (vùng da từ cánh chỏ đến cổ tay), đồng thời xét rõ sự mềm hay cơ nhục, xét đến mạch đại, tiểu, hoạt hay sắc, phân biệt cho được tình trạng hàn ôn hay táo thấp [67]. Ngoài ra, ta còn phải xét đến ngũ sắc ở mắt nhằm biết được tình huống ở ngũ tạng, để mà quyết đoán việc sống chết [68]. Phải thấy được những đường huyết lạc, xét được màu sắc của bì phu, nhằm biết được các chứng hàn nhiệt, thống tý" [69].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề thủ pháp của việc bỏ tả, nghênh tùy này, ta chưa hiểu rõ ý nghĩa của nó thế nào cả?" [70].

Kỳ Bá đáp : "Cái Đạo nguyên tắc của thủ pháp châm thích, đòi hỏi người thầy phải có thái độ đoan chính, có 1 tâm tình an tĩnh [71]. Trước hết phải biết được bệnh tình hư

hay thực, để rồi mới áp dụng phương pháp bổ tả nhanh hay chậm[72]. Tay trái ta phải giữ cho kỹ vùng xương nào đó (tức vùng phải châm), tay phải dò theo huyết vị trên đường kinh, khi châm vào ta không nên mạnh tay quá để phòng người bệnh bị căng thẳng về phản ứng, bắp thịt bị co lại gây hậu quả xấu[73]. Phương pháp châm tả, phải châm kim thẳng, phép bổ phải châm cạn, làm thế nào để cho vết châm trên da được kín lại, ta còn phải dùng phép phụ trợ để dẫn được khí, khiến cho tà khí không thể tràn vào trong sâu, chân khí được ở yên và vận hành 1 cách bình thường"[74].

Hoàng Đế hỏi: "Phương pháp gõ, vỗ vào da để khai phá tâu lý, như thế nào?"[75].

Kỳ Bá đáp: "Dựa vào vùng phận nhục đang có bệnh biến, trước hết dùng tay trái gõ vào vùng bì phu, tay mặt châm nhẹ và chậm, ngay thẳng, làm cho thần kinh của người bệnh an tĩnh, không bị phân tán và tà khí cũng đồng thời bị đuổi đi"[76].

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Con người có cái gọi là bát hu, mỗi cái như vậy được biểu hiện như thế nào?"[77].

Kỳ Bá đáp: "Mỗi cái như vậy biểu hiện cho mỗi tạng"[78].

Hoàng Đế hỏi: "Biểu hiện như thế nào?"[79].

Kỳ Bá đáp: "Khi Tâm và Phế có tà khí thì nó sẽ lưu lại nơi 2 cánh chỏ[80]; Khi Can có tà khí, nó sẽ lưu lại nơi 2 bên nách[81]; Khi Tỳ có tà khí, nó sẽ lưu lại nơi 2 mấu chuyên lớn[82]; Khi Thận có tà khí, nó sẽ lưu lại ở 2 kheo chân[83]. Phàm tám loại gọi là bát hu này (2 cánh chỏ, 2 bên nách, 2 bên mấu chuyên lớn, 2 kheo chân) là nơi ở của các cơ quan, là nơi đi qua của chân khí, là nơi đi chơi của huyết lạc[84]. Do đó mà, dĩ nhiên, tà khí và ác huyết không có quyền đến ở và lưu lại các nơi đó, nếu như tà khí, ác huyết đến ở và lưu lại các nơi này chúng sẽ làm cho thương đến gân, lạc, cốt, tiết, cơ, quan, các nơi này sẽ không co duỗi được nữa, tình huống này sẽ sinh ra bệnh co giật "[85].

## 灵枢—邪客第七十一

黄帝问于伯高曰：夫邪气之客人也，或令人目不瞑，不卧出者，何气使然？伯高曰：五谷入于胃也，其糟粕、津液、宗气分为三隧。故宗气积于胸中，出于喉咙，以贯心脉，而行呼吸焉。营气者，泌其津液，注之于脉，化以为血，以荣四末，内注五藏六府，以应刻数焉。卫气者，出其悍气之源疾，而先行于四本分肉皮肤之间而不休者也，昼日行于阳，夜行于阴，常从足少明之分间，行于五藏六府。今厥气客于五藏六府，则卫气独卫其外，行于阳，不得入于阴。行于阳则阳气盛，阳气盛则阳跃陷；不得入于阴，阴虚，故目不瞑。黄帝曰：善。治之奈何？伯高曰：补其不足，泻其有余，调其虚实，以通其道而去其邪，饮以半夏汤一剂，阴阳已通，其卧立至。黄帝曰：善。此所谓决岐变塞，经络大通，阴阳和得者也。愿闻其方。伯高曰：其汤方以流水千里以外者八升，扬之万遍，取其清五升煮之，炊以苇薪火，沸置作米一升，治半夏五合，徐炊，令竭为一升半，去其滓，饮汁一小杯，日三稍益，以知为度。故其病新发者，复杯则卧，汗出则已矣。久者，三饮而已也。黄帝问于伯高曰：愿闻人之肢节，以应天地奈何？伯高答曰：天圆地方，人头圆足方以应之。天有日月，人有两目。地有九州，人有九窍。天有风雨，人有喜怒。天有雷电，人有音声。天有四时，人有四肢。天有五音，人有五藏。天有六律，人有六府。天有冬夏，人有寒热。天有十日，人有手十指。辰有十二，人有足十指、茎。垂以应之；女子不足二节，以抱人形。天有阴阳，人有夫妻。岁有三百六十五日，人184有三百六十节。地有高山，人有肩膝。地有深谷，人有胞胭。地有十二经水，人有十二经脉。地有泉脉，人有卫气。地有草黄，人有毫毛。天有昼夜，人有卧起。天有列星，人有牙齿。地有小山，人有小节。地有山石，人有高骨。地有林木，人有募筋。地有聚邑，人有服肉。岁有十二月，人有十二节。地有四时不生草，人有无子。此人与天地相应者也。黄帝问于岐伯曰：余愿闻持针之数，内针之理，纵舍之意，并皮开腠理，奈何？脉之屈折，出入之处，焉至而出，焉至而止，焉至而徐，焉至而疾，焉至而入？六府之输于身者，余愿尽闻。少序别离之处，离而入阴，别而太阳，此何道而从行？愿尽闻其方。岐伯曰：帝之所问，针道毕矣。黄帝曰：愿卒闻之。岐伯曰：手太阳之脉，出于大措之端，内屈，循白白际，至本节之后太渊留以法，外屈，上于本节下，内屈，与阴诸络会于鱼际，数脉并注，其气滑利，伏行空骨之下，外屈，出于寸口而行，上至于肘内廉，入于大筋之下，内屈，上行漏阴，入腋下，内屈走肺，此顺行逆数之屈折也。心主之脉，出于中指之端，内屈，循中指内廉以上留于掌中，伏行两骨之间，外屈，出两筋之间，骨肉之际，其气滑利，上二寸，外屈，出行两筋之间，上至肘内廉，入于小筋之下，留两骨之会，上入于胸中，内络于心脉。黄帝曰：手少明之脉独无偷，何也？岐伯曰：少明，心脉也。心者，五藏六府之大主也，精神之所舍也，其藏坚固，邪弗能容也。容之则心伤，心伤则神去，神去则死矣。故诸邪之在于心者，皆在于心之包络，包络者，心主之脉也，故独无偷焉。黄帝曰：少阴独无偷者，不病乎？岐伯曰：其外经病而藏不病，故独取其经于掌后锐骨之端。其余脉出人屈折，其行之徐疾，皆如手少阻心主之脉行也。故本输者，皆因其气之虚实疾徐以取之，是谓因冲而泻，因衰而补，如是考，邪气得去，真气坚固，是谓因天之序。黄帝曰：持针纵舍奈何？妨伯曰：必先明知十二经脉之本末，皮肤之寒热，脉之盛衰滑涩。其脉得而盛者，病日进；虚而细者，久以持；大以涩者，为痛痹；阴阳如

一者，病难治。其本末尚热者，病尚在；其热已衰者，其病亦去矣。持其尺，察其肉之坚脆、大小、滑涩、寒温、燥湿。因视目之五色，以知五藏而决死生。视其血脉，察其色，以知其寒热痛痹。黄帝曰：持针纵舍，余未得其意也。岐伯曰：持外之道，欲端以正，安以静，先知虚实，而行疾徐，左手执骨，右手循之，无与肉果，泻欲端以正，补必闭肤。辅针导气，邪得淫法，真气得后。黄帝曰：扞皮开股理奈何？岐伯曰：因其分肉，左别其肤，微内而徐瑞之，适神不散，邪气得去。黄帝问于岐伯曰：人有八虚，各何以候？岐伯答曰：以候五藏。黄帝曰：候之条例岐伯曰：肺心有邪，其气留于两肘；肝有邪，其气流于两腋；脾有邪，其气留于两群；肾有邪，其气留于两腓。凡此人虚者，皆机关之室，直气之所过，血络之所游，邪气恶血，固不得住留，住留则伤筋络，骨节机关不得屈伸，故搞①挛也。

## THIÊN 72: THÔNG THIÊN

Hoàng Đế hỏi Thiệu Su: "Ta thường nghe nói về con người, có người thuộc Âm, có người thuộc Dương, Người như thế nào thì thuộc Âm? Người như thế nào thuộc Dương?" [1].

Thiệu Su đáp: "Trong khoảng Thiên Địa, bên trong lục hợp, tất cả không tách khỏi ngũ hành, con người cũng ứng theo đó, nhưng cũng không phải chỉ có 1 mẫu người Âm, 1 mẫu người Dương mà thôi, nó chỉ được nói 1 cách giản lược mà thôi, lời nói không thể diễn tả rõ rệt được" [2].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe giảng 1 cách sơ lược về ý nghĩa của vấn đề con người Âm Dương ấy [3]. Các bậc hiền nhân, thánh nhân, nội tâm của họ có phải kiêm cả Âm Dương và có thể biểu hiện ra bằng hành vi hay không?" [3].

Thiệu Su đáp: "Nói chung, có những người thuộc Thái âm, có những người thuộc Thiếu âm, có những người thuộc Thái Dương, có những người thuộc Thiếu Dương, có những người thuộc Âm Dương hòa bình, phạm tất cả 5 loại người này, hình thái của họ bất đồng, cân cốt và khí huyết cũng không giống nhau" [4].

Hoàng Đế hỏi: "Sự không giống nhau đó, ta có thể nghe giải thích được không?" [5].

Thiệu su đáp: "Những người thuộc Thái âm, tính tình của họ là tham lam mà bất nhân, bề ngoài có vẻ khiêm cung, chu đáo, nhưng bên trong chất chứa những điều âm hiểm, chỉ biết lấy về phần mình là vui thích, mà rất ghét khi bị thua thiệt mất mát [6]. Tâm địa của họ như rất nhu hòa, hình sắc không để lộ ra ngoài, có việc gì xảy ra họ không phản ứng và biểu lộ ý mình kịp thời, động tác của họ thường biểu lộ chậm hơn người khác, đó chính là tâm tính, thái độ... của những người thuộc Thái âm [7].

Những người thuộc Thiếu Âm, tính tình của họ là tham lam những điều nhỏ mọn, thường có ý hại người, mỗi khi thấy người khác có những tổn thất nào đó, họ thường tỏ vẻ vui mừng như đang được 1 cái gì đó; Họ thích làm thương tổn đến người khác, khi thấy người khác có chút gì vinh quang, họ thường tỏ ra nổi giận; Tính khí của họ tàn ác, vô ân; Đây chính là tâm tính, thái độ... của người thuộc Thiếu âm [8]. Những người thuộc Thái dương, tính tình của họ là không chú trọng, để ý lắm về chỗ ở của mình, họ thích bàn chuyện đại sự, không có tài năng nhưng hay nói chuyện rỗng tuếch, chí hướng của họ thường khoe rộng ra khắp bốn phương, cử chỉ và hành động của họ không đếm xỉa đến lễ phải trái, việc làm của họ thì tầm thường nhưng lại rất tự tin, khi việc họ làm bị thất bại, nhưng họ không bao giờ hối hận; Đó là tâm tính, thái độ... của những người thuộc Thái Dương [9].

Những người thuộc Thiếu dương, tính tình của họ thường tỉ mỉ, cẩn thận tự cho là người có tài giỏi hơn người, nếu họ chỉ làm được 1 chức quan nhỏ nào đó, họ rất tự cao, tự đắc ý, họ có tài về ngoại giao, nhưng không thể làm những việc bên trong; Đó chính là tính tình, thái độ... của những người thuộc Thiếu Dương [10].

Những người thuộc Âm Dương hòa bình, tính tình của họ là có 1 nếp sống an tĩnh, họ không có những nỗi lo sợ vu vơ, họ không có những thái độ ham muốn vui mừng quá trớn, hành động của họ thường thuận tùng với quy luật sự vật, họ không tranh chấp kỳ kèo gì đến những gì có ích lợi cho họ, họ chỉ sống thuận với sự biến hóa của thời lệnh (khí hậu); Họ có thể có địa vị tôn quý, nhưng thái độ rất khiêm tốn, Lời nói của họ là dùng đức để cảm hóa người khác chứ không dùng đến quyền bính, đó gọi là phương pháp xử lý sự việc tốt nhất [11].

Ngày xưa, người thầy thuốc khéo dùng kim châm và ngải cứu để trị bệnh, họ thường quan sát biết được 5 dạng người như nói trên để phân biệt ra mà trị liệu: Khi nào thịnh thì dùng phép tả, khi nào hư thì dùng phép bổ" [12].

Hoàng Đế hỏi: "Nguyên tắc trị liệu cho 5 loại hình thái người như trên thế nào?" [13].

Thiệu Su đáp: "Những người thuộc hình thái Thái âm, nhiều Âm mà không Dương, Âm huyết của họ trọc, vệ khí vận hành sắc trệ không trơn tru [14]. Âm và Dương không điều



hòa, cân khí hoãn, bì phu dầy, đối với dạng người huyết trọc và bì phu dầy như vậy, nếu không áp dụng phương pháp châm tả nhanh thì không thể làm cho bệnh tình giảm nhẹ được[5].

Những người thuộc hình thái Thiếu âm, nhiều Âm mà ít Dương, Vị của họ nhỏ mà Trường Vị lại to công năng của lục phủ không điều hòa[6]. Mạch khí của kinh Dương minh Vị kém trong lúc đó mạch khí của Thái dương nhiều (to), vậy nên thăm xét 1 cách thận trọng trước khi tiến hành điều trị, nếu không, do ở khí kém không giữ được huyết sẽ làm cho huyết dễ bị thoát, còn nguyên khí cũng dễ bị bại[7].

Những người thuộc hình thái Thái dương, nhiều Dương mà ít Âm, ta nên thận trọng trước khi điều trị, vì Âm khí ít ta không nên làm cho thoát Âm, chỉ có thể châm tả Dương khí mà thôi, nhưng nếu Dương khí bị thoát nhiều lần sẽ đưa đến cuồng bệnh, và nếu Âm lẫn Dương đều bị thoát sẽ bị chết 1 cách đột ngột, hoặc sẽ bất tri nhân sự[8].

Những người thuộc hình thái Thiếu dương, nhiều Dương ít Âm, kinh mạch nhỏ nhưng lạc mạch lớn, huyết ở bên trong còn khí ở bên ngoài, trong khi điều trị phải làm sao làm cho Âm kinh được thực, và tả bớt khí của Dương lạc bên ngoài[9]; Nhưng nếu chỉ tả có lạc mạch, đó là ta đã cưỡng bức Dương khí hao tán, thoát tiết ra ngoài, như vậy là trung khí sẽ bất túc, bệnh khó có thể lành được[10].

Những người thuộc hình thái Âm Dương hòa bình, khí của Âm và Dương được điều hòa, huyết mạch cũng được điều hòa[11]. Trong lúc trị liệu nên cẩn thận chẩn đoán sự biến hóa của Âm Dương, xét được sự thịnh suy của tà khí và chính khí, dáng điệu của người thầy phải thung dung, xét đoán được sự hữu du và bất túc của khí huyết, nếu tà khí thịnh thì nên dùng phép tả, nếu chính khí suy nên dùng phép bổ, nếu bệnh thuộc không thịnh không hư thì dựa vào kinh đã bị bệnh mà chọn huyết châm[12]. Phương pháp này gọi là điều hòa Âm Dương, cũng là tiêu chuẩn để phân biệt được 5 dạng hình thái của con người trong việc trị liệu"[13].

Hoàng Đế hỏi: "Ôi ! Những người thuộc hình thái 5 loại khác nhau ấy, có khi chúng ta chưa bao giờ sống chung, hoặc quan hệ với họ, vậy khi gặp họ 1 cách tình tình, ta không thể biết được hành vi hàng ngày của họ, ta làm sao phân biệt được họ thuộc dạng người nào ?"[14].

Thiếu Su đáp: "Đa số người có những loại hình khác nhau, thường không biết, hoặc không giống với những người thuộc 5 loại hình thái Âm Dương như kể trên, nhất là đối với ngũ ngũ nhị thập ngũ nhân thuộc ngũ âm, ngũ hành, thì 5 loại hình thuộc Âm Dương lại càng không thể so và giống nhau được[15]. Năm loại hình thái người thuộc Âm Dương lại càng không giống với quần chúng bình thường"[16].

Hoàng Đế hỏi: "Vậy làm cách nào để phân biệt được 5 loại hình thái của những người này ?"[17].

Thiếu Su đáp: "Những người thuộc loại hình thái của Thiếu Âm, dáng người của họ có nước da đen xám, ý niệm tư tưởng của họ bộc lộ như 1 người thấp kém, tầm thường, đôi mắt của họ thường nhìn xuống như thể là 1 người cao lớn phải nhìn xuống mới thấy được mọi vật, tuy họ không phải là người có tật gù lưng, nhưng gối và kheo chân của họ cong lại không đứng thẳng lên được; Đó chính là hình thái của người thuộc Thái âm vậy[18].

Những người thuộc hình thái của Thiếu âm, dáng bề ngoài của họ giống như thanh cao, nhưng lại có thái độ lén lút, lấm lét, rình mò 1 cái gì, lòng của họ thật âm hiểm, tặc hại 1 cách không lay chuyển, khi họ đứng thì lúc nào cũng bộp chộp không yên, biểu lộ 1 tâm địa nham hiểm, lúc họ hành động thì người họ khom xuống, chịu đựng sự trầm tư đầy phân trắc; Đó là hình thái của người thuộc Thiếu âm[19].

Những người thuộc loại hình thái của Thái dương, dáng điệu của họ rất kiêu căng, tự đắc, họ thường nẩy ngực, co bụng, và cũng thường co gối lại. Đó là hình thái của người thuộc Thái dương[20].

Những người thuộc loại hình thái Thiếu dương, dáng đứng của họ thường nghênh đầu và mặt lên, lúc đi, thân hình của họ thường lắc lư, 2 vai cũng như 2 cánh chò của họ thường hướng ra phía sau lưng; Đó là hình thái của người thuộc Thiếu dương[21].

Những người thuộc loại hình thái Âm Dương hòa bình, dáng điệu của họ lúc nào cũng ung dung, tự tại, lúc nào cũng sẵn sàng thích ứng với hoàn cảnh, nét mặt lúc nào cũng có vẻ nghiêm nghị, đứng đắn, tươi vui, đôi mắt biểu lộ cái nhìn hiền lành, dịu dàng, cử chỉ và hành động không bộp chộp mà phân minh và đứng đắn, mọi người gọi họ là bậc quân tử; Đó là hình thái của người thuộc Âm Dương hòa bình"[22].

## 灵枢—通天第七十二

黄帝问于少师曰：余尝闻人有阴阳，何谓阴人，何谓阳人？少师曰：天地之间，六合之内，不离于五，人亦应之，非徒一阴一阳而已也，而略言耳，口弗能退明也。黄帝曰：愿略闻其意，有贤人圣人，心能备而行之乎？少师曰：盖有太阴之人，少阴之人，太阳之人，少阳之人，阴阳和平之人。凡五人者，其态不同，其筋骨气血各不等。黄帝曰：其不等者，可得闻乎？少师回：太阴之人，贪而不仁，下齐湛湛，好内而恶出，心和而不发，不务于时，动而后之，此太阴之人也。少阴之人，小贪而贼心，见人亡，常若有得，好伤好害，见人荣，乃反温怒，心疾而无思，此少阴之人也。太阳之人，居处于于，好言大事，无能而虚说，志发于四野，举措不顾是非，为事如常自用，事虽败而常无悔，此太阳之人也。少阳之人，塔谛好自贵，有小小官，则高自立，好为外交而不内附，此少阳之人也。阴阳和平之人，居处安静，无为惧惧，无为欣欣，婉然从物，或与不争，与时变化，等则谦谦，谭而不治，是谓至治。古之善用针文者，视人五态乃治之，盛者泻之，虚者补之。黄帝曰：治人之五态奈何？少师曰：太阳之人，多阴而无阳，其阴血浊，其卫气涩，阴阳不和，缓筋而厚皮，不之疾泻，不能移之。少阴之人，多阴少阳，小胃而大肠，六腑不调，其阳明脉小而太阳脉大，必审调之，其血易脱，其气易败也。太阳之人，多阳而少阴，必谨调之，无脱其阴，而泻其阳，阳重脱者易狂，阴阳皆脱者，暴死不知人也。少阳之人，多阳少阴，经小而络大，血在中而气外，实阴而虚阳，独泻其络脉则强，气脱而疾，中气不足，病不起也。阴阳和平之人，其阴阳之气和，血脉调，谨诊其阴阳，视其邪正，安容仪，审有余不足，盛则泻之，虚则补之，不盛不虚，以经取之。此所以调阴阳，别五态之人者也。黄帝曰：夫五态之人者，相与毋故，卒然新会，未知其行也，何以别之？少师答曰：众人之属，不<sup>ic</sup>五态之人者，故五五二十五人，而五态之人不与焉。五态之人，尤不合于众者也。①瘡；胡本、熊本、用本、统本、明本、藏本并作"病"，（甲乙经）作"倚"。黄帝曰：别五态之人奈何？少师回：太阴之人，其状黯黝然黑色，忿然下意，临临然长大，惛然未倭，此太阴之人也。少阴之人，其状清然窃然，固以阴贼，立而躁峻，行而似伏，此少阴之人也。太阳之人，其状轩轩储储，反身折胭，此太阳之人也。少阳之人，其状立则好仰，行则好摇，其两臂两肘则常出于背，此少阳之人也。阴阳和平之人，其状委委然，随随然，颢颢然，偷偷然，服困然，豆豆然，众人皆曰君子，此阴阳和平之人也。

### THIÊN 73: QUAN NĂNG

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta đã nghe Thầy nói về vai trò của cừu châm, nghe đã nhiều rồi, sự phong phú của nó thật là không biết bao nhiêu mà kể, Ta đã suy rộng ra để thảo luận nhiều lần và đã quy nạp được về 1 mối, nay ta xin đọc lại cho thầy nghe, thầy nghe cho rõ về cái lý của nó, nếu có điều gì sai, xin thầy bảo cho ta biết, ta cũng xin được thầy tu chính cho đúng với cái đạo của nó, làm thế nào để truyền lại cho đời sau mà không có điều gì hại[1]. Khi nào ta tìm được những người có cái chí thông hiểu như chúng ta thì ta mới truyền dạy cho, còn nếu như không có được những người như vậy thì thôi, không dạy"[2].

Kỳ Bá rập đầu 2 lạy, tâu: "Thần xin kính nghe về cái đạo của bậc thánh nhân"[3].

Hoàng Đế nói: "Cái lý của sự dụng châm là phải nắm cho được bộ vị biểu hiện của hình và khí, phân biệt rõ bộ vị trên dưới, phải trái, xét cho được Âm Dương biểu lý, huyết khí nhiều hay ít, sự vận hành thuận hay nghịch, những nơi để cho khí xuất từ lý ra biểu, nhập từ biểu vào lý, phải biết cách chống đỡ, đuổi tà khí, và dùng sai sót trong việc dưỡng sinh[4]. Ngoài ra, phải biết phép giải cho được những kết tụ, phải biết phép bổ hu tả thực, nắm cho được sự phân bố khí ở các huyết trên và dưới, phải sáng tỏ vai trò của khí tứ hải (khí hải, huyết hải, tủy hải, và thủy cốt chi hải)[5]. Phải nắm cho được bộ vị đau nhức ở chỗ nào, nếu có những chứng trạng hàn nhiệt vãng lai hoặc mệt mỏi yếu sức[6]. Tà khí xâm nhập vào cơ thể sẽ chạy đi ở những nơi khác nhau, nên thâm định hu thực của bệnh, sự vãng lai của khí để điều hòa nó[7]. Phải nắm cho được các đường kinh toại, với những đường chi lạc 2 bên tả hữu, nắm cho vững nơi hội hợp của nó[8].

Nếu có tình trạng hàn và nhiệt tranh nhau làm cho Âm Dương bất hòa, ta nên tham hợp các nguyên lý dựa vào bệnh trạng để tiến hành điều trị[9]. Nếu có tình trạng chứng hu và chứng thực gần giống nhau, ta phải biết dựa vào sự thịnh suy của kinh mạch để sơ thông kinh khí[10]. Nếu tà khí xâm nhập vào đại lạc bên trái, gây bệnh bên phải, nhập bên phải gây bệnh bên trái, phải biết tà khí ở bộ vị nào để áp dụng phép châm mậu thích: bệnh bên trái châm bên phải, bệnh bên phải châm bên trái[11]. Phải nắm rõ lẽ nghịch thuận để biết rằng thuận thì trị được, nghịch thì không trị được[12]. Nếu tình huống của tạng phủ Âm Dương không bị lệch mà chỉ do thời lệnh làm hại đến, do đó ta biết được nguyên nhân gây bệnh là do thời lệnh[13]. Thâm định tiêu bản của bệnh, xét đoán lẽ hàn nhiệt để biết được tà khí đang ở tại đâu, như vậy vạn lần châm không còn lo ngại nữa[14]. Nếu ta nắm được tác dụng của cừu châm, đó là đạo của châm đã tròn vẹn rồi vậy"[15].

Rõ được vai trò của ngũ du huyết (Tinh, Huỳnh, Du, Kinh và Hợp), xét được lẽ hư thực để mà áp dụng phép bổ tả nhanh hay chậm, mạch khí vận hành co duỗi, xuất nhập, tất cả đều có những điều lý (trật tự) của nó[16]. Âm Dương trong con người cũng phối hợp với ngũ hành, ngũ tạng lục phủ đều ẩn tàng những quan năng của nó với Âm Dương và ngũ hành, thời lệnh của bốn mùa và tám hướng đều thuộc Âm Dương, ảnh hưởng đến con người[16]. Mỗi bộ vị đều biểu hiện Âm Dương và ngũ hành, và ứng lên ở vùng Minh đường[17]. Các bộ vị này đều biểu hiện bởi những màu sắc tương ứng với tình huống của ngũ tạng lục phủ[18]. Thăm sát được những bộ vị đau trên thân thể rồi kết hợp với những biểu hiện về màu sắc từ trên, dưới, trái, phải ở trên mặt để biết được bệnh đang thuộc hàn hay ôn, đang xảy ra tại kinh nào[19]. Thăm sát được những đặc điểm hàn ôn, hoạt sắc trên bì phu, ta biết được những bệnh khổ thể nào[20]. Nhân vì màn cách mạc ngăn làm 2 ngăn thượng và hạ, nhờ đó ta nên biết cho rõ bệnh khí đang ở nơi nào[21]. Trước hết ta phải nắm cho được con đường thông lộ của kinh mạch, chọn huyết nên ít mà tinh, có khi phải châm sâu và lưu kim lâu, nhờ vậy ta làm cho chính khí phục hồi, quay về đúng đường đi của nó, chống được tà khí[22]. Nếu như ở thượng bộ phát nhiệt, ta dùng phép châm đẩy hòa nhiệt giáng xuống[23]. Nếu như bệnh tà đi từ dưới dần lên trên, ta dùng phép châm giáng xuống và đẩy lui để trừ nó[24]. Đồng thời ta quan sát đến bộ vị đau nhức trước đây: trước hết ta chọn huyết nơi đó để tả nó[25]. Có những bệnh không thích ứng với việc châm, ta nên dùng phép cứu[26]. Khi nào khí ở trên bất túc, ta dùng phép châm 'thôi nhi dương chi'[27]. Khi nào khí ở dưới bất túc, ta dùng phép châm 'tích nhi tủng chi'[28]. Khi nào Âm Dương đều hư, châm châm thích, ta dùng (ngải cứu) hòa để để cứu là thích hợp nhất[29]. Khi nào bệnh quyết nghịch mà bị hàn thậm, hoặc phần bắp thịt áp vào với cốt bị hãm xuống, hoặc hàn khí đã lên đến quá gối, ta cứu huyết Hạ Lăng Tam Lý[30]. Những nơi mà Âm lạc đi qua, nếu có hàn tà đến và lưu lại nơi đó, hoặc hàn tà do lạc mạch đi sâu vào nội tạng, ta dùng phép châm 'thôi nhi hành chi' để đuổi hàn tà[31]. Nếu có tình huống mà kinh mạch bị hãm lại, ta phải dùng ngải cứu để cứu (đốt nóng) là đúng nhất[32]. Khi nào lạc mạch kết lại thành những đường cứng, ta cũng dùng ngải cứu để trị[33]. Nếu có chứng đau nhức mà không có bộ vị nhất định, ta chọn huyết Thân Mạch là nơi mà mạch Dương kiểu đi qua, hoặc huyết Chiếu Hải là nơi mà mạch Âm kiểu đi qua; ở người đàn ông thì ta chọn mạch Dương kiểu, ở người đàn bà thì ta chọn mạch Âm kiểu[34]. Nếu ta chọn Âm cho đàn ông, chọn Dương cho đàn bà, kết quả sẽ ngược lại, đó là điều mà người thầy thuốc giỏi không làm[35]. Tóm lại, trên đây ta đã đề cập đến những nguyên tắc trị liệu liên quan đến tạng phủ, Âm Dương, hàn nhiệt, hư thực, biểu lý, thượng hạ, bổ tả, nhanh chậm... như thế là những lập luận chủ yếu của việc châm thích đã đầy đủ rồi vậy"[36].

Trong quá trình học tập phép dụng châm, ắt phải theo đúng phương pháp và chuẩn tắc[37]. Bên trên phải biết xem những ánh sáng (nhật nguyệt, các vì sao...) bên dưới phải nắm cho được luật vận hành của bát chính (tám tiết chính), nhằm tránh được những tà khí bất chính của tứ thời, phải biết sống cho đúng với nền ngũ luân của trăm họ (những người chung quanh ta), phải thẩm định cho được những chính phong (thực), những tà phong (hư) dùng để chạm phải những tà khí quái lạ[38]. Nếu có những bệnh do mưa gió của Trời, hoặc gặp phải những thời lệnh bất chính thường của tuế khí, người thầy thuốc lại không thông hiểu những điều kể trên, họ sẽ làm cho bệnh nhân bị nặng thêm[39]. Vì thế, người thầy trị bệnh phải biết rõ những thời lệnh thuận hay kỵ của Trời, mới có thể nói đến vấn đề châm ý[40].

Phải bắt chước và vận dụng cho được học thuật của cổ nhân, nghiệm cho được vào hoàn cảnh hiện tại[41]. Ví dụ: Phải nhìn nắm cho được những gì xảy ra nơi sâu thẳm nhất, vận hành, biến hóa bên trong của doanh vệ, huyết khí, phải truyền thông, phải đạt được cho đến muôn đời sau[42]. Những biến hóa của doanh vệ, huyết khí bên trong rất sâu xa là những điều mà người thầy thuốc vụng về không thể biết và thấy được, nhưng ngược lại, nó là những dữ kiện quý báu của những người thầy giỏi[43]. Những biến hóa của doanh vệ, huyết khí, không thể biết nó nhưng biết những hình tích cụ thể, mà nó chỉ bộc lộ ra như thần khí như có như không"[44].

Tà khí trúng vào người làm cho người ta bị sợ lạnh run rẩy, chính là trúng vào người, bệnh nhẹ, trước hết nó chỉ biểu hiện lên ở sắc diện, nhưng ở thân mình thì chưa thấy có gì, dường như đang có bệnh, nhưng không có vẻ gì là bệnh, dường như khỏi đi, dường như đang còn bệnh, bên ngoài dường như có dạng hình người bị bệnh, nhưng cũng có khi chẳng có dáng gì là bệnh cả, khó mà nắm được bệnh tình[45].

Vì thế, người thầy thuốc giỏi trong lúc thủ khí để chữa bệnh, họ cứu được bệnh trong lúc còn mạnh nha sơ khởi, những người thầy thuốc vụng về, họ chỉ lo lắng, theo dõi trong lúc bệnh đã thành, họ chỉ nương theo đó để làm bại hoại không bệnh hình mà thôi[46].

Vì thế, người thầy khéo dụng châm, họ phải biết mạch khí đang ở chỗ nào để mà gìn giữ cánh cửa xuất nhập của nó[47]. Họ cũng phải biết phương pháp điều hòa khí huyết, phải biết lúc nào nên bổ, lúc nào nên tả, phải biết ý nghĩa của việc châm nhanh hay chậm, phải biết huyết nào nên chọn[48]. Nếu châm tả, nên dùng thủ thuật nhuần nhuyễn, theo sát với bệnh để mà xoay kim, như vậy tà khí mới lui và khôi phục lại chính khí[49]. Khi châm thì châm vào nhanh nhưng rút kim ra chậm hơn, được vậy tà khí mới theo kim mà xuất ra[50]. Nếu châm bằng phép nghênh đón để tả, ta phải lắc kim làm cho miệng của vết kim to ra, được vậy khí xuất ra mới nhanh[51]. Nếu châm bổ, ta phải có thái độ đoan chính, thung dung, trước hết phải xoa nắn bên ngoài da, làm thế nào để tà khí ở nơi nào đó trên kinh mạch sẵn sàng ở vùng của huyết đã chọn, tay trái ta xoa trên huyết vị, tay phải ta ấn lên da, ta xoay nhẹ mũi kim rồi châm kim vào 1 cách chậm chậm, thủ thuật và dáng điệu phải đoan chính, phải an tĩnh, phải kiên tâm không nóng nảy, lưu kim 1 cách nhẹ nhàng, đợi khi nào mạch khí điều hòa, ta mới rút kim thật nhanh, sau khi rút kim xong, ta dùng tay xoa nhẹ trên da và đồng thời bịt kín vết kim lại, nhờ vậy mà chân khí mới giữ lại được[52]. Cái quan yếu của việc dụng châm là không nên quên, không nên lơ là đến vấn đề thần khí"[53].

Lôi Công hỏi Hoàng Đế "Trong điều gọi là châm luận mà bệ hạ đã nói, khi nào có được người thích ứng với công tác châm trị, ta sẽ nhận và dạy cho họ, nếu không phải là những người ấy thì không nói đến họ; Làm thế nào để biết được người nào là người thích ứng cho việc truyền thụ (việc châm trị)"[54].

Hoàng Đế đáp: "Nên chọn đúng cho mỗi người 1 khoa thích hợp, tùy theo năng lực của họ mà dạy cho họ, nhờ vậy mà làm cho công việc thành công rực rỡ hơn"[55].

Lôi Công hỏi: "Thần mong được nghe về quan năng như thế nào?"[56].

Hoàng Đế đáp: "Người nào đôi mắt sáng, ta dạy cho họ cách nhìn về sắc diện[57]. Người nào có đôi tai thính, ta dạy cho họ cách nghe tiếng nói[58]. Người nào có ngôn ngữ lưu loát, phát âm rõ ràng, ta dạy cho họ cách ăn nói để truyền đạt ý tưởng[59]. Người nào ăn nói hòa hoãn, dáng điệu an tĩnh, thủ pháp khéo léo, nội tâm khéo xét đoán, ta dạy cho họ thao tác châm và cứu (bằng ngải) nhằm làm sơ thông khí huyết, điều hòa các tình huống nghịch và thuận, xét được sự biến hóa của Âm Dương kiêm nắm vững các phương pháp điều trị[60]. Người nào có đôi tay hòa hoãn, gân cốt dịu dàng, nội tâm điều hòa, ta dạy cho họ phép án ma để hướng dẫn hành khí[61]. Người nào tính hay ghen ghét, lời lẽ khe khắt, độc ác, thái độ khinh người, ta để cho họ làm khoa thóa ung chủ bệnh[62]. Người nào có móng tay thô kệch, thủ pháp ác độc, mỗi khi làm việc thường di hại đến kẻ khác, ta dạy cho họ làm công việc xoa nắn những khối tích tụ, và những chứng tý (tê) lâu năm[63]. Như vậy, mỗi loại người có 1 việc thích hợp với khả năng của họ, nhờ vậy mà các phương pháp điều trị mới vận hành thuận lợi, tên tuổi của họ mới nổi lên khắp nơi[64]. Nếu không gặp được người thích hợp với mỗi công tác điều trị như đã nói trên, chẳng những công phu của họ không thành mà ông thầy của họ cũng mất đi cái danh dự ấy[65]. Cho nên mới nói rằng: Đó là ý nghĩa của câu: Khi nào có được người thích ứng với công tác châm trị ta sẽ nhận và dạy cho họ, nếu không phải là người ấy thì không truyền cho[66]. Muốn thử bàn tay độc hiểm, ta sẽ thử cho họ đè lên con rùa, ta để con rùa bên dưới 1 đồ dùng (cái chậu chẳng hạn), bên trên người đó dùng tay đè lên, sau 50 ngày con rùa sẽ chết[67]. Nếu người nào mà bàn tay hòa hoãn (dịu dàng) thì con rùa sẽ sống lại như cũ"[68].

### 灵枢—官能第七十三

黄帝问于岐伯曰：余闻九针子夫子，众多矣不可胜数，余推而论之，以为一纪。余司诵之，子听其理，非则语余，请其正道，令可久传，后世无患，得其人乃传，非其人勿言。岐伯稽首再拜曰：请听圣王之道。黄帝曰：用外之理，必知形气之所在，左右上下，阴阳表里，血气多少，行之逆顺，出入之合，谋伐有过。知解结，知补虚泻实，上下气门，明通于四海，审其所在，寒热淋露，以输异处，审于调气，明于经隧，左右肢络，尽知其会。寒与热争，能合而调之，虚与实邻，知决而通之，左右不调，把而行之，明于逆顺，乃知可治，阴阳不奇，故知起时，审于本末，家其寒热，得邪所在，万刻不相，知它九针，刺道毕矣。明于五输，徐疾所在，屈伸出入，皆有条理，言明与阳，合于五行，五藏六府，亦有所藏，四时八风，尽有阴阳，各得其位，合于明堂；各处色部，五藏六府，察其所痛，左右上下，知其寒温，何经所在，审皮肤之寒温滑涩，知其所苦，愿有上下，知其气所在。先得其道，稀而疏之，稍深以留

，故能徐入之。大热在上，推而下之，从下上者，引而去之，视前痛者，常先取之。大寒在外，留而补之，人于中者，从合泻之。针所不为，灸之所宜，上气不足，推而扬之，下气不足，积而从之，阴阳皆虚，火自当之，厥而寒甚，骨廉陷下，寒过于膝，下陵三里、阴络所过，得之留止，寒入于中，推而行之，经陷下者，火则当之，结络坚紧，火所治之。不知所苦，两桥之下，男阴女阳，良工所禁，针论毕矣。用针之服，必有法则，上视天光，下司八正，以辟奇邪，而现百姓，审于虚实，无犯其邪。是得天之露，遇岁之虚，救而不胜，反受其殃，放曰：必知天忌，乃言针意。法于往古，验于来今，观于窈冥，通于无穷，粗之所不见，良工之所贵，莫如其形，若神分亲。邪气之中人也，洒斯动形。正邪之中人也微，先见于色，不知于其身，若有若187无，若亡若存，有形无形，莫知其情。是故上工之取气；乃救其萌芽；下工守其已成，因做其形。是故工之用针也，知气之所在，而守其门户，明于调气，补泻所在，徐疾之意，所取之处。泻必用员，切而转之，其气乃行，疾而徐出，邪气乃出，伸而迎之，遥大其穴，气出乃疾。补必用方，外引其皮，令当其门，左引其枢，右推其肤，微旋而徐推之，必端以正，安以静，坚心无解，欲微以留，气下而疾出之，推其皮，盖其外门，真气乃存。用针之要，无忘其神。雷公问于黄帝曰：（针论）曰：得其人乃传，非其人勿言。何以知其可传？黄帝曰：各得其人，任之其能，故能明其事。雷公曰：愿闻官能奈何？黄帝曰：明目者，可使机色。聪耳者，可使听音。捷疾辞语者，可使传论语。徐而安静，手巧而心审谛者，可使行针艾，理血气而调诸逆顺，家阴阳而兼诸方。缓节柔筋而心和调者，可使导引行气。疾毒言语轻人者，可使唾痈咒病。爪苦手毒，为事善伤者，可使按积抑痹。各得其能，方乃可行，其名乃彰。不得其人，其功不成，其师无名。放曰：得其人乃言，非其人勿传，此之谓也。手毒者，可使试按龟，置免于器下而按其上，五十日而死矣；手甘者，复生如故也。

#### THIÊN 74: LUẬN TẬT CHÂN XÍCH

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: "Ta muốn rằng không cần phải nhìn sắc diện, không cần phải bắt mạch, chỉ cần chân được các bộ vị của da nơi bộ xích để nói lên được cái bệnh, tức là phương pháp quan sát đi từ bên ngoài để biết được bên trong, Ta phải làm thế nào để đạt được những điều kể trên"[1].

Kỳ Bá đáp: "Ta nên thâm đoán được tình trạng hoãn hay cấp, đại hay tiểu, hoạt hay sắc của bộ vị của xích phu, thâm đoán sự cứng hay mềm của cơ nhục, nhờ vậy ta sẽ nắm được bệnh thuộc loại hình nào[2]. Ví dụ: ta thấy khoé mắt dưới của người bệnh bị hơi sưng lên, giống như người mới ngủ thức dậy, mạch ở cổ nhịp động, thỉnh thoảng có ho, khi ta dùng tay đè lên vùng tay chân, nơi bị đè lõm xuống mà không nổi lên như cũ, đó là chứng trạng của Phong thủy phu trưởng[3].

Bộ vị xích phu trơn, nhuận trạch, đó là Phong bệnh[4]. Cơ nhục ở bộ vị xích phu mềm nhũn gọi là giải diệp, người cứ như muốn buồn ngủ 1 cách tối tăm ngáy ngáy, cơ nhục gây héo đi, đó là bệnh thuộc hàn nhiệt hư lao, không trị được[5]. Bộ vị của xích phu trơn, như thoa mỡ vào ngón tay, đó là Phong bệnh[6]. Bộ vị của xích phu rít, đó là bệnh thuộc Phong tý[7]. Bộ vị của xích phu thô sù sì như chiếc vảy cá khô, đó là do khí Thủy thấp tràn lên đến tay chân[8]. Bộ vị xích phu nóng nhiều, mạch thịnh táo, đó là Ôn bệnh, khi nào mạch thịnh mà hoạt, đó là triệu chứng bệnh khí sắp thoát ra ngoài để lành bệnh[9]. [Bộ vị xích phu lạnh, mạch đi tiểu, đó là bệnh tiêu chảy hoặc khí hư thiếu[10]. Bộ vị xích phu nóng đến bỏng tay, trước nóng sau lạnh, đó là hàn nhiệt[11]. Bộ vị xích phu hàn trước, kéo dài lâu hơn sau đó mới nhiệt cũng gọi là hàn nhiệt bệnh" [12].

Riêng vùng da của cánh chỏ bị nhiệt, là biểu hiện của từ thất lung trở lên bị nhiệt[13]. Vùng da mu bàn tay bị nhiệt, là biểu hiện của từ thất lung trở xuống bị nhiệt[14]. Riêng mép ngoài cánh chỏ bị nhiệt, là biểu hiện của vùng ngực bị nhiệt[15]. Riêng mép trong cánh chỏ bị nhiệt, là biểu hiện của vùng vai và lưng bị nhiệt[16]. Riêng giữa cánh tay bị nhiệt, là biểu hiện của thất lung và bụng bị nhiệt[17]. Vùng từ cánh chỏ chạy xuống khoảng 3 đến 4 thốn bị nhiệt, là biểu hiện của trong ruột có giun[18]. Lòng bàn tay phát nhiệt, là biểu hiện của trong bụng có nhiệt[19]. Lòng bàn tay bị lạnh, là biểu hiện của trong bụng bị lạnh[20]. Trên mu bàn tay nơi bạch nhục vùng ngư thượng hiện lên những lạc mạch có huyết màu xanh, là biểu hiện trong Vị (dạ dày) bị lạnh[21].

Bộ vị nơi bì phu của bộ xích bị nhiệt cao, mạch Nhân ghênh đại, nên đoạt huyết[22]. Vùng xích kiên đại, mạch tiểu thậm, thiếu khí, lại gia thêm chứng phiền muộn, có thể chết ngay[23].

Mắt hiện lên màu đỏ, bệnh ở tại Tâm, hiện ra màu trắng, bệnh ở tại Phế, hiện ra màu xanh, bệnh ở tại Can, hiện ra màu vàng bệnh ở tại Tỳ, hiện ra màu đen, bệnh ở tại Thận[24]. Nếu hiện ra màu vàng mà lẫn lộn các màu khác không phân biệt được nữa, bệnh ở tại giữa ngực[25].

Chẩn đoán chứng đau mắt, nếu mạch gân đỏ đi từ trên xuống dưới, đó là Thái dương bệnh; nếu đi từ dưới lên trên, đó là Dương minh bệnh; đi từ ngoài chạy vào trong, đó là Thiếu dương bệnh[26]

Chẩn đoán chứng hàn nhiệt vãng lai, có mạch gân đỏ từ trên chạy xuống đến đồng tử, nếu chỉ hiện có 1 đường thì sẽ chết sau 1 năm, nếu hiện lên 1 đường rưỡi, sẽ chết sau 1 năm rưỡi, nếu hiện lên 2 đường sẽ chết sau 2 năm, nếu hiện lên 2 đường rưỡi, sẽ chết sau 2 năm rưỡi, nếu hiện lên 3 đường, sẽ chết sau 3 năm[27].

Chẩn đoán về sâu đau răng, ta ấn lên con đường của kinh Dương minh, nếu mạch đi thái quá, đó là riêng kinh mạch bị nhiệt, nếu ở bên tả thì đó là bên tả bị nhiệt, nếu ở bên hữu thì bên hữu bị nhiệt, nếu ở trên thì trên bị nhiệt, nếu ở dưới thì bên dưới bị nhiệt[28].

Chẩn đoán các huyết mạch huyết lạc, nhiều màu đỏ đó là nhiệt nhiều, nhiều màu xanh đỏ là đau nhức nhiều, nhiều màu đen đó là bị chứng Tý lâu ngày, nếu cùng lúc hiện lên nhiều màu như nhiều đỏ, nhiều đen, nhiều xanh, đó là bệnh kiêm cả hàn nhiệt[29].

Thân mình đau, sắc mặt lại hơi vàng, men răng vàng, trên móng tay cũng hiện lên màu vàng, đó là chứng hoàng đản, người bệnh hay thích nằm, tiểu tiện ra màu vàng pha đỏ, mạch tiểu mà sáp, không thêm ăn[30].

Có người bệnh, mạch Thốn khẩu nhịp đại tiểu giống với mạch Nhân nghênh, hoặc nhịp phù trầm cũng giống nhau, đó là bệnh khó trị khỏi[31].

Người con gái nếu phát hiện thấy mạch của thủ Thiếu âm Tâm động manch, đó là biểu hiện của sự mang thai[32].

Bệnh của trẻ con, tóc của chúng bị rụng ngược lên, phải chết[33]. Nếu bên tai có gân xanh nổi lên (làm cho thân mình hay tay chân, gân) bị đau buốt, đại tiện như tiêu chảy, tiêu ra phân như những hạt dưa đỏ, mạch tiểu, tay chân lạnh, bệnh này khó lành[34]. Khi nào tiêu chảy, mạch tiểu, tay chân ấm, chúng tiêu chảy sẽ dễ trị khỏi[35].

Sự biến hóa của khí hóa trong bốn mùa, sự tương thắng của hàn thử, khi Âm tiến đến cực thì biến thành Dương, khi Dương tiến đến cực thì biến thành Âm, cho nên Âm chủ về Hàn, Dương chủ về nhiệt, cho nên khi hàn thậm thì sẽ thành Nhiệt, Nhiệt thậm thì thành Hàn, Cho nên mới nói: Hàn sinh ra Nhiệt, Nhiệt sinh ra Hàn[36]. Đó là con đường biến hóa của Âm Dương, cho nên nói rằng: nếu mùa đông, bị thương bởi Hàn thì mùa xuân sinh ra bệnh tiêu chảy hoặc bệnh lý, mùa hạ bị thương bởi Phong thì mùa hạ sinh ra bệnh tiêu chảy hoặc bệnh lý, mùa hạ bị thương bởi Thử thì mùa Thu sinh ra bệnh sốt rét, mùa thu bị thương bởi Thấp thì mùa đông sinh ra bệnh ho, Đây là bệnh xảy ra thuận theo tứ thời vậy"[37].

#### 灵枢—论疾诊尺第七十四

黄帝问于岐伯曰：余欲无视色持脉，独调其尺，以言其病，从外知内，为之奈何？岐伯曰：审其尺之缓急、小大、滑涩，肉之坚脆，而病形定矣。视人之目集上微痛，如新卧起状，其顿脉动，时咳，按其手足上，窗而不起者，风水肤胀也。尺肤滑其淖泽者，风也。尺肉弱者，解你，安卧脱肉者，寒热不治。尺肤滑而泽脂者，风也。尺肤涩者，风痹也。尺肤粗如枯鱼之鳞者，水法钦也。尺肤热甚，脉盛躁者，病温也，其脉盛而滑者，病且出也。尺联寒，其脉小者，泄少气。尺肤炬然，先热后寒者，寒热也。尺肤先寒，久大之而热者，亦寒热也。肘所独热者，腰以上热；手所独热者，腰以下热。肘前独热者，膺前热；肘后独热者，肩背热。臂中独热者，腰腹热；肘后粗以下三四寸热者，肠中有虫。掌中热者，腹中热；掌中寒者，腹中寒。鱼上白肉有青血脉者，胃中有寒。尺炬然热，人迎大者，当夺血。尺盛大，脉小甚，少气，悦有加，立死。目赤色者病在心日在肺，青在肝，黄在脾，黑在肾。黄色不可名者，病在胸中。诊目痛，赤脉从上下者，太阳病；从下上者，阳明病；从外走内者，少阳病。诊寒热，赤脉上下至瞳子，见一脉一岁死，见一脉半一岁半死，见二脉二岁死，见二脉半二岁半死，见三脉三岁死。诊齩齿痛，按其阳之来，有过者独热，在左在热，在右右热，在上上热，在上下188热。诊血脉者，多赤多热，多青多痛，多黑为久痹，多赤、多黑、多青皆见者，寒热。身痛而色微黄，齿垢黄，爪甲上黄，黄疸也。安卧，小便黄赤，脉小而涩者，不嗜食。人病，其寸口之脉，与人迎①之脉小大等及其浮沉等者，病难已也。女子手少阴脉动甚者，妊于。婴儿病，其头毛皆逆上者，必死。耳间青脉起者，掣痛。大便赤瓣，飧泄，脉小者，手足寒，难已；飧泄，脉小，手足温，泄易已。四时之变，寒暑之胜，重阴必阳，重阳必阴，故阴主寒，阳主热，故寒甚则热，热甚则寒，故曰：寒生热，热生寒，此阴阳之变也。放曰：冬伤于寒，春生疼热；春伤于风，夏生后泄肠滞；夏伤于暑，秋生病症；秋伤于湿，冬生咳嗽。是谓四时之序也。

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói về phép châm có ngũ tiết, nội dung của ngũ tiết là thế nào?"[1].

Kỳ Bá đáp: "Vâng! Phép châm vốn có phép gọi là ngũ tiết: 1 gọi là Chấn ai, 2 gọi là Phát mông, 3 gọi là Khứ trào, 4 gọi là Triệt y, 5 gọi là Giải hoặc"[2].

Hoàng Đế hỏi: "Phụ tử (thầy) nói về ngũ tiết như trên, ta vẫn chưa hiểu được ý nghĩa của nó"[3].

Kỳ Bá đáp: "Châm theo Chấn Ai là phép châm cận ngoài kinh mạch nhằm đuổi Dương tà của bệnh[4]. Phát Mông là phép châm các du huyết thuộc Dương thuộc phủ, nhằm trị được các bệnh thuộc lục phủ[5]. Khứ Trào là phép châm chủ yếu về các quan tiết và chi lạc[6]. Triệt Y là phép châm trên các kỳ huyết trên các vùng Dương phận[7]. Giải Hoặc là phép châm mà người châm phải biết rõ tường tận việc điều hòa Âm Dương, biết tả cái hữu dư, biết bỏ cái bất túc, thay đổi việc hư thực trở lại bình thường"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Trong phép châm thích tiết nói là Chấn Ai, phụ tử lại nói châm cận ở ngoài kinh nhằm trừ được bệnh thuộc Dương, ta không hiểu nội dung như thế nào? Ta mong được giải thích tường tận"[9].

Kỳ Bá đáp: "Phép châm Chấn Ai nhằm chữa những chứng mà Dương khí đại nghịch lên trên, tích đầy trong lồng ngực, làm cho ngực bị ú đầy vì khí phần uất, phải co vai lại để thở, tông khí trong lồng ngực lại nghịch lên trên, phát suyễn thở nghe khò khè, chỉ ngồi gục xuống chứ không thể nằm yên, trong lúc phát bệnh, người bệnh lại sợ bụi bặm và khói như đang bị nghẹn cổ không thở được, khi nói đến phép châm Chấn Ai tức là phép chữa phải thật nhanh như là quét dọn cho sạch bụi bặm"[10].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy! Ta nên thủ huyết nào để châm trị?"[11].

Kỳ Bá đáp: "Nên thủ huyết Thiên Dung"[12].

Hoàng Đế hỏi: "Nếu có ho, khí nghịch lên, uốn mình co ro lại mà vùng ngực lại đau, nên chọn huyết nào?"[13].

Kỳ Bá đáp: "Nên thủ huyết Liêm Tuyền"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Phép thủ huyết này để châm có quy định gì không?"[15].

Kỳ Bá đáp: "Châm huyết Thiên Dung không nên quá hơn 1 khoảng thời gian của 1 người đi 1 dặm[16]. Châm huyết Liêm Tuyền, nên quan sát sắc diện của người bệnh biến đổi thì ngưng, rút kim ra"[17].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy thay!"[18].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm thích tiết có nói đến Phát Mông, ta chưa hiểu được cái ý nghĩa của nó, Ôi! Phép châm Phát Mông là trị tai không nghe gì, mắt không thấy gì, phụ tử lại nói rằng phép này chỉ châm các du huyết thuộc lục phủ, trị được bệnh ở lục phủ, những huyết nào mang lại hiệu quả như thế, ta mong được nghe giải thích rõ hơn"[19].

Kỳ Bá đáp: "Thật là 1 câu hỏi tuyệt diệu vậy; Phép lớn của phương pháp châm này đã đưa cách châm đến chỗ hay nhất, thuộc về loại của thần minh, dùng lời nói, hay diễn tả bằng sách vở cũng không thể diễn tả đầy đủ ý nghĩa của nó, gọi nó là Phát Mông chính vì hiệu quả của nó còn nhanh hơn là quét sạch bụi che cho sáng mắt"[20].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy! Ta mong được nghe cho rõ"[21].

Kỳ Bá đáp: "Khi mũi kim vừa châm vào, ta dặn bệnh nhân dùng tay bịt kín 2 lỗ mũi, đồng thời ngậm kín miệng lại, ngăn được tiếng nói, kết quả sẽ ứng với mũi kim châm, tai sẽ nghe được âm thanh"[22].

Hoàng Đế nói: "Đúng! Ta gọi đây là trường hợp hành động bằng mũi kim vào nơi không hình tích gì, mắt tưởng chừng như không thấy gì, chỉ thấy mũi kim được chọn để truyền cảm, sự truyền cảm giữa mũi kim và khí hóa đáng được gọi là sự tương đắc của thần minh vậy"[23].

Hoàng Đế nói: "Phép châm thích tiết có nói đến Khứ Trào, trong lúc đó phụ tử lại nói về châm các quan tiết và chi lạc, ta mong được nghe rõ ràng hơn"[24].

Kỳ Bá đáp: "Thắt lưng và cột sống là xương quan tiết lớn nhất trong thân thể, thân và cẳng chân là then chốt của việc đi đứng của con người[25]. Âm khí (Dương vật) là cơ năng quan trọng ở giữa thân, là nơi biểu hiện của sự giao cấu, xuất tinh, là con đường vận hành của tân dịch[26]. Vì thế nếu việc ăn uống không tiết độ, việc vui giận không đúng mức độ, làm cho tân dịch tràn ngập vào trong, từ đó sẽ đi xuống và lưu lại nơi dịch hoàn, huyết đạo (thủy đạo) không thông, mỗi ngày mỗi to dần không thôi (nhân vì tứ chi, thắt lưng, cột sống bị bất lợi) làm cho việc cúi ngửa không tiện lợi và việc đi đứng không được[27]. Bệnh này dường như có nước đọng vòng quanh, khí lên cũng không được, tiểu tiện xuống cũng không được, dùng kim phi châm để thủ thủy khí, đây

là phép trị một thứ bệnh của loại có hình dáng dương vật, dịch hoàn thường không che dấu được, ví như cắt bỏ dần chỗ dư của móng tay, nên gọi là Khứ Trảo"[28].

Hoàng Đế nói: "Đúng !"[29].

Hoàng Đế nói: "Phép châm thích tiết có nói đến Triệt Y, trong lúc đó phu tử lại nói về châm trên các kỳ huyết thuộc các vùng Dương phận, những kỳ huyết này vốn không có những bộ vị cố định nào, Ta mong được nghe giải thích rõ ràng hơn"[30].

Kỳ Bá đáp : "Đây thuộc về bệnh mà Dương khí hữu dư và Âm khí bất túc[31]. Do vì Âm khí bất túc, nó sẽ gây thành nội nhiệt, còn Dương khí hữu dư, nó sẽ gây thành ngoại nhiệt[32]. Do nội nhiệt tà gặp và đánh nhau bên trong cơ thể sẽ làm cho người bệnh cảm thấy như mang trong lòng 1 cục than lửa, ngoại nhiệt sẽ đốt nóng bên ngoài bưng bưng làm cho người bệnh cảm thấy sợ quần áo[33]. Không những người bệnh không cho người khác đến gần mình, họ còn rất sợ phải tiếp cận với mền chiếu[34]. Đồng thời vì tấu lý bị bế tắc làm cho mồ hôi không xuất ra được, lưỡi kho, a môi nứt, bắp thịt bị nóng ráo, cổ họng bị táo, ăn uống không còn biết ngon dở nữa"[35].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy ! Việc tiến hành châm trị phải thế nào ?"[36].

Kỳ Bá đáp : "Thủ các huyết Thiên Phủ (Phế kinh), huyết Đại Trữ (Bàng quang kinh), châm 3 lần, châm thêm huyết Trung Lữ Du (Bàng quang kinh), nhằm đẩy lui nhiệt tà; ngoài ra còn châm bổ kinh túc Thái âm Tỳ và kinh thủ Thái âm Phế, nhằm làm giảm nhiệt bằng cách mồ hôi ra, khi nào nhiệt lui, mồ hôi giảm ít lại, bệnh sẽ khỏi nhanh như ta triệt y: cởi áo ra vậy"[37].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy !"[38].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm thích tiết có nói đến Giải Hoặc, trong lúc đó phu tử lại nói rằng chúng ta phải hoàn toàn hiểu biết về phép điều hòa Âm Dương, bỏ cái bất túc, tà cái hữu dư, làm sao cho hư và thực được thay đổi nhau nhằm xử lý được bệnh lý, làm thế nào để có thể giải được sự mê hoặc đó ?"[39].

Kỳ Bá đáp : "Khi thân hình chúng ta bị trúng phong tà, nó sẽ làm cho huyết mạch bị hữu dư, nó sẽ làm cho tứ chi bị khinh hoặc trọng, không co duỗi được, làm cho thân mình khó xoay trở, khó cúi xuống hoặc ngửa lên, toàn thân hoặc bán thân bất toại, không còn nhận ra phương hướng đông hay tây, nam hay bắc[40]. Ngoài ra chúng hậu này xuất hiện khi ở trên, khi ở dưới, khi bên này khi bên kia, điên đảo vô thường, còn nghiêm trọng hơn tình huống bị mê hoặc"[41].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy ! Phép châm phải thế nào ?"[42].

Kỳ Bá đáp : "Châm tả cái hữu dư của tà khí, châm bổ cái bất túc của chính khí, nhằm làm bình phục lại Âm Dương, Người dụng châm được như thế kết quả thật nhanh hơn giải được cơn mê hoặc vậy"[43].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy ! Xin đem những điều này cất giữ trong mật thất Linh lan, không nên cho phổ biến 1 cách cầu thả"[44].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói rằng phép châm có phép ngũ tà, thế nào là phép châm ngũ tà ?"[45].

Kỳ Bá đáp : "Có loại bệnh do khí bị ủng tắc lại mà thành, có loại bệnh do thực tà chưa nhiều mà thành, có loại bệnh do chính khí kém đi mà thành, có loại bệnh do nhiệt tạo thành, có loại bệnh do hàn tạo thành, Ta gọi đó là ngũ tà"[46].

Hoàng Đế hỏi: "Phép châm bệnh của ngũ tà như thế nào ?"[47].

Kỳ Bá đáp : "Phương pháp châm ngũ tà không quá 5 điều[48] : Đối với loại bệnh tý nhiệt, ta nên dùng phép châm đẩy lui nhiệt[49]; Đối với loại bệnh do thũng và tích tụ, ta nên dùng phép châm làm tiêu tán[50]; Đối với chứng bệnh hàn tý, ta nên dùng phép châm tăng nhiệt làm ôn huyết khí[51]; đối với chứng bệnh tiểu tà (hư tà), ta nên châm bổ thêm cho Dương khí[52]; Đối với chứng bệnh đại tà (thực tà), ta phải châm làm sao để trừ cho được tà khí[53]. Nay xin để cho thần được nói rõ hơn về những thao tác cụ thể[54].

Phàm châm chứng ung tà, ta không nên châm tả 1 cách cầu thả trong lúc ung tà đang ở thể hưng thịnh, mà ta phải tiến hành 1 cách nhẹ nhàng, điều hòa như đang thực hiện 1 tiến trình thay đổi phong tục, thay đổi tình tình[55]. Nếu ung độc chưa thành mù, ta nên ma sát nhẹ trên u nhọt, nhằm biến nó thành giảm bớt bằng nhiều cách, dẫn dắt cho khí được lưu hành, xua đuổi tà khí rời khỏi chỗ nó tụ lại, không để cho nó được ở yên nơi cũ của nó, như vậy, tà độc mới dần dần tiêu tán[56]. Nếu ở các đường kinh Âm hoặc Dương phát sinh các loại ung độc, ta nên nương theo kinh của nó để thủ huyết châm tả[58].



Phâm châm các chứng đại tà (thực tà), ta nên châm nhằm làm cho tà khí ngày càng giảm thiểu đi, cũng là phép châm tả nhằm làm cho tà khí hữu dư tiết thoát dần, tà thực chuyển sang hư[59]. Trong quá trình thao tác, ta phải đánh mạnh vào con đường lưu thông của tà khí, châm đúng vào nơi vận hành của tà khí, đồng thời từ màu sắc của cơ nhục, ta phải quan sát cho kỹ sự biểu hiện của tà khí và chính khí, qua mạch và sắc ta dùng để mất đi cái chân mạch[60]. Ta nên châm ở các vùng phận nhục của các kinh Dương [61].

Phâm châm các chứng tiểu tà (hư tà), ta nên châm thế nào làm cho chính khí (đang suy) ngày càng tráng đại trở lại, nên châm bổ chính khí đang bất túc trở nên sung thực, do đó tà khí sẽ không làm hại được chính khí[62]. Trong lúc châm bổ hư, nên quan sát sự biểu hiện của hư thực, đón đúng con đường vận hành của khí tả được tà khí đang thịnh, như vậy chính khí đang ở xa gần, đều được quay về[63]. Tà khí không còn con đường nào xâm nhập từ ngoài vào trong để lưu hành trong thân thể thế là nó tiêu tán mà thôi[64]. Nên châm vùng phận nhục[65].

Phâm châm các chứng nhiệt tà, phải phát tiết tà khí, làm thế nào để từ nhiệt chuyển sang hàn lương, tức là tà khí sau khi xuất ra không trở lại để gây phát nhiệt nữa, như thế sẽ không còn bị bệnh[66]. Trong khi châm để khai thông sự ứ trệ của kinh mạch, ta nên để mở rộng vết kim châm nhằm làm cho nhiệt tà có con đường rộng để xuất ra, bệnh sẽ khỏi[67].

Phâm châm các chứng hàn tà, ta phải làm sao cho khí huyết ngày càng ấm hơn, trong quá trình châm đuổi khí âm hàn ta nên dùng 1 cách chậm chậm khi châm vào cũng khi rút ra, cho đến khi thần khí được vận hồi mới thôi[68]. Trong khi rút kim ra, ta nên bít lỗ kim lại, mục đích là làm cho khí vào để bổ được lưu lại nơi doanh vệ mà không bị tiết thoát trở ra, hư thực chính tà được điều hòa, chân khí do đó mà được bảo tồn kín đáo vậy"[69].

Hoàng Đế hỏi: "Vấn đề ứng dụng Quan châm trong ngũ tà thế nào?"[70].

Kỳ Bá đáp: "Châm chứng ung tà nên dùng kim Phi châm[71], châm chứng đại tà (thực) nên dùng kim Phong châm[72], châm chứng tiểu tà (hư) nên dùng kim Viên lợi châm[73], châm chứng nhiệt tà nên dùng kim Hào châm[74].

Thần xin nói về vấn đề ý nghĩa của giải luận: Đây là 1 lập luận nhằm nói về tương ứng với Thiên Địa, về phối hợp với tứ thời, con người cùng tham với Thiên Địa, cho nên con người có thể dựa vào đó để hiểu thế nào là giải kết[75]. Ví dụ: nơi ẩm thấp, có nguồn suối ngầm thì bên trên nó sẽ sinh ra cỏ lau (vi), cỏ bồ[76]. Dựa vào cái lý đó, ta có thể suy để biết quan hệ giữa hình khí của con người nhiều hay ít[77]. Sự biến hóa của Âm Dương được biểu hiện bằng hàn thử[77]. Khi khí trời nóng nhiệt (chung cất thủy khí) để lên trên hóa thành mưa, đó là khí ở bên trên, vì thế gốc và rễ thường kém thủy phân[78]. Con người khi bị nhiệt chung cất, cũng sẽ làm cho Dương khí thoát ra ngoài, khiến cho bì phu bị lơ lửng, làm cho tấu lý khai, huyết khí suy giảm, mồ hôi ra nhiều, làm cho bì phu bị nhuận trơn[79]. Khi khí trời lạnh lẽo sẽ làm cho đất và nước bị lạnh đóng băng[80]. Dương khí của con người bị tiềm phục lại bên trong, bì phu bị bít kín, tấu lý đóng kín, mồ hôi không xuất ra được, huyết khí cứng rắn, cơ nhục cứng và rít sáp[81]. Lúc bấy giờ, kẻ giỏi chèo thuyền trên nước, cũng không thể chèo thuyền trên băng, kẻ giỏi đào đất, cũng không thể đào phá được những lớp băng dưới đất, người khéo dụng châm, cũng không thể trị được chứng tứ chi bị quyết nghịch[82]. Nay nếu huyết mạch ngưng kết đóng cứng lại, sự đi đứng thật khó khăn, không thể nhất thời làm cho mềm dịu trở lại được, Vì thế kẻ chèo thuyền ắt phải đợi đến lúc trời âm áp, băng tuyết tan, nước trôi chảy, bấy giờ mới có thể chèo ghe, mới có thể đào đất, Mạch khí của con người cũng như thế[83]. Phép trị quyết nghịch trước hết phải (dùng Hỏa khí) để hơi nóng, nhằm điều hòa kinh mạch, tất cả các nơi như lòng bàn tay và nách, cánh chỏ và đầu gối, cổ và cột sống, tất cả đều phải cứu cho ấm nóng lên[84]. Khi nào Hỏa khí đã thông đạt khắp nơi thì bấy giờ huyết mạch sẽ vận hành 1 cách chính thường[85]. Sau đó, ta quan sát bệnh tình, nếu mạch vận hành trơn tru, ta sẽ dùng phép châm nhằm bình phục căn bệnh, còn nếu như mạch đi rắn và khẩn đó là tà khí đang thịnh, ta sẽ áp dụng phương pháp phá (sự cứng rắn), và tán (sự kết tụ), khi nào khí quyết nghịch hạ xuống mới thôi, Đây gọi là phương pháp giải kết vậy"[86]. Mục đích và phạm vi của việc dụng châm là nhằm điều hòa khí[87]. Khí do âm thực hóa ra được tích lại trong Vị nhằm thông đến khí doanh và khí vệ, mỗi khí đều đi theo đúng con đường của mình[88]. Chỉ có tông khí lại tích vào Khí hải của vùng ngực[89]. Con đường đi xuống thì chảy rót vào huyết Khí nhai thuộc vùng bụng của túc Dương minh

Vị[90]. Con đường đi lên thì chạy vào đường hô hấp[91]. Cho nên khi khí âm hàn sinh ra quyết nghịch ở chân, thì tông khí không thể theo đường kinh để lên xuống được nữa, huyết dịch trong mạch cũng sẽ ngưng trệ và lưu lại bên trong không còn vận hành 1 cách thông suốt nữa[92]. Nếu chúng ta không dùng Hòa của ngải cứu để điều hòa khí huyết vận hành thì chúng ta chưa thể áp dụng việc châm trị vậy[93]. Người dụng châm, trước hết phải thăm sát sự thực hư của kinh lạc, ta phải lần dò theo con đường thông lộ của kinh lạc, phải day phải ấn, phải bấm để làm động các huyết vị, phải thấy được tình huống phản ứng của các phản ứng, sau đó mới thủ huyết thích hợp để dẫn khí đi xuống[94]. Nếu lục kinh của Thủ Túc mà được điều hòa ta gọi đó là vô bệnh, cho dù có bệnh, nó cũng sẽ tự khỏi[95]. Giả sử có 1 đường kinh mạch nào đó mà trên thực dưới hư, không còn thông nữa, đó tất phải có khí ở các hoành lạc bị thịnh và làm ùng, gia vào trong chính kinh khiến cho chính kinh bị bất thông, phép trị là phải tìm cho ra những con đường hoành lạc ấy để châm tả, Đây cũng gọi là phương pháp giải kết vậy[96].

Bệnh mà trên Hàn dưới Nhiệt, trước hết nên châm ở huyết nằm trong khoảng cổ gáy thuộc túc Thái dương Bàng quang kinh nên lưu kim lâu hơn, sau khi đã châm vào rồi, đồng thời nên cứu thêm ở vùng cổ gáy và vai, chờ chừng nào nhiệt khí trên dưới hợp nhau mới ngưng, Đây gọi là phương pháp châm đưa cái ở dưới lên trên vậy[97]. Bệnh mà trên nhiệt dưới hàn, trước hết nên quan sát để thấy và biết được những hư mạch đang hãm xuống nơi nào đó của kinh lạc thuộc bên dưới, thủ huyết để châm bổ, chừng nào Dương khí đi xuống mới ngưng châm, Đây gọi là phương pháp châm đưa nhiệt từ trên xuống dưới vậy[98].

Bệnh mà khắp thân mình sốt cao, nhiệt làm cho cuồng, thấy bậy bạ, nghe bậy bạ, nói bậy bạ, trước hết nên quan sát để thấy và biết được những nơi bệnh thuộc lạc mạch hay kinh mạch của túc Dương minh Vị, nếu hư, ta thủ huyết để châm bổ, nếu như có huyết lạc thực thì ta thủ huyết để châm tả loại trừ huyết ú trệ[99]. Nhân lúc bệnh nhân đang nằm ngửa, người thầy thuốc nên đứng trước đầu của bệnh nhân, dùng 4 ngón tay (2 ngón cái và 2 ngón trỏ) đè lên vùng huyết Nhân Nghênh và Đại Nghênh nơi cổ trước của bệnh nhân, giữ yên như vậy cho lâu, chúng ta nên vừa day vừa ấn, kéo dài xuống đến giữa vùng huyết Khuyết Bồn, Xong ta lại tiếp tục làm trở lại như cũ, làm cho đến khi nào nhiệt lui thì ngưng, Đây được gọi là phương pháp 'thôi nhi tán chi' (đẩy lui và làm thoát ra vậy)"[100].

Hoàng Đế hỏi: "Có khi cùng 1 đường kinh mạch nào đó lại sinh ra đến hàng vài chục loại bệnh khác nhau: có khi đau, có khi ung, có khi nhiệt, có khi hàn, có khi ngứa, có khi tê, hoặc có khi không còn cảm giác, sự biến hóa thật vô cùng, nguyên nhân nào khiến như vậy?"[101].

Kỳ Bá đáp: "Tất cả đều do bởi tà khí sinh khác nhau vậy"[102].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói khí gồm có chính khí, có chân khí, có tà khí, Thế nào là chân khí?"[103].

Kỳ Bá đáp: "Chân khí là khí bẩm thụ được ở Thiên khí và cốc khí, hợp lại mà thành để rồi làm sung cho thân thể[104]. Chính khí là khí chính thường, không nghịch, cũng gọi là khí chính phong, nó đến từ 1 phương đúng của thời tiết 4 mùa, nó không phải là thực phong tàn phá ác liệt, cũng không phải là hư phong[105]. Tà khí mang đầy đặc tính hư phong, nó chuyên làm thương tổn đến khí của con người, mỗi khi nó trúng vào người, thường là rất sâu, không thể tự mình ra đi được[106]. Chính phong, mỗi khi trúng vào người, thường là cạn, nó có thể tự hòa hợp với chân khí trong người để rồi có thể tự ra đi, vì khí chính phong mỗi khi đến, cái thể của nó thường yếu mềm, không thể thắng được chân khí, cho nên nó có thể tự ra đi[107].

Khí hư tà trúng vào người sẽ làm cho người bệnh lạnh run lên, lông bị dựng ngược lên, tấu lý bị mở ra[108]. Khi tà khí nhập vào sâu, nó sẽ tấn công vào đến cốt, gây thành chứng Cốt tý[109], tấn công vào gân, gây thành chứng gân loạn[110], tấn công vào trong mạch, gây thành chứng Huyết bế[111], nếu do huyết vận hành bất thông, gây thành chứng Ung[112], nếu tà khí tấn công vào cơ nhục, nó sẽ tranh nhau với vệ khí, nếu Dương tà thắng sẽ gây thành chứng trạng thuộc nhiệt, nếu Âm tà thắng sẽ gây thành chứng trạng thuộc Hàn[113]. Hàn thắng thì chân khí phải ra đi, chân khí ra đi thì thành Dương hư[114]. Dương khí hư thì hàn tà sẽ tấn công vào trong bì phu[115]. Nếu tà khí phát ra ngoài bằng con đường bì phu, vùng biểu, tấu lý sẽ khai, lông sẽ bị lung lay[116], nếu tà khí theo với khí doanh vệ lưu hành ra vào sẽ làm cho bệnh nhân

thấy ngựa ngáy[117], nếu tà khí lưu lại không đi nữa sẽ gây thành chứng tý[118], nếu vệ khí trệ và rít, sẽ gây thành chứng bất nhân (không còn cảm giác)[119]. Nếu hu tà vào người mà chỉ ở nửa thân, nếu tấn công vào trong sâu tức là sẽ lưu lại để ở chung với doanh vệ, làm cho doanh vệ ngày càng suy, chân khí sẽ ra đi, như vậy tà khí sẽ lưu lại 1 mình, gây thành chứng Thiên khô[120]. Nếu tà khí tấn công cạn hơn, sẽ làm cho huyết mạch bất hòa đau nhức nửa thân mình[121]. Nếu hu tà tấn công sâu vào thân thể Hàn và Nhiệt cùng tranh nhau, ở lại lâu bên trong để rồi mở rộng bên trong, nếu Hàn thắng Nhiệt thì sẽ làm cho cơ nhục bị mục rữa thành mù, nếu vào tận trong cốt sẽ làm thương đến cốt, bên trong làm thương đến cốt sẽ gây thành chứng cốt thực[122]. Có loại bệnh bắt đầu phát sinh từ cân, làm cho cân bị co rút không duỗi ra được, tà khí lại lưu lại trong khoảng ấy mà không lui ra, sẽ thành chứng cân lưu[123]. Có loại bệnh mà tà khí kết lại, khí này lại xua nhau quay vào bên trong, một phần vệ khí cũng lưu theo trong ấy mà không quay trở ra ngoài, tân dịch do đó cũng tích lâu lại trong Trường Vị, hợp nhau thành chứng Trường lưu[124]. Có loại bệnh do khí tích lại lâu ngày mà thành, có khi đến mấy năm mới thành, ta dùng tay để ấn thì thấy mềm, đó là do có tà khí kết lại, lâu ngày khi quay vào trong, khiến cho tân dịch bị lưu lại, như vậy nếu mỗi lần bị tà khí trúng vào người, huyết khí ngưng kết ngày càng đi đến chỗ nặng hơn, ngày càng tích tụ lại liên tục hơn, gây thành chứng Tích lưu[125], Cũng có những loại bệnh mà ta dùng tay ấn lên thấy cứng, đó cũng là do tà khí ngưng kết lại mà thành, nó đi sâu vào trúng đến cốt, khí gây bệnh nơi cốt, cốt và tà khí kết lại với nhau ngày càng tăng lên thật to, gây thành chứng Cốt thu[126]. Có loại bệnh do tà khí trúng vào cơ nhục mà thành kết lại, tông khí bị lôi cuốn theo, tà khí lưu lại mà không ra đi, khi có nhiệt sẽ hóa ra mù, vô nhiệt thì hóa ra Nhục thu[127]. Trên, tất cả những bệnh do tà khí ngưng kết gây bệnh biến hóa vô cùng, tuy sự phát tác không nơi nhất định, nhưng lại có những bệnh danh nhất định”[128].

#### 灵枢一刺节真邪第七十五

黄帝问于岐伯曰：余闻刺有五节奈何？岐伯曰：固有五节：一日振埃，二日发蒙，三日去爪，四日彻衣，五日解惑。黄帝曰：夫子言五节，余未知其意。岐伯曰：振埃者，刺外经，去阳病也；发蒙者，刺府输，去府病也；去爪者，刺关节肢络也；彻衣者，尽刺诸阳之奇输也；解惑者，尽知调阴阳，补泻有余不足，相倾移也。黄帝曰：刺节言振埃，夫子乃言刺外经，去阳病，余不知其所谓也。愿卒闻之。岐伯曰：振埃者，阳气大逆，上满于胸中，愤解肩息，大气逆上，喘喝坐伏，病恶埃烟，媯不得息，请言振埃，尚疾于振埃。黄帝曰：善。取之何如？岐伯曰：取之天容。黄帝曰：其咳上气，穷讙胸痛者，取之奈何？岐伯曰：取之廉泉。黄帝曰：取之有数乎？岐伯曰：取天容者，无过一里，取廉泉者，血变而止。帝曰：善哉。黄帝曰：刺节言发蒙，余不得其意。夫发蒙者，耳无所闻，目无所见。夫子乃言刺府输，去府病，何输使然？愿闻其故。岐伯曰：妙乎哉问也【此刺之大约，针之极也，神明之类也，口说书卷，犹不能及也，请言发蒙耳，尚疾于发蒙也。黄帝曰：善。愿卒闻之。岐伯曰：刺此者，必于日中，刺其听它，中其眸子，声闻于耳，此其输也。黄帝曰：善。何谓声闻于耳？岐伯曰：刺邪以手坚按其两鼻奔而疾低其声必应于针也。黄帝曰：善。此所谓弗见为之，而无目视，见而取之，神明相得者也。黄帝曰：刺节言去爪，夫子乃言利关节肢络，愿卒闻之。岐伯曰：腰脊者，身之大关节也。肢胜者，人之管以趋翔也。茎垂者，身中之机，阴精之喉，津液之道也。故饮食不节，喜怒不时，津液内溢，乃下留于壅，血道不通，日大不休，俯仰不便，趋翔不能，此病荣②然有水，不上不下，被石所取，形不可匿，常不得蔽，故命回去爪。①迎：原作“近”，据马注本改，与《太素·人迎脉口诊》合。②荣：原作“荣”，据呬对、《太素·五节挪改。杨注：“荣然水聚也。”189帝曰：善。黄帝曰：刺节言彻衣，夫子乃言尽刺诸阳之奇输，未有常处也，愿卒闻之。岐伯曰：是阳气有余而阴气不足，阴气不足则内热，阳气有余则外热，内热相搏，热于怀炭，外爱绵帛近，不可近身，又不可近席，腠理闭塞，则汗不出，舌焦唇槁，腊干隘燥，饮食不让美恶。黄帝曰：善。取之奈何？岐伯曰：取之于其天府、大行三精，又刺中古，以去其热，补足手太阳以去其汗，热去汗稀，疾于彻衣。黄帝曰：善。黄帝曰：刺节言解惑，夫子乃言尽知调阴阳，补泻有余不足，相倾移也，惑何以解之？岐伯曰：大风在身，血脉偏虚，虚者不足，实者有余，轻重不得，倾侧宛伏，不知东西，不知南北，乍上乍下，乍反乍复，颠倒无常，甚于迷惑。黄帝曰：善。取之奈何？岐伯曰：泻其有余，补其不足，阴阳平复，用针若此，疾于解惑。黄帝曰：善。请藏之灵兰之室，不敢妄出也。黄帝曰：余闻刺有五邪，何谓五邪？岐伯曰：病有持痛者，有容大者，有狭小者，有热者，有寒者，是谓五邪。黄帝曰：刺五邪奈何？岐伯曰：凡①刺五邪之方，不过五章，瘵②热消灭，肿聚散亡，寒痹益温，小者益阳，大者必去，请道其方。凡刺痛邪，无迎陇，易俗移性，不得脓，脆③道更行，去其乡，不安处所，乃散亡。诸阴阳过痛者，取之其输泻之。凡刺大邪日以小，泄夺其有余，乃益虚。剽其通，针其邪，肌肉亲，视之毋有反其真，刺诸阳分肉间。凡刺小邪日以大，补其不足乃无害，视其所在迎之界，远近尽至，其不得外，侵而行之乃自费，刺分肉间。凡刺热邪，越而苍，出游不归乃无病，为开通辟门户，使邪得出，病

乃已。凡刺寒邪，日以温，徐往徐来致其神，门户已闭气不分，虚实得调其气存也。黄帝曰：官针奈何？岐伯曰：刺痛者用镇针，刺大者用锋针，刺小者用员利针，刺热者用钱针，刺寒者用毫针也。请言解论，与天地相应，与四时相副，人参天，地，故可为解。下有渐枷，上生苇蒲，此所以知形气之多少也。阴阳者，寒暑也，热则滋雨而在上，根茎少汁。人气在外，皮肤缓，腠理开，血气减，汗大泄，皮淖泽。寒则地冻水冰，人气在中，皮肤致，腠理闭，汗不出，血气强，肉坚涩。当是之时，善行水者，不能往冰；善穿地者，不能凿冻；善用针者，亦不能取四厥；血脉凝结，坚搏不往来者，亦未可即柔。政行水者，必待天温冰释冻解，而水可行，地可穿也。人脉犹是也，治厥者，必先熨调和其经，掌与腋、肘与脚、项与脊以调之，火气已通，血脉乃行，然后视其病，脉淖泽者，刺而平①凡：原作“几”，据位素·五邪刺）比②瘴：原作“瘵”，据什素·五邪哪改。③脆：位素·五邪刺排“诡”。190之，坚紧者，破而散之，气下乃止，此所谓以解结者也。用针之类，在于调气，气积于胃，以通管卫，各行其道。宗气留于海，其下者注于气街，其上者走于息道。敢厥在于足，宗气不下，脉中之血，凝而留止，弗之火调，弗能取之。用针者，必先察其经络之虚实，切而循之，按而弹之，视其应动者，乃后取之而下之。六经调者，谓之不病，虽病，谓之自己也。一经上实下虚而不通者，此必有横。络盛加于大经，令之不通，视而泻之，此所谓解结也。上寒下热，先利其项太阳，久留之，已刺则熨项与肩肿，令热下合乃止，此所谓推而上之者也。上热下寒，视其虚脉而陷之于经络者取之，气下乃止，此所谓引而下之者也。大热遍身，狂而妄见、妄闻、妄言，视足阳明及大给取之，虚者补之，血而实者泻之，因其假卧，居其头前，以两手四指挟按颈动脉，久持之，卷而切推，下至缺盆中，而复止如前，热去乃止，此所谓推而散之者也。黄帝曰：有一脉生数十病者，或痛、或痲、或热、或寒、或痒、或痹、或不仁，变化无穷，其故何也？岐伯曰：此皆邪气之所生也。黄帝曰：余闻气者，有真气，有正气，有邪气。何谓真气？岐伯曰：夏气者，所受于天，与谷气并而充身也。正气者，正风也，从一方来，非实风，又非虚风也。邪气者，虚风之贼伤人也，其中人也深，不能自去。正风者，其中人也浅，合而自去，其气来柔弱，不能胜真气，故自去。虚邪之中人也，洒淅动形，起毫毛而发睛理。其入深，内搏于骨，则为骨痹；搏于筋，则为筋挛；搏于脉中，则为血闭不通，则为痲；搏于肉，与卫气相搏，阳胜者则为热，阴胜者则为寒，寒则真气去，去则虚，虚则寒；搏于皮肤之间，其气外发，腹理开，毫毛摇，气往来行，则为痒；留而不去，则痲；卫气不行，则为不动虚邪偏客于身半，其入深，内居荣卫，荣卫稍衰，则真气去，邪气独留，发为偏枯。其邪气浅者，脉偏痛。虚邪之久于身也深，寒与势相搏，久留而内著，寒胜其势，则骨疼肉枯，热胜其寒，则烂肉腐肌为脓，内伤骨，内伤骨为骨蚀。有所疾前筋，筋屈不得伸，邪气居其间而不反，发于筋溜。有所结，气归之，卫气留之，不得反，津液久留，合而为肠溜，久者数岁乃成，以手按之柔。已有所结，气归之，津液留之，邪气中之，凝结日以易甚，连以聚居，为昔瘤，以手按之坚。有所结，深中骨，气因于骨，骨与气并，日以益大，则为骨疽。有所结，中于肉，宗气归之，邪留而不去，有热则化而为脏，无热则为肉疽。凡此数气者，其发无常处，而有常名也。

#### THIÊN 76: VỆ KHÍ HÀNH

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về con đường vận hành của khí, nó xuất nhập từ Âm kinh sang Dương và từ Dương kinh sang Âm như thế nào?" [1].

Bá Cao đáp: "Mỗi tuế có 12 nguyệt, mỗi nhật có 12 thời [2]. Trục tý và ngọ đóng vai kinh (đường thẳng đứng), trục mao và dậu đóng vai vĩ (đường nằm ngang) [3]. Thiên vận hành 1 vòng là hết 28 tú, mỗi diện (phương) gồm 7 tinh (sao), 4 lần 7 là tất cả 28 sao [4]. Phòng và Mão đóng vai vĩ, sao Hu và Trương đóng vai kinh [5]. Vĩ thế từ sao Phòng đến sao Tất thuộc Dương, từ sao Mão đến sao Tâm là thuộc Âm [6]. Dương chủ ban ngày, Âm chủ ban đêm [7]. Cho nên, sự vận hành của vệ khí, cứ mỗi ngày và mỗi đêm được 50 chu toàn thân: ban ngày nó vận hành ở Dương phận 25 chu, ban đêm nó vận hành ở Âm phận 25 chu, đi khắp ngũ tạng [8].

Cho nên, sáng sớm thì Âm khí tận, Dương khí (nhận khí từ Âm) để xuất ra ở huyết Tĩnh Minh (khoé mắt trong) [9]. Khi ta mở mắt ra thì vệ khí bắt đầu đi lên trên đầu, dọc theo cổ gáy rồi theo con đường của túc Thái dương Bằng quang kinh mà xuống dưới, dọc theo lưng, xuống đến đầu ngón chân út huyết Chí Âm [10]. Con đường tán hành mở rộng khắp của nó, tách biệt để đi từ khoé mắt ngoài đi xuống dưới theo con đường của thủ Thái dương kinh, xuống đến mép ngoài của ngón tay út huyết Thiếu Trạch [11]. Con đường tán hành của nó tách biệt để đi từ khoé mắt ngoài, đi xuống dưới theo con đường của túc Thiếu dương kinh, rót vào trong khoảng ngón chân út và áp út huyết Khiêu Âm, nó lại đi lên dọc theo mép cạnh của thủ Thiếu dương kinh, xuống dưới đến khoảng ngón tay út và áp út huyết Quan Xung [12]. Con đường biệt hành nữa lên đến vùng trước tai, hợp với vùng thuộc huyết Thừa Khấp và Giáp Xa, rồi rót vào túc Dương minh kinh để đi xuống dưới đến mu bàn chân rồi nhập vào khoảng huyết Lệ Đồi [13]. Con đường tán hành của nó đi từ dưới tai xuống dưới theo con đường của thủ Dương minh kinh, nhập vào trong khoảng ngón tay cái, rồi nhập vào trong lòng bàn tay [14]. Riêng con đường đi

xuống đến dưới chân, nó sẽ nhập vào giữa Tâm của bàn chân, xuất ra ở mắt cá trong, xuống dưới vùng Âm phận, sau đó nó lại quay trở lên để hợp với khoé mắt trong, Ta gọi đó là 1 chu[15].

Cho nên, nhật hành 1 xá (tú: 1 sao), thì nhân khí vận hành 1 chu lẻ 8/10 trong thân người, nhật hành 2 xá thì nhân khí vận hành 3 chu lẻ 6/10, nhật hành 3 xá thì nhân khí vận hành 5 chu lẻ 4/10, nhật hành 4 xá thì nhân khí vận hành 7 chu lẻ 2/10, nhật hành 5 xá thì nhân khí vận hành 9 chu, nhật hành 6 xá thì nhân khí vận hành 10 chu lẻ 8/10, nhật hành 7 xá thì nhân khí vận hành 12 chu lẻ 6/10, nhật hành 14 xá thì nhân khí vận hành 25 chu lẻ 2/10[16]. Thế là Dương tận ở Âm, còn Âm thì nhận lấy khí[17]. Khi mà khí bắt đầu nhập vào Âm, thường là đi từ túc Thiếu âm kinh để rót vào Thận, Thận lại rót vào Tâm, Tâm lại rót vào Phế, Phế lại rót vào Can, Can lại rót vào Tỳ, Tỳ trở lại rót vào Thận, thế là tròn 1 chu[18]. Cũng vì thế, nếu dạ hành 1 xá, nhân khí cũng vận hành trong các Âm tạng (Âm kinh) đủ 1 chu và lẻ 8/10 (như ở Dương kinh), rồi nó cũng như ở Dương kinh vận hành đủ 25 chu, để rồi cuối cùng lại hợp nhau tại khoé mắt trong huyết Tinh minh. Mỗi 1 nhật và 1 dạ, khí vận hành ở Dương phận và Âm phận đúng 50 chu lẻ ra 4/10, bởi vì nó vận hành Âm phận cũng phải lẻ ra 2/10, Vì thế, con người lúc ngủ lúc thức có sớm có muộn khác nhau, vì thế trong cách tính phải có số lẻ dư ra"[18].

Hoàng Đế hỏi: "Vệ khí vận hành ở thân thể, lên xuống, vắng lai không theo 1 thời gian cố định nào, như vậy muốn chờ đợi khí vận hành để mà tiến hành châm trị, phải làm sao?"[19]

Bá Cao đáp : "Thiên vận hành với những phân độ nhiều ít khác nhau, thời gian ban ngày có khi ngắn có khi dài, bốn mùa xuân thu đông hạ tùy theo sự tiêu trưởng của ngày đêm mà quy định dài hay ngắn[20]. Sau đó, ta dựa vào sáng sớm làm tiêu chuẩn cho ban ngày, lại dựa vào đêm tàn để biết rằng vệ khí bắt đầu vận hành ở Dương phận[21]. Vì thế, mỗi ngày và mỗi đêm, nước chảy xuống 10 khắc, 25 khắc đúng nửa ngày, cứ thường như thế không ngưng nghỉ, đến lúc mặt trời lặn thì xem như dứt 1 ngày[22]. Chúng ta theo dõi sự dài ngắn của nhật nhập và nhật xuất, rồi dựa vào đó để làm tiêu chuẩn ngày đêm để tiến hành việc châm trị cho đúng thời[23]. Nếu chúng ta cẩn thận chờ đợi đúng thời của khí để châm trị, ta có thể đoán định thời gian chữa trị cho lành bệnh, còn nếu ta làm mất đi cái thời và nghịch lại với thời lệnh của 4 mùa thì trăm bệnh sẽ không trị được[24]. Cho nên nói rằng: châm trị hư chúng, nên châm theo phép 'tùy nhi tế chi' (rượt theo nó để bỏ)[25]. Đây nói về việc bỏ tả trước hay sau để biết được khí còn hay đã tiêu trừ, từ đó ta mới chờ đợi khí hư hay thực để mà châm trị[26]. Vì thế phương pháp chờ đợi để biết được bộ vị của khí đang ở đâu để tiến hành việc châm trị, đó gọi là phùng thời (gặp đúng với thời)[27]. Nói rõ hơn, nếu bệnh đang ở tam Dương kinh, ta nên chờ đợi khi nào khí cũng đang ở Dương phận để châm, nếu bệnh đang ở tam Âm kinh, ta nên chờ đợi khi nào khí cũng đang ở Âm phận để châm"[28].

Nước chảy xuống (đồng hồ) 1 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái dương[29], nước chảy xuống 2 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu dương[30], nước chảy xuống 3 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[31], nước chảy xuống 4 khắc thì nhân khí ở tại Âm phận nơi túc Thiếu âm Thận[32], nước chảy xuống 5 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[33], nước chảy xuống 6 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[34], nước chảy xuống 7 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[35], nước chảy xuống 8 khắc thì nhân khí ở tại Âm phận Thận kinh[36], nước chảy xuống 9 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[37], nước chảy xuống 10 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[38], nước chảy xuống 11 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[39], nước chảy xuống 12 khắc thì nhân khí ở tại Âm phận[40], nước chảy xuống 13 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[41], nước chảy xuống 14 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[42], nước chảy xuống 15 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[43], nước chảy xuống 16 khắc thì nhân khí ở tại Âm phận[44], nước chảy xuống 17 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[45], nước chảy xuống 18 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[46], nước chảy xuống 19 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[47], nước chảy xuống 20 khắc thì nhân khí ở tại Âm phận[48], nước chảy xuống 21 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[49], nước chảy xuống 22 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thiếu Dương[50], nước chảy xuống 23 khắc thì nhân khí ở tại kinh Dương minh[51], nước chảy xuống 24 khắc thì nhân khí ở tại Âm phận[55], nước chảy xuống 25 khắc thì nhân khí ở tại kinh Thái Dương[56]. Đây chính là độ số mà vệ khí vận hành trong nửa ngày[57]. Từ sao Phòng đến sao Tất, 14 xá, nước chảy xuống 50 khắc, xem như là 1/2 độ của tròn ngày đêm[58]. Khi

nhật vận hành 1 xá, thời gian sẽ là nước chảy xuống 3 khắc 4/7[59]. Kinh Đại yếu xưa có nói: Thường thì nhật hành mỗi tú trong 28 tú, vệ khí nhật định phải ở Thái Dương[60]. Như vậy, cứ mỗi lần nhật hành 1 xá thì nhân khí theo thứ tự ở tam Dương kinh rồi đến Âm phạm, cứ như thế mà không ngừng nghỉ, Thiên hay Địa (Dương hay Âm đều như thế), tất cả đều rất trật tự, chung rồi lại thì, một ngày một đêm, nước cứ chảy 100 khắc vô tận vậy"[61].

**灵枢一卫气行第七十六**

黄帝问于岐伯曰：愿闻卫气之行，出入之合，何如？岐伯曰：岁有十二月，日有十二辰，子午为经，卯酉为纬。天周二十八宿，而一面七星，四七二十八星，房易为纬，虚张为经，是故居全率为阳，邱笠心刀阴，阳土枝，阴土。°队\_、\_，，』，。夜五十周于身，昼日行于阳二十五周，夜行于阴二十五周，周于五藏人是故平旦阴尽，阳气出了日，目张则气上好了六，幅创''比从''''''''一''''之端；其散着，别于目锐毗，下手太阳，下至手小指之间外侧；其散者，别于目锐毗，下足少阳，注小指次指之间；以上循手少阳之分，倒下至小指之间；别者以上至耳前，合于颌脉，注足阳明，以下行至跑上，入五指之间；其散者，从耳下下手阳明，人大指之间，人掌中；其至于足也，人足心，出内踝下，行明分，复合于目，故为一周。是故日行一舍，人气行一周与十分身之八；日行二舍，人气行三周于身与十分身之六；日行三舍，人气行于身五周与十分身之四；日行四舍，人气行于身七周与十分身之二；日行五舍，人气行于身九周；日行六舍，人气行于身十周与十分身之八；日行七舍，人气行于身十二周在身与十分身之六；日行十四舍，人气二十五周于身有奇分与十分身之二②，阳尽于阴，阴受气矣。其始人于阴，常从足少阴注于肾，肾注于心，心注于肺，肺注于肝，肝注于脾，脾复注于肾为周。是故夜行一舍，人气行于阴藏一周与十分藏之八，亦如阳行之二十五周，而复合于目。阴阳一日一夜，合有奇分十分身之二①，与十分藏之二，是故人之所以卧起之时早晚者，奇分不尽放也。黄帝曰：卫气之在于身也，上下往来不以期，候气而制之条例伯高曰：分有多少，日有长短，春秋冬夏，各有分理，然后常以平旦为纪，以夜尽为始。是故一日一夜，水下百刻，二十五刻着，半日之度也，常如是毋已，日久而止，随口之长短，各以为纪而刺之。谨候其时，病可与期，失时反候老，百病不治。放曰：制实者，刺其来也；刺虚者，刺其去也。此言气存亡之时，以候虚实而刺之。是故谨候气之所在而刺之，是调逢时。在于三阳，必候其气在于阳而刺之；病在于三明，必候其气在阴分而刺之。水下一刻，人气在太阳；水下二刻，人气在少阳；水下三刻，人气在阳明；水下四刻，人气在明分。水下五刻，人气在太阳；水下六刻，人气在少阳；水下七刻，人气在阳明；水下八刻，人气在阴分。水下九刻，人气在太阳；水下十刻，人气在少阳；水下十一刻，人气在阳明；水下十二刻，人气在防分。水下十三刻，人气在太阳；水下十四刻，人气在少阳；水下十五刻，人气在阳明；水下十六刻，人气在阴分。水下十七刻，人气在太阳；水下十八刻，人气在少阳；水下十九刻，人气在阳明；水下二十刻，人气在阴分。水下二十一刻，人气在太阳；水下二十二刻，人气在少阳；水下二十三刻，人气在阳明；水下二十四刻，人气在阳分。水下二十五刻，人气在太阳，此半日①藏：原作“岁”，掲牌乙经）、村素•卫五十周）改。②二：原作：“四”，据村素）改。192之度也。从房至毕一十四舍，水下五十刻，日行半度，回行~舍，水下三刻与七分刻之四。大要曰：常以日之加于宿上也，人气在太阳。是放日行一舍，人气行三阳行与阳分，常如是无已，天与地同纪，纷纷盼盼，终而复始，一日一夜，水下百刻而尽矣。

**THIÊN 77: CỬU CUNG BÁT PHONG**

Dựa theo phương vị của cửu cung, mỗi năm Thái nhật thường từ tiết đông chí ở tại cung Hiệp trập 46 ngày (đông chí, tiểu hàn, đại hàn), qua ngày hôm sau ngày thứ 47, nó di hành sang cung Thiên lưu 46 ngày (lập xuân, vũ thủy, kinh trập), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Thượng môn 46 ngày (xuân phân, thanh minh, cốc vũ), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Âm lạc 45 ngày (lập hạ, tiểu mãn, mang chủng), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Thiên cung 46 ngày (hạ chí, tiểu thử, đại thử), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Huyền ủy 46 ngày (thu phân, hàn lộ, sương gián), qua ngày hôm sau, nó di hành sang cung Tân lạc 45 ngày (lập đông, tiểu tuyết, đại tuyết), Như vậy, sáng ngày hôm sau, nó lại trở lại cung Hiệp trập đúng vào ngày đông chí[1]. Thái nhật du hành mỗi ngày, lấy ngày đông chí để ở vào cung Hiệp trập từ đó tính rõ nơi mà mỗi ngày nó đến, đó là từ số Nhất (vị trí của quẻ Khâm) rồi đi giáp hết 9 ngày, để rồi cuối cùng quay trở về với số nhất, Cứ như thế mà chuyển vận không ngừng nghỉ, chấm dứt rồi lại bắt đầu[2]. Ngày mà Thái nhật du hành sang 1 cung khác, Thiên phải ứng theo để xuất hiện mưa và gió, nếu chính ngày đó mà mưa thuận gió hòa thì đó hiện tượng cát lành, năm trúng mùa, dân an lạc và ít bệnh[3]. Nếu mưa gió xảy ra trước ngày du hành thì năm đó sẽ nhiều hạn hán[4]. Ngày mà Thái nhật ở tại tiết đông chí, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với vai trò và trách nhiệm của quân[5]. Ngày mà Thái nhật ở tại tiết xuân phân, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với trách nhiệm của tướng[6]. Ngày

mà Thái nhất ở tại tiết Trung cung, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với quan lại[7]. Ngày mà Thái nhất ở tại tiết thu phân, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với trách nhiệm của tướng quân[8]. Ngày mà Thái nhất ở tại tiết hạ chí, nếu có gì biến hóa, hiện tượng đó ứng với trách nhiệm của bách tính[9]. Điều gọi là biến hóa, ý nói ngày mà Thái nhất di hành sang 1 trong ngũ cung, xảy ra những gió táp, mưa sa làm gãy đổ cây cối, lá, cát bay đá chạy[10]. Căn cứ vào những hiện tượng trên, ta theo dõi phương vị của Thái nhất ở cung nào để suy đoán tình trạng bệnh nặng hay nhẹ[11]. Ta dựa vào cái hướng mà gió thổi đến để làm căn cứ mà suy đoán[12]. Nếu gió từ nơi mà Thái nhất đang ở thổi đến đó là thực phong, chủ về sinh trưởng, nuôi dưỡng vạn vật[13]. Nếu gió từ nơi nghịch lại với bộ vị mà Thái nhất đang ở đó gọi là hư phong, gió này làm thương, làm hại đến con người, nó chủ về tàn sát, chủ về tai hại[14]. Con người nên chú ý đến loại hư phong này để tránh những tai họa bệnh tật[15]. Bậc thánh nhân mỗi ngày phải chú trọng đến việc tránh né hư tà tặc phong như đang tránh né tên bay đá chạy, nhờ đó mà tà khí không làm hại được họ, Ý nghĩa đạo dưỡng sinh là ở chỗ đó"[16].

Vì thế khi Thái nhất di chuyển đi vào đứng giữa nơi Trung cung, nó sẽ từ đó đứng giữa để làm nơi triều hội cho bát phong, nhằm bộc lộ được điềm cát hung[17]. Phong từ phương nam đến, được gọi tên là Đại nhuộc phong, khi nó làm thương tổn đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Tâm, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi mạch, khí của nó chủ về Nhiệt bệnh[18]. Phong từ phương tây nam đến, được gọi tên là Mưu phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Tỳ, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi cơ nhục, khí của nó chủ về bệnh suy nhược[19]. Phong từ phương tây đến, được gọi tên là Cương phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Phế, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi bì phu, khí của nó chủ về Táo bệnh[20]. Phong từ phương tây bắc đến, được gọi tên là Chiết phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Tiểu trường, bên ngoài nó sẽ lưu lại để ở tại thủ Thái dương mạch, khi mạch tuyết đó là tà khí đã tràn ngập, khi nào mạch bị bế, đó là mạch bị kết lại, bất thông, có thể chết 1 cách thình lình[21]. Phong từ phương bắc đến, được gọi tên là Đại cương phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Thận, bên ngoài nó sẽ lưu lại để ở tại cốt và hai đường lữ cân của vai và lưng, khí của nó chủ về bệnh Hàn[22]. Phong từ phương đông bắc đến, được gọi tên là Hung phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Đại trường, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi xương sườn dưới nách và những bộ vị thuộc quan tiết của thượng chi[23]. Phong từ phương đông đến, được gọi tên là Anh nhi phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Can, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi cân hệ, khí của nó chủ về bệnh thân thấp[24]. Phong từ phương đông nam đến, được gọi tên là Nhuộc phong, khi nó làm thương đến con người, bên trong nó sẽ nhập vào để ở tại Vị, bên ngoài nó sẽ lưu lại nơi cơ nhục, khí của nó chủ về bệnh tay chân nặng nề[25]. Trên đây là nói về bát phong, tất cả đều đến từ phương hư khí, vì thế nó mới gây bệnh được nơi con người[26]. Nếu người bị hư nhược, gặp hư niên, rồi lại gặp hư phong, cả 3 loại hư này đều tấn công, chúng sẽ gây ra bạo bệnh và chết 1 cách nhanh chóng bất ngờ[27]. Nếu bệnh chỉ do lương thực mà chỉ có 1 hư, do đó khi nào bị trúng mưa, hoặc bị sương gió ngoài trời thì sẽ thành chứng hàn nhiệt[28]. Khi nào ở vào nơi nhiều mưa mà ẩm thấp, bị bệnh sẽ dễ thành chứng tê liệt[29]. Cho nên bậc thánh nhân tránh phong như tránh những mũi tên, những viên đá vẩy[30]. Khi nào bị cả tam hư mà còn bị trúng bởi phong tà, dễ bị té nhào xuống đất và bán thân bất toại"[31].

### 灵枢—九宫八风第七十七

**太一常以冬至之日，居叶蛰之宫四十六日，明日居天留四十六日，明日居仓门四十六日，明日居阴洛四十五日，明日居天官四十六日，明日居玄委四十六日，明日居仓果四十六日，明日居新洛四十五日，明日复居叶蛰之宫，曰冬至矣。**

**太一日游，以冬至之日，居叶整之宫，数所在，日从一处，至九日，复反于一，常如是无已，终而复始。**

**太一移日，天必应之以风雨，以其日风雨则吉，岁美民安少病矣，先之则多雨，后之则多汗。**

**太一在冬至之日有变，占在君；太一在春分之日有变，占在相；太一在中宫之日有变，占在吏；太一在秋分之日有变，占在将；太一在夏至之日有变，占在百姓。所谓有变者，太一居五官之日，病风折树木，场沙石。各以其所主**

占贵贱，因视风所从来而占之。风从其所居之乡来为实风，主生，长养万物。从其冲后来为虚风，伤人者也，主杀主害者。谨候虚风而避之，故圣人回避虚邪之道，如避矢石然，邪弗能害，此之谓也。

**是故太一入徙立于中宫，乃朝八方风，以占吉凶也。**风从南方来，名曰大弱风，其伤人也，内舍于心，外在于脉，气主热。风从西南方来，名曰谋风，其伤人也，内舍于降，外在于肌，其气主为弱。风从西方来，名曰刚风，其伤人也，内舍于肺。**外在于皮肤，其气主为燥。**风从西北方来，名曰折风，其伤人也，内舍于小肠，外在于手太阳脉，脉绝则溢，脉团则结不通，善暴死。风从北方来，名曰大刚风，其伤人也，内舍于紧，外在于骨与肩背之管筋，其气生为寒也。风从东北方来，名曰凶风，其伤人也，内舍于大肠，外在于两胁腋骨下及肢节。风从东方来，名曰婴儿风，其伤人也，内舍于肝，外在于筋纽，其气主为身湿。风从东南方来，名曰弱风，其伤人也，内舍于胃，外在于肌肉，其气主体重。此八风皆从其虚之乡来，乃能病人。王虚相搏，则为暴病卒死。两实一虚，病则为淋露寒热。犯其雨湿之地，则为展。故圣人避风，如避矢石焉。其有三虚而偏中于邪风，则为击仆偏枯矣。

#### THIÊN 78: CỬU CHÂM LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Ta đã nghe thầy nói về cửu châm, ý nghĩa thật là dồi dào và rộng rãi, nhưng ta vẫn chưa thể lãnh hội được, dám xin hỏi thầy cửu châm được sinh ra như thế nào? Do lý do nào mà mỗi loại đều có những tên gọi riêng?" [1].

Kỳ Bá đáp: "Cửu châm được hình thành do ở sự biến hóa của Âm Dương trong Trời Đất mà thành đại số, con số đó bắt đầu ở nhất mà chấm dứt ở cửu [2]. Cho nên nói rằng: Nhất là nhằm phòng theo Thiên, Nhị nhằm phòng theo Địa, tam phòng theo Nhân, tứ phòng theo Thời, ngũ phòng theo Âm (thanh), lục phòng theo Luật, thất phòng theo Tinh, bát phòng theo Phong, cửu phòng theo Dã" [3].

Hoàng Đế hỏi: "Số kim châm ứng với số 9 như thế nào?" [4].

Kỳ Bá đáp: "Ôi! Bậc thánh nhân bắt đầu được con số hình thành Thiên Địa, đó là từ 1 đến 9, do đó mà phân thành 9 khu vực (Dã), 9 lần 9 là 81, thế là bắt đầu bằng con số Hoàng chung, và cũng từ đó 9 loại kim được xuất hiện để ứng với con số ấy [5].

Nhất thuộc Thiên, Thiên thuộc Dương, trong ngũ tạng thì Phế ứng với Thiên, Phế là nắp đậy của ngũ tạng lục phủ, bì phủ là chỗ hợp của Phế, thuộc vùng Dương phận của con người, vì thế cây kim tạo ra để châm trị, ắt phải đầu to đuôi nhọn, nhằm không cho châm vào sâu, chỉ để cho Dương tà xuất ra mà thôi [6].

Nhị thuộc Địa, Cơ nhục của con người ứng với Thổ, vì thế cây kim tạo ra để châm trị, ắt phải có thân kim thẳng hình trụ, mũi hình bầu tròn, nhằm làm sao để đừng làm thương tổn đến vùng phận nhục, bởi vì làm thương vùng này sẽ làm cho (Tỳ) khí bị kiệt [7].

Tam thuộc Nhân (người), Con người sở dĩ thành người và có sự sống, đó là nhờ ở huyết mạch, vì thế cây kim tạo ra để châm trị, ắt thân kim phải to mà chuôi phải tròn, khiến cho ấn được mạch mà không hãm vào, làm lưu thông và dẫn đạo chính khí, làm cho tà khí phải xuất ra 1 mình [8].

Tứ thuộc Thời, Thời ở đây là nói về tứ thời bát phong ở khách trong kinh lạc, gây thành chứng bệnh lỵ, vì thế cây kim tạo ra để châm trị, thân mình phải thẳng theo hình trụ còn mũi thì phải bén nhọn, khiến cho ta có thể châm tả được nhiệt, xuất huyết, làm cho các bệnh ngoan cổ phải lành [9].

Ngũ thuộc Âm (âm thanh), Âm thanh ở đây là nói đến vùng thuộc mùa đông và mùa hạ, tức là vùng của Tý và Ngọ, Âm và Dương đang ly biệt, Hàn và Nhiệt cùng tranh, 2 khí này cùng đánh nhau, hợp nhau để thành ung và mù, vì thế cây kim tạo ra để châm trị, phải làm sao cho mũi của nó phải nhọn như lưỡi kiếm, có thể châm xuất ra nhiều mù [10].

Lục thuộc Luật, Luật nhằm điều hòa Âm Dương và tứ thời để hợp với 12 kinh mạch, nếu khí huyết không điều hòa, ví như lục luật không điều hòa, hư tà sẽ ở khách nơi kinh lạc để gây thành chứng bạo tý, vì thế cây kim tạo ra để châm trị, đầu ắt phải nhọn như sợi lông, vừa tròn vừa nhọn, thân giữa hơi to, nhằm đuổi được bạo khí [11].

Thất thuộc Tinh, Tinh tượng trưng cho thất khiếu của con người, Khi tà khí ở khách nơi kinh, gây thành chứng thống lý, nó sẽ ở lại nơi kinh lạc, vì thế cây kim tạo ra để châm trị, phải làm sao cho mũi kim nhọn như mũi con muỗi, có thể dùng phép chờ đợi thật yên tĩnh để khí đến chậm, nhẹ nhàng, cho nên có thể lưu kim lâu, chính khí nhờ đó mà dẫn được sung thực (phục hồi), bấy giờ chân khí và tà khí đều chịu tác dụng của cây kim, Khi rút kim ra tà khí sẽ tán và chính khí được phù dưỡng [12].

Bát thuộc Phong, Phong ở đây tượng trưng cho 8 quan tiết thuộc tay chân, Các hư phong xuất ra từ bát chính (8 phương), bát phong này làm thương đến con người, bên trong nó sẽ ở khách lại tại các khớp xương, thất lung, cột sống, quan tiết, tẩu lý để gây



thành chúng tý trong chỗ sâu, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, thân nó phải thật dài, mũi nó phải thật nhọn, có thể đi đến chỗ tà khí ở sâu và chúng tý ở xa để đuổi chúng[13].

Cửu thuộc Dã, Dã ở đây ví với các vùng khớp xương và bì phu, Nếu Dâm tà lưu lại và tràn trong chu thân, nó sẽ như chúng phong thủy, nó sẽ đọng lại khiến cho khí không đi qua được các quan tiết lớn, Vì thế cây kim tạo ra để châm trị, hình như cây côn mũi nhọn, mũi của nó nhỏ tròn, dùng để tả được thủy khí đọng lại nơi các quan tiết"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Sự dài ngắn của kim châm có theo con số tiêu chuẩn nào không?"[15].  
Kỳ Bá đáp: "Thứ nhất: Sàm châm, lấy phép ở cân châm, bỏ mũi đi thì thân kim còn lại là 1 thốn rưỡi, đầu mũi nhọn như mũi tên, cả cây kim dài 1 thốn 6 phân, nó chủ về trị những bệnh ở đầu và thân mình[15].

Thứ nhì: Viên châm, lấy phép ở nữ châm, thân kim hình trụ tròn, mũi như hình quả trứng, dài 1 thốn 6 phân, chủ trị ở vùng phận nhục[16].

Thứ ba: Đề châm, lấy phép ở mũi nhọn của hạt lúa thừ, dài 3 thốn rưỡi, chủ về án lên mạch để lấy được chính khí quay về, và làm cho tà khí phải xuất ra[17].

Thứ tư: Phong châm, lấy theo phép nữ châm, thân kim hình trụ tròn, mũi thật nhọn, dài 1 thốn 6 phân, chủ về chúng ung và nhiệt, châm xuất huyết[18].

Thứ năm: Phi châm, lấy phép ở độ bén nhọn của lưỡi kiếm, rộng 2 phân rưỡi, dài 4 thốn, chủ về châm lấy mủ nhiều, đó là lưỡng nhiệt cùng tranh nhau vậy[19].

Thứ sáu: Viên lợi châm, lấy phép ở ly châm, mũi kim hơi to, nhưng thân lại nhỏ, làm thế để cho dễ châm sâu vào trong, dài 1 thốn 6 phân, chủ về chúng ung và chúng tý[20].

Thứ bảy: Hào châm, lấy phép ở lông hào mao, dài 1 thốn 6 phân, chủ về các chúng Hàn Nhiệt và thông tý ở các lạc mạch[21].

Thứ tám: Trường châm, lấy phép ở kỳ châm, dài 7 thốn, chủ về chúng tý do tà khí vào sâu bên trong[22].

Thứ chín: Đại châm, lấy phép ở Phong châm (giống như kim thứ tư), nhưng mũi nhọn hơi tròn, dài 4 thốn, chủ về chúng thủy thũng ở quan tiết không xuất ra được[23].

Như vậy là hình dáng của các cây kim đã đầy đủ lắm rồi vậy, Đây cũng là phép tạo ra độ lớn nhỏ, dài ngắn của cửu châm vậy"[24].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe nói về thân hình con người ứng với cửu dã như thế nào?"[25].

Kỳ Bá đáp: "Thần xin được nói về thân hình con người ứng với cửu dã: Chân trái ứng với tiết lập xuân, trực nhật của nó là ngày Mậu dần, Kỳ sù[26], Hồng trái ứng với tiết xuân phân, trực nhật của nó là ngày Ất mao[27], Tay trái ứng với tiết lập hạ, trực nhật của nó là ngày Mậu thìn, Kỳ ty[28], Ngực, cổ họng, đầu mặt ứng với tiết hạ chí, trực nhật của nó là ngày Bính ngọ[29], Tay mặt ứng với tiết lập thu, trực nhật của nó là ngày Mậu thân, Kỳ mùi[30], Hồng phải ứng với tiết thu phân, trực nhật của nó là ngày Tân dậu[31], Chân phải ứng với tiết lập đông, trực nhật của nó là ngày Mậu tuất, Kỳ hợi[32], Thất lung, xương cù, nhị âm (tiền và hậu) ứng với tiết đông chí, trực nhật của nó là ngày Nhâm tý[33], Lục phủ, ba tạng bên dưới ứng với trung châu, ngày đại cầm của nó chính là ngày mà Thái nhất đang di hành đến ở tại đó và những ngày thuộc Mậu và Kỷ[34]. Phàm 9 nơi đã nói trên có thể dùng để chờ để biết được khí bát chính đang ở tại đâu[35]. Nếu có những ung thũng nào ứng với bên phải bên trái, bên trên bên dưới mà ta muốn chữa trị, ta không nên trị vào những ngày tương ứng như nói trên bằng cách cho võ mủ trên những ung thũng đó, Ta gọi đó là những nơi thuộc những ngày Thiên kỳ"[36].

Hình thể an nhân mà chí thì khổ não, bệnh sẽ sinh ra ở mạch, phép trị là phải cứu và châm[37]. Hình thể lao khổ mà chí an lạc, bệnh sẽ xảy ra ở cân, phép trị là phải chườm cho nóng để dẫn khí[38]. Hình thể an nhân mà chí cũng vui vẻ, bệnh sẽ xảy ra ở nhục, phép trị là phải châm hoặc biêm (thạch)[39]. Hình thể lao khổ mà chí cũng khổ não, bệnh sẽ xảy ra ở vùng yết hầu, phép trị phải dùng thuốc có vị ngọt để điều dưỡng[40]. Những người bị nhiều lần kinh khủng (sợ quá nhiều), sẽ làm cho cân mạch không thông, bệnh thường làm cho bất nhân (tê không cảm giác đau đớn), phép trị phải dùng phương pháp án ma và uống rượu thuốc[41].

Ngũ tạng khí: Tâm chủ về ợ[42], Phế chủ về ho[43], Can chủ về hay nói[44], Tỳ chủ về nước (hơi chua)[45], Thận chủ về ngáp[46].

Lục phủ khí: Đóm chủ về nổi giận[47], Vị chủ về khí nghịch thành ói[48], Đại trường và Tiểu trường chủ về chứng tiêu chảy[49], Bàn quang không ràng buộc được sẽ làm cho hay đái dầm[50], Hạ tiêu tràn ngập nước ra bì phu thành chứng thủy thũng[51].

Ngũ vị: Vị chua nhập vào Can[52], vị cay nhập vào Phế[53], vị đắng nhập vào Tâm[54], vị ngọt nhập vào Tỳ[55], vị mặn nhập vào Thận[56], vị đạm (nhật) nhập vào Vị, đó gọi là ngũ vị[57].

Ngũ tính: Tinh khí tràn nhập vào Can sẽ làm cho lo lắng[58], tràn nhập vào Tâm sẽ làm cho vui mừng[59], tràn nhập vào Phế sẽ làm cho bi thương[60], tràn nhập vào Thận sẽ làm cho khiếp sợ[61], tràn nhập vào Tỳ sẽ làm cho sợ hãi[62]. Đây gọi là khí của ngũ tính tràn nhập vào tạng vậy[63].

Ngũ ố (ghét): Can ố Phong[64], Tâm ố Nhiệt[65], Phế ố Hàn[66], Thận ố Táo[67], Tỳ ố Thấp, Đây là khí của ngũ tạng có những điều sở ố (ghét) [68].

Ngũ dịch: Tâm chủ về mồ hôi[69], Can chủ về nước mắt[70], Phế chủ về nước mũi[71], Thận chủ về nước dãi[72], Tỳ chủ về nước miếng, Đây là những nơi xuất ra các chất nước nhờn[73].

Ngũ lao : nhìn lâu làm thương đến huyết[74], nằm lâu làm thương đến khí[75], ngồi lâu làm thương đến nhục[76], đứng lâu làm thương đến cốt[77], đi lâu làm thương đến cân, Đây là 5 loại lâu làm thương thành bệnh vậy[78].

Ngũ tẩu (chạy): Vị chua chạy về cân[79], vị cay chạy về khí[80], vị đắng chạy về huyết[81], vị mặn chạy về cốt[82], vị ngọt chạy về nhục, Đây gọi là ngũ tẩu vậy[83].

Ngũ tài (giảm bớt): Bệnh ở tại cân, không nên ăn vị chua[84], Bệnh ở tại khí, không nên ăn vị cay[85], Bệnh ở tại cốt, không nên ăn vị mặn[86], Bệnh ở tại huyết, không nên ăn vị khổ[87], Bệnh ở tại nhục, không nên ăn vị ngọt[88], Cho dù miệng thèm ăn, cũng không nên ăn nhiều, ấy phải tự tiết giảm, đó gọi là ngũ tài[89].

Ngũ phát: Âm bệnh phát ra ở cốt[90], Dương bệnh phát ra ở huyết[91], Âm bệnh phát ra ở nhục[92], Dương bệnh phát ra ở mùa đông[93], Âm bệnh phát ra ở mùa hạ[94].

Ngũ tà : Tà nhập vào Dương sẽ thành bệnh cuồng[95], tà nhập vào Âm sẽ thành chứng huyết tỳ[96], tà nhập vào Dương, chuyển ra thành chứng điên tật[97], Tà nhập vào Âm, chuyển ra thành bệnh câm[98], Dương nhập vào Âm, bệnh xảy ra ở tình trạng tĩnh[99], Âm xuất ra từ Dương, bệnh thường hay nổi giận[100].

Ngũ tàng: Tâm tàng thần[101], Phế tàng phách[102], Tỳ tàng ý[103], Thận tàng tinh, chí[104], Can tàng hồn[105].

Ngũ chủ: Tâm chủ mạch[106], Phế chủ bì[107], Can chủ cân[108], Tỳ chủ cơ nhục[109], Thận chủ cốt[110].

Dương minh nhiều khí huyết[111], Thái dương nhiều huyết ít khí[112], Thiếu dương nhiều khí ít huyết[113], Thái âm nhiều huyết ít khí[114], Quyết âm nhiều huyết ít khí[115], Thiếu âm nhiều khí ít huyết[116]. Cho nên nói rằng: châm Dương minh cho xuất cả huyết lẫn khí[117], châm Thái dương chỉ cho xuất khí mà không nên cho xuất huyết[118], châm Thái âm nên cho xuất huyết không nên cho xuất khí[119], châm Quyết âm nên cho xuất huyết mà không nên cho xuất khí[120], châm Thiếu âm nên cho xuất khí mà không cho xuất huyết[121].

Túc Dương minh và Thái âm cùng làm biểu lý nhau[122], Thiếu dương và Quyết âm cùng làm biểu lý nhau[123], Thái dương và Thiếu âm cùng làm biểu lý nhau[124]. Đây gọi là Âm Dương của Túc (cùng làm biểu lý)[125]. Thủ Dương minh và Thái âm cùng làm biểu lý nhau[126], Thiếu dương và Tâm chủ cùng làm biểu lý nhau[127], Thái dương và Thiếu âm cùng làm biểu lý nhau[128]. Đây gọi là Âm Dương của Thủ (cùng làm biểu lý nhau)" [129].

## 灵枢—九针论第七十八

黄帝曰：余闻九针于夫子，众多博大矣，余犹不能癌，敢问九针焉生？何因而有名？岐伯曰：九针者，天地之大数也，始于一而终于九。故曰：一以法天，二以法地，三以法人，四以法时，五以法音，六以法律，七以法星，八以法风，九以法野。黄帝曰：以针应九之数奈何？岐伯曰：夫圣人之起天地之数也，一而九之，故以立九野，九而九之，九九八十一，以起黄钟数焉，以针应数也。一春天也，天着阳也，五藏之应天者肺，肺者五藏六府之盖也，皮者肺之合也，人之阳也。故为之治针，必以大其头而锐其末，今无得深入而阳气出。194二者地也，人之所以应立着肉也。故为之治针，必将其身而员其末，令无得伤肉分，伤则气得竭。三者人也，人之所以成生者血脉也。故为之治针，必大其身而员其末，令可以按脉勿陷，以致其气，令邪气独出。四者时也，时者，四时八风之客于经络之中，为瘤病者也。故为之治针，必第其身而锋其末，令可以泻热出血，而病病竭。五者音也，音者冬夏之分，分子子午，阴与阳

别，寒与热争，两气相搏，合为痈脓者也。故为之治针，必令其未如剑锋，可以取大脓。六者律也，律者，调阴阳四时而合十二经脉，虚邪客于经络而为暴痹者也。故为之治针，必令尖如鸞，且员且锐，中身微大，以取暴气七者星也，星者人之七窍，邪之所客于经，而为痛痹，舍于经络者也。故为之治针，令尖如蚊虹晚静以徐往，微以久留，正气因之，真邪俱往，出针而养者也。八者风也，风者人之股肱八节也，八正之虚风，八风伤人，内舍于骨解腰脊节腠理之间，为深痹也。敢为之治针，必长其身，锋其末，可以取深邪远痹。九者野也，野者人之节解皮肤之间也，淫邪流溢于身，如风水之状，而溜不能过于机关大节者也。故为之治针，分尖如挺，其锋微员，以取大气之不能过于关节者也。黄帝曰：针之长短有数乎？岐伯曰：一曰握针者，取法于巾针，去求寸半，牢锐之，长一寸六分，主热在头身也。二曰局针，取法于絮针，第其身而卵<sup>①</sup>其锋，长一寸六分，主治分间气。三曰提针，取法于黍粟之锐，长三寸半，主按脉取气，个邪出。四曰锋针，取法于絮针，离其身，锋其末，长一寸六分，主痛热出血。五日彼针，取法于剑锋，广二分半，长四寸，主大痈脓，两热争者也。六曰员利针，取法于碧，针微大其末，反小其身，今可深内也，长一寸六分，主取痛痹者也。七日毫针，取法于毫毛。长一寸六分，主寒热痛痹在络者也。八曰长针，取法于接种，长七寸，主取深邪远痹者也。九曰大针，取法于锋针，其锋微员，长四寸，主取大气不出关节者。针形毕矣，此九针大小长短法也。黄帝曰：愿闻身形应九野奈何？岐伯曰：请言身形之应九野也，左足应立春，其日戊寅己<sup>②</sup>丑。左肋应春分，其日乙卯。左手应立夏，其日戊辰己巳。膺喉首头应夏至，其日丙午。右手应立秋，其日戊申己未。右肋应秋分，其日辛酉。右足应立冬，其日戊戌己亥。腰尻下窍应冬至，其日壬子。六府陷下三藏应中州，其大禁，大禁太一所在之日及诸戊己。凡此九者，善候八正所在之处，所主左右上下身体有痛肿者，欲治之，无以其所直之日渍治之，是谓天忌日也。①卯：原作“卯”，据“九针十二原”及《太素·九针所主》杨注改。②己：原误作“巳”。下同。195

形乐志苦，病生于脉，治之以灸制。形苦志乐，病生于筋，治之以熨引。形乐志乐，病生于肉，治之以针石。形苦志芳，病生于咽喝，治之以甘药。形数惊恐，筋脉不通，病生于不仁，治之以按摩醒药。是调形。五藏气：心主隐，肺主咳，肝主语，脾主吞，肾主欠。六府气：胆为怒，胃为气逆哕，大肠小肠为泄，膀胱不约为遗溺，下焦溢为水。五味：酸入肝，辛入肺，苦入心，甘入脾，咸入肾，淡入胃，是谓五味。五并：精气并肝则忧，并心则喜，并肺则悲；并肾则恐，并脾则畏，是谓五精之气并于藏也。五恶：肝恶风，心恶热，肺恶寒，肾恶燥，脾恶湿，此五藏气所恶也。五液：心主汗，肝主泣，肺主涕，肾主唾，脾主涎，此五液所出也。五劳：久视伤血，久卧伤气，久坐伤肉，久立伤骨，久行伤筋，此五久劳所病也。五走：酸走筋，辛走气，苦走血，咸走骨，甘走肉，是谓五走也。五裁：病在筋，无食酸；病在气，无食辛；病在骨，无食成病在血，无食苦；病在肉，无食甘。口嗜而欲食之，不可多也，必自我也，命回五裁。五发：明病发于骨，阳病发于血，以味发于气，阳病发于各，阴病发于夏。五邪：邪人于阳，则为狂；邪人于阴，则为血痹挪入于阳，转则为癫疾；邪入于阴，转则为暗；阳人之于阴，病静；明出之于阳，病喜怒。五藏：心藏神，肺藏魄，肝藏魂，脾藏意，肾藏精志也。五主：心主脉，肺主皮，肝主筋，脾主肌，肾主骨。阳明多血多气，太阳多血少气，少阳多气少血，太阴多血少气，厥阴多血少气，少阴多气少血。故曰刺阳明出血气，刺太阳出血恶气，刺少阳出气恶血，刺太阴出血恶气，刺厥阴出血恶气，刺少阴出气恶血也。足阳明太明为表里，少阳厥阻为表里，太阳少明为表里，是谓足之阴阳也。手阳明太阳为表里，少阴心主为表里，太阳少阴为表里，是谓手之阴阳也。

#### THIÊN 79: TUẾ LỘ LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Kinh nói rằng: Mùa hạ bị thương bởi thủ khí thì mùa thu bị bệnh sốt rét, bệnh sốt rét lại xảy ra có những mốc thời gian nhất định, nguyên nhân nào đã gây ra như thế?" [1].

Kỳ Bá đáp: "Tà khí tấn công vào huyết Phong Phủ, bệnh sẽ đi dọc theo 2 thân thịt cột sống để đi xuống dưới, trong lúc đó, vệ khí cứ 1 ngày và 1 đêm thường đại hội nhau tại huyết Phong Phủ[2]. Ngày hôm sau, cứ mỗi ngày nó lại đi xuống 1 tiết (đốt xương), vì thế bệnh xảy ra mỗi ngày một trễ hơn[3]. Đó chính vì tà khí đã tấn công trước hết vào vùng cột sống và vùng lưng vậy[4]. Mỗi lần vệ khí vận hành đến huyết Phong Phủ thì tẩu lý sẽ mở ra, khi mà tẩu lý mở ra thì tà khí sẽ nhập vào, khi tà khí nhập vào thì bệnh phát tác, đó cũng là lý do tại sao bệnh lại mỗi ngày mỗi xảy ra trễ hơn[5]. Vệ khí vận hành ở Phong Phủ, mỗi ngày đi xuống 1 tiết, 21 ngày, nó sẽ đi xuống đến đốt xương cùng, ngày thứ 22, nó nhập vào bên trong cột sống, rót vào mạch Phục xung, thế rồi nó lại theo con đường của mạch trên để quay trở lên trên, nó đi như vậy được 9 ngày thì nó sẽ xuất ra ở giữa Khuyết bồn[6]. Bởi vì khí mỗi ngày mỗi đi lên, vì thế bệnh xảy ra mỗi ngày mỗi sớm hơn[7]. Nếu tà khí đi vào đến ngũ tạng để đánh nhau, nó sẽ đi ngang qua vùng mộ và nguyên, con đường đi của nó xa xôi, khí của nó vào sâu, sự vận hành của nó chậm trễ, vì thế nó không thể xảy ra bệnh mỗi ngày, do đó mà qua ngày hôm sau mới tập trung lại phát tác"[8].

Hoàng Đế hỏi: "Mỗi lần vệ khí đến Phong Phủ thì tấu lý mới mở ra, tấu lý mở ra thì tà khí mới nhập vào, Vệ khí mỗi ngày đi xuống 1 tiết, như vậy tà khí và vệ khí gặp nhau sẽ không ăn khớp với nhau ở huyết Phong Phủ nữa, thế là thế nào?"[9].

Kỳ Bá đáp: "Nơi mà Phong tà nhập vào không nhất định là phải ở bộ vị nào, chỉ cần vệ khí đi đến nơi nào mà nơi đó có tà khí trúng vào thì tấu lý ắt sẽ mở ra[10]. Chỉ cần biết nơi nào mà tà khí tấn công vào thì nó sẽ là nơi phát bệnh"[11].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy! Phong tà và bệnh sốt rét cùng đồng loại và có quan hệ hỗ tương nhau, nhưng Phong thì gây bệnh liên tục (không gián đoạn), trong lúc đó thì chúng sốt rét lại phát ra và ngưng lại theo một chu kỳ nhất định, tại sao vậy?"[12].

Kỳ Bá đáp: "Khí của Phong tà gây bệnh thì giữ nguyên nơi đã xảy ra, nhưng chúng sốt rét thì lại đi theo với kinh lạc, nó có thể đi sâu vào trong để đánh nhau với nội tạng, vì thế khi nào vệ khí vận hành đến nơi ở của tà khí của sốt rét để ứng với nhau thì bệnh mới xảy ra"[13].

Hoàng Đế nói: "Đúng vậy!"[14].

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói tứ thời bát phong trúng vào người, gây ra hàn thử khác nhau[15]. Khí hàn thì bì phu bị cấp mà tấu lý đóng lại, khí thử thì bì phu bị hoãn ra mà tấu lý mở ra, Tặc phong tà khí phải nhân có hàn thử mới nhập vào được con người ư?"[16].

Thiếu Su đáp: "Không thế! Tặc phong tà khí trúng vào người, không đợi thời gian nào cả, nó chỉ thừa lúc tấu lý bị khai để rồi tấn công vào, khi nó vào thì vào thật sâu, hoặc có khi trúng vào nội tạng để gây bệnh, sự gây bệnh này thật nhanh và bạo[17]. Còn khi nào tấu lý đang bế thì nó vào cạn, khi gây bệnh cũng chậm"[18].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người thích ứng được với sự thay đổi của hàn và ôn, tấu lý của họ cũng không mở ra, vậy mà họ cũng bị bệnh 1 cách đột ngột, nguyên nhân nào đã gây nên như thế?"[19].

Thiếu Su đáp: "Nhà vua không biết tại sao tà khí xâm nhập vào con người ư? Tuy thấy con người sống 1 cách bình thường nhưng tấu lý lúc nào mở ra hay đóng vào, bì phu lúc nào căng thẳng hay hoãn ra (đều có ảnh hưởng mật thiết đến thời tiết), vì thế sự gây bệnh thường liên hệ đến thời tiết"[20].

Hoàng Đế hỏi: "Ta có thể nghe cho tường tận không?"[21].

Thiếu Su đáp: "Con người cùng tham vào với Trời Đất, cùng ứng với nhật nguyệt, Vì thế khi mặt trăng đầy lên thì nước biển cũng thịnh lên ở phương tây, huyết khí của con người tinh thực, cơ nhục sung thực, bì phu kín đáo hơn, lông và tóc cứng hơn, tấu lý đóng lại, chất nhờn bám chắc vào da, Lúc bấy giờ tuy có gặp tặc phong, nó cũng vào chỗ cạn chứ không thể sâu được[22]. Đến lúc trăng bị khuyết rỗng thì nước biển sẽ thịnh lên ở phương đông, huyết khí của con người sẽ bị hư, vệ khí hao tán, hình thể tuy còn đó nhưng cơ nhục bị suy giảm, bì phu bị rời lỏng, tấu lý bị mở ra, lông và tóc bị héo tàn, nét nhăn của tấu lý bị thua, chất nhờn bị loãng, lúc bấy giờ nếu gặp phải tặc phong, nó sẽ đi sâu vào hơn, nó sẽ gây bệnh nơi con người nhanh bạo hơn"[23].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người đột nhiên bị chết thình lình và bạo, hoặc đột nhiên bị bệnh thình lình và bạo, Tại sao thế?"[24].

Thiếu Su đáp: "Những người nào phải khí của tam hu, họ sẽ bị chết 1 cách bạo và nhanh, còn nếu họ gặp khí của tam thực, thì tà khí không thể làm thương tổn đến họ được"[25].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe giải thích về tam hu?"[26].

Thiếu Su đáp: "Nhân lúc hu niên (tuế khí thái quá), gặp lúc trăng đầy, gặp lúc thời được hòa, tuy có gặp phải tặc phong tà khí cũng không nguy hiểm"[27].

Hoàng Đế nói: "Thật là 1 lập luận rất hay! Thật là 1 đạo lý rất hay! Ta xin được đem lập luận này để cất giữ trong hộp Kim quỹ gọi là tam thực, Tất nhiên, đây chính là lập luận độc đáo của riêng Thầy"[28].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe giải thích tại sao trong cùng 1 năm, có những người cùng bị bệnh giống nhau, nguyên nhân nào đã gây nên như vậy?"[29].

Thiếu Su đáp: "Đó là chúng biểu hiện (hậu) của tứ thời bát tiết"[30].

Hoàng Đế hỏi: "Sự biểu hiện (hậu) đó như thế nào?"[31].

Thiếu su đáp: "Sự biểu hiện này, thông thường ta có thể dựa vào ngày đông chí để biết Thái nhất đang ở vị trí của cung Hiệp trập[32]. Khi nó đến, Thiên sẽ ứng theo để có gió có mưa[33]. Nếu gió mưa đó đến từ phương nam, đó là hu phong, làm thương đến con người 1 cách dữ dội[34]. Nếu nó đến vào lúc nửa đêm, lúc bấy giờ vạn dân đều đang ngủ

do đó nó không thể phạm đến được, vì thế năm đó dân ít bệnh[35]. Nếu gió mưa đến vào lúc ban ngày, người dân lười, ít phòng bị, vì thế dễ bị trúng bởi hư phong, vì thế vạn dân bị bệnh nhiều hơn[36]. Khi hư tà nhập vào và ở khách nơi cốt mà không phát ra ngoài, đợi đến tiết lập xuân, khi Dương khí đại phát, tấu lý mở ra, rồi lại cùng ngày của tiết lập xuân, gió lại đến từ phương tây, thế là vạn dân phải trúng bởi hư phong[37]. Thế là 2 tà, phục tà và tà khí mới cùng đánh nhau, làm cho tà khí núp trong kinh mạch thay đổi thành bệnh tà[38]. Vì thế trong 1 năm nào đó, người dân gặp phải gió từ các phương, gặp phải mưa từ các hướng ta gọi đó là gặp phải Tuế Lộ[39]. Nếu năm nào gặp được khí hậu điều hòa, ít có tặc phong, người dân ít bệnh và ít chết[40]. Còn nếu năm nào gặp phải tặc phong tà khí, Hàn ôn bất hòa, người dân sẽ bệnh nhiều và phải chết !"[41].

Hoàng Đế hỏi: "Phong của hư tà, làm thương đến con người, bệnh nặng nhẹ, ít nhiều như thế nào? Biểu hiện ra như thế nào?"[42].

Thiếu Su đáp: "Ngày mồng 1 tháng giêng, Thái nhất ở tại cung Thiên lưu, ngày ấy nếu có gió từ phương tây bắc, không mưa, người dân sẽ bị chết nhiều[43]. Ngày mồng một tháng giêng, nếu sáng sớm có gió từ phương bắc, mùa xuân năm ấy người dân sẽ bị những bệnh nặng có thể chết nhiều[44]. Ngày mồng một tháng giêng, nếu sáng sớm có gió phương bắc thổi qua, người dân sẽ bị bệnh nhiều nhất là ba trên mười người[45]. Ngày mồng một tháng giêng, nếu giữa trưa mà có gió từ phương bắc, mùa hè năm ấy, người dân sẽ chết nhiều[46]. Ngày mồng một tháng giêng, buổi chiều tối mà có gió từ phương bắc, mùa thu năm ấy người dân sẽ chết nhiều[47]. Nếu cả ngày mà có gió từ phương bắc sẽ có nhiều người bị bệnh nặng, mười người chết sáu[48].

Ngày mồng một tháng giêng, gió từ phương nam đến gọi tên là Hạp hương, gió từ phương tây đến gọi là Bạch cốt, sẽ có tai ương cho cả nước, người ta chết nhiều[49]. Ngày mồng một tháng giêng gió từ phương đông đến làm lung lay nhà cửa, làm cát bay đá chạy, cả nước sẽ có tai ương[50]. Ngày mồng một tháng giêng, gió từ phương đông nam đến, mùa xuân năm ấy cũng sẽ có tử vong[51]. Ngày mồng một tháng giêng, nếu khí hậu ôn hòa, không nổi gió, mùa màng trúng, lúa gạo rẻ, dân không bệnh, nếu ngày ấy trời lạnh mà nổi gió, mùa màng thất, lúa gạo giá cao, người dân bệnh nhiều[52]. Trên là những biểu hiện của gió trong một năm, có thể báo hiệu hư tà làm thương, làm bệnh đến con người vậy[53].

Ngày sừ của tháng hai, nếu không nổi gió, người ta sẽ bị nhiều bệnh về Tâm và bụng[54]. Ngày Tuất của tháng ba, nếu trời không âm, người ta sẽ bị bệnh Hàn Nhiệt nhiều ngày[55]. Ngày Tỵ của tháng tư, tiết trời không nóng, người dân bị bệnh đơn nhiệt[56]. Ngày thân của tháng mười, trời không lạnh, người dân bị bạo tử nhiều[57]. Những trường hợp vừa kể trên về các loại Phong xảy ra trong nhiều ngày tháng trong năm, như lung lay nhà cửa, làm gãy cây cối, làm cát bay đá chạy, làm nổi lông mao, làm khai tấu lý, đều thuộc những loại tà phong dị thường"[58].

## 灵枢一岁露论第七十九

黄帝问于岐伯曰：经言夏日伤暑，秋病疟，疟之发以时，其故何也？岐伯对曰：邪客于风府，病循苦而下，卫气一日一夜，常大会于风府，其明日日下一节，故其日作晏。此其先客于脊背也，故每至于风府则股理开，股理开则邪气入，邪气入则病作，此所以日作尚晏也。卫气之行风府，日下一节，二十一日下至尾底，二十二日入脊内，注于伏冲之脉，其行九比出于缺盆之中，其气上行，故其病稍益至。其内搏于五藏，横连募原，其道远，其气深，其行迟，不能日作，故次日乃搞积而作焉。黄帝曰：卫气每至于风府，胜理乃发，发则邪入焉。其卫气日下一节，则不当风府奈何？岐伯曰：风府无常，卫气之所应，必开其股理，气之所舍节，则其府也。196黄帝曰：善。夫风之与疟也，相与同类，而风常在，而疟特以时休何也？岐伯曰：风气留其处，疟气随经络况以内搏，故卫气应乃作也。帝曰：善。黄帝问于少师曰：余闻四时八风之中人也，故有寒暑，寒则皮肤急而腠理闭，暑则皮肤缓而腠理开。贼风邪气，因得以入乎？将必须八正虚邪，乃能伤人乎？少师答曰：不然。贼风邪气之中人也，不得以时。然必因其开也，其人深，其内极病，其病人也卒暴；因其团也，其入浅以留，其病也徐以迟。黄帝曰：有寒温和适，胜理不开，然有卒病者，其故何也？少师答曰：帝弗知邪人乎？虽平居，其股理开阔缓急，其故常有时也。黄帝曰：可得闻乎？少师曰：人与天地相参也，与日月相应也。故月满则海水西盛，人血气积；肌肉充，皮肤致，毛发坚，腠理乱烟垢著。当是之时，虽遇贼风，其入浅不深。至其月郭空，则海水东盛，人气血虚，其卫气去，形独居，肌肉减，皮肤纵，腠理开，毛发残，腠理薄，烟垢落。当是之时，遇贼风则其入深，其病人也卒暴。黄帝曰：其有卒然暴死暴病者何也？少师答曰：三虚者，其死暴疾也；得三实者，邪不能伤人也。黄帝曰：愿闻王虚。少师曰：乘年之衰，逢月之空，失时之和，因为贼风所伤，是谓三虚。放论不知三虚，工反为粗。帝曰：愿闻三实。少师曰：逢年之盛，遇月之满，得时之和，虽

有贼风邪气，不能危之也。黄帝曰：善乎哉论！明乎哉道！请藏之金匱，命回三实，然此一夫之论也。黄帝曰：愿闻岁之所以皆同病者，何因而然？少师回：此八正之候也。黄帝曰：峰之奈何？少师回：候此者，常以冬至之日，太一立于叶蛰之宫，其至也，天必应之以风雨者矣。风雨从南方来者，为虚风，贼伤人者也。其以夜半至也，万民皆卧而弗犯也，故其岁民少①病。其以置至者，万民懈情而皆中于虚风，故万民多病。虚邪入客于骨而不发于外，至其立春，阳气大发，股理开，因立春之日，风从西方来，万民又告中于虚风，此两邪相搏，经气给代者矣。故诸逢其风而遇其雨者，命曰遇岁露焉。因岁之和，而少贼风者，民少病而少死；岁多贼风邪气，寒温不和，则民多病而死矣。黄帝曰：虚邪之风，其所伤贵贱何如？峰之奈何？少师答曰：正月朔日，太一届天留之宫，其日西北风，不雨，人多死矣。正月朔日，平日北风，春，民多死。正月朔日，平县北风行，民病多者，十有三世。正月朔日，日中北风，夏，民多死。正月朔日，夕时北风，秋，民多死。终日北风，大病死者十有六。正月朔日，风从南方来，命曰早乡，从西方来，命曰白骨，将国有殃，人多死亡。正月朔日，风从东方来，发屋，扬抄石，国有大灾也。正月朔日，风从东南方行，春有死亡。正月朔，天和②温不风，采贱，民不病；天寒而风，采贵，民多病。此所谓候岁之风，城伤人者也。二月丑①少：原作“小”，据《甲乙经》、《大秦》改。②和：原作“利”，据《牌经》、《从索》改。197不风，民多心腹病。三月成不温，民多寒热。四月巳不暑，民多疼病。十月申不寒，民多暴死。诸所谓风者，皆发屋，折树木，扬沙石，起毫毛，发膜理者也。

#### THIÊN 80: ĐẠI HOẶC LUẬN

Hoàng Đế hỏi: "Ta từng leo lên trên 1 cái đài cao mát và lạnh, khi lên đến nửa chừng của các bậc thang, ta liền nhìn xem 4 phía, xong rồi mới bò dần lên phía trước, lúc bấy giờ ta tự cảm thấy thần hồn hoảng hốt, mắt hoa choáng váng lên, Ta thậm lấy làm kỳ lạ, ta tự nhắm mắt lại, rồi lại mở mắt ra, ta cố an Tâm định khí, lâu lắm vẫn chưa trở lại trạng thái bình thường; Khi lên đến trên đài rồi ta lại tiếp tục nhìn khắp bốn phương để rồi lại thấy choáng váng, Ta bèn bới vén lại tóc, quỳ xuống trên đài, ta nhìn thẳng xuống phía dưới, sau 1 thời gian thật lâu, sự choáng váng vẫn chưa chấm dứt, Thành linh, tình trạng choáng váng lại bớt và không còn nữa, Khí gì đã khiến như thế?" [1].

Kỳ Bá đáp: "Khí của ngũ tạng lục phủ đều lên trên để rót vào mắt và thành tinh khí, hồ sâu chứa tinh gọi là nhân, tinh khí ở cốt tạo thành đồng tử, tinh khí của gân tạo thành tròng mắt đen, tinh khí của huyết đóng vai lạc với hồ mắt, tinh khí của mắt tạo thành tròng trắng mắt, tinh khí của cơ nhục tạo thành nhân bào, tinh khí bao trùm cả gân cốt huyết khí hợp với các lạc mạch tạo thành mục hệ[2]. Tinh khí này bên trên nó thuộc vào não, phía sau nó xuất ra ở cổ gáy, vì thế khi tà khí trúng vào cổ gáy, đúng lúc thân mình bị hư nhược, Tà khí sẽ nhập vào sâu hơn, nó sẽ đi theo nhân hệ để vào đến não[3]. Khi nó nhập vào não nó sẽ làm cho não bị chuyển, não bị chuyển sẽ làm cho mục hệ bị căng cấp, mục hệ bị căng cấp sẽ làm cho mắt choáng váng và quay cuồng[4]. Khi tà khí trúng vào tinh của mắt thì tinh không còn hòa điệu với ngũ tạng lục phủ nữa, do vậy mà tinh bị hao tán, Khi tinh bị hao tán thì xảy ra hiện tượng thị kỳ, thị kỳ có nghĩa là thấy một vật thành hai[5].

Mắt là nơi nhận tinh khí của ngũ tạng lục phủ, là nơi thường doanh của doanh vệ, hồn phách, là nơi sinh ra thần khí vậy, Vv thế khi mà thần khí bị lao thì hồn phách bị tán, chí ý bị loạn[6]. Vì thế đồng tử và tròng đen mắt được lấy phép ở Âm, tròng trắng và các mạch máu đỏ được lấy phép ở Dương[7]. Vì thế khi nào Âm Dương hợp nhau để chuyển rót lên mắt thì tinh khí được sáng vậy[8]. Mắt là sứ giả của Tâm, Tâm là chỗ ở của thần, vì thế khi nào thần và tinh bị loạn thì nó không thể chuyển để rót tinh khí lên mắt được[9]. Khi lên cao, thành linh bị thấy những hình ảnh kỳ lạ, đó là do tinh, thần, hồn, phách bị tán, không còn hợp nhau được nữa, vì thế mà gây ra sự choáng váng vậy" [10].

Hoàng Đế hỏi: "Ta có vẻ hoài nghi những lời giải thích của Thầy, vì có lần Ta đi lên đài đồng uyển, và sau đó mỗi lần Ta đến và lên cao ở đó, không có lần nào mà ta không bị choáng váng, khi ta rời nó thì trở lại trạng thái bình thường, chả lẽ mỗi lần ta đến đồng uyển thì ta lại bị lao thần hay sao? Tại sao lại có những tình huống khác nhau kỳ lạ như thế?" [11].

Kỳ Bá đáp: "Không phải thế! Tâm có cái thích của nó thì thần có cái ghét của nó, những yêu và ghét này trong 1 lúc gặp nhau sẽ làm cho tinh bị loạn, mắt bị mê không còn phân biệt để nhìn rõ nữa, đưa đến tình huống bị hoặc (thần bị choáng váng) [12]. Khi nào rời khỏi nơi đó thì thần sẽ quay về như cũ, khôi phục trạng thái bình thường... Vì thế, tình huống trên xảy ra nhẹ thì bị mê, nặng hơn sẽ gọi là hoặc" [13]. Hoàng Đế hỏi: "Có những người hay quên, khí nào đã khiến như thế?" [14].

Kỳ Bá đáp : "Đó là do thượng khí bất túc, và hạ khí thì hữu dư, đó là trường vị thực, còn Tâm và Phế thì hữu dư[15]. (Tâm Phế) hư cho nên khí doanh vệ lưu lại ở dưới, lâu ngày không lên trên đúng với lúc phải lên, vì thế mà thường hay quên"[16].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người bệnh mà không nằm yên được (mất ngủ) khi nào đã khiến như thế ?"[17].

Kỳ Bá đáp : "Vệ khí không nhập vào được Âm phận, mà thường lưu lại nơi Dương phận[18]. Khi mà nó lưu lại ở Dương thì Dương phận sẽ bị đầy[19]. Dương phận bị đầy thì làm cho mạch Dương Kiểu thịnh[20], nếu vệ khí không nhập vào được Âm phận thì Âm khí sẽ bị hư, làm cho mắt không nhắm lại được để ngủ"[21].

Hoàng Đế hỏi: "Có những bệnh cứ khiến người ta phải nhắm mắt lại không muốn nhìn ngoại vật, khi nào đã khiến như thế ?"[22].

Kỳ Bá đáp : "Vệ khí lưu lại ở Âm phận mà không vận hành đến được nơi Dương phận, nếu vệ khí lưu lại ở Âm phận, thì Âm khí sẽ bị thịnh. Âm khí thịnh thì mạch Âm Kiểu đầy, nếu vệ khí không nhập được vào Dương phận thì Dương khí sẽ bị hư, vì thế mắt cứ phải nhắm lại (không muốn nhìn ngoại vật)[23].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người bệnh mà cứ thích nằm để ngủ, khi nào đã khiến như thế ?"[24].

Kỳ Bá đáp : "Đây là những người mà Trường Vị to mà bì phu thì sáp trệ (rít), vùng phận nhục không trơn nhuận, Do vì Trường Vị to cho nên vệ khí mới lưu lại lâu, do vì bì phu sáp trệ, vùng phận nhục không trơn nhuận, cho nên vệ khí vận hành chậm[25]. Ôi ! Vệ khí ban ngày thường vận hành ở Dương phận, ban đêm thì vận hành ở Âm phận, vì thế lúc mà Dương khí sắp hết thì con người đi nằm ngủ, lúc mà Âm khí sắp hết thì mọi người phải thức dậy[26]. Vì thế nếu người nào mà Trường Vị to thì vệ khí vận hành phải lưu lại lâu hơn, nếu bì phu sáp trệ, vùng phận nhục không trơn nhuận thì vệ khí sẽ vận hành chậm[27]. Khi vệ khí phải lưu lại lâu hơn ở vùng Âm phận, khí này sẽ không còn vận hành 1 cách chính thường nữa, vì thế người đó chỉ muốn nhắm mắt lại để ngủ, muốn nằm nhiều để ngủ[28]. Khi nào Trường Vị nhỏ, bì phu trơn nhuận, hòa hoãn, vùng phận nhục thông sướng, vệ khí lưu lại ở vùng Dương phận sẽ lâu hơn, vì thế người ấy ít ngủ hơn"[29].

Hoàng Đế hỏi: "Có những người không phải thường ngày hay buồn ngủ, nhưng đột nhiên lại thích nằm để ngủ, khi gì đã khiến như thế ?"[30].

Kỳ Bá đáp : "Tà khí lưu lại nơi Thượng tiêu, Thượng tiêu bị bế nên không thông, ngoài ra, sau khi ăn no, lại uống thêm nước canh nóng, vệ khí sẽ lưu lại ở Âm phận mà không vận hành đến vùng Dương phận nữa, vì thế mà họ thích ngủ 1 cách đột ngột"[31].

Hoàng Đế hỏi: "Đúng vậy thay ! Phép trị các loại tà khí ấy phải thế nào ?"[32].

Kỳ Bá đáp : "Trước hết ta phải điều hòa phục hồi công năng của ngũ tạng lục phủ, sau đó mới tiêu trừ những loại nhẹ ấy đi, tiếp theo là điều hòa khí doanh vệ, tà khí thịnh thì dùng phép tả, tà khí hư thì dùng phép bổ, dù sao trước mắt, ta phải nắm cho được tình huống khổ hay vui của hình, của chí của người bệnh, nắm rõ rồi, sau đó mới áp dụng phép trị"[33].

## 灵枢—大惑论第八十

黄帝问于岐伯曰：余尝立于清持之台，中阶而顾，匍匐而前则惑。余私异之，窃内怪之，独瞑独视，安心定气，久而不解。独博独眩，报发长跪，俯而视之，后久之不已也。卒然自上，何气使然？岐伯对曰：五藏六府之精气，皆上注于目而为之精。精之案为眼，骨之精为瞳子，筋之精为黑眼，血之精力络，其案气之精为白眼，肌肉之精为约束，裹撷筋骨血气之精而与脉并为系，上属于脑，后出于项中。故邪中于项，因逢其身之虚，其人深，则随眼系以入于脑，入手眇则脑转，脑转则引日系急，日系急则目眩以转矣。邪其精，其精所中不相比也则精散，精散则视岐，视岐见两物。目者，五藏六府之精也，营卫魂魄之所常营也，神气之所生也。故神劳则魂魄散，志意乱。是故睦子黑眼法于阴，白眼赤脉法于阳也，故阴阳合传而精明也。目者，心使也，心者，神之舍也，教神精乱而不转，卒然见非常处，精神魂魄，散不相得，故曰惑也。黄帝曰：余疑其然。余每之东苑，未曾不惑，去之则复，余唯独为东苑劳神乎？何其异也？妨伯曰：不然也。心有所喜，神有所恶，卒然相惑，则精气乱，视误故惑，神移乃复。是故问者为迷，甚者为惑。黄帝曰：人之善忘者，问气使然？岐伯曰：上气不足，下气有余，肠胃实而心肺虚，虚则营卫留于下，久之不以时上，故善忘也。黄帝曰：人之善饥而不嗜食者，何气使然？岐伯曰：精气并于脾，热气留于胃，胃热则消谷，谷消故善饥。胃气逆上，则胃院寒，故不嗜食也。黄帝曰：病而不得卧着，何气使然？岐伯曰：卫气不得入于阴，常留于阳。留于阳则阳气满，阳气满则阳跃盛，不得入于阴则阴气虚，故目不瞑也。黄帝曰：病目而不得观者，何气使然？岐伯曰：卫气留于阴，不得行于阳。留于附则阴气盛，阴气盛则阴颌满，不得入于阳则阳气虚，故目闭也。黄帝曰：人之多卧者，何气使然？岐伯曰：此人肠胃大而皮肤湿，而分肉不解焉。肠胃大则卫气留久，皮肤湿则分肉不解

，其行迟。夫卫气者，昼日常行于阳，夜行于阴，故阳气尽则卧，阴气尽则新故肠胃大，则卫气行留久；皮肤湿，分肉不解，则行迟。留于阴也久，其气不清，则欲瞑，故多卧矣。其肠胃小，皮肤滑以缓，分肉解利，卫气之留于阳也久，故少瞑焉。黄帝曰：其非常经也，卒然多卧者，何气使然？岐伯曰：邪气留于上礁，上礁闭而不通，已食若饮汤，卫气留久于阴而不行，故卒然多卧焉。黄帝曰：善。治此诸邪奈何？岐伯曰：尤其藏府，诛其小过，后调其气，盛者泻之，虚者补之，必先明知其形志之苦乐，定乃取之。

#### THIÊN 81: UNG THU

Hoàng Đế hỏi: "Ta nghe nói Trường Vị đón nhận cốc khí[1]. Thượng tiêu làm xuất ra vệ khí, nhằm làm ấm vùng phận nhục, làm nuôi dưỡng các cốt tiết, làm thông tấu lý[2]. Trung tiêu làm xuất doanh khí như mưa móc, lên trên nó rót vào các vùng khô cốc, thấm nhập vào các khổng mạch, làm cho tân dịch được hòa điệu, rồi biến hóa thành màu đỏ để được huyết[3]. Khi huyết được hòa thì các khổng mạch trước hết bị đầy và tràn để rồi từ đó rót vào các lạc mạch, lạc mạch đã đầy, nó lại rót vào các kinh mạch, thế là huyết khí, Âm Dương đều được sung túc, nó sẽ theo con đường hô hấp để vận hành toàn chu thân[4]. Sự vận hành đều có độ số, vòng vận hành tròn cũng có con đường riêng của nó, tất cả đều hợp và đồng với sự vận hành của Thiên đạo, không bao giờ ngừng nghỉ[5]. Muốn điều hòa ta phải chặn mạch, ta phải theo đúng để trừ cái hư tà, theo đúng để đuổi cái thực tà, bởi vì nếu không cẩn thận, ta dùng tả pháp 1 cách quá độ sẽ làm tổn thương đến nguyên khí, còn nếu đợi đúng lúc tà khí đến, ta dùng phép tả 1 cách nhanh chóng thì có thể làm suy giảm khí thể của tà khí, còn nếu ta dùng phép lưu kim lâu mà không biết gì đến phép tả đúng thời mà tà khí đến, thì bệnh tình trước sau vẫn như nhau không thuyên giảm được[6]. Ta cũng có thể dùng phương pháp làm cho chính khí sung thực để nó tiêu trừ được tà khí hư nhược, nhưng trường hợp bệnh tà chưa hết hẳn, nếu ta dùng phép bổ thái quá, sẽ có thể trợ thêm cho khí thể của tà khí[7]. Mục đích chính của bổ tả là nhằm làm cho huyết khí được điều hòa, nhờ đó mà hình và khí mới giữ vững được sự sống chính thường của mình[8]. Ta đã biết rõ tình huống huyết khí bình hay không bình, nhưng ta chưa biết được chúng UNG THU sinh ra từ đâu, sự hình thành hoặc ác hóa, sự sống còn hay chết chóc, mỗi tình huống đều có lẽ gần xa của nó, ta dùng tiêu chuẩn nào để đo lường được? Ta có thể nghe thầy giải thích về những vấn đề đó hay không?"[9].

Kỳ Bá đáp: "Kinh mạch lưu thông và vận hành không ngừng nghỉ, cùng khớp với độ số của Thiên, cùng hợp với địa hình của Địa[10]. Cho nên, tinh tú của Thiên vận hành thất thường sẽ thành nhật thực và nguyệt thực[11]; Địa hình của Đất làm cho các con sông trôi chảy thất thường sẽ làm cho đường thủy đạo chảy tràn khắp nơi, cây cỏ bị khô héo không sinh trưởng được, ngũ cốc bị mất mùa[12]. Cũng ví như những đường ngay thẳng không còn thông nữa thì người dân không qua lại với nhau được, họ chỉ còn tụ họp nơi ngõ hẻm, nơi thôn ấp, như vậy tức là họ bị chia nhau để ở rải rác khắp nơi[13]. Huyết khí của con người cũng thế, Thần xin nói rõ nguyên nhân giống nhau giữa quan hệ của Thiên Địa Nhân[14]. Ôi! Huyết mạch, doanh vệ luôn luôn vận hành khắp chu thân mà không ngừng nghỉ[15]. Bên trên, nó ứng với tinh tú, bên dưới nó ứng với sự trôi chảy của các con sông[16]. Khi hàn tà ở khách nơi kinh lạc, nó sẽ làm cho huyết bị khấp, khí huyết bị khấp thì không còn thông nữa, nơi nào không thông thì vệ khí cũng sẽ quay về nơi đó để tụ lại mà không còn vận hành theo sự thông suốt, phục rồi phân nữa, do đó mà thành nơi ung thũng[17]. Hàn khí sẽ hóa thành Nhiệt, Nhiệt thăng thì sẽ làm hủ nát cơ nhục, cơ nhục bị hủ nát sẽ thành mù[18]. Mù mà không được tả sạch thì sẽ làm mềm nát đến cân[19]; Cân bị mềm nát sẽ làm thương đến cốt[20]; Cốt bị thương thì tủy sẽ tiêu dần, không sung vào nơi giao nhau của cốt tiết nữa, do đó mà nhiệt tà không chỗ thoát tả ra, huyết sẽ bị khô và hao tổn, vì thế cân, cốt, cơ nhục không còn làm tươi cho nhau nữa, kinh mạch sẽ bị bại hoại, hàng trăm lỗ nhỏ sẽ đưa nước độc của bệnh sang ngũ tạng, ngũ tạng bị thương, sẽ chết"[21].

Hoàng Đế hỏi: "Ta mong được nghe về các loại hình của ung thu và các tên gọi của nó"[22].

Kỳ Bá đáp: "Mục ung nào:

- Phát ra ở cổ họng, gọi tên là Mãnh thu[23]. Mãnh thu nếu không trị, nó sẽ hóa ra mù, mù nếu không được tả, nó sẽ làm tắc nghẽn cổ họng, trong nửa ngày phải chết[24]. Nếu nó đã hóa thành mù thì trong lúc chảy mù, ta có thể phối hợp để ăn mỡ heo và thức ăn lạnh, 3 ngày sẽ khỏi[25].



- Phát ra ở cổ, gọi tên như Yếu thu[26]. Mọc ung của Yếu thu to mà màu đỏ đen sậm, nếu không kịp trị cho nhanh thì nhiệt khí sẽ chạy xuống nhập vào trong hồ nách, phía trước nó sẽ làm thương đến mạch Nhâm, bên trong nó sẽ chung cất Can Phế[27]. Nếu nó đã chung cất Can Phế thì trong hơn 10 ngày sẽ chết[28].
- Dương tà đại phát thịnh lên, làm tiêu và đốt não bộ để sinh ra ở cổ gáy, tên gọi là Não thuốc[29]. Sắc diện của người bệnh không vui, cổ gáy đau như có kim đâm vào, làm cho Tâm bị bút rút, đó là tử chứng, không trị được[30].
- Phát ra ở vai và cánh tay, gọi tên là Tỳ ung[31]. Hình trạng của nó màu đỏ đen sậm, nên chữa trị cho nhanh, làm thế nào để cho người bệnh phải ra mồ hôi cho đến dưới chân, nhờ đó mà cho hại đến ngũ tạng[32]. Nếu như mọc ung này phát ra khoảng 4 đến 5 ngày, mau mau thực hiện phép cứu[33].
- Phát ra ở dưới nách mà màu đỏ cứng, gọi tên là Mễ thu[34]. Phép trị là phải dùng biêm thạch, miếng đá biêm thạch phải nhỏ mà dài, biêm nhằm làm cho sơ tán, sau đó dùng mỡ heo bôi lên, trong 6 ngày thì khỏi, nhớ là dùng băng kín lại[35]. Nếu như mọc ung này cứng mà không vỡ ra, đó là thuộc loại Mã đao hiệp anh, nên trị cho nhanh[36].
- Phát ở ngực, gọi tên là Tinh thu[37]. Hình trạng của nó giống như hạt đậu to, nếu trong 3 đến 4 ngày đầu mà ta không sớm lo trị liệu, nó sẽ đi xuống dưới bụng, như vậy là bất trị, trong 7 ngày phải chết[38].
- Phát ra ở vùng 2 bên ngực, gọi tên là Cam thu[39]. Mọc này màu xanh, hình trạng của nó như hạt lúa (hạt trái cầu), như hạt quýt lâu, thường bị phát sốt rét, nên trị gấp, chủ yếu là trừ được chứng sốt rét, nhưng dù sao thì 10 năm sau cũng phải chết, khi chết thì nơi đó mới vỡ mù[40].
- Phát ra ở hông sườn, gọi tên là Bại tỳ[41]. Chứng Bại tỳ là chứng của phái nữ[42]. Ta dùng phép cứu sai lầm sẽ thành ra ung mù[43]. Phép trị ta nên chú ý đến trong ấy có khối thịt sống, to như hạt đậu đỏ, nên dùng rễ của Lăng, Kiều thảo, mỗi thứ 1 thăng, cho vào 1 đấu 6 thăng để sắc, sắc cạn còn 3 thăng, ráng mà uống trong lúc còn nóng, uống xong nên mặc quần áo dày hơn, ngồi lên trên 1 cái chảo đang nóng, đợi khi nào mồ hôi ra đến chân, bệnh sẽ khỏi[44].
- Phát ra ở đùi về và cẳng chân, gọi tên là Cổ hĩnh thu[45]. Hình trạng của nó không thay đổi nhiều lắm, nhưng bên trong ung mù tấn công cho đến vùng cốt, nếu không trị cho nhanh, sẽ chết trong vòng 30 ngày[46].
- Phát ra ở xương cụt, gọi tên là Nhuệ thu[47]. Hình trạng của nó đỏ, cứng và to, nên trị cho nhanh, nếu không trị, chết trong vòng 30 ngày[48].
- Phát ra vùng đùi non, gọi tên là Xích thi[49]. Nếu không trị gấp, chết trong vòng 60 ngày[50]. Nếu bệnh xảy ra bên trong đùi, đó là bất trị, chết trong 10 ngày[51].
- Phát ra ở đầu gối, gọi tên là Tỳ ung[52]. Hình trạng của nó to, màu mọc ung không biến đổi, sốt rét, cứng như đá[53]. Không nên dùng biêm thạch đâm vỡ mù, nếu như đã lỡ dùng đá biêm thạch để trừ mù thì phải chết[54]. Phải đợi khi nào tình trạng của nó mềm hơn, sau đó mới dùng đá biêm thạch để đâm cho vỡ mù, như vậy thì cứu sống được[55].
- Các loại ung thu nào mà phát ra ở các nơi quan tiết 1 cách cân xứng (giữa trên dưới, trái, phải) đều thuộc loại không thể trị được[56]. Nếu phát ra ở vùng Dương phận thì 100 ngày sẽ chết, nếu phát ra ở vùng Âm phận thì trong 30 ngày sẽ chết[57].
- Phát ra ở vùng cẳng chân, gọi tên là Thổ niết[58]. Hình trạng của nó đỏ mà sâu vào đến cốt, nên trị cho nhanh, nếu không trị thì tai hại cho người bệnh[59].
- Phát ra ở mắt cá trong, gọi tên là Tẩu hoãn[60]. Hình trạng của nó giống như ung, màu sắc không thay đổi[61], Nên dùng đá biêm thạch biêm nơi sưng thũng, nhằm trừ được chứng Hàn nhiệt, không chết[62].
- Phát ra ở phần dưới của chân, gọi tên là Tứ âm[63]. Hình trạng của nó như mọc ung lớn, nên trị cho nhanh, nếu không sẽ chết trong khoảng 100 ngày[64].
- Phát ra ở cạnh bàn chân, gọi tên là Lệ ung[65]. Hình trạng của nó không to, lúc đầu như ngón chân út phát ra, nên trị gấp, trừ được phần có màu đen, nếu không tiêu trừ được phần này, nó sẽ nặng thêm lên, không trị được, chết trong vòng 100 ngày[66].
- Phát ra ở các đầu ngón chân, gọi tên là Thoát ung[67]. Hình trạng của nó là màu đỏ đen, phải chết, không trị được[68]; Nếu không thuộc màu đỏ đen thì không chết[69]. Nếu thấy tà khí không suy giảm, nên chặt bỏ ngón chân ngay, nếu không sẽ không tránh được cái chết[70].

Hoàng Đế hỏi: "Thầy đã có nói về bệnh UNG và THU, làm thế nào để phân biệt được?"[71]  
Kỳ Bá đáp: "Khí doanh và vệ bị ngưng lại, lưu lại ở trong khoảng kinh mạch, ắt sẽ làm cho huyết bị khấp (đọng lại mà không vận hành nữa), ắt vệ khí sẽ theo đó mà không thông, bị ủng tắc, bị ngăn chận để rồi cũng không vận hành được, cho nên sẽ sinh ra tình trạng Nhiệt[72]. Khi Nhiệt tăng lớn lên không ngừng thì Nhiệt sẽ thắng, ắt nhục bị thối nát, nhục bị thối nát ắt thành mù[73]. Tuy nhiên, chứng này không làm cho nơi bệnh bị hãm xuống, cốt tủy cũng không vì đó mà thành tiêu khô, ngũ tạng không vì đó mà bị làm thương, cho nên gọi là UNG"[74].

Hoàng Đế hỏi: "Thế nào gọi là THU?"[75].

Kỳ Bá đáp: "Nhiệt khí bị thuận thịnh lên, nó sẽ làm cho cơ nhục bị hãm lõm xuống, làm cho cốt tủy bị khô, bên trong nó liên hệ đến ngũ tạng, làm cho huyết khí bị kiệt, ngay dưới nơi bị ung thối, cân cốt và lương nhục (thịt còn trong tình trạng tốt) đều không còn nữa, cho nên gọi là THU[76].

THU là loại bệnh mà trên mặt bì (da) có màu xám sậm mà cứng, trên mặt như da ở cổ con trâu[77].

UNG là loại bệnh mà trên mặt bì (da) mỏng mà nhẵn bóng[78].

Đó là tất cả sự biểu hiện của (UNG và THU) vậy"[79].

### 灵枢一痛疽第八十一

黄帝曰：余闻肠胃受谷，上焦出气，以温分肉，而养骨节，通胜理。中焦出气如露，上注裂谷，而渗孙脉，津液和调，变化而赤为血，血和则孙脉先满，溢乃注于络脉，皆盈，乃注于经脉。阴阳已张，因息乃行，行有经纪，周有道理，与大合同。不得休止。切而调之，从虚去实；泻①则不足，疾则气减，留则先后。从实②去虚，补则有余，血气已调，形气乃持。余已知血气之平与不平，本知痈疽之所从生，成败之时，死生之期，有远近，何以度之，可得闻乎？岐伯曰：经脉留行不止，与天同度，与地会纪。故天宿失度，日月薄蚀，地经失纪，水道流溢，草受不成，五谷不殖，径路不通，民不往来，巷聚邑居，则别离异处，血气犹然，请言其故。夫血脉营卫，周流不休，上应星宿，下应经数。寒邪客于经络之中则血泣，血泣则不通，不通则卫气归之，不得复反，故痈肿。寒气化为热，热胜则腐肉，肉腐则为脓，脓不泻则烂筋，筋烂则伤骨，骨伤则髓消，不当骨空，不得泄泻，血枯空虚，则筋骨肌肉不相荣，经脉败漏，熏于五藏，藏伤故死矣。黄帝曰：愿尽闻痈疽之形，与忌日③名。岐伯曰：痈发于隘中，名曰猛疽，猛疽不治，化为脓，脓不泻；塞咽，半日死；其化为脓者，泻则合泳膏，冷食④，三日而已。发于颈，名曰夭⑤疽，其痛大以赤黑，不急治，则热气下入渊腋，前伤住脉，内熏肝肺，熏肝肺十余日而死矣。阳留大发，消脑留项，名曰脑烁，其色不乐，项痛而如刺以针，烦心者死不可治。发于肩及德，名曰疵痈，其状赤黑，急治之，此令人汗出至足，不害五藏，痈发四五日逞炮志发于腋下赤坚者，名曰米疽，治之以随石，欲细而长，赔征之，堡以焮膏，六日已，勿裹之。其痛坚而不溃者，为马刀③挟瘦，急治之。发于胸，名曰井疽，其状如大豆，三四日起，不早治，下入腹，不治，七日死矣。发于膺，名曰甘疽，色青，其状如谷实瓜萎，常苦寒热，急治之，去其寒热，十岁死，死后出脓。发于肋，名曰败疵，败疵者女子之病也，负之，其病大痛脓，治之，其中乃有生肉大如赤小豆，创莹题草根各一升，以水一斗六升煮之，竭为取三升，则强饮，厚衣坐①泻：原作"为"，据《太素·痈疽》改。②从实：原作"后虚"，据《太素·痈疽》改。③日：原作"日"，据《太素·痈疽》改。④泻则合了膏，冷食：《太素·痈疽》作"写已已"，则含了膏，毋冷食"。⑤夭：原作"天"，据《太素·痈疽》改。⑤刀；原悵河"，测太素·痈疽》改。199于釜上，个汗出至足已入发于股胜，名曰股股疽，其状不甚变，而痛脓搏骨，不急治，三十日死矣。发于夙，名曰锐疽，其状赤坚大，急治之，不治，三十日死矣。发于股明，名曰赤施，不急治，六十日死，在两股之内，不治，十日而当死。发于膝，名曰疵痈，其状大痛，色不变，寒热，如坚石，勿石，石之者死，须其柔，刀石之者生。诸痈疽之发于节而相应者，不可治也。发于阳者，百日死；发于阴者，三十日死。发于胜，名曰兔啮，其状赤至骨，急治之，不治害人也。发于内踝，名曰走级，其状痛也，色不变，数五其输，而止其寒热，不死。发于足上下，名曰四淫，其状大痛，急治之，百日死。发于足傍，名曰历痛，其状不大，初如小指发，急治之，去其黑老，不消辄益，不治，百日死。发于足指，名曰脱痛，其状赤黑，死不治；不赤黑，不死。不衰，急斩之，不则死矣。黄帝曰：夫子言痈疽，何以别之？岐伯曰：营卫稽留于经脉之中，则血泣而不行，不行则卫气从之而不通，塞遏而不得行，故热。大热不止，热胜则肉腐，肉腐则为脓。然不能陷，骨髓不为焮枯，五藏不为伤，故命曰痈。黄帝曰：何谓疽？妨伯曰：热气淳盛，下陷肌肤，筋髓枯，内连五藏，血气竭，当其痛下，筋骨良肉皆无余，故命曰疽。疽者，上之皮夭以坚，上如牛顿之皮。涌者，其皮上薄以泽。此其候也。